

NGUYỄN LONG TRẢO
Hồi ký

Khi Tổ quốc gọi tên mình

Tái bản lần thứ nhất



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Chuẩn bị chia tay con trai để đi chiến trường năm 1971.

ĐÔI LỜI MUỐN NÓI

Tôi ghi lại những dòng Hồi ký này thể theo mong muốn của con gái Bạch Dương và cũng để có việc làm giải khuây trong những thời gian rảnh rỗi ở tuổi hưu.

Những điều tôi ghi trong hồi ký không phải chỉ để kể lại những việc tôi đã làm được, bởi nó đâu bằng những việc mà nhiều người khác đã từng làm và thường được đăng tải đầy rẫy trên các sách báo. Tôi chỉ muốn ghi lại những điều tôi đã thấy, đã nghe và cũng đã làm, dọc theo những năm tháng đầy biến động của đất nước, của dân tộc.

Đây không phải là một quyển tiểu thuyết bởi nó chỉ là những điều ghi chép về cuộc đời thật của một con người bình thường, với lối hành văn thuộc hạng “chưa sạch nước cần”.

Điều bất ngờ đối với tôi là Nhà xuất bản Trẻ đã chịu khó thẩm định và cảm nhận được nét đẹp và sức hấp dẫn của nội dung nên đã chọn nằm trong đợt sách xuất bản nhân dịp kỷ niệm 40 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, điều này khiến tôi hết sức vui mừng và cảm thấy thật vinh hạnh.

Bất chợt tôi có sự so sánh là nhiều người đã tình nguyện hiến xác cho nghiên cứu khoa học, còn tôi thì lại phơi bày cả cuộc đời mình trên trang sách, nếu nó có thể mang được một sự khơi gợi nào đó đến với người đọc thì đấy lại là một việc làm hữu ích của tôi trong những năm tháng còn lại của cuộc đời, điều tôi luôn mong muốn.

NGUYỄN LONG TRẢO

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi viết những dòng giới thiệu sách này khi vừa trao đổi với tác giả qua điện thoại. Tác giả định đặt tên cho tập hồi ký của mình là “Phiên tặc”, với dụng ý định danh tính cách thời trai trẻ của mình, và cũng cả với ý kích thích trí tò mò của người nhìn bìa sách. Cùng chung quan điểm với Nhà xuất bản, tôi cũng không tán thành cách đặt tên như vậy. Thứ nhất, “phiên tặc” chỉ là một nét tính cách thời thơ ấu, nó không đủ sức đại diện cho một chân dung, cũng không khái quát nổi cả cuộc đời của tác giả. Thứ hai, đây là cuốn sách không cần dùng mẹo chào hàng. Hữu xạ tự nhiên hương, nếu ai không biết tới thì người đó đành chịu thiệt, rồi cùng tác giả, cả hai phía cùng chia sẻ thiệt thòi. Như vậy, cho tới tận giờ sắp chữ, dàn trang, đưa in, cuốn sách này vẫn chưa làm xong “giấy khai sinh”. Nó như đứa con ra đời từ lâu, đã lớn khôn, cường tráng, trưởng thành, thậm chí đã chuẩn bị vào đời, cha mẹ vẫn chưa đặt tên cho nó. Như đứa trẻ trong gia đình đông con, lớn lên từ vùng sâu, vùng xa, chưa biết tới thủ tục làm căn cước, tập hồi ký này là một tác phẩm đặc biệt.

Đọc cuốn hồi ký này, tôi thấy lớn vồn trong đầu hình ảnh của một người đàn ông Nam bộ tập kết ra Bắc, sống ở vùng quê tôi. Khác với tất cả những chiến sĩ đồng đội của mình, ông từ chối mọi công việc trong biên chế nhà nước, tự nguyện ở lại quê tôi, làm một người nông dân độc thân, ngày đêm trông coi mấy chiếc cống ngăn nước thủy triều, ăn ngủ trong một vài túp lều dựng sơ sài dọc con đê chắn biển. Ông hơi xấu giai nhưng hiền lành, có ai khuyên ông

lấy vợ, ông chỉ lắc đầu, cười. Người ta đồn rằng ông đang sống chờ miền Nam giải phóng, chờ ngày trở về với người vợ phương trời xa kia. Năm này tháng nọ qua đi, từ một thanh niên cường tráng, ông già yếu dần. Khi đó tôi cũng có một người chị dâu trong họ, nét na, xinh đẹp. Chị tôi cũng sống độc thân, cũng đợi chờ. Chị chờ anh tôi đi giải phóng miền Nam. Nhưng rồi sau mười năm, anh tôi không về, chỉ có chiếc giấy báo tử gửi về qua đường bưu điện. Cả họ khóc, chị tôi lại không khóc vì chị tôi không tin là anh tôi có thể chết được. Cả họ khuyên chị tôi đi lấy chồng. Chị tôi không chịu. Chị chờ một năm, hai năm nữa. Và lòng tin của chị đã được đền đáp. Anh tôi về thật, vẫn sống. Anh chị tôi sống trong ngập tràn hạnh phúc, sống trong lời ngợi ca của làng xóm, họ hàng. Nhưng rồi hạnh phúc đó đột ngột vụt tắt. Sau một tháng, chị dâu tôi mất tích. Anh tôi đi tìm, họ hàng dò la tin tức bao năm, vô vọng. Đến khi tất cả gần như quên chị đã từng có mặt trên đời, thì mười năm sau có lá thư chị gửi về. Chị đang sống trong miệt vườn Đồng Tháp, bằng lòng làm vợ lẽ, ở với vợ chồng người đàn ông canh đê biển cho quê tôi năm xưa. Câu chuyện tình của chị tôi xôn xao một dạo rồi nhạt dần. Mọi người chỉ nhớ người đàn ông của chị. Câu chuyện chỉ đọng lại một câu hỏi: Người đàn ông Nam bộ tập kết đó có sức hút gì? Họ chỉ thấy tiếc một điều: mình chưa hiểu gì tính cách người Nam bộ. Cẩm bản thảo cuốn Hồi ký này, tôi muốn có thật nhiều bản đem về cho họ hàng, người quê tôi đọc để hiểu một phần về tính cách đó. Bao trùm cả tập hồi ký này là gương mặt dễ mến của một người phương Nam xa quê, cả đời lặn lội, chiến đấu, cống hiến cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng và thống nhất đất nước. Về đẹp tinh thần của người kể trong hồi ký gần như cất nghĩa đầy đủ cho sức hút bên trong của người đàn ông canh đê mà chị tôi theo đuổi. Đây là gương mặt

diễn hình của tính cách Nam bộ: chân thành, ngay thẳng, vị tha, tình nghĩa.

Nhiều đoạn hồi ký này còn gợi cho tôi nhớ tới một hình ảnh tương đồng: hình ảnh những người lính Hà Nội lãng mạn, hào hoa trong bài thơ về binh đoàn Tây Tiến của nhà thơ Quang Dũng. Nét tương đồng đầu tiên dễ thấy ở đây là thành phần xuất thân: tác giả hồi ký gần như đại diện cho một thế hệ học sinh, sinh viên lên đường cầm súng, tham gia kháng chiến. Nếu như người lính Tây Tiến chấp nhận mọi gian lao khổ ải cùng sự hy sinh, chết chóc trên con đường chinh chiến miền Tây, thì người chiến sĩ trong Hồi ký này cũng không quản ngại mọi khó khăn gian khổ trong các kiểu chiến trường, trận địa. Cái khác với người lính Tây Tiến, là ở đây, cuộc sống chiến đấu của người lính không được thi vị hóa, không được đặc tả trong cảm hứng thi ca, mà được mô tả hết sức bình dị, tự nhiên, chân thực. Rất hoài công nếu ai đó có ý định tìm trong hồi ký này những trang viết giàu tính văn chương, bởi vì ngay từ khi đặt bút viết, tác giả của hồi ký vẫn chưa có ý thức rạch ròi về đặc điểm và yêu cầu thể loại. Ông viết không phải cho một công chúng độc giả văn học rộng rãi, mà viết cho một người, độc giả duy nhất: con gái Bạch Dương. Vì vậy, viết cho con là viết thật, không thể viết theo kiểu đánh lừa. Trong quá trình viết, ông luôn muốn lắng nghe cảm nhận thật lòng của con cái, của bạn bè, thế là một tập thể độc giả cứ lớn dần sau lưng ông, chờ đợi. Câu chuyện riêng của ông dần trở thành câu chuyện của thế hệ, cộng đồng, thời đại. Từ câu văn bộc bạch đầu tiên đến những dòng thơ nói từ đáy lòng của cuốn sách, tất cả đều toát lên sự thật cuộc đời người lính. Cái lãng mạn của người lính Nam bộ cụ thể này trong văn xuôi vẫn kín đáo thảng hoa từ những câu văn trúc trắc,

từ những chi tiết, hình ảnh gồ ghề, sống động. Chính sự chân thực của cách kể, cách nhìn đã làm bật lên vẻ đẹp đích thực của những trang viết trong hồi ký.

Tôi quen biết tác giả Hồi ký này một cách may mắn, tính cờ, qua việc cộng tác xuất bản các cuốn sách: Nhật ký Lê Anh Xuân, Toàn tập Lê Anh Xuân, rồi đến tuyển tập Hào khí Đồng Nai. Vì là con rể của giáo sư Ca Văn Thỉnh, có “phu nhân” là Nghệ sĩ ưu tú Ca Lê Hồng, ban đầu tiếp xúc, ông khiến tôi nghĩ rằng: sự gắn bó với một gia đình có truyền thống văn hóa - nghệ thuật đã đưa ông vào con đường sáng tác văn học. Quan hệ gia đình và môi trường nghệ thuật đã sớm đưa ông vào hoạt động văn học chăng? Nhưng rồi nội dung cuốn hồi ký đã đánh chính, lật ngược những điều tôi giả thiết ban đầu. Cho đến tận tuổi tám mươi, trước sau ông vẫn làm việc với tư cách một người ngoại đạo văn chương: ông là một chuyên viên binh khí và kỹ thuật quốc phòng, và sau nữa là một nhà quản lý doanh nghiệp thời mở cửa. Hóa ra cho tới lúc về hưu hẳn, khi đã “rửa tay, gác kiếm”, người tráng sĩ này mới đưng đến bút hoa. Từ lời khơi gợi của con gái, cái ý định viết hồi ký lại bật trong ông hết sức tự nhiên, giống như một nhu cầu giải bày tâm sự, nhấm nháp lại những cay đắng ngọt bùi mà tám mươi năm từng trải, ký ức như bát nước đã đầy, khắc đến lúc tràn ra. Nhà văn Paustovsky có lần bình luận rằng, những người làm văn chuyên nghiệp là những người lấy tác phẩm làm mục tiêu, lẽ sống, vì vậy, họ “đặt trang sách lên trên cả cuộc đời”. Còn những người làm văn học nghiệp dư, (như tác giả của hồi ký này), thường thả cả cuộc đời vào trong trang sách. Đúng như vậy, có thể thấy trong hồi ký này cả một cuộc đời với đầy đủ những vui buồn lo toan, hạnh phúc và đắng cay của một con người sống suốt dọc chiều dài đất nước,

chưa một phút xa rời cuộc chiến đấu chung của dân tộc và những thăng trầm của đất nước, của nhân dân.

Hồi ký theo thể loại truyền thống là viết về các danh nhân, hoặc do các danh nhân tự kể. Đối với độc giả, thể loại truyền thống dẫu sao cũng có một khoảng cách nhất định, “khó bắt chước, noi theo”. Hồi ký đương đại, như cuốn hồi ký này, đã phá tan khoảng cách đó. Cái tôi kể chuyện ở đây rất gần gũi, thân thương, như những con người hiền lành tử tế mà ta có thể bắt gặp không khó trong cuộc sống thường ngày. Nhân vật tự kể chuyện ấy không hề hư cấu, không bao giờ tự kiêu chân cao hơn sự thật của bản tính mình. Ông không hề đánh bóng quá khứ bản thân. Nhiều đoạn viết cho ta cảm giác lý thú vì sự hài hước của ông, nhưng đọc lại, đó lại chỉ là cái hài của một ý nghĩ thật thà: “Ông được tuyển đi đào tạo, hoạt động tình báo, do ý thức phục tùng tổ chức mà ông nhận, chứ ông không mê làm cái nghề tình báo hoạt động trong lòng địch, lúc nào cũng căng thẳng vì phải tự giấu mình, cuộc sống úp úp mở mở, bị địch bắt thì phải chịu tra tấn cực hình đau đớn thể xác, thà chết gọn bằng một phát đạn như khi ra trận trước kia còn hơn...”. Đó là một ý nghĩ rất thật, dễ nhận được sự đồng cảm của muôn người.

Tự kể về mình, hồi ký thường có tính chủ quan, đôi khi phiến diện, dễ làm cái tôi tác giả trở thành trung tâm hội tụ mọi giá trị, thành một cái tôi cường điệu. Rất hay là trong hồi ký này, cái tôi tác giả lúc nào cũng như tự làm nhỏ mình đi, hòa trong cái ta cộng đồng. Thế giới nhân vật trong hồi ký không có những nhân vật tượng đài, những người nổi tiếng. Nếu có, thoáng chỉ là những nét phác thảo đơn sơ xoay quanh tính cách mấy đồng chí lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh, phần nhân vật còn lại là “thế giới người thường”, được lấy ra từ “đám”

bạn bè, đồng đội, từ thế hệ, quê hương tác giả. Hồi ký gần như vắng bóng những sự kiện trọng đại, vắng mặt những người quyền cao chức trọng, những nhân vật tầm vóc sử thi. Khi giờ từng trang hồi ký lên đọc, độc giả sẽ có cảm giác như đang trở về quê cũ, gặp lại những con người của đời thường bình dị, rất đời quen thuộc, thân thương.

Một trong những điều rất đổi ngạc nhiên với người đọc là, ở tuổi tám mươi rồi, tác giả của hồi ký khi cầm bút nhớ lại chuyện cũ, ông vẫn giữ được cái nhìn ngô ngàng, trong sáng của tuổi thơ trước cuộc đời. Ta có thể bắt gặp cái nhìn đó trong chương đầu cuốn sách, khi tác giả đang còn là một nghịch tử tinh ranh trên vùng sông nước, nghĩ ra đủ mọi trò để trộm dưa, lừa mẹ, lừa bà hái quả. Cái nhìn ấy vẫn không già đi theo tuổi, khi tác giả đã là một chàng lính trẻ tập kết, lần đầu tiên trông thấy Hồ Gươm và chùa Một Cột với tâm trạng thất vọng, vì nó chỉ là “một cái ao nước xanh dờn, lợn cợn rong rêu”, còn chùa thì “không lớn hơn chuồng chim câu là mấy”. Theo bước chân tác giả, chúng ta có thể đi dọc đất nước, vượt biên sang Trung Hoa “đất bạn”. Đó cũng là những hành trình lịch sử, đi dọc thời gian. Mỗi trang viết của tác giả đều chất chứa những dư âm của từng khoảnh khắc lịch sử, bộc lộ rõ tâm trạng và không khí thời đại. Câu chuyện đấu tố địa chủ trong cải cách ruộng đất ở Thanh Hóa, chuyện người cán bộ sư đoàn hưởng tiêu chuẩn có lính thường xuyên bảo vệ, khi đi tâm sự với người yêu vẫn có anh bảo vệ “lù lù bên cạnh, nên không dám hôn, đành nuốt nước bọt mà về”, chuyện tác giả được bác sĩ Trung Quốc “tùng du học từ Nhật Bản về” nhờ rằng bằng phương pháp đục vỡ ra từng mảnh, gỡ dần, “đau đến xón đái, ngày hôm sau mặt sưng như cái thủ lợn”, chuyện viên trung úy phi công Việt Nam cộng hòa sau mười ba năm cải tạo, ra trại mang

nặng mỗi thâm thù, vì “vẫn chưa được cải tạo gì” v.v. là những chuyện ít người biết tới nhưng là những chi tiết đắt giá, điển hình cho những bi hài kịch của một thời đại, khiến độc giả phải bàng khuâng suy ngẫm như đang tìm một bài học thấm thía, sâu xa.

Những câu chuyện, con người, sự việc cứ lần lượt hiện hình, nổi lên từ con chữ. Rõ ràng chúng không có gì đặc biệt, nhưng rất khó bỏ dở cuốn hồi ký giữa chừng. Sức hấp dẫn của hồi ký này không phải xuất phát từ nghệ thuật trần thuật, hay khả năng miêu tả một cách sinh động, mà xuất phát từ vẻ đẹp bên trong của người kể chuyện. Vẻ đẹp ấy đồng nghĩa với cái duyên riêng: cái duyên người kể. Phía sau từng con chữ, người đọc luôn cảm nhận được tiếng nói của một người tử tế, tốt bụng, rất đáng tin cậy, một anh lính cụ Hồ từng lăn lộn, rèn luyện, trưởng thành qua bao thử thách. Người đó viết gì, nghĩ gì, trần trụi, lật lại điều gì, chưa biết hạ hồi phân giải đúng sai thế nào nhưng trước hết là rất đáng nghe. Chúng ta có thể dừng lại lắng nghe lời tâm sự này của tác giả: “...Tôi đã có dịp đi đến Trung Quốc, một nước lớn, trình độ nhiều mặt nổi trội hơn Việt Nam, thì có thể nói là tầm nhận thức của tôi cũng theo đó mà được mở rộng hơn. Và cũng qua từng ấy năm sống chung với người Trung Quốc, tôi được đối xử như những người bạn bè đồng chí thân yêu xuất phát từ tình hữu nghị mà hai Đảng và nhân dân hai nước đã từng thiết lập trong suốt mấy mươi năm đã qua. Hiện nay mà nhắc lại mối quan hệ tình cảm Việt - Trung như thế thì nhiều người có thể cho rằng điều đó chỉ là bên ngoài. Đối với những gì sâu xa hơn thì tôi không biết, nhưng với những gì mà chính bản thân đã từng kinh qua, và qua suy nghĩ của bản thân, tôi vẫn xác nhận rằng trong những năm tháng ấy, tình cảm giữa hai Đảng và nhân hai nước thật là chân thành và sâu đậm. Còn

trong chuyến trở lại Trung Quốc năm 1965 - 1966, thì ...điều này tôi sẽ có dịp nói đến trong các phần sau.” Khổng Tử cho rằng: người có đức tất có văn. Đức là nhân, văn là quả. Vẻ đẹp của những trang văn hồi ký này rõ ràng đi ra từ cái đức của người cầm bút.

Hồi ký là những ghi chép về quá khứ, nhưng khác với sử ký, nó là tiếng nói câu thúc bởi những vấn đề đương đại, chuyện hôm qua cần kể lại, xét cho cùng, là vì nhu cầu của cuộc sống hôm nay. Câu chuyện cuộc đời của tác giả Nguyễn Long Trảo cũng không nằm ngoài quy luật đó. Hồi ký của ông không phải là một kiểu sơn son quá khứ bản thân, mà là những trang văn trần trụi, ký thác không ít những điều tâm huyết, gan ruột, bật lên từ cuộc sống hiện tại. Qua nhiều lần tiếp xúc trao đổi, tôi biết tuổi Đảng của ông gần gấp đôi tôi. Trước bao chuyện tham nhũng, thoái hóa của cán bộ đảng viên hiện tại, tôi đã bức tức, nguyên rủa, xả “sốc” với ông. Mỗi lần thấy tôi nổi dóa lên như vậy, ông chỉ thở dài, không nói. Thấy ông thở dài, nín lặng như vậy, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, đinh ninh là đã được ông chia sẻ. Nhưng rồi mãi sau tôi đã bắt gặp những dòng ông viết dưới đây: “...Đến nay tôi đã ngót nghét 50 tuổi Đảng và trên 80 tuổi đời, kiểm lại thì trong suốt quá trình tôi còn tham gia công tác, cũng như ngày nay sau gần 20 năm về hưu, tôi vẫn luôn yêu quý cái Tổ quốc này, Nhân dân này, Đảng này. Tôi vẫn luôn xác định mình phải là một thành viên có trách nhiệm của Đảng, và rất không thích, mà cũng có thể nói là rất ghét, những ai tuy còn mang danh hiệu đảng viên, nhưng luôn mồm chửi bới những người lãnh đạo của Đảng, rồi chửi luôn cả Đảng, cái Đảng mà họ từng đưa cao tay thể suốt đời trung thành với sự nghiệp của nó, bởi tôi cho rằng chừng nào họ chưa dám công khai xin ra khỏi Đảng, mà còn ở đó với danh hiệu đảng viên rồi chửi

Đảng, thì đó đều là những tên cơ hội, và cũng có thể gọi là những kẻ nội xâm. Tôi vẫn nhận thức được rằng cái Đảng này đang có rất nhiều khuyết tật, và vận mệnh của Đảng đang còn là thử thách ở phía trước, nhưng tất cả những ai nếu xét thấy mình còn là một đảng viên chân chính, thì chỉ ít cũng phải trong khả năng của mình, đem hết sức mình để xây dựng nó, làm cho nó trong sạch hơn, chớ tuyệt nhiên không thể khuấy cho đục hơn, bôi nhọ nó làm cho nó xấu hơn”.

Đọc những dòng trên, tôi giật mình. Tôi lo rằng đó là những dòng ông viết về tôi. Nhưng căn cứ vào cấu trúc bản thảo và thời điểm tôi và ông gặp nhau, tôi biết ông viết những dòng trên đã lâu, trước khi gặp tôi. Thế rồi, lại đến lượt tôi thở dài, nhưng là tiếng thở dài nhẹ nhõm để đi đến một niềm tin: Ông đã giữ tôi không xiêu ngã trên một con đường cùng đi và...trong bản thảo hồi ký này vẫn phập phồng trái tim người cộng sản.

Gấp lại trang cuối cùng tập hồi ký, tôi mừng tượng hình dung đến những độc giả tương lai của cuốn sách. Chắc hẳn các độc giả đầu tiên sẽ là những người “cùng chung khúc quân hành” với người kể chuyện. Cuốn sách sẽ đánh thức trong họ ký ức sống động về một cuộc trường chinh dân tộc mà mình là người đã từng tham dự và chứng kiến, qua đó cũng có thể tự hào rằng mình đã có một thời sống đẹp. Đối với các cháu thanh niên, học sinh, sinh viên, thì cuốn hồi ký này đã ghi lại hành trình cuộc đời của một con người cụ thể từng sống dưới chế độ thực dân thuộc địa, đã được giác ngộ tham gia cách mạng rồi từng bước trở thành cán bộ, đảng viên. Một con đường có đi ắt đến, chỉ duy nhất một yêu cầu: có một tình yêu nồng nàn đối với Tổ quốc. Đằng sau những câu chuyện kể người ta còn có thể nhìn thấy cả một bối cảnh của từng chặng đường lịch sử trong cuộc đấu tranh trường kỳ giải phóng dân tộc



Ảnh chụp với con gái Bạch Dương, người khuyến khích tôi viết Hồi ký.

và bước vào xây dựng hòa bình, nó có tác dụng như một bài học lịch sử ngoại khóa, sẽ giúp cho các độc giả thanh niên hình dung rõ hơn cuộc sống chiến đấu và lao động của thế hệ cha ông mình trong hơn nửa thế kỷ vừa qua.

Tôi hy vọng là những ý nghĩ của mình sẽ bắt gặp dự báo chung của Nhà xuất bản Trẻ - nơi cuốn hồi ký chào đời.

PGS.TS PHẠM THÀNH HƯNG

Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

THANH XUÂN

Từ Đồng Tháp Mười đến
thành phố mang tên Bác

Tôi sinh ra trong một gia đình thuộc lớp nghèo thành thị. Nói nghèo vì cha mẹ tôi không có đến một tấc đất cắm dùi, cả gia đình đều tá túc trong nhà của ông bà nội. Cũng chẳng có của chím của nỏ, mỗi khi cần làm ăn thì chỉ có cách mượn tiền trả góp hoặc hốt hụi.

Cha mẹ rất đông con, sinh ra mười một người, trong đó có hai người chết khi còn nhỏ. Tôi sinh năm 1932, được Ông Già vốn biết chút ít chữ nho học được trong những quyển sách dạy đánh cờ tướng đặt tên là Long-Trảo tức là móng rồng, cùng với hai người con khác cùng lót chữ Long là anh bảy Long Noãn tức là trứng rồng và người em thứ 9 là Long Giáp tức vảy rồng. Tôi là con thứ bảy trong gia đình, nhưng vì xếp theo thứ tự của miền Nam nên gọi tôi là Tám Trảo, cũng có tên gọi khác là Tám Phiên. Sở dĩ có thêm cái tên này là bởi ngay khi còn nhỏ, nhỏ lắm, tôi đã là đứa quá nghịch ngợm phá phách nên ông bác thâm nho của chúng tôi mới đặt cho cái tên Phiên, lấy từ chữ Phiên tặc, tức là giặc Phiên.

Quê quán chính của tôi là xã Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa

Đéc, nay là tỉnh Đồng Tháp. Từ khi sinh ra cho đến khi thoát ly gia đình, tuy có lúc đi nơi này nơi khác, nhưng chủ yếu vẫn là cuộc sống tại quê hương. Cho nên đối với quê hương có nhiều ghi nhớ và kỷ niệm không bao giờ quên. Nhưng có điều rất lạ là hình ảnh mà tôi còn lưu lại trong trí nhớ khi bắt đầu biết nhận thức lại không phải là cảnh vật của Cao Lãnh, mà là của Cà Mau, nơi cha mẹ tôi đã từng đến làm ăn sinh sống. Đó là hình ảnh của đất Mũi với những giàn lưới bay tung trước gió; đó là một đêm mưa bão trên một dòng sông rộng, tôi và cha mẹ ở trên một chiếc thuyền con bị một cơn gió mạnh thổi quay ngược mũi thuyền buộc cha tôi phải dầm mưa ra chống ngược trở lại.

Nhà ông bà nội, cũng là nơi tá túc của cả gia đình chúng tôi, nằm ở phía dưới chợ Cao Lãnh, cách chợ khoảng bảy tám trăm mét. Đó là một ngôi nhà ngói ba gian, vách ván, có những gốc cột to bằng gỗ mật lâu năm lên nước bóng đen mun, phía trước có hàng ba với song chắn bằng gỗ.

Đặc biệt cũng giống như nhà cửa của những người khá giả lúc bấy giờ là dưới vách gỗ hai bên đều có âm hai tấm gỗ cắm xe thật dày nhằm chống trộm đào ngạch chui vào. Quả thật có một lần kẻ trộm đã đến đào một lỗ to bằng cái thúng trên nền đất, sau đó chui xuống dùng khoan tay khoan nhiều lỗ thành hình một vòng tròn trên ván nhằm tạo thành một cái lỗ để chui vào. Nhưng có lẽ vì tấm gỗ quá dày và quá cứng, thấy làm không kịp trời sáng nên chúng đành bỏ cuộc mà trong nhà cũng không hề hay biết. Mãi sáng sớm hôm sau mới nhìn thấy, cả nhà đều giật mình, cũng thật là may! Nghe kể chuyện vui là có lần một ông chủ nhà biết kẻ trộm đang đào ngạch nên ông ngồi rình, khi thấy kẻ trộm vừa trồi đầu lên là ông dùng cây chĩa đâm cho một nhát nghe cái “bụp” miêng hô “chết mày chưa!”, tưởng là toi mạng thẳng ăn trộm, nào ngờ bên ngoài có tiếng nói “xí hựt!” rồi cười ha hả. Té ra ông đã bị nó lừa vì đó chỉ là cái nổi đất do chúng nhứ vào thử.

Nền nhà được tôn cao hơn mặt sân khoảng 6-7 tấc để khỏi bị ngập trong mùa nước nổi. Đây là phần nhà mà chúng tôi quen gọi là nhà trên. Phía sau là nhà dưới, ba gian hai chái, lợp lá, dùng làm nhà bếp và hơn một nửa diện tích dùng làm kho chứa lúa của bác Ba Vẹn cũng cùng chung một nhà, mặc dù bác cũng có nhà riêng trên đất ruộng tại xã Mỹ Quý. Vì nền đất nhà dưới thấp hơn nên cứ đến mùa nước nổi hằng năm là phải kê ván bắc cầu lên nhà trên, nhưng lại có cái hay là có thể ngồi ngay trên cầu cầu được cá.

Phía sau nhà là một mảnh đất khá rộng, có trồng khế và ổi, hai loại trái mà tôi thường đem chấm với mắm tôm chua của Ông Già mang từ Cà Mau về, thật là hấp dẫn khó quên. Còn hai cây xoài thanh ca kế bên nhà thì cứ vào khoảng tháng tư sắp bước vào mùa mưa, mỗi khi có cơn giông thổi đến y như rằng xoài sẽ rơi lộp độp, cả mấy đứa đều chạy ủa ra tranh nhau mà lượm. Lúc này thì xoài đã già không còn chua nữa, ăn sống ngon thật ngon...

Phía trước nhà là một khu đất rộng kéo ra tận mé sông Cao Lãnh, diện tích cũng gần một công, trong đó có một mảnh vườn nhỏ trước nhà là nơi mà tôi và anh Bảy Noãn tập trồng trọt đầu tiên trong đời. Loại cây thứ nhất mà chúng tôi trồng là cây đậu rồng, rất dễ trồng, chỉ một thời gian ngắn là ra bông trĩu quả. Trồng tiếp đợt sau là cải xà lách, nhưng chuyến này lại thất bại, trồng bao nhiêu thì sáng ra đều biến sạch không còn cây nào, cứ hai ba lần đều như thế. Tức mình nửa đêm ra quan sát, phát hiện thủ phạm là một bầy ốc hương đang xơi ngon lành. Cáo quá lấy cây đập cho bằng sạch, rồi tiếp tục trồng. Nhưng hôm sau không biết từ đâu nó lại lũ lượt kéo đến ăn tiếp đành chịu thua luôn.

Phải kể đến cái lò nhuộm dà xây cạnh mép mương, nơi bà nội tôi dùng để nhuộm vải khi xưa, nay đã trở thành một nơi lưu lại kỷ niệm của tình bạn tuổi thơ. Nơi đây là điểm trốn lý tưởng của

đám trẻ nhỏ chúng tôi khi chơi trò chơi “cút bắt”, và có nhiều lần tôi với đứa bạn gái hàng xóm cùng trạc tuổi đã cùng chui vào đây trốn ngó sát bên nhau, nghe rõ tiếng trống ngực đập thình thịch bởi bắt đầu biết mắc cỡ.

Dọc đường ra sông có bốn cây mận với bốn màu trái khác nhau: trắng, xanh, tím nhạt và hồng đào, và ba cây xoài cũng ba giống khác nhau: xoài hòn có trái to, ngọt vừa phải, xoài cóc, trái bằng nắm tay, tròn lẳn, ăn rất giòn, xoài thanh ca, trái thon dài, ăn sống rất chua, đến chín thì ngọt đậm. Nhớ mỗi khi Ông Già đi buôn từ Cà Mau về, tôi thọc tay vào bao “cà ròn” nắm một nắm tôm khô, thượng lên cây mận hái trái ăn, ăn ngon lành, ăn không biết chán, khi nào ăn hết nắm tôm khô thì chạy xuống lấy nữa, ăn đến đã mới thôi! Còn trong các cây xoài có cây xoài hòn là ngon nhất, vì vậy bà nội có một quy định, vì nhà của bà nội nên Bà có quyền quyết định tối hậu, là tất cả các cây xoài đều có thể hái ăn trừ cây xoài hòn là không được đụng đến, phải treo đó để dành cho anh Ba Thanh Nha là cháu quý nhất của bà đang học ở Sài Gòn đến kỳ nghỉ hè về sẽ thưởng thức. Ở nhà, trái của các cây xoài khác chúng tôi đều lần lượt ăn hết, chỉ có cây xoài hòn trái vẫn còn treo lủng lẳng, ứ chói nắng vàng ươm, thật khiêu khích. Vậy là tôi cùng anh Bảy Noãn bàn cách “xử lý”, và do anh Bảy Noãn đầu têu. Chúng tôi trèo lên cây chọn những trái to nhất, già nhất vụng cuống, và cứ treo ở đó coi như “dú” trên cây độ năm ba bữa nó sẽ chín, và chỉ cần đợi một ngọn gió thổi qua là nó rụng lịch bạch. Lúc này thì cứ ung dung lượm xoài ăn, không “phạm quy” với bà nội, vì là lượm xoài rụng mà! Chỉ có điều là khi anh Ba Thanh Nha từ Sài Gòn về nghỉ hè chỉ được ăn phần lớn là xoài con.

Trên mảnh đất quanh nhà, xoài, mận thì nhiều, nhưng dừa thì chỉ có một cây nên bà nội rất quý, không cho uống nước dừa tươi, mà phải để dừa khô hái xuống vắt nước nấu cà ri, hoặc thắng dầu để thấp đèn vì thời đó rất hiếm dầu lửa, nhưng chúng tôi lại thêm

uống nước dừa tươi, nhất là vào những hôm trời nắng nóng. Vì thế tôi và anh Bảy Noãn lại nghĩ chỉ có cách làm thế nào để khi hái dừa ném xuống mà bà nội không nghe tiếng dừa rơi thì mới được. Mỗi khi muốn uống nước dừa chúng tôi nói với Bà là ra vườn giẫy cỏ và đắp gốc cây, việc chúng tôi thường làm. Chúng tôi mang theo một cái chét, một loại dụng cụ dùng để giẫy cỏ, rất to bản, và một con dao. Mỗi lần như thế thì một trong hai đứa leo lên hái dừa, còn đứa kia ngồi bên dưới chờ. Khi hái xong, ném xuống đất thì cũng là lúc đứa bên dưới phối hợp, liên tục đập cái chét xuống đất nghe “bịch, bịch...” cũng giống như đang đắp gốc cây, không ai biết được là có tiếng dừa đang rơi. Xong xuôi chúng tôi lấy dao vạt đầu tu sạch nước, còn bỏ đôi để ăn cả cái. Sau đó nhanh chóng mang tất cả vỏ dừa vùi thật sâu dưới đáy mương, chùi miệng thật sạch, rồi ung dung xách dụng cụ trở vô nhà. Với kế sách đó, rất nhiều lần chúng tôi đã hái dừa ăn trót lọt mà bà nội cũng không hay biết gì cả. Chỉ có má là biết chúng tôi đã hái trộm dừa mỗi khi đưa áo cho má kết nút, lại nhìn thấy vết trầy xước trên ngực và bụng chúng tôi do tuột lên tuột xuống lúc trèo dừa, nhưng không bao giờ má lại mết với bà nội vì má rất thương chúng tôi. Trong ký ức tuổi thơ má là người hiền hậu, đối với chúng tôi má chỉ rầy la khi chúng tôi có lỗi, mà lời lẽ cũng không nặng nề, không khi nào đánh con, nghiêm trọng nhất cũng chỉ có một lần là bà cầm một khúc tre dọa đánh tôi mà thôi. Sau khi xa nhà,ngồi nhớ lại chuyện cũ, tôi mới thấm thía rằng tình thương và sự hy sinh của má đối với anh chị em chúng tôi là vô bờ bến,nhưng có lẽ vì đông con và luôn bận bịu với công việc làm ăn, và có lẽ cũng do thói quen nên má cũng ít bày tỏ các cử chỉ nâng niu chiều chuộng, khác với cách biểu lộ tình thương của chúng tôi hay các con của chúng tôi đối với con cái của mình.

Bến sông trước nhà chúng tôi là bến tắm “tập thể”. Cứ chiều chiều, trong cả xóm có ai muốn tắm sông thì cứ ra đó tắm, bất kỳ già trẻ, kể cả lũ con gái choai choai, tướng tá lớn xộn cũng cùng ra tắm chung, cười giỡn rân trời. Mỗi lúc có chuyến tàu

chạy qua là vui nhất, ai cũng thích nhồi sổng và ai cũng bị sổng nhồi, có lúc nước vô lỗ mũi sặc sụa nhưng cũng ước có chuyến tàu nữa chạy qua vì họa hoằn mới có. Còn có nhiều trò vui khác như lặn xuống bắt bung bung chang chang ném thia lia ra ngoài xa, hoặc nghịch ngợm hơn nữa là lặn xuống móc bùn ném nhau la chí chöhe... Riêng tôi lại suýt bị chết đuối tại bến sông này. Số là khi tôi mới năm sáu tuổi, chưa biết bơi, trong lúc mọi người đang tắm thì tôi lại liêu lĩnh đu theo sợi dây đoi cột chằng sau lái chiếc thuyền to đang đậu ngoài xa hòng leo lên thuyền chơi. Nào dè khi gần đến nơi bị đuối sức nên tuột tay rơi thẳng xuống nước, chìm tận đáy sông. Lúc này nhìn chung quanh toàn thấy một màu vàng, không biết đâu là bờ, mà càng lúc càng ngột thở. May thay lúc đó tôi chợt nhớ ra là hướng dốc lên tức là hướng lên bờ, nên tôi cứ mò theo hướng đó mà bươn lên cho đến khi trồi đầu lên khỏi mặt nước thì mới chắc là mình thoát chết, vì lúc đó đã muốn hụt hơi rồi. Tôi cố trườn lên bờ và nằm thở một mình chớ không dám nói với Ông Già cũng đang tắm gần đó vì sợ bị đòn. Sau này có lần nghe má kể lại mới biết rằng đây là lần thứ hai tôi thoát chết chìm. Số là khi tôi mới hai ba tuổi gì đó má tôi từ Cái Nhút bơi xuống ra chợ Cà Mau có chở tôi theo vì để lại nhà không ai trông coi. Đến nơi bà lên chợ để tôi ngồi dưới xuống một mình. Đi chợ xong quay trở xuống bà thấy quần áo đầu cổ tôi ướt nhem, lấy làm lạ bà quay sang hỏi người đàn bà ngồi trên xuống bên cạnh thì được bà ta cho biết rằng lúc này đang ngồi, bà nghe tiếng rơi xuống nước cái chum, quay mặt lại thấy tôi còn lơ ngơ chưa kịp chìm, bà với tay nắm cổ bỏ tôi lên xuống cho ngồi đó. Thật hú hồn!

Cũng từ bến sông này tôi đã nhiều lần bơi qua bờ bên kia là nơi có những cây mận trồng sát mé sông của nhà ông Bộ Cây, nhánh sà xuống gần mặt nước trái sai oằn, tôi tha hồ hái ăn tại chỗ mà còn cời quần buộc túm ống hái thêm mang về. Buồn cười là sau này gặp lại ông Chín Nam ở Sài Gòn tôi đã kể lại chuyện bơi qua sông hái trộm mận, nghe vậy ông hỏi tôi có biết đó là

mận của nhà ai không, tôi trả lời đó là nhà ông Bộ Cây chó ai, rồi còn hỏi ngược lại ông cũng là người Cao Lãnh, vậy ông có biết ông ấy không? Ông trả lời tình queo: “Đó là ông nội của tôi đó cha nội!”. Không ngờ quả đất lại tròn đến thế!

Cũng ở bờ sông bên kia, tôi đã nhiều lần đi tiếp đến miếu Trời Sanh là nơi tọa lạc lăng Cụ Phó bảng bây giờ để bắt dế. Dế trong rẫy dưa rất nhiều, và lại dưa hấu chín ăn rất đã khát khi đang đội nắng bắt dế dưới trưa hè, mà dưa hái trộm thì ăn càng ngon hơn. Với tôi lúc ấy, bắt dế và ăn dưa trộm là hai mục đích ngang nhau trong mỗi chuyến đi xa như thế, và có khi ăn dưa mới là động cơ chính bởi vì ở nhà chỉ được ăn dưa hấu trong ba ngày tết. Ăn dưa trộm cũng phải có nghệ thuật mới không bị phát hiện, phải mọp đầu xuống sát đất như đang lắng nghe tiếng dế gáy, vỗ vỗ xem trái nào thật chín rồi cung tay đập mạnh, hoặc hai tay nâng lên rồi đập xuống đất cho nó bể làm đôi rồi khum bàn tay móc ruột cho vào miệng, trong khi ăn cũng không được ngẩng đầu lên, rất dễ bị lộ. Và chỉ có thể ăn tại chỗ vì khệ nệ mang đi thế nào cũng bị bắt.

Bên cạnh nhà có con kênh đào rộng chừng 6-7 mét, sâu khoảng 3 mét, bắt đầu từ sông Cao Lãnh ăn ra đến đường lộ, chúng tôi quen gọi đó là con mương. Tôi bắt đầu tập và biết bơi tại con mương này khi tôi được khoảng 6-7 tuổi. Ban đầu tôi ôm cây chuối tập đạp chân đẩy cây chuối đi, về sau lấy hai trái dừa khô cột vào nhau để dưới ngực, hai tay bơi như bơi xuống, còn hai chân vẫn đạp như khi bơi theo cây chuối. Khi đã quen tay quen chân thì đẩy trái dừa ra khỏi ngực, bơi không, ban đầu chưa quen bị sặc nước thì phải mau mau ôm lại trái dừa cho khỏi chìm. Cứ như vậy mà tập dần cho đến lúc có thể bơi từ bên này qua bên kia con mương. Về sau do bơi tới bơi lui dọc con mương nhiều lần mà trở thành bơi giỏi. Vì ở vùng sông nước, đám bạn nhỏ nhiều lần thách đố thi bơi với nhau, nên sau này khi vào bộ đội tôi có thể bơi đi bơi lại độ một vài cây số, cũng không bao giờ phải e sợ khi qua sông qua suối.

Con mương này cũng là bến đậu xuống ghe của các nhà trong xóm, có khi một lúc đậu đến hai ba chiếc. Tôi thích nhất là lúc có ghe của Ông Già đi Cà Mau về đậu dưới bến vì lúc đó chúng tôi được xuống ngủ để trông ghe. Chúng tôi có những buổi tối vui vẻ là bơi xuống vớt cá trên lá ngủ lơ đờ trên mặt nước đem lên kho mặn và nấu cháo ăn khuya; chúng tôi có thể mang cơm nguội xuống ăn với mật ong do Ông Già chở từ Cà Mau về hoặc nấu chè hột vịt với mật ong. Từ trên ghe của Ông Già, tôi nhón chân phóng một cái là đã qua đến vườn cây ăn trái của ông Hai Lịnh và tôi có thể tha hồ sục sạo khắp vườn, bởi nhà ông ở xa tít gần đường lộ khó bề nhìn thấy. Những trái rụng thì được tự do lượm, còn những trái chín cây hoặc bị chim ăn thì phải trông trước trông sau thấy không có người mới dám trèo lên hái. Mùa xoài, khi còn tờ mờ sáng tôi thường nhảy qua đất nhà ông lượm xoài, rồi cũng quanh quẩn dưới các gốc vú sữa với tay lên nắn tìm những trái mềm mềm bóp ra ăn tại chỗ, vỏ liêng xuống mương “phi tang”. Mùa quýt chín tôi thường lén qua chọn hái những quả chín đem ngâm dưới nước lột vỏ để khỏi bị phát hiện, nhưng cũng chỉ ăn tại chỗ không dám mang về nhà sợ bị đòn. Còn các đĩa quýt bà nội chưng mấy ngày Tết thì con khi Phiên này len lén lấy dần các trái ở phía sau như Tề Thiên ăn trộm đào, phía trước nhìn thấy vẫn còn nguyên nên Bà đâu có hay, ra ngoài ngày bê xuống thì hơi ôi, chỉ còn hơn một nửa, bà nội có la thế mấy thì chuyện cũng đã rồi. Và năm nào cũng như năm nào, bà nội đâu thể lúc nào cũng ngồi đó mà rình!.

Tại con mương cạnh nhà, mỗi khi nước kém thì chú tư Cận là con của ông Hai thường bỏ mỗi dụ cho cá ngoài sông vào ăn rồi dùng đăng chặn lại đợi khi mương cạn nước thì tha hồ xuống bắt cá. Những lúc đó tôi lại có dịp xách thùng xuống bắt hoi, có khi cũng đủ cho một bữa ăn, nhưng cũng có một lần thọc tay xuống lườn ghe mò cá bị cá trê trắng đâm nhức, hành đến phát sốt.

Nhớ lúc đó bác Ba Vện còn giữ một tủ sách của anh Hai Ứng là

con trai lớn của bác để lại sau khi mất, trong đó toàn là sách tiếng Pháp của các văn hào nổi tiếng thế giới. Bác Ba không biết tiếng Pháp nhưng rất giỏi chữ nho, đọc sách ngâm thơ lâu lâu, và cũng rất khâm phục Cường Để. Trong khoảng thời gian từ năm 1941-1944, khi Nhật vào hất cẳng Pháp, đặt chân đến tỉnh Mỹ Tho lân cận thì có một lần, tôi nghĩ có lẽ là do muốn tỏ ra đoạn tuyệt với Pháp nên ông đã đem tất cả sách tiếng Pháp liệng xuống ruộng nổi lều bều. Lúc này tôi nhảy xuống lội ra vớt không phải để trả lại cho ông, mà giữ thành sách của tôi bởi lúc đó tôi đã biết vô về tiếng Pháp. Cũng vui là lúc đó con chó Vá của bác cũng nhảy xuống ngoạm một số lõi lên bờ giúp tôi. Tôi giữ cho đến giữa năm 1946 khi giặc Pháp đến tái chiếm đốt nhà và đốt luôn cả sách.

Bên phải nhà ông bà nội là nhà ông Hai Kiệm, phía trước có trồng một số cây ăn quả. Một buổi trưa tôi và anh Bảy Noãn qua nhà thấy có hai trái ổi chín vàng huộm rất hấp dẫn, muốn hái mà không dám vì thấy có ông Hai đang nằm ngủ trưa trên võng, mắt he hé. Anh Bảy lại kể bên võng kêu khe: “Ông Hai!”, ông mở mắt ra rồi lại nhắm trở lại, cứ hai ba lần như thế. Lần này anh Bảy đánh bạo kêu nhiều tiếng hơn: “Ông Hai, có trái ổi chín kìa, để chim ăn...”, lần này ông cũng mở mắt và nói thêm hai chữ: “con c...” kéo dài, rồi lại he hé mắt ngủ nữa. Thế là chúng tôi cụt hứng trở về nhà. Phía sau nhà ông bà nội là nhà chú Chín Trượng. Chú Chín có người con gái lớn không có chồng tên là Sỏi, bị lối xóm dị nghị là gái làm tiền. Có một lần vào buổi trưa khi đi ngang nhà chị, tình cờ tôi nghe tiếng thì thảo to nhỏ qua lại giữa chị và một người đàn ông lạ, là con nít nên tôi cũng tò mò len lén rình nghe... Em trai của chị là anh Tư Đê, bị ho lao, nhưng lại là một chủ chứa cờ bạc trong xóm, thường là đánh bài cào, các tê, xì dách, và mấy anh em đều đánh bài. Có một lần má sai tôi mang tiền đi trả tiền mua lá lợp nhà, khi đi ngang nhà chú Chín Trượng thì mấy anh em rủ vào đánh bài. Không biết có phải tôi bị mấy anh em cùng xúm lại ăn gian hay không mà tôi cứ thua hoài. Thấy tôi móc một cọc tiền ra chung chi,

anh Tư Đê bắt đầu sợ vì đoán chắc không phải là tiền của tôi nên không tiếp tục chơi nữa, mặc dù tôi cố nài nỉ đánh tiếp để gỡ lại, nhưng anh nhất quyết không chịu. Lúc này tôi rất lo bởi thua quá nhiều tiền, lấy tiền đâu mà trả cho khách. Tôi đánh liều nghĩ ra một cách, là cứ một xấp tiền thì rút ra vài tờ rồi bó lại thành một cục đem trả cho người ta. Khi giao tiền thì bà chỉ đếm xấp, không giờ ra đếm từng tờ. Thế là hú hồn, coi như đã thoát!. Nhưng mấy ngày sau thì bà chủ vừa lại đến nói với má tôi là tiền trả thiếu, nhưng má tôi đã đếm rất kỹ trước khi giao tiền cho tôi nên nhất quyết là không thể thiếu, chớ nào có biết mảnh khoe của tôi. Nói qua nói lại một hồi rồi bà kia cũng đành chịu thua vì đuối lý. Một lần khác bị thua bài phải về nhà lén giờ lu lấy một con mắm cá lóc mang qua chung chi, nhưng lại bị thím Chín chê là mắm bị chua làm tôi tức quá chừng, bởi má tôi là người làm mắm ngon có tiếng ở Cao Lãnh.

Thấy tôi quá mê bài bạc má nói một câu rất đơn giản nhưng rất chí lý rằng cờ bạc ăn tiền chính là muốn móc tiền trong túi người ta làm tiền của mình. Tôi nghe cũng có lý, nhưng sau này vẫn có hai lần đánh bạc, một lần ở Cần Thơ khi đi ngang sông bạc, muốn mua một quyển tự điển nên nhảy vào ké, thắng được đủ tiền bèn thôi; lần thứ hai ở Sài Gòn thiếu nợ tiền cơm bà chủ nhà trọ, vào sông bạc Đại Thế Giới chơi thua, không đóng được tiền cơm.

Lại một lần nữa tôi có chuyện với nhà này. Số là hôm đó đi ngang nhà chú Chín để chui hàng rào đi tắt về nhà, thấy có cái trứng vịt để trên nắp nồi cơm bèn lấy bỏ túi mang về nhà khoe rằng đã lượm được cái trứng vịt nhà thím Chín để rơi. Nào dè một lúc sau thím chạy qua nhà la toáng lên rằng bị mất cái trứng vịt đã luộc và nhất quyết rằng do tôi lấy, bởi thím vừa thoáng thấy tôi đi qua. Khi xem kỹ lại thì đúng là quả trứng đã luộc, cũng từ đó tôi bị mang tiếng xấu là đứa trộm trứng vịt. Cũng vì chuyện đó mà sau này có một lần tôi bị oan. Câu chuyện là như thế này: có một lần bà nội sai tôi vào buồng lấy cái búa để dưới

gầm tù, khi kéo cái búa ra thì có tờ giấy bạc 1 đồng dính theo, chắc là của bà nội đánh rơi, tôi bèn giấu đi để mua bánh cam ăn dần, một đồng bạc có thể mua được một trăm cái. Số tiền còn dư tôi nhét sau bìa tập, khi anh Ba Thanh Nha giờ tập ra thấy số tiền thừa hỏi tôi ở đâu mà có, tôi nói thật nhưng không ai tin, kể cả bà nội, cứ nhất quyết là tiền ăn cắp.

Nhà chúng tôi cách chợ Cao Lãnh chỉ có mấy trăm mét, và trường học của chúng tôi cũng chỉ cách chợ vài trăm mét, nên tôi thường ra chợ chơi. Phải chăng do đây là nơi tập trung nhiều sắc thái riêng của quê hương gắn liền với thời thơ ấu, nên dù có đi đâu, đến vùng phồn hoa đô hội nào tôi vẫn nhớ đến cái chợ nửa quê nửa thành thị này.

Chợ Cao Lãnh.



Ở ngoài chợ người ta thường bán cá lia thia túm từng con trong túm lá môn, tuy giá mỗi con chỉ một xu nhưng ít khi tôi có tiền mua nên đòi xem thì nhiều mà mua thì ít, nhưng con nào mua được đều là nhút đảm.

Ở cái chợ này, không có phiên nào vắng bóng những con chim sắc bông, áo dà được nhốt trong những chiếc lồng xinh xắn, người bán chỉ cần đứng yên một chỗ cũng có cả đám con nít giống như tôi đến bu quanh xem một cách thèm thuồng.

Ở cái chợ này, đến mùa nước nổi thì các loại trứng cúm nùm, trứng le le, trứng trít nước... mang ra từ vùng sâu của Đồng Tháp Mười được bày bán từng xể từng rổ, luộc ăn còn ngon hơn trứng gà trứng vịt.

Ở cái chợ này, vào thời kỳ trời mới sa mưa, nếu có những trận mưa dầm vào ban đêm, thì y như rằng sáng hôm sau ngoài chợ sẽ “tràn ngập” những ếch nhái và cóc.Ếch thì xâu từng chùm, cóc nhái thì nằm lũ khũ trong giỏ trong bung, ai muốn mua thì tha hồ mà chọn mà trả giá. Tôi thích nhất món ếch xào lăn với nước cốt dừa, còn đối với cóc thì ban đầu cũng hơi sợ vì thấy da nó xù xì và khi động đến còn xịt ra mù, nhưng ăn quen mới thấy thịt nó ngon hơn hẳn so với ếch nhái.

Ở cái chợ này, đến mùa nước nổi thì bán đủ các loại rắn: hổ đất, hổ hành, ri cá, ri voi... và nhiều nhất là rắn bông súng, nó cuộn thành từng nui trong giỏ trông rất dễ sợ. Tuy nhiên tất cả các loại thịt đều rất ngon, và dưới bàn tay chế biến thiện nghệ của Ông Già thì tất cả đều có thể trở thành những món ăn tuyệt vời.

Ở cái chợ này, gặp những hôm trời mưa dầm, thấy người ta bày bán những con chuột đã lột hết da còn để nguyên cái đầu với hai hàng ria mép đen xì, đặt trên những cái xể có lót lá chuối, không che không đậy, thịt tái ma tái mét thấy mà phát ớn nhưng cũng có nhiều ông bợm rượu mua về chế biến mỗi nhậu.

Ở chợ Cao Lãnh này, chẳng mấy ai không biết bánh bèo nhân tôm thịt được rưới nước mắm ớt bằng chiếc gáo làm bằng vỏ trái mù u, mỗi đĩa giá một xu của chị Út Liễu.

Ở cái chợ này, nhiều bà nội trợ thích “lót lòng” bằng một tô cháo cá trên có rắc hành tiêu thơm lừng của Dì Năm “cháo cá”, và họ cũng không quên nhắc tới chị con gái của dì là người cỡi ngựa đua nổi tiếng ở chợ Cao Lãnh.

Ở cái chợ này, tôi cũng nhớ đời cái món cháo đậu đen ăn với cá lóc con kho khô và dưa mắm, chế thêm muống nước cốt dừa... Đến đổi sau ngày giải phóng, khi lần đầu tiên đi đến bến phà Mỹ Thuận thấy có gánh cháo đậu đen tôi bèn xề qua ăn liền một lúc mấy chén cho đến lúc bụng no canh mới thôi.

Cầu đúc quay. Người đang quay cầu là ông bố vợ của anh Ba Thanh Nha.



Tôi nhớ trước chợ Cao Lãnh là bến tàu thủy đi tới Hồ Lương của Campuchia. Không biết trong chuyến đi thì người ta chở những gì, nhưng khi về thì có những món chủ lực như đường thốt nốt, khô cá tra, cá bống tượng... Tôi thích đứng xem người ta chuyển các “sắc” đường thốt nốt từ dưới tàu lên, người ở dưới quăng lên, người ở trên đón chụp từng đôi một, không một lần để rớt xuống sông. Tôi đã học được cách chở cá bống tượng từ Campuchia về, không phải đựng trong lu hũ, mà toàn là để nguyên trên các xẻ bên trên có rải lá chuối khô xé nhỏ, thỉnh thoảng rưới lên một ít nước là đủ, còn nếu rộng ngập trong nước thì dọc đường nó sẽ chết hết. Mỗi khi tàu sắp rời chợ Cao Lãnh người ta thường nghe tiếng còi tàu “tun tun” để chú Bảy “quay cầu” kịp chạy ra quay cao đoạn giữa của cây cầu đúc cho tàu chạy qua. Nếu vì lý do nào đó mà cầu quay chậm thì tàu lại “súp lè” liên hồi, như thúc như giục. Mà cũng thật không ngờ là chú “quay cầu” đó sau này đã trở thành sui gia của cha mẹ tôi, là ông già vợ của anh Ba Thanh Nha. Bây giờ sực nhớ tôi lại đặt dấu hỏi là chánh sách lương bổng của nhà nước Pháp ra sao mà một người công nhân chỉ làm có một công việc đơn giản là đôi ba ngày quay cầu một lần mà đồng lương cũng đủ trang trải cho cuộc sống của cả gia đình và nuôi cho năm sáu người con ăn học đến hết các lớp của trường Cao Lãnh.

Tôi nhớ tiệm mì của chú Lìm, người Hoa, khi cán mì thì choàng một chân và nhảy nháy trên cái đòn bằng tre trông rất buồn cười nên tôi rất thích dừng lại xem mỗi khi có việc đi qua. Nhưng mì của chú ngon nổi tiếng chợ Cao Lãnh. Chú có hai người con gái khá xinh mà không ít chàng trai đã để ý chọc ghẹo nhưng mãi cũng không thấy lấy người nào, không biết có phải con gái người Hoa không chịu lấy chồng người Việt vì sợ lai dân rồi mất gốc?

Tôi nhớ chuyện thằng cháu ngoại tên Thanh của dì Ba Trâm, là đứa làm biếng số một, lớn chần dẩn nhưng chẳng chịu làm lụng gì hết, tới ngày chỉ thích rong chơi phá làng phá xóm. Nó

thích dắt con chó mực thiến của nhà tôi đi vòng quanh đám “Sơn Đông mãi võ” ngoài chợ, tìm những bà đang mài mé đứng xem, hai tay quàng sau đít, xâu thịt treo lủng lẳng trên ngón tay, và suýt cho con chó nhảy tới ngoạm cả xâu thịt của người ta. Khi các bà giật mình quay đầu lại kêu ới ới thì con chó đã chạy khá xa, vừa chạy vừa nuốt luôn cả thịt lẫn dây nên chẳng ai làm gì nó được, chỉ có thằng Thanh là đứng đó cười khoái chí. Cũng vì trò này mà con chó của nhà tôi ngày càng mập ú ụ. Sau ngày giải phóng trở về tôi có hỏi bà con về thằng Thanh thì được biết nó không vợ không con và vẫn cái tật làm biếng như xưa, nó vừa mới chết trước đó không lâu vì vương mìn còn sót sau chiến tranh khi đi đào trộm khoai mì của người ta ở vùng biên giới Campuchia.

Tôi nhớ những cây trứng cá trồng dọc mé sông mà trên cây lúc nào cũng đầy trái chín đỏ mọng bởi ít có đứa nào dám trèo lên hái vì có mấy ông lính mã tà luôn dòm ngó, sợ mấy đứa nhỏ trèo lên chẳng may bị té gãy tay gãy chân tội nghiệp. Thế nhưng tôi vẫn không ngán, cứ lựa lúc vắng lính là trèo. Chẳng may có một lần khi đang ngồi vắt vẻo trên cây vừa hái trái vừa ăn, chợt nhìn xuống thì thấy một ông lính đang lù lù đi tới, lúc này thì tôi chỉ có cách liều mạng buông hai tay từ trên cây phóng đại xuống. Khi xuống tới đất thì hai đầu gối lại chạm mặt đường đau điếng, nhưng cũng phải cố sức đứng dậy bươn chạy thật nhanh, và khi tỉnh hồn xem lại thì thấy cả hai đầu gối đều sưng chù vù rôm máu.

Lúc nhỏ tôi được bác Ba Vẹn, một người rất khó tính và tự kiêu khen là thông minh và dám làm, có lẽ xuất phát từ mấy việc sau đây.

Việc thứ nhất là khi được 5-6 tuổi, lúc tôi đang ngồi xem mấy anh chị ngồi học giải toán đố, trong khi mọi người còn chưa nghĩ ra đáp số thì tôi đã vọt miệng trả lời đúng, mặc dù lúc đó tôi là người nhỏ nhất, chưa học hết vỡ lòng.

Việc thứ hai xảy ra khi tôi khoảng 8-9 tuổi khiến bác rất lấy làm lạ. Số là ở nhà anh em chúng tôi rất mê câu cá, nhất là cá rô biển, mà câu cá rô thì phải có mồi tép, mà muốn có tép thì phải có rổ xúc to để xúc dưới mương, nhưng rổ rá trong nhà lại nhỏ không xúc được. Thế là tôi phải nghĩ cách!. Tôi đi bộ vào rạch Bà Đại cách nhà gần ba cây số hỏi xin người quen được hai ba cây trúc, (tôi còn nhớ rõ buổi chiều hôm đó còn được chủ nhà cho ăn một bữa cơm trộn khoai rất ngon vì lạ miệng), sau đó nhảy xuống sông lội về vì các cây trúc quá dài không vác trên vai được, chỗ cạn thì lội, chỗ sâu thì bơi, cố kéo cho tới nhà, cả người ướt nhẹp lạnh run. Tôi mang lên đội cho ráo nước rồi chẻ nan, đan thành mề, đem lặn trong cối giã gạo, tiếp đó là niềng vành, thành cái rổ xúc khá to, tuy không thật đẹp nhưng có thể xúc tép ngon lành. Bác Ba thấy tôi ngần ấy tuổi mà làm được cái rổ xúc to như thế hết sức ngạc nhiên và khen hết lời.

Việc thứ ba là việc tôi rèn dao găm. Trước Cách mạng tháng Tám có phong trào Thanh thiếu niên Tiền phong. Anh Bảy đã là thanh niên nên vào Thanh niên Tiền phong, tôi thì còn nhỏ mới 13 tuổi nên vào đội Thiếu niên Tiền phong của xã. Trang bị theo “chuẩn” của một đội viên Thanh niên Tiền phong là một cái nón rộng vành, một con dao găm và một sợi dây thừng cuộn tròn đeo ở thắt lưng (để trói giặc). Thấy mấy anh lớn sấm sanh như thế tôi cũng cố làm theo. Tôi đã có sẵn một cái nón bàng rộng vành, sợi dây thì tìm được, còn dao găm thì khó. Chợt nhớ trong nhà có bộ dụng cụ thợ bạc của Ông Già gồm đủ các thứ: đe, kìm, búa, giũa và có cả bể rèn. Tôi ráng tìm được một miếng sắt và nhân lúc Ông Già đi vắng nổi lửa bắt tay vào việc rèn dao găm. Tôi đã rèn xong phần thô, có cả chuôi tra cán, đang lui cui giũa cho thật bén, thật đẹp thì bất thành linh Ông Già về tới, tôi hoảng hồn buông dũa bỏ chạy. Thấy tôi phá đồ nghề, ông nổi nóng cầm cây dũa phang theo, không may đâm trúng hông thủng một lỗ sâu, nhiễm trùng mưng mủ, để lại vết sẹo sâu, mãi khi đến lớn

vẫn còn thấy. Chắc là vì lúc đó tôi đã chạy thục mạng và trốn luôn nên Ông già cũng không biết tôi “bị thương”, vì vậy mà sau đó cũng chẳng thấy nói năng gì hết.

Trong nhà tôi là đứa hay bị Ông Già đánh đòn nhất. Đúng là tôi có tính nghịch ngợm phá phách và cũng có phần lười biếng, đó là phần của tôi. Nhưng mặt khác có lẽ do quan niệm giáo dục con cái theo lối xưa “thương con cho voi cho vọt”, đánh cho sợ mà chùa chớ không phân tích lý lẽ để dạy dỗ cảm hóa, cho nên bị đòn thì cứ bị đòn nhưng tôi vẫn không biết đâu mà sửa. Nhớ lại thì tôi thường bị những trận đòn ra trò sau những chuyến ông đi Cà Mau về vì những tội “tổng hợp” do bà nội kể tội.

Có một lần Ông Già bảo tôi đi đến tiệm tạp hóa của chú Bọt cách nhà khoảng 200 thước để mua sơn về sơn ghe. Mua xong ra khỏi tiệm nhìn xuống hướng chùa Phật thấy một chiếc xe thổ mộ đang hướng lên nhà tôi nên tôi đứng chờ để được đu theo xe về nhà. Chờ mãi, chờ mãi, lúc nào cũng thấy hình như xe đang chạy nhưng gần cả tiếng đồng hồ mà xe vẫn chưa tới, đành đi bộ mang hộp sơn về nhà. Vừa bước chân xuống ghe, ông “thưởng” cho tôi một cái tát nẩy lửa, sơn văng tứ tung, rơi cả hộp xuống sông.

Một lần khác tôi và anh Bảy Noãn bị đánh đòn cùng một lúc. Số là lúc đó Ông Già có nuôi cặp bò cày, một con tên Pháo, một con tên Dòm. Một buổi chiều, hai đứa cùng dắt bò từ sân cỏ về, trời mưa lâm râm đường khá trơn, đi bộ dễ bị trượt mà ngồi trên lưng bò sướng hơn nên hai đứa cùng cười trên con bò Dòm vì nó hiền, còn con kia dữ, không dám cười. Khi đi qua cây cầu gỗ, mặt cầu thì trơn, trên lưng lại chở cả hai đứa nên con Dòm trượt vào kê cầu què chân. Chúng tôi phải nhảy xuống dẫn nó đi cả thọt cả thọt về tới nhà. Mà bò đã bị què thì cày kéo gì được nữa, chỉ có nước là bán cho người ta làm thịt. Ông Già nổi khùng, bắt hai đứa cúi xuống giường quất cho mấy roi. Anh Bảy khôn ranh nằm sát bên ngoài nên ít bị đau, còn tôi thì nằm cuối ngọn roi nên bị quất cái nào cái nấy đau điếng, tróc một miếng da lưng. Lần đó

bị mấy roi thì đau thật, nhưng nghĩ lại nó đâu có nhằm nhò gì so với tổn thất của gia đình nghèo khó của chúng tôi bởi giá trị của con bò đâu phải là nhỏ.

Nhà bà nội có ba bộ ván gỗ rất dày, nằm rất mát lưng, chính giữa một bộ và hai bộ ở hai bên. Buổi tối khi buồn ngủ là tôi nằm ngay trên bộ ván giữa nhà ngủ ngon lành. Bà nội hay nói tôi là đứa gan dạ, hề buồn ngủ là nằm lăn ra đó mà ngủ, không sợ gì cả. Bà nào có biết rằng tôi sợ ma nên không dám vào bên trong ngủ một mình!. Tôi lại có bệnh mộng du, đang ngủ ngon mà có ai kêu thức dậy thì cứ ôm gối mà đi, chẳng biết đi đâu. Cũng trên các bộ ván gỗ đó, mỗi khi mấy con gà tre nhảy lên ỉa thì bà nội thường réo tôi với một câu bắt hủ: “Thằng Phiền! mày vô mày coi thằng cha mày nó ỉa trên bộ ván của tao kia kìa!”. Trong nhà có lẽ bà nội ghét tôi nhất. Có một lần anh Ba Thanh Nha vẽ chân dung của bà nội, vẽ rất giống, vì anh tốt nghiệp Trường Mỹ thuật kia mà. Vẽ xong anh ngấm tới ngấm lui, và cũng muốn chọc bà nội một chút chơi nên anh phán một câu: “Cái miệng bà nội giống cái miệng của thằng Phiền ghê!”. Thế là bà nội nổi khùng: “Tao làm sao mà lại giống cái đồ không có đầu có đuôi, cái đồ ăn cắp ăn trộm đó!”. Đạt được ý đồ, anh ba Nha rất khoái chí.

Chuyện mấy con gà tre cũng để lại một kỷ niệm “đau xót” giữa tôi và anh Bảy Noãn. Số là vào năm 1941 má tôi phải đi Cần Thơ để mổ bướu cổ, trước khi đi bà để lại cho chúng tôi một số tiền mua thức ăn. Vì quá mê gà tre nên thay vì đi chợ mua thịt cá, chúng tôi cùng một lòng hết sức hà tiện, chỉ ra chợ nhặt các lá và rễ củ kiệu của người ta bỏ đi, mang về chấm nước mắm kho quẹt ăn với cơm, còn để dành tiền mua một cặp gà tre giống. Nuôi một thời gian nó đẻ được một bảy gần chục con. Có một bữa anh Bảy Noãn rủ tôi cùng chơi đánh đáo lỗ ăn tiền, cùng ngoéo tay giao hẹn là đứa nào thua thì tất cả đàn gà sẽ thuộc về đứa kia. Chơi gần nửa buổi trời thì tôi bị thua, và tất nhiên

cả đàn gà đã trở thành của riêng của anh Bảy. Tôi vừa buồn vừa tiếc vì đã chịu ăn cực ăn khổ mà bây giờ chỉ còn tay không!. Khi mấy con gà trống bắt đầu trở mã gáy te te, anh kêu tôi: “Ê Phiên, mày coi mấy con gà trống của tao có ngon không, sắp bắt đầu đập mái được rồi đó!”. Và khi mấy con gà mái bắt đầu chịu trống thì anh lại kêu tôi: “Ê Phiên, mày coi mấy con gà mái của tao có ngon không, nó sắp kêu ổ rồi đó!” nghe vừa tức lại vừa tiếc. Mà mỗi khi mấy con gà này nhảy lên ỉa trên bộ ván thì bà nội cũng nhè tên tôi mà réo như muôn thuở: “Thằng Phiên.. kia kia!” chớ đâu có thêm kêu đến tên anh Bảy. Nghe mà chịu hết thấu!.

Tôi và anh Bảy Noãn cách nhau ba tuổi nhưng lúc nhỏ chúng tôi vẫn coi ngang lứa không xưng hô anh em, chỉ kêu nhau bằng thằng, và đánh lộn với nhau là chuyện bình thường. Có lần hai đứa đánh nhau trên bộ ván gỗ giữa nhà, đang thất thế tôi giả vờ ngã vật xuống ván, miệng thở khè khè, thấy vậy anh đâm hoảng sợ tôi chết vội vàng khom xuống ôm lưng tôi đỡ dậy, miệng hỏi liên hồi: “Có sao không mày, có sao không mày...?”. Thấy anh bị gạt tôi khoái chí cười sặc sặc, thế là anh lại thả xuống nghe cái “bịch” còn đá thêm mấy đá!.

Một lần vào dịp Tết bà già mua về hai giỏ ớt kiểng, khi hai đứa đến xem tôi bèn hỏi: “Ê Noãn, đồ mày là tao có dám ăn mấy trái ớt này không?”. Anh bèn trả lời: “Mày chỉ nói phách chớ làm sao dám!”. Nghe nói khích, tôi bèn hái một lúc cả chục trái lần lượt nuốt từng trái một, bởi nuốt nguyên cả trái thì đâu có cay. Thấy vậy anh Bảy cũng thật sự bất ngờ phục sát đất, còn tôi thì khoái chí đánh lừa được anh. Nào dè ớt nuốt vào bụng thì đâu còn nguyên trái nên sáng hôm sau đi ngoài đít nóng như xát ớt thiếu điều la làng, thật là chuyện tồn tới già!

Chuyện tôi kêu anh Bảy Noãn bằng “thằng” thì ông bà già không rầy la, chỉ có bà nội là không ưa. Bà thường nói: “Thằng đó (là tôi) còn thua cục cứt, vì cục cứt ỉa ra còn có đầu có đuôi!”. Nhưng tôi vẫn không chịu sửa, cho mãi đến sau này, sau khi

mỗi đứa đi tham gia kháng chiến mỗi nơi rồi gặp lại tôi mới gọi bằng anh.

Khi tôi bắt đầu hiểu biết thì tuổi của ông bà nội đã gần bảy mươi, nhưng lúc đó tôi thấy ông bà nội già lắm. Ông nội bị mù thuở còn trẻ, đầu sói, hằng ngày chỉ đi quanh quần trong nhà. Nghe mấy chị kể lại thì ông nội rất sáng dạ, tuy mù nhưng cũng đã từng dạy toán cho anh Ba Thanh Nha. Ông mất ở tuổi 71. Khi ông mất, bà nội đem một bộ ván gỗ ra xẻ làm quan tài. Ông nội được đưa đi chôn trên phần đất nhà bên rạch Cái Tôm. Đưa đám bằng ghe, tôi cũng được đi theo và dọc đường có hát một bài thánh ca của đạo Tin Lành mà tôi còn nhớ có đoạn là: *“Dòng bình tịnh kia Chúa đưa mình tận nơi Người, chẵn chiến hồi Chúa tới cậy Ngài...”*. Lúc đó nghe khúc ca sao thật êm đềm, và hình dung như ông nội đang bình yên trở về với Chúa. Cũng còn nhớ sau đám ma tôi đã bị bà nội chửi. Chẳng là trong đám ma bà nội có đãi một con heo quay và tôi cũng được dự phần. Vì đâu có dịp nào được ăn thịt quay nên sau khi ăn tôi đã thật thà phát một câu đại dột: “Ông nội chết, ăn thịt heo quay đã đời!”. Bà nội nghe giận quá chừng giận và nói lấy: “Ừ, phải mà, mày cũng chờ mai mốt tao chết để mày ăn thịt heo quay cho đã!”.

Tuy ở nhà có đủ ông bà nội, nhưng bà nội là chủ gia đình, vì ông nội bị mù không làm được gì, đất vườn nhà cửa đều do một tay bà nội tạo dựng. Bà rất tự hào về công lao và sự nghiệp của mình. Bà thường nhắc đi nhắc lại câu: “Không có tao thì cả nhà tụi bay chỉ có nước ra đường mà ở”. Mà Bà nói cũng có cái lý của Bà, bởi vì cả gia đình chúng tôi cùng tá túc trong nhà của bà nội, và tất cả anh em chúng tôi đều lớn lên từ ngôi nhà đó. Bà thường kể lại rằng bà bắt đầu sự nghiệp bằng nghề bán dầu chai và chai cục (dùng để trét xuống ghe), sau đó mở lò nhuộm vải, từ đó mà làm giàu để có thể cất lên được cái nhà ngói ba gian vào loại nhất nhì trong xóm, nên được liệt vào hạng nhà giàu.

Vì chúng tôi cùng ở chung với Bà nên mặc nhiên được coi là

con cái nhà giàu. Hơn nữa ở trong nhà còn có bác Ba Vẹn là một điền chủ cỡ bự trong huyện, nên điều đó càng được khẳng định chỗ nào có ai biết rằng gia đình chúng tôi chỉ có hai bàn tay trắng! Như tôi đây, nhiều khi chỉ có duy nhất cái quần cụt và cái áo ngắn dính thân, muốn giặt thì nhảy xuống sông cỏi truồng ra giặt, xong lại mặc quần ướt lên bờ. Tuy nhiên ở cái xã hội thời bấy giờ, cái giàu “ảo” đó ít nhiều cũng có cái lợi đối với gia đình chúng tôi: cha mẹ tôi dễ dàng vay mượn vốn liếng làm ăn, đối với hàng xóm láng giềng thì chí ít chúng tôi cũng không bị người ta khinh rẻ. Ngay trong trường học, các thầy cô giáo cũng biết và ít nhiều tỏ ra nể trọng nên chúng tôi cũng được hưởng lây. Cho dù cái danh giá đó là không thực chất, nhưng cũng tạo cho gia đình chúng tôi một nếp suy nghĩ rằng gia đình mình là một gia đình đẳng hoàng, phải ở đời sao cho xứng đáng. Như trong chuyện học hành, dù khó khăn cực khổ đến mấy thì cha mẹ cũng cố gắng lo cho anh em chúng tôi được đi học, khuyến khích học, chớ không bắt bỏ học giữa chừng. Có lẽ cái danh từ “đẳng hoàng” nó cứ mặc nhiên tồn tại suốt đời trong tiềm thức tôi nên mỗi khi có một ý nghĩ hoặc hành động nào đó không “đẳng hoàng” thì chợt nhớ mình phải là một con người “đẳng hoàng”, và điều đó đã nhiều lần giúp tôi tránh khỏi sai lầm, sa ngã.

Bà nội thường đem Ông Già và bác Ba ra so sánh trước mặt chúng tôi, cho rằng cùng là con nhưng đứa giàu thì ngày càng giàu thêm, đứa nghèo thì nghèo hoài, cất đầu không lên. Bà cho rằng vì bác Ba tuổi dậu, là tuổi con gà, mà con gà thì siêng năng, chịu khó bươi bới tìm thức ăn; còn Ông Già tuổi tuất, là tuổi con chó, mà con chó thì chỉ biết nằm đó mà chờ ăn, không biết lo nghĩ gì cả.

Đúng là bà nội cũng đã từ thực tế của hai người con mà đem so sánh giữa con gà và con chó. Bác Ba rất chí thú làm ăn, chỉ siêng đọc chữ nho, không có thú chơi bởi, cũng không vợ bé vợ mọn và rất tiết kiệm, tiết kiệm đến mức có thể gọi là hà tiện, chỉ

biết làm ra tiền và giữ tiền. Điển hình như cách xử sự của bác đối với hai người con ruột là anh Hai Ứng và anh ba Lâm. Khi anh Hai ra Huế làm ăn thua lỗ, hỏi xin hay mượn tiền gì đó của bác nhưng bác không cho, anh Hai buồn lòng uống thuốc ngủ tự tử. Anh ba Lâm bị ho lao nặng, xin tiền uống thuốc bác cũng không cho nên anh cũng uống thuốc ngủ tự tử. Ngược lại Ông Già tuy nghèo nhưng sống phong lưu, giao du rộng rãi, nghèo nhưng tiêu xài như kiểu người khá giả, sáng cũng ra chợ uống cà phê ăn hủ tiếu, cũng vợ bé vợ mọn. Nhưng đổi lại, nếu người ta chê bác Ba giàu mà hà tiện nên ít ai muốn gần, thì Ông Già lại được nhiều người mến vì sống hòa đồng, rộng rãi. Nghe các chị kể lại khi lên ở Di Linh làm nghề thợ bạc ông chuyên làm nữ trang cho người Thượng, rất có tiền, được một mớ kha khá là ông lại đi nơi này nơi khác thăm viếng bà con, xài hết trở về làm tiếp.

Khi anh năm Nhựt đi học ở Sài Gòn thì tôi và anh Bảy đã trở thành “chủ lực” trong gia đình, phụ lo việc nhà như giữ em, xách nước, giặt quần áo, nấu cháo ăn lót lòng đỡ tốn mấy xu tiền quà sáng. Hằng ngày tôi và anh Bảy luân phiên thức dậy từ 4 giờ sáng, hôm nào ngủ quên thức dậy trễ thì khi cháo bắt đầu sôi là dùng đũa bếp khuấy liên tục cho mau nhừ để kịp giờ ăn sáng. Có một lần khi giữ đứa em kế là thằng Chín Giáp, nó khoảng hai, ba tuổi còn tôi thì độ sáu, bảy tuổi, tôi để nó ngồi trong chiếc xe đẩy, và trong khi tôi đang mãi mê chơi thì nó ị một đống trên xe lúc nào không hay, nó còn bốc phân cho vào miệng. Tôi hoảng quá la toáng lên, bà nội bèn chạy tới la tôi om sòm, vì Bà thương thằng Giáp nhất nhà mà, rồi Bà thọc tay móc hết ra, rửa sạch miệng, sẵn có nước trà Bà súc miệng nó một lần nữa rồi cho nó uống luôn mấy hớp. Bởi thế sau này Bà thường nhắc lại câu: “Thằng Giáp ăn cứt uống nước trà”. Tôi còn trông luôn con Muối Nhựt và con Út Hoa Quan. Một lần trong mùa nước nổi, con Muối Nhựt ngồi trên thềm nhà rửa tay, nó ngâm tay dưới nước một hồi lâu, ngấm tới ngấm lui một hồi rồi phát

ra một câu: “Coi bàn tay thấy mà thêm!”, tôi nghe mà tức cười, nhưng nhìn lại thì thấy đúng là bàn tay nó đẹp thật, các ngón thon dài trắng hồng. Còn con Hoa Quan có một đặc điểm kỳ lạ là rất sợ bông gòn, nên khi trông nó, muốn nó khỏi bò ra ngoài thì cứ đặt một miếng bông gòn chỗ ngạch cửa, nó bò tới là thụt lui trở lại ngay, giữ nó cũng khỏe.

Lúc nhỏ tôi bị suyễn kinh niên, cứ khoảng ngày rằm ba mươi mỗi tháng vào con nước rong là tôi lên cơn hen, đêm đến kê 2-3 chiếc gối vẫn khò khè không ngủ được, má phải thức gần như suốt đêm với tôi, và đó là những lúc tôi cảm thấy thương má vô cùng, nhưng thương nhất là có lần má bệnh, người lớn không ai ở nhà, ban đêm tôi phải ngủ bên cạnh canh chừng, thấy má mệt tôi thương lắm, sợ má chết.

Lần nọ, khi có một gánh hát đến diễn tại chợ Cao Lãnh, tôi và anh Bảy mang một xể bánh quy, bánh ít trần ra chợ bán cho người đi coi hát ăn cữ khuya. Chúng tôi thay nhau, đứa này ở lại coi xể bánh, thì đứa kia lại đến chỗ gánh hát nhìn kê hờ coi ké. Khi tôi đang coi xể bánh cho anh Bảy đi xem thì có một thằng bạn hàng xóm đến nói anh đã bị một đứa khác tranh chỗ đâm bị thương đã chở vô nhà thương. Tôi lo quá, tắt đèn, bung xể bánh về nhà. Vừa đi được mấy bước chợt thấy anh lon ton trở lại, tôi chưa kịp nói thì anh ngạc nhiên hỏi tôi mang bánh đi đâu vậy, tôi bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện, anh cười lớn nói rằng tôi đã bị gạt. Tuy biết bị gạt nhưng tôi cũng hết sức mừng vì anh vẫn còn nguyên vẹn.

Thuở ấy quê tôi rất nhiều tôm cá, tôi và anh Bảy thường đi chài trên sông Cao Lãnh, anh vãi chài còn tôi thì bơi xuống. Chỉ trên một khúc sông dài mấy trăm mét mà trong những con nước kém, với một miệng chài cụt do Ông Già thải ra chúng tôi vẫn chài được cả rổ cá đủ các loại: cá lòng tong, cá mè, cá linh, cá trèn, cá chốt... và có cả tôm càng nữa! Còn mỗi năm, cứ đúng ngày mồng mười tháng mười, khi những cơn gió bắc bắt đầu

thối về, trời se se lạnh, nước bắt đầu rút, thì cá tôm trên đồng cũng sợ lạnh mà rút xuống sông. Những lúc đó thì không cần phải bơi xuống đi đâu xa, cứ đậu ngay vàm rạch Cái Sâu đối diện nhà chúng tôi mà quăng chài, quăng xuống kéo lên, rồi lại tiếp tục kéo lên quăng xuống đến hết buổi là cá đã đầy khoang mà không một lần khua động đến mái dầm. Không biết thuở đó sao mà nhiều cá đến thế! Nhớ có một lần chúng tôi chài đến chỗ gần dinh quận thì thằng cha cai Lâu kêu chúng tôi lại, nó chọn bắt những con ngon nhất rồi thuận chân đập mũi xuống chúng tôi ra, không trả tiền trả bạc mà cũng không một lời cảm ơn. Chúng tôi tức quá chùng nhưng đâu có dám nói gì với mấy thằng cha lính trời ơi đó!

Ngoài ra tôi còn một mình xúc tép đi câu cá rô biển, cá thác lác ở các bè tre đậu dưới sông, hoặc bắt cá linh làm mồi đi nhắp cá lóc trong các đồng chà ven sông. Cho mãi đến hôm nay tôi vẫn còn muông tượng nghe tiếng giầy lọc xọc khi vừa bị kéo lên khỏi mặt nước của con cá lóc khá to mà lần đầu tiên tôi câu được trong đồng chà của ông Hai Lịnh chắt ở ven sông trước nhà.

Nói đến bè tre thì tôi lại nhớ đến chuyện đồn ca của anh Ba Thanh Nha. Gọi là bè vì nó được ghép bằng nhiều cốn tre mà người ta dùng để kê những súc gỗ to từ Campuchia thả về theo sông Mê Kông, nó chẳng khác gì những ngôi nhà nổi kiên cố trên sông. Những đêm trăng anh thường cùng hai anh khác mà tôi vẫn nhớ rõ tên là anh Năm Phàn (*sau này vô kháng chiến lấy tên là anh Sáu Chung*), anh Toàn (*lúc đó kêu theo tiếng Tàu là anh Sùn, sau này cũng tham gia kháng chiến*) lên trên bè tre ngồi đồn ca tài tử. Đôi khi cũng có một số người ái mộ đến ngồi nghe hoặc ca hòa theo đồn. Anh Ba Thanh Nha chuyên đồn kìm còn hai anh kia thì thay nhau đồn gáo và đồn tranh, anh nào đồn cũng hay cả. Tôi thường theo các anh xuống bè ngồi nghe, bởi tuy còn nhỏ nhưng sao tôi vẫn cảm nhận được cái gì thâm thúy sâu xa trong tiếng đàn uyển chuyển réo rắt của các anh. Còn một lý do

không kém phần hấp dẫn là sau các cuộc đồn ca các anh thường tổ chức nấu cháo gà, cháo cá, mà không bao giờ tôi bị mất phần ăn kè. Sau khi vào chiến khu các anh lại tổ chức đồn ca trên các xuồng ghe, nên thơ nhất là giữa đêm trăng, một chiếc xuồng con trôi bồng bềnh giữa bốn bề sông nước với một giọng ca ngân dài đượm buồn mơn man xa vắng... Càng thích thú hơn nếu có đôi ba chiếc xuồng đồng điệu gom lại cùng nhau thưởng thức món tôm càng nhúng dấm, thêm chút rượu mùi ấm bụng giữa đêm khuya, rồi vừa nhâm nhi vừa đồn ca đối đáp...

Tôi bắt đầu học võ lòng khi lên 5 tuổi, ban đầu với thầy Hồ, con bác Tư Quạ, sau đó với cô Sáu Điều, con gái ông Cả Đồi. Vì cô Điều có cái miệng to đi ẹo qua ẹo lại, mấy đứa nhỏ trong xóm biết tôi học lớp của cô Sáu nên gặp mặt tôi là chúng nó hô lớn: “Cô Sáu Điều, cái đít điều điều!”. Thuở nhỏ ai lại không bênh cô giáo, nên khi nghe chế nhạo như thế tôi tức càn hông nhưng đâu làm gì được chúng nó!. Có một lần đang ngồi trong lớp, mắc tiêu quá mà không dám đứng lên xin phép, cố nín nhưng cuối cùng chịu không xiết nó đùn ra một quần. May quá lúc đó sắp hết giờ, nên khi vừa tan học vội chạy nhanh về nhà, vừa chạy vừa lấy cặp che đít.

Năm sau tôi vào lớp chót, gọi là lớp 5, học với cô giáo Khuyến, cô rất kỹ. Mỗi khi chúng tôi quét lớp không sạch cô thường nói một câu: “Mấy trò quét làm sao mà tôi đi guốc vẫn còn nghe cát nhám dưới chân!”. Vào lớp chót chúng tôi đã bắt đầu học tiếng Pháp “thực dân”, cái từ đầu tiên mà tôi còn nhớ tới bây giờ là “vocabulaire” mà chúng tôi thường nói trại cho dễ nhớ là “vỏ cá bự lại rẻ”. Cuối năm sắp nghỉ hè, sao mà nó cảm động và lưu luyến đến lạ kỳ, mặc dầu trong cả năm tôi thấy Cô rất khó. Tôi còn nhớ vài câu thơ Cô đọc khi tiễn các học trò của mình bước lên lớp mới: “*Mấy trăng của Thánh dựa kề / Tình thầy nhỏ nhẹ như tình cha con / Muốn cho gót đỏ như son / Muốn cho Cha Mẹ được tròn tiếng thơm / ...*”. Đó là một xúc động đầu đời còn lưu mãi trong lòng tôi...

Tôi lên lớp Tư học với thầy Huê, lại là chồng của cô giáo Khuyến. Nếu cô giáo Khuyến khó bao nhiêu thì thầy Huê lại dễ bấy nhiêu nên tôi rất thích thầy. Trong các môn học của năm này tôi sợ nhất là môn “cách trí” bởi phải học thuộc lòng, vì vậy mỗi lần đến giờ trả bài là tôi lấu cá xung phong ra ngoài lau xe đạp cho Thầy, cho nên suốt năm học tôi không hề một lần bị nắm óc.

Vào khoảng cuối tháng 11 năm 1940 tôi đang học lớp 3, thì vào một buổi chiều khi đang đi trên đường về nhà tôi thấy dưới sông Cao Lãnh có mấy chiếc ghe đồ chở đầy lính Miên và nhiều người bị bắt trói. Bọn lính vừa đánh trống vừa reo hò inh ỏi, và nghe đâu đó là số lính mà người Pháp sử dụng đi dẹp cộng sản ở Mỹ Tho. Lúc đó tôi chỉ biết có thế, nhưng sau này mới biết đây là cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940, mà bọn Pháp đã dùng một sắc lính ngoại tộc để có thể thẳng tay đàn áp cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, một cuộc tàn sát đẫm máu nhằm triệt hạ cho bằng được tất cả các cơ sở cách mạng và gia đình những người dân yêu nước. Đối với tôi, vì lúc ấy còn nhỏ nên coi những việc đó như vô can, nhưng khi đã lớn, tham gia cách mạng rồi vào Đảng, thì nhận thức được đó là một giai đoạn đau thương của những người cộng sản, những bậc đàn anh có gắn bó hữu cơ với cuộc đời làm cách mạng của mình trên cả hai mặt lý trí và tình cảm.

Lên lớp Nhì “một năm”, tôi học với thầy giáo Ương nổi tiếng là khó. Thầy rất nghiêm, có sẵn một cái búa nhỏ bằng gỗ nhẹ, đứa nào lười thôi thì thầy gõ búa vào bả vai, đứa nào cũng ngán. Tuy nhiên thầy dạy rất nghiêm túc nhất là luyện viết chữ, cho nên tất cả các học trò qua lớp Nhì của thầy đều viết chữ đẹp và giữ vở rất sạch. Cũng nhờ cách dạy kỷ lưỡng của thầy mà tôi qua lớp Nhì “hai năm” khá dễ dàng, và cuối năm được lên lớp Nhất.

Ở lớp Nhất tôi được học với thầy Tám Cuôi, người thầy giáo rất tận tụy và có một điểm khá đặc biệt trong cá tính, đó là

mỗi khi nổi giận thầy không khi nào đánh học trò như các thầy khác, mà chỉ quay mặt vào tường phun nước miếng phèo phèo. Thầy luôn có ước muốn các học trò của mình đều học giỏi, giảng bài kỹ lưỡng và luôn động viên học trò cố gắng học. Còn nhớ trong năm đó có một lần thầy được điều đi chấm thi thử ở một trường của huyện Tam Bình thuộc tỉnh Vĩnh Long, khi trở về thầy thường nhắc tới nhắc lui và khen ngợi hết lời, đồng thời cũng tỏ ra rất tiếc về chất lượng học hành của chúng tôi. Trong suốt sáu năm ở bậc tiểu học tôi thấy thầy là người tâm huyết nhất với học trò. Sau Cách mạng tháng Tám gia đình thầy đã có những biến động đáng kể, thầy tham gia Việt Minh, và sau khi giặc Pháp trở lại thì vợ thầy là cô giáo Tám đã bị chúng sát hại vì đã tham gia vào các hoạt động kháng chiến.

Cũng trong năm học lớp Nhất, có một chuyện mà tôi không bao giờ quên. Số là có một hôm vào đầu năm 1944, viên trưởng người Pháp của tỉnh Sa Đéc tên là Lanstronc đến thanh sát nhà trường, và khi đến lớp Nhất của chúng tôi là lớp cao nhất của trường lúc bấy giờ, ông ta có hỏi một học sinh tên là Đào Công Tăng một câu bằng tiếng Pháp: *“Sau này khi lớn lên trò sẽ làm gì?”*. Và Đào Công Tăng đã trả lời lại một câu cũng bằng tiếng Pháp rất chuẩn: *“Demain je voudrais consacrer toute ma vie pour la France”*, có nghĩa là: *“Sau này tôi muốn dâng hiến cả cuộc đời tôi cho nước Pháp”*. Câu trả lời này đã làm cho viên trưởng cũng như các vị trong nhà trường có mặt hôm đó hết sức hài lòng và tỏ lời khen ngợi đặc biệt, và sau đó nhà trường đã yêu cầu tất cả học sinh phải học tập câu trả lời xuất sắc này.

Thời kỳ đó nước ta còn là một nước thuộc địa của Pháp, do người Pháp cai trị, và khi mọi người, ngoại trừ những người cộng sản, còn luôn tung hô: “Nước Pháp muôn năm, thống chế Pétain muôn năm!”, thì câu trả lời đó được khen ngợi thật quá đúng với thời cuộc. Và cũng không mấy ai thắc mắc khi bị bắt học thuộc lòng câu: *“Tổ tiên chúng ta là người Gô loa”*, mà người Gô loa lại

là tổ tiên của người Pháp, với biệt danh nước Pháp là: “*Con gà trống Gô loa*”(Gaulois). Cho nên trên chũng mực nào đó có thể nói rằng người Pháp đã thành công trong mưu đồ nô dịch, làm cho dân tộc Việt Nam đi đến mất gốc.

Sau Cách mạng tháng Tám, khi đất nước Việt Nam được độc lập, dân tộc Việt Nam không còn là nô lệ của người Pháp thì những chuyện như trên đã trở thành quá khứ, một quá khứ mà nhiều khi nghĩ lại chính tôi cũng giật mình. Bởi thấy rằng nếu không có cuộc Cách mạng tháng Tám do những người cộng sản tiên bối lãnh đạo thì mình đâu có cách nào được trực tiếp tham gia vào công cuộc đấu tranh để giành và bảo vệ nền độc lập của dân tộc, để rồi từ một thiếu niên thuộc tầng lớp nghèo và khi đó cũng rất mong có dịp trả lời “xuất sắc” như Đào Công Tăng, lại có thể được giác ngộ và từng bước trưởng thành. Khi đó mình sẽ là người như thế nào, sẽ đứng ở vị trí nào đây trong cái xã hội này? Và cả cái đất nước Việt Nam này rồi sẽ ra sao? Bởi vậy tôi hết sức nỗ lực phục những vị cách mạng tiên bối vì chính họ mới là những người đã sớm giác ngộ và sáng suốt nhận ra con đường đi trong khi đất nước còn trong đêm tối, đã dũng cảm đấu tranh trong hoàn cảnh mà sự tù đày và cái chết luôn rình rập, để có thể giác ngộ và động viên cả một dân tộc cùng đứng lên đấu tranh giành độc lập tự do. Còn đối với những người chỉ mới giác ngộ từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, cho dù họ đang có chức vụ gì, cao thấp ra sao, thì trong thâm tâm tôi vẫn thấy họ cũng sàng sàng như tôi, ăn thua nhau là ở chỗ phẩm chất đạo đức. Phải chăng lối suy nghĩ này đã có ảnh hưởng đến cách xử sự của tôi trong mối quan hệ trên dưới nên thường bị nhận xét là cứng đầu?.

Là gia đình theo đạo Tin Lành nên chủ nhật nào chúng tôi đều đi bộ đến nhà giảng, tức là nhà thờ, chỉ có bà nội là đi xe kéo. Thường là tôi được sai đi lên chợ Cao Lãnh kêu xe kéo xuống chờ bà nội đi, việc này tôi rất thích bởi có dịp được ngồi chễm chệ trên xe kéo từ chợ trở về nhà, thật là hạnh diện!.

Có một chủ nhật, khi vừa đến nhà thờ thì anh Tư Nha con chú Năm Phục rủ tôi xuống nhà ông Tư Cảnh câu tép. Chúng tôi dùng cọng lá dừa, cột thêm một sợi chỉ đen gắn mỗi trùn cắm ven theo bờ sông. Chờ một lát thấy cọng dừa bị kéo oằn xuống thì biết là có con tép đang ăn mồi, và chỉ cần thọc cái rổ xuống phía dưới, vừa kéo cọng lá dừa vừa nâng cái rổ lên, thế nào cũng có một chú tép nhảy tung tung trong rổ. Tuy con tép chỉ to gần bằng ngón tay út nhưng đối với chúng tôi nó là một chiến lợi phẩm thật giá trị. Chúng tôi mãi mê với “chương trình” câu tép đến khi giật mình nhớ lại là đã quá giờ bắt đầu buổi giảng của thà thờ, bèn ba chân bốn cẳng chạy về. Vừa chạy đến cửa đã thấy Ông Già đứng đó, và trước mặt nhiều người ông đã thưởng cho tôi một cái tát tai nổ đom đóm, tôm tép văng sạch bách.

Tôi thích nhất là những ngày lễ Giáng Sinh, việc làm đèn ngôi sao, tập các bài hát, chuẩn bị trang hoàng nhà thờ... hết sức nhộn nhịp. Đêm Noel thật là thiêng liêng với những bài thánh ca chọn lọc, bài giảng đạo đặc biệt của ông mục sư. Tôi thích nhất tiết mục đồng ca của thanh thiếu niên nắm tay nhau cùng bước theo nhịp hát, nó cũng đã lưu lại trong tôi hình ảnh khó quên về những người bạn gái trẻ trong tổp đồng ca mà sau này tôi đã có dịp gặp lại một trong những người con gái đó khi đơn vị chúng tôi về tập kết tại Cao Lãnh, và chính những kỷ niệm của thời thơ ấu đã dễ dàng đưa chúng tôi đến với nhau.

Đêm Noel chúng tôi thường được phép ngủ lại ở nhà thờ, được theo anh Năm Thọ đi bắt dơi quạ đang ăn bông cây gòn bằng giàn thun. Nghe nói có lần anh đến bắt cò tại đầm tràm của bác Sáu Tố ở Cái Bè, tuy ban đêm nhưng một mình anh bắt một lúc mà người đi theo phải chặt nguyên cây tràm mới gánh hết số cò anh bắt. Trưa hôm sau chúng tôi lại được ăn bữa tiệc mừng Noel trong nhà thờ.

Khoảng những năm 1941-1944, khi anh chị Tư Hoa làm thầy giảng tại nhà thờ Nhị Mỹ, thường thì chủ nhật má đi chợ mua

thức ăn và sai tôi mang xuống cho chị Tư, ở cách nhà tôi trên tám cây số. Được làm việc này tôi rất thích bởi xuống Nhị Mỹ tôi được dịp ra đồng xem người ta đổ lợp bắt tôm bắt cua, hoặc đi hái bông dô dề, hoặc đi chơi với mấy đứa chăn trâu. Anh Tư thường nói hễ xuống một lát là không thấy tăm hơi tôi đâu cả. Có một lần trên đường đi, đến một cây cầu ván có bóng tre che phủ, gió thổi hiu hiu, tôi bèn dứt giỏ thức ăn vào bụi tre rồi nằm ngay trên mặt cầu đánh một giấc ngon lành. Giật mình thức dậy thì trời đã quá trưa, báo hại chị Tư chờ muống hụt hơi. Mấy chục năm sau chị Tư vẫn còn nhắc tới coi như một kỷ niệm vui trong gia đình.

Có một lần má nuôi ngỗng, nhưng chỉ nuôi có một con mà lại được cho ăn đầy đủ nên nó lớn rất nhanh, tôi đình ninh thế nào cũng được ăn một bữa thịt ngỗng ngon lành. Một hôm Ông Già mời ông mục sư và mấy vị trong Ban trị sự Hội thánh đến thăm gia đình, má tôi bèn bắt con ngỗng làm thịt đãi khách, tôi rất mừng vì chắc chắn mình sẽ có phần. Thông thường đãi khách thì khách ăn trước còn những người trong nhà sẽ ăn sau, nên khi Ông Già và mấy ông khách ngồi ăn trên nhà trên thì tôi ngồi ở nhà dưới chờ, chờ mãi, nhưng cứ một lát thì nghe Ông Già gọi xuống tiếp thêm thức ăn, hết đĩa này đến đĩa khác. Đến cuối bữa thì bao nhiêu thịt ngỗng đều ăn sạch bách không thừa một món, chúng tôi đành ăn cơm với mắm kho quẹt, nên ghét các ông chức sắc trong đạo hôm đó hết sức. Hơn mười năm sau, khi đơn vị tôi tập kết về Cao Lãnh và đóng quân tại một xã bên bờ sông Cửu Long thì thấy có lần một ông mục sư đến thăm gia đình ông chủ nhà vốn khá nghèo, nhưng vì lòng sùng đạo nên ông chủ nhà đã làm một mâm cơm tươm tất đãi khách. Vô đầu ông mục sư còn khách sáo “mại hơi” một lúc rồi cũng một mình ngồi ăn sạch bách. Thấy cảnh đó tôi chợt nhớ chuyện nhà tôi đãi khách mười mấy năm trước.

Thuở nhỏ vì cả gia đình đều theo đạo nên tôi cũng tin, từng chịu phép “báp têm” nhưng lớn lên đi theo Cách mạng, được học

về duy vật lịch sử và thuyết tiến hóa loài người, thì không tin nữa. Tuy thế tôi vẫn cho rằng những điều răn dạy của đạo rất có ích cho việc tu dưỡng phẩm chất con người. Nhưng mặt khác tôi lại thấy cái đạo này đã tước mất của tôi cái vô tư hồn nhiên của tuổi thơ, cái tuổi thần tiên đáng ra chỉ được nhìn thấy những điều tươi đẹp nhất trên thế gian này. Tôi ức là tại sao người ta không lấy cái lẽ phải của cuộc sống trên đời để khuyên dạy, lại chỉ đem cái chết gắn với thiên đàng, địa ngục mà răn đe đối với cái tuổi đáng lý không nên nghe, cũng không cần nghĩ đến điều đáng sợ nhất của con người là cái chết, nó khiến cho đầu óc tôi lúc nào cũng bị lờn vờn ám ảnh chuyện đó. Nhưng nghĩ lại nếu không như thế thì đâu phải là đạo!.

Sau khi học hết lớp Nhất, vào giữa năm 1944 tôi đi một mình xuống Sa Đéc cách Cao Lãnh hăm bảy cây số thi tốt nghiệp tiểu học. Khi đi thì ngoài số quần áo mang theo để mặc, tôi còn phải xách theo hai hũ mắm thái của má tôi gởi cho bà Bảy Mên là em ruột của bà nội, và cũng là nơi tôi tá túc trong mấy ngày thi. Khi đi qua cầu sắt Sa Đéc tôi gặp cô Sáu Lộ, tôi hỏi một câu: “Bà Bảy có ở nhà không cô?”. Chính vì câu hỏi đó mà sau này nghe má tôi kể lại là đã bị Bà Bảy bắt lỗi vì ăn nói trống không, không biết thưa gởi gì cả. Cũng đúng thôi, vì gia đình Bà Bảy có học vấn, Ông Bảy làm Chủ sự bưu điện tỉnh, biết tiếng Tây, nhà rất có khuôn phép, còn cách dạy dỗ con cái của gia đình chúng tôi thì đâu có được như vậy! Trong các con của Bà Bảy có chú Chín Nam cùng học một cỡ và cùng thi một lượt với tôi. Có một đêm khi tôi chợt tỉnh giấc thì thấy chú đang chui vào mùng lui cui đập muỗi khiến tôi thật cảm động. Chú cũng thường chở tôi trên chiếc xuồng thể thao “périssoire”, bơi dọc theo sông Sa Đéc. Tình cảm của chú đối với tôi thật chân tình và trong sáng, nó đã ghi dấu ấn trong lòng tôi suốt mấy mươi năm xa cách, vừa là bà con, vừa là bạn bè.

Trong mấy ngày ở nhà bà Bảy đã xảy ra một chuyện rui ro

nhưng lại là một kỷ niệm khó quên. Vào một buổi chiều, có mấy đứa bằng tuổi tụ tập đá banh trên bãi cỏ trong tòa bố, tức là dinh chủ tỉnh, tôi cũng nhập bọn. Đang mãi mê đá, tôi sút một cú thật mạnh, nào ngờ trái banh bay trúng cửa kính tòa bố rồi lọt luôn vào trong khiến tất cả đều hoảng sợ bỏ chạy tán loạn. Đến chiều thì chúng nó kéo đến nhà bắt tôi phải đền nhưng đâu có tiền, nên nói với chúng nó rằng tôi chỉ có thể đền bằng cái quần má mới may cho tôi đi thi. Chúng nó đâu có chịu, bởi chỉ có một cái quần thì đưa nào mặc đưa nào không, nhưng tôi cũng chẳng có thứ gì khác nên cù nhầy cù của một lúc rồi chúng cũng đành phải lấy vậy. Cũng hú hồn vì Bà Bảy không hay biết nên tôi khỏi phải một lần nữa bị rầy.

Tôi thi các môn khá dễ dàng, chỉ trừ môn dịch miệng tiếng Pháp bởi vợ phải một bà Đầm đọc rất khó nghe. Tôi thi đậu cả nhà rất mừng, khỏi phải như anh Bảy mấy năm trước thi rớt thì phải nghỉ học luôn bởi không có chế độ lưu ban.

Tháng 7 năm đó tôi phải xuống Mỹ Tho thi chuyển cấp vì thời kỳ ấy trừ Sài Gòn thì toàn Nam bộ chỉ có 2 tỉnh Mỹ Tho và Cần Thơ mới có được trường cấp 2. Ngày nay ít có ai ngờ rằng đã từng có chuyện như vậy trên đất nước ta, một chính sách ngu dân điển hình của thực dân Pháp! Chuyển đi này Ông Già lo khá chu đáo, mượn chiếc ghe chở năm người gồm bốn thí sinh: chú Chín Nam, thằng Khuyến cháu bác Ba Vẹn, thằng Xuân cháu cậu Hai Mão và tôi, Ông Già cũng cùng đi; chú Chín Nam và thằng Khuyến có góp tiền, thằng Xuân được miễn vì nhà nó nghèo. Rất tội nghiệp cho thằng Xuân vì lúc nào nó cũng tỏ ra e dè mặc cảm, ăn cơm thì nó ngồi lui ra một chút, còn ngủ thì nó rút vào tận trong góc xa. Sắp đến ngày thi, kiểm tra lại giấy tờ thì không thấy thẻ cá nhân của tôi, chắc là bỏ quên ở nhà. Tôi lo sợ hết sức, bởi không có giấy đó thì làm sao vào thi được, rồi thì Ông Già sẽ tính sao với tôi đây? May quá, chú Việt là anh ruột chú Chín Nam đang theo học ở trường này đã cạy cục thế nào đó mà người ta vẫn cho tôi vào thi.

Trong thời gian chờ báo kết quả thi, chiều chiều tôi hay ra bờ sông Cửu Long hứng gió, xem người ta bơi lội, nhân đó biết chuyện người con gái của ông chủ nhà sách Nam Cường nổi tiếng là bơi giỏi, có thể bơi từ bên này qua cù lao Rỗng hái bắp ăn rồi bơi về. Tôi cũng có dịp theo Ông Già ra chợ Mỹ Tho, và lần đầu tiên tôi thấy người phụ nữ Nhật Bản mặc kimono đang đứng bán hàng, người cũng cao ráo chớ không lùn như người ta thường nói.

Sau 4 ngày chờ đợi, bốn đứa chúng tôi và Ông Già cùng đến trường để xem kết quả. Chen lấn cật lực mới vào được bên trong, tìm mãi tìm mãi cũng chẳng thấy tên tuổi đứa nào trên bảng, thế là tất cả đều rớt! Cũng lạ là không đứa nào, kể cả Ông Già tỏ ra buồn chán. Có lẽ mọi người cũng đã từng được nghe nói đậu vào trường Mỹ Tho là rất khó, có thi rớt cũng là chuyện bình thường. Thế là ngày hôm sau chúng tôi lại xuống ghe trở về Cao Lãnh, nhưng không đi theo sông Cửu Long bởi đang là mùa nước đổ, nên chúng tôi phải trở về theo đường kênh Nguyễn Văn Tiếp. Tuy nhiên cũng vẫn là đi nước ngược, chèo chống mệt nhọc, nên chúng tôi lên đi bộ kéo ghe. Kiểu này tuy có mệt và thường hay bị trượt té, nhưng ai nấy đều vui như đang thưởng thức một trò chơi mới lạ.

Về Cao Lãnh được một thời gian tôi lại được đi học giống bố túc tại lớp của thầy tú tài Cứng, là anh ruột của cô Sáu Điều. Là trường tư, nhưng ông này hay đánh học trò. Có một lần vào dịp lễ Giáng sinh, vì nhà tôi có đạo nên tôi nghỉ học một ngày mà không xin phép. Hôm sau vào lớp, mặc dù tôi có nói lý do, nhưng ông vẫn đánh tôi một trận, còn nói rằng đạo là thù địch chớ làm gì có Chúa. Tôi vừa đau vừa tức vì vừa bị đánh vừa thấy đạo của mình bị xúc phạm. Tuy nhiên ông dạy rất giỏi, và nghe đâu sau này cũng có tham gia kháng chiến.

Học lớp Tú tài Cứng được vài tháng, Ông Già lại cho xuống Vĩnh Long ở nhà anh chị Hai Thuấn đi học. Anh chị Hai ở trong

tư thất nhà thờ Vĩnh Long, nhà cửa khá rộng. Sinh hoạt ở nhà anh chị Hai cũng rất khác với nhà chúng tôi bởi anh Hai là con ông hội đồng Nghiêm, một gia đình giàu có nhất nhì ở Ô Môn. Ở đây lần đầu tiên tôi được uống sữa tươi vào buổi sáng do chị Hai mua từ một trại nuôi bò sữa gần đó. Không biết tôi nổi danh làm biếng cỡ nào mà mới xuống ở thì anh Hai có một câu nhận xét xanh dờn: “Coi cái bộ vó nó ngủ dậy cũng đủ thấy nó là thằng làm biếng thứ dữ!”.

Tôi vào học ở trường Đỗ Hữu Vị nằm ở bên kia cầu Thiển Đức trên đường ra bến Cổ Chiên. Tôi ngồi sau bàn mấy đứa con gái, chắc là con cái nhà giàu, đứa nào cũng mặc áo dài trắng tinh. Có một bữa, vào giờ học Anh văn, lúc đó còn coi như một môn phụ, rất ít học trò, thầy giám thị cũng lơ là, bất chợt nổi cơn, tôi chấm bút vào bình mực rầy vào vạt sau của tụi nó, mực dính tùm lum nhưng chúng không hay biết, cứ thản nhiên cười cười nói nói ra về. Và hậu quả đến đâu tôi cũng không nhớ rõ, nhưng chắc không có gì trầm trọng, bởi nếu có chuyện gì xảy ra chắc tôi sẽ nhớ đời. Và cho đến bây giờ tôi vẫn không tự giải thích được tại sao hồi đó mình lại có trò nghịch ác như thế. Nhắc lại chuyện cũ tôi lại tự nhủ, mỗi khi muốn trách mắng hoặc trừng phạt trẻ con khi thấy chúng phạm lỗi, thì trước tiên hãy cố gắng nhớ lại từng sai lầm khuyết điểm mà mình từng phạm phải trong thời thơ ấu.

Trong thời gian tôi ở nhà anh chị Hai thì cháu David mất. Tôi còn nhớ khi làm phép xác có một ông giáo sĩ người Mỹ, ông đã giảng một bài mang tính chất an ủi anh chị Hai khi kể lại chuyện về một người chăn chiên dẫn đàn chiên đi qua suối, thấy chúng nó chần chừ, ông ta bèn bắt một chiên con thấy qua bờ bên kia, đến lúc đó thì cả đàn chiên đều nhảy ào xuống nước bơi qua để đến với con của mình. Sau khi dẫn dụ câu chuyện đó, ông nói, hôm nay cháu David qua đời cũng là do ý của Chúa muốn đưa cháu đi trước, để anh chị Hai quyết tâm đi theo con đường

hầu việc Chúa đến cùng và sẽ được đến với David trên nước của Chúa. Nghe giảng giải như vậy tôi hết sức cảm động trong niềm tin ở Chúa của một đứa trẻ mới lớn trong gia đình có đạo.

Học ở Vĩnh Long không được bao lâu thì tình hình xã hội có thay đổi lớn, nghe đâu ở Sài Gòn Nhật đảo chánh và bắt nhốt tất cả người Pháp. Có lẽ do nhận thức được thời cuộc nên Ông Già kêu tôi thôi học trở về Cao Lãnh, lúc đó vào khoảng đầu năm 1945. Lúc này ở Cao Lãnh cũng bắt đầu chộn rộn, một số những người có hơi hướng theo Nhật đã xuất đầu lộ diện, họ thay nhau đăng đàn diễn thuyết. Trong số đó tôi nhớ có ông chủ lò gạch Phú Hữu mang đôi ủng da cao đến đầu gối, bên hông có đeo thanh kiếm theo kiểu người Nhật, và bà chủ hiệu thuốc Nhành Mai chuyên trị các bệnh tiêm la hột xoài từ Sài Gòn về cũng đứng lên hô hào chính trị, mà chủ đề chung đều là hoan nghênh hay không hoan nghênh người Nhật và chánh phủ Trần Trọng Kim do người Nhật dựng nên. Dưới khán đài thỉnh thoảng cũng có tiếng vỗ tay hoan nghênh hoặc tiếng la ó phản đối. Nhìn lại thì thấy không khí chính trị ở Cao Lãnh lúc đó khá lộn xộn, chung quy cũng là hai xu hướng thân Nhật hay thân Pháp, trong đó có những người bắt đầu công khai bày tỏ thái độ ghét Pháp. Tôi còn nhớ trước đó ít lâu, vợ của người Tây “đuan” đến mua thuốc ở nhà thuốc tây của bác Bảy Cự tại chợ Cao Lãnh, không biết lời qua tiếng lại thế nào mà người phụ nữ Pháp đó đã thẳng tay tát vào mặt anh Cơ là con của bác Bảy Cự, thấy anh Cơ giận run người nhưng chẳng dám làm gì. Lúc đó cũng có một số người ở gần nhìn thấy, và chuyện này lan nhanh trong toàn chợ Cao Lãnh, đưa đến sự bất bình lớn trong dân chúng đối với người Pháp.

Kế đến nổi lên phong trào Thanh niên Tiền phong hết sức rầm rộ, với tổ chức khá quy củ, phân chia thành từng đội, liên đội, trang phục áo trắng, nón rơm rộng vành, gậy tầm vông cầm tay, lưng đeo dao găm và đoạn dây cuốn tròn, luyện tập đội ngũ dưới lá cờ vàng sao đỏ. Trụ sở đặt tại “nhà sẹc” và ngày đêm lúc

nào cũng có tổ chức tuần tra canh gác mà điểm được quan tâm nhất là cầu đúc Cao Lãnh. Anh Bảy Noãn cũng gia nhập vào đội ngũ này vì lúc đó anh đã 16 tuổi, còn tôi chỉ mới 13 tuổi nên vào đội Thiếu niên Tiền phong.

Ngày 25-8-1945, chính quyền cách mạng đã được thiết lập tại tỉnh lỵ Sa Đéc. Cũng cùng ngày, các tầng lớp quần chúng ở các xã của huyện Cao Lãnh đã kéo về huyện lỵ để cùng với lực lượng Thanh niên Tiền phong, và trong đó không thể vắng mặt một đứa trẻ hiếu kỳ mới ở tuổi 13 là tôi, tập trung ở sân vận động để nghe ông Sáu Thượng là một đảng viên Cộng sản hoạt động bí mật tại địa phương đứng lên diễn thuyết và tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng. Như vậy là cuộc Cách mạng tháng Tám vốn là một cuộc cách mạng long trời lở đất lật đổ ách thống trị cả trăm năm của chế độ thực dân lại diễn ra hết sức êm xuôi tại Cao Lãnh, không một tiếng súng. Cũng chẳng lấy làm lạ bởi đó là khí thế chung của cả nước trong Cách mạng tháng Tám.

Nhớ lại sau ngày cách mạng thành công, có một chiếc tàu chở một số quân Nhật, lúc này đã đầu hàng Đồng Minh, chạy đến vàm sông Cao Lãnh, và cũng không biết bằng cách nào mà bên ta có thể kè nó chạy đến chợ Cao Lãnh. Ta đã cử phái đoàn xuống tàu thuyết phục về việc tiếp thu vũ khí, nhưng không thành công, mà chúng ta cũng không có đủ lực lượng để cưỡng chế, cuối cùng cũng phải thả cho nó đi. Nghĩ lại cũng buồn cười là lúc đó tôi cũng rất hăng, xách con dao găm nhỏ xíu mà tôi tự tay rèn được chạy men theo trên bờ khi tàu chạy ngang qua nhà, vượt băng qua các con mương, vừa chạy vừa núp theo mấy gốc dừa mà không biết có thể làm gì được người ta. Nhưng phải chăng đó lại là hành động yêu nước đầu tiên của tôi?

Cũng trong thời kỳ đó tại Cao Lãnh có một sự kiện lớn về tôn giáo: đó là việc đức Giáo chủ của đạo Hòa Hảo là Huỳnh Phú Sổ đến gặp gỡ tín đồ tại Cao Lãnh. Không biết họ liên lạc với nhau như thế nào mà tín đồ khắp các vùng lân cận đã đến

đứng chặt cả sân vận động, và trong lúc mọi người còn đang ồn ào nói chuyện bỗng nghe tiếng ai đó hô to: “Đức Thầy đến!”, thế là tất cả đều đứng lên giữ im phăng phắc để nghe Đức Thầy thuyết đạo. Quả là sức mạnh ghê hồn của tín ngưỡng! Nhưng nghe các đồng chí cách mạng lão thành ở Cao Lãnh kể lại thì năm 1946 ông Huỳnh Phú Sổ đã bị một số người ấu trĩ về chính trị, đứng đầu là một người có tên là Đ. manh động giết chết vì cho rằng ông này đã lôi kéo tín đồ đứng về phía Pháp chống lại Việt Minh. Xác được chôn tại xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, nay thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, mà cho đến nay những giáo dân của đạo Hòa Hảo vẫn gọi đây là nơi “Đức Thầy thọ nạn”. Chung quanh việc này cũng có một việc không biết là hư hay thật. Nghe kể lại rằng sau khi chôn được 3 ngày, thì một người trong số đó đã lén đào lên xem, thì thấy xác vẫn còn đó thúi um. Thế nhưng việc làm thiếu ý thức của nhóm người này càng làm sâu sắc thêm mối hận thù giữa không ít tín đồ đạo Hòa Hảo và lực lượng kháng chiến, tức Việt Minh, vốn đã bị giặc Pháp và các thế lực thù địch lợi dụng khoét sâu để chia rẽ tôn giáo với cách mạng, gây nên cảnh nổi da xáo thịt, trong tình hình chính trị tại địa phương đang còn trong hồi rối ren chao đảo sau khi quân Pháp vừa trở lại tái chiếm.

Đi ngược dòng thời gian thì thấy mối quan hệ giữa Hòa Hảo và Việt Minh, trong đó có sự nhúng tay của Pháp là hết sức phức tạp. Đầu năm 1946, bộ đội Việt Minh một mặt phải chiến đấu chống quân đội Pháp vừa trở lại tái chiếm, một mặt phải chống các đơn vị quân đội Hòa Hảo do những phần tử quá khích bị giặc Pháp lợi dụng cầm đầu, trong đó có cả các “nữ tướng” như trong truyện Tàu là Phàn Lê Huê, Lưu Kim Đính...trang bị bằng đao, kiếm.Và cũng nghe nói rằng họ quyết tử vì đạo nên chiến đấu rất gan lì, khi chết thì trong miệng mỗi người đều có một lá bùa “cải tử hoàn sinh”, chết 3 ngày sẽ sống lại. Còn phía Việt Minh thì cũng vì sự chống đối đó mà có lúc đã không phân biệt rõ giữa

người dân theo đạo và những đơn vị vũ trang theo Pháp, nên cũng từng có các cuộc “tảo thanh” vào vùng có dân theo đạo, càng làm sâu sắc hơn mối hận thù sẵn có. Sau này khi làm việc ở ngành tình báo tôi có để tâm nghiên cứu các tài liệu dày cả nghìn trang của Phòng Nhì Pháp thì càng thấy rõ âm mưu xuyên suốt của Pháp trong việc lợi dụng đạo Hòa Hảo và những đơn vị vũ trang Hòa Hảo, cũng giống như việc chúng lợi dụng nhóm Cao Đài Trịnh Minh Thế ở Tây Ninh, để chống lại Việt Minh. Pháp đã cung cấp súng ống và cùng một lúc dung dưỡng các lực lượng đối lập nhau trong Hòa Hảo như Năm Lửa, Hai Ngoán, Ba Cụt, Ba Gà Mỏ thành lập những lãnh địa riêng để chống Việt Minh, đồng thời cũng để chúng tự khống chế lẫn nhau... Như trong thời điểm tôi và Ông già bị Hòa Hảo bắt nhốt ở Thành Lợi, và trong thời kỳ đi học ở Cần Thơ, thì được biết Pháp đã giao hẳn vùng Cái Vồn cho Năm Lửa làm tổng hành dinh của lãnh địa thuộc vùng tả ngạn sông Hậu. Và trước cửa nhà tôi là văn phòng Tham mưu của Năm Lửa, tức thiếu tướng Trần Văn Soái, người có bộ râu ngạnh tre và đội mũ kê-pi giống hệt thống chế Pétain của Pháp khi xưa. Năm 1954, khi tiểu đoàn 302 chúng tôi về đóng quân tại vùng tập kết 100 ngày ở Cao Lãnh, thì bên kia bờ sông Cừu Long thuộc các xã Đất Sét và Cái Tàu Thượng cũng đều do các lực lượng Hòa Hảo trấn giữ. Cũng là một việc rất tình cờ bởi trong số đó lại có đại đội Hòa Hảo từng thực hiện cuộc phản chiến ở Gò Nổi thuộc tỉnh Thủ Biên năm 1953 rồi chạy vào vùng căn cứ kháng chiến, sau đó được đại đội 35 của tiểu đoàn chúng tôi hộ tống đưa về miền Tây, khi thấy sự hiện diện của bộ đội “mũ sắt”, và được biết đó là tiểu đoàn 302 thì đã bảo với nhau rằng chớ có dại mà đụng đến. Kể đến trong thời kỳ chống Mỹ, các lực thế lực đế quốc và tay sai vẫn tiếp tục sử dụng con bài tôn giáo của Pháp, tuy nhiên do các lực lượng cách mạng đã già dặn hơn về chính trị, đã triển khai thực hiện nhiều chính sách đối với tôn giáo, trong đó có cả chính sách tạm cấp đất, nên đã từng bước giải tỏa thù hận, tiến tới xây dựng được nhiều cơ

sở cách mạng trong vùng đồng bào giáo dân. Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng năm 1975, tức đã gần 30 năm sau, tuy câu chuyện về Hòa Hảo vẫn chưa hoàn toàn kết thúc, thế nhưng do đã kiên trì chính sách đúng đắn về tôn giáo của Đảng, mặt khác cũng không còn bàn tay hiện hữu của các thế lực đế quốc xâm lược nên cho đến nay thì đạo Hòa Hảo đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của khối Đại đoàn kết dân tộc Việt Nam...

Nhớ lại khi quân Pháp trở lại chiếm Sài Gòn được ít lâu thì lực lượng Đệ tam Sư đoàn của Nguyễn Hào Hiệp lại kéo về đóng quân tại Cao Lãnh và tìm cách tước vũ khí của lực lượng cách mạng tại địa phương. Nhưng âm mưu này không hoàn toàn thành công, nên sau khi giặc Pháp trở lại chiếm đóng được một thời gian thì đã tập hợp được các lực lượng chống Pháp tại Cao Lãnh như bộ đội ông Hưng, bộ đội ông Dương Hồng Tăng và bộ đội ông Xuyên.

Tôi còn nhớ hai sự việc khi sư đoàn này về đóng ở đây: một là việc họ đưa một người mà họ kết tội là Việt gian tên là Cò Thẻ ra xử tử tại sân vận động Cao Lãnh bằng cách trói hai tay sau lưng và chặt đầu nhằm thị uy đối với quần chúng; hai là việc họ bắt dân phải xài giấy bạc có mệnh giá 500 đồng mà không biết họ lấy từ đâu ra, báo hại nhiều người bị mất của vì loại giấy bạc đó khi họ rút đi. Nhớ rằng lúc đó còn lưu hành loại giấy bạc 1 đồng thì giá trị của tờ 500 đồng là rất lớn. Sau này nghe anh Bảy Noãn kể lại thì má tôi vốn là người buôn bán ở chợ cũng bị vướng vào loại tiền “âm phủ” đó nên nợ càng thêm nợ!

Ngày 1 tháng 1 dương lịch năm 1946, tôi đi xuống từ Mỹ Quý về Cao Lãnh đến vàm Sông Con thì trời tối và chui vào một đồng rơm ngủ vì trời khá lạnh, nhìn ra xa xa ngoài sông Cửu Long thì thấy bóng dáng của một chiếc tàu Pháp, đèn chiếu sáng choang. Về Cao Lãnh đi ngang qua trường tư thực Huỳnh Văn Quờn thấy có một thông cáo không nhớ là của ai, được dán trên tấm bảng đen viết chữ khá to với nội dung là Nguyễn Ái Quốc đã dẫn một đội quân về đánh Pháp. Như vậy là dù cách mạng đã thành công,

nhưng lúc đó ở Cao Lãnh người ta vẫn chưa biết Nguyễn Ái Quốc chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đang ở Hà Nội.

Ngày mồng bốn Tết năm đó, khoảng tám giờ sáng, bỗng nghe nhiều tiếng đại bác nổ dọc theo đường lộ, một trái nổ tan đám trúc nhà bác Bảy Vị cách nhà tôi chưa đầy hai trăm thước, mọi người đều hốt hoảng tìm chỗ trốn trong ngõ ngách, chưa biết việc gì đang xảy ra. Đến chiều thì nghe tin Tây đã chiếm Cao Lãnh mà không hề có một tiếng súng kháng cự, kể cả của lực lượng Đệ tam Sư đoàn là đơn vị có nhiều súng ống nhất mà trước đây nhiều người cho rằng họ sẽ đánh lại Tây như họ đã từng huênh hoang tuyên bố. Vài ngày sau quân Pháp đã giết 4 người ở chợ Cao Lãnh, trong đó có ông “cu-li” Bương của trường tiểu học, vứt xác ở bên hông nhà dì Tám Thị bên cạnh trường học, không biết lý do. Lực lượng chiếm đóng của Pháp lúc bấy giờ đa phần là lính Lê dương, có nhiều lính Tây trắng lẫn lính châu Phi như Maroc hoặc Senegal rạch mặt và tóc xoắn. Hằng ngày chúng đi đốn cau làm công sự, và thỉnh thoảng cũng đi bắt gà của dân. Chúng cũng thích uống rượu nếp xanh pha với nước dừa xiêm ở quán của dì Ba tại đầu cầu đúc, nhưng có lúc quít luôn không trả tiền.

Thế là Cao Lãnh đã bước vào một thời kỳ biến động lịch sử mới, bắt đầu cuộc Kháng chiến chín năm chống Pháp. Cũng như tất cả mọi cuộc xâm chiếm của ngoại bang, chúng đều sử dụng bọn tay sai người bản xứ, vì vậy đã xuất hiện những tên Việt gian làm chỉ điểm cho Pháp rình rập bắt bớ giết hại, khiến không ít người hoang mang hoảng sợ, nhưng đồng thời cũng khiến lòng dân căm phẫn, cho nên khá nhiều tên trong số đó lần lượt bị trừng trị. Khởi đầu có tên Xí, do quá hung hân nên đã bị lực lượng trừ gian tại chỗ giết chết. Được biết sau này nhiều tên khác cũng lần lượt đền tội. Như tên Phấn bị anh Năm Thọ là tín đồ Tin Lành, sau này trở thành chiến sĩ công an, bắn chết trong khi đang cắt tóc tại tiệm bác Sáu Oanh ở chợ Cao Lãnh,

một thằng nữa tên Nghiêm, là con trai của Cả Phẩm, cũng bị lực lượng vũ trang phục kích bắn chết tại đầu cầu đúc.

Riêng trong gia đình thì vào thời gian này anh Bảy Noãn đã bị bắt vì tham gia hoạt động trong đoàn thể thanh niên, ban đầu chúng giam và tra tấn tại lầu Mười Chuyển ở Cao Lãnh, sau đó giải xuống giam tại nhà giam ở Sa Đéc, có lúc chúng còn hăm he mang ra giết, may nhờ có cậu Út, lúc đó là sĩ quan quân y của Pháp nói hộ nên được thả. Còn Ông Già cũng bị chúng bắt giam tại lầu Mười Chuyển, nhưng chỉ được xét thả ra sau khi đã cống cho chúng mấy con vịt.

Lúc này thì chị Bảy Liên là con của dì Ba và chị Năm Thầy Liễn là con của cậu Hai Mão đã chuyển tiệm may từ nhà dì Ba về nhà chúng tôi. Lý do là ở chỗ cũ lính Pháp thường tới lui phá khuấy, khó làm ăn. Hơn nữa hai chị đều là gái chưa chồng nên cũng sợ. Riêng chị Bảy Liên thì ngoài việc làm ăn chị còn tham gia công tác kháng chiến, về chỗ này vừa kín đáo, vừa tiện cho việc đi đứng hoạt động, địch khó bề theo dõi. Có hai chị thì ngày nào cũng có khách khứa tới lui rất đông vui, thăm hỏi cũng có, đặt may quần áo cũng có, và bàn bạc công tác kháng chiến cũng có. Anh Ba Thanh Nha cũng dời tiệm về từ trên chợ về làm tại nhà, nên khách khứa càng nhiều, đặc biệt vì anh là nghệ sĩ đa tài, đàn ca cũng giỏi mà thơ phú cũng hay. Còn môn vẽ vời thì càng “siêu” dưới mắt của các bạn nam nữ ái mộ ở một vùng nửa quê nửa chợ như huyện Cao Lãnh, bởi cả vùng này đâu có ai được “ra lò” từ một trường đào tạo nổi tiếng như Trường mỹ thuật Gia Định!

Có một câu chuyện kể lại cũng khá vui. Số là trong đám nam nữ mộ điệu có chị Nghĩa con bác Tám Kinh, chủ tiệm vàng, đã mê anh như điên đổ, hay lân la đến nhà trò chuyện, mà mỗi lần đến là nói hoài không hết chuyện. Có một bạn chị ghé chơi sau khi đi chợ về, mang theo một cái đùi heo vừa mới mua, đem treo trên cây cột nhà bếp, và bắt đầu “vô” chuyện với anh Ba, mà cũng không biết chuyện gì ở đâu cứ nói mãi không hết. Bà

nội thấy cái kiểu đàn bà con gái gì mà ngày nào cũng đến nhà đàn ông con trai chuyện vãn tối ngày, vốn đã không ưa, hôm đó thấy đi chợ xong cũng không chịu về nhà nấu nướng mà chỉ lo mê chuyện nên càng ghét. Chợt nhìn thấy cái đuôi heo treo trên gốc cột nhà, bà bèn xách bỏ vô trong tủ chén, gài cửa lại, và bỏ đi lên nhà trên. Đang say chuyện chị bỗng chực nhớ thì cũng đã gần trưa nên vội vã ra về. Nhưng khi ra ngoài tìm thì cái đuôi heo đâu có còn ở chỗ cũ, chị ngó quanh ngó quẩn tìm khắp nơi không thấy, nhưng ngại ngùng đâu dám hỏi ai, nên cuối cùng đành ra về tay không.

Riêng tôi thì cũng do một chuyện hết sức tình cờ qua đó lần đầu tiên có dịp làm một việc nhỏ giúp cho kháng chiến. Chẳng là trong một lần đi tắm sông, tôi lội đến chân cầu trước sở “đuan” lặn xuống mò tôm cá, bỗng đụng phải một vật cứng cứng, kéo lên xem té ra là nòng và thân của một cây súng. Lặn mò một lát lại vớt lên hơn chục viên đạn. Có lẽ số súng đạn này là của mấy thằng Tây “đuan” vớt trong thời kỳ Nhật đảo chánh Pháp. Tôi mang tất cả đem về nhà cất giấu, sau đó đem giao cho mấy anh bên kháng chiến.

Tình hình kinh tế gia đình lúc này hết sức gay go, má không còn bán vải, chỉ làm kẹo đậu phộng, mà kẹo đậu phộng thì lời bao nhiêu, đâu đủ trang trải chi tiêu hằng ngày. Bên cạnh đó còn phải lo trả các khoản nợ cũ, mà nợ cũ chỉ có thể trả dần bằng cách hốt hụi với mức lãi cao, nên nợ mẹ đẻ nợ con, trả hoài không hết! Hình như tất cả mọi lo toan của cuộc sống hiện tại, của các món nợ chất chồng đều nằm trên vai má. Sau này nghĩ lại, không hiểu lúc đó má lấy nghị lực từ đâu để có thể gánh vác cả một sức nặng khủng khiếp như thế! Phải chăng nhờ một niềm tin mà những người theo đạo Tin Lành thường hay nói là “mọi việc đều do ý Chúa xếp đặt” đã an ủi má, cộng với lòng thương yêu chồng con vô bờ bến, nên dù cực khổ đến đâu má vẫn nhẫn nhục chịu đựng. Riêng bản thân tôi lúc đó cũng còn quá đại khờ để có thể hiểu

hết mọi chuyện. Sau này khi đã lớn, thoát ly gia đình đi tham gia cách mạng, đã có những lúc ngồi nhớ lại cảnh cơ cực của má thuở đó và sau này, rồi cũng không biết cho đến bao giờ má mới hết cực, nên mong sao kháng chiến sớm thành công để còn có dịp làm gì đó đỡ dần cho má và giúp các em. Nhưng cuộc chiến cứ kéo dài, qua những năm tháng trong chiến khu miền Đông và sau này cách biệt hai miền Nam-Bắc, thì ước muốn đó cũng chỉ là ước mơ!.

Má tôi là một con người hiền hậu, nhẫn nhục, lúc nào cũng chỉ biết lo cho gia đình và cực khổ suốt đời. Các đức tính này đều được cả hai bên nội ngoại thừa nhận, và tất cả các con các cháu cũng đều thấy rõ. Chữ hiền hậu thì không thể diễn tả chỉ bằng một lời hai lời, bởi nó đã xuyên suốt cả cuộc đời, không hề nghe bất cứ một ai trong bà con gần xa, hoặc những người quen biết có một lời chê trách. Còn nhẫn nhục ư? Phải nhẫn nhục chịu đựng tất cả những lời nói nặng nhẹ của các chủ nợ, đôi khi đó lại chính là những người bà con của mình; nhẫn nhục trong những năm tháng làm dâu trong gia đình bên chồng với mối quan hệ gần đúng như “chồng chúa vợ tôi”, nhẫn nhục chịu đựng không chút ghen tuông oán thán khi biết tình cảm vợ chồng đã bị chia sẻ, thậm chí còn bảo Ông Già cứ đem bà vợ nhỏ từ Cà Mau về ở gần để khỏi phải đi xa... Nghĩ rằng đối với một người phụ nữ thì nhẫn nhục đến thế là cùng! Còn lo cho gia đình ư? Với mười một đứa con chết hai còn chín, lại gặp ông chồng không được mát tay trong làm ăn nên hầu như chỉ có một bàn tay của má cực khổ trực tiếp làm ra đồng tiền, kể cả việc vay mượn, để lo cho các con ăn, học, và có lúc còn phải trả nợ thay chồng. Bởi thế, ngoài việc làm mưu sinh thì xem ra má không một phút lo riêng cho mình, đừng nói gì đến việc học hành giải trí như đa số phụ nữ thời nay. Cho đến những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, khi tuổi đã ngoài 70, và cho đến trước những ngày lâm bệnh qua đời, má vẫn còn may vá thuê để tự nuôi sống. Rồi mọi người còn

nói má cực đến lúc chết, chết đúng những ngày chộn rộn của cuối tháng 4 năm 1975, cỗ quan tài phải lưu lại trong nhà mấy ngày và khó khăn lắm mới tìm được mảnh đất an táng, lại cũng không mấy người có thể đến viếng để phúng điếu đưa tang.

Viết đến đây chợt nhớ lại một trường hợp thật sáng trí của Bà già mà mỗi lần nhắc tới là tôi bắt tức cười. Số là trong những chuyến đi xuống Cà Mau làm ăn của ông bà già, người ta biết ông bà có người con trai tốt nghiệp “Trường Vẽ”, nên gởi Bà già một số ảnh chụp nhờ anh Ba Thanh Nha họa lớn ra để treo trên bàn thờ, bởi thời đó Cà Mau còn là nơi nông thôn quê mùa nên đâu có tiệm họa hình. Sau khi họa xong, Anh gởi Bà già mang trở xuống giao cho người ta. Thế nhưng khi giở hình ra xem thì mười người như mười đều khen họa đẹp, nhưng chỉ kẹt ở một chỗ, là làm sao mà trong con người mắt của ai cũng đều bị có hạt cườm, nhưng đâu có ai biết đó là phản quang tự nhiên, nên mọi người đều trả lại, cho dù Bà già có giải thích thế nào thì người ta cũng không nghe nên đành dần lòng thu hết bảo sẽ đem về nhà họa lại. Về chỗ ở, Bà dùng than củi tô vào mấy chỗ “hạt cườm” rồi để đó. Sau một thời gian Bà đem đến giao lại cho người ta, và ai nấy đều rất hài lòng về tấm hình “mới”, bảo vẽ như thế mới đúng nên chịu trả tiền công. Thế nhưng khi trở về Cao Lãnh kể đầu đuôi mọi chuyện thì Anh Ba nổi cơn tức giận, bảo rằng nếu có mặt Anh sẽ xé bỏ ngay tại chỗ. Lúc đó Bà già lại lý luận: “Sao mà đại thế, tao chỉ cần lấy than bôi lên một chút xíu là đã lấy được tiền, cũng bằng mày vẽ cả ngày cả tháng!”. Lúc đó thì Anh cũng đành “chịu phép” Bà già và miễn cưỡng xò tay nhận tiền mua thuốc hút....

Độ vài tháng sau khi quân Pháp chiếm lại Cao Lãnh, Ông Già lại tổ chức một chuyến đi Cà Mau bằng chiếc ghe của gia đình, có muốn một người tài công và hai người bạn chèo. Ông Già đi trước trên một chiếc tam bản có mui, còn tôi thì theo ghe đi sau, trên ghe có chở theo một số vải được giấu trong các bó lá chàm.

Khi ghe đi ngang qua đồn Phú Hữu gần vàm Cái Côn thì bị chặn lại xét. Vì trong giấy xin phép đi đường có ghi là có mang theo một số vải, nhưng bọn lính lục tìm khắp nơi mà không thấy nên chúng bắt đầu gặng hỏi các bạn chèo, nhưng tất cả đều trả lời là không hề biết gì cả. Chúng quay sang hạch hỏi tôi, vì quá sợ nên tôi chỉ chỗ giấu vải, nên chúng tìm ra được và lấy sạch. Chúng còn khen tôi là đứa thật thà còn mấy người kia toàn là xảo trá, xong chúng thả ghe cho đi. Khi ghe rời khỏi bến thì tôi bị ông tài công tên Chàng chửi cho một trận thậm tệ, bởi vì tôi quá ngu nên mới chỉ chỗ cho nó lấy sạch của cải của Ông Già, ông nói tôi: “Ngu thì có, chớ thật thà gì mà thật thà!”. Cũng thật lạ là sau khi gặp lại Ông Già, mọi người kể lại sự việc thì Ông Già không hề trách mắng tôi một lời nào cả, mà lại còn trách mấy anh ở nhà tại sao ghi trong giấy là có mang theo một số vải làm chi để cho chúng nó lục lấy hết.

Khi ghe đi theo kinh xáng, các anh bạn chèo đều nhảy lên bờ để kéo ghe, thỉnh thoảng có con chuột giật mình nhảy xuống sông thì đều bị anh tên Sáu nhảy theo bắt không trệ một con. Lúc này chợt nhớ đến chuyện tôi dẫn chó đi bắt chuột trên đất cây ở Đồng Tháp Mười, tuy con chó rất giỏi nhưng vẫn có lần để chuột chạy thoát, đằng này anh Sáu lại không để sảy con nào nên tôi bật miệng khen là anh bắt chuột còn giỏi hơn chó. Nào dè câu nói đó đã xúc phạm lòng tự trọng khiến anh hết sức tức giận vì cho rằng tôi ý là con ông chủ nên đem so sánh anh với con chó! Cũng thật là oan cho tôi, vì tôi đâu có ý đó!

Dọc theo kinh xáng từ ngã bảy Phụng Hiệp đến Trà Cú, Trà Lòng, Ngã Năm... thấy từng tốp ghe nhỏ chở hàng hóa đi ngược lại, mà điều làm tôi chú ý và ghi nhớ đến bây giờ, bởi hiện nay không còn nữa, đó là những ghe chở trầu và chở lươn. Không biết nguồn hàng lấy từ đâu mà nhiều đến thế để có thể chở hết ghe này đến ghe khác, và cũng không biết có bao nhiêu người ăn trầu để có thể kịp nhai hết từng ấy số trầu khi nó còn tươi.

Có một lần khi dừng ghe lại ngủ, nghe người ta kể rằng tại đó có thằng Tây đội mũ đỏ và mặt cũng đỏ bắn súng rất giỏi và cũng rất tàn ác, gặp bất kỳ ai nếu nó muốn bắn là bắn cho dù không có tội gì cả. Còn lúc ở tại đồn khi muốn luyện tay nghề, nó đem một cái nồi đất úp trên cây cọc tre, cứ lần lượt bắn chung quanh cho cái nồi xoay dần, và cuối cùng nó bắn một phát vào đít nồi là xong.

Đọc theo kinh xáng thỉnh thoảng cũng thấy xác người nổi lênh bênh, có thể là bị Tây mà cũng có thể là bị bên Việt Minh giết, bởi tình hình mỗi nơi mỗi khác và đang xáo trộn dữ dội.

Khi đến Ngã tư Phó Sinh, thấy có nhiều người Miên nên cũng hơi sợ vì thường nghe chuyện “đăng thổ dậy”, bắt người ta chặt đầu bắt tử.

Khi ghe đến gần Cà Mau thì lần đầu tiên tôi thấy một con cua biển đang lội dưới nước, tôi kinh ngạc hết sức vì ở nhà chỉ có loại cua đồng nhỏ xíu ở trong hang trên bờ ruộng. Sau này khi thấy người ta bắt cua bằng nhiều cách, có những con to “khổng lồ” thì con cua mà tôi nhìn thấy lần đầu chẳng ra cái đinh gì cả.

Khi đến rạch Cái Nhút, Ông già dừng ghe lên bờ thăm người quen, rồi vừa uống trà vừa đánh cờ tướng vốn là môn chơi sở trường của Ông. Nghe nói lại thì ông chủ nhà này cũng là tay “cự phách”, bởi cùng một lúc đã rinh ba bà vợ là chị em ruột, lại cùng sống chung một nhà với nhau. Tôi cũng lên theo, ban đầu thì ngồi trên cái đôn bên cạnh chờ, nhưng ngồi lâu cũng chán nên bỏ ra phía trước nhà và sà vào đồng tôm, ước cũng đến cả chục giỏ, đã luộc nước muối để làm tôm khô. Tôi chọn những con to nhất bóc vỏ ăn, ăn đến đã thèm mới thôi, và cũng chưa bao giờ, mà mãi về sau này cũng chưa có lần nào tôi ăn tôm ngon và nhiều như thế. Tối hôm đó bụng tôi sôi ùng ục, tôi bắt đầu ngồi trên be ghe cho nó tháo xuống sông, còn bụng thì cứ đau như bị cái gì thắt trong ruột. Đi mãi mà chưa dứt được nên tôi phát hoảng vô kêu Ông Già dậy, nói rằng có lẽ tôi bị bệnh

thời khí, tức bệnh thổ tả. Lúc đó Ông Già cười ha hả, bảo: “Thời khí chó gì, bị mấy con tôm nó hành đó thôi!”. Chắc là Ông Già đã thấy cái cảnh tôi ăn tôm lúc ban sáng.

Khi ghe đi đến vùng Cái Keo, Cái Bẹ, tôi thấy rất nhiều ghe chở khoai lang, củ hành, củ kiệu. Được biết đây là vùng đất mùn nên các loại rau củ đều làm chơi ăn thiệt - theo cách nói của người địa phương. Chủ ghe hầu hết là người Tiều, trên ghe lúc nào cũng có một nồi cháo nóng đặt trên bếp, chèo chống mệt thì múc một tô húp sùm sụp.

Dọc theo sông tôi còn thấy từng đàn khỉ dắt nhau đi trên bãi bùn, và xa xa trên các cây cao có các con khỉ đột đang ngồi thu lu dòm xuống bờ sông. Nghe kể lại rằng ở đây người ta có những cách bắt khỉ khá độc đáo. Dọc theo bãi bùn người ta đặt các mùng dừa có chứa nước, trong đó có thả con cá mặt quỷ mà người ta thường gọi là cá ba gà, bởi khi bị nó đâm thì phát nóng lạnh, phải cụng ba con gà mới hết. Thường thì khi nước ròng các anh chàng khỉ bèn kéo nhau đi dọc theo bãi bùn tìm mồi, khi đi ngang qua các mùng dừa đặt sẵn, thấy con cá đang ngo ngoay bên trong, bèn chụp liền, và dứt khoát sẽ bị ngạnh cá đâm vào tay, và vừa bị đau vừa theo phản xạ tự nhiên nó sẽ chụp luôn tay kia vào, thế là cả hai tay đều dính vào hai ngạnh cá, lúc này thì chỉ có cách là đưa hai tay lên trời chịu trận, run rẩy vì đau nhức, trong khi đó hai chân sau đã lún sâu dưới bùn, chạy đâu cho được, chỉ chờ người ta đến bắt bỏ vào giỏ. Cũng có cách khác là người ta lấy cờ bấp dừa nước cắm xuống đất và bện thành hình cái lu lật ngửa, trên có cái nắp treo lên nhánh đước, bên trong bỏ chuối nhủ mồi, khỉ chui vào ăn chuối thì không thoát ra được, vì mỗi lần nắm dây đu lên thì bị cái nắp đập kín lại hết đường ra.

Khi ghe đến thủ Tam Giang, nơi mặt sông rộng mênh mông lại có nhiều cá mập, thấy một ghe câu cá mú, Ông Già kêu lại hỏi mua. Ông chủ ghe tỏ ra hết sức mừng rỡ và nói rằng ông câu được 3 con cá to cột giòng theo ghe, nhưng lúc này cá mập đã cắn đứt

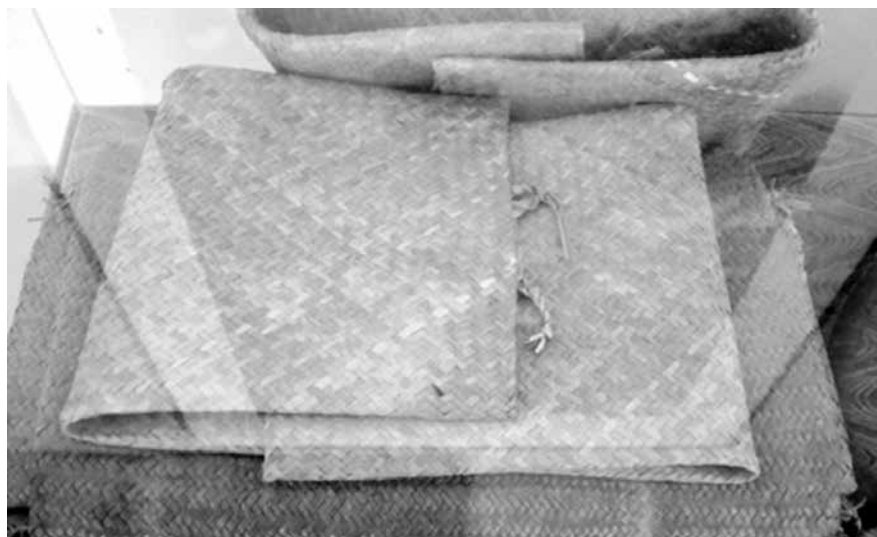
mình hai con, thôi thì còn một con bán đi cho chắc ăn. Nói xong ông nắm đầu dây kéo lên cho Ông Già xem thì hỡi ôi, cũng chỉ còn tro lại cái đầu, cá mập tấp lúc nào ông cũng không hay biết!

Khi đến đầu ở bến chợ Năm Căn thì đột nhiên ghe bị rò nước, các ông bạn chèo phải lặn xuống mò dưới lườn ghe tìm chỗ bị nứt rồi dùng bố tời xảm lại. Nếu như ở những nơi khác thì việc làm này cũng là chuyện bình thường, chỉ cần lặn xuống áp đầu rà theo lườn ghe, đến chỗ tóc bị hít vào thì biết nơi đó bị rò nước. Nhưng ở đây là sông nước mặn, lặn xuống phải nhắm mắt, hơn nữa còn sợ cả bầy cá mập, bởi ban đêm thường nghe nó tấp “cang-câng” rợn cả người.

Đêm ở Năm Căn muỗi nhiều không kể xiết, và thuở đó trên ghe không giăng mùng mà toàn ngủ nóp. Ngày nay nói đến nóp thì chắc ít người biết đến. Đó là một chiếc đệm to đan bằng thân cây bàng vốn mọc nhiều ở vùng Đồng Tháp Mười, được gập đôi và khâu kín hai đầu và khi ngủ thì chui vào nằm bên trong, có thể chống được muỗi nhưng rất ngột do thiếu không khí. Nhớ lúc đó ai cũng thích nằm ngủ trên mui ghe cho mát, mặc dầu ai cũng sợ ngủ mê rồi lặn tôm xuống sông.

Cá dưới sông Năm Căn cũng đầy rẫy, đặc biệt là cá úc. Ban đêm trùm mền kín người chỉ chừa cái mặt và cái tay cầm cần câu, và cứ mỗi lần móc xong con tôm mỗi thả xuống nước thì y như rằng có thể giật ngay lên một con cá úc to bằng cổ tay. Cá úc nấu canh chua ăn khá ngon, có những con trong bụng đầy trứng ăn rất bùi, nhưng ăn nhiều cũng chán nên chỉ được vài hôm là tôi không còn thích câu cá úc nữa.

Thế là Ông Già lại chuyển sang đi chài bắt cá đối. Ở các vàm rạch khi nước mới những lớn thì cá đối loi nhoi xanh đầu. Nhưng chài cũng phải có kỹ thuật, xuống phải từ ngoài xa phóng vào thật nhanh, đến nơi thì chận chèo cho xuống đứng khựng lại, chài phải vãi liến mới kịp trùm lên cả bầy cá, chậm một chút là cá sẽ tản ra mất hết, giỏi lắm cũng chỉ bắt được năm ba con là



Chiếc nóp

cùng. Ông Già có cách vãi chài “ba mớ” rất nhanh, rất thích hợp cho việc bắt cá đối nên cứ mỗi lần vãi xuống là kéo lên trắng cá từ dây dọi xuống đến chân chài. Vì vậy mỗi chuyến đi Ông Già chỉ cần đến vãi ba chỗ cũng đủ ăn, chài thêm nữa cũng chẳng để làm gì. Theo Ông Già đi chài tôi rất thích, nhưng cũng rất khiếp mỗi khi thấy Ông Già nắm đuôi mấy con đèn biển vút ra xa, bởi tôi sợ nó quay đầu lại cắn vào tay Ông Già, vì nó rất độc.

Ghe phải đậu ở chợ Năm Căn mấy ngày để thăm dò đường đi nước bước đến chỗ mua than tận bên Rạch Gốc như Ông Già nói, nhưng đâu chỉ có thế!. Ông phải lặn lội cố tìm cho được bà vợ nhỏ mà sau đó tôi được biết tên gọi là cô Mụ Tám và đưa con gái riêng khoảng bảy tám tuổi, có những nét phảng phất giống Ông Già nhưng nước da thì ngăm ngăm đen. Sợ dĩ tôi biết được là do nghe cách xưng hô và cũng do đã được nghe má kể chuyện từ trước cho dù Ông Già cũng chẳng nói rõ ai là ai. Ông Già đưa hai mẹ con xuống ghe chờ về quê mẹ ở Rạch Gốc, và đó cũng là nơi sẽ đến mua than. Từ khi mới bắt đầu gặp mặt, cũng như suốt thời gian đi chung trên ghe, có lẽ do phản ứng tự nhiên từ tình

thương của tôi đối với má, bênh má, mà trong lòng cảm thấy ghét, nên tôi không hề nói chuyện với hai mẹ con một câu nào cả. Và khi ghe đến đậu dưới bến trước nhà “Bà ngoại” ở Rạch Gốc mấy ngày liền, tôi cũng không hề bước chân lên nhà.

Đối với việc này, sau khi khôn lớn đụng chạm nhiều với đời thì cách nhìn nhận của tôi đã có thay đổi, và cũng không biết từ bao giờ tôi đã trở lại thương người “Má nhỏ” và đứa em gái cùng cha khác mẹ của mình. Và thật lòng tôi cũng ước chi có dịp được gặp và nhận lại những người đó, vì tôi thật sự trân trọng mối quan hệ tình cảm của người cha, bởi tôi biết rằng ông đã thương yêu họ cũng giống như ông đã từng thương yêu má con chúng tôi. Ngược lại, bà “Má nhỏ” và đứa em gái chắc chắn cũng rất thương yêu ông bởi chính họ là người vợ và người con gái mà ông cũng rất thương yêu. Còn chuyện ông có lỗi với má lại là chuyện khác.

Tôi chạnh nghĩ và xót cho thân phận của Bà, bởi trời sinh là một người phụ nữ mà đáng đắp đầu đến nỗi, nếu không nói là có nét đẹp mặn mà. Bà hoàn toàn có khả năng tìm được một người chồng có thể đem đến cho Bà một tình yêu trọn vẹn, để có một gia đình êm ấm bên chồng bên con. Thế nhưng có lẽ do duyên tiền định nên gặp và yêu Ông Già mà Bà đành cam chịu thân phận làm vợ lẽ cho một người đàn ông ở tận phương xa, mỗi năm chỉ gặp mặt một đôi lần ngắn ngủi. Và tôi cũng nghĩ đến đứa em gái, nó cũng là người con của cha mình, nhưng nó làm sao được thừa nhận là một thành viên chính thức trong gia đình đang có đầy đủ các anh chị em. Thế rồi chiến tranh lại chia cắt mỗi người một ngả, bật vô âm tín hết trọn kiếp người...

Mấy mươi năm sau tôi có dịp trở lại Cà Mau, Năm Căn, Đất Mũi, những nơi từng lưu lại kỷ niệm thời thơ ấu và dấu ấn cuộc hội ngộ với những người thân “bất đắc dĩ” nhưng đáng thương, tôi cảm xúc đặt mấy vần thơ:

*“Cà Mau ơi mấy mươi năm ta trở lại
Rạch Gốc, Đầm Dơi.. trước mắt đây rồi*

*Chân bước đi...cũng những vùng thân thuộc ấy
Sao như lạc vào một thế giới xa xôi.”*

*Cầu tàu Năm Căn nơi thuyền Cha từng cặp bến
Kỉ niệm xa xưa bỗng chốc lại hiện về
“Má nhỏ” dắt em, Cha bước vội lên đón
Hình ảnh ba người còn in đậm bến sông xưa”.*

Rồi nhớ cảnh cơ cực của Cha trong những năm tháng vật lộn với mảnh đất Cà Mau thời tôi còn nhỏ:

*“Năm Căn đến Mũi sông sao rộng
Một chiếc thuyền con Cha chống chèo
Sóng cả gió to rồi cũng lặng
Mà cuộc đời Cha sao cứ mãi gieo neo”.*

Cùng những kỷ niệm xa xưa thời thơ ấu:

*“Sông Năm Căn nước một màu xanh biếc
Mũi Cà Mau mặt biển rộng mênh mông
Hai địa danh của một miền sông nước
Kỉ niệm tuổi thơ ta gọi cả đôi đường”.*

Và chuyển trở lại cũng cảm thấy nên thơ:

*“Chim bay về núi tối rồi
Tôi đến đất Mũi cũng hồi hoàng hôn
Đêm rằm núi vẫn màu đen
Trăng lên mặt biển ánh ngàn vì sao”*

Nhưng cảnh vật lại thật đáng buồn:

*“Cà Mau xưa vốn là rừng đước
Thình thoảng nhìn lên còn thấy anh khỉ đột
Cà Mau nay đâu như Cà Mau trước
Đước sắp hết rồi mà khỉ cũng tiệt luôn”*

*“Cà Mau xưa vốn lắm chim giàu cá
Chim bay đen trời cá lội đặc sông
Cà Mau nay lại hiếm chim nghèo cá
Đi cả ngày trời chẳng thấy cá gặp chim”...*

Có một lần tôi cùng mấy người khác đi chợ Rạch Gốc mua thức ăn, và lần đầu tiên tôi thấy con cá mập, loại cá mà ai nghe nói đến đều phải sợ, bởi nó có đến mấy hàm răng. Nhưng con cá này còn nhỏ xíu nên không có gì là đáng sợ, lại còn có thể xẻ thịt nấu canh chua ăn rất ngon.

Ở Rạch Gốc muỗi nhiều khủng khiếp, cả đám cò vạc cũng phải thức kêu suốt đêm vì bị muỗi cắn. Từ trên ghe nhìn vào màn đêm, xa xa thấy ánh đèn những người đi soi cá từ cửa biển đổ vào theo con nước lớn, và đi soi cá cũng là một nghề có thu nhập khá đối với cư dân vùng này.

Độ vài ngày sau, khi đã giao dịch xong với đám mối lái thì bắt đầu cho than xuống ghe. Ngày nay nhớ lại chuyện cũ tôi mới hiểu ra rằng trong chuyến đó Ông Già đã đi mua và vận chuyển than lậu, bởi vì toàn làm vào ban đêm, bất chấp muỗi mòng, và sau khi cho hết số than xuống ghe lại còn chất thêm mấy lớp củi đước phủ kín bên trên để nghi trang. Khi ghe rời bến đi ra sông lớn thì cũng đi vào ban đêm và chắc chắn là nhằm tránh tai mắt kiểm lâm.

Ghe đi một mạch về đến chợ Cần Thơ thì đậu lại để Ông Già tìm mối bán than, và phải mất gần hai ngày mới tìm bán được hết số than, còn củi đước thì chưa lại mang về Cao Lãnh bán. Trên đường về Ông Già cho ghe rẽ vào sông Thành Lợi đến nhà thờ Tin Lành, nơi anh chị Tư đang hầu việc Chúa. Khi lên đến nhà, chị Tư thấy đầu tóc tôi bù xù và hai tay gãi liên tục nên đàm nghi đề đầu tôi xuống xem, thì hỡi ôi thấy toàn chỉ là chỉ, mà đa số là chỉ mền, mà chỉ mền nó cắn là ngứa phải biết! Chị bèn lấy chiếc lược dày chải tới chải lui cho đến khi không còn sót con nào và còn tước sạch các trứng dính trên tóc, sau đó lấy xà bông

gọi đi gọi lại mấy lần. Đến lúc đó tôi mới cảm thấy đầu tóc mình nhẹ nhõm, và sức nhớ là đã qua bao nhiêu ngày không gọi. Sáng hôm sau ghe rời nhà chị Tư đi về Cao Lãnh, đến tối hôm sau nữa thì tới nhà. Như thế là kết thúc một chuyến đi khá vất vả, và nếu tính cả thiệt hại của số vải bị họ tịch thu trong chuyến đi thì cũng đủ vốn, chỉ lời số củi được còn lại để dưới ghe chờ bán.

Thế nhưng có lẽ vào thời buổi khó khăn nên củi bán rất chậm. Trong khi đó thì ngày ngày tôi thấy cậu Hai Mào thản nhiên sang ghe rinh từng khúc được về vót đũa mang ra chợ bán nên xót của, nhưng không thấy Ông Già nói năng gì. Có lẽ do tính Ông Già rộng rãi, vả lại mấy khúc được cũng chẳng đáng là bao, hơn nữa cậu Hai lại là anh ruột của má lại đang gặp khó khăn trong cuộc sống. Trước đây cậu Hai cũng thuộc lớp người khá giả, cũng giống như Ông Già, cậu Hai thường đưa ghe đi buôn miệt Cà Mau, rồi cũng có đôi bà vợ bé, và bà hiện đang ở với cậu cũng gốc Cà Mau, người rất cao to. Cuộc sống của hai người đã lênh đênh nhiều nơi, cuối cùng mới cập bến về đây.

Cậu Hai có một ngón tay cái chẻ đôi trông rất buồn cười. Khi ăn canh, cho dù đã có sẵn cái muỗng trong tô, cậu cũng không bao giờ xài đến, mà chuyên lấy cái ngón cái chẻ đôi kẹp chặt nó vào mép tô, và cứ thế bùng nguyên tô lên húp. Tất cả những người quen biết với cậu Hai đều biết cái “mốt” này của cậu, và cậu thường bảo rằng húp như thế mới đã!. Cách nói năng của cậu cũng khá cắc cớ. Có lần nghe được các câu đối đáp sau đây giữa cậu và người đầu bếp: “Ê thằng Hai, bộ nấu canh chua mà mày quên bỏ ớt hả?”. Đầu bếp: “Đâu có, tôi bỏ vô ba bốn trái ớt rồi mà!”. Cậu Hai: “Hèn chi cay thấy mẹ!”...

Ít lâu sau Ông Già lại nhận chở thuê số đồ đạc bàn ghế của ông đốc-tờ Bá từ Cao Lãnh lên Biên Hòa, cũng với chiếc ghe nhà và những ông bạn chèo của lần trước. Chuyến này Ông Già cũng cho tôi theo, còn má thì lo muối một mớ thịt heo vùi trong hũ cám để ăn dọc đường.

Ghe rời bến Cao Lãnh vào sáng sớm, dự định khoảng chiều tối thì đến Mỹ Tho. Dọc đường gặp nước xuôi và gió cũng xuôi nên cứ căng buồm mà chạy, không phải chèo chống mất công. Buổi chiều khi trời gần tắt nắng, dọn cơm ăn trên mui trong lúc ghe đang chạy, buồm đang căng, gió riu riu thổi, quả thật là khung cảnh thần tiên nhớ đời! Chạng vạng tối, khi ghe đang bẻ lái, căng lèo và chuẩn bị chuyển hướng vào vàm sông Mỹ Tho bỗng nhiên gặp cơn gió nghịch thổi khá mạnh khiến cả buồm lẫn ghe đều chòng chành dữ dội, và nếu xử trí không kịp thì lật thuyền là cái chắc!. Chính lúc hiểm nguy đó thì bằng kinh nghiệm sông nước dày dạn của mình Ông Già chỉ hét có một câu: “Thả hết lèo ra!”, và cũng chỉ cần nghe thế là người ngồi trên mui lập tức y lệnh buông tay ra khỏi dây lèo, thế là đã thoát hiểm!. Khi sự việc đã qua, nhìn lại Ông Già thấy ông vẫn tỉnh rụi như chẳng hề có chuyện gì xảy ra. Phục Ông Già thật!

Hôm sau lại tiếp tục lên đường, theo kênh Cây Khô đến sông Nhà Bè rồi rẽ qua sông Đồng Nai để vào thành phố Biên Hòa. Trên quãng đường này một lần nữa tôi lại thấy tài nghệ của Ông Già khi ông thay người tài công lên cầm tay lái, lúc thì sang phải, lúc bẻ gấp sang trái để có thể an toàn vượt qua một đoạn sông đầy đá ngầm mà chỉ cần nhìn đám nước xoáy quần quần bên trên cũng thấy ngán, sơ suất đi sai luồng lạch một tí là có thể thùng ghe như chơi.

Dọc theo sông thấy hai bên cây cối xanh tốt, khung cảnh thật yên bình, mặc dù nơi đây đã bị quân Pháp quay lại chiếm đóng. Thấy có những người lặn hụp tắm mát dưới sông, cũng có những người ngồi trên cầu giặt quần áo. Bất ngờ lại nhìn thấy một thằng cha ở truồng đồng đứng chải lông tắm cho con chó Béc giê to đùng, Ông Già thấy ngứa mắt, cho là nó muốn học đòi theo cái kiểu của mấy thằng Tây ba trợn, nên tức mình tuôn ra mấy câu chửi thể xả giận!.

Chuyến về Ông Già cho ghe ghé vào Sài Gòn, đậu ở bến chợ Cầu

Ông Lãnh để lên thăm chồng chị Năm Trĩ, nhà ở đường Kịch-sơ-ne, gần đó. Trong thời gian chờ Ông Già trở lại thì cứ chốc chốc lại có một chiếc xuồng con đến rao bán đủ các loại từ quà bánh trái cây đến thức ăn nấu sẵn. Thấy có người bán món lạ lạ là huyết heo nên tôi gọi lại mua ăn thử. Huyết luộc được thái từng lát đựng trong đĩa, trên có một ít rau thơm, ăn chấm với nước mắm ngon có vắt chanh và còn rắc thêm một ít tiêu. Chỉ định ăn thử một chút thôi, nào dè ngon miệng quá nên ăn luôn một lúc ba phần, mà vẫn còn thèm. Từ đó trở đi thì huyết heo luộc chấm nước mắm là món khoái khẩu của tôi. Nhớ sau khi đi tập kết về lên Di Linh thăm chị Tư Hoa, chị hỏi thèm ăn món gì, thì tôi vẫn bảo là thích huyết heo luộc và cũng ăn hết trên nửa ký một cách ngon lành. Nhìn cách tôi ăn, Chị tức cười nói rằng tưởng món cao sang gì chó thú này thì ăn cả đời cũng không hết.

Về Cao Lãnh được một thời gian ngắn thì Ông Già quyết định đưa cả nhà đi tản cư bởi hai lý do, một là tình hình Tây tà rất căng, hai là ở lại cũng chẳng làm gì ra tiền đủ nuôi sống cả nhà, chưa nói chi tới chuyện trả nợ. Ngược lại đi tản cư còn thuận được nhiều bề, chẳng hạn như rời bỏ vùng địch đi vào vùng kháng chiến là việc làm được nhiều người hoan nghênh, tản cư vào Mỹ Quý thì gặp toàn những người quen lớn thân thuộc có thể giúp đỡ nhiều thứ, nhất là khi vào ở tại nhà chú Ba Sảo, vốn là người thân và người bạn chí cốt của Ông Già, thì chẳng phải lo chuyện gạo thóc, cá tôm. Và theo tôi nghĩ thì còn một điều hết sức quan trọng nữa là có thể trốn nợ, bởi tất cả các chủ nợ đều còn ở trong vùng địch, có ai dám theo vào đây để mà đòi!.

Vào một buổi chiều, khi trời chạng vạng tối, chiếc ghe nhà tôi chở cả gia đình và đồ đạc rời Cao Lãnh hướng vào Mỹ Quý là một xã thuộc vùng ven căn cứ kháng chiến Đồng Tháp Mười. Đây là một nơi đất đai phì nhiêu, ruộng đồng cò bay thẳng cánh, kênh mương đào ngang xẻ dọc. Đến mùa lúa chín một màu vàng tít tắp trải rộng đến tận chân trời, dưới sông thì đầy tôm cá, mùa

nào cũng có, có thể thấy trước đây là vùng đất lý tưởng cho cuộc sống sắp tới của gia đình chúng tôi.

Ghe đi hết một đêm là đến nhà chú Ba Sảo. Cả nhà chú Ba có phần bất ngờ vì không được báo trước, nhưng cũng hết sức mừng rỡ xúm nhau giúp mang vác đồ đạc lên nhà, sắp xếp chỗ ăn chỗ ngủ. Mà có rắc rối gì đâu, bởi chỉ cần một bộ giường riêng cho ông bà già và hai đứa nhỏ, còn lại mấy anh em trai chúng tôi thì ngủ chung với mấy đứa con trai của chú trên mấy bộ ván giữa nhà. Còn cơm nước thì chú thím Ba nói rằng muốn ăn riêng cũng được, mà ăn chung cũng được, bởi gạo thì đã sẵn lúa trong bồ cứ xúc ra mà xay, còn thức ăn cũng đâu cần phải lo, cá dưới sông và trong rọ thì đâu có lúc nào thiếu, chỉ cần mang chài đi chài hoặc lặn xuống rọ xúc lên vài rổ là ăn không hết. Còn lúc nào kẹt lắm thì cũng còn mấy lu mắm trong nhà. Bây giờ nhớ lại thấy sao cuộc sống lúc đó nó dễ dàng đến thế, bởi hai gia đình gộp lại cũng gần hai chục miệng ăn chớ đâu có ít!.

Kể từ đó chúng tôi bắt đầu một cuộc sống mới. Tôi và anh Bảy cũng từng bước học theo cách làm của bà con ở đây để góp phần cải thiện cuộc sống gia đình, những cách làm không phải khó nhọc gì cho lắm, nhưng rất kết quả và chúng tôi cảm thấy rất thích thú. Và tôi còn nhớ như in những việc mình đã làm hoặc cùng làm chung với người khác trong thời kỳ đó.

Mùa nắng đồng khô thì chúng tôi đi đào hang bắt chuột, gắp chuột cơm là chuyện thường, nhưng khi gắp hang chuột cống nhum thì đổ ai là không hồi hộp trước cái cảnh ở dưới thì con chuột kêu “khù khi khù khi”, còn bên trên thì con chó dậm dậm chân, khịt khịt mũi, ngoắc đuôi lia lịa. Tóm được nó rồi thì con nào con nấy đen mun, mập ú như con heo con, thấy mà ham.

Khi đốt đồng thì cứ tìm chỗ trên gió mà đứng, nhất định sẽ tóm được những chàng rùa vừa buơn lên vừa dụi mắt vì cay khói, trông rất tội nghiệp. Mà tội nghiệp thì tội nghiệp chớ đâu có tha vì nó là của quý mà!.

Mùa mới sa mưa thì đất chó đi bắt chuột trên đất cày, hễ chỗ nào có mô đất cao không ngập nước, chó chỉ cần đến bắt hơi rồi dùng mõm hất một cái, chú chuột vừa phóng ra là đã bị tấp gọn.

Những đêm mưa dầm, ếch bắt cặp từng đôi, chịu khó dầm mưa đi bắt một lúc thì cũng được nửa thùng thiếc. Nhưng kinh nghiệm là phải chụp bằng được hai con cùng một lúc, bởi nếu chỉ tóm được thằng nằm trên thì chỉ là con đực, nhỏ xíu, còn con nằm dưới mới là con cái, to mập hơn.

Khi nước mới lên lấp xấp thì xách rổ đi dặm cá lia thia, tha hồ mà chọn những con lớn đem về nuôi, bù lại lúc ở chợ Cao Lãnh, nhỏ lớn gì cũng ham.

Khi nước đã ngập đồng thì chống xuống vô trong ngàn ba ngàn tư* tìm ổ hốt trứng gà nước, trứng vịt trời, trứng le le... Phải dùng chữ “hốt” bởi khi gắp được thì thấy nó nằm phê phê năm ba quả và có khi cả chục quả trong một ổ, ai thấy cũng ham.

Cá lia thia hoang dã



* Tính từ kênh Nguyễn Văn Tiếp vào 3 đến 4km.

Khi mùa nước nhùng đồng thì cắt luồng, giăng câu cá trê cá lóc ngay trên ruộng lúa, một giềng câu chỉ cần năm ba chục lưỡi, chưa móc xong hết một lượt mỗi thì đầu kia cá đã dính câu giật giật, không mê sao được!

Mùa nước thúi, ven bờ kinh tôm bị ngộp nổi đỏ đầu, có thể nắm râu từng con từng con liệng vô xuống, khỏi phải tốn công lờ lợp câu kéo.

Đến mùa cúm nùm thay lông, chống xuống trên ruộng, thấy phía trước cỏ rung rinh, chống nhanh tới nơi, nếu không phải là chuột thì nhìn sâu dưới đáy nước thế nào cũng gặp một anh chàng cúm nùm đang cắn chặt vào gốc lúa, nhưng nước phèn trong vắt nhìn tận đáy thì làm sao mà trốn cho thoát. Nhưng nếu lúc tới nơi mà gặp rắn hổ và trăn thì phải cẩn thận. Nhưng cũng có cách trị tốt! Gặp rắn hổ thì đuổi theo, trở đầu sào đập cho gãy xương sống, còn gặp trăn thì phải chop cho được cái đuôi, rồi quay vòng vòng thật mạnh cho giãn xương sống rồi thả vô xuống, và nếu nó còn vùng vẫy thì chém thêm mấy dầm cho nó nằm luôn.

Mùa nước ngập năm đó tôi mới thấy hết hồn về lượng tôm cá của Đồng Tháp Mười. Hôm đó thằng Tư Lộc, con của chú Ba, chở tôi qua rọ cá bên cống Sinh Bị đối diện nhà chú Ba để xúc cá. Nó lặn xuống một hơi thì xúc lên gần nửa rọ cá các loại: cá chày, cá ngựa, cá he, cá mè dinh... Và nó chỉ lặn chưa đến một chục lần thì đã đổ gần đầy xuống. Đó cũng chỉ mới là cá chạy rọ trong những ngày đầu khi gió bắc mới thổi về lành lạnh và nước mới bắt đầu rút, còn về sau thì ngày càng nhiều, phải phơi khô và làm mắm mới hết. Còn nhớ cái cách ăn cá của chú Ba Sào, một con cá mè dinh to bằng bàn tay xòe, chú chỉ cần cầm nghiêng đôi đũa, gắp bên này một cái, rồi lật qua bên kia gắp một cái nữa, thế là hết con cá. Nhìn thấy chú ăn như vậy, thằng Chín Giáp phát biểu một câu: “Chú Ba ham ăn quá!”, bởi có bao giờ nhà chúng tôi có được nhiều cá như thế để mà ăn.

Đến mùa chắt cống và tát đìa năm ấy thì càng thấy cá nhiều

vô kể. Cũng giống như các diền chủ khác trong vùng, bác Ba Vện cũng có một miệng cống dài hơn một ngàn mét đào trên ruộng nhà. Vì quen gọi là cống chớ thật ra đó là một kinh đào nhỏ, sâu hơn một mét, rộng cỡ bốn năm mét, ăn thông ra kênh lớn là kênh Nguyễn Văn Tiếp. Mùa nước nổi cá sinh sôi nảy nở trên ruộng lúa, đến mùa nước xuống, ruộng bắt đầu khô dần là bao nhiêu cá trên đồng đều gom xuống cống mà sống, bởi nếu cứ ở trên đồng thì có mà chết khô tất cả. Đến gần giáp Tết là thời kỳ chắt cống bắt cá. Khi phần lớn nước trong cống đã được đổ hết ra kênh thì người ta tiếp tục chắt thật cạn số nước còn lại cho đến khi lộ hẳn lớp bùn dưới đáy. Lúc này thì người của phía chủ nhà ngồi xếp hàng ngang, người này chạm vai người kia và bắt đầu đẩy con cúi rom cho cá dồn về phía trước, có bao nhiêu cá rô, cá thác lác, cá sặc rằn đều gom lại một chỗ, đặc đầu như cá rộ trong lu, rồi cứ ngồi một chỗ mà từng con từng con bắt bỏ vào thùng. Cũng trong lúc đó thì hàng người lại thọc tay xuống tìm bắt thú cá trê, cá lóc chuyên chúi sâu dưới đáy bùn, lại từng con từng con bị chộp đầu bỏ vào giỏ, xong chắt lên xe trâu chở về nhà đổ xuống các hầm có sẵn chờ ngày đem bán. Năm nào bác Ba cũng thu được trên trăm giạ cá, ước tính cũng trên dưới chục tấn, mà không hề mất một ký thức ăn chăn nuôi, sướng thật!. Có một quy ước rất hay là mỗi khi con cá vọt ra phía sau là đã thuộc về quyền sở hữu của những “con hôi” lúc nhúc bám sát theo sau, chủ nhà không được vì tiếc của mà quay lại bắt. Vì dưới cống toàn là sinh lầy, nên cá thoát ra phía sau là chuyện bình thường, nên chủ nhà bắt được mười thì “con hôi” cũng được hai ba, có thể mang về làm mắm chớ ăn không bao giờ hết. Chưa kể đến chuyện “ăn gian” khi người được thuê bắt cá lại có vợ con theo sau bắt hôi, bởi trong trường hợp đó thì việc “sơ suất” để cá vọt ngược ra phía sau lại xảy ra nhiều hơn. Năm đó trúng mùa nên nhà bác Ba phải vét thêm hầm để rộng riêng số cá đen.*

* Cá đen: cá rô, cá trê, cá lóc...; cá trắng: cá mè, cá linh, cá lòng tong...

Còn nhớ mãi một chuyện vui. Số là có một lần tôi đến xem anh Năm Hào, là rể của bác Ba, xúc cá lên cân bán cho lái, thấy tôi anh nói một câu: “Lựa cho thằng Phiên mấy con cá rô thiệt mập để nó nướng ăn cho núng c... chơi!”. Mà anh nói và làm thật, hốt liệng lên cho tôi mấy con cá rô mề mập ú. Mãi mấy chục năm sau gặp lại, lúc này tuổi anh đã trên tám mươi, nhưng khi tôi nhắc chuyện này anh vẫn còn nhớ và cười ha hả!.

Một ấn tượng khác đối với tôi khi tản cư về Mỹ Quý là bộ đội Việt Minh. Lần đầu tiên tôi tận mắt nhìn thấy lực lượng kháng chiến là bộ đội ông Xuyên đánh thắng Pháp trong trận Ngã tư Kênh số 1 kéo về, súng ống chiến lợi phẩm linh kinh vác nặng vai và được đồng bào xã Mỹ Quý ân cần đón tiếp ủy lạo. Tôi thấy các anh bộ đội sao mà vinh quang và sừng sững! Cả một thời gian dài ở vùng Đồng Tháp Mười này thì bộ đội ông Nguyễn Hữu Xuyên đã trở thành nỗi khiếp sợ đối với quân Pháp xâm lược, và qua nhiều năm chinh chiến, hết đánh Pháp đến đánh Mỹ, ông quả là một người chỉ huy tài ba, một vị tướng đánh giặc khét tiếng. Nhưng lại nghe đồn rằng vì là người có tài lại tốt tướng nên anh Tám Xuyên được nhiều chị em mến mộ, sừng sững thì sừng sững thật nhưng cũng vì thế mà lắm lúc phải gặp cảnh nhiều khê, đánh giặc mãi mới lên đến cấp trung tướng, còn nếu không có chuyện chị em thì không chừng đã lên đến cấp đại tướng!. Đầu những năm 2000 tôi có dịp gặp ông tại Ban Bảo vệ Sức khỏe Thành ủy TP. HCM, tuy tuổi đã cao nhưng vẫn còn rất phong độ, tôi chợt nghĩ có khi những điều người ta từng đồn đại khi xưa không chừng lại đúng.

Sau đó lại thấy bộ đội Hải ngoại từ Thái Lan trở về. Họ ngồi chật trên những chiếc ghe lớn, ngồi trước mũi, ngồi trên mũi, và cũng có người đứng nhìn ra xa tuông như muốn thưởng thức mọi cảnh vật của quê hương mà họ chưa từng biết đến khi còn trên đất khách quê người. Họ mặc những bộ quân phục chỉnh tề đồng loạt một màu xanh xám, trang bị toàn súng carbine gọn



Súng carbine

nhẹ, những khẩu súng mà lực lượng vũ trang địa phương thấy mà thèm roi nước miếng! Còn tôi thì như bị hấp hồn mỗi khi đưa mắt dõi theo một chiếc thuyền chở bộ đội mình lướt qua theo dòng nước trong xanh của kênh Nguyễn Văn Tiếp. Ôi, hình ảnh của các anh bộ đội chính quy từ nước ngoài về sao mà đẹp quá, oai hùng quá!. Những hình ảnh hấp dẫn đó của các anh bộ đội đã từng khiến tôi có ý định trốn khỏi nhà đi theo, nhưng rồi cái cảnh cơ cực của má đã níu chân tôi lại.

Được một thời gian thì ông bà già cũng tìm cách làm ăn, bởi chẳng lẽ cứ ngồi không đó mà ăn?. Má quyết định làm bánh phở để bán. Bởi nhà chú Ba đã có sẵn cối xay bột nên cũng không phải sắm sanh gì thêm, mà lúa gạo thì đã có sẵn trong bồ. Lúc này tôi và anh Bảy thay nhau xay bột, còn má thì chuyên tráng và xắt bánh. Vì ban ngày sợ máy bay nên chợ Cái Bèo chỉ nhóm từ nửa đêm đến sáng, vì thế chúng tôi phải thức sớm chờ má ra chợ bán, trong lúc đó thì chúng tôi thay nhau chèo xuồng cho Ông Già đi chài. Đi chài đêm phải mang theo một cái đèn “hột vịt” để thấy đường gỡ cá, tuy nhiên ánh đèn thường tối tù mù nhiều lúc nhìn không rõ nên Ông Già thường bị cá trê cá chốt đâm. Cũng rất sợ bị mắc gốc, vì mỗi lần như thế đều phải

lặn xuống gỗ và khi trở lên ngồi trên xuồng thì lạnh run cả tay chân. Chải đến lúc mặt trời mọc thì đến rước má cùng về. Vì ở cái chợ này chưa ai làm bánh phở nên ngày nào cũng bán hết, có đồng ra đồng vào, và cũng đủ cá tôm cho cả nhà ăn. Ngoài ra má còn làm kẹo đậu phộng bảo tôi chèo xuồng đi bán dọc theo kinh Nguyễn Văn Tiếp. Lần đầu tiên đi bán suốt buổi không được miếng nào hết, má lấy làm lạ, nhưng chợt nhớ ra, bèn hỏi: “Vậy mà mày có rao không?”. Tôi trả lời là không có. Lúc đó Bà già cười và bảo rằng sao tôi dại thế, chèo xuồng bán mà không rao thì ai biết đâu mà mua! Nhưng Bà đâu có biết rằng tôi thừa hiểu, chỉ vì mắc cỡ nên không làm như vậy đó thôi!.

Nhưng tình hình bắt đầu không yên, cách vài ngày lại nghe tiếng mõ báo động giặc Pháp sắp chạy tàu vào ruộng bố bắn phá. Và mỗi lần như thế thì đồng bào dọc hai bờ kinh lập tức bỏ nhà chạy sâu tận trong ngàn ba ngàn tư, túm lá đưng làm chòi che nắng che mưa, chờ đến khi có tiếng mõ báo yên mới dắt díu nhau trở về. Nhưng đã qua bao nhiêu lần như thế mà không thấy bóng dáng tàu bè Tây tà đâu cả, nên người ta cũng dần dần bớt sợ, chỉ cho đàn bà con nít chạy trước, còn đàn ông con trai thì ở lại nghe ngóng tình hình.

Một lần nọ nghe tin chắc chắn là tàu Tây sẽ vào, nhưng dù có mõ báo động mà tôi và vài đứa nữa vẫn chưa chịu chạy, lại nhân lúc nhà bác Ba vắng người mấy đứa cùng nhau rượt bắt con gà mái tơ làm thịt, rồi hái một trái đu đủ hươm hươm trộn gỏi xé phay chén ngon lành. Bụng nghĩ có nhanh nhất thì quá trưa Tây mới vô tới, còn dư thời gian để chuẩn, và cũng sẽ đổ thừa gà mất là do bị Tây bắt. Thế nhưng đợi mãi đợi mãi cho khi có tiếng mõ báo yên mà chẳng thấy mặt thẳng Tây thẳng Tà nào cả. Buổi chiều về kiểm lại thấy mất gà, và còn phát hiện một vài dấu vết còn rơi rớt của “cuộc chiến” khi trưa, thì người nhà của bác Ba nhất quyết là “chuyện này chỉ có tụi thẳng Phiên làm chó chẳng có ai khác vô đây, bởi đâu có thấy bóng dáng tụi nó chạy

ra đồng!”. Còn tôi thì một thời gian khá lâu không dám léo hánh tới nhà bác Ba, thế nhưng trong bụng vẫn cảm thấy khoái chí.

Để phòng mãi việc tàu Tây vào bố ráp nhưng chưa thấy, thì máy bay của giặc lại đến bắn phá bất ngờ. Nói bất ngờ vì trước đây cũng vài lần có máy bay bay qua, nhưng chỉ là những chiếc Dakota, loại chuyên vận tải hàng hóa, nên ít nhiều có coi thường cho dù cũng đã đề phòng, nhóm chợ vào ban đêm. Và cũng có người cho rằng nó bay chỉ để dọa người ta mà thôi. Thế mà vào một buổi trưa vừa cơm nước xong chưa kịp nghỉ ngơi thì máy bay địch đã ào tới bắn dọc theo kinh. Loạt đạn đầu chúng bắn trúng vào chiếc ghe của gia đình đang đậu dưới bến, và loạt đạn tiếp theo của chiếc bay sau đã bắn trúng đầu gối chú Tư Chiều ở nhà kế bên. Cũng có mấy viên bắn rách bồ lúa, làm sạt một mảng lớn. Sau đó chúng còn tiếp tục bắn dọc lên hướng chợ Cái Bèo. Tuy máy bay đã bay xa nhưng mọi người vẫn chưa hết hoảng sợ, vẫn xoay xoay núp quanh bồ lúa, e rằng nó còn đảo trở lại. Tan cuộc chạy xuống xem thì thấy chiếc ghe đã bị lủng nhiều lỗ, nước chảy vào ùng ục, đang chìm dần, vô phương cứu vãn. Chạy sang nhà chú Tư thì thấy chú đang hai tay ôm đầu gối, máu chảy thấm xuống quần.

Máy bay Dakota



Lại là một chuyện khôi hài có thật. Số là sau đó một thời gian khá lâu, khi mọi căng thẳng sợ sệt đã giảm bớt và vết thương trên chân chú Tư đã đỡ nhiều, thì trong một bữa nhậu mấy ông bên hàng xóm xúm lại ghẹo thím Tư, nói rằng thím thật là gan mà cũng thật là nhát, mặc dầu thấy chú Tư bị thương tét đầu gối như thế mà vẫn tro tro như đá, thế mà khi nhìn xuống dưới “cái đó”, thấy nó chỉ rách da sơ sơ thôi thì lại khóc hu hu! Thím Tư cũng chẳng vừa gì, chần lại ngay: “Ừ, tôi như vậy đó! Mà mấy ông cứ về thử các bà coi, có giấy đập đập khi đêm thấy thiếu một sợi lông của các ông không hả?”. Thế là mấy ông tồn luôn, hết dám chọc ghẹo!

Được một thời gian tạm ổn nên ông bà già đã có phần yên tâm. Nhưng lại cảm thấy nếu cứ sống lâu dài như thế này cũng khó, bởi phải nhờ vả đủ thứ, mặc dù gia đình chú Ba rất tốt, vẫn rất sẵn lòng, nhưng ở mãi như thế coi đâu có được. Ngoài ra còn việc học hành của mấy đứa nhỏ, mà nơi đây thì đâu có trường lớp gì. Hơn nữa máy bay bắn phá ngày càng gần nên ai cũng sợ, nhất là má và mấy đứa em. Hai ông bà bàn tính hay là thử đi qua Cần Thơ gặp anh chị Tư Hoa xem tình hình bên ấy ra sao, có làm ăn sinh sống được không? Và quyết định để tôi cùng Ông Già đi trước một chuyến qua bên ấy, sau về sẽ tính chuyện đi hay ở. Sở dĩ tôi phải đi trong chuyến này vì anh Bảy đã bắt đầu tham gia công tác ở địa phương, không bỏ đi được.

Tôi và Ông Già lo rà trét lại chiếc ghe tam bản, làm thêm cặp cà rèm che nắng che mưa, mang vài đồ bếp cần thiết để nấu nướng dọc đường. Bắt đầu đi từ sáng sớm tới chạng vạng thì đến nhà một người quen ở xã Mỹ Long bên bờ sông Cửu Long và ngủ đêm tại đây, chuẩn bị tinh thần vượt sông cái sang thị xã Sa Đéc. Vì bên kia sông là vùng tạm chiếm, nên phải bỏ hết những cái gì mà tụi Tây có thể nhận biết là từ vùng Việt Minh ra. Sáng sớm hôm sau tôi chèo ghe trong tâm trạng hết sức căng thẳng, bởi sông thì lớn mà ghe thì nhỏ, rất dễ bị sóng đánh chìm. Hơn nữa

qua con sông rộng như thế rất dễ gặp tàu tuần tra của Pháp, khó mà chạy thoát nếu nó bắn bắt tử. Tôi biết chắc là Ông Già cũng sợ, nhưng vẫn tỏ vẻ tỉnh bơ nhìn ra xa xa phía bên kia bờ. Rồi cuối cùng thì mọi chuyện đều suôn sẻ, qua đến Sa Đéc an toàn. Tôi chèo ghe đến rạch Rắn trong thị xã, qua kinh Bù Hút rồi đi dọc theo một số kinh nhỏ trong đồng trước khi ra đến sông Hậu.

Khi đến nhà thờ Thành Lợi thì thấy đóng cửa. Bước qua bên kia nương là nhà thầy Bích, cũng là tín đồ, định lên hỏi thăm tin tức anh chị Tư nhưng nhà cũng đóng cửa nên không gặp ai. Đang chần chừ không biết tính ra sao thì đột nhiên có hai người mang súng đến bắt dẫn về đồn lính Hòa Hảo đóng bên cạnh nhà thờ và hạch hỏi đủ thứ, nhất là việc đến tìm thầy Bích. Ông Già trình bày rõ lý do đến đây và cho biết mình là ông già vợ của Mục sư Lộc, còn nói rõ cả họ lẫn tên là Chung Khâm Lộc nhưng chúng vẫn không tin. Chúng đem nhốt cả hai cha con vào trong một cái phòng của đình Thành Lợi, cho nằm trệt dưới đất, không mừng mền chăn chiếu gì cả. Đêm đó tôi không tài nào ngủ được, mà Ông Già cũng thế, bởi nghe nói lính Hòa Hảo đã ngán vì chúng rất tàn ác, mổ bụng giết người như chơi. Trong phòng giam lại thấy treo hai thanh kiếm trên tường, mà thú thật thấy kiếm thì ớn hơn thấy súng dữ lắm! Qua một đêm không ngủ, khi thấy trời sáng thì rất mừng, bởi như vậy là chưa sao vì tội này nếu có giết thì thường thủ tiêu vào ban đêm.

Sáng hôm sau tội nó cho chúng tôi ra ngoài đi vệ sinh, may quá là cầu tiêu lại nằm cạnh đường đi, thỉnh thoảng có người qua lại, nên Ông Già cứ nhẩn cầu may qua một vài người, nhờ đi báo tin dùm đến anh chị Tư. Lại cũng thật may là đã gặp đúng một người tín đồ, nên họ hết lòng giúp đỡ. Đến chiều thì anh Tư qua tới, vào nói chuyện với tay trung đội trưởng Hòa Hảo, thế là nó thả chúng tôi ra. Cũng thật bất ngờ, theo như lời anh Tư sau này nói lại, thì tay trung đội trưởng Hòa Hảo tên là Tư Lính này đã lén cầu nguyện vô đạo Tin Lành, nên anh Tư đến nói là được

ngay. Sau khi được chúng thả, ra nhận lại chiếc ghe tam bản thì thấy nó đã bị kéo lên bờ và chúng cũng đã xé rách nhiều chỗ trên cái cà rèm, chắc chắn là để tìm dấu vết của Việt Minh, bởi thấy chúng tôi đến tìm thấy Bích vốn là người thân Việt Minh đã bỏ nhà đi nơi khác. Cũng thật may là trước khi qua sông Sa Đéc Ông Già đã cẩn thận xếp nhỏ cái giấy đi đường do chánh quyền xã Mỹ Quý cấp nhét kín dưới kẹt ổ chèo nên chúng không tìm ra, còn nếu giấu trong kẽ lá như người ta thường làm thì có khả năng đã bị chúng phát hiện. Mà bắt gặp cái giấy đó của Việt Minh là chúng có thể giết ngay, không đợi sự có mặt của anh Tư. Và cũng theo như anh Tư cho biết, thì một khi nó đã kéo ghe lên bờ và phân tán đồ đạc, như việc nó giấu mất cái nón nỉ của Ông Già rồi bảo không tìm lại được là một minh chứng, tức nó đã có ý định giết rồi đó. Thật là một trăm lần hú hồn! Còn Ông Già và anh chị Tư lại nói đó là phước lành do Chúa ban cho.

Hơn sáu mươi năm sau, khi đất nước đã yên bình và tôi đã gần đến tuổi tám mươi, nhân một chuyến đi cùng chị Hai Thuần đến thăm nhà thờ Thành Lợi tình cờ nhận ra ngôi đình, tôi đã vào tìm lại căn phòng năm xưa thì không ngờ nó vẫn còn đó, chỉ có cái là nó đã cũ kỹ lắm rồi. Nhìn xuống cái nền gạch tàu nơi hai cha con cùng nằm năm ấy bỗng thấy lòng xót xa bồi hồi khó tả. Tôi nhớ lại tất cả những gì đã từng xảy ra tại nơi này, tôi hình dung lại những giờ phút hiểm nguy mà hai cha con cùng trải qua. Hôm nay tôi đứng đây một mình còn Ông Già thì đã vĩnh viễn đi xa!

Sau khi đến Cần Thơ bàn bạc với anh chị Tư và bà sui gia thì thấy mọi người đều nhiệt tình, hứa sẽ giúp đỡ cho gia đình qua làm ăn sinh sống nên Ông Già quyết định trở về Mỹ Quý đưa cả nhà qua đây. Thế là lại có một cuộc “tàn cư” mới, không phải trên chiếc ghe lớn như lần trước, mà chỉ bằng một chiếc tam bản nhỏ xíu, chở tất cả gia đình, ngoại trừ anh Bảy ở lại tham gia công tác kháng chiến tại địa phương. Chuyến này thì quãng

đường đi xa hơn, lại phải vượt qua hai con sông lớn là sông Tiền và sông Hậu nên nhiều hiểm nguy hơn. Thế nhưng cuộc “vượt tuyến” cũng thật suôn sẻ, tới đích an toàn, và một lần nữa mọi người đều cảm ơn Chúa vì Chúa đã ban cho phước lành!

Mấy ngày đầu gia đình trú tạm trong căn nhà lá trong rạch Cái Khế, nơi tôi đến đậu chiếc tam bản hồi lần trước, cái nhà mà nhìn ra phía sau là cái sàn nước của căn nhà lá đầu đít, nơi mà khuya khuya tôi thường thấy cái bà vợ của tay Chà Và gắp chõ^{*} ra ngồi đái!. Sau đó chúng tôi dời đến ở tại nhà bà Xã Long, nằm xéo xéo dinh tỉnh trưởng Cần Thơ. Cả gia đình năm sáu người dồn vô một căn của garage, khá chật. Trong lúc đó căn kế bên chỉ có hai vợ chồng chú Tư Mẹo lái xe, và kế đó nữa là căn của một mình ông tư Paul, con bà Xã Long. Nhà không có bếp riêng, không cầu tiêu riêng, mỗi lần đi vệ sinh phải ra cổng và đi ngang qua một dãy nhà khoảng chục căn, mới tới cái nhà xí công cộng. Nhưng cũng có cái tiện là có điện và nước máy, những thứ mà lần đầu tiên mới có trong nhà chúng tôi, bởi trước kia ở Cao Lãnh, dù là gần chợ, nhưng cũng chỉ là đèn dầu và nước lu. Lúc đó tôi chợt nghĩ, phải chi có thằng Tư Lộc và mấy đứa khác ở Mỹ Quý đến đây, tôi chỉ cần bật công tắc đánh “tách” một cái là đèn sáng trưng, thế nào tội nó cũng giật mình phục sát đất!

Khi cả nhà đã ở yên đầu đó, tôi bèn xin ông bà già cho trở về Mỹ Quý tham gia kháng chiến. Ông Già hỏi tôi một câu: “Bộ mày không muốn đi học nữa à?”. Phải chăng đối với tôi thì tất thảy những gì mà những người thân trong gia đình và bản thân tôi, đã thấy, đã có đóng góp từ khi có phong trào Thanh-Thiếu niên Tiền phong, đến khi cướp chánh quyền, khi Pháp trở lại, cho đến lúc tản cư vào vùng tự do, được hòa nhập vào cái không khí hùng hục của kháng chiến đã khiến tôi tự coi rằng mình đã là người của kháng chiến. Mà tôi cũng không tính xem ở cái tuổi

^{*} *Gắp chõ: thu tiền thuế chợ.*

14,15 thì khi vô kháng chiến mình có thể làm được cái gì, ở đâu, ai chịu nhận mình... nhưng cứ muốn đi là xin đi. Nên tôi đã trả lời không một chút đắn đo: “Không. Con muốn trở vô kháng chiến”. Và tôi cũng không ngờ rằng Ông Già cũng đáp lại một cách đơn giản: “Ừ, tao thấy như vậy cũng được!”.

Sau này khi ngồi suy nghĩ và thử phân tích lý do vì sao mà Ông Già chấp nhận một cách dễ dàng như thế, thì thấy có mấy ý sau. Lý do đầu tiên là vì Ông Già không ưa gì cái đám Tây tà, Việt gian. Nhớ lại trong chuyến đi Cà Mau năm ấy Ông Già có làm và đọc cho tôi nghe bài thơ đả kích mấy thằng Việt gian, trong đó tôi còn nhớ một câu: “Thạc thữ, bắt mày nướng lửa than!”. Mà “Thạc thữ” theo nghĩa chữ nho là “chuột to”. Tức ý ông muốn nói là bắt nướng chết mấy con chuột to “Việt gian”. Lý do thứ hai, là theo gương ba anh lớn trong gia đình chúng tôi, các con cháu khác trong dòng họ và cả một ế bà con thân thuộc ở Mỹ Quý đang tham gia kháng chiến. Và còn một lý do nữa là tuy bản thân không trực tiếp tham gia, nhưng ông hết sức quý trọng và có niềm tin vững chắc là kháng chiến nhất định thắng lợi. Điều có thể chứng minh cho lý do sau cùng này, theo như lời má kể lại khi gặp tôi ở điểm tập kết Cao Lãnh, thì có một lần má than thở với ông là nhà mình sao nghèo hoài, không có tài sản của cái gì cả, lúc đó ông nói: “Bộ bà quên rồi sao, mình còn có ba đứa con đang đi theo kháng chiến là của quý nhất rồi còn gì nữa!”. Thật là chuyện tôi không bao giờ ngờ tới! Bởi thế tôi hết sức thương và tự hào về ông khi nghe má kể lại chuyện này.

Hành trang khi lên đường của tôi là một bộ quần áo đựng trong cái túi hơi giống cái ba lô do má mới may. Khi đi ngang qua trạm gác, thấy cái túi đó tui lính cứ trành tròn hặc hỏi mãi! Đành phải giải thích bừa đây là túi Hướng đạo, và tôi là hướng đạo sinh của Cần Thơ. Chắc nó nghe cũng thấy phần nào thuận tai nên cuối cùng rồi cũng thả cho đi. Đi được một đoạn tôi lại chợt nghĩ, nếu nó hỏi thêm một câu là hướng đạo sinh sao

không có nón, chắc là bí. Mà sao lại ngốc thế, đang trên đường đi vào chiến khu mà trên mình lại đeo cái ba lô thì chẳng khác gì “lạy ông con ở bụi này”. Qua khỏi trạm gác một đoạn là đến vùng giáp ranh ở trên xã Tân Dương, nơi này thì tôi khá rành, nên né trạm đi xuống mé sông rồi xin quá giang xuống qua bên kia sông là đã vào địa phận Cao Lãnh là vùng kháng chiến. Tôi nhắm hướng bằng đồng, lội ruộng về tới Mỹ Quý. Và người bị bắt ngờ nhất là chú Ba Sảo, bởi chú cứ tưởng tôi sẽ ở luôn bên Cần Thơ với ông bà già chớ đâu có dè tôi lại quảy túi quay trở về...

Vào thời kỳ này Đồng Tháp Mười là một chiến khu không dễ xâm phạm, nó không có những vùng rừng núi hiểm trở như chiến khu Việt Bắc, mà lại dựa vào một vùng đồng ruộng rộng đến 700 ngàn héc ta mênh mông cò bay thẳng cánh, đưng sậy ngập đầu, dựa vào nhân dân giàu lòng yêu nước theo gương các bậc tiền nhân từng chiến đấu và hy sinh tại mảnh đất truyền thống này như Dương Văn Dương, Thiên Hộ Dương, Đốc Binh Kiều, dựa vào nguồn lương thực thực phẩm dồi dào đủ sức cung ứng cho cuộc trường kỳ kháng chiến năm năm, mười năm hoặc lâu hơn nữa...

Hầu như tất cả các cơ quan đầu não của Nam bộ đều đóng ở đây. Như Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ, các Sở Kinh tế, Giáo dục, Công an, Giao bưu... các Đoàn thể Phụ nữ, Thanh niên... Bên quân sự thì có Bộ Tư lệnh khu 8, xưởng Quân giới... Có Đài phát thanh và có cả... Trường nữ hộ sinh do vị bác sĩ nổi tiếng Trần Nam Hưng xây dựng. Lại có cả những cơ sở sản xuất phục vụ cho kháng chiến như xưởng bào chế dược, xưởng giấy, xưởng da...

Trên đất của bác Ba Vện có một cơ quan tên là Ngành Khảo huấn của Sở Kinh tế Nam bộ. Tôi và thằng Khuyến, cháu nội của bác, xin vào làm việc và được chấp nhận ngay, có lẽ vì chúng tôi đều là con cháu của ông chủ đất, với trình độ văn hóa có thể tạm sử dụng được. Nhiệm vụ chủ yếu của cơ quan này là biên soạn,



Sen Đồng Tháp

in ấn và phát hành tạp chí “Nghiên cứu Kinh tế”, xuất bản mỗi tháng một kỳ nhằm phục vụ các ngành liên quan trong chiến khu. Nội dung nghiên cứu khá đa dạng, và đến nay tôi còn nhớ một bài có tựa đề: “Việc tăng, giảm giá của đồng ngoại tệ có tác động thế nào đối với nền kinh tế trong nước”. Tôi không hiểu những loại đề tài như thế liệu có thật hữu ích đối với hoàn cảnh chiến khu trong thời kỳ đó không, nhưng nếu nhìn từ một khía cạnh khác thì thấy ông Kha Vạng Cân, giám đốc Sở Kinh tế Nam bộ những năm 1947-1948, tức cách nay gần 60 năm, người đã có chủ trương thành lập một cơ quan chuyên nghiên cứu kinh tế hẳn hoi, quả là một trí thức đầy tri thức. Chả thế mà ngày nay vẫn đang hiện hữu hàng loạt một Viện Nghiên cứu Kinh tế cho cả nước đó sao?

Cuộc sống vật chất của cơ quan cũng khá chu toàn, gạo thì quân nhu lo, thức ăn thì tối tối xách vài chục cần câu đi cắm sáng ra gom về cũng đủ cá ăn cả ngày, có khi còn dư làm khô; còn rau rác thì có rau muống đồng, lục bình bông súng, rau dền rau trai... chịu khó đi hái thì không bao giờ thiếu. Vào kháng

chiến nhưng xem ra cuộc sống có lẽ còn khá hơn cuộc sống của gia đình chúng tôi ở ngoài thành.

Tôi được phân công làm công tác phát hành. Nhiệm vụ chỉ là đếm báo, dán địa chỉ, chờ giao liên đến thì giao và lưu trữ các số báo lưu. Với nhiệm vụ khá giản đơn như thế mà mỗi tháng chỉ ra một kỳ báo thành thử đa số thời gian đều không có việc, nên tôi để thời giờ học đánh máy chữ.

Trong cơ quan hầu hết là học sinh của Trường Pétrus Ký, trình độ từ năm thứ ba thứ tư trở lên, riêng anh Trương Công Cán, người phụ trách cơ quan là sinh viên Đại học Y khoa ngoài Hà Nội “xếp bút nghiên” vào Nam năm 1945. Anh cũng là con của một đốc phủ sứ ở Vĩnh Long, nói tiếng Tây rôm rốp, mà tác phong cũng khá là “Tây”. Sách vở nghiên cứu, ngoài chữ Việt thì có chữ Tây, cũng có một vài quyển tiếng Đức, và có vài người đang học tiếng Đức. Còn khi trò chuyện hằng ngày với nhau thì việc họ “chêm” tiếng Tây là bình thường. Ngày ngày họ đọc sách, nghiên cứu, tranh luận rồi viết bài viết vở, còn tôi thì lúc đầu cũng như vẹt nghe sấm, có biết ắt giáp gì đâu mà chen vào, may mà lâu dần cũng hiểu lom bôm được chút ít.

Sống và làm việc chung với một tập thể như thế dần dà tôi nhận thấy mình thua kém họ xa quá, lắm lúc còn thấy có người tỏ vẻ “khinh khỉnh” với mình. Từ đó trong tôi cũng dần dần chín muồi một ý nghĩ là phải rời chiến khu trở về nhà trong vùng tạm chiếm của Pháp để học thêm, ít nhất cũng phải được bằng họ. Đem chuyện này nói với thằng Khuyến thì nó cũng cùng chung một cảm nhận như tôi, và cũng rất đồng tình với việc trở về thành để học tiếp. Tôi định ninh trong tâm trí là khi nào học xong cho không còn thua kém người ta thì dứt khoát sẽ trở vô kháng chiến. Đắc đo khá lâu, rồi cuối cùng tôi cũng quyết định phải nói rõ suy nghĩ và ý muốn của mình với anh Trương Công Cán. Tưởng sẽ khó khăn nhưng không ngờ anh lại trả lời một cách hết sức chân tình: “Tụi bây (vì tôi nói luôn cho thằng

Khuyến) muốn như vậy cũng được, tao đồng ý”. Rồi anh lại nói thêm một câu nửa đùa nửa thật: “Nhưng về ngoài đừng có theo Tây làm Việt gian nghe không!”. Về câu nói dè chừng này, khi tình cờ gặp lại tôi ở Hà Nội, anh cười khà khà nói: “Tao tưởng mày đi luôn theo Tây rồi chứ!”. Tôi trả lời: “Đâu có dễ!”. Chợt nhớ, anh lại hỏi: “Còn thằng Khuyến đâu?”. Tôi bèn kể chuyện thằng Khuyến lên Sài Gòn học, rồi đi học trường sĩ quan Đà Lạt, tốt nghiệp ra trường là vô làm sĩ quan cho Pháp luôn. Anh gật gật đầu chiêm nghiệm: “Vì nó là cháu nội của ông địa chủ cỡ bự mà!”. Nhưng lúc đó cả anh và tôi đều không ngờ rằng thằng Khuyến sẽ trở thành một đại tá an ninh vùng 3 chiến thuật quân đội Sài Gòn trước khi di tản sang Mỹ năm 1975.

Trong lúc chờ đợi có chuyến liên lạc về thành, những lúc không bận việc gì tôi thường về nhà bác Ba chơi. Thấy vậy bác nhắc tôi một câu mà tôi luôn khắc ghi trong lòng: “Khi nào đi thì đi, còn ở lại ngày nào thì phải làm việc đảng hoàng ngày đó!”.

Tôi và thằng Khuyến được cơ quan cấp cho một ít tiền Đông Dương làm lộ phí và cùng đi theo ghe với một anh liên lạc thành tên là Điện, người bị bệnh tràng nhạc, trên cổ nổi một dây lục cục lòn hòn thấy mà ghê!. Ra đến sông Vàm Cỏ Tây chúng tôi bèn nhét giấy đi đường trên bọp dừa nước rồi theo ghe đi thẳng đến một nhà cơ sở ở Thủ Thừa. Sáng hôm sau tôi và thằng Khuyến từ già anh Điện ra ngã ba đường quốc lộ đón xe. Tôi theo xe Cần Thơ về nhà, còn thằng Khuyến đón xe đi ngược về Sài Gòn để đến ở với chị Tư Am là cô ruột của nó.

Tôi còn nhớ một chi tiết khá buồn cười là từ Đồng Tháp Mười ra giày dép đâu mà mang, nên trong khi đi tới đi lui chờ xe, tôi làm bộ đi cà nhón cà nhón để tỏ ra mình là người thành thị không quen đi chân đất!.

Vì thuở đó đâu có điều kiện thông tin giữa vùng kháng chiến và vùng tạm chiếm mà báo trước nên sự xuất hiện bất thần của tôi đã khiến cả nhà ngạc nhiên. Câu đầu tiên Ông Già hỏi là: “Bộ

chịu hết nổi rồi hả?”. Tôi bèn giải thích đầu đuôi mọi chuyện, Ông Già gật gật đầu, rồi nói một câu: “Ừ, như vậy là đúng!”.

Về nhà tôi xin học ở lớp dạy tư của cô giáo Hằng, nằm chung cùng dãy garage của ông Xã Long để chuẩn bị thi vào trường trung học. Trong lớp tôi được xếp vào loại giỏi, nên cô thường tỏ ra hài lòng về tôi. Nhớ có một lần tôi sơ suất làm sai một bài toán khá dễ, cô bèn nói: “Đi sông đi biển không chết, lại nhè chết ở muong cau”. Thế nhưng câu nói đó lại là một bài học quý giá đối với tôi, nhắc tôi không bao giờ được chủ quan, cho dù đó là những việc đơn giản nhất. Cho nên từ đó về sau, kể cả sau này khi học ở cấp cao hơn, cứ làm xong mỗi phép tính là tôi đều thử lại, có thể lờ lợc những chỗ sai ra ngay từ đầu. Rồi lâu dần trở thành thói quen, kể cả trong cuộc sống, khi làm xong việc gì, thậm chí khi nói ra điều gì, cũng cố gắng kiểm tra lại để tránh sơ xuất.

Tôi thi đậu vào trường trung học Phan Thanh Giản theo hệ Lycée của Pháp, và vì đạt điểm cao nên được cấp học bổng. Nếu theo cách phân chia cấp học như hiện nay thì trường trung học Cần Thơ chỉ ở bậc trung học cơ sở, nhưng vì nó là trường trung học duy nhất của các tỉnh miền Tây, nên muốn vào học được ở trường này thì không dễ chút nào, vì một là phải học giỏi, bởi phải qua thi tuyển để chọn các học sinh có điểm cao nhất, hai là gia đình phải thuộc hạng khá giả mới đủ tiền ăn học, còn học sinh các tỉnh xa thì phải là con cái nhà giàu. Bởi thế, với điều kiện kinh tế eo hẹp như gia đình tôi mà được vào học thì cũng thật hiếm, và cũng là một cố gắng lớn của cha mẹ. Tuy hoàn cảnh gia đình như thế nhưng tôi thì chẳng muốn tỏ ra thua kém bạn bè nên vẫn cố nèo bà già sắm cho áo sơ mi quần soọc trắng, giày xăng đan da, với lý do là trường bắt mặc đồng phục. Nhưng khi thăng Chín Giáp vào trường phát hiện không phải như vậy, nó về nhà méc với ông bà già, thì việc cũng đã rồi. Hơn nữa có lẽ vì tôi đã vinh dự vào được trường trung học thì việc tôi cố “làm

sang” một chút cho bằng anh bằng em cũng đáng được bỏ qua lấm chớ, nên mọi việc rồi cũng êm xuôi. Tôi nghĩ bụng, chuyển đi thi vào trường Mỹ Tho mấy năm trước vất vả tốn kém bao nhiêu, lại còn thi rớt nữa, mà Ông Già có cự nự gì đâu, hướng chỉ là chuyện nhỏ xíu như thế này!

Vào học thì tôi cũng là một trong những học sinh giỏi của lớp. Về toán thì vừa học chương trình của cấp mình tôi vừa tự học thêm chương trình của các cấp tiếp theo. Về môn Pháp văn, vì tôi học theo hệ Lycée, khi vô lớp thì nghe và nói toàn bằng tiếng Pháp, hơn nữa dạy Pháp văn là thầy Thăng, mà chúng tôi quen gọi là ông Đốc Thăng bởi trước kia ông từng làm đốc học, là người “nói tiếng Tây như Tây”, ngoài ra tôi còn tranh thủ đọc thêm các tác phẩm văn học Pháp nên trình độ Pháp văn của tôi cũng được xếp vào tốp đứng đầu. Do có được kiến thức khá tốt trong hai môn cơ bản nói trên, nên sau này khi lên Sài Gòn học tôi “nhảy lớp” mà không bị hụt hẫng.

Trong thời kỳ học ở trường Cần Thơ, từ một quan niệm không đúng mà tôi đã phạm một sai lầm lớn trong cách ứng xử đối với các thầy học của mình. Tôi cho rằng tất cả những thầy giáo đều đang làm việc cho Tây và như vậy là theo Tây hết, còn tôi là người kháng chiến chống Tây, vào thành học xong rồi sẽ trở lại kháng chiến tiếp chớ đâu có chịu theo Tây, nên đối với họ tôi không hề tôn kính và trong thâm tâm thậm chí rất coi thường họ. Về cách nhìn nhận sai lầm này, cho mãi đến khi tôi vào tham gia kháng chiến, hiểu biết chính trị được nâng lên thì tôi mới kịp nhận ra, tuy đã có muộn,

Số là khi sơ kết học kỳ một, tôi được xếp hạng tư, nhưng tôi cho đó là có thiên vị, chớ đúng ra xếp hạng nhất hạng nhì mới phải. Sau này nhớ lại, tôi không hiểu căn cứ vào đâu mà tôi có cách phán đoán như thế, phải chăng nó xuất phát từ sự thiếu tin cậy đối với các thầy?. Nghĩ thế, tôi bèn viết cho thầy Trọng, một ông giáo già mà cả trường ai cũng vì nể một bức thư với lời lẽ đầy

khieu khích, trong đó có đoạn: “Nếu mấy ông dùng thế lực để áp bức tôi, thì tôi sẽ dùng lực để đáp trả!”. Thế là xảy ra chuyện lớn, nhà trường triệu tập hội đồng kỷ luật và yêu cầu gia đình phải có mặt. Một câu mà người ta cật vấn tôi là: “Anh nói sẽ đáp trả bằng lực, vậy lực đó là lực gì?”. Mà chính bản thân tôi, tuy đã viết như thế, nhưng cũng chưa dự định sẽ làm gì, mà cho dù có định làm cái gì đó để “đáp lại bằng lực” thì cũng đâu dám nói ra, nên chỉ cúi gằm mặt ngồi im. Cuối cùng người ta quyết định hình thức kỷ luật là đuổi học một tuần lễ và bắt luôn học bổng.

Chắc là Ông Già cảm thấy rất xấu hổ và bức mình nên khi vừa về tới nhà là đã nói ngay với tôi: “Giỏi quá há! Muốn chống thì vô tròng mà chống, còn muốn ở lại học thì phải học cho đàng hoàng”. Và ông lại nói thêm: “Mày làm khổ thêm cho má mày rồi đó, lấy tiền ở đâu mà đóng cho mày đi học?”. Cái điểm này mới làm cho tôi đau, bởi biết rồi đây má phải nặng gánh lo thêm trong khi đồng ra đồng vô đang hết sức eo hẹp, chớ còn cái chuyện chống hay không chống, đuổi học hay không đuổi học, hình như chẳng ngửa ngáy gì đối với tôi.

Lúc đó Bà già có sang được một sạp vải trong nhà lồng chợ Cần Thơ, sáng ra bán đến chiều tối mới về. Ngoài ra còn sắm máy may để tranh thủ thời gian ban đêm may mừng bán. Lại cũng giống như trước đây, vì không có vốn liếng, má phải đi vay mượn và hốt hụi để có tiền làm ăn và lo cho cuộc sống của cả nhà, từ tiền ăn mặc, chợ búa, học hành cho các con, tiền thuê nhà, tiền điện nước, tất thảy đều do một tay má cáng đáng. Mà theo tôi nhớ thì hình như lúc này Ông Già không làm gì ra tiền cả, chỉ có hai chuyến đi làm ăn nhưng đều thất bại. Lần đầu, không biết ông tìm hiểu thị trường thế nào mà đi mượn tiền lên Bảo Lộc mua trà về để bán cho các tiệm của người Tàu ở Cần Thơ. Không hiểu có phải do loại trà đó không hợp “gu” của người Tàu, hay là họ đã có đường dây riêng, nên mua về hỏi chỗ nào họ cũng lắc đầu, mà trà thì đâu có dễ bảo quản, nên được một thời gian

thì nó nổi mốc, đành phải đổ bỏ hết. Một lần khác, khi vô Mỹ Quý thăm bà con, lúc trở ra ông tìm mua ở đâu đó được một số tiền xưa bằng bạc thật, đem cất giấu trong ghe, định mang về bán lại cho các tiệm thợ bạc, nhưng khi từ vùng kháng chiến đi ngang qua trạm gác thì chẳng may gặp đúng thằng Nam trung đội trưởng Hòa Hảo vốn là người ở chợ Cao Lãnh, nó biết rõ trong nhà có mấy người con đang tham gia kháng chiến ở Đồng Tháp Mười nên nó lục soát và chiếm đoạt hết số tiền xưa đó, rồi còn ra tay đánh đập Ông Già một cách hết sức dã man đến nỗi khi về đến nhà thì ông phải bò chó không thể đi đứng gì được.

Viết đến đây tôi lại nhớ là khi vừa mới giải phóng mấy ngày, trong lần về Cao Lãnh đầu tiên thì trời bất dung âm đảng, tôi lại gặp đúng nó đang ngồi uống cà phê trong tiệm nước, và tôi cũng nhận ra nó ngay. Lúc này thì tôi lại nhớ ngay đến chuyện cũ, nhớ cái mình mấy lần thương tích của Ông Già, rồi chân tôi tự khắc bước đến gần nó, tôi chỉ tay vào mặt nó hỏi: “Ê, mày có phải là thằng Nam trung đội trưởng Hòa Hảo không?”. Thấy tôi mặc quần áo bộ đội, lưng đeo súng ngắn, mặt hầm hầm, nó hết sức hoảng bèn nói lấp bắp: “Dạ... dạ thưa phải, mà em đã thôi làm từ lâu rồi!”. Nó lớn hơn tôi mấy tuổi, nhưng sợ quá nên xưng em. Tôi hỏi dồn: “Vậy mày có biết tao là ai không?”. Nó đáp: “Dạ thưa không, mà... mà chỉ nhớ mài mài...”. Tôi nói: “Tao là con ông Năm Nhường, người đã bị mày đánh cho mang tật hồi năm 1948 tại cầu Mù U, mày có còn nhớ chuyện đó không?”. Nói đến đó thấy mặt mày nó tái xanh tái mét, chắc nghĩ rằng đang thời tranh tối tranh sáng này tôi cũng dám móc súng ra bắn nó ngay tại chỗ để trả thù chó chẳng phải chơi! Và điều đó cũng rất có thể lắm chứ! Nhưng cũng lạ, tại sao lúc đó con người tôi bỗng trầm tĩnh trở lại, và cũng thấy có hơi thương hại, nên tuy nét mặt vẫn nghiêm nhưng giọng nói ôn tồn hơn: “Nói cho mà biết, để mà chữa”. Rồi tôi bỏ đi, không thêm dòm lại.

Trong lớp tôi chơi thân với thằng Phụng, nhà nó nằm sát bên

sông Cần Thơ. Tôi thường đến nhà nó chơi, thỉnh thoảng xuống sông tắm rồi mò theo kệt mấy cây cột gỗ ở kè chắn sóng bắt tôm càng. Nhà nó thuộc loại khá giả, thỉnh thoảng tổ chức tiệc riêng để nó mời số bạn bè học sinh thân thiết đến ăn, và không lần nào nó quên tôi, nhưng kiểu tiệc tùng như thế thì tôi rất ngại. Vì tôi biết thân phận là đứa con nhà nghèo, sẽ không bao giờ, dù chỉ một lần, có thể, hoặc dám nói với gia đình tổ chức tiệc tùng đãi đằng như thế. Mình tới dự, mà không mời lại thì dễ bị tụi nó khinh là đứa không biết điều, nhưng nếu để tụi nó biết là nhà mình nghèo không lo nổi một bữa tiệc đãi khách thì chắc gì tụi nó sẽ không coi rẻ nhà mình? Tôi thối thía với cái lý trớ trêu này từ sau cái ngày tôi dự bữa tiệc do ba má thằng Tung là một gia đình rất giàu ở gần cầu Cái Khế tổ chức để nó thết đãi bạn bè cùng lớp. Một bữa tiệc với bao nhiêu món vừa ngon vừa lạ bày la liệt trên cả chiếc bàn dài, nhìn vô đã thấy ngợp, hơn gấp nhiều lần những bữa ăn Tết của gia đình chúng tôi. Ăn rồi tôi cũng rất muốn đáp lại lòng tốt với bạn bè của nó, nhưng tôi không thể nào có điều kiện mời nó đến nhà, dù chỉ để ăn một bữa cơm thường, chớ nói chi đến việc tiệc tùng đãi qua đãi lại. Tôi thật sự áy náy và thường cố lánh mặt nó!.

Sau này lắm lúc nghĩ lại tại sao khi ấy lúc nào tôi cũng phải sợ người ta biết mình nghèo, bởi cái nghèo đâu phải là cái xấu cái nhơ đáng khinh. Nhưng cũng có lý do không thể phủ nhận là ở xã hội cũ nó như thế, phân biệt giàu nghèo ghê gớm, lớp nghèo luôn bị khinh miệt. Về mặt này thì lớp trẻ thuộc gia đình nghèo ngày nay thật sướng hơn cái thằng nhà nghèo như tôi khi xưa, khỏi phải sợ bị người ta thấy mình nghèo rồi khinh bỉ, mà có thể ngẩng cao đầu tự tin ở phẩm chất riêng của con người mình. Tuy nhiên những chuyện như thế vẫn còn in sâu trong trí nhớ của tôi, bởi thế tôi rất thông cảm với hoàn cảnh những người nghèo “mắc nợ miệng”. Chẳng hạn như gần đây thấy các lớp trong nhà trẻ, đã trở thành cái nếp là ngày kỷ niệm sinh nhật của mỗi cháu

đều phải có quà cho tất cả các bạn, tổng cộng chi phí không phải là nhỏ, khiến tôi không khỏi băn khoăn suy nghĩ. Đối với những nhà khá giả thì việc đó chẳng có ra gì, nhưng đối với những gia đình nghèo thì sao? Nếu không lo được, hoặc lo không bằng người ta, thì tôi chắc rằng bậc làm cha làm mẹ sẽ rất áy náy, mà đứa trẻ có khi cũng cảm thấy tủi thân.

Nhà bên phía anh Tư Lộc, chồng chị Tư Hoa, là chủ lò bánh mì Hiệp Sanh, rất khá giả. Anh Ba Lương đứng coi lò bánh, toàn hút thuốc thơm. Các con cái trong nhà không thấy làm lụng gì mà vẫn được hưởng cuộc sống sung sướng. Mỗi người trong nhà đều có xe đạp riêng, anh Tư Lâm thì có xe “cuộc” để đua, anh Sáu Cang cũng chẳng kém, được bà già mua cho một chiếc “đờ-mi-cuộc” hạng sang để đi chơi, còn anh Thường, trạc tuổi tôi, mua chiếc này chạy thấy chán chán thì xin bà già đổi chiếc khác. Đồng hồ đeo tay thì mỗi người mỗi chiếc mỗi kiểu khác nhau. Còn tôi là em bên phía chị Tư Hoa thì ngày này sang ngày khác, mỗi buổi sáng đều phải đến đây để khiêng thùng vải được bà già gởi tạm đưa ra chợ cho bà già bán, có lúc còn chẳng có tiền ăn sáng, nên cũng cảm thấy cái thân phận của mình nó thấp hèn hơn người ta một bậc. Tôi chỉ ao ước có được một chiếc xe đạp thôi, nhưng cũng không tài nào có được. Tôi từng có lần nằm mơ thấy được ông bà già mua cho một chiếc xe đạp đu-ra mới toanh giống như chiếc xe mà hai chị em Tuyết Nguyệt, Tuyết Vân là bạn cùng lớp thường chạy đi học. Những lúc “thèm” quá thì đến mượn xe của anh Thường để chạy, nhưng không phải lúc nào anh cũng sẵn sàng.

Nhớ có một lần má sai tôi đi chạy giấy tờ gì đó, nên tôi đến mượn xe của anh để đi. Được ngồi lên xe là khoái chí, đạp với tốc độ khá nhanh, bỗng lúc đó có người băng nhanh qua đường, tôi luống cuống thẳng không kịp nên đâm xe vào người làm anh ta loạng choạng muốn té, còn xe đạp của tôi thì bị lật nghiêng, khiến tôi phải vội chống tay xuống đường để đỡ nên bị trầy

xước nơi bàn tay. Tôi chưa kịp đứng dậy thì anh ta đã sấn tới nắm lấy áo tôi và hung hăng hỏi: “Mày có biết tao là ai không mà dám đụng hả! Muốn biết thì tới bót Ông Cò mà hỏi!”. Té ra người này là mật thám, vì ở đây người ta quen gọi Jacquemer, chánh mật thám Cần Thơ là Ông Cò. Nhưng anh ta chỉ mới loạng choạng chớ đâu có bị xây xát gì, đúng là ý mật mật thám nên làm phách!. Sau khi anh ta bỏ đi, nhìn lại chiếc đạp thì thấy cái pê-đan đã bị cong. Tôi đành phải đẩy nguyên chiếc xe về trả cho anh Thường chớ biết đến đâu mà sửa, mà dù có muốn sửa cũng đâu có tiền. Nhìn thấy chiếc xe, anh chau mày và lắc đầu tỏ vẻ bức dọc nhưng chẳng nói gì. Tôi thật ân hận, nhưng cái cau mặt lắc đầu của anh cũng khiến tôi ngượng ngùng xấu hổ.

Với một gia đình mà cảnh sống là điều mà tôi từng mơ ước một thuở, thì sau này mỗi người lại có một cảnh ngộ riêng. Anh Ba Lương vẫn khá giả từ nghề làm bánh mì, cất nhà lầu ba tầng, nhưng con cái thiếu hòa thuận, tranh giành của cải, anh Tư Lâm do xài phí chơi bời nên lâm vào cảnh nghèo khó bệnh tật, anh Sáu Cang làm nghề đi chích thuốc dạo ở Chợ Lách, anh Bảy Thường chết sớm, cô em thứ bảy tên Tiết sau khi có chồng cảnh nhà sa sút nên tìm cách lên sống trên vùng kinh tế mới ở miền Đông rồi mất luôn ở đó. Sau này khi có dịp gặp lại và



Thống chế Pétain

hỏi thăm tin tức người này người kia, rồi nhìn lại gia đình mình hiện tại, thì thấy đúng là cuộc đời bể dâu, dâu ai có thể lường trước được việc gì bao giờ!.

Gia đình bà Xã Long cũng khá là đặc biệt. Ông chồng là Tây lai, tên thật là Antoine Long, là chủ hãng xe đồ An-tôn, có 3-4 chiếc chạy đường Sài Gòn-Cần Thơ. Ông để bộ râu trái ấu giống y bộ râu của thống chế Pétain, trông rất dữ dằn nhưng tính tình lại hiền khô. Còn bà xã Long mới là người đàn bà dữ dội, cả cơ ngơi nhà cửa xe cộ đều do chính tay bà gầy dựng nên. Bà đã dám đứng ra đương đầu cạnh tranh ngang dọc với các hãng xe khác, và theo như lời bà kể lại, thì có lúc đã từng căng dây thép ngang đường để cản đầu xe người ta. Đối với những người thuê nhà, thuê chỗ ở như chúng tôi thì tiền trả không được thiếu một xu, cũng không được chậm một ngày. Rất giàu nhưng bà lại là chúa hà tiện, đặt cơm tiệm cho hai vợ chồng ăn để khỏi phải thuê người giúp việc, ăn bữa sáng còn dư thì cất lại để dành cho buổi chiều, đồ phải mua thêm. Người con gái thứ mười ba của bà tên Paulette là một phụ nữ rất đẹp, chuyên mặc áo đầm hở lưng và thường đi nhảy đầm với Tây.

Nhưng cũng hết sức lạ lùng là bà lại thân Việt Minh. Cứ đêm đêm, độ khoảng bảy tám giờ tối thì bà lại mở cái radio hiệu Philips loại “xịn” nhất thời đó, rà bắt sóng đài phát thanh Nam bộ để nghe tin tức kháng chiến. Người con gái thứ chín của bà mà tôi quen gọi là cô Chín, lại làm tiếp tế cho Việt Minh, và chính mắt tôi nhiều lần trông thấy cô mua thuốc tây về nhét trong các gói đường cát để chuyển vào chiến khu. Sau năm 1954 tôi đã gặp lại cô và đứa con trai khi mới tập kết ra tới Thanh Hóa. Còn người con thứ mười hai tên là Gaston, không biết hoạt động trong nhóm nào mà đã từng bị tên cò Jackquemer bắt nhốt tại sở mật thám Cần Thơ.

Tôi nhớ lại trong thời gian ông bà hội đồng Nghiêm là ông bà già chồng của chị hai Thuấn, cũng là bà con gì đó với ông bà Xã

Long, từ Ô Môn chạy giặc Hòa Hảo xuống tá túc tại đây, thì tối tối mấy chị con gái của hai bác thường xúi thẳng Chín Giáp ca những bài ca kháng chiến, hết bài này đến bài khác, nghe rồi còn vỗ tay khen bẻ nhà, nhưng không hề bị bà xã Long ngăn cản. Viết đến chỗ này tôi lại nhớ đến lời nhắc nhở của ông Võ Văn Kiệt là phải thật sáng suốt mỗi khi cần đánh giá một con người cụ thể nào đó dù họ thuộc hạng người giàu sang đã từng sống trong lòng chế độ cũ.

Vào những tháng cuối năm 1949, khi tôi đang học ở trường trung học Phan Thanh Giản-Cần Thơ thì chánh quyền bù nhìn của thủ hiến Nam phần tại Sài Gòn là Trần Văn Hữu bắt giam bảy học sinh. Phong trào bãi khóa rộng khắp đã nổ ra, yêu cầu trả tự do cho các học sinh nói trên, và cuộc đấu tranh giữa học sinh với chánh quyền diễn ra thật quyết liệt. Phong trào đấu tranh này không chỉ sục sôi ở Sài Gòn mà đã lan rất nhanh đến các trường trung học ở miền Tây, như trường trung học Mỹ Tho và trường trung học Phan Thanh Giản-Cần Thơ, nơi tôi đang theo học.

Một buổi sáng, khi đang trên đường đến trường thì thẳng Kính là học sinh năm thứ tư đến gặp tôi, nói: “Ê Trảo! Học sinh Mỹ Tho đã bãi khóa rồi, tụi mình tính sao đây?”. Không biết tại sao nó chọn đúng tôi mà hỏi, phải chăng dù học ở lớp dưới nhưng tôi lại lớn con, hay do nó đã nghe chuyện tôi từng chống lại nhà trường, hay có ai đã nói cho nó biết tôi là đứa từ vùng kháng chiến trở ra, hay là do sự chỉ đạo của ai đó?. Tin học sinh Sài Gòn bãi khóa đã lan truyền đến Cần Thơ khá lâu và tôi cũng đã biết, nhưng tin Mỹ Tho bãi khóa thì mới. Cho dù đang đeo đuổi nguyện vọng phải học lên cao để lại trở vào kháng chiến, nhưng cái máu chống Tây đang chứa sẵn trong con người tôi, mà đây lại là một dịp, nên hể chạm là bật liền. Tôi trả lời ngay: “Phải làm chó! Nhưng mà làm sao đây?”. Nó kéo tôi đến gặp một thẳng nứa tên Phương, cũng học sinh năm thứ tư, để cùng bàn. Cho đến tận bây giờ tôi cũng không biết được lúc đó có ai lãnh

đạo chỉ đạo gì tụi nó không, mà tôi cũng đâu có ý thức gì về việc đó, nhưng cứ có dịp chống Tây là làm.

Chúng tôi hợp thành Ban lãnh đạo, chẳng có ai trưởng ai phó gì cả, chia nhau đi vận động học sinh các lớp bài khóa bằng cách truyền miệng với nhau, nhưng cách đó rất chậm mà còn dễ bị bẻ, nên chúng tôi quyết định thay bằng cách viết truyền đơn. Nhớ lại hồi ở trong khu, tôi từng biết đến cách in bột, nên sau khi cùng nhau thống nhất nội dung, tôi ra chợ mua bột nếp, mực pô-li-cop-pi và giấy trắng mang về nhà tôi để in ấn. Một mình tôi cày cục viết và in gần trọn đêm được vài trăm tờ, sáng hôm sau chia nhau đi nhét vào học bàn của các lớp, để kêu gọi toàn thể học sinh đều tham gia bài khóa. Mặt khác chúng tôi còn viết tay một số áp-phích vận động bài khóa đem dán trên một số gốc cây trong thành phố. Về chuyện viết truyền đơn in bột, sau này nghĩ lại thấy giật mình về sự đại dốt lúc đó, bởi nếu nó muốn tra xét thì chỉ cần đưa cho các thầy giáo đối chiếu tuồng chữ, chắc chắn trăm phần trăm là khởi chối.

Do tác động dồn dập của các nguồn tin về phong trào bài khóa của học sinh các trường ở Sài Gòn rồi đến Mỹ Tho, và một số học sinh cũng đã được chúng tôi truyền tai vận động trước, nên phong trào bùng lên rất nhanh, đại đa số học sinh cấp trung học đều hưởng ứng, không cấp sách đến trường. Đúng là một kết quả bất ngờ!. Nhưng khách quan mà nói, kết quả này sở dĩ có được không phải đơn thuần là do cuộc vận động của chúng tôi, mà một phần rất quan trọng là sự đồng tình ủng hộ của cha mẹ học sinh. Mọi người đều hết sức bất bình khi báo chí dồn dập đưa tin bọn chúng đã bắt bớ học sinh sinh viên, và cuộc đấu tranh của học sinh sinh viên đã trở thành mối quan tâm chung của mọi người, chuyện đó đã có tác động lớn đến tâm tư tình cảm của người dân thành phố Cần Thơ, cũng do đó mà không ai cố bắt buộc con em mình phải cấp sách đến trường khi phong trào bài khóa ngày càng lan rộng.

Trong thời gian này chúng tôi luôn có mặt ở trường để theo dõi tình hình, và rất mừng là phong trào đã duy trì khá tốt. Song song theo đó chúng tôi lại tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, trao đổi tin tức, mở các nhịp cầu giao lưu kết bạn... tại trường học, tạo ra một bầu không khí vui tươi sôi nổi, rất có sức thu hút đối với tuổi trẻ, trám vào thời gian nghỉ học.

Người ta bảo rằng các cuộc đấu tranh thường mang đến sự đồng cảm gắn bó nhau và quả là đúng như vậy. Sự đồng lòng tham gia các cuộc đấu tranh bãi khóa đã khiến mối quan hệ giữa học sinh các lớp trở nên gần gũi hơn, chan hòa hơn, khác hơn rất nhiều so với trước đây. Bên cạnh đó các cuộc hội họp giao lưu còn có sức hút bởi sự hiện diện của các bạn nữ, nhất là những “hoa khôi” trong trường. Đó là cô T., học sinh năm thứ tư, con gái một điền chủ ở Bạc Liêu, đẹp nhất trường, sau này tôi có dịp gặp lại khi cô cùng người chồng là một bác sĩ đã cùng du học ở Pháp trở về Hà Nội trong thời kỳ còn chiến tranh. Một cô nữa tên T., người tròn tròn nhưng mặt mũi rất xinh, học năm thứ ba, sống trong gia đình của thầy Kiết, từng là người đẹp khi xưa của nhạc sĩ H.B, sau này có vào kháng chiến nhưng không may bị nghi ngờ dính đến một vụ án nào đó vì thế mà chịu khổ một thời. Tôi cũng đã kết thân với cô Lê Thanh Liễu, học dưới tôi một lớp cùng hệ Lycée, là con của ông Lê Văn Nghi, chủ hãng xe Đại Đồng, mà lại là cháu ruột của thủ tướng Lê Văn Hoạch, và trong trường hợp này thì tôi lại quên đi cái thân phận của mình. Nhưng phải chăng đây lại là sự trong sáng vô tư trong tình cảm học trò, nên tình bạn này đã khắc sâu trong tâm trí tôi qua những năm tháng dài kháng chiến, để rồi sau ngày giải phóng tôi đã cố tìm và sau cả ngày lặn lội dò hỏi tin tức nơi quê cũ Cần Thơ, tôi đã gặp lại cô tại Sài Gòn, gia đình con cái đê huê, hạnh phúc. Cô chỉ nhẹ nhàng trách tôi là tại sao lúc đó ra đi mà không nói một lời nào cả!

Một trong những bài hát được mọi người ưa thích lúc bấy

giờ theo tôi nhớ là bài “Học sinh ca”, với những câu rất hợp lý tưởng của học sinh như: “*Học sinh là người Tổ quốc mong cho mai sau / Học sinh xây đời niên thiếu trên bao công lao/Lúc khắp quốc dân tranh đấu hy sinh cho nền độc lập...*” Bài hát không có vẻ gì là chính trị nhưng lại rất chính trị. Nó nói toàn dân đang tranh đấu hy sinh cho nền độc lập, vậy thì đang đấu tranh chống ai để giành độc lập?. Tuy không vạch mặt chỉ tên nhưng chẳng cần suy nghĩ thì ai cũng dư hiểu rằng đó là đế quốc Pháp. Sống trong vùng kiểm soát của Pháp mà say sưa hát lên những câu hát như thế chứng tỏ lòng yêu nước và căm ghét địch của đại đa số học sinh trong nội thành lúc đó bộc bạch và thấm sâu đến nhường nào!.

Tôi không thể cân đong được tấm lòng hướng về cách mạng của đồng bào thành thị trong thời chống Mỹ, nhưng là người từng sống trong vùng tạm chiếm, có dịp tiếp xúc với bao nhiêu người, tôi nhớ rất rõ là trong những năm tháng chống Pháp thì tuyệt đại đa số đồng bào trong thành luôn coi bên “kháng chiến” là “bên mình” với tấm lòng vừa thương yêu vừa kính trọng; còn họ nói thẳng những kẻ làm tay sai trung thành của Pháp là Việt gian bán nước, đáng khinh bỉ. Bởi có lòng yêu nước ghét thù như thế, nên gặp bất kỳ cuộc đấu tranh nào, hễ kêu gọi là nổ ra ngay, và mọi người luôn tham gia hết mình. Sau này khi đã trở ra vùng tự do cầm súng đánh giặc, tôi vẫn luôn thương nhớ những con người đáng kính đáng yêu ấy và đinh ninh sẽ có ngày gặp lại.

Trong thời kỳ bãi khóa, chúng tôi đã được sự đồng tình và giúp đỡ của nhiều vị trí thức, trong đó không ít thuộc hàng có tên tuổi ở Cần Thơ.

Đó là bác sĩ Thuấn, người cố vấn đặc biệt của chúng tôi, khi cần hỏi việc gì, vào bất cứ lúc nào, ông đều sẵn sàng tiếp đón chúng tôi một cách ân cần, lịch sự. Trong từng vụ việc ông đều có những lời chỉ dẫn hết sức bổ ích, những hành động hỗ trợ tích cực. Vì ông là một trí thức có uy tín của Cần Thơ, nên những lời

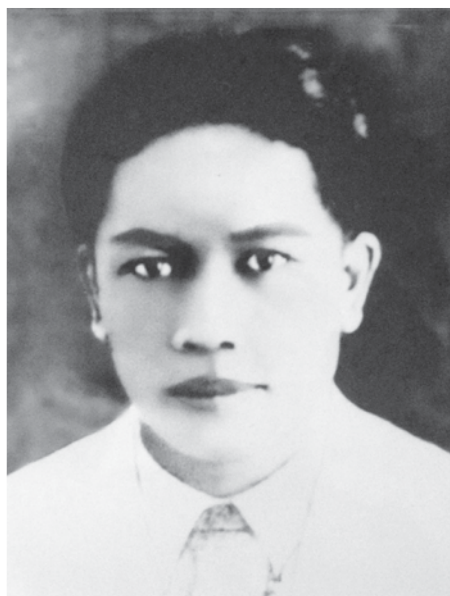
nói và việc làm của ông đối với phong trào bãi khóa của học sinh đã tác động đến nhiều trí thức khác, trong đó có cả các phụ huynh học sinh, vì thế rất nhiều người hoặc ủng hộ, hoặc lùng chùng, chớ không thấy ai đứng ra phản đối.

Đó là thầy giáo dạy văn Phạm Văn Kiết, người rất có uy tín trong trường, đã tỏ thái độ dứt khoát đứng về

phía học sinh, nên cũng có tác động tích cực đối với các thầy giáo khác. Sau này được biết thầy đã ra vùng giải phóng, tham gia vào Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, với chức vụ Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Đó là tất cả các thầy giáo trong trường Phan Thanh Giản, những người luôn muốn có mặt học sinh để mà dạy, không ai mong học sinh nghỉ học để được nghỉ “xả hơi”, nhưng không thầy nào đứng về phía chánh quyền để trực tiếp hoặc gián tiếp ngăn cản học sinh bãi khóa, ngược lại còn có vị còn “xúi” chúng tôi “cứ làm tới nữa đi”.

Còn đối với tỉnh trưởng Trương Trường Vĩnh, thì thái độ “xiu xiu, ỉn ỉn” trong thực thi chức trách đã ít nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của chúng tôi. Như một ngày nọ ông đã đến tận trường, triệu tập học sinh và phụ huynh đến, vừa nói cứng vừa thuyết phục, yêu cầu học sinh thôi bãi khóa và trở lại



Tỉnh trưởng Cần Thơ Trương Trường Vĩnh

trường để học tiếp. Còn nhớ lúc đó tôi cố nhón người lên cao trong đám đông và chất vấn trở lại: “Chẳng lẽ việc bãi khóa của chúng tôi vừa qua là sai hết hay sao?”. Ông ta bèn xoa dịu, nói chẳng qua cũng vì quyền lợi lâu dài của học sinh và phụ huynh, và ông cũng chỉ nói vậy chớ không làm gì khác. Tan cuộc, trên đường về nhà bỗng có một người mà tôi đoán chắc là mật thám chặn tôi lại hỏi: “Ê, lúc này mày nói cái gì vậy?”. Tôi bèn chối: “Đâu, tôi có nói gì đâu!”. Hắn ta bèn nói: “Tao đâu có quên mày là thằng cao nhòng, mặt mày mụn không mà còn chối gì nữa?”. Có lẽ nó chỉ muốn dọa thôi, nên nói xong rồi bỏ đi, tôi mừng hết biết. Sau này nghĩ mãi, không biết tại sao sờ sờ một viên tình trường ở đó mà suốt một thời gian dài của cuộc bãi khóa, không một lần xảy ra việc truy xét bắt bớ những người cầm đầu, hoặc có hành động trực tiếp ngăn cản học sinh bỏ học. Có người bảo rằng ông là một nhân vật bất đắc chí của thời cuộc, mê nghề đá gà hơn nghề làm tình trường. Có thật như thế không, hay còn lý do nào khác? Nếu ông là người ngấm ngấm ủng hộ kháng chiến thì sao?. Có lẽ chỉ có ông mới tự biết mình mà thôi, chớ ai có thể giải đáp được điều đó!.

Sau đó chúng tôi còn tổ chức đêm biểu diễn văn nghệ của học sinh nhằm tiếp tục hưởng ứng phong trào. Lần này thì có lẽ nhằm lấy lòng chúng tôi, nên viên tình trường lại cho mượn hẳn cái tiền sảnh trong dinh để ca hát, diễn kịch. Nhớ lúc này tôi có đến nhà thăm chị Bảy Phượng, cán bộ Hội Phụ nữ Dân chủ, người mà tôi từng quen biết khi còn trong chiến khu Đồng Tháp Mười, vừa từ trong bụng ra ở nhờ nhà người anh ruột là một thiếu úy trong quân đội Pháp để sinh con. Khi biết chuyện, chị nhắc nhở: “Coi chừng tội nó trói bằng dây chuyền vàng đó nghen em!”.

Kế đến là vụ đàn áp cuộc biểu tình của học sinh sinh viên Sài Gòn ngày 9 tháng 1 năm 1950, giết chết Trần Văn Ôn và làm bị thương nhiều học sinh sinh viên khác.

Chúng tôi lập một đoàn đại biểu lên Sài Gòn dự đám tang Trần Văn Ôn, một đám tang mà tôi tin chắc là lớn chưa từng có ở Sài Gòn mà theo như báo chí phỏng đoán thì ước có gần cả triệu người tham gia. Tôi thì không thể đoán chắc số lượng là bao nhiêu, chỉ biết rằng lúc tối đi đầu đã đến Bệnh viện Chợ Rẫy, nơi để di hài của Trần Văn Ôn, thì tối cuối vẫn chưa ra khỏi nơi bắt đầu xuất phát là trường Pétrus Ký, nay là trường Lê Hồng Phong. Dòng người đi chật cả đường, và liên tục có thêm những người mới nhập vào. Những ngày đó trong khuôn viên trường Pétrus Ký đặc nghẹt những vòng hoa của nhiều lớp người trong xã hội, mà nếu tôi nhớ không nhầm thì có cả vòng hoa của những người trong chánh quyền Sài Gòn. Vì chúng tôi là đoàn đại biểu của một trường bạn ở tỉnh xa là Cần Thơ nên được xếp đi trong tối đầu của dãy người làm thành hàng rào danh dự, bên cạnh đó là chiếc xích lô chở di ảnh của Trần Văn Ôn.

Hôm sau chúng tôi lại tìm đến ngôi mộ của anh để thắp những nén nhang tưởng niệm, sau đó đi thăm những học sinh bị thương đang nằm tại bệnh viện Sài Gòn. Chúng tôi thấy trên mặt bàn cạnh giường bệnh của mỗi bạn đều chất đầy những hoa và quả, là quà tặng của đông đảo những người đến thăm. Điều này một lần nữa chứng tỏ sự thương yêu ủng hộ nhiệt tình đồng bào Sài Gòn-Chợ Lớn đối với phong trào học sinh sinh viên. Còn tôi thì nghĩ thầm trong bụng rằng mấy đứa này coi vậy mà sướng, mới thấy vì tróc vảy sơ sơ mà được hưởng cái vinh quang như những chiến sĩ đang chiến đấu hy sinh nơi trận tiền!

Thật bất ngờ là mấy hôm sau tôi lại được một người bạn tặng cho tấm ảnh chụp được lúc tôi đang bước đi, tay trong tay hai bạn khác, do anh tình cờ nhận ra và mua trong số những ảnh chụp được bày bán tại bùng binh chợ Bến Thành. Tôi coi tấm ảnh này là một kỷ vật trong thời đấu tranh học sinh, và cất giữ nó suốt mấy mươi năm chiến tranh. Sau này khi trở về công tác tại Thành Phố, tôi đã nhờ đồng chí Phạm Phương Thảo trao lại



Đám tang Trần Văn Ơn

cho Thành Đoàn để đưa vào bộ sưu tập hình ảnh lưu niệm của phong trào.

Sau vụ Trần Văn Ôn thì chúng tôi nghĩ rằng phong trào bãi khóa không còn lý do để tồn tại, bởi tiếp tục bãi khóa để làm gì, nhằm đạt yêu sách nào?. Còn việc hình thành một tổ chức kháng chiến nào đó trong lòng địch thì tôi chưa nghĩ đến. Trong lúc đó thì cha mẹ học sinh ngày càng sốt ruột về sự học hành của con em, mà bản thân các học sinh cứ nghỉ học mãi mà không có một mục đích rõ ràng cũng dần dần thối chí, chỉ có một số ít qua cuộc đấu tranh đã giác ngộ lòng yêu nước nên quyết định chọn con đường đi mới là ra bùng kháng chiến. Thế nên học sinh trong trường đã lần lượt trở lại lớp theo ý muốn của cha mẹ và một phần vì lo ngại có thể bị đuổi học. Trước tình hình này chúng tôi quyết định thôi không yêu cầu bãi khóa nữa, mà không quyết định cũng không được!. Một lần nữa tôi lại in bột truyền đơn đem phát tán trong học sinh, với suy nghĩ, một là để cho người ta yên tâm đi học trở lại, hai là để người ta coi như ban lãnh đạo vẫn còn tồn tại. Cũng rất may là cái ban lãnh đạo “tự phong” này vẫn còn có cái “uy”, nên sau đó thấy mọi người trở lại trường không chút e ngại. Và như vậy là phong trào đã kết thúc.

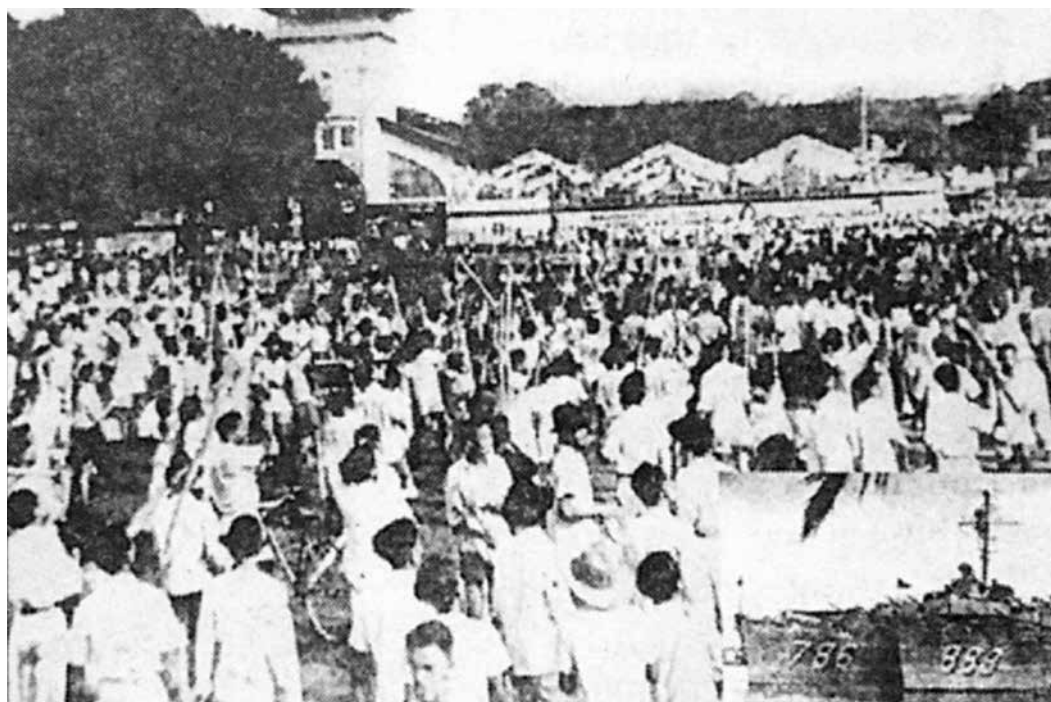
Hôm rồi nhân dịp đi theo bà xã dự cuộc họp mặt hằng năm của các anh chị em nguyên là học sinh trường tiểu học Trần Quốc Toàn trong vùng U Minh vào những năm 1949-1950, mọi người nhắc lại và rất tự hào về trường mình, về thầy cô mình và về bản thân của từng học sinh. Chợt liên hệ đến chuyện truyền thống của trường Phan Thanh Giản-Cần Thơ, tôi không biết những nhà lãnh đạo sau này của tỉnh có ai biết để nhắc nhớ đến phong trào đấu tranh chống Pháp của học sinh trong những năm tháng ấy hay không, để các thầy cô giáo và các thế hệ học sinh kế tiếp có được sự hiểu biết về một điểm son trong lịch sử của trường, làm cho các em càng thêm tự hào về ngôi trường của mình?.

Lại có một “sự cố” đến với tôi. Chính lúc tôi đang cùng mọi người chuẩn bị trở lại trường để tiếp tục học, thì được ông bà già cho biết là đang bị các chủ nợ và chủ hội đòi ráo riết, mà cũng đã bao nhiêu lần thất hứa với người ta rồi. Đến nước này thì chẳng còn cách nào khác, đành phải rời khỏi nơi đây mà thôi. Mà con đường duy nhất có thể tính đến là trở về Đồng Tháp Mười, nơi không ai có thể đến mà đòi nợ, và cũng chắc chắn sẽ không bị đối.

Hành trình trốn nợ của cha mẹ tôi cũng thật nhẹ nhàng và suôn sẻ. Vào một sáng sớm ông bà già cùng con út lặng lẽ ra đi, không mang theo bất cứ một thứ gì, còn tôi và hai đứa em kế vẫn ở lại để rồi lần lượt đi qua Thành Lợi ở với anh chị Tư Hoa. Còn nhớ trên đường về nhà chị Tư thì con Mười Nhựt vừa đi vừa khóc thút thít. Cho nên đến khi tôi là người cuối cùng rời khỏi nhà, thì cũng không ai hay biết gì cả. Riêng đối với tôi thì Ông Già còn dặn là phải lên Sài Gòn tìm gặp anh năm Nhựt để tìm cách đi học tiếp. Lúc này thì anh năm Nhựt đang làm trong trạm bơm của kho xăng Nhà Bè, và cũng do anh xuất thân từ trường Bá Nghệ, biết tương đối về kỹ thuật, nên cũng được sắp xếp vào công việc có mức lương kha khá. Nhưng vì nhà anh quá chật hẹp, không thể ở chung, nên anh cho tiền tôi tìm nơi ở trọ và tìm trường đi học. Anh cũng “trang bị” cho tôi khá đồng bộ từ đồng hồ, nón nỉ, cặp da.

Tôi xin vào học tại trường tư thực Phan Châu Trinh, tại góc đường Nguyễn Thái Học-Trần Hưng Đạo hiện nay, và nhảy luôn lên năm thứ 3. Lúc này trên Sài Gòn phong trào học sinh vẫn chưa chấm dứt, ngoài chuyện tiếp tục bãi khóa, thì còn nhiều hình thức đấu tranh trực tiếp khác như mít tinh, biểu tình và các hoạt động đoàn thể khác.

Ngày 19 tháng 3 năm 1950, chủ nhật, đã diễn ra cuộc mít tinh và biểu tình chống Mỹ. Ban đầu người ta tập trung đặc nghẹt trong khuôn viên trường Tôn Thọ Tường, nghe lời hiệu triệu của



Cuộc biểu tình chống Mỹ ngày 19-3-1950. Chợ Bến Thành bị đốt.

luật sư Nguyễn Hữu Thọ, một trí thức lớn của Sài Gòn thuở ấy, sau đó cùng nhau kéo xuống bến Bạch Đằng nơi có mấy chiếc tàu Mỹ đang đậu để phản đối, rồi kéo trở về giao tranh với cảnh sát, rồi đốt luôn chợ Bến Thành. Khoảng 10 giờ sáng tôi đang đứng trên lề đường thì thấy có một toa tàu hỏa chở đầy củi đang đậu chắn ngang đầu đường Hàm Nghi bây giờ, nhiều người nhảy lên lấy củi đánh và liệng vào lính cảnh sát, khi tụi nó liệng bom cay thì nhảy lên lề đường đứng nghỉ, nghỉ thoải mái rồi lại nhảy xuống “chiến đấu” tiếp. Bởi lúc đó cũng có khá đông người không tham gia đánh nhau mà chỉ bàng quan đứng trên lề đường quan sát, nên người nào đứng trên lề đường thì tụi nó coi như là ngoài cuộc chiến, không thèm truy đuổi. Nhìn phía bên chợ Bến Thành thì thấy khói bốc lên cuộn cuộn, đến chiều đi vào trong chợ thì thấy nhiều thứ bị cháy thiêu và bể nát. Đi quá sang đường La Grandière thấy một chiếc xe jeep nhà binh bị đốt và lật nghiêng. Tối hôm trước tôi còn thấy nhiều lính hải quân Mỹ đi chơi hoặc ngồi xích lô dạo trên đường phố Sài Gòn, nhiều nhất là trên đường Bonard, nhưng lúc xảy ra đánh nhau thì chẳng thấy bóng dáng thằng Mỹ nào cả. Còn tôi thì vì mới ở Cần Thơ lên, chưa vào tổ chức nào cả, cho nên cũng chỉ là khách “tham quan”, đứng trên lề đường chứng kiến mọi việc.

Dần dà rồi tôi cũng kết thân và kể những chuyện đã qua của tôi ở Cần Thơ với các học sinh trong trường, nên tụi nó cũng tin, cho nhập nhóm tham gia hoạt động, và tôi cũng bắt đầu “hăng” lên.

Ngày 19 tháng 5 năm ấy, bên ta dự định tổ chức một cuộc mít tinh tại chợ Bến Thành để kỷ niệm sinh nhật Bác. Một bộ phận học sinh chúng tôi tập trung đứng trên lề tại góc đường Kitchener-Galliéni, nay là Nguyễn Thái Học-Trần Hưng Đạo, chờ đúng giờ xuất phát. Bỗng nhiên có một chiếc xe loại Chevrolet đầu bằng từ đâu suýt suýt chạy tới rướn thẳng lên lề đường. Tôi đang ngạc nhiên và chửi thề trong bụng... xe gì chạy kỳ vậy, thì mấy thằng cảnh sát trên xe đã rộp rộp nhảy xuống, súng tiểu

liên lăm lăm trong tay, một thằng chạy đến chụp cánh tay tôi, miệng chửi thề đ...mẹ tui bay biểu tình hả. Tôi giật mạnh, vượt khỏi, nó đánh với một bá súng vào lưng, tôi chạy tuốt ra xa núp vào gốc cây, nhìn lại thấy nó bắt được mấy đứa con gái vừa lôi lên xe vừa đánh, còn hầu hết bọn con trai đều chạy thoát. Cũng hú hồn vì lúc đó trong túi quần tôi còn nhét cái băng-đơ-rôn bằng vải trắng có viết chữ “Hồ Chí Minh muôn năm”, nếu nó mà tóm được chắc là như đòn. Sau đó chúng tôi tập hợp số còn lại, rồi đi luôn đến chỗ tượng Phù Đổng bây giờ, cũng lại thấy đám mật thám đã đứng đầy chỗ đó rồi, tay huơ huơ súng lục, mà thấy súng lục thì ớn hơn súng tiểu liên nhiều. Cũng chẳng thấy cánh nào khác, chúng tôi đành giải tán, mạnh ai nấy về, cuộc mít tinh như vậy là không thành.

Chủ nhà trọ nơi tôi ở là một phụ nữ tài hoa, có nhan sắc, chồng là một viên “quan một”, sống riêng tại Vĩnh Long. Bà ở trên này với năm đứa con, một trai bốn gái, và có lẽ mang nhiều tâm sự nên khuya khuya thường mang đờn kìm ra khảy một mình. Người chị cả tên Lan, học năm thứ tư và cũng đang tiếp tục bài khóa. Một hôm chị kêu tôi lại và “đấu” với tôi, hỏi tại sao trong tình thế này mà tôi vẫn tiếp tục đi học, lại còn chuẩn bị thi cử nữa, há chẳng phải đang phản bội phong trào hay sao? Tôi không biết phải giải thích như thế nào với người “đồng chí” của mình để vừa không phải bộc lộ những điều riêng tư lại vừa không để người ta thất vọng với một thanh niên cùng trang lứa. Nên chỉ trả lời chung chung là tôi với chị đều có chung một chí hướng, nhưng con đường đi của mỗi người có thể khác nhau.

Năm ấy tôi thi lấy bằng Brevet, tương đương với bằng Thành Chung, tại trường Marie Curie. Trước khi thi tôi “gao” rất dữ, nên các môn đều đạt trên điểm trung bình, có môn như Pháp văn đạt điểm rất khá. Riêng môn lịch sử thì tôi lại bị hố. Tôi cứ đinh ninh rằng hiện nay nước Pháp thuộc nền cộng hòa, mà

khai sáng là cuộc cách mạng tư sản năm 1789, nên chỉ tập trung vào một đề tài này, mà không để sức vào học các nội dung khác, bởi tôi rất yếu về chuyện học thuộc lòng. Thế nhưng để thi lại là cuộc cách mạng 1830 Sương mù, và như thế là tôi đành ngậm bút, chỉ viết được độc một câu vào đề, nên chỉ được $\frac{1}{4}$ điểm an ủi, và cộng tất cả lại thì còn thiếu $\frac{1}{2}$ điểm. Tôi nhớ hôm đi xem kết quả thì trời nắng gắt, phải đi bộ về nhà mà trong túi không còn một đồng bạc để ăn kem, vừa thất vọng lại vừa mệt.

Lúc này anh năm Nhựt lại bị đuổi việc vài tháng trước vì bị phát hiện câu kết “nhảy dù” cả một xe bồn xăng, nên không thể tiếp tục chu cấp cho tôi ăn học. Đã thế, lâu lâu anh còn đến bảo tôi cho mượn lại cái nón ni, rồi đến cái cặp da, những thứ anh đã từng trang bị cho tôi trước đây để đi cảm cho người ta lấy tiền xài, nhưng mượn đi mà không bao giờ trả lại. Để có tiền ăn học tiếp, tôi phải đi dạy nửa buổi tại trường tư của chú Hai A là con ông chín Hảo, một điền chủ lớn của Đồng Tháp Mười và là người em út của Ông nội, trường được đặt tại Tây Nhì, quận Phú Nhuận. Thế nhưng chỉ dạy được trên một tháng thì bị chú đuổi vì phụ huynh đến mắng vốn là tôi đã đánh con họ. Tôi nhớ hoài cái hôm đến nài nỉ xin chú cho dạy tiếp để có tiền học đến kỳ thi lại. Lúc đó chú đang ngồi đánh bài tứ sắc, chốc chốc lại nhấp một hớp rượu vang trắng, còn tôi thì ngồi bên cạnh chực cả buổi nhưng chú vẫn không đổi ý. Mà cũng không cho tôi thêm một đồng khi nghỉ việc, trong khi tôi đã nói với chú là đang còn nợ một tháng tiền cơm chưa trả.

Tôi suy nghĩ thấy cái sự học của mình đã không còn hy vọng tiếp tục, tuy nhiên thấy rằng dù thi không đậu nhưng trình độ của tôi cũng đã bằng các anh trong cơ quan cũ, điều tôi hằng mơ ước khi xưa, lại qua quá trình tham gia phong trào đấu tranh sôi sục của học sinh sinh viên từ Cần Thơ lên Sài Gòn, điều này đã làm cháy bỏng trong tôi lòng yêu nước nên tôi quyết định phải trở về chiến khu để tiếp tục kháng chiến như lòng đã tự hứa khi

rời cơ quan cũ trở về thành tiếp tục học văn hóa. Tôi chưa bao giờ có ý định tìm việc làm để mà sống ở Sài Gòn.

Tôi đành thất thố nói dối bà chủ, xin phép về quê xin tiền để lên học tiếp. Tin lời, bà đồng ý, chớ đâu có ngờ rằng tôi sẽ “một đi không trở lại!”. Trước khi đi tôi bắt chặt tay chị Lan, bởi tiếc cho đến khi chia tay vẫn không thể nói cho người cùng chí hướng với mình biết hết sự thật. Nhưng chắc chị cũng đâu có ngờ rằng tôi không bao giờ quên món nợ và ân tình của gia đình chị đối với tôi, bởi sau 25 năm tham gia kháng chiến, khi vừa về đến Sài Gòn là tôi đã đến cố tìm lại cho bằng được số nhà 13 Cité Nguyễn Văn Dương, ngõ hầu tạ lỗi và đền đáp ơn xưa, nhưng rất tiếc là “người xưa đâu thấy, chỉ thấy ngôi nhà cũ rêu phong!”. Tôi chỉ biết đứng đấy thẩn thắt lại tên từng người: Lan, Nhung, Đóm, Oanh, Thủy và cầu chúc cho mọi người đang ở đâu đây trên trái đất này đều được mọi sự bình an!

Tôi rời nơi ở trọ vào một sáng sớm, chỉ mang theo mấy quyển sách về lượng giác, với suy nghĩ nó có thể là hữu ích trong tương lai. Trưa hôm đó tôi về tới Sa Đéc và đến nhà cậu Út là đốc-tò Châu, em ruột của má, định ở chơi vài ngày rồi sẽ về Cao Lãnh. Bất ngờ tôi lại gặp cô Ba Ánh là con gái của cậu đang học ở Đà Lạt về nghỉ hè. Cùng là học sinh trạc tuổi nhau, lâu ngày mới gặp lại, chuyện để nói thì biết bao giờ cho dứt, nên chuyện trò mãi đến tận khuya.

Hôm sau thức dậy bỗng nghe tiếng cậu đang la rầy ai đó múc nước trong lu mà không đặt cái gáo vào đĩa đựng nước thừa, lại đem úp thẳng vào nắp đậy, nước chảy ngược xuống lu, rất mất vệ sinh. Bởi là bác sĩ, và có lẽ bác sĩ thì ở đâu cũng thấy vi trùng nên ông kỹ cái vụ này lắm. Tôi lại nghe rõ cái câu cậu phán quyết: “Chỉ có thằng Phiên chớ không ai trong cái nhà này mà làm như vậy!”. Cũng chẳng biết là trật hay trúng, nhưng nghe vậy tôi thấy không thể chịu nổi trước sự xúc phạm của một người cậu giàu có đối với thân phận của mình, nên lập tức xách

túi đồ đạc ra đi không một lời chào từ biệt trước sự ngỡ ngàng của cô Ba Ánh, bởi hôm qua tôi còn nói là sẽ ở lại đây chơi vài ngày kia mà!.

Chiều hôm đó tôi về tới nhà chị Năm Thai, con gái của dì Ba Trâm là chị ruột của má, ở Tịnh Thới. Vì đây là vùng giáp ranh, mà tôi là người lạ từ đâu đến, không thể ở lâu. Chị tìm ngay người liên lạc, và mờ sáng hôm sau bơi xuống đưa tôi vượt sông sang An Bình, đến nhà dì Năm Thìn là chị ruột của má ở Rạch Dầu.

Tới rồi! Vùng tự do đây rồi! Mà lại là ở cái đất Cao Lãnh này, với bao nhiêu bà con thân thuộc đang tham gia kháng chiến, cái Đồng Tháp Mười rộng bao la này, có chỗ nào mà ta chẳng biết, có ai mà ngăn cản được bước chân của ta, có biết bao nhiêu công việc mà ta có thể và có quyền làm. Mà chắc là sớm muộn gì cũng sẽ xin vào bộ đội bởi đó từng là ước mơ từ thuở bé và... cái bóng súng còn nóng hổi của bọn cảnh sát đánh vào lưng hôm 19 tháng 5.

VÀO ĐỜI

Lòng yêu nước vương tư
với quê hương Đồng Tháp

Mấy hôm sau, anh bảy Tòng định đưa tôi tới nhà dì Ba Trâm là chị ruột của má ở chợ Cái Dừng. Tôi bảo khỏi cần, vì con đường đó tôi đã từng đi qua đi lại bao nhiêu lần khi anh chị Tư Hoa còn giảng đạo ở nhà thờ Nhị Mỹ.

Đến nơi, từ xa tôi đã nhận ra Dì, cái rổ cặp bên hông, khăn rằn vắt vai, cái miệng rưng rưng móm xòm.

Tôi đến gần giả vờ hỏi: Dì ơi, có phải đây là chợ Cái Dừng không?

Dì ngẩng đầu lên nhìn tôi trả lời: Phải, mà em muốn tìm ai ở đây?

Tôi đáp: Cháu muốn tìm nhà chị Bảy Liên.

Dì lại vừa hỏi vừa trả lời: Em ở đâu mà đến đây tìm con Liên, “qua” là má nó đây! Mà Dì không nhận ra tôi cũng phải, bởi khi rời Cao Lãnh thì tôi còn nhỏ xú.

Thấy đã chọc được Dì, mà Dì còn xưng là “qua” với tôi nữa, nên khoái chí cười ha hả. Lúc này thì Dì đã nhận ra và rửa tôi với cái cách quen thuộc: “Cái đồ mắc dịch! Mày ở đâu về vậy?”.

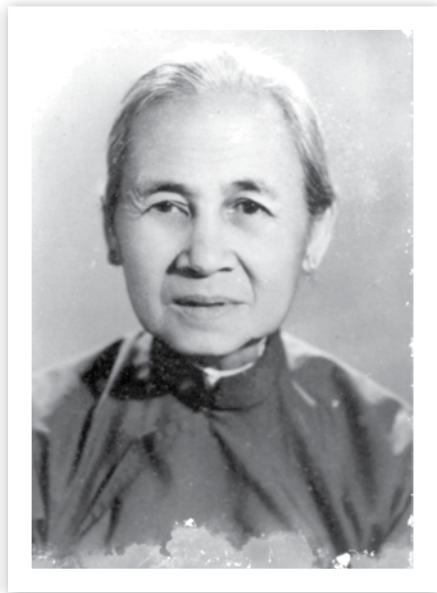
Dì Ba là con người dễ tính và rất thương con cháu. Xưa kia nhà Dì làm bánh bèo và còn bán đường thốt nốt ngoài chợ. Mỗi lần

đến nhà Dì là được cho ăn bánh bèo thoải mái, còn giữa buổi học ra chợ, thế nào Dì cũng kéo cái ngăn kéo dưới chỗ ngồi lấy ra một đồng xu cho đi ăn bánh. Nhớ có một lần Ông Già đến trách Dì tại sao để anh Ba Thanh Nha đến nhà ăn dầm nằm dề, lại còn rủ thêm bạn bè tới nữa! Dì rầy lại: “Cái Dượng này mới lạ kìa! Tưởng ai, chỗ con cháu nó không tới nhà mình thì tới nhà ai? Mình đuổi nó thì nó đi đâu?”.

Hiện Dì đang ở với con dâu là vợ anh Sáu Bền, người Quảng Nam hay Quảng Ngãi gì đó mà nói như chim, tí ai nghe kịp. Còn anh Sáu Bền thì sau một thuở chơi bởi trác táng, cũng may là có cách mạng giặc ngọ anh mới tham gia kháng chiến, một chuyện khó tin mà có thật!. Anh vào làm việc ở Công an xưởng Sa Đéc, trong tổ thợ rèn. Nghe kể lại thì anh rất sợ máy bay, nhưng đào cái hầm để tránh thì chỉ đủ chui cái đầu, còn cái dít vẫn lòi lên trên, bởi anh cho rằng bắn trúng cái đầu thì chết, mà trúng cái dít thì chưa sao! Về sau nghe nói anh chết vì bệnh sốt rét. Tôi ở lại nhà Dì vài ngày, được dì và chị Sáu Bền cho ăn đủ các món ngon, vì ở gần chợ nên thứ gì cũng có. Nhưng tôi vẫn không quên yêu cầu cái món bánh cam chấm đường là thứ khoái khẩu mà mấy năm ở ngoài thành ít khi được ăn.

Rời nhà Dì Ba, tôi quá giang ghe về Mỹ Quý. Đến nơi tôi gặp má trước, bà chưng hửng và mừng quá chừng. Chưa kịp nói gì thì Ông Già về đến và tất nhiên ông cũng hết sức bất ngờ về sự trở về đột ngột của tôi. Trước mặt hai người tôi kể hết mọi chuyện đã qua, và nói rõ tôi có ý định ở nhà một thời gian để được sống bên gia đình, sau đó sẽ tính toán mọi việc, bởi được biết cơ quan cũ của tôi cũng như các cơ quan khác của Nam bộ đều đã di chuyển hết xuống miền Tây, bây giờ muốn làm gì, đi đâu cũng phải tìm hiểu thêm mới có cơ sở để quyết định.

Lúc này thì bác Ba đã cho cái chuồng bò để sửa lại làm nhà ở. Tôi với Ông Già cùng nhau dọn sạch phân, tu bổ lại nền, sửa sang lại kèo cột, đi mua đưng về dùng vách và lợp mái. Đưng phải chèo



Hình cha mẹ

xuống mua tận trên kinh Cái Bèo, trời nắng, gió thổi mạnh và đứng chất cao, nên chèo tới mà gió nó cứ thổi bạt ngang, chống chọi đuối sức. Qua mấy ngày lao động vất vả, chúng tôi đã được cái nhà khá thơm mát, nhưng thơm mát trong cái nhỏ hẹp đơn sơ. Và phải chăng mãi đến đến lúc bấy giờ, lần đầu tiên trong đời ông bà già mới sở hữu được một “ngôi” nhà riêng của mình, thật đáng mừng. Hay đáng tủi, bởi được ông anh ruột là địa chủ cô bụi, ruộng đồng thẳng cánh cò bay, đã “mở lòng” tặng cho cái chuồng bò để cất nhà? Nhưng dù sao cũng may mắn là có đủ chỗ ở cho bốn người là ông bà và hai đứa em. Đối chiếu cái được gọi là “ngôi nhà” của ông bà khi ấy, với nhà cửa và cuộc sống hiện tại của anh chị em chúng tôi, những người con của ông bà, tôi càng thấm thía với cảnh bản cùng của cha mẹ khi xưa.

Ông Già vẫn đi chài và giăng câu để kiếm cá ăn, còn má thì tiếp tục cái nghề chỉ thu được từng cắc từng đồng là làm bánh kẹo mang lên chợ Cái Bèo bán và chợ vẫn họp vào ban đêm.

Thường thì chèo xuồng chở má đến chợ xong là tôi tạt qua bên kia sông lên nhà người quen chơi, chờ tan chợ rước má về. Ban đêm máy bay khu trục không đến bắn, chỉ thỉnh thoảng có một chiếc vận tải Junker bay dọc theo kinh. Tuy vậy mọi người vẫn rất sợ, đèn đóm tắt hết, và mạnh ai nấy tìm hầm mà trốn. Nhớ lại cũng có lúc tôi đã từng mong nghe tiếng máy bay để được dịp nhảy chung hầm với một cô gái xinh đẹp mà tôi thường đến nhà để tán chuyện trong khi chờ đợi rước má về, nhưng thật tiếc là tôi chưa bao giờ may mắn gặp được cơ hội đó!

Những ngày không đi chài thì Ông Già giăng câu cá mè dinh dưới sông trước nhà bằng mồi khoai lang luộc hoặc bông lúa, thường cũng tạm có cái ăn. Nhớ có một lần xuống thăm, thấy đài câu rung dữ dội, ông kéo lên được một con cá bông thật to, nặng năm sáu kí. Té ra thì anh chàng này đã dớp con cá mè dinh con bị mắc câu trước đó, kết cục là phải chịu thể thân nạp mạng.

Không bao lâu tôi gặp chị Bảy Liên, con của Dì Ba, lúc này là cán bộ của Hội Phụ nữ tỉnh, sau khi hỏi han, và tôi cũng đã kể hết mọi chuyện của tôi từ khi tôi rời khỏi Cao Lãnh, nhất là việc tham gia đấu tranh trong phong trào học sinh sinh viên, và cũng biết tôi có nguyện vọng đi bộ đội, chị giới thiệu tôi đến Tỉnh đội Sa Đéc.

Ngày 10-10-1950 tôi đến trình diện, vì các anh bên Tỉnh đội đã nghe chị Bảy nói chuyện trước về con người tôi, hơn nữa cũng biết khá rõ lai lịch của gia đình nên chấp nhận ngay, không phải thẩm tra xem xét gì cả. Quả thật đúng như những điều tôi đã suy nghĩ ban đầu là ngoài tư cách của bản thân thì chính anh chị em bà con họ hàng đang tham gia kháng chiến là một đảm bảo vững chắc cho sự tín nhiệm ngay từ đầu của người ta đối với tôi. Bởi nếu khơi khơi thì đâu có dễ gì được nhận vào làm việc tại một nơi quan trọng là cơ quan quân sự cấp tỉnh như thế.

Tôi được phân công làm nhân viên văn thư Ban chánh trị, mà Trưởng Ban là anh Năm Sổ, cơ quan đóng tại đình Mỹ Hội.

Vì đây là cơ quan quân sự, tuy trong hoàn cảnh kháng chiến nhưng sinh hoạt khá nề nếp, ăn, ngủ, nghỉ, làm việc, đều có giờ giấc. Tôi nhớ rõ những ngày tôi mới bước chân vào cơ quan thì tất cả đều ngỡ ngàng. Ví dụ như việc đơn giản nhất nhưng tôi cũng cảm thấy tương đối lộn xộn là việc bắt buộc ăn bữa hai đầu. Đối với những người không hiểu chuyện xưa thì có thể thắc mắc rằng bữa thì phải có hai đầu chứ sao? Ý muốn nói ở đây là gấp thức ăn thì dùng một đầu, còn cho thức ăn vào miệng thì phải dùng đầu kia. Nói thì dễ, chứ vào mâm thì lộn tới lộn lui hoài. Nhưng rồi từng bước cũng quen dần với cái nếp sinh hoạt của tập thể ấy.

Anh Năm Sổ là người rất thích bơi lội, mà tôi cũng thế, nên sáng sớm hai chúng tôi thường bơi đường dài, có khi gần cả cây số, vừa bơi vừa trao đổi chuyện trò, rất tâm đầu ý hợp. Tôi rất mến anh và anh cũng rất thương tôi, nên thường tạo điều kiện dễ dàng cho công tác của tôi, và rất mong tôi mau tiến bộ. Một ví dụ đơn giản là trong giờ làm việc, khi rảnh tôi thường lấy mấy quyển sách lượng giác mà tôi mang theo khi rời Sài Gòn ra ngồi ôn, anh không hề phê bình mà còn khuyến khích tôi cố gắng học thêm văn hóa.

Rồi một bước tiến mà tôi chưa bao giờ dám nghĩ tới đã đến với tôi, đó là việc tôi được chọn đi thi vào trường Lục quân Trần Quốc Tuấn, mà tôi cũng biết trong đó có một phần là sự ưu ái của anh Năm Sổ. Tôi nghe nói đây là chủ trương của Trung ương nhằm đào tạo lớp cán bộ quân sự chuẩn bị cho “Tổng phản công”. Với tuổi trẻ thời bấy giờ, chỉ cần nhìn tờ áp phích cổ động chiêu sinh là đã thấy mê hết chỗ nói rồi. Đó là hình một sĩ quan đội mũ kê pi, mang gươm, đi giày ống, vai đeo lon quan hai, đang hiên ngang ngồi trên lưng ngựa phi tới phía trước. Nói ra nghe tức cười chứ lúc đó tôi đã từng nhắm tính trong bụng là với cái lon quan hai sau khi ra trường thì qua bao nhiêu năm nữa tôi sẽ lên đến cấp Đại tướng như ông Võ Nguyên Giáp! Với tình

hình thực tế trong chiến khu lúc đó mà yêu cầu thí sinh phải có trình độ văn hóa bậc trung học trở lên, thì trong cả tỉnh cũng chẳng có được bao nhiêu người, cho nên việc được chọn đi học cũng là điều dễ hiểu.

Chính tôi lại được Tỉnh đội phái lên Bộ Tư lệnh Khu 8 để nhận đề thi. Tôi được giao liên đưa đi trên một chiếc xuồng có cả rèm che mưa che nắng. Đến Mỹ Thọ thì gặp xuồng chở cán bộ phụ nữ, trong đó cô Năm Huệ là người em bạn dì ruột đã lâu ngày không gặp, đi ngược chiều. Hai bên đều nhận ra nhau, hết sức bất ngờ và mừng rỡ, nhưng vì bên nào cũng có việc của bên đó nên chỉ kịp đưa tay vẫy chào rồi đi qua. Sở dĩ tôi nhắc đến cuộc gặp tình cờ này bởi mấy mươi năm sau tôi mới gặp lại cô, một phụ nữ rất đặc biệt với một tinh thần chịu đựng hy sinh cho cách mạng hiếm có. Cô xây dựng gia đình cũng với một cán bộ kháng chiến, nên vừa thoát ly tham gia công tác kháng chiến vừa sinh con. Cô sinh tất cả 6 đứa con, mà đứa nào cũng như đứa nào, sinh ra được 3-4 tháng là cô phải rút ruột đem gởi cho người ta nhờ nuôi hộ, có người thuộc bà con thân thuộc, nhưng có người cũng chỉ là người quen không máu mủ ruột thịt, mà tất cả đều ở trong thành thuộc vùng bị chiếm đóng. Mãi đến ngày hòa bình lập lại năm 1975 cô mới có dịp tập hợp chúng nó lại để chúng nó nhận anh chị em với nhau. Đây quả là một sự hy sinh to lớn của một người phụ nữ, một người mẹ.

Khi xuồng chèo trong kinh Bằng Lăng, gần Đốc Bình Kiều, chốc chốc lại gặp một miếng vó giăng ngang sông, phải gọi người ta kéo lên để đi qua. Chợt nhớ chuyện kể về cô gái đang kéo vó cho xuồng chèo qua, vì mặc quần lung vận nên khi rướn mình thót bụng cố kéo vó lên thì quần bị tuột, hoảng hồn bỏ tay ra chụp lấy lưng quần thì lúc đó cả miếng vó chụp xuống làm chìm cả xuồng người ta, báo hại mọi người phải lặn hụp lớp ngóp chui ra, người ướt như chuột. Không biết chuyện kể là hư hay thật nhưng cứ mỗi lần qua mà thấy phụ nữ ra kéo là hơi ngán.

Tối cuối con kênh là gặp cơ quan Văn thư của Phòng Chánh trị Khu 8, nơi tôi phải đến để nhận tài liệu. Khi tôi bước vào thì một người trong cơ quan ra bắt tay và nói: “Chào đồng chí”. Té ra là anh Ba Thanh Nha! Nhưng anh chưa nhận ra tôi ngay vì đã gần năm năm chưa gặp lại, hơn nữa ở tuổi mới lớn nên vóc dáng của tôi đã có nhiều thay đổi. Tôi cũng hết sức bất ngờ. Nhưng anh cũng kịp nhận ra khi tôi bắt đầu cười. Thế là hai anh em cùng mừng giữ chặt tay nhau hồi lâu.

Cơ quan của anh đóng ở tận cuối con kênh Bằng Lăng, nằm sâu tít trong đồng, muỗi rất nhiều mà đĩa cũng khiếp. Ban ngày đứng nghiêm chào cờ hát quốc ca mà muỗi bay quanh ù ù, cắn lia lịa, phải khổ sở căng mình chịu đựng; ban đêm ngủ trên xuống, đĩa cũng đánh hơi bò lên chui cả vào nóp người ta.

Anh lên Khu sau ngày Pháp chiếm Cao Lãnh, đã trải qua nhiều nhiệm vụ công tác trước khi về Ban Văn thư của Phòng chánh trị Khu. Nghe nói lại thì anh đã từng làm một công việc mà từ xưa đến nay, và mãi sau này cũng chưa từng có ai làm được: vẽ bạc Đông Dương giả để mang ra thành mua đồ tiếp tế cho kháng chiến. Sau này nghe anh kể lại là có một lần một chị là người của ta mang tiền do anh vẽ ra chợ Cao Lãnh, đến một tiệm của người Tàu mua hàng thì người chủ tiệm kéo tay chị lên lầu và nói nhỏ: “Há cái này, tiền chị mua lần trước là giả đó nghe!”. Chị người của mình hoảng hồn, định giật tay nhảy xuống tìm cách tháo chạy, nhưng anh ta vẫn giữ lại và nói: “Hà, mà không có sao, cứ làm nhiều nhiều nữa đi!”. Hú hồn! Sau này đồng chí đại tá Nguyễn Văn Tông cũng đã kể lại cho tôi nghe chuyện này.

Tôi thấy trên tờ báo tường của cơ quan, anh có vẽ hình một chị phụ nữ tay cầm cái chai trên có ghi chữ “nước mắm” rót vào cây đèn dầu, tựa đề của tranh vẽ là “Nằm nộn”. Có ý trêu chọc chị cấp dưỡng người Bắc của cơ quan đã từng nhầm lẫn “châm nộn” nước mắm vào đèn dầu. Như thế cũng còn may, nếu đổ nhầm dầu lửa vào chai nước mắm thì còn chết nữa! Bởi nghe

vẽ là nghề ruột của anh nên thấy hình vẽ rất có duyên làm cho người ta thích nhìn.

Có điều may mắn không ngờ là khi biết tôi là em ruột của anh Ba Thanh Nha, đồng thời cũng là một thí sinh của Tỉnh, người giao đề thi không chỉ bật mí mà còn giải thích cặn kẽ về đề thi chính trị là môn tôi còn hết sức ngỡ ngàng. Ghi đến đây tôi lại không khỏi ân hận bởi vì khi còn đang công tác, bao nhiêu lần trong các kỳ hội họp tôi đã gặp lại anh, đang là cán bộ phụ trách bên Ban Thi đua-Khen thưởng Thành phố, mà chắc chắn là anh, anh Nguyễn Thượng Sách, với dáng người khắc khổ, nói giọng miền Trung, với cánh tay trái bị tật, nhưng không một lần tôi nhắc lại chuyện cũ để cảm ơn anh một lần nữa tuy rằng anh không còn nhận ra tôi qua mấy mươi năm đổi thay. Tôi cũng không tự giải thích được tại sao với một cử chỉ đơn giản như thế mà mình không chịu làm? Còn bây giờ cả hai chúng tôi đều nghỉ hưu, ai biết ai ở đâu, có khi nào được gặp lại để có thể nhắc lại chuyện xưa và xin lỗi anh về cách ứng xử không phải của mình.

Bởi số thí sinh trong tỉnh cũng ít, lại được hỗ trợ sát sườn như vậy thì chuyện tôi trúng tuyển cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Sau khi trúng tuyển, trên đường lên Khu tập trung, tôi tranh thủ ghé qua nhà, mọi người hết sức mừng rỡ, nhưng cũng chẳng ai ngờ rằng bắt đầu từ đây tôi và gia đình sẽ lại chia ly mỗi bên một ngả. Tôi đi bộ đến xã Mỹ Hòa thuộc địa phận của Tháp Mười, chờ đủ các đoàn của Tân An và Mỹ Tho để họp thành một đoàn chung của Khu 8 tổng cộng trên ba mươi người, chuẩn bị hành quân về khu 9.

Chúng tôi sống trong khung cảnh anh hào tứ phương tụ hội, lứa tuổi mười tám đôi mươi, sống trong cái tập thể của những người tự coi, mà cũng thực sự là những người được chọn lọc, đang hồ hởi háo hức, nôn nóng sớm lên đường đến cái trường “vô bị” có một không hai thời đó để được đào tạo thành những sĩ quan tương lai. Cũng bởi chúng tôi đa phần xuất thân từ học

sinh, anh nào ít nhiều cũng có chút máu lãng mạn, lại có cả nhạc sĩ Ngô Huỳnh và nhạc sĩ Hoài Mai, nên những chuyện về văn hóa văn nghệ lúc nào cũng có sức cuốn hút đặc biệt. Đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ như in cái khung cảnh thật nên thơ khi mấy anh em chúng tôi cùng quây quần ngồi trên chiếc đệm bàng trải dưới bóng khóm trúc xanh bên bờ kênh nghe anh Ngô Huỳnh, tên thật là Ngô Bá Chữ, trong lúc cao hứng đã vừa gảy đàn ghi ta vừa hát bài “Con kênh xanh xanh” mà anh viết để tặng cho cô Quế khi đang yêu. Nhưng tiếp đó anh lại xót xa kể về mối tình tan vỡ và hát tiếp bài anh sáng tác sau khi được tin cô ấy bỏ đi lấy chồng, nuối tiếc cho một tình yêu, hờn trách một người phụ bạc. Tựa đề bài hát là gì tôi không còn nhớ rõ, hình như là “Ngày về” thì phải, duy nhất chỉ nhớ được có một câu: “Hàng trăm ngả nghiêng nay còn đâu...”, với nỗi sầu ly biệt, nghe mà chết buồn.

Trong thời gian chờ đợi, đến bữa là chúng tôi kéo ra ăn ở quán “quân nhân”, không phải nấu nướng gì cả. Mà đây là cách tổ chức rất ưu việt của kháng chiến thời bấy giờ, mà có lẽ trên cả nước chỉ Đồng Tháp Mười là duy nhất. Bởi dọc theo kênh, cứ cách năm bảy cây số thì tổ chức một quán cơm nhằm phục vụ riêng cho cán bộ và chiến sĩ qua đường, không phải chỉ ban ngày mà nửa đêm năm canh gà gáy cũng vậy, cứ ghé qua là được ăn cơm không phải trả tiền. Mà lúc nào cũng cơm sốt canh nóng, thức ăn dù ngon dù dở thì ít nhất cũng có một món mặn, một món lạt.

Chúng tôi bắt đầu xuất phát vào một sáng sớm cuối tháng mười một. Trước khi đi được phổ biến là phải chuẩn bị tinh thần cho cuộc hành quân đường dài hai ba trăm cây số, vượt qua hai con sông lớn là sông Tiền và sông Hậu, nhiều sông ngòi đồn bót, trục lộ giao thông và có khi phải đi luồn trong vùng địch. Khó khăn nguy hiểm được báo trước là thế, nhưng không thấy ai tỏ ra ngán ngại chùn bước.

Chúng tôi đến bên bờ sông Cửu Long vào một buổi trưa, và đây cũng là thử thách đầu tiên, bởi mặt sông thì rộng gần cả cây số, mà tàu tuần tra của địch thì lên xuống thất thường. Thế nhưng trạm giao liên ở đây thật tuyệt, phương tiện đưa đón đầy đủ, tổ chức thông báo tình hình địch khá chặt chẽ đáng tin cậy. Vào khoảng ba giờ chiều, nhận được tín hiệu báo yên, gần chục chiếc xuồng đồng loạt vượt sông, mỗi người một dầm ra sức bơi, lên xuống đồng loạt còn hơn bơi đua, nên đến bờ nhanh chóng và an toàn. Té ra cũng không có gì là ghê gớm lắm nhì!

Bên này sông đã thuộc vùng giáp ranh giữa ta và địch, nên người liên lạc dẫn đường chúng tôi phải vừa đi vừa nghe ngóng quan sát, đến chạng vạng tối là tới Tân Dương thuộc ngoại ô thị xã Sa Đéc. Lại được biết đây là vùng Cao Đài nên trong bụng cũng thấy lo, nhưng dù sao cũng không ngán bằng vùng Hòa Hảo bởi các ông đạo này thù Việt Minh lắm. Chuyện Hòa Hảo bắt bố thì bản thân tôi đã từng nếm trái khi tôi và Ông Già bị bọn lính Hòa Hảo bắt giam hồi mấy năm trước. Và tôi cũng từng nghe kể rằng ở nhiều nơi, hễ bắt được Việt Minh là họ giết ngay không cần tra hỏi, bản thân tôi cũng đã được xem những ảnh họ chụp cán bộ Việt Minh bị mổ bụng chặt đầu treo lủng lẳng trên cành cây. Càng dã man hơn là có khi còn bắt những người đi đường qua lại phải mua thịt người bị họ giết!.

Tối vừa khuất mình chúng tôi lại vác ba lô lên đường. Chúng tôi được báo phải thật cẩn thận bám đuôi nhau không để lạc, không được nói chuyện vì sắp đi vào thị xã. Lúc này thì không khí khá căng, mọi người đều hồi hộp vì sắp đi trong vùng đồn bót dày đặc của địch. Bất chợt tôi nghĩ, chỉ mấy tháng trước đây thôi thì đây là vùng mình được tự do đi lại đâu có sợ gì ai, nhưng nay thì mỗi bước chân đều phải cẩn thận, chung quanh là địch giăng tứ phía. Cuộc đời thay đổi nhanh thật!

Chúng tôi bám sát người dẫn đường, bụng nghĩ không biết họ là người ở đâu, đã qua lại vùng này bao nhiêu lần rồi mà sao

thành thạo đường đi nước bước đến thế! Bởi có lúc phải đi luồn trong các ngõ hẻm ngoằn ngoèo, có lúc đi sát bên tháp canh của tụi nó, có lúc lại đi ngang qua các hàng quán còn chong đèn bán đêm trong thị xã vùng tạm chiếm. Họ phải chịu trách nhiệm đối với sinh mạng của ba bốn chục người, mà nếu để bị địch phát hiện, hoặc cả đoàn hay đôi ba người không theo kịp rồi lạc đường thì hậu quả sẽ ra sao? Anh chàng dẫn đường trong chuyến này còn gan đến nỗi khi đến một quán bên đường mà tôi còn nhớ rõ là gần cầu Rạch Rắn, đã bảo cả đoàn dừng lại để chạy vô mua gói thuốc! Mà nghe đâu đường dây này chưa bao giờ để xảy ra sự cố. Theo phân tích riêng của tôi thì công sức trong đường dây này không chỉ là những người giao liên cù khôi đó, mà còn có cả tấm lòng của đồng bào vùng địch hậu, bởi người ta đâu có khờ dại gì mà không nhận ra các đoàn cán bộ Việt Minh thường xuyên qua lại trước mắt?. Còn cách tổ chức chiến tranh của Việt Minh ngay trong vùng địch hậu cũng thật tuyệt vời!.

Ra khỏi thị xã thì được bàn giao cho một tổp liên lạc khác. Lúc này thì chúng tôi phải mặc quần đùi để rồi làm một chuyến hành quân lội bùn và băng đồng khá vất vả, nhưng có thấm vào đâu với chúng tôi - dân Đồng Tháp Mười chính cống. Sau khi dừng chân nghỉ tạm tại Cồn Nga nằm thoi loi giữa cánh đồng nước, chúng tôi tiếp tục càn đồng một quãng xa rồi mới tới xã Hòa Tân huyện Châu Thành tỉnh Sa Đéc để chờ chuyến liên lạc đi tiếp, mà nghe đâu đoạn đường sắp tới là khá gay go.

Đây là vùng căn cứ lõm của huyện, cuộc sống của đồng bào kiểu nửa thôn quê nửa thành thị. Không biết đoàn chúng tôi có được ưu tiên gì không, mà dù có ưu tiên hay không ưu tiên, thì đây cũng là cả tấm lòng của đồng bào vùng nửa địch hậu bởi sự tận tình từ cách tiếp đón cho đến mọi sự chăm sóc hằng ngày đã làm cho tôi hết sức cảm động và biết ơn. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được ngủ trong một cái mùng tuyền mới tinh, với chiếc gối trắng cũng mới, trên có thêu hoa. Bên cạnh còn có

chiếc mền len mỏng viền đỏ bốn bên. Điều đó chứng tỏ người ta thương yêu quý mến kháng chiến đến nhường nào!

Đồng bào ở đây vừa xài tiền Cự Hồ, vừa xài bạc Đông Dương. Không biết giá trị tương đương như thế nào mà giá một chục quít đường loại một chỉ có năm đồng Cự Hồ, mà lại là chục hai mươi thay vì chục mười hai, mười bốn và cao lắm là chục mười sáu như những nơi khác. Con gái ở đây cũng nhơn nhơ, ăn mặc giống như gái thành thị, cũng áo sơ mi màu, quần sa tanh trắng, để lộ chiếc sì líp trễ xuống dưới, thật khêu gợi! Tôi từng sống ở những đô thị lớn như Sài Gòn, Cần Thơ, từng thấy đủ các kiểu quần áo, nhưng hôm nay đến một vùng căn cứ kháng chiến ở nông thôn mà thấy các em ăn mặc đẹp như thế thì cảm thấy thật là duyên dáng đáng yêu.

Đang sáng sớm chợt nghe tiếng chửi tru tréo của một bà Bắc kỳ, chửi có câu có kệ mà tôi nhập tâm ngay một đoạn: “Tiên sư

Giấy bạc Cự Hồ trong kháng chiến



cha nhà mày, mày lấy của bà, bà nhổ sợi lòng l..., bà chẻ làm tư, bà cắn xà cừ, bà trói cả dòng họ ông cha mày lại!”. Thật là câu chửi độc đáo của dân xứ Bắc, nghe vui tai nhưng lại tức, bởi tôi cảm thấy nó không phù hợp chút nào với cái không khí đầm ấm ân tình của những bà con nơi đây. Viết đến đây, tôi lại nhớ đến câu chuyện tương tự khi đơn vị tôi đóng quân ở Hà Tây, có một ông nhà bên cạnh mất một sợi dây kẽm phơi quần áo, nghi ngờ các nhà chung quanh nên cứ mỗi chiều ông đều ngồi xếp chân chữ ngũ trên ghế đặt trước cửa nhà, và bắt đầu chửi bằng một câu như câu thiệu: “Tiên sư cha nhà mày, mày lấy sợi dây của ông, mày đem về mày quần thành vòng, mày thắt cổ cả dòng họ mày lại...”. Chửi ròng rã ba bốn tháng trời, rồi cái thằng cha đã trót lấy trộm sợi dây ấy, có lẽ chịu hết xiết, đành mang cuộn dây lên vút trước nhà trả lại.

Mấy hôm sau, khi được báo là đường liên lạc đã được nối thông, chúng tôi rời nơi này trong sự lưu luyến mến thương của cả kẻ ở người đi dù chỉ qua mấy ngày tiếp xúc ngắn ngủi. Mọi người đều chuẩn bị tinh thần để vượt qua một trong những chặng đường gian nguy nhất trong chuyến đi, đó là lộ Ba Càng trên con đường Vĩnh Long-Cần Thơ. Cái khó nhất của cung đường này là sau khi qua lộ phải vượt tiếp một con sông rộng với dòng nước chảy xiết. Vì địch biết rất rõ nơi đây là con đường liên lạc chủ yếu, và nhiều lúc cũng là duy nhất đi đến các tỉnh miền Tây cho nên chúng thường xuyên tuần tra, phục kích, quyết cắt đứt cho bằng được. Nếu gọi sông Cửu Long là “sông bạc đầu”, thì người ta cũng gọi cái cầu Ba Càng này là “cầu giảm kỳ”, bởi nơi đây cũng từng chứng kiến không ít trường hợp hy sinh của cán bộ chúng ta, kể cả các đồng chí giao liên tại chỗ. Còn bên phía chúng ta thì đây là một trạm giao liên kiên cường, mưu trí, đặc biệt là có tai mắt của người dân đôi bờ nên thường là có thể nắm bắt sơ hở của địch để tổ chức đưa rước người qua lại một cách an toàn nhất trong điều kiện có thể. Thế nhưng đâu phải chuyến đi nào cũng đều suôn sẻ.

Chúng tôi đã đến được điểm tập kết gần mí vườn, ngồi chờ phía bên kia sông cho người sang đón, một quãng thời gian sao mà quá dài trong căng thẳng và sốt ruột. Thế nhưng đã quá giờ quy ước mà không thấy người sang, đoán biết đã có trở ngại nên cả đoàn phải quay trở lại bởi đây không phải là nơi có thể trụ lại để chờ đợi suốt cả ngày.

Hôm sau lại tiếp tục cuộc hành trình, nhưng đi mà trong lòng cứ thắc thỏm lo âu không biết có gặp rắc rối gì nữa không. Nhưng cũng thật may là hôm đó có bộ phận tiền tiêu của bộ đội chủ lực bố trí chặn hai đầu, chờ đến giờ cho cả đơn vị an toàn vượt qua. Giao liên tranh thủ thời cơ hiếm có, dẫn chúng tôi qua lộ và vượt sông khỏe re. Khi đoàn chúng tôi đến địa phận Tam Bình thì gặp cả một đoàn quân mang vác đủ các loại vũ khí đi ngược lại, đúng là bộ đội chủ lực. Cũng rất lấy làm lạ là mỗi anh còn xách theo một hai cây mía vừa đi vừa xước ăn dọc đường, mà mía ở đâu nhiều thế bởi ước tính phải có cả một tiểu đoàn quân chớ đâu có ít! Một lát sau mới phát hiện, té ra là có một nhà dân thương bộ đội đã chặt cả đám mía nhà mình chất đồng ra đó cho anh em đi ngang tự do lấy ăn giải khát. Và dĩ nhiên chúng tôi đâu có bỏ qua dịp may hiếm có khi cũng đang vừa mệt vừa khát nước.

Con đường hành quân trên đất Trà Vinh không để lại ký ức gì ngoài những đụn cát trắng trải dài mùt mắt, buổi trưa hơi nóng bốc lên hừng hực. Cũng hơi sợ một chút vì ở đây có rất nhiều gia đình người Miên, không khéo lại bị “cáp duồn” đấy!.

Chúng tôi lại chuẩn bị vượt qua sông Hậu, mặt sông có phần rộng hơn sông Tiền, bên kia là huyện Kế Sách của tỉnh Sóc Trăng và nghe đâu việc tuần tra của tàu địch cũng không thật thường xuyên nên tương đối an tâm. Mà quả thật đúng như vậy, vượt sông giữa ban ngày ban mặt mà thật suôn sẻ không chút trở ngại. Thật khỏe vô cùng!. Từ Sóc Trăng đến điểm giao nhận của Bộ Tư lệnh khu 9 tại Thới Bình thuộc tỉnh Bạc Liêu đường tuy

dài nhưng đa phần là đi trong vùng giải phóng, chỉ phải qua vài ba con lộ lớn nên không có gì là nhọc nhằn nguy hiểm.

Thế là kết thúc gọn một chuyến hành quân kéo dài gần một tháng từ miền Trung đến miền Tây, không rớt lại người nào, và chúng tôi đang sẵn sàng chờ nhiệm vụ mới. Không kể số học sinh các tỉnh chung quanh thì đoàn chúng tôi đến tương đối sớm, còn các đoàn khác như khu 7 và một số các tỉnh ở xa thì chưa thấy tăm hơi.

Tôi và 39 anh em trong các đoàn khác được chọn thành lập một đơn vị để huấn luyện trước, chuẩn bị cho bộ khung cán bộ tiểu đội trong các đơn vị học viên tương lai của nhà trường. Vì quân số là 40 người, hình thành một trung đội, nên được đặt tên là trung đội 40. Số anh em mới được tập trung này lại tiếp tục hành quân đến địa điểm mới tại xã Nguyễn Phích trên rạch Cái Tàu của vùng đất U Minh. Chúng tôi phải chống xuồng đi trên con kênh Zê rô dài dằng dặc, vừa cạn lại vừa hẹp, rồi còn bị cái đám bù mướt nó cản sẵn cả mặt mũi tay chân, độc hơn đám muỗi ở quê hương Tháp Mười của chúng tôi.

Bởi mục đích của lớp học là nhằm đào tạo các cán bộ cơ sở nhằm quản lý các học viên Lục Quân, một trường đào tạo lớp cán bộ chính quy cung cấp cho lực lượng vũ trang của toàn Nam bộ, nên việc rèn luyện học viên cũng hết sức chính quy từ động tác đội ngũ cho đến tác phong sinh hoạt theo tiêu chuẩn của người lính chính quy. Do ý thức được trách nhiệm và vinh dự nên chúng tôi đã ra sức phấn đấu, chấp nhận gian khổ trong rèn luyện, cho dù đa phần chúng tôi rất ngỡ ngàng với tác phong huấn luyện khắt khe của các cán bộ tốt nghiệp từ các trường quân sự chính quy của Trung ương phái vào.

Chuyện huấn luyện quân sự tuy nhọc nhằn nhưng không có gì đặc biệt đáng nhớ, mà những chuyện “bên lề” có khi lại khó quên.

Đã là người được huấn luyện làm cán bộ khung nên phải rèn luyện các động tác cơ bản cho thật nhuần nhuyễn, mà quanh

quần chỉ có: nghiêm, nghỉ, quay trái, phải, trước, sau, xếp hàng, đi đều, chào, nên ban đầu thì nghiêm túc nhưng dần dà rồi cũng có phần lơ lửng, học mà tư tưởng cũng thiếu tập trung. Có một lần, khi đang suy nghĩ vẩn vơ trong lúc tập động tác “đăng trước, đăng sau quay”, bỗng nhìn xa xa thấy một cô gái mặc đồ bà ba đen, bộ dạng yếu điệu, nước da trắng trẻo, chắc không phải con gái vùng rừng sâu nước mặn này, đang khoan thai chèo xuống hướng đến chỗ chúng tôi. Tôi giật mình sao mà đáng dấp giống cô Liễu của tôi thế! Mà đâu có lẽ? Nhưng biết đâu lại thật thì sao? Nên đang tập mà lòng cứ hồi hộp, mong cho cô chèo mau tới, cũng mong được nghe khẩu lệnh hô “đăng sau quay” để được nhìn ra hướng đó. Tất nhiên là đâu có một sự ngẫu nhiên kỳ diệu như vậy, nhưng báo hại đêm đó thằng nhỏ cứ trần trọc nhớ tới người bạn gái thời học sinh của mình!.

Anh Trần Nhật Minh được cử làm quản ca, đứng trước hàng quân bắt nhịp rất có tư thế, cả mắt và tay anh đều có sức cuốn hút kỳ lạ. Đây là lần đầu tiên tôi được cùng đồng đội ca những bài ca hùng tráng của người lính và bản thân tôi cũng đang được đào tạo để trở thành cán bộ chỉ huy nên những bài hát như đang thôi thúc tôi mong sớm được cùng đoàn quân ra trận, xông pha trên chiến trường như hình ảnh người sĩ quan trong tẩm áp phích cổ động đã từng hút hồn tôi khi xưa. Nhưng cũng thật quái lạ, sao anh lại có thể đem ra tập một bài chẳng ra tiếng Quảng mà cũng không ra tiếng Tiểu, cứ xướng lên “Xìng ca óa lý óa lý óa, xìng cá kê xìng cá cô...” chẳng ai hiểu mô tê gì cả. Thế mà nó lại được mấy cái lão cán bộ chỉ huy người Bắc rất thích, bắt ca đi ca lại mãi rồi dần dần nó trở thành bài “tù” của trung đội, hề tập hợp lại là hát bài đó đầu tiên. Thật vô lý không chịu được!

Thường thì chúng tôi hay tập chạy đường dài, mà mấy ông cán bộ thích gọi là chạy “việt dã” có nghĩa là chạy “bằng đồng”, nhưng ở đây có đồng ở đâu mà bằng, chạy trên đường cầu khi thì

có! Chúng tôi thường chạy ngang qua trường Trung học kháng chiến Nguyễn Văn Tố, ở Rạch Chệt, nơi có rất nhiều “nam thanh nữ tú”. Nếu đem so sánh với thành thị thì các cô gái ở đây chưa chắc đã đi đến đâu, nhưng trong vùng kháng chiến ở tận nơi rừng U Minh xa xôi hẻo lánh này thì tất cả có thể được xem là hoa khôi, hoặc đẹp nhất cũng là á hậu! Còn về phía chúng tôi cũng đâu có thua kém gì ai, nghe đến cái tên học sinh Lục quân Trần Quốc Tuấn thì các học sinh, nhất là các cô con gái có ai mà không ngưỡng mộ? Cho nên mỗi lần chúng tôi vác súng chạy ngang là các anh các chị tranh thủ chạy ra đứng nhìn, còn mỗi đứa chúng tôi lại đều cố tình chạy chậm lại, ráng tranh thủ quan sát lục lọi tìm hoa khôi để “rửa mắt”. Bởi vậy cứ mỗi chuyến chạy ngang qua trường thì một lần đội hình của chúng tôi bị “dồn toa” nên tốp sau, nhất là những tốp sau cùng phải chạy hụt hơi mới đuổi kịp, nhưng nghỉ lại cũng thật đáng cái đồng tiền bát gạo! Còn các lão cán bộ chạy theo hàng quân, ban đầu còn thoithuýt te-te để thúc để giục, xong buổi tập còn đứng ra phê bình cảnh cáo rút kinh nghiệm, nhưng cũng chẳng ăn thua. Với lại suy bụng ta ra bụng người thì biết tông các lão dù có tỏ vẻ nghiêm túc, nhưng cùng ở tuổi thanh niên thì tiết mục “ham vui” chưa chắc gì thua kém chúng tôi nên rốt cuộc rồi cũng xí xóa cho qua, thế là đâu lại hoàn đấy!

Gần cuối khóa lại gặp tai nạn: bốn năm ngày không giải quyết được “hàng tồn kho”, phải đến bệnh xá quân-dân y để xử lý. Chẳng may đụng phải một cô y tá vốn là nữ sinh Trường áo tím Sài Gòn tên là Truyền, cùng trạc tuổi, lại khá đẹp nữa chớ, buộc nghe lệnh phải “thoát y” để nàng làm cái việc tháo thụt. Không biết nàng thế nào chớ tôi thì mắc cỡ muốn chết, nhưng đã lỡ bước chân vô đây rồi thì đâu có cách nào thay đổi tình thế!

Vừa kết thúc lớp học, đang chuẩn bị hành quân trở về trường thì lại có những tên khách không mời mà đến. Đó là hai chiếc máy bay B-26 bất thần bay ù ngang qua đầu, rồi một lát sau



Máy bay B-26

nghe có mấy tiếng bom nổ, chắc là trên vùng Khánh Lâm, Khánh Bình gì đó. Có lẽ đây là lần đầu tiên từ ngày đến Khu 9 mà gặp máy bay ném bom, chợt bắn khoản không biết cái không khí thanh bình nơi đây có được dài lâu hay không.

Về đến trường thì giải thể trung đội, tất cả chúng tôi đều được đưa về nắm các tiểu đội như kế hoạch đã định, chuẩn bị cho ngày khai mạc của nhà trường.

Có lẽ đúng như trước đây đã từng nghe là nhằm đào tạo lớp cán bộ chuẩn bị tổng phản công sau những thắng lợi dồn dập trên miền Bắc nên Bộ Tư lệnh Nam bộ đã thành lập một trường huấn luyện quân sự có thể nói là quy mô bề thế nhất ở Nam bộ trong thời kháng chiến chống Pháp, với lượng học sinh ngót nghét con số năm trăm. Nếu cộng cả số cán bộ khung, cán bộ và nhân viên chuyên môn thì quân số có thể lên đến sáu bảy trăm. Chưa nói đến chuyện huấn luyện học hành mà chỉ riêng việc



Từ trái sang: Người thứ 2 là ông Trương Văn Giàu; người thứ 4 là ông Ca Văn Thỉnh.

chăm lo ăn uống sinh hoạt cho hàng mấy trăm con người trong điều kiện gian khổ thiếu thốn mọi mặt ở chiến khu cũng đòi hỏi một khả năng tổ chức tài giỏi.

Biên chế của trường gồm ba đại đội học sinh và một hiệu bộ, lấy tên nghi trang là Tiểu đoàn 414, giống phiên hiệu các tiểu đoàn thời bấy giờ của Khu 9 là 402, 406, 410. Với bộ khung cán bộ trung đội, đại đội, tiểu đoàn toàn nói tiếng Bắc, có lẽ được đưa từ Trung ương vào, và hiệu trưởng là ông Trương Văn Giàu, Tư lệnh Khu 9, đủ thấy người ta đặt tầm quan trọng và chuẩn bị chu đáo cho trường này đến mức nào. Trường cũng có vinh dự được mang tên “Lục quân Trần Quốc Tuấn, phân hiệu Nam bộ”, đàn em của Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn vốn có truyền thống vẻ vang từ sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công. Cũng buồn cười là do chúng tôi thường mặc loại quần có gài nút dưới cổ chân nên người ta gọi trại đi là Trường Lục quân “quần

ống túm”. Mà người ta còn nhận ra chúng tôi qua cách trang bị độc đáo, là ngoài vũ khí trên vai thì lúc nào trên ba lô cũng cột theo một cái ghế ngồi kiểu như ghế của các bà bán cá ngoài chợ và một tấm bảng nhỏ dùng kê viết trên đầu gối, còn thắt lưng thì đeo một cái mũng dừa cạo láng bóng dùng làm chén ăn cơm hoặc uống nước.

Học viên thì được chọn từ tất cả các tỉnh của Nam bộ từ miền Đông đến miền Tây, từ Tây Ninh, Biên Hòa cho đến Bạc Liêu, Rạch Giá. Thành phần cũng rất đa dạng, có những người từng là cán bộ cấp trung, đại đội của địa phương như các anh Lâm Sơn Hải, anh Vĩnh, anh Giảng, anh Nhượng; có anh Vũ Anh Khanh là văn sĩ với tác phẩm “Nửa bồ xương khô” nổi tiếng một thời ở Sài Gòn; có các nhạc sĩ sáng tác là Ngô Huỳnh, Hoài Mai; có nhạc sĩ đàn violon Tri Trọng; có nhà thơ Lê Nguyên, có họa sĩ Chi Lăng; có người đứng đầu của phong trào học sinh Sài Gòn là Minh Mẫn, và rất nhiều học sinh trung học kháng chiến của các trường Huỳnh Phan Hộ, Nguyễn Văn Tố, Thái Văn Lung. Đúng là nơi tụ hội anh hào tứ phương, và mọi người đều rất hân hoan với danh hiệu học sinh Lục quân Trần Quốc Tuấn. Ở đây không ngờ tôi lại gặp được thằng Tư Nhàn là em bạn dì ruột, con dì Tám Diệu em ruột của má, nó vốn là một cán bộ khá khá bên Đảng Dân chủ cũng được trúng tuyển vào học. Tuy vai em, nhưng lớn tuổi hơn nên cứ kêu tôi bằng thằng, còn ngược lại tôi cũng kêu nó bằng thằng luôn mà cũng chẳng chết ai.

Thời gian dự kiến khoảng một năm với yêu cầu đào tạo khá toàn diện để cho ra trường các cán bộ quân sự chánh quy, từ quan điểm chính trị, kiến thức quân sự, tác phong chỉ huy v.v., từ lý thuyết đến thực hành, nên nội dung huấn luyện cũng rất toàn diện và chi tiết, buộc tất cả từ người dạy đến người học đều phải hết sức nỗ lực và cũng chịu lắm gian nan vất vả.

Tiếng nhà trường là oai như vậy nhưng trang bị súng ống lại quá ư nghèo nàn, vì thật ra cũng không cần súng tốt bởi đâu

có bắn giết ai, để dành cho chiến trường cần thiết hơn. Vì thế, trang bị chỉ là vài ba cây trung liên kiểu 24-26, FM đầu bạc, kỳ dư là súng trường “liên hiệp quốc”, tức là đầy đủ các cường quốc Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Đức, Tàu, mà chất lượng thì không còn chỗ để mà chê, bởi nòng vừa sét rì vừa rộng, bắn trúng bia thì viên đạn lại nằm ngang! Còn gần một nửa là súng cây. Coi thì hơi què, vậy mà tay nào được giữ súng cây là sướng nhất trần đời, bởi nó vừa nhẹ vừa tiện, đi tập xong về nhảy xuống sông vừa tắm người vừa tắm cho nó luôn, chẳng phải sợ ai kiểm tra sạch dơ, và chẳng có bao giờ bị phạt trong khâu bảo quản vũ khí.

Tài liệu huấn luyện cũng không được in sẵn, cán bộ đứng trên giảng, dưới này học viên tọa trên những cái ghế bán cá mở hết tốc lực ghi chép, câu đặng câu được, đổ ai biết. Cũng may là không có lần nào kiểm tra lý thuyết bởi chỉ đặt trọng tâm đánh giá phần thực hành trên thực địa, nên khỏi phải mệt mỏi “gạo” bài hòng được điểm tốt.

Còn phần huấn luyện thực hành thì thật là nghiêm và vất vả, từ động tác cá nhân như lăn, lê, bò, toài, yếu lĩnh xạ kích, tháo lắp vũ khí, bắn đạn thật...đến thực hành tổ chiến đấu, tiểu đội chiến đấu, trung đội chiến đấu... Rồi còn luyện tập chạy việt dã, báo động hành quân, hành quân đường dài...

Tôi còn nhớ rõ là trong số các giảng viên đến giảng về lý thuyết có hai nhân vật khá đặc biệt với hai phong cách hoàn toàn khác nhau. Ông Thiếu tướng Phan Trọng Tuệ giảng về chiến thuật chiến lược thì quần áo chính quy bằng vải ka ki, lưng đeo súng ngắn, ngực đeo ống dòm và cái máy chụp hình hiệu “Leica” nhỏ xíu, nói năng rất hùng hồn mạnh mẽ. Còn ông Ca Văn Thỉnh, ủy viên Ủy ban Kháng chiến hành chánh kiêm Giám đốc Sở Giáo dục Nam bộ giảng về đạo đức cách mạng thì mặc quần bà ba đen với chiếc áo len trông cổ màu xanh dương, nói năng từ tốn nhỏ nhẹ. Mà đâu có ngờ rằng ông già đạo đức ấy sau này lại là ông bố vợ của chàng rể khá “bạt tử” như tôi.

Để đảm bảo an toàn, trường chủ trương không đóng quân học tập cố định lâu một chỗ, tùy theo tình hình mà quyết định thời gian và địa điểm di dời. Bởi thế trong một năm học chúng tôi được dịp đến chung sống với đồng bào ở rất nhiều địa phương trong vùng giải phóng rộng lớn của miền Tây, từ Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, cho đến Rạch Giá, Cà Mau, mỗi nơi còn lưu lại trong tôi biết bao nhiêu kỷ niệm. Nếu kể hết ra thì chưa chắc có bao nhiêu người đã từng tham gia kháng chiến ở miền Tây lại có điều kiện đi nhiều nơi, thấy nhiều cảnh vật và tiếp cận được cuộc sống của nhiều mẫu người như chúng tôi. Thế nhưng hôm nay, vì thương nhớ, có lúc tôi đã tìm về những nơi đã từng sống qua khi xưa, nhưng khi đến những nơi đó thì chỉ còn là những địa danh, những hoài niệm, không sao được gặp lại những người xưa, những cảnh cũ thân thiết một thời.

Các cuộc hành quân di chuyển đường dài của chúng tôi chủ yếu dựa vào đôi chân trần. Mỗi lần đi là một cuộc thử thách rèn luyện về sức dẻo dai, về cách nguy trang tránh địch, về cách xử trí các tình huống bất trắc.

Nhớ lại có một lần hành quân dưới ánh trăng mờ mờ, xếp đi phía sau tôi là anh Kiều Đắc Thông, cứ mỗi lần đi qua cầu khi anh đều bám chặt vai tôi, rất khó chịu, nên nhiều lần tôi đã gỡ tay anh ra nhưng rồi đầu cũng hoàn đấy. Bực mình quá, tôi gạt phắt tay anh và nói: “Bộ mày đui hả?”. Anh trả lời nhè nhẹ: “Tội nghiệp tao mày ơi, tao bị cận thị mà!”. Bấy giờ tôi mới giật mình và thấy thương anh quá! Từ đó mỗi lần đi qua cầu tôi đều quay lại cầm tay dắt anh đi.

Rất ngán những cuộc hành quân đêm ở cái đất miền Tây, chân bước đi thì tay phải đập lia lịa vào đám muối dổi, nhưng đầu ăn thua, mạnh người người đập, mạnh muối muối cắn. Còn cái chuyện buồn ngủ ngủ gà ngủ gật, đâm đầu vào bụi chuối gốc cây là chuyện thường. Mà ngán nhất là các bố đi trước ngủ gật rồi bị đứt đuôi đi lạc, khi tỉnh lại thì cầm đầu cầm cổ vừa đi vừa chạy

tìm đường để đuổi cho kịp đám đi đầu, cũng vì vậy mà thường bị cái đám đi sau cùng cũng là cái đám gánh chịu hậu quả nhiều nhất luôn miệng cần nhằn văng tục.

Bù lại không có gì sướng bằng sau một đêm hành quân mệt mỏi lại bị đau chân hoặc giả vờ bị đau chân mà được quá giang trên các ghe của người Tiểu đang chở khoai, chở khóm, chở mía... buồn căng lộng gió, nằm trên mui thiu thiu ngủ, khi tỉnh dậy có đói thì xơi khoai luộc, có khát thì sẵn khóm chấm muối ớt, sợ ê răng thì róc mía nhá lai rai. Còn nếu học theo cách của họ thì húp cháo trắng nóng hổi trong nồi lúc nào cũng đặt trên bếp đỏ lửa.

Đến đâu chúng tôi cũng đều ăn ở sinh hoạt trong nhà đồng bào, và đều là những dịp bắt buộc chúng tôi phải thực hiện tốt bài học về công tác dân vận, và nhìn chung trong suốt khóa học có thể nói là chúng tôi đã làm được theo yêu cầu “ở dân thương, đi dân nhớ”. Đáp lại chúng tôi luôn nhận được sự thương yêu đùm bọc trọn vẹn của đồng bào, đến đâu chúng tôi cũng đều được dành cho những phần ưu ái nhất. Cũng có khi chỉ là những việc làm đơn giản nhưng cũng đủ bày tỏ cả tấm lòng thương yêu chân thật của đồng bào đối với chúng tôi.

Có bà má bán bánh tét bánh ú đến đêm vẫn treo bánh ngoài sào, dặn rằng đứa nào đói có muốn ăn thì lấy ăn, có tiền thì trả, không có tiền thì thôi, và tôi cũng nhiều lần “tự nguyện” đứng vào danh sách những tên không tiền.

Những lần tập báo động hành quân, có những đứa luộm thuộm không kịp xếp mùng mền vào ba lô nên cứ ôm thấy đại vào trong buồng, cán bộ muốn vào kiểm tra thì bị bà già chặn lại bảo là buồng con gái đang ngủ, cấm không được vào.

Có những đêm đi kiếm cá về khuya, các má đánh thức lũ con gái trong nhà dậy làm cho hết đôi ba rổ cá sợ để tới sáng nó ương, còn bảo chúng tôi cứ đi ngủ lấy sức để sáng mai còn tập tành.

Mỗi lần chúng tôi chèo ghe đi đổi nước thì các cô gái thường

đòi đi theo với lý do để nhảy xuống vớt khi các anh bị té, sợ các anh là dân miền Đông không biết lội?.

Có bao nhiêu lần chúng tôi được các má hoặc các em gái để dành cho vài trái bắp vài củ khoai ăn thêm cho đỡ đói, hoặc trái thơm khúc mía ăn cho giải khát sau những buổi tập. Những thứ có sang trọng gì đâu mà sao ăn nó ngon thế! Phải chăng trong đó còn có tất cả nghĩa tình của đồng bào?

Một trong những thế mạnh của chúng tôi khiến đồng bào, nhất là số thanh niên nam nữ, ưa thích là các hoạt động văn hóa văn nghệ như: tổ chức đá banh, kéo co, bơi lội, liên hoan hát hò kịch cọt. Đi đến đâu thì ở đó có phong trào hoạt động hào hứng sôi nổi.

Trong hàng ngũ chúng tôi có nhiều anh rất điển trai, dáng dấp thon thả, đóng giả gái đẹp khỏi phải chê, chỉ cần liếc mắt đưa tình thì không những các anh thanh niên mà cả các cô cũng đều mê tít. Mà mê đậm nhất có lẽ là mấy cô, bởi chưa cần son phấn giả trai giả gái thì các chàng thanh niên khôi ngô tuấn tú của trường lục quân Trần Quốc Tuấn cũng đã đủ làm các cô chết mê chết mệt từng ngày! Còn đóng vai hề thì trung đội tôi có tay Huỳnh là nổi tiếng cả trường, đến địa phương nào thì nơi ấy đều cười bể bụng mỗi khi được xem tay này biểu diễn.

Trong các lần so tài cao thấp trong môn bóng đá thì năm khi mười họa mới gặp được đối thủ nặng ký, lúc đó mới cần đến đội bóng của trường, còn lại thì chỉ các đội bóng đại đội cũng đủ chinh phục bao nhiêu đại diện của các huyện các xã.

Còn nhớ nhạc sĩ Ngô Huỳnh khi về đóng quân ở Long Mỹ có sáng tác một bài có tựa đề “Ai về ngang...”, rồi có một cô rất thích, mà thích bài hát hay thích Ngô Huỳnh cũng không biết, cứ đeo sát bắt dạy cho bằng được, bởi thế chúng tôi đặt tên cho cô là con Hai “Ai về ngang”.

Lại nhớ chuyện bác sĩ Bình góp vui trong một lần liên hoan

của đơn vị đã biểu diễn điệu “múa ruồi”, sao mà nó giống y như thật, từ liếc mắt xoa chân cho đến bung người cất cánh, được mọi người nhiệt liệt khen ngợi. Mà có lẽ anh chọn cái tiết mục này để phô tài cũng rất phù hợp với con người thật ngoài đời của anh, bởi mặt mày anh xấu ời là xấu, mình mẩy ốm nhom, tay chân khẳng khiu như con khỉ đói. Vì thế mà chúng tôi, nhất là cái anh Sáu Lý già đã có một vợ một con đều xuýt xoa tiếc cho chị Nại là người vừa đẹp vừa là gái một con trông mơn con mắt, sao lại lấy cái ông chồng “bét dem” như thế, chắc có lẽ vì ông ta là bác sĩ. Cho mãi đến sau này khi gặp lại ở Hải Phòng, lúc đã sồn sồn mà chị vẫn phây phây khiến cho ông D.H.T cũng mùi mẫn, bám theo sát rạt.

Trong gần một năm sống ở trường, ngoài chuyện học tập, vui chơi giải trí, chúng tôi còn dành thời gian lo cho cái bụng, tức phải thường xuyên đi bủa lưới cắm câu kiếm từng con tôm con cá để cải thiện các bữa ăn của nhà trường mà các món “cơ bản” là cá khô, mắm đồng, dưa khô, bầu bí. Nhưng công bằng thì cũng phải nhắc đến cái chuyện chúng tôi may mắn không phải đổ sức ra lặn lội mà lại được nhà trường cho ăn thịt vịt trong hai ba tháng liền, sáng vịt, chiều vịt, mai vịt mà ngày mốt cũng vịt, ăn đến phát ngán. Thế nhưng trong khi chúng tôi đang được hưởng cái may không đợi mà đến đó, thì cũng là lúc tai họa lớn đổ ập xuống đầu người dân khắp nơi xuất phát từ cái chủ trương “cắt cổ vịt” tai hại một thời của Khu 9, sợ nuôi vịt ăn hết lúa, không đủ đóng góp nuôi quân, một chủ trương sai lầm sau đó đã bị phê phán quyết liệt.

Thường vào ban đêm chúng tôi hay tổ chức đi trể, đi kéo heo, đi bao lưới bắt cá...

Đi trể thì thông thả chèo thuyền, bên mạn kè theo tấm ván sơn trắng, còn bên kia là tấm lưới thưa. Cá thấy màu trắng thì giật mình nhảy vọt lên cao rơi gọn vào khoang, con nào lớn thì nhảy xa hơn nhưng cũng không qua khỏi tấm lưới chặn. Cách

kiếm ăn này khỏe, quần áo khô rang, nhưng cũng là cầu may, cá không chịu nhảy vào thì biết làm sao?.

Đi kéo heo thì cực hơn một tí, phải có 2 đứa chịu ngâm mình lôi xuống dọc theo sông, vừa đi vừa đẩy tấm đăng để vớt cá. Cách này thì được nhiều cá nhưng vì kéo ở những nơi nước cạn nên đa phần là cá nhỏ.

Nếu muốn bắt được cá to thì phải chịu khó bủa lưới quanh các đám lục bình rau mác, ôm từng ôm vớt lên bờ rồi gạn lưới gom lại bắt. Tôi với thằng Bay cùng tiểu đội rất ăn ý với nhau trong lối đánh bắt này. Sau này nó mang quân hàm đại tá và mới mất cách đây vài năm.

Cái chuyện đi cắm câu thì khỏe hơn cả. Chiều chạng vạng vác vài ba chục cần cắm rải theo các bờ kinh, nương, đêm chỉ cần thức dậy thăm hai ba giấc rồi về nhà chống cằm ngủ. Thế mà thứ này chỉ dính toàn “cá lự”. Thằng Phùng Duyệt thì thiện nghệ môn này nhất. Sau khi tập kết ra Bắc nghe nói nó được điều về quân khu Tây Bắc công tác, có lẽ vì nó họ Phùng, người Tày.

Thứ nhất là sau mỗi lần về, đêm đã khuya, chọn những con cá to nhất nướng chấm muối ớt ăn bốc với cơm nguội trong lúc mọi người đang ngủ say, một mình một côi. Chỉ tiếc là lúc đó chúng tôi không biết nhậu!.

Còn một cách kiếm mồi khá độc đáo ở miền Tây, đó là đi lấy ổ ong vò vẽ. Chiều tắt nắng bơi xuống dọc theo sông, vừa bơi vừa quan sát hai bên, thấy con nào bay mà đít xệ là biết nó đang tha mồi về tổ, cứ lần theo hướng đó dứt khoát sẽ tìm thấy. Sẽ bẻ cò bên ngoài đánh dấu, đợi tối đến đốt bó lá dừa nước, tắt lửa ngọn chỉ còn lửa than, rồi đem kê ngay phía dưới miệng ổ mà thổi, thế là lần lượt từng con bay ra hết con này đến con khác đều bị thui cháy rút lẻo xèo xuống nước. Lúc đó thì việc còn lại chỉ là cất cuống mang cả ổ về nhà dùng dao phanh ra bóc từng lớp, con non thì nấu cháo nước cốt dừa, con già thì vặt cánh rang giòn hoặc xào hành, món nào cũng ngon mà cũng bổ.

Cũng để ghi lại những kỷ niệm đáng nhớ trong sinh hoạt của nhà trường, anh Ngô Huỳnh có sáng tác một bài hát trong đó có những câu nói về việc kiếm cá hái rau: *“Tôi cùng với anh, hai đứa chúng ta không biết, cũng không hề quen nhau. Anh ở tận miền Đông xa xôi núi rừng hẻo lánh, tôi ở tại miền Tây mênh mông ruộng đồng bát ngát... Những ngày lạnh lẽo dưới nước sông sâu, ta đi kiếm từng ngọn rau từng con tôm mang về. Khổ cực không sòn cùng nhau chiến đấu hy sinh cho nền độc lập...”*. Khi hát lại bài này thì những câu chuyện của một thời gian khổ nhưng rất nên thơ tưởng chừng đang sống lại trong ký ức của tôi.

Trong môn chính trị chúng tôi được học nhiều bài lý luận cơ bản như đường lối chiến tranh nhân dân, đường lối giai cấp, công tác quần chúng...nên nhận thức chính trị của chính bản thân tôi, từ một học sinh mới rời ghế nhà trường không lâu, đã được trang bị khá bài bản.

Nhưng thật thà mà nói thì trong các bài giảng về chính trị, tôi khó bị thuyết phục nhất là cái chuyên đề “dân chủ và kỷ luật”, nhất là thông qua những gì tôi đã thấy diễn ra thực tế trong nhà trường. Bởi dân chủ đâu không thấy, mà chỉ thấy có kỷ luật, toàn là phạt và phạt: lau súng không sạch - phạt, dán nhãn sai chưa tới một ly - phạt, đứng trong hàng không nghiêm chỉnh - phạt, báo động tập hợp chậm - phạt... Mà không biết các lão cán bộ đã học cái tác phong quân phiệt đó từ đâu, hoặc chính bản thân họ cũng đã từng nếm trải nhưng do không được ai uốn nắn chỉ dạy, thậm chí phê phán, nên nó cũng đã nhiễm vào xương vào máu của họ, họ đã xem đó là việc làm “thiên kinh địa nghĩa”, cứ thế mà hành người ta.

Tôi từng chứng kiến cảnh anh Lâm Sơn Hải, người lùn tịt và bụng phệ, vốn là cán bộ cấp đại đội đã bị một cán bộ trung đội “khung” phạt toái ba vòng sân giữa trưa nắng vì một lý do lằng nhằng. Nhưng anh cũng phải chấp hành dù rất ấm ức.

Tôi cũng đã từng chứng kiến cảnh anh Nguyễn Văn Thiệu,

chân hơi thọt, bị phạt phải mang ba lô chạy ba vòng sân, cũng vào buổi trưa, chạy xong người muốn xỉu.

Và chính bản thân tôi cũng bị ông Quyền, chính trị viên đại đội phạt vác trung liên chạy ba vòng sân bóng, lý do là tôi cười khi đứng trong hàng quân, nhưng kỳ thực là tôi nheo nheo mắt vì bị chói ánh nắng mặt trời. Tôi rất ức mà không làm gì được, chỉ có cái là hận ông thấu xương.

Nhưng vỏ quít dày thì móng tay nhọn.

Như bản thân tôi, qua nhiều lần bị phạt vì lau nòng súng chưa sạch, nhưng sạch làm sao được khi đó là cây súng trường “Lô-ben” cổ lỗ từ thời “1914-1918”, nòng rỗ chằng rỗ chịt. Tôi bèn lấy giẻ lau súng tọng chặt vào nòng rồi báo cáo là bị kẹt giẻ vì đứt dây thông nòng. Từ đó trở đi thì hết kiểm tra sạch dơ, lấy gì mà phạt nữa.

Còn cái tay trung đội phó tên Biếu, người nhỏ bằng cái nắm tay nhưng hay làm phách, phạt lung tung, nên trong một buổi đắp đất làm công sự bắn bia đã bị trả thù đến phát khóc. Đang đứng nhìn phía trước thì bị đưa phía sau móc đất ném vào lưng, quay mặt lại thì đưa trước ném, nhìn bên phải thì thẳng bên trái ném... Cứ như vậy mà chịu trận, bùn đất đầy đầu đầy cổ, mặt mày méo xẹo. Rồi chẳng biết sau này có còn dám phạt ai nữa không?

Ở trường, tôi và những người khác bị cái tác phong đó hành hạ nên tôi căm ghét nó, nhưng không biết nó có tiềm nhiệm ngược vào con người tôi không, mức độ đến đâu, tôi không tự đánh giá được. Đến khi đã ở một vị trí lãnh đạo trong bộ đội, có nhiều trường hợp tôi bị cấp dưới phản ứng gay gắt thì có bao nhiêu phần trăm là do căn bệnh đó phát tác? Và chưa chắc cái bệnh này lại không có ảnh hưởng gì đến cách nuôi dạy con cái trong gia đình.

Trong lần diễn tập cuối khóa, nhà trường tổ chức diễn tập thực hành đơn vị trung đội đánh giao thông trên một con đường ở huyện Long Mỹ, và tôi được phân công chỉ huy tiểu đội. Trong

khi người ta cho các chiếc xe giả được che chung quanh bằng mê bồ chạy lù lù trên đường lộ, thì đơn vị chúng tôi bắt đầu hành tiến tiếp cận mục tiêu. Khi nghe có tiếng mô đánh cốc cốc... từng hồi trên đường, tượng trưng cho tiếng súng của địch đang bắn thì tôi thổi tu huýt một tiếng te thật dài làm hiệu lệnh cho anh em nằm xuống. Khi dứt một hồi mô thì tôi thổi tu huýt tét tét... ra lệnh cho anh em chạy lên, khi tiếng mô trên đường bắt đầu đánh cốc cốc... trở lại thì tôi lại thổi một tiếng te-e... dài làm hiệu lệnh cho anh em dừng lại nằm xuống. Cứ lặp đi lặp lại cho đến khi đã tiếp cận được mục tiêu, lúc đó tôi cũng như các tiểu đội trưởng khác bắt đầu hô “xung pho-ong” nhảy lên đánh chiếm các xe. Trong quá trình tập, tôi rất khoái chí khi thấy lần đầu tiên mọi người đều răm rắp theo lệnh của tôi nằm xuống đứng lên, lại đứng lên rồi nằm xuống. Và vì là lần đầu tiên tôi thấy mình có nhiều uy quyền như thế nên nhiều lúc bật cười ra tiếng nên bị các lão giáo viên đang chạy theo sau phát hiện. Kết thúc buổi tập tôi bị các lão nhận xét là “thiếu quan niệm chiến trường” và cho điểm thấp. Cũng may là cuối khóa học nhà trường chủ trương là không quyết định việc thăng cấp bậc mà giao việc đó cho các đơn vị tiếp nhận học viên quyết định căn cứ vào khả năng thực tế sau này của từng người. Như vậy chắc là điểm thấp cũng không chết ai.

Đến cuối khóa trường chủ trương phân bổ học sinh tốt nghiệp tùy theo nguyện vọng, một điểm rất mới so với thông lệ trước đây là phân công theo yêu cầu của chiến trường. Tôi ở Khu 8 rồi xuống học trường Lục quân ở Khu 9, đã biết rõ đời sống và chiến đấu của bộ đội ở hai nơi này, lại được các anh em ở Khu 7 kể nhiều câu chuyện hấp dẫn của “miền Đông gian lao mà anh dũng” nên có phần nóng máu anh hùng xin được phân công lên đây với ý nghĩ là vừa có nhiều cơ hội tham gia chiến đấu vừa có dịp rèn luyện bản thân trong gian khổ. Đây là ý thức rất tự nhiên của tuổi trẻ luôn muốn dấn thân để nếm trải và tự rèn luyện, và



Chiến thắng Tầm Vu, ta thu được khẩu đại bác 105mm*.

* Đây là trận phục kích chặn đánh đoàn xe quân sự của Pháp ở Tầm Vu do bộ đội chủ lực thực hiện. Chỉ huy trận đánh là Khu bộ trưởng Trương Văn Giàu. Trong trận này, hơn 100 quân Pháp bị diệt (trong đó có 1 quan ba), 14 xe vận tải quân sự bị phá hủy, thu nhiều súng và quân trang, quân dụng khác. Nổi bật hơn cả là trong trận này, quân kháng chiến đã tịch thu được 1 khẩu pháo 105mm lần đầu tiên trong cả nước, làm vang dội khắp chiến trường Đông Dương lúc bấy giờ (BTV).

đây cũng một quyết định chúng tôi đã có bước trưởng thành sau một năm được đào tạo ở nhà trường. Quả đúng là sau này chính cuộc sống thực tế đã từng thử thách sức chịu đựng của các anh em xin được về chiến đấu ở chiến trường miền Đông như tôi.

Vào khoảng giữa tháng 3-1952 đoàn miền Đông chúng tôi bắt đầu xuất phát, quân số khoảng trên bốn mươi người, do anh Trinh làm trưởng đoàn.

Trên đường đi từ miền Tây về tới Vĩnh Long, khi chúng tôi đến Tam Bình thì tạm dừng chờ thời cơ vượt qua lộ Ba Càng, thì vào một buổi trưa có người nhắn Trần Minh Đình là có người dì ở Sài Gòn xuống gặp, đến chiều thì thấy Đình trở về với một bọc tiền cột ở thắt lưng. Từ ngày ấy cho đến khi về tới trạm đón tiếp của Bộ Tư lệnh Miền, thấy Đình thường dùng tiền để bao anh em khi có dịp ăn uống ở các hàng quán dọc đường và chỉ hạn chế trong một số người nhất định, nhưng không khi nào thiếu tên Huỳnh. Sau này khi nghe tin tên này đã dùng búa đập đầu anh Tùng Lâm và tên Đình đã đào ngũ thì chúng tôi đoán chắc tên Đình chính là gián điệp.

Khi đoàn về tới Mỹ Quý tôi xin phép tạt qua nhà để thăm ông bà già, có một đứa nữa cùng đi. Đến nơi tôi được chú Ba Sảo cho biết là hai ông bà đã dời lên Đình Trung là vùng giáp ranh cạnh thị xã Cao Lãnh để tránh cảnh bom đạn ngày càng ác liệt ở đây. Tôi khá buồn và cũng khá lo không biết gia đình hiện nay đang sống như thế nào? Biết tôi sắp về Miền Đông, chú, một đảng viên cộng sản, đã dặn tôi cố gắng chịu cực chịu khổ và công tác tốt. Ở chơi một lúc chúng tôi lại vác ba lô tiếp tục đuổi theo đoàn, và vì rành địa bàn, hơn nữa lại nghe tin quân Pháp đang dùng xe lội nước tràn vào, nên tôi không bám theo con đường đoàn đã hành quân đi trước mà băng tắt đường đồng từ đầu kinh Bảy Bồng qua thẳng kinh Dương Văn Dương. Nhớ lại khi đi giữa đồng chúng tôi gặp một miệng đìa đã cạn nước bèn xắn quần nhảy xuống chụp được ba bốn con cá lóc to vớt lên bờ đốt rom

nướng trui. Thế nhưng đâu có mang theo mắm muối, đành xé cá ăn lạt, chẳng ngon lành nhưng cũng ráng ăn cho đỡ đói. Ra đến sông Vàm Cỏ Tây, tôi đến một nhà nọ mượn xuống đưa anh em qua sông, nhưng ông chủ nhà nhất quyết không cho bởi cũng có lần cho mượn rồi mất luôn. Tôi bực mình nói xẵng: “Bộ ông coi chúng tôi không ra gì hả? Dân gì mà kém giác ngộ thế!”. Ông ta rất tự ái và lại càng không chịu cho mượn, còn tôi thì bị phê bình là thiếu quan điểm quần chúng.

Về đến Giồng Dinh của tỉnh Tân An, chúng tôi phải dừng lại chờ chuyến liên lạc đi tiếp bởi vừa qua quân Pháp vừa nhảy dù ở đây, chắc là cơ sở chưa được phục hồi. Trong những ngày chờ đợi, hằng ngày tôi đều nhảy xuống kênh Móp Xanh dùng tay không mò cá bởi đâu có mang theo ngư lưới cụ. Một mình tôi xuống dậm dẫu mò một lúc thì không những đủ cá cho tiểu đội ăn cả ngày, còn có thể phơi khô mang theo ăn dọc đường. Mấy đứa khác thì thay nhau cắt cỏ phơi khô để nấu nướng, mà phải lo cho có đủ cỏ khô để đun nấu là một việc không dễ chút nào bởi ở đây không có củi đước rơm rạ gì cả. Nói dậm dẫu nghe đơn giản nhưng cũng lắm công phu và kinh nghiệm, bởi từng bước phải ấn mạnh chân xuống bùn tạo được những dấu chân sâu và đều đặn dưới lòng kênh, dậm xong quay trở lại phải hươ mạnh tay dưới nước thì cá mới hoảng hốt chui xuống trốn, rồi đôi bàn tay phải nhẹ nhàng úp xuống tóm những chú cá nhát gan ấy, nếu lôi thôi thì chúng cũng vọt khỏi tay chuồn mất. Tuy nhiên nhiều lúc cũng mất hồn vía khi cho tay vào hang mò mà lại đụng cả đùm rắn nhót nhột. Mà cái khoái khi đi mò cá giữa trưa là được ngâm mình dưới dòng nước mát, đâu có ngán cái nóng gay gắt giữa cánh đồng trống không một bóng cây của Đồng Tháp Mười.

Vào một buổi trưa, được báo là đường liên lạc đã thông, mừng quá vì đã ở đây chờ đợi khá lâu, chúng tôi vội vã lên đường. Khi đi ngang vùng nhà máy đường Hiệp Hòa thì ngửi thấy mùi mía cháy thơm phức cả một vùng. Quá nửa đêm, khi đến chỗ dừng

chân chờ vượt sông thì gặp một đoàn từ bờ bên kia qua, có mấy cô mặc đồ đen quần xắn cao, đêm mờ mờ mà thấy cô nào da cũng trắng, mặt cũng xinh, có lẽ xuất thân từ dân thành thị. Gặp nhau giữa đường bên nào cũng mừng, biết phía trước là an toàn, bởi đó là quãng đường đoàn bạn vừa mới đi qua. Tuy biết thế nhưng vẫn cứ tranh thủ hỏi han thăm dò đủ thứ. Nhớ có một anh lo lắng hỏi chúng tôi là từ đây xuống tới miền Tây còn bao nhiêu cây cầu khi nữa, làm chúng tôi tức cười quá trời, bởi làm sao mà đếm cho xuể. Coi bộ mấy cha này sợ cầu khi dữ đây! Mà mấy cha sợ cũng phải, bởi cha nào cha nấy đều đi dép đúng như chúng tôi thường chế nhạo các lão cán bộ miền Bắc ở trường là “mang dép đi cầu khi”.

Chỉ có những ai đã từng vất vả đi các chuyến giao liên đêm đầy căng thẳng trong những đoạn đường địch thường xuyên tuần tra phục kích mới cảm nhận hết nỗi vui mừng khi gặp một đoàn đi ngược lại. Trừ những trường hợp cá biệt chó không bao giờ thiếu những lời chào, những cái nắm chặt tay, lắm lúc còn dừng lại trò chuyện, hỏi han về tình hình con đường sắp tới, chúc nhau sức khỏe và an toàn. Cũng có khi chân bước đi mà lòng còn lưu luyến bằng khuâng.

Viết đến đây, tôi chợt nhớ bài thơ “Gặp nhau” của Ca Lê Hiến, cũng ghi trên đường hành quân:

*“Theo đoàn quân tôi bước
Giữa mịt mù mưa bay
Mênh mông đồng ngập nước
Gió thổi suốt đêm dài.*

.....

*Bỗng tôi nghe phía trước
Vọng lại bước chân đi
Bước chân vang tiếng nước
Nghe vui cả trời khuya.*

*Gặp nhau mừng biết mấy
Khe khẽ tiếng nói cười
Có bóng người con gái
Đi qua sát bên tôi.*

*Nghe tiếng em nhỏ nhẹ -
Thôi đi ghen mấy anh!
Tôi thấy người ấm lạ
Giữa trời nước mông mênh!*

*Rồi em đi, đi khuất
Mất hút giữa cánh đồng
Đoàn em xuôi Đồng Tháp
Đoàn tôi ngược miền Đông.*

*Em đi đâu em hỏi?
Tôi không biết tên em
Chỉ thấy em mang súng
Em mặc áo màu đen.*

*Ôi khuôn mặt cô gái
Chói lợi như ngọn đèn
Dù em đi xa lắm
Bóng đã nhòa trong đêm.*

*Tôi nắm chặt khẩu súng
Giống khẩu súng của em
Có cái gì kỳ diệu
Giữa lòng tôi đang nhen”.*

Sao còn rất trẻ mà Ca Lê Hiến lại viết đẹp và sát với thực tế
lãng mạn của chiến trường vậy, bởi đoàn người tôi gặp trong

đêm qua sông ấy cũng “Gặp nhau mừng biết mấy”, “Khe khê tiếng nói cười”, cũng có “Em mặc áo màu đen”, và khuôn mặt cũng “Chói lọi như ngọn đèn”, mà cũng là “Đoàn em xuôi Đồng Tháp”.... Và phải chăng cũng “Có cái gì kỳ diệu, Giữa lòng tôi đang nhen?”.

Sau khi vượt sông, tiếp tục hành quân đến vùng An Nhơn Tây, Hồ Bò, ngồi nghỉ tạm trong vườn cao su chờ sáng, nhân dịp tranh thủ chui xuống địa đạo chơi cho biết. Địa đạo cũng sâu, nhưng không dài như địa đạo Củ Chi sau này. Sáng sớm gặp dân đi làm bỗng giật thót mình, sao người nào người ấy ốm nhom, nước da xanh mét! Chắc là bị đói và sốt rét kinh niên. Nhìn lại anh em mình thấy ai cũng hồng hào mập mập, chợt nghĩ rồi đây liệu tụi mình có thoát khỏi cái cảnh này hay không?.

Rồi đoàn tiếp tục hành quân về Thanh Tuyền trên một con đường đá đỏ do thằng Lại dẫn đường. Nó mặc bộ đồ “tay di” đi trước vừa đi vừa dùng nhánh tre quét quét cho sạch bụi trên quần áo trông thật ngang tàng.

Đến Thanh Tuyền chúng tôi dừng lại đóng quân. Vì ở lại hơi lâu chờ tổ chức chuyển liên lạc nên thường phải qua Long-Nguyên để vác gạo, rất ngán vì bên ấy có rất nhiều rấn choàm quạp, thứ tuy lù đù chậm chạp nhưng cắn một cái là lẩn lộn rụng từng ngón chân. Nó thích nằm chỗ ẩm, nhất là nơi có hơi người, hoặc nằm trên giày dép, đêm thức dậy thọc chân xuống đạp trúng là có cắn liền, nghe mà phát sợ. Ở đây nhà cửa không nhiều, nếu đến đông người thì lắm lúc thiếu chỗ ngủ nên có khi nam nữ buộc phải nằm chung, chỉ chừa một khoảng trống hoặc đặt cái ba lô chính giữa để phân chia “ranh giới”. Nhưng rồi cũng có những lúc ngủ mê hoặc khó ngủ vì một mùi hơi lạ mà “lấn ranh”, hoặc “chân anh chớ chân ai”. Nếu êm xuôi thì thôi, còn rui ro thì thế nào cũng bị lôi ra kiểm điểm.

Nhớ có một lần, khi các chiến sĩ địa phương đang ngồi quây quần tán chuyện, chuyện “mặn” cũng có mà chuyện “ngọt” cũng có, bỗng nhiên có một cô điên điên khùng khùng xáp vô xổ cho

một hơi: “Tao thấy cái thằng Thành nó lẹ thiệt đó bây!. Bữa đó tao vừa đi qua khúc cua thì nó núp sau gò mồi nhảy ra cái “rột”, vật tao té cái “ạch”, một tay nó giật dây lưng quần tao nghe cái “tung”, là nó đã... tao rồi!”. Báo hại cái anh chàng tiểu đội phó tên Thành quê hết biết, thiếu điều muốn chui xuống đất!

Trong chiến tranh, đời bộ đội nay đây mai đó, sống chung đụng với đồng bào trong lúc tuổi đang trẻ, sức đang sung thì những chuyện về con trai con gái gần gũi nhau là thường tình, và cũng có biết bao nhiêu cặp từ đó mà nên vợ nên chồng, vợ hậu phương chồng tiền tuyến. Chỉ đáng trách những tên ba trợn “chém chạy” làm lỡ cuộc đời con gái người ta, để rồi những anh em đảng hoàng cũng phải chịu mang tiếng lây. Bởi thế mà một ông già đang có cô con gái mới lớn, lúc uống rượu sương sương đã gọi “thông điệp” cảnh cáo đến cánh bộ đội trẻ đang đóng quân trong nhà rằng ba thứ quân từ chủ lực, địa phương, du kích, ông đều thương, còn ghét nhất là cái quân thứ tư, tức là quân “chó đẻ”, chuyên làm hư con gái người ta rồi bỏ. Sau này chúng tôi thường nói đùa với nhau rằng làm gì thì làm, chó có sung vào đội “quân thứ tư”, ề mặt lắm đó!

Có một bữa tôi đang ngồi ăn mít ngoài bìa rừng bỗng nghe tiếng máy bay bay ù tới, tôi vừa nhảy vào núp sau cái gò mồi thì chiếc khu trục Hen-cát cắm xuống bắn ngay chỗ tôi đang ngồi lúc này, nó vừa cất lên là tôi bỏ gò mồi chạy biệt vô rừng trước khi chiếc sau kịp cắm xuống bắn tan cái gò mồi đó. Hú hồn! Bụng bảo dạ, đã nếm cái ác liệt của miền Đông rồi đó!

Đến đây thì chia đoàn về các tỉnh, còn đoàn đi Tây Ninh thì hành quân đến chặng dừng tiếp theo tại chiến khu Bời Lời. Tuy gọi là chiến khu nhưng tôi thấy nơi đây toàn rừng chổi, lán trại thì nhỏ xíu ẩn dưới các chòm cây lưa thưa. Cái lán của vợ chồng anh Hai Minh, hình như lúc đó là tham mưu trưởng tỉnh đội, chỉ lớn hơn cái nhà chòi, phải khòm lưng mới chui ra chui vào được. Sau này khi gặp lại anh ra vào thành Cột Cờ của Bộ Tổng Tư

Lệnh, quần len áo dạ, quân hàm quân hiệu hàng hoàng bất giác nhớ lại cái chòi của anh ở chiến khu Bời Lời năm xưa.

Khi đoàn đi đến xã Phước Ninh của huyện Dương Minh Châu, không biết làm thế nào mà thằng Lại dẫn đúng vào nhà ông già nó là ông năm Chấn cất trong rẫy lúa, chung quanh là rừng xanh bao la. Tất nhiên là cả nhà nó hết sức vui mừng, bảo chúng tôi thế nào cũng phải dừng chân nghỉ lại. Hôm sau cả đoàn chúng tôi được ba má nó đãi một bữa bánh trắng ướn cuốn thịt, không biết là thịt heo rừng hay heo nhà, kèm theo đủ loại rau rừng. Qua cả một thời gian dài hành quân, ăn uống nghỉ ngơi vất vả vất vưởng nay đến được nhà gia đình bạn cảm thấy như đang ở nhà mình, không gian thoáng mát lại được đãi món ăn tươi nên ăn hết sức ngon miệng mà ngủ cũng hết sức ngon giấc. Cuộc viếng thăm bất ngờ và sự chăm sóc ân cần của ông bà già thằng Lại, chúng tôi không bao giờ quên. Nhưng cũng thật đáng buồn là sau khi tập kết ra Bắc, lúc thằng Lại đang học không quân, thì nguồn tin ở đâu không biết bảo rằng ông Năm Chấn có quan hệ gì đó với địch, báo hại thằng Lại đang là một học viên bay rất giỏi phải đành chỉ học tập, chuyển sang công tác khác. Nghe tin ấy anh em chúng tôi rất buồn, tiếc cho thằng Lại vì quan hệ gia đình mà phải chịu lận đận. Thế nhưng sau giải phóng, được biết ông Năm Chấn có phạm chuyện gì đâu! Thế mới tức cho những người đã đưa tin không chính xác. Càng nghe lại càng tiếc cho thằng Lại, bởi kỹ năng bay của nó đâu có thua kém gì thằng Lích là người đã được phong tặng danh hiệu anh hùng vì đã có thành tích bắn rơi mấy chiếc máy bay Mỹ. Âu đó cũng là một trong muôn ngàn câu chuyện rủi ro đáng tiếc xảy ra vì hoàn cảnh chia cắt Bắc-Nam, lắm lúc cũng thật đau lòng.

Chặng cuối cùng chúng tôi phải vượt qua đường 13 rồi băng rừng đến trạm tiếp đón của Bộ Tư lệnh Phân Liên khu miền Đông, kết thúc giai đoạn theo học Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn.

Sau giải phóng, trong lần đầu tiên họp mặt các học sinh Lục quân Trần Quốc Tuấn năm xưa, chúng tôi đã ngồi kiểm lại anh nào còn, anh nào mất, anh nào làm những gì. Chúng tôi biết ơn công lao đào tạo của nhà trường và cũng rất tự hào vì qua hơn hai mươi lăm năm từ khi trở lại tham gia công tác và chiến đấu trên hầu hết các chiến trường của Nam bộ, kể cả số biệt phái sang các nước bạn, thì trong số gần năm trăm anh em lúc ấy, tuyệt đại đa số đều xứng đáng với danh hiệu vẻ vang của nhà trường. Có nhiều anh em đã hy sinh anh dũng, có nhiều anh em còn mang thương tật bệnh hoạn trên người, nhưng khi gặp lại nhau thì không ai hổ thẹn với ai, dù đó là những anh còn đang trong quân ngũ hoặc đã chuyển ra ngoài quân đội. Trong số đó có thể kể đến các anh hùng quân đội như hai đại tá phi công Lâm Văn Lích và Nguyễn Văn Ba, thứ trưởng Bộ Xây dựng Long Thanh Tòng, Hiệu trưởng Đại học Kiến trúc Mai Hà San và rất nhiều người mang quân hàm cấp tá, hoặc những chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền sau khi chuyển ngành. Tôi nhớ một trường hợp đặc biệt là anh Huyện, sau khi tách khỏi đoàn miến Đông chúng tôi để về chiến đấu ở chiến trường Gia Định Ninh là quê hương của anh, đã từng viết thư cho tôi sau khi bị thương bể quai hàm, bảo rằng dù có tàn tật đến đâu cũng quyết tiếp tục chiến đấu đến cùng. Và sau đó anh cũng đã anh dũng hy sinh tại chiến trường ấy, chưa vợ chưa con. Chúng tôi cũng đã nhắc tên những kẻ phản bội như Trần Minh Đình, vốn là tay chân của địch cài vào làm học sinh của trường, đã bị chúng ta truy ra và trừng trị đích đáng tại Sài Gòn sau ngày giải phóng, đó là tên Minh Mẫn nguyên là đại diện học sinh Sài Gòn, sau này đã phản bội Cách mạng, trở thành sĩ quan cấp tá ngụy và cũng bị lực lượng giải phóng tiêu diệt, đó là tên Huỳnh, người chuyên đóng vai hề đã bị Trần Minh Đình mua chuộc, đã man dùng búa đập đầu anh Tùng Lâm, nguyên tình đội phó Thủ Biên thời chống Pháp. Tất nhiên cũng còn những tên khác, nhưng chắc chỉ là số rất ít, bởi sau khi ra trường anh

em chúng tôi đã tỏa ra các chiến trường nên ai xấu ai tốt thế nào rất dễ có tin tức.

Phân liên khu miền Đông lúc ấy bao gồm: Long Châu Sa, Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Gia Định Ninh (Gia Định+TâyNinh), Thủ Biên (Thủ Dầu Một+Biên Hòa), Bà Rịa và Đặc khu Sài Gòn+Chợ Lớn, Tư lệnh là đồng chí Trần Văn Trà, Chính ủy là đồng chí Phạm Hùng. Căn cứ Bộ Tư lệnh đóng chủ yếu ở Đồng Rùm thuộc huyện Dương Minh Châu nằm trên đất Tây Ninh, nơi mà hiện nay vẫn còn lưu lại Khu di tích Đồng Rùm. Xét về địa thế thì đây là vùng rất an toàn bởi được bao phủ bởi rừng già liên hoàn với rừng núi các tỉnh lân cận, lưng tựa một vùng tự do rộng lớn của Campuchia, lại cách rất xa nơi trú đóng các cơ quan đầu não của địch ở Sài Gòn. Tiếp giáp với Campuchia là có được một hậu cứ về nguồn tiếp tế lương thực thực phẩm trong những lúc khó khăn, đồng thời cũng là nơi khả dĩ rút lui khi có địch đến càn quét. Và bằng những con đường đi vòng trên đất bạn, có thể đến các tỉnh miền trung Nam bộ, rồi từ đó mà thâm nhập vào Đặc khu Sài Gòn+Chợ Lớn.

Đối với tôi thì đây mới thực sự là cuộc thử sức với chiến trường “Miền Đông gian lao mà anh dũng”. Ở đây mỗi bữa chỉ được một bát com đầy lường bằng chiếc bát đựng mù cao su, ăn với rau tàu bay luộc chấm muối ớt, bữa nào khá lắm thì được thêm một tí mắm ruốc cũng là ưu tiên cho lính miền Tây mới lên. Mỗi bữa thì có canh mướp nấu với khoai mì hoặc rau muống luộc chấm muối ớt. Ở miền Tây quen được ăn no, ăn ngon, nên gặp cảnh này vừa khó ăn lại vừa đói. Mà nơi rừng sâu, mới chân ướt chân ráo thì biết tìm thứ gì để cải thiện. Nhìn quanh nhìn quẩn thì chỉ có hai thứ có thể ăn được, đó là trái cám và trái bứa. Trái cám thì nhiều, rụng đầy sân, nhưng ăn mấy trái đã ngán, chỉ bột bột, lạt lạt, không một tí mùi vị nào cả. Còn trái bứa chín thì hơi giống trái măng cụt nhưng có nhiều vị chua, ăn dễ bị xót ruột.

Sau hơn một tuần lễ chờ đợi, tôi được chỉ định về Ban Quân báo

trực thuộc Phòng tham mưu Phân Liên Khu. Tôi chục nhớ theo tiếng Tây thì mình sẽ làm việc ở “État Major” của Việt Minh chứ phải chơi đâu! Mà cũng đúng thật, bởi đây là Cơ quan Tham mưu của lực lượng vũ trang toàn miền Đông Nam bộ, đối thủ nặng ký của Bộ Tham mưu Quân đội Viễn chinh Pháp tại Sài Gòn.

Tôi được phân công về tổ địch tình, chuyên theo dõi tình hình địch ở tỉnh nhà Long Châu Sa, ngày ngày qua bên Phòng Thông tin vô tuyến điện nhận bản tin tình báo dưới tỉnh đánh lên mang về ghi chép theo dõi, cuối tháng tổng hợp tình hình, đôi khi có kèm theo phân tích, và viết báo cáo nộp Phó ban kiêm tổ trưởng là anh Hai Hoàng. Buồn cười tôi là người của tỉnh Long Châu Sa, nhưng chưa lần nào đặt chân lên đất Hồng Ngự nên đâu có biết Tam Thường, Tứ Thường là ở chỗ nào, dưới địa phương báo thế nào, ví dụ hôm nay tàu địch lên mấy chiếc, tập trung quân bao nhiêu, cứ thế mà ghi chép và báo cáo. Vì ở Trường Lục quân không có môn dạy về công tác tình báo, lại mới chân ướt chân ráo bước vào nghề chưa tròn năm nên tôi cũng giống như con chim non mới tập bay sập sập. Nhưng ngược lại bên cạnh tôi là những anh cán bộ lớn tuổi già dặn kinh nghiệm được điều từ các tỉnh về, chúng tôi lại được đặt dưới sự chỉ huy tài giỏi của anh Trưởng ban Hoàng Minh Đạo vốn là một cán bộ được Trung ương tin cậy phái vào tổ chức công tác tình báo ở Nam bộ, nên cho dù quân số chỉ vài ba chục người và làm việc dưới một mái nhà tranh đơn sơ nhưng đã là một cơ quan tình báo vững mạnh có thể đối đầu với Phòng Nhì của quân đội Pháp, phục vụ tốt cho sự chỉ đạo của Bộ Tư Lệnh trong nhiệm vụ tấn công tiêu diệt địch. Cũng nhờ công tác tình báo tốt mà không bị bất ngờ trong trận nhảy dù của quân Pháp xuống cánh đồng Chà Dơ nhằm tiêu diệt các cơ quan đầu não, không những thế còn tổ chức được các trận đánh chặn có hiệu quả nên cuộc đổ bộ bằng quân dù của Pháp phải chịu thất bại.

Bên lễ trận này cũng có hai câu chuyện vui.

Có một anh bên cơ quan Quân nhu bị lạc trong rừng hai ba ngày, bụng đói meo, may mắn vớ được một chú rùa núi nặng cũng trên kí lô đang lồm ngồm bò trên đám lá khô. Mừng hóm bởi trời còn thương thằng chết đói, anh bèn đi tìm củi nướng, trước khi đi còn chú ý đặt con rùa lật ngửa bốn chân lên trời, mà cái thứ rùa lật ngửa thì chỉ có nước nằm đó bơi bơi bốn chân chớ chẳng có xê xích đi đâu mà sợ. Vào rừng gom được một một mớ củi khô mang về, hí hửng phen này ăn rùa nướng thì ngon phải biết! Nhưng than ôi về đến nơi thì anh chàng rùa đã phá lệ tẩu thoát đâu mất, tìm đồ mất khắp bốn chung quanh cũng chẳng thấy tăm chim bóng nhạn, đành ngồi thần thờ nhìn đồng củi khô mà tiếc ngẩn tiếc ngơ. Phải chi cẩn thận tìm được cây rừng nào có chạc ba mà đặt nó lên đó thì có mà chạy đằng trời. Xui ơi là xui!

Còn tôi thì cùng với anh Trần Bá Hào, khi về hưu mang quân hàm đại tá, đến phiên đi tuần tra giữa khuya theo đường xe bò trong rừng, bỗng phía trước nghe tiếng ai đó dẫm trên cành cây khô, anh bèn nhảy qua bên lề đường lên đạn súng ngắn nghe cái rộp hô to “ai đó”, tiếng bên kia trả lời “tôi đây”, anh lại hô tiếp “vỗ tay lên”, bên kia trả lời “tôi có súng”. Đến đây thì đã biết là “quân ta”, bởi nếu gặp biệt kích là nó đã nổ súng liền chớ đâu chờ hỏi qua hỏi lại cù cưa cù nhầy như thế. Té ra là một anh bên Ban Tác huấn ở sát đít cơ quan chúng tôi, gặp nhau cười ha hả. Riêng tôi thì đụng trận lần đầu nên khá hồi hộp, nhưng bụng nghĩ đúng là lính văn phòng “ra trận” mà chưa học thuộc bài!.

Bên cạnh việc tổ chức nắm tình hình địch, Ban Quân báo còn làm nhiệm vụ phản gián mà kết quả rõ nét nhất là lần phát hiện tổ chức gián điệp Pháp đứng đầu là Hùng Phong đã cài vào Phòng Thông tin Liên lạc, có liên quan đến cái chết của Trung tướng Nguyễn Bình trên đường công tác ra Trung ương. Nhưng chắc là cuộc điều tra này cũng rất gay go bởi thấy lúc đó bộ phận phản gián thường xuyên hội họp, và khi ra phía sau chỗ làm việc

của các anh ấy tôi còn thấy cái “sàn nước” dùng tra khảo các nghi phạm.

Sau năm 1954 khi bộ đội chúng ta đã tập kết ra Bắc thì một số anh đã “lặn” ở lại miền Nam tiếp tục sự nghiệp tình báo như anh Hoàng Minh Đạo đổi tên là Năm Thu đã hy sinh ở Long An, có người con gái tên Đào Minh Vân hiếu thảo đã sang tận Mỹ sưu tầm các hồ sơ lưu trữ mong tìm tung tích người cha, nhưng cũng vô vọng. May thay, theo như lời kể của một cán bộ dưới quyền anh thời chống Mỹ, thì nhờ có nhà ngoại cảm chỉ dẫn mới tìm thấy hài cốt của anh được chôn lấp trên bờ sông Vàm Cỏ, từ đó mà có thể cất bốc đưa về chôn cất ở quê nhà. Như anh Hai Hoàng tổ trưởng tổ “địch tình” đã công tác bí mật trong nội thành Sài Gòn suốt 20 năm chống Mỹ, sau giải phóng tôi có dịp gặp lại anh, đã đổi tên là Sáu Trí, mang quân hàm thiếu tướng...

Cơ quan chúng tôi là mấy gian nhà tranh nhỏ ẩn mình dưới tàn các cây to, máy bay địch không thể phát hiện, bốn bên trống trơn không có vách dinding. Ngủ trên các tấm sạp le bện bằng dây mây rừng, những thứ tìm đâu cũng có. Còn anh nào được gia đình tiếp tế có điều kiện mua sắm thì ngủ trên võng vải tám, sang hơn một tí là võng ka ki, mà xịn nhất là võng vải dù, lấy từ những đợt thả dù của máy bay địch. Dây cột võng thường là dây bện bằng vỏ cây gấm, ai may mắn thì kiếm được dây dù. Tôi chân ướt chân ráo mới lên, mà cũng chẳng được ai tiếp tế, ngủ trên sạp le là chuyện không thể tránh, lúc đầu chưa quen rất đau lưng. Những đêm quá lạnh thường bị thức giấc nhiều lần, lúc đó năm ba anh cùng đến ngồi quanh đống lửa, rù rì suốt đêm, nói đủ thứ chuyện trên đời. Hôm nào may mắn tìm được mấy củ mì đem nướng nguyên cả vỏ, vừa bóc vừa thổi vừa ăn, thì thiệt là vừa ấm bên ngoài vừa ấm cả trong bụng.

Trong rừng già rất ít muỗi, mà hễ có thì toàn là muỗi đòn xóc chuyên truyền bệnh sốt rét. Bản thân tôi cũng đâu có tránh khỏi bệnh sốt rét kinh niên, hình hài chẳng khác gì những người tôi

đã từng gặp đầu tiên ở An Nhơn Tây, lại còn mang trái bóng số hai, sau khi ra miền Bắc được sống ở miền biển nó mới tiêu hết.

Tôi bắt đầu bị sốt trong lần vào rẫy quyết rình bắn cho được con công trống thường về ngủ trên cây dầu cao ở bìa rừng mà mỗi lần nó bay về và kêu “tó họ, tó họ” là mỗi lần tôi bị nó chọc tức. Tôi cũng đã ức cái đám công này lắm rồi, bởi biết bao lần khi đang đi trong rừng bỗng nghe tiếng chúng chạy sạt sạt trong đám lá khô để lấy trốn cất cánh cho cả thân hình to lớn của chúng, nhưng khi tôi vừa giương súng thì cả đàn đã bay khỏi tầm ngắm, còn ỉa phẹt phẹt. Lần này thì tôi ôm khẩu carbine quyết tâm ngồi thủ dưới gốc cây, chờ nó về là có thể ung dung lấy đường ngắm mà cho nó một phát. Nhưng chờ từ khi mặt trời chưa lặn cho tới lúc tối mịt vẫn không thấy tăm hơi, bỗng mây đen mịt mù kéo tới, tôi vội xách súng chạy về chưa được nửa đường thì một cơn mưa to đã đổ ập xuống, báo hại về đến nhà quần áo súng ống đều ướt sạch, và đêm đó bị sốt cao nằm vùi mấy ngày liền. Có lẽ cái con ký sinh trùng sốt rét đã “phục kích” từ lâu trong con người tôi, và đây là dịp tốt để nó giở trò nên công thì chưa bắn được mà tôi lại bắt đầu bị nó hạ gục.

Mà cái bệnh sốt rét là bệnh “phổ thông đầu phiếu” của lính miền Đông, khó ai tránh khỏi. Có lần tôi đến bệnh viện của khu do anh Hồ Văn Huê và chị Phạm Thị Yên phụ trách để khám bệnh thì thấy hầu hết là bệnh nhân sốt rét. Còn khi tôi qua Phòng Chính trị thăm anh Ba Thanh Nha thì cũng thấy hai ca sĩ trữ danh lúc ấy là Minh Phụng và Ngô Y Linh cũng đang nằm đắp chăn rên hừ hừ. Có một anh tên là Đài cùng về miền Đông một lượt với tôi bị sốt rét ác tính chết. Người ta bó anh trong chiếu chiếu và mang xác vào rừng chôn, và trong khi mọi người đang lúi húi đào huyệt thì bỗng nghe tiếng rên ư ư từ chiếc chiếu phát ra. Đến mở ra thì thấy anh hơi nhúc nhích, một lát là tỉnh lại hẳn, người ta bèn dìu anh về trại tiếp tục chăm sóc. Thế là anh đã sống lại luôn cho đến ngày đi tập kết.

Đã thành nếp, mỗi sáng thức dậy, trước khi tập thể dục, mọi người đều cố gắng hát to những bài hành khúc như “Lên đàn”, “Đi tòng quân”, “Tuyên truyền xung phong”, “Lên miền Tây Bắc”... để xua tan cái mệt mỏi uể oải trong người qua một đêm ngủ trong vùng rừng sâu âm u, đồng thời cũng dùng làm hiệu lệnh thúc dót các anh chàng đang cố ngủ nướng, mà đây cũng là một cách phòng bệnh có hiệu quả. Hoạt động thể thao duy nhất thời đó là bóng chuyền. Chúng tôi thường đánh với đội của cơ quan Ban Tác huấn chỉ cách chúng tôi có một cái trảng tranh, thường bắt phân thắng bại. Bên ấy anh Trần Đình Xu có được chiều cao tốt nên đánh rất giỏi. Anh không đi tập kết, ở lại hoạt động và hy sinh cũng trên chiến trường miền Đông, sau ngày giải phóng, thành phố có một con đường tại quận Nhất mang tên anh.

Trong dịp chị Năm Hồ Thị Bi được tặng thưởng huân chương chiến công, vào ngày 2/9/1952, Quân khu tổ chức một ngày hội khá đặc biệt, có lễ trao bằng chính thức và các hoạt động văn hóa văn nghệ. Hôm ấy thấy chị Năm mặc chiếc áo sơ mi hai quai hai túi bỏ trong quần, đầu đội nón còm-măng-đô gấp một bên vành, bộ điệu uy nghi, đi đều bước trước lễ đài, đưa tay ngang trán chào các quan khách là các đồng chí lãnh đạo của khu trước khi đi đến chỗ nhận huân chương.

Khi đến xem chỗ thi đánh bóng bàn, tình cờ tôi thấy anh Ba Thanh Nha với bộ quần áo bà ba đen, đầu đội nón nỉ, vừa bung chén cơm xúc ăn vừa xem người ta đánh, bóng sang bên này thì anh nhìn sang bên này, bóng sang bên kia thì anh ngoảnh mặt sang bên kia trông rất tức cười. Tôi cũng không biết anh lên miền Đông từ lúc nào, và anh cũng không ngờ gặp mặt tôi ở đây, nên hai anh em rất mừng, nhưng cũng mừng vậy thôi chứ chúng tôi không có thói quen vốn vĩa.

Buổi tối được xem biểu diễn nghệ thuật, anh Bích Lâm trong vai chiến sĩ lái xe tăng của Hồng quân Liên Xô bị thương cháy

hết mặt. Còn các anh Tám Danh, Ngọc Thạch, Triệu An diễn vở Trần Hưng Đạo bình Nguyên, hóa trang toàn bằng thuốc đỏ, lọ nghệ, phấn viết học trò, quần áo phong màn toàn giấy cắt dán. Trong rừng rất lâu mới được xem kịch với những nghệ sĩ tài ba vì ít được dịp xuất hiện trên sân khấu nên đã diễn hết mình, và những người xem như chúng tôi cũng vô cùng thỏa mãn.

Nhớ lại sau này trong một dịp lễ, cơ quan Quân báo chúng tôi cũng có tổ chức diễn kịch, vở diễn do một anh trong cơ quan tên Huy biên soạn, nội dung nói về cuộc vận động đồng bào Công giáo trong vùng địch hậu ở Bùi Chu-Phát Diệm. Trong vở này tôi đóng vai một cha đạo, mặc chiếc áo thụng là chiếc áo mưa lộn màu đen ra bên ngoài, còn cây thánh giá đeo trên ngực thì làm bằng giấy bồi. Không biết tôi diễn có ra gì không, nhưng cái vai cha đạo thì được nhiều người nhớ, cho mãi khi gặp nhau ở Sài Gòn sau giải phóng thì anh Báu vốn là cán bộ bên ban Tác huấn chỗ anh Trần Đình Xu trước kia, sau này là quận đội trưởng quận Phú Nhuận, vẫn còn nhắc lại vai diễn này của tôi.

Các anh trong cơ quan hầu hết đều có súng ngắn, không phải do Ban Quân báo cấp, có lẽ từ đơn vị cũ mang đến. Nhưng tôi thấy ở quanh quần trong vùng căn cứ thì súng ngắn chẳng có mấy tác dụng thực tế. Cùng lắm là để phòng xa hoặc để cho người ta thấy mà nể, bởi nhiều người đã quen kiểu “xem súng đoán người”. Còn bắn con cheo để cải thiện cũng không dám, bởi bắn trật là cái chắc, lại tốn một viên đạn súng ngắn vốn hiếm như vàng. Như anh Quế, lúc nào cũng mang cây Colt-12 xề xệ bên hông, trông rất oai, nhưng có ai rù bắn thì cấm có dám, bởi cái nòng nó rộng huych, bị các anh khác chọc là mang cây 12,7ly, thì bắn làm sao trúng được! Cho nên suốt cả năm, chẳng nghe anh nào nổ súng. Còn tôi thì được giữ cây các-bin là súng bảo vệ cơ quan, tuy trông tầm thường nhưng đã có mấy lần phát huy tác dụng.

Sau lần rình hụt con công, có một lần khi phải đi sâu vào rừng

để thanh toán cái bụng, sẵn mang súng theo, đang ngồi “giải quyết”, súng dựng bên cạnh, thì nghe sạt sạt trên đầu, nhìn lên thấy hai con vượn đang đu trên cây cao, con đen con trắng. Tôi cứ giữ nguyên thế đang ngồi, nhè nhẹ nhấc khẩu súng, mở khóa an toàn rồi nổ. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi nổ súng vào mục tiêu sống, nhưng do đã được học bài bản yếu lĩnh xạ kích ở Trường Lục quân, nên tôi tin chắc là sẽ bắn trúng, và quả thật như vậy. Con vượn đen chỉ còn thoi thóp, nhưng một tay vẫn đeo trên cành theo bản năng, còn con trắng thì hoảng hồn chuyển đi mất biệt. Tôi bình tĩnh dựng lại súng rồi ngồi làm tiếp cái công việc đang dở dang, xong hái lá cò ke bên cạnh làm vệ sinh sạch sẽ. Với phát thứ hai, tôi bắn trúng cánh tay đang đeo nên nó rớt xuống tại chỗ. Đúng là học sinh tốt nghiệp Trường Lục quân có khác, lần đầu tiên bắn trên bia sống, cả hai phát đều không trật mục tiêu. Mang con thịt về, các anh trong cơ quan đều khen, mà khen cả Trường Lục quân nên tôi rất nở mũi. Rất tiếc là sau khi làm thịt xào nấu xong thì tôi lên cơn sốt rét, đến bữa cơm cũng chưa ngồi dậy được. Thôi thì cũng vui lòng nhường cho các anh “mang súng ngắn” ăn, chỉ riêng chuyện nhận được tiếng khen cũng quá đã rồi!.

Ai đã từng sống ở miền Đông thì không ai không thuộc lòng cái việc tăng gia sản xuất tự túc tự cấp, tự lo cơm ăn nước uống cho mình.

Lần đầu tiên tôi tham gia đào giếng khi dời cơ quan, một anh ngồi dưới đào, một anh ở trên kéo đất. Ở Dương Minh Châu phải đào xuống năm sáu thước mới đụng mạch nước ngầm, còn đất gò thì phải sâu hơn nữa. Rủi cho tôi là lần đầu tiên đào giữa chừng lại đụng đá xanh, phải bỏ, đào lại giếng khác, phí bao nhiêu là công sức. Đào xuống càng sâu thì càng thiếu không khí, ngồi dưới rất mệt, và chỉ có ai từng đào giếng mới thấm đòn cái mệt ngột thở này. Có một buổi sáng tôi một mình bò xuống giếng trước bỗng nhiên thấy choáng váng và ngọt ngọt không

chịu nổi, bèn lập tức trèo lên ngồi thờ. Lúc đó thì anh Bạch người cùng đào với tôi cũng vừa ra tới. Thấy vậy anh giải thích là trước khi đào tiếp phải cẩn thận dùng cành cây quơ liên tục để xua tan chướng khí, nếu không thì khi chui xuống sâu rất dễ bị ngạt. Sau này khi ra Tiểu đoàn 302 tôi đã chứng kiến cái chết của một anh cùng đơn vị khi đi hành quân không may lọt xuống cái giếng cạn bên đường. Giếng thì không sâu, nhưng chỉ chậm một chút thôi, lúc kéo lên thì anh đã chết ngạt, dù làm hô hấp nhân tạo hết cách nhưng vẫn không cứu được.

Mùa khô thiếu nước, nên nước giếng chỉ được dùng để nấu ăn và đánh răng rửa mặt, còn tắm giặt thì tất cả mọi người đều phải đi ra một con suối cạn gần cơ quan, và phải xuống cả chục bậc thang mới tới dòng nước đang chảy lờ lờ vẫn đục. Cả ba bốn chục người với một con suối như vậy, nên nhiều người bị ghẻ, còn tôi lại thêm cái bệnh đau mắt hột.

Nhớ có một lần cậu Cường, người Bắc, tính rất nhát gái, từ ngoài suối hót ha hót hải chạy tọt vào nhà, mặt mày đỏ ửng, mồm nói liên miên “chết, chết, chết...!”. Hỏi ra thì cậu ta vừa ra suối định tắm, nhưng vì vừa lãng tai vừa cận thị, lại không để ý, nên khi đi đến tận bờ suối định bước xuống mới giật mình nhìn thấy cô Cúc là thư ký đánh máy của cơ quan đang mình trần ngồi tắm. Nghe kể mọi người đều cười rộ, có anh còn cắc có hỏi sao không xuống cùng tắm cho vui làm mặt cậu ta càng đỏ dừ. Cái anh chàng Cường này có cái đặc biệt là rất khỏe mạnh và là người hay lam hay làm. Mỗi lần đi vác gạo, mọi người vác tối đa là hai mươi ký thì anh lại công đến hai trăm hoặc ba chục. Anh đảm nhiệm chăm sóc đám rau tăng gia của cơ quan, và rau lúc nào cũng xanh tốt. Nhớ có một lần phân bắc ủ chưa ngoài, nhưng thấy đám rau chưa phát, anh sốt ruột đem ra tưới càn, hơi hám bay vào làm thúi um cả cơ quan nên bị rửa một trận nên thân. Còn trồng ớt thì nay trồng chỗ này thấy không ưng ý nên mai là bứng dời sang chỗ kia, rồi cũng không ưng ý nên lại

búng dời qua chỗ khác nữa, báo hại mấy cây ớt trồng hoài mà không thấy lớn.

Còn cô Cúc kể trên vốn là học sinh từ Sài Gòn vô, tuy không đẹp nhưng trắng trẻo dễ thương, đã thành “cửa hiểm” trên rừng, nên được nhiều người, không chỉ của cơ quan quân báo chú ý. Nhưng có lẽ là người có số, nên lại chính một anh bên cơ quan Phòng Chính trị đến đặt vé trước. Thông thường biết được bạn mình đã có đôi, mà lại là người của một cơ quan bạn nên ai cũng vừa vào, chớ không ai tán ra. Mỗi lần cô Cúc mang tài liệu sang giao cho bên kia thì đồng thời cũng có một cú điện thoại từ bên này gọi sang, báo cho “người” bên ấy biết để liệu bề hành động. Mà trong rừng vắng vẻ đơn côi, đón đường mà “cưa”, lâu ngày chày tháng thì cây cứng đến mấy cũng phải đổ. Kết cục đã kết dính cặp “Cúc trắng và Vũ Hắc Bông đen” tuy chưa đến bách niên giai lão, nhưng nay tuổi cũng đều ngoài tám mươi, để huê hạnh phúc. Sau này có dịp gặp lại, tôi thường nhắc chuyện xưa và kể công với hai người.

Lên trên đất này, giặc đã cắt đứt mọi đường cung cấp lúa gạo từ các tỉnh, nên phải tự trồng tía, mà muốn có đất thì duy nhất có một cách là phá rừng đốt rẫy. Khi ấy rừng miền Đông thì bạt ngàn, muốn chọn đâu đều tha hồ, nhưng dụng cụ có được chỉ là những chiếc rựa chẳng hơn gì loại dao phay chặt thịt của các bà nội trợ, đồn được một cây là phổng cả tay. Cứ thử hình dung một mẫu đất rừng với bao nhiêu cây to cây nhỏ, mà ngày ngày chỉ vài ba đứa, với vài cái rựa cùn, đầu trần chân đất, dưới cái nắng đổ lửa của đất Tây Ninh, cứ từng nhát từng nhát chặt chan chát vào các gốc cây có khi to bằng cả một người ôm để hạ cho bằng hết, không chỉ một, mà có khi hai ba mẫu, thì đúng là những chuỗi ngày làm việc khổ sai dài đằng đẳng. Cứ mỗi buổi sáng, lột dạ xong bằng mấy củ khoai mì, rồi cũng một túm “mì khoai” và một bình toong nước mang theo, vác rựa ra đi, nhìn vào đám rừng trước mắt sao nghe nó ngán tù trong xương ngán ra. Thế

nhưng sau này cũng rút được kinh nghiệm là chọn năm bảy cây gần nhau, mỗi cây chỉ chặt một nửa, đến cây cuối cùng thì chặt đứt hẳn cho nó ngã dây chuyền, đỡ được gần một nửa công sức. Mà mỗi khi cả hàng cây đều đổ ào xuống cùng một lúc, tiếng vang khắp cả rừng thì đó là những giây phút hạnh phúc nhất!

Đốn cây lấy đất làm rẫy chung cho cơ quan đã đành, mà mỗi đảng viên còn phải dọn thêm một khoảnh đất đủ trồng 100 gốc mì đóng đảng phí không chỉ để chống đói mà còn nhằm thể hiện trách nhiệm của người đảng viên đối với Đảng ngay trong hoàn cảnh khó khăn gian khổ nhất.

Đốn xong vùng đất được khoanh, thường cũng một vài mẫu, là có thể thở phào, tự chúc mừng vì đã vượt qua công đoạn gian nan nhất. Còn chuyện đốt rẫy và dọn cây thì đỡ khổ hơn nhiều, chỉ hơi cực một tí là cuối ngày dọn xong thì anh nào anh nấy than tro dính đầy, quần áo mặt mày tèm lem, ngứa ngáy không chịu được. Mà việc tắm giặt cũng khó vì mùa khô nước nơi rất hiếm, lắm lúc kẹt quá chỉ rửa mặt sơ sơ, lột quần áo bỏ đó, rồi sáng mai lại mặc vào đi làm tiếp.

Sau khi đốt và dọn rẫy xong là có thể trồng tía. Nhưng khi tía bấp, tía đậu, chúng tôi đã có kinh nghiệm là mỗi khi chọc lỗ bỏ hạt xong, phải dùng ngón chân cái ấn sâu, khỏa sạch đất, nếu không thì các anh chàng cu đất láu lỉnh cứ lần theo dấu, và từng hạt từng hạt moi lên chén cho bằng hết.

Khi thấy bấp trở đầy hạt thì rất mừng, bởi cảm chắc là trúng mùa. Nhưng lại cực là lúc nào cũng phải có người canh để đuổi khi, đuổi kết. Ghét nhất là đám khi ranh ma, bởi nó không chỉ cắn phá tại chỗ mà còn bẻ trái mang về. Nhìn cái cảnh nó ăn cắp bấp mà tức cười, thấy nó đang cặp nách một trái, bẻ trái thứ hai, giở tay lên để cho vào thì trái trước lại rớt ra, cứ thế mỗi con phá không biết bao nhiêu là bấp. Lại còn có con khi đột đầu đàn lúc nào cũng ngồi chót vót trên ngọn cây quan sát, thấy vắng bóng người thì nó ngồi canh cho lũ khi tha hồ ăn tha hồ phá, nhưng

hể thấy dạng dạng bóng người từ xa thì nó kêu “khếch khếch” báo động cho cả đàn nhanh chóng rút chạy. Nhưng bù lại là chúng tôi được hái những trái bị kết mổ, hoặc nhặt của đám khi đánh rơi đem nướng ăn ngay tại chỗ, rất ngọt, mà khỏi sợ bị phê “bình là xâm phạm của công.

Theo trí nhớ của tôi thì vì sống ở rừng nên trong từng cơ quan của Phân Liên Khu việc tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc, đảm bảo cuộc sống hằng ngày là nhiệm vụ hàng đầu đứng sau nhiệm vụ chuyên môn. Thậm chí có lúc còn phải ngưng công việc để lo cho “cái bụng”, đúng như lời ông bà ta thường nói: “có thực mới vực được đạo”, bởi vì các cơ quan hậu cần chỉ có thể đáp ứng được một phần rất tối thiểu. Mỗi cơ quan đều phá năm ba héc ta rừng lấy đất trồng lúa, bắp, khoai, sắn, rau, cải, bầu, bí..., chăn nuôi bò, heo, gà, vịt... Hằng ngày còn cắt cử người đi hái rau tàu bay, hái bứa hái gùi, lấy măng rừng, đào củ mài, củ chụp... Mùa mưa thì làm sa chận nước bắt cá, đêm tối trời thì đội đèn đi săn thú rừng, anh nào tài nghệ thì làm bẫy bắt heo, bắt nai, bắt mễn... Nói tóm lại là làm đủ mọi việc có thể làm để có được cái ăn, nhưng thiếu đói vẫn là thiếu đói... Nhân đây cũng xin kể lại một chuyện cải thiện sinh hoạt thật lạ đời nhưng có thật, đó là việc làm bia bằng...nước tiểu, mà đó lại chính là sáng kiến của bác sĩ Hồ Văn Huê (sau này là Thứ trưởng Bộ Y tế trong Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam). Cho nên mới có cái chuyện vui là khi được thưởng thức mùi vị của loại bia đặc biệt này thì có người lại thắc mắc hỏi đây là bia đúng hay bia ngỗng, xuất phát từ sự khác nhau trong tư thế “xả nước” của quý ông và quý bà.

Có một lần, khi qua rẫy tăng gia của Phòng Chính trị thì thấy trên tờ báo tường có vẽ hình ba bốn con khỉ, mỗi con đều dắt ba bốn trái bắp quanh người, và xa xa là hình hai người một trai một gái đang ôm nhau nằm trên võng, dưới chủa lời lủ khỉ kháo nhau: “Hôm nay có thằng cha nào nó đến tò tí với con mẹ giữ

rầy, mê mẩn lắm, tội mình cứ ung dung mà bẻ bắp chẳng phải sợ chó gì hết”. Đây là người ta muốn tả cảnh nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn, tức Nguyễn Thi chiến sĩ Tiểu đoàn 302, lên rẫy hẹn hò với nữ nghệ sĩ đàn “ác coóc” Bình Trang khi đang yêu nhau. Tôi cũng thấy thích thú với tranh vẽ này bởi tôi sẽ có tiết mục để trêu chọc hai người, cùng đều là bạn của tôi.

Ngày 22-10-1952, cái ngày tôi không bao giờ quên bởi đã xảy ra một trận bão lụt kinh hồn mà người dân ở đây bảo rằng xưa nay chưa từng thấy. Nó đã tàn phá nặng nề toàn tỉnh Tây Ninh và nhiều tỉnh khác của miền Đông. Biết bao nhiêu cây cối trong rừng già đã bị gió bão quật ngã, mưa to liên tục đổ xuống làm cho mực nước các dòng sông, các ngọn suối dâng lên từng phút từng giờ. Riêng tại cơ quan chúng tôi, chỉ qua một đêm thôi mà mực nước đã cao gần một thước, nhiều cây cối chung quanh đổ ngã ngổn ngang, nhiều nhà bị xiêu cột, tốc mái. Có lẽ Hoàng Việt cũng muốn nói lên mọi thảm họa của thiên tai trong bài “Lên ngàn”: *“Nước ngập đồng xanh lúa chết. Gió mưa sụp đổ mái nhà. Bao nhiêu gia đình tan hoang. Đau thương lệ rơi chứa chan”*. Nhưng kể như thế vẫn chưa hết. Sức tàn phá của hậu bão lụt còn ghê gớm hơn nhiều. Bởi sau một vài ngày, dù bão có tan, nhưng lũ lụt thì còn dai dẳng, nó nhấn chìm và làm thúi rục biết bao nhiêu mùa màng cây trái. Có nhiều nơi, những ngày đầu người ta còn có thể lặn xuống nhổ củ mì củ khoai lên để ăn thay cơm, nhưng vài hôm sau thì phải bữa đói bữa no, bởi lúa gạo thì đã cạn mà các loại củ cũng dần dần thúi rục dưới mực nước sâu. Lúc này không ít gia đình đành phải dắt díu nhau đi tha phương cầu thực nhưng biết phương nào khá hơn phương nào để có thể đi đến đó mà cầu.

Riêng bản thân tôi thì trong thời kỳ ấy khi nghe bài “Lên ngàn” tôi cảm thấy thật hay, thật xúc động vì lúc đó ai cũng đang đắm chìm trong cảm xúc đau thương mất mát. Nhưng tôi lại phục nhất là bài “Nhạc rừng”, bởi trong hoàn cảnh khó khăn

thiếu thốn như thế mà anh lại sáng tác được một bản nhạc thật vui tươi, yêu đời mà ai một lần được nghe thì dù có buồn thế mấy cũng thấy trong lòng rộn rịp, tai lắng nghe mà tay chân cũng muốn nhảy nhót múa may theo điệu nhạc. Và chính bài hát này đã góp phần động viên cổ vũ khi tôi đang thật sự hoang mang dao động trước những khó khăn gian khổ sau trận lụt năm 1952.

Thật dễ gì mà tìm được một nhạc sĩ tài ba như thế!. Đã trên 60 năm mà ngày nay khi tra trên mạng bài “Nhạc rừng” thì có thể tìm thấy cả chục giọng ca thể hiện bài hát đáng yêu này:

*“Cúc cu! Cúc cu! Chim rừng ca trong nắng
Im nghe! Im nghe! Ve rừng kêu liên miên.
Rừng hát gió lay trên cành biếc
Lao xao, rì rào, dòng suối uốn quanh, làn nước trôi trong xanh.
Róc rách! Róc rách! Nước tuôn qua khóm trúc.
Lá rơi, lá rơi, xoay tròn nước cuốn trôi.
Có anh chiến sĩ đi qua khu rừng vắng
Lắng nghe nhạc rừng trong lòng vui phơi phới.
Anh cười một mình rồi cất tiếng hát vang
Cây rừng dội tiếng theo lời ca mệnh mang.
Tính tang tính tình, miền Đông gian lao mà anh dũng.
Tính tang tính tình, hăng hái chiến đấu chống quân thù.
Đường xa chân đi vui bước
Lòng xuân thêm bao thắm tươi.
Nhạc rừng vẫn đưa cùng nhịp bước
Hương rừng thoáng nghe hồn say sưa”.*

Sau bão lụt, chúng tôi phải tu sửa lại nhà cửa, mở lại lối đi sang các cơ quan bạn đã bị cây rừng đổ ngã chắn đường, thu vớt lại hoa màu đã bị hư hại ngoài rẫy tăng gia, đi đến các kho dự trữ để vác gạo về ăn, chuẩn bị phương án sản xuất cứu đói... trong lúc về mặt nghiệp vụ chuyên môn thì yêu cầu phải tăng cường

mạnh mẽ công tác theo dõi tình hình địch, để phòng chúng thừa cơ bao lút đem quân vào đánh phá vùng căn cứ. Lúc này thì tiêu chuẩn lương thực cũng bị cắt bớt nên ăn càng đói, vì vậy chúng tôi càng phải tìm hết cách để cải thiện cuộc sống.

Một hôm anh Hải ngoài trại tăng gia may mắn bắn được một con mễn mang về cơ quan, lại một dịp có được chút chất thịt trong bữa cơm. Có lẽ con mễn này cũng tới số, bởi nghe kể lại thì anh Hải cũng mới học cách thổi lá, nghĩa là ngậm một chiếc lá cây rừng vào miệng rồi cố thổi ra cho thật mạnh nhằm giả làm tiếng kêu của mễn con, thế mà mới vừa thổi được mấy hơi thì một con mễn cái bỗng từ trong bụi rậm phóng ra, dậm chân đập đập, mắt đảo đảo, dòng hai tai lắng nghe tiếng thổi “téc téc” từ trong tum phát ra. Cách không tới hai chục thước mà con mễn to chần chừ thì làm sao bắn trật được!

Có một hôm tôi lội nước ngập đến háng vác súng đi vào rừng sâu mong tìm bắn con chim con sóc về cải thiện. Nhìn lên đọt cây cao tôi bỗng phát hiện một con chồn to đang ngồi thu lu một chỗ. Thật buồn ngủ mà gặp chiếu manh, bởi bắn được con này thì đủ cho cả cơ quan ăn một bữa. Tôi giương súng nổ một phát, con chồn từ trên cao rơi sạt qua các cành cây, nằm phê phê trên mặt nước. Tôi mừng quá càn đến nhặt con thịt mang về, nhưng vừa đi được vài bước bỗng nghe tiếng chân người lội xộp xộp từ sau lùm cây, rồi có tiếng quát to: “Ai bắn đó? Có biết chỗ này là chỗ của ai đây không mà dám vô đây bắn?”. Tôi giật mình, nghĩ bụng: “Chết cha! Chắc đụng chỗ của ông Hai (Phạm Hùng), hay ông Ba (Trần Văn Trà) rồi đây!”, vì đâu có ai mà ở sâu trong này dữ vậy, và đã có lệnh cấm bắn súng trong vùng căn cứ nữa chứ!. Tôi lập tức quay đầu nhè nhẹ rẽ nước rút êm, tiếc hùi hụi bỏ mất miếng ăn tới miệng.

Rồi có một lần tôi được phái ra xã Định Thành đến kho quân lương để chuẩn bị thủ tục cho cơ quan đến vác gạo. Sáng hôm sau thấy anh em ở trạm đang xẻ thịt một con nai to và chặt cho

tôi một cục thịt chắc cũng trên hai kí lô. Tôi định bụng sẽ mang về cho anh em cải thiện, nhưng thèm quá lại sẵn có lửa than, tôi xắt từng cục to bằng ngón chân cái chọc vào đầu nhánh tre nướng cháy sém sơ sơ, chấm muối ớt ăn, sao mà nó ngọt oi là ngọt. Thế là tôi cứ làm tới tới, đến khi dòm lại là đã ngót nghét một kí. Lại tự an ủi, thôi thì còn chừng ấy mang về cũng được rồi, và tất nhiên về nhà tôi đâu có nói hết sự thật. Nhưng tối hôm đó ông trời cũng đã phạt đứa ăn tham, tôi bị thẳng cha “Tào Tháo” nó rượt liên tục, có khi rượt cả dọc đường. Nhưng cũng rút ra được một kinh nghiệm khi đi săn bắn sau này trong thời bình, là chỗ bao giờ ăn thịt nai nướng vừa chín tới.

Lại có một lần vào sáng sớm tôi vác súng đi từ rẫy về cơ quan, đang đi bỗng thấy có con gì đang nhào lộn rung rinh cả đám cỏ. Tôi cẩn thận bước đến gần thì thấy hai con rắn to đang quấn nhau, một con đã nuốt được phần đầu của con kia. Dịp may hiếm có, tôi trở báng súng đập một phát, con lớn bị gãy xương nằm giãy tê tê, còn con nhỏ thừa cơ rút đầu chạy mất. Tôi hơi tiếc vì không đập chết được cả đôi, nhưng mang được con rắn dài cả thước về thì ai cũng giật mình khen giỏi. Rồi lấy mỡ nó xào với nó, cơ quan cũng được một bữa rắn xào sả ớt ngon lành.

Sau bão lụt cuộc sống vật chất vốn đã cực càng cực hơn, con người của tôi càng gầy yếu, mà đã yếu thì cái bệnh sốt rét càng hoành hành, nên tôi bắt đầu dao động, và dao động đến mức cho rằng mình sớm muộn cũng chết vì cái bệnh ác độc này như tôi từng thấy. Bởi thuốc men thì có gì đâu, chỉ độc có một thứ là ki-nô-bơ tiêm hoại, tiêm riết chai cả hai mông đít mà sốt rét vẫn cứ sốt rét. Tôi cũng đã từng “trối” với anh Ba Thanh Nha khi anh sắp chuyển công tác trở về tỉnh Đồng Tháp rằng khi gặp lại ông bà già thì ráng an ủi nếu gặp phải cảnh “tre khóc măng”. Thấy cách tôi nói như thế anh đã rầy là tại sao quá bi quan như vậy. Tôi cũng đã từng làm đơn xin về Đồng Tháp nghỉ phép với ý định rồi sẽ xin ở lại dưới đó công tác luôn nhưng không được

trên chấp thuận nên tôi càng cảm thấy không có lối ra. Tuy nhiên dù khổ đến thế nào tôi cũng chưa hề có ý định bỏ ngũ nhẩy về thành như một số trường hợp đã xảy ra.

Trong tình hình cuộc sống càng khó khăn hơn thì trường hợp dao động như tôi cũng không phải là ít. Nắm bắt được tình hình, Phân Liên Khu ủy đã mở đợt học tập chính trị với nội dung “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi” là bài viết của đồng chí Trường Chinh, lại do đồng chí Tư lệnh Trần Văn Trà trực tiếp giảng bài. Nghĩ lại khi tôi trúng tuyển vào trường lục quân Trần Quốc Tuấn thì được nghe nói là trường chuẩn bị lớp cán bộ “Tổng phản công” nên trong tư tưởng có bao giờ nghĩ rằng phải chiến đấu “trường kỳ”, kể cả trường kỳ chịu đựng gian khổ, cũng chưa thấy cái lý tại sao nhất định sẽ giành được thắng lợi. Bởi thế khi đụng đến gian khổ, cái mức độ gian khổ mà trước đây mình chưa lường hết, lại thấy ngày chiến thắng vẫn còn mù mịt thì chuyện hoang mang dao động là khó tránh. Sau đợt chỉnh huấn, cho dù mọi gian khổ thì vẫn còn nguyên ý nhưng đã thấy có lối ra nên đã tin tưởng hơn, mà quan trọng nhất là lạc quan hơn. Tư tưởng và ý chí đã giúp tôi vượt qua thử thách!.

Được một thời gian, tôi nhận được quyết định chuyển về Ban Quân báo đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn công tác, cùng đi có anh Thế là cán bộ bên tình báo chiến lược.

Rời căn cứ Dương Minh Châu để về đặc khu, nơi mà cuộc sống vật chất có thể đỡ cực hơn, nhưng ở chiến trường sát cơ quan đầu não của địch, chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn bởi luôn gần kề và đương đầu với kẻ địch. Bước chân ra đi tôi mới thật sự cảm nhận cái quý giá của không khí ấm cúng bình yên trong gian khổ của cái tập thể đoàn kết gắn bó này, với những người đi trước luôn tận tình dìu dắt giúp đỡ những người đi sau, với tinh thần xung phong nhận cái khó không hề lẩn tránh nạnh hẹ, với tinh thần lạc quan yêu đời mà tôi học hỏi được khi đang yếu đuối dao động, với những ngày lao động vất vả rồi được hưởng

những thành quả ngọt ngào xứng đáng, với những con người cụ thể đáng mến từ các anh lãnh đạo như anh Đạo, anh Thời... cho đến bác Xuyên, bác Chúc trong rẫy tăng gia...

Chúng tôi lội bộ trên Trảng Lớn, nước ngập quá đầu gối, đến trạm Túc Tra, nằm đợi tổ chức chuyển giao liên đi vòng sang Campuchia đến các tỉnh miền Trung rồi luôn về đặc khu. Thời gian nằm chờ đợi khá lâu, bốn bên chung quanh trạm đều là nước, không đi đâu được và cũng chẳng có việc gì làm. Tối tối nhìn lên cây cao trên một gò đất thấy từng đàn sóc bay, cứ từ gốc leo lên ngọn, rồi lần lượt nhảy ra vươn đôi cánh lượn xa như bầy chim rồi đáp xuống đất, trông rất vui mắt, và cứ tuần tự lặp đi lặp lại như thế, ngày đầu xem còn thích, vài ba hôm rồi cũng chán chỉ biết lên vông ngũ sớm.

Bỗng có lệnh trở về cơ quan cũ. Tôi hơi hụt hẫng bởi ít nhiều đã đặt một số hy vọng ở môi trường công tác mới. Nhưng cũng không cảm thấy hụt hẫng bởi tôi vẫn trở về cái cơ quan mà tôi đã có bao nhiêu đánh giá tốt đẹp lúc bước chân ra đi. Về đến cơ quan, tôi cũng không hỏi lý do, bởi quân sự là thế, bảo đi là đi, bảo ở là ở. Sau này nghe lại là do có một vài thay đổi về tổ chức trong cơ quan quân báo đặc khu.

Đến đầu năm 1953, tôi và một số đồng chí khác trong Ban được điều về tăng cường cho Tiểu đoàn 302, do anh Nguyễn Thế Truyện (sau này đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ với biệt danh là Năm Sài Gòn, đại tá sư trưởng Sư 5) làm tiểu đoàn trưởng.

Lúc này ở Nam bộ, tổ chức cao nhất của bộ đội là cấp tiểu đoàn, miền Tây thì có 402, 406, 410, miền Trung (Nam bộ) thì có 307, 308, 309, 311 còn ở miền Đông thì có 300, 303, 304, 320 và 302 là tiểu đoàn chủ lực của khu. Nếu so sánh thành tích thì giữa 302 và 307 chưa chắc ai hơn ai, nhưng do có bài hát “Tiểu đoàn 307” vang bóng một thời nên người ta biết tiếng tiểu đoàn 307 nhiều hơn. Cả hai tiểu đoàn sau này đều được phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang.

Tôi được phân công làm cán bộ Ban tác chiến cũng tức là Ban Tham mưu của tiểu đoàn, do anh Đặng Tấn là người lai Ấn phụ trách. Đơn vị chúng tôi thường đóng quân lưu động chung quanh chân núi Bà Đen, với các địa danh như: Đồng Xuông, Đồng Bò, Bàu Châu É, Bàu Thốt Nốt, Bàu Ba Chân, Trảng Tròn, Trảng Dài, Sóc Ky, Túc Tra... hoặc sang các xã Phước Ninh, Ninh Thạnh, Định Thành... mỗi nơi là một khóm dân cư của bà con không chịu sống trong vùng địch, ra rừng tìm phương sinh sống, từ đó mà trở thành những người tham gia kháng chiến.

Ở Phước Ninh có má Ba, mỗi khi Ban chỉ huy Tiểu đoàn họp trong nhà thì má tự động xách giỏ trầu ra ngồi trước cổng canh chừng người lạ, có ai đến thì má tìm cách giữ lại nói qua loa đôi ba câu chuyện rồi tìm cách đuổi khéo.

Ở Trảng Tròn có má Tư, đầu cạo trọc, có độc một thằng con trai tên Miên mới độ tuổi 14-15 mà má cũng muốn xin cho nó đi theo bộ đội. Mỗi khi nó đi tát vũng được bao nhiêu cá má thường bảo đưa hết cho chúng tôi, còn hai mẹ con thì ăn rau luộc chấm mắm ruốc. Nhà má thì hẹp, chúng tôi thì đông, nên căng võng dứa trên chổng lên dứa dưới, còn má với thằng Miên thì nằm nép trong một góc, có khi đứt võng dề luôn lên hai mẹ con.

Ở Bàu Thốt Nốt, nhà ông Hai Ký có cô con gái tên Bảy Rảnh, mới mười ba mười bốn tuổi mà đã bắt đầu “trở mã”, được ông Hai giữ chằng chằng, nhưng cũng không khỏi bị các “chú-anh” bộ đội trêu ghẹo. Khi chúng tôi chuẩn bị đi tập kết thì cả nhà nằng nặc đòi vác mùng chiếu đi theo, thể không trở lại sống chung với giặc. Cũng không ai có thể ngờ rằng qua mấy mươi năm xa cách, kẻ Nam người Bắc, chiến tranh ác liệt, mà sau ngày giải phóng trở về thăm chiến trường xưa lại được gặp cô gái bé nhỏ thuở ấy, mừng vui khôn xiết, và từ đó đến nay vẫn giữ được mối quan hệ tình cảm đặc biệt với chúng tôi.

Ở Sóc Ky có ông Chín Viễn, nhà nuôi mấy con chó rất giỏi, nhiều khi nó tự vào trong rừng sâu, gặp nai mễn thì mấy con

nhảy vô quần với nó để giữ chân, còn một con thì chạy về sửa báo với ông Chín Viễn. Có khi đến nơi thì con thú đã ngắc ngư chỉ cần tìm cây đập chết không cần bắn uống đạn. Và mỗi lần săn được thịt thì không bao giờ quên chúng tôi.

Có anh Tấn thương binh cụt tay và vợ là chị Mai trồng một rẫy mì khá lớn, luôn mong có tụi tôi ra chơi để đãi củ mì luộc hoặc cơm trộn khoai ăn thoải mái.

Bởi lúc này đa phần chúng tôi đều ở tuổi thanh niên, “lửa gần rơm lâu ngày cũng cháy”, có những anh đã tìm cách cắm rể tại đây, như anh Thìn trung đội trưởng thì cưới chị Ba Mư ở Sóc Ky, anh Quới người cùng về tiểu đoàn một lượt với tôi thì lấy chị Nhạn ở Bàu Châu Ế, anh Bi ở Đại đội 80 thì hứa hôn với cô Tư Lắng, anh Minh có người yêu ở Đồng Xuông... nhưng cũng thật đáng buồn là sau này không có cặp nào bền chặt.

Phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho Tiểu đoàn 302



Thử thách đầu tiên sau khi tôi ra đơn vị chiến đấu là trận chống càn tại Bàu Sen xã Hảo Đức huyện Châu Thành. Trận này chúng tôi thắng lớn, tiêu diệt nhiều địch và thu được nhiều súng đạn nhưng cũng hy sinh mất năm đồng chí. Đây là lần đầu tiên tôi thấy có nhiều người chết và bị thương trên chiến trận.

Tôi nhớ mãi cái cảnh anh Ba Đen bị thương nát cả chân nằm ôm bụng quần quai ới ra côm, mà theo kinh nghiệm chiến trường là do anh mất quá nhiều máu, khó có thể qua khỏi vì không có phương tiện truyền máu. Nhìn thấy cảnh bạn mình đang chết dần mà không cứu được thì quả là thật đau lòng.

Tối hôm đó tôi được phân công cùng một số anh khác đem năm tử thi ra chôn ngoài bìa rừng. Để đỡ sợ, tôi nhận phần cầm đuốc soi sáng, và tôi luôn để cây đuốc ngay trước mặt, ánh đuốc chói thẳng vào mắt, khỏi phải thấy cảnh chôn thi thể của các



anh, người thì nhăn răng, người thì thân hình co rúm, người thì nát chân..., cho đến lúc mọi việc đã xong xuôi, tôi hầu như không phải nhìn thấy gì cả. Thế nhưng tối hôm đó khi ôm súng đứng gác, rồi ngày sau, và mấy ngày sau nữa, hình ảnh những người chết luôn lớn vồn trước mắt tôi. Và cũng thật lạ là chỉ qua một thời gian ngắn thì hầu như tôi đã quên tất cả. Như vậy là tôi đã bắt đầu chịu đựng được thử thách khốc liệt giữa cái sống và cái chết, điều rất quan trọng đối với người mới một lần ra trận như tôi. Bởi nếu không, rồi lúc nào cũng lo nghĩ đến cái chết thì không thể trụ lại được chớ chưa nói đến chuyện làm ăn đánh đấm gì. Rồi những trận chiến đấu liên tiếp hình như đã làm cho con người tôi chai sạn trước các cảnh thương vong mà trận nào lại không có.

Theo phân công trong Ban tác chiến, nhiều lúc tôi cũng đã đi cùng các chiến sĩ đặc công vào trinh sát các đồn địch đã được chỉ định để chuẩn bị kế hoạch tác chiến. Lắm lúc cũng ngán ngẩm với những buổi hoàng hôn chập choạng, trời mưa lâm râm, một vắt cơm và một ít muối bọc trong miếng vải buộc vào thắt lưng, đi qua các bờ ruộng trơn trượt gần các lô cốt trơ trọi giữa đồng, thỉnh thoảng từ bên trong vọng ra tiếng đàn cò hoặc vài câu vọng cổ vu vơ của bọn lính canh nghe mà buồn thúi ruột. Trước khi bò vào đồn thì việc chuẩn bị của từng chiến sĩ trinh sát cũng thật kỳ công: trút bỏ tất cả quần áo mặc trên người, chỉ chừa cái quần xịp mà có khi cũng cởi tuốt luột như người nguyên thủy; lấy bùn đất bôi trét khắp người, có khi phải trộn với nước rửa chén để đám chó bên trong không thể nhận ra hơi người, còn đồn nào có nuôi vịt nuôi ngỗng thì phải chuẩn bị thêm một ít lá hành hương giả làm mùi rắn hổ hành, thứ mà đám vịt ngỗng rất sợ, ngửi thấy là ngậm miệng thín thít, cấm dấm kêu một tiếng; rồi còn phải mang theo một số kim băng và một chiếc que ngắn để vừa bò vừa dò phát hiện và vô hiệu hóa các loại mìn, lựu đạn gài xen kẽ giữa các lớp rào dây kẽm gai để vào tận bên trong, có

khi phải chui qua gầm giường của địch, tìm cách phát hiện đo đạc từng lỗ cốt, từng hầm ngầm, từng lỗ châu mai... Trong lúc đó thì tôi với một anh nữa cùng ôm súng ngồi bên ngoài hàng rào để vừa canh giữ đồ đạc, vừa quan sát yểm trợ cho đến khi các anh thoát hết ra ngoài và xóa sạch dấu vết. Xong xuôi cùng nhau tìm một khoảnh rừng an toàn, đưa đi sau cùng lúi một cành cây để xóa hết vết chân đồng thời cũng để cho bọn biệt kích lầm tưởng là dân đi kéo củi, rồi chui vào nằm trên lá khô ngủ tạm, sáng sớm chưa tỏ mặt người là cùng nhau trở về căn cứ. Nếu đường xa mà cần vào trinh sát nhiều lần thì phải chuẩn bị mang thêm cái ăn, và ngủ luôn cả ngày trong rừng, để tối lại đi tiếp, và những lúc như vậy phải luôn có đĩa thức để canh gác. Cũng từ những lần thức canh mà tôi bắt đầu tập tễnh hút thuốc lá với một miếng thuốc rê quấn bằng giấy nhật trình gói cốm có dính đường ngọt ngọt và ghiền luôn từ những ngày ấy, điều mà má tôi rất không bằng lòng khi gặp lại tôi ở Cao Lãnh

Trinh sát xong xuôi, chúng tôi phải cùng nhau vẽ bản đồ, trên cơ sở đó lập trận địa giả để Ban chỉ huy chuẩn bị phương án tác chiến và thực tập chiến đấu. Và kết quả việc làm chúng tôi đều luôn được tin cậy, chưa lần nào bộ đội đánh vào bên trong mà bị mất phương hướng do sơ đồ vẽ sai. Cũng không lấy gì làm lạ là trong thời gian trên một năm tôi ở đơn vị, trinh sát đi mò nhiều đồn, có khi chúng nuôi chó, cả ngỗng và vịt để báo động, nhưng chưa lần nào bị lộ, bởi kỹ thuật ngụy trang cá nhân và cách tiếp cận mục tiêu của các chiến sĩ trinh sát đặc công chúng tôi đều đạt đến trình độ trên cả tuyệt vời. Chỉ có cái là chân cẳng anh nào anh nấy đều đầy những vết sẹo lồi ngang dọc bởi bị dây thép gai cào xước rồi ăn quá nhiều rau muống. Riêng tôi thì cũng buồn cười là khi đi trinh sát chung, tụi nó thường nói với tôi hai điều: một là chỉ được ngồi ngoài cảnh giới, đừng có ham vui mà lén bò theo tụi nó, dễ bị lộ rồi hỏng hết việc. Bộ tụi nó tưởng tôi khùng hay sao mà làm như vậy, bởi tôi cũng tự biết cái

“tài nghệ” của mình quá đi chớ, lạng quà lạng quạng thì rất dễ bị tụi địch nó phát hiện bắn bể dít như chơi, mà về nhà còn bị kiểm điểm nữa! Điều thứ hai, tụi nó nói nửa đùa nửa thật là nếu bị phục kích thì tụi tao vái cho mày có chết thì chết chớ đừng có bị thương, bởi mày to con lớn xác nặng lắm, chỉ có mấy đứa thì khiêng mày không nổi đâu. Nhưng quả là tụi nó lo hơi bị thừa, bởi có lần nào bị phục kích đâu mà phải khiêng với vác!

Nhưng không thể không nói tới vai trò đặc biệt quan trọng của lính đặc công trong các trận đánh công đồn, bởi trước khi nổ súng thì các anh phải ôm bộc phá khéo léo đưa vào tận hàng rào, tận các lỗ châu mai của các lô cốt giật cho nổ, rồi xông vào dùng tiểu liên bắn quét dọn đường mở đột phá khẩu cho các mũi xung kích tiến đánh vào tung thâm, và chính trong nhiệm vụ này các anh dễ bị hy sinh nhất.

Đơn vị tôi đã có vinh dự được mang kinh nghiệm ra truyền đạt đến các tỉnh miền Trung và báo cáo với Trung ương. Cũng có thể nói không chút võ đoán rằng chính các chiến sĩ đặc công của chúng tôi đã gieo mầm cho binh chủng đặc công hùng mạnh và lợi hại của quân đội ngày nay.

Có một lần anh em chúng tôi đưa ban chỉ huy ra gần địa bàn để rà soát lần cuối phương án tác chiến, và chúng tôi đã nhờ đồng bào nấu cơm giúp. Một anh đi trước để lo việc hậu cần đã chỉ tôi đến một nhà dân lấy cơm mang về. Đến nơi hỏi thì bà chủ nhà nói đâu có ai nhờ gọi gì đâu, tôi nói luôn cả tên mà họ vẫn nói không có. Tôi đành trở về tay không và kể lại mọi chuyện, anh ta nói chắc là do tôi tìm sai nhà, nhưng tôi vẫn khẳng định là đúng nhà anh đã chỉ. Anh tức mình lôi tôi đi theo, và quả nhiên đúng y nhà khi này, rồi bà chủ nhà lại vào trong khệ nệ bưng nồi cơm ra. Hỏi ra mới biết là do thấy tôi to con và nước da trắng trẻo, không giống như bộ đội, nên sợ bị địch gài bẫy. Vừa ức lại vừa thương, bởi dân vùng tạm chiếm sao mà tốt quá, vì nếu thực sự là kẻ địch thì sẽ là tai họa lớn cho họ.

Trong trận đánh đồn Bến Sỏi, khi bộ đội đánh chiếm gần hết đồn thì anh Năm Truyện* tiểu đoàn trưởng, bị thương ở bụng, máu ra búng nhúng trong áo. Thằng Biết, cận vệ của anh, hoảng hồn la lên: “Anh Năm bị thương rồi!”. Anh quát: “Đừng la lớn!” và tiếp tục chỉ huy đến hết trận. Đêm đó tôi chèo xuồng đưa anh về trạm quân y tiểu đoàn tại Chốt Mạ ở thượng nguồn sông Sài Gòn.

* Đại tá liệt sĩ Nguyễn Thế Truyện (1928-1968), Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (được Nhà nước phong tặng năm 2010). Trên cương vị đại đội trưởng và sau đó là tiểu đoàn trưởng, Nguyễn Thế Truyện có sở trường về chỉ huy đánh công kiên và đánh vận động. Tháng 8 năm 1948, ông chỉ huy đại đội đánh trận Láng Le - Bàu Cò nổi tiếng ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Tiểu đoàn 302 mà có giai đoạn ông là Tiểu đoàn trưởng từng được lịch sử quân sự Việt Nam ghi nhận đã sáng tạo ra cách đánh đặc công, là Tiểu đoàn mạnh nhất của phân khu miền Đông Nam bộ thời bấy giờ. Năm 1958, ông được Nhà nước phong quân hàm thiếu tá trong đợt phong quân hàm đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Cuối năm 1962, để lại vợ con ở miền Bắc, ông tình nguyện đăng ký trở về chiến trường miền Nam. Trong kháng chiến chống Mỹ, những trận đánh lớn trở thành mốc son trong lịch sử quân sự nước ta như Ba Gia, Bình Giã, Đồng Xoài, Bàu Bàng, Nhà Đỏ - Bông Trang, Dầu Tiếng, Bàu Cỏ, Bến Cầu... đều có những đóng góp mang tính chất dấu ấn của ông trong cương vị Trung đoàn trưởng và sau này là Sư đoàn trưởng. Ông được tặng thưởng nhiều Huân chương Chiến công do thành tích chỉ huy chiến đấu. Khi chuẩn bị chiến dịch Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, chính ông đã đề xuất ý kiến xin được đích thân vào nội thành Sài Gòn để trực tiếp điều nghiên trước về hướng tấn công xung yếu mà đơn vị và Phân khu do ông làm Tư lệnh phụ trách trong chiến dịch. Một đề nghị táo bạo nhưng hợp lý và khả năng cho phép nên đã được cấp trên chuẩn y và phòng tình báo quân giải phóng miền Nam triển khai thực hiện. Chuyển đi ấy của ông đặc biệt là vì lần đầu tiên Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền cử một cán bộ từng là Sư đoàn trưởng và khi ấy đang là Tư lệnh Phân khu Bắc Sài Gòn - Gia Định vào sào huyệt địch ở nội đô Sài Gòn, vào tận sân bay Tân Sơn Nhất thị sát, điều nghiên tình hình. Sự lựa chọn nhân sự ấy trong công tác chuẩn bị cũng là nhắm tới mục tiêu giảm thiểu tối đa những hy sinh không thể tránh khỏi của quân ta trong một chiến dịch lớn lần đầu tiên nổ ra đồng loạt tại các đô thị trọng yếu ở miền Nam. Trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy Mậu Thân 1968, ông đã hy sinh trong một trận pháo kích của địch. (BTV tóm lược dựa theo bài viết “Cha tôi, Đại tá liệt sĩ Nguyễn Thế Truyện” của nhà báo Nguyễn Thế Thanh).

Cùng đi trên xuồng bên cạnh có anh Đại là chiến sĩ đại đội trợ chiến bị thương ở đầu khuyết một mảnh xương sọ, không tự chủ được ý thức nên suốt dọc đường cứ luôn miệng kêu: “Má ơi... Má ơi”, nghe thảm thiết. Cùng trên đường hành quân rút về căn cứ có anh Doãn, là chính trị viên phó đi theo bằng đường bộ, bỗng nghe tiếng anh Doãn gọi: “Tấn ơi... Tấn ơi...” để tìm người cán bộ chính trị đi lạc đường. Tiếng kêu vang lên và ngân dài trong rừng vắng khuya khoắc, trong lúc anh Đại ở dưới xuồng cứ tiếp tục kêu “má ơi, má ơi”, cả hai thứ tiếng phát ra cùng lúc nghe sao rợn cả người! Cũng may là cả anh Năm Truyện và anh Đại sau đó đều được bác sĩ Trạch chữa lành, riêng anh Đại thì trên trán còn lõm một lỗ.

Kế tiếp là trận đánh vào đồn Ô-cô-nen gần thị xã Tây Ninh. Vì đây là một đồn lớn do một quan ba Pháp chỉ huy nên các bước chuẩn bị cho trận chiến đầu đều làm rất kỹ, chúng tôi phải trinh sát đi trinh sát lại đến hai ba lần, bởi các trinh sát đặc công chỉ mới chui qua hết các lớp hàng rào và sờ được các lỗ châu mai của các lô cốt ngoài cùng, còn phía trong thì chưa mò vào được, và lại bọn địch còn bố trí cả một hệ thống đèn điện thấp sáng chung quanh. Hơn nữa đây là trận đánh đầu tiên do anh Lương Hữu Sắt, người tiểu đoàn trưởng mới được Trung ương điều về thay anh Năm Truyện, chỉ huy. Chỉ huy mới, bộ đội mới, chiến trường mới, nên việc chuẩn bị kỹ lưỡng, chu đáo để giảm thiểu tổn thất xương máu của chiến sĩ là hết sức cần thiết.

Khoảng 5 giờ chiều một ngày giữa tháng 3 năm 1954, khi mặt trời vừa khuất bóng, ven một khu rừng già nơi địa bàn xuất phát, toàn tiểu đoàn đã tập hợp, hàng ngũ chỉnh tề để làm lễ xuất quân. Anh Lương Hữu Sắt giương cao cờ tổ quốc tiến đến trao tận tay và ra lệnh cho mũi đột kích phải hoàn thành cho bằng được nhiệm vụ đột phá. Xong anh hướng về hàng quân, đồng đặc ra lệnh toàn đơn vị phải quyết tâm tiêu diệt cho bằng được căn cứ của địch. Lúc đó không ai bảo ai mà trong hàng quân bỗng vang lên lời đáp: “Quyết tâm, quyết tâm” kéo dài... Tiếng

hồ vang vang vào rừng sâu rồi dội trở lại khiến tôi cảm giác như có cái gì đó thôi thúc mình ra trận. Sau đó đội hình bắt đầu xuất phát, và phải mất trên hai tiếng đồng hồ, vượt qua đường ô tô Tây Ninh-Bến Sỏi, mới đến tiếp cận được mục tiêu. Đợi đến khoảng 11 giờ đêm, theo như quy luật, đèn chung quanh căn cứ bắt đầu tắt, các mũi lần lượt vào chiếm lĩnh trận địa, và đúng 24 giờ tiểu đoàn ra lệnh nổ súng.

Đầu tiên bộc phá liên tục nổ ở mũi chính, rồi đến mũi thứ hai, tiếng nổ và các vầng sáng ánh lửa vàng chớp lên gần như đồng loạt. Sau đó tiểu liên lựu đạn rộ lên khi các tổ đặc công đánh và chiếm được đầu cầu. Rồi cả hai mũi đội hình bộ binh xung kích liên tục di chuyển vào đánh bên trong, chỉ sau ít phút đã chiếm hầu hết tòa nhà lớn, bắt sống tên quan ba chỉ huy và vợ khi chưa kịp mặc quần áo, còn bọn lính lớp chết, lớp bị thương, lớp bỏ chạy không kịp cầm vũ khí chống trả, trận đánh đã kết thúc nhanh gọn. Lúc này lửa càng cháy dữ dội, sáng khắp nơi, tạo điều kiện cho anh em thu dọn chiến trường, vận chuyển đạn dược và đưa thương binh tử sĩ ra ngoài một cách chóng vánh. Bỗng trình sát báo có quân tiếp viện của địch từ Tây Ninh sắp tới, và chỉ ít phút sau thì thấy đèn pha trên xe loang loáng mặt đường chiếu vào sân của vị trí. Đúng lúc đó phát ra một tiếng nổ rất to, kho dầu ở tầng hai cháy, lửa bốc rất cao, cả tòa nhà chính sụp xuống. Bọn lính vừa chạy đến hàng rào cùng kêu lên: “Cháy hết rồi!”.

Khi chúng tôi đang trên đường rút quân về căn cứ, mới cách đồn một quãng không xa thì nghe phía sau có tiếng kêu la liên tục của tên quan ba, rồi một loạt tiểu liên ngắn ngủi, chấm hết. Hỏi ra thì biết tên này kháng cự lại không chịu đi khi thấy bọn tiếp viện đã tới. Còn con vợ thì khi bị bắt còn trần truồng, anh em chỉ kịp thay cho cái áo sơ mi vạt bầu khoác vội vào và dẫn đi. Trên đường, mỗi khi gặp cây đổ chắn ngang phải trườn qua, để lộ cả cái mông trần, lính tráng trông thấy cười khúc khích. Khi về đến căn cứ, cô ta được bác sĩ Trạch, giỏi tiếng Pháp, giải

thích chính sánh, nên hết sợ. Sau đó một thời gian ngắn được phóng thích về Tây Ninh, rất cảm ơn Việt Minh nhân đạo. Sau này khi kể về chiến thắng này thì ai cũng nhớ đến chuyện “con đầm Ô-cô-nen”, rồi tay Tấn Đạt cán bộ địa hình còn các cố gán danh xưng này cho nhạc sĩ Trung Chấn bên Ban Chính trị, bởi y có cái miệng móm xòm như bà đầm già.

Sau trận Bến Sỏi thì trận này chúng tôi cũng thu được rất nhiều súng ống đạn dược, nhất là đạn các loại, thùng nào thùng ấy còn nguyên, đạn bên trong đỏ au, anh nào thấy cũng mê. Chúng tôi có điều kiện loại một số súng cũ, thay vào là những khẩu tốt nhất, tăng thêm cơ số đạn cho mỗi chiến sĩ nên sau này khi lên đánh trên Campuchia không phải dè xèn tính toán từng viên. Có nhiều anh còn lén thủ riêng một mớ để đi săn bắn cải thiện.

Vùng căn cứ Dương Minh Châu thú rừng nhiều vô kể, đủ các loại: voi, hổ, nai, mễn, heo, chồn, cheo, thỏ... Trên đường hành quân, chúng tôi thường gặp những đồng phân còn mới nguyên của hổ, chồn, nai... và nhiều khi còn đụng chúng ngay giữa ban ngày. Còn mỗi khi đi đâu xa trở về các lán trại cũ thì thấy dấu chân chúng dẫm đầy trên nền đất. Săn bắn thú rừng là cách bổ sung nguồn thực phẩm quan trọng của chúng tôi, mà đã là lính thì không có anh nào không qua một lần xách súng đi săn. Cái khó duy nhất thời bấy giờ là không có pin và đạn. Khi không có nguồn đạn chiến lợi phẩm dồi dào, thì mang vỏ đạn cũ đến tổ “công trường” nhờ anh Rạo, anh Vui rờ sặt* cho. Thuốc thì phải tự sản xuất bằng bột than cây điên điển, gọi là thuốc đen, nạp vào thì viên nổ viên xẹt. Còn pin thì lấy loại nửa sạc** từ máy vô tuyến điện thải ra nên thường rất yếu, không rọi được những con thit ở tầm xa. Có dịp may nào gởi ra ngoài thành mua được vài cặp pin mới thì coi như là được một tài sản quý giá.

* *Rescharge có nghĩa là nạp lại.*

** *Nửa sạc: Pin từ máy vô tuyến điện thải ra.*

Lần đầu tiên đi săn, tôi theo làm “cần-đo” cho anh Phan Thanh Quế, phó Ban tác chiến. Làm cần đo cũng giống như lính “tà lọt”, có nghĩa là phải đi sau để mang vác con thịt vừa săn được, hoặc ngồi bên ngoài chờ mỗi khi người thợ săn chính lườn vào rừng tìm thú, để phòng khi mất phương hướng thì dùng tiếng hú liên lạc để biết đường ra. Đã có không ít trường hợp đi săn một mình, mãi mê bám theo con thịt rồi không tìm được lối ra đành mắc vòng nguyệt, đến sáng tỉnh dậy thì thấy chỉ cách mặt đường có vài thước!.

Trong chuyến này trời mưa tầm tã, soi đèn mãi mà chẳng thấy gì. Đi đến một cái bàu nước giữa rừng, nhìn xuống thì thấy không biết bao nhiêu là ếch đang bắt cặp, chúng tôi bèn bỏ súng trên bờ, lội xuống dùng cây sắt thông nòng đập chết từng con, một lát cột dây mang theo mà không hết. Trên đường về, qua bãi cỏ, thấy một con thỏ nhảy cà xom cà xom trước mặt, trở báng súng đập một cái chết tươi. Thế là tối hôm đó đi săn được mỗi mà không phải tốn viên đạn nào.

Mấy hôm sau ngựa nghỉ, tôi lại vác súng đi một mình. Vừa từ trong rừng bước ra soi đèn trên trảng Chà Dơ chợt thấy có trên chục cặp mắt thú, xanh có, đỏ có. Tôi bèn bước đến đứng tầm bắn một phút, bỗng tất cả các đôi mắt đều biến mất, trời đất tối thui. Bất giác tôi cảm thấy lạnh nổi gai ốc bèn tắt đèn trở về, không dám bước đến xem trật trúng thế nào. Về nhà kể lại, mấy anh cười quá trời về cái sự “can đảm” của tôi.

Một đêm khác, hai chú liên lạc nhỏ của tiểu đoàn cũng một mình đội đèn đi bắn theo hai hướng khác nhau, để tránh bắn nhầm hoặc bị lạc đạn. Chúng tôi ở nhà chờ mãi không nghe tiếng nổ. Một lát thì một đứa hốt ha hốt hải chạy về, mặt tái mét, hỏi ra là khi qua khỏi khúc quẹo, vừa soi đèn thì thấy hai đốm đỏ lờ như hai ngọn đèn chai, và theo dân rành đi săn kể lại thì biết đó là đôi mắt cọp, mà hễ bắn trật hoặc bị thương là nó nhảy tới vồ liền nên cậu ta không dám bắn, vừa đội đèn vừa đi

thịt lùi, được một đoạn xa mới dám quay đầu chạy. Một lát sau nghe có tiếng súng, đợi một chập thì thấy ánh đèn săn loáng loáng trở về, chúng tôi chắc chắn sẽ có thịt vì mấy đứa này bắn rất khá. Về đến nơi thì thấy anh chàng này, súng quàng trên vai, bàn tay nọ ôm bàn tay kia, máu me dính đầy. Cậu ta kể lại là thấy một con chồn to, bắn một phát, nó rớt xuống nhưng bị thương chỗ nào không biết, mà cứ nghe nó thở “cà khếch cà khếch” chạy vòng vòng bèn nhảy vô chụp, mà chồn là loại hung dữ, nên bị nó cắn một phát vào hổ khẩu đau quá buông tay ra là nó lùi mất. Tất nhiên sau này khi đã quen thì ít có khi nào đi mà về tay không, nếu không được thú lớn thì cũng năm bảy con chồn, cheo, thỏ... Khoái nhất là săn được nhiều chồn, bởi đêm khuya về chặt hết mấy cái đuôi là bộ phận ngon nhất đem nướng chấm muối ớt, ăn vừa béo vừa giòn, mà sáng ra còn toàn những con chồn cụt đuôi trụi lùi!.

Nhưng cũng có những lần đi săn mà mang họa như trường hợp thằng Bào ở đại đội trinh sát, xốn xác soi đèn bắn nhầm con trâu của đồng bào dân tộc, khiến lãnh đạo đại đội phải đến năn nỉ muốn gây lưôi mới khỏi mắc đền!

Cũng có một chuyện trùng hợp khá lạ kỳ. Đó là một hôm, trong giờ làm việc, từ trong nhà nhìn ra ngoài bỗng nhiên thấy một con kỳ đà từ dưới đất leo lên cây rồi nấp tại chỗ ba, một anh bên Ban chúng tôi bèn xách súng ra ngắm, bóp cò, nhưng sao nghe có tới hai tiếng nổ, con kỳ đà rơi tại chỗ, rồi cả người bên ban chúng tôi và bên Ban Chính trị cùng chạy ra để nhặt con thịt. Té ra là hai bên cùng nhìn thấy và cùng bắn một lúc, nhưng không biết ai bắn trúng, ai bắn trật, nên làm thịt chia đôi là công bằng nhất.

Có anh Cung Khắc Chính, trưởng Ban Chính trị, bắn rất tài. Nhưng động tác ngắm bắn thì thật độc đáo, khi thì đứng, khi thì quỳ, còn khi gập chồn trên các cây cao thẳng đứng, thì nằm ngửa, giương súng lên trời mà bắn. Đúng là kiểu bắn có một

không hai và rất nguy hiểm, bởi lúc đó nếu đang vội mà không tỳ chắc súng vào vai thì sức giật lùi của súng khi bắn sẽ rất dễ làm gãy xương đòn. Cũng may cho anh là không một lần xảy ra chuyện đó! Trong đêm cuối cùng chuẩn bị đi tập kết, anh còn xin phép tiểu đoàn trưởng cho đi săn lần cuối. Mang theo 10 viên đạn, chưa đến 2 tiếng đồng hồ, anh đã mang về 1 con mễn và 8 con cheo, vừa làm thịt ăn tại chỗ, vừa chặt kho mặn mang theo ăn dọc đường. Cho nên người mới đến tiểu đoàn 302 mà kể chuyện đi săn, thì không ai không nhắc đến Cung Khắc Chính, là cháu của Cung Đình Vận, một nhân vật lẫy lừng của xứ Bắc kỳ.

Còn anh Ba “lò rèn”, là trưởng ban tác chiến thời trước anh Đặng Tấn cũng là tay săn giỏi có tiếng, nhưng có một lần vừa đi vừa bịt ngón tay ở đầu nòng súng theo thói quen, bỗng bị cành cây vướng vào cò súng, nổ đứt đầu ngón tay, sau này không còn đi săn được nữa vì đã mất lóng tay bóp cò.

Tháng 3-1954 Bộ Tư lệnh Phân Liên Khu điều động tiểu đoàn chúng tôi lên hoạt động ở chiến trường Đông Bắc Campuchia làm nhiệm vụ quốc tế, giúp đỡ và phối hợp với hai đơn vị bộ đội của Bạn là Si-Vô-Tha và Pô-Kông-Pô đẩy mạnh tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng, phối hợp với chiến trường chính Điện Biên Phủ.

Trong lần trình sát chuẩn bị chiến trường đầu tiên thì anh Minh, người Bắc, cán bộ địa hình trong Ban tác chiến chúng tôi đã đạp trúng mìn lá do bọn biệt kích gài, chỉ bị té ở chân nhưng vì không cầm máu được nên đã hy sinh. Nếu với điều kiện chữa trị hiện nay thì hoàn toàn có thể cứu được nhưng thời đó thì vô phương, đành chịu chết. Chúng tôi đưa anh về chôn bên trong biên giới, có vẽ sơ đồ vị trí để sau này có cơ sở truy tìm. Thế nhưng mãi mấy chục năm sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, người chị của anh ở miền Bắc mới vào tìm hài cốt thì chúng tôi cũng chỉ có thể nói đại khái vị trí vì đã qua gần năm chục năm, mọi địa hình địa vật đều đã thay đổi, cũng không

biết sơ đồ khi xưa có ai còn giữ hay không sau ngần ấy thời gian tập kết. Cuối cùng thì chị cũng nhờ đến nhà ngoại cảm, đào lên được một mớ đất mùn màu đen, không biết có phải thật là xương thịt của anh không, nhưng vẫn cho vào hũ để mang về chôn tại nghĩa trang trên quê hương anh ở ngoài Bắc. Dự lễ di cốt vào chùa, nhìn những giọt nước mắt của người chị già nua lòng tôi se thắt. Trên một đất nước đã trải qua mấy mươi năm chinh chiến, cuộc chiến trải dài từ Bắc đến Nam, thì hoàn cảnh như anh Minh đâu phải là duy nhất. Nỗi đau của nhiều gia đình đồng chí đồng đội chưa tìm được hài cốt người thân đã dai dẳng và sẽ còn dai dẳng chưa có hồi kết. Sẽ còn rất nhiều chiếc khăn tang tiếp tục đi tìm, tìm với niềm hy vọng mong manh và có khi thật mù mịt... nhưng vẫn cứ đi tìm... Và trường hợp anh Ba Thanh Nha của tôi cũng không phải là ngoại lệ.

Qua kết quả nghiên cứu chiến trường trên đất Preyveng, tiểu đoàn chúng tôi quyết định mở màn chiến dịch bằng trận đánh vào hai đồn An-Xông và Tà-Nốt cùng một đêm 25-4-1954. Thế nhưng chỉ có đồn An-Xông là tiêu diệt gọn, được gần 2 tấn vũ khí đạn dược, còn đồn Tà-Nốt thì lỡ mất thời cơ nên bọn địch đã lén bỏ đồn rút chạy.

Ngày 7-5-1954, đúng ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, tiểu đoàn hành quân lên Kông-Pông-Chàm, và đêm 8-5, triển khai đánh đồn Chông-Chéch và đồn Kok-Cha. Ở đồn Chông-Chéch, vì đêm đó trời mưa to, đồng bào đến chung quanh đồn bắt ếch rất đông cho mãi đến gần sáng nên không đánh được, phải rút quân. Còn ở đồn Kok-Cha, sau khi mở xong đợt phá khẩu, bộ binh bắt đầu đánh vào tung thâm, gặp địch chống cự mạnh, một đồng chí hy sinh, vì thế mà do dự, địch nhân cơ hội chống trả quyết liệt, nên cả đơn vị đành phải rút ra.

Đêm 3-6-1954, tiểu đoàn triển khai đánh đồn Trapeng-Pring ở gần sông Mê Kông, và chỉ trong vòng 20 phút đã tiêu diệt gọn, nhưng cậu Sinh, trinh sát, thường đi công tác chung với tôi bị

hy sinh. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ vóc dáng nhỏ gọn và giọng nói thanh thanh như con gái của cậu ta. Đặc biệt trong trận này do bọn lính trong đồn vốn rất tàn ác từng gây nhiều tội ác với nhân dân nên các sư sãi đã nhiệt tình ủng hộ chúng tôi, vận động dân chúng chung quanh đi sơ tán giúp chúng tôi dễ dàng tiếp cận mục tiêu và giảm bớt thương vong cho dân thường.

Ngày 15-6-1954, tiểu đoàn đã phục kích trên đường Pra-Thiết – Đầm-Be, tiêu diệt tiểu đoàn Miên hoàng thứ 2 điều từ Phnom Penh lên chi viện cho chiến trường Kom-pong-chàm. Trong trận này đồng chí Bường đại đội phó đại đội 35 đã hy sinh. Cũng trong ngày này chúng tôi được lệnh phải trở về Việt Nam nhận nhiệm vụ mới.

Tổng kết thời gian gần ba tháng hoạt động trên chiến trường Campuchia, tiểu đoàn vừa chiến đấu vừa võ trang tuyên truyền, đã tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch, buộc chúng phải rút bỏ nhiều nơi, kể cả những đồn mà chúng tôi từng đánh nhưng chưa chiếm được. Chúng tôi đã cùng nhân dân nước bạn khôi phục lại vùng căn cứ kháng chiến của miền Đông Campuchia, tạo cục diện mới ở vùng tiếp giáp hai nước, cầm chân lực lượng địch, góp phần vào chiến thắng của mặt trận Điện Biên Phủ. Cho nên có thể nói rằng trong chiến thắng vẻ vang của trận Điện Biên Phủ, có sự đóng góp của nhân dân cả nước từ Nam chí Bắc.

Đây là lần đầu tiên tôi được “xuất ngoại” đến một đất nước “trước lạ sau quen”, có nhiều cơ hội tiếp xúc và giúp đỡ nhân dân Campuchia nên ít nhiều cũng đã tạo được sự đoàn kết gắn bó giữa những người con của 2 dân tộc anh em.

Trong lần đơn vị đóng quân gần vị trí Chông-Chếch, một hôm tôi phải ở lại sau để giải quyết xong một số công việc, khi về đến nhà vừa bước vào cửa thì cả nhà chạy ủa ra vây quanh nắm tay tôi, nước mắt rưng rưng, nói: “VẬY mà nói nó chết rồi!”. Té ra là khi gia đình hỏi: “Cái anh có cái chân bị dính mực tím sao không về?”. Thì các ông bạn về trước nói đùa là đã bị thương

chết. Số là tôi có cái vòng nhuộm màu tím, đi mưa nó thôi màu ra dính ở bắp đùi, gia đình đâu có biết tên, chỉ nhớ có một đặc điểm đó thôi.

Một lần khác, khi tổ công tác của chúng tôi ở nhờ trại các du kích địa phương, có một cô khá xinh lại thật thà rất mến anh Khanh, một người trong tổ. Mỗi khi anh Khanh đi công tác về chậm cô thường luôn miệng dò hỏi nhắc nhở. Hôm đó tìm ở đâu được một trái chanh, cô bóc ăn một nửa còn nửa kia là để dành riêng cho anh Khanh. Nhưng vì có việc gấp nên anh đi luôn không trở lại, còn cô vẫn cứ giữ nó cho đến héo khô đợi anh trở về. Có khi như thế cũng là may bởi xem thái độ thì thấy cô đã quyến luyến anh lắm rồi, nếu còn ở lâu có khi anh khó lòng trở về Việt Nam. Mà chính mắt tôi đã chứng kiến cảnh một anh bộ đội Việt Nam đang cuốc đất, bên cạnh có một cô gái Miên bế con đứng nhìn, bởi vì trước đó theo cách nói của người Miên là anh ta đã lỡ để con trong bụng người ta rồi. Các cô gái Miên thích bộ đội Việt Nam lắm!.

Khi mới lên chúng tôi chưa ăn được mắm “bồ-hóc”, bởi mùi nó rất khắm, mà họ lại muối nguyên con để cả ruột gan, nên thấy hơi tởm. Đồng bào cũng biết ý nên không bao giờ ép, và món nào muốn cho chúng tôi ăn thì không bao giờ nêm mắm. Lâu ngày túng quá cũng phải tập ăn dần, rồi ăn cũng thấy ngon. Thấy chúng tôi ăn được đồng bào rất vui và thường cho mắm hoặc mời chúng tôi ăn cơm chung. Chúng tôi cũng đã được dọn trước là trong bữa cơm, dù muốn hay không muốn, hoặc ít hoặc nhiều, đều phải nếm tất cả các món, nếu không họ sẽ bảo là mình khinh họ. Mà họ chuyên ăn bốc, nếu bốc món khô thì không sao, nhưng thấy họ cho tay vào tô canh bốc miếng cá miếng thịt, thì hơi ôi, tôi không tài nào mà dám rớ vô. Bởi thế khi bắt đầu vào mâm là tôi tranh thủ thọc tay vào tô canh quơ vội cái gì đó, còn để lại ai muốn làm gì thì làm. Vậy mà họ lại rất thích tôi bởi không chê món nào hết.

Chúng tôi có ba cậu liên lạc còn ở tuổi 14-15, đi đến đâu cũng được các ông sãi cả, kể cả ông vua sãi Tu-xa-mút rất thương, lúc nào tới chùa nói xong câu “xóc xà bay Lụa” rồi xá hai xá, là được mấy ông cho cơm, cho đường thốt nốt mang về ăn không hết. Nhưng các anh chàng này cũng rất nghịch ngợm, có khi đi đường gặp một vài chú sãi con 11-12 tuổi đi lễ thì dụ cho bằng được, lôi vô rừng đề xuống bóp dái la chí chóc rồi bỏ chạy. Đây là chuyện tối kỵ mà không một người dân Campuchia nào dám làm bởi họ cho rằng dù là con cái trong nhà nhưng khi đã vào chùa tu thì đều trở thành Phật. May là những chuyện nghịch ngợm như thế không bị phát giác, bởi trở thành to chuyện thì khó ai đồn nổi. Ở nhà thì các cậu thường sục sạo trong các khu vườn dân bỏ hoang hái bưởi, mít mang về, mà do đất cát ở đây quá màu mỡ, nên trái nào cũng rất to. Hoặc ra rừng hái nấm mối, có lúc được cả rổ, thứ nấm gì mà chỉ nướng sơ sơ thôi ăn cũng đã ngọt chẳng kém thịt gà.

Trên đất Kampong Cham có rất nhiều thú rừng, có khi tôi thấy cả đàn cà tông hàng chục con chạy rần rật giữa trảng trống ngay ban ngày, mỗi con to gần bằng con nai cái. Tôi cũng từng được ăn thịt voi do bộ đội của bạn bắn, thịt thớ to không ngon, nhưng ăn rất lành, không phá bụng. Khi chúng tôi vừa lên đóng ở căn cứ “Trạm 9” của Kampong Cham, ngồi trong nhà mà thấy cả đàn voọc chuyền trên các cây thấp thấp chung quanh. Bộ đội nhà ta nhờ có sổ đạn rừng rình sau trận Ô-cô-nen tha hồ bắn cải thiện. Mà cái thứ voọc cũng khá ranh ma, khi nổ rớt một con thì sổ còn lại cứ phóng bạt mạng lên các đợt cây cao chót vót, bề cành lá lót đất ngồi trốn im ru. Nhưng dân săn bắn thiện nghệ thì du biết loài khỉ đâu thể ngồi yên lâu một chỗ, nên các bác cứ ngồi tại chỗ chờ, một lát rồi nó cũng gãi tay gãi chân, lắc đầu lắc cổ, đám cành lá lót đất sẽ rung rinh, cứ nhắm vào đó mà bắn thì không trượt, nên có khi một đàn mà bắn được hai ba con. Mà cái nghề bắn voọc cũng dễ mê lắm bởi chúng thường đi thành đàn,

mà con nào con nấy đều to trên dưới chục ký, gần bằng con chó, từ trên cao rơi xuống nghe một tiếng “bi.i.nh” thật to, ham hết chỗ nói! Nhưng trên đời này chắc ít ai biết cái chuyện “xương máu” trong nghề săn voọc là khi mang thịt về nhà, hễ sơ ý quay qua quay lại là y như rằng cả bộ “của quý” đều bị thiếu ngọt xót, tức muốn trào máu! Bởi đã ở rừng thì không ai không thuộc lòng cái câu “nhất đuôi nai cái, nhì dái voọc già”, là thuộc loại “hàng độc” đại bổ!. Cũng có thằng học theo cách ăn của người Tàu, đi săn thì mang theo dao găm để thưởng thức cái món óc khi sống. Riêng bản thân tôi thì chuyện này không bao giờ dám!. Bởi chuyện săn bắn voọc là rầm rộ thế, cho nên có lần trung đội, đại đội nào cũng có người đi bắn, súng nổ khắp rừng nên tiểu đoàn phải thổi kèn lệnh tập hợp mới chịu yên.

Có một lần đang hành quân thì thấy một con mèo hoang đi theo sát dưới chân kêu ngoeo ngoeo, có lẽ là đang đói, mấy đứa khác bèn xúi tôi: “Trảo, Trảo, bắt đi!”. Tôi bèn ôm nó về đến chỗ đóng quân đưa cho cấp dưỡng làm thịt, và mọi người cùng ăn. Đến hôm họp kiểm điểm, có mấy thằng đem ra phê bình tôi là xâm phạm tài sản của dân. Tôi tức mình chửi thề: “Đ.m..., tụi bây xúi tao bắt, mà cả đám cùng ăn sao lại phê bình một mình tao?”. Lần sau, khi lính trong đồn Tà-Nốt đã rút chạy, tôi vào bắt được hai con mèo bỏ vào bao mang về và cũng làm thịt nhưng tại một tiểu đội khác, cấm có cho mấy cái đứa đã phê bình hôm trước đến một miếng, và cũng không ai phê bình được ai vì đây là “chiến lợi phẩm”. Cho đến khi tập kết ra miền Bắc, thằng Hiền bạn tôi viết thư còn nhắc lại chuyện kỷ niệm chiến trường “con mèo Tapeng-Pring”.

Ở đại đội trợ chiến có bác Viện, cấp dưỡng, là một con người rất đặc biệt. Bác rất cần cù siêng năng, thương yêu chiến sĩ hết mình nhưng có cái là rất nóng tính. Mấy lần hành quân đến nơi nhóm bếp nấu cơm, gặp trời mưa, củi còn ướt cứ cháy ui ui không lên lửa ngọn là tức mình bác đá tung cả bếp, củi lửa văng tùm lum.

Rồi lại lui cui đi chế đóm nhóm lại, bởi không nấu được cơm thì bộ đội lấy gì mà ăn. Cũng tội nghiệp cho bác, không biết có phải vì ăn nhầm củ riềng củ ngải gì mà một bên mặt bị nám đen, không tài nào chữa được. Trong nhiều trận đánh bác nằng nặc xin được tham gia chiến đấu, xung phong nhận vác cái “khối lùn” bằng sắt của súng SSA nặng hàng chục kí lô mà lính trẻ vác còn phải oải, chân thấp chân cao cố bám theo cho kịp đội hình hành quân ra trận. Nhưng ngược lại thì anh Hồng trẻ hơn, lại làm biếng số một, cứ một mực yêu cầu anh em vào rừng phải lấy cho bằng được loại củi dền, thứ dễ bỏ mà cũng dễ cháy dù cho đang còn tươi.

Đầu tháng 7-1954 tiểu đoàn hành quân trở về Việt Nam. Chúng tôi được lệnh tiêu diệt đồn Bến Cầu để mở thông hành lang biên giới đoạn giữa miền Đông và miền Trung. Tiến hành trinh sát xong xuôi, chuẩn bị đưa lực lượng từ căn cứ đến tiếp cận vị trí để mở đợt công kích thì ngày 20-7-1954 được điện của tiểu đoàn yêu cầu rút tất cả lực lượng trinh sát về vì tình hình có thay đổi. Về đến nơi được biết Phân Liên Khu thông báo là Hiệp định Genève đã được ký kết, đoàn cán bộ của Trung ương đã đi máy bay của Pháp vào phổ biến hiệp định đình chiến và các mệnh lệnh tập kết. Bộ Tổng Tư lệnh đã hạ lệnh ngừng bắn cho tất cả các đơn vị chủ lực, địa phương và dân quân du kích trên cả nước.

Chúng tôi cũng hơi ngơ ngác, bởi đình chiến thì có thể hiểu, còn tập kết là gì, tại sao tất cả bộ đội phải tập kết ra miền Bắc thì chưa thông. Một số anh em chúng tôi lại tiếc rẻ vì đã bỏ bao nhiêu công sức ra điều tra nghiên cứu đồn Bến Cầu, chỉ ráng một chút nữa là ăn được rồi, sao lại ngưng?.

Chúng tôi được phổ biến, giải thích kỹ hơn về hội nghị Genève trên ba nội dung cơ bản là: đình chiến, tập kết và tổng tuyển cử. Giải thích khá tỉ mỉ, nhất là việc lực lượng kháng chiến trong Nam tập kết ra Bắc, quân đội Pháp chuyển vào trong Nam, ta có điều kiện xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, còn miền Nam thì đấu tranh chính trị buộc đối phương phải nghiêm chỉnh thi

hành Hiệp định Genève, để sau hai năm sẽ có tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Nói nghe công bằng và chắc chắn, nhưng không hoàn toàn thuyết phục được tất cả anh em chúng tôi.

Đối với một số không nhỏ trong anh em chúng tôi, mặt tình cảm là khó thông suốt nhất, bởi chúng tôi hầu hết đều là dân Nam bộ, đầu đàn để cho tất cả đồng bào miền Nam trong đó có những người từ trước đến nay đã sống chết với kháng chiến, những người thân thuộc trong gia đình và những người đã từng cứu mang chúng tôi phải trở lại sống dưới ách thống trị của giặc, mà chuyện bắt bớ trả thù những người còn ở lại là điều không thể tránh khỏi.

Rồi chuyện hai năm sau sẽ tổng tuyển cử, liệu chỉ dùng mồm mà đấu tranh chính trị thì có thể buộc tội nó chịu làm không, bởi nếu có tổng tuyển cử thì tội nó biết chắc là không những đồng bào miền Bắc mà đại đa số nhân dân miền Nam sẽ bỏ phiếu cho Bác Hồ.

Có một lý lẽ duy nhất khiến chúng tôi có phần an tâm là nếu sau này kẻ địch có lật lọng và miền Nam có yêu cầu, thì dù địch có lập một ngàn phòng tuyến nơi giới tuyến cũng không thể ngăn cản chúng tôi trở về. Chúng tôi đã có thực tiễn từng vượt qua bao nhiêu phòng tuyến bao bọc bằng tầng tầng lớp lớp rào kẽm gai, những bãi mìn dày đặc và đủ các cách tuần tra canh gác, để ung dung vào tận trong lòng chúng nó để mà đánh, mà tiêu diệt. Hơn nữa bên cạnh ta còn có nước Lào anh em nằm trải dài suốt dãy Trường Sơn, có kẻ địch nào đủ sức lập một phòng tuyến dài cả ngàn cây số suốt dọc đường biên giới, từ đó có thể ngăn chặn được lực lượng chúng tôi trở về? Mà lúc đó chúng tôi đâu chỉ còn là những đơn vị đầu trần chân đất.

Nhưng có lẽ vì quá nặng tình nặng nghĩa với đồng bào ở lại mà chúng tôi, những người bị bắt buộc, mà cũng là những người được đi tập kết có lúc lại coi nhẹ hoặc quên đi một mặt khác

rất quan trọng như cấp trên đã phân tích, là việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Há chẳng phải chúng tôi đã từng hình dung và mơ ước là sau khi hòa bình sẽ xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa như Liên Xô (nhưng đến nay đã qua 60 năm mà cũng chỉ mới là định hướng xã hội chủ nghĩa), văn minh hiện đại, có nhiều nông trường, nhiều nhà máy, người dân được hưởng một cuộc sống thanh bình, ấm no hạnh phúc, như trong những câu chuyện mà ta được đọc, những bài hát mà ta được nghe?.

Há chẳng phải chúng tôi hằng mơ ước một ngày nào đó được đào tạo thành những chiến sĩ hải quân, những phi công, những người lính lái xe tăng để có một quân đội hiện đại thay cho những người lính đầu trần chân đất như chúng ta hiện nay?

Mà tất cả những ước mơ đó chỉ có thể trở thành hiện thực khi ta có một miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Mà muốn có nó thì phải nghiêm chỉnh thi hành việc chuyển quân tập kết, không có con đường nào khác. Cho nên dù có suy đi nghĩ lại, dù có tính toán hơn thiệt như thế nào nhưng đã là người lính thì mệnh lệnh là phải chấp hành, không có chuyện cưỡng lại nên chúng tôi phải chuẩn bị đi tập kết.

Trong thời gian ngắn ngủi còn lại chúng tôi phải làm hai việc. Một là phải chuyển các vũ khí không cần hoặc không thể mang theo về kho quân khu cất giấu, dự phòng cho một kế sách lâu dài. Hai là phải làm công tác dân vận tuyên truyền thuyết phục đồng bào về thắng lợi chung của đất nước, về việc nghiêm chỉnh chấp hành hiệp định Genève, trong đó có việc chuyển quân tập kết và tổng tuyển cử để thống nhất đất nước trong vòng 2 năm.

Việc thứ nhất thực hiện khá dễ dàng, chỉ trong vòng 3 ngày là đã làm theo đúng yêu cầu của Phân Liên Khu.

Còn việc thứ hai thì khá gian nan, bởi cái thắc mắc và băn khoăn lo lắng của đồng bào cũng chẳng khác gì anh em chúng tôi, mà khi bản thân chúng tôi còn lẩn cấn thì khó có thể tuyên

truyền thuyết phục được người khác. Họ bảo rằng các anh đi thì yên phần các anh, còn chúng tôi tay không ở lại thì làm sao chống lại để khỏi bị chúng nó trả thù. Chúng tôi cũng đã từng lấy cái lý về khả năng trở về của chúng tôi để giải thích, nhưng người ta cũng chỉ bán tín bán nghi và cho rằng chuyện ấy cũng còn xa chớ mai mốt thì tội nó đã đến đây rồi. Cứ mỗi nhà chúng tôi đến gặp thì không nhà nào lại không đòi ôm mừng ôm chiếu đi theo chúng tôi, cho dù gian nan cực khổ đến mấy cũng có thể chịu được. Nhưng cho dù có thắc mắc, có lo lắng và cũng có thể là có oán trách đến đâu thì đồng bào cũng đành phải ngậm nước mắt mà tiễn chân chúng tôi.

Rồi sau này thực tế đã chứng minh những điều lo lắng của đồng bào ở lại cũng như ngày trở về của chúng tôi đều hoàn toàn đúng.

Như ai cũng biết, những kẻ đã từng bao nhiêu lần bị chúng tôi đánh bại, sau khi chúng tôi ra đi, đã trở lại và thẳng tay đàn áp giết chóc những người dân vô tội trong tay không một tấc sắt, gây nên bao cảnh đau thương tang tóc. Còn việc tổng tuyển cử thì đâu thể thực hiện được bằng đấu tranh chính trị, hơn nữa bọn chúng còn điên cuồng hô hào “Bắc tiến, lấp sông Bến Hải”.

Nhưng mặt khác, cũng chỉ mấy năm sau, khi miền Nam kêu gọi thì từng đoàn anh em chúng tôi, lúc này đều đã trở thành những cán bộ chỉ huy, và như chúng tôi từng đoan chắc, đã bất chấp mọi hy sinh gian khổ, anh dũng vượt qua tất cả mọi biện pháp rào chắn ngăn chặn gắt gao của địch, kể cả hàng rào điện tử McNamara của quan thầy Mỹ, trở về sát cánh cùng đồng bào chiến đấu giải phóng quê hương thân yêu, thực hiện được lời nguyện son sắt với đồng bào khi chúng tôi bước chân ra đi tập kết.

Ngày 2-8-1954 đơn vị chúng tôi rời căn cứ Dương Minh Châu trong sự lưu luyến chen lẫn tiếng khóc của đồng bào để chuyển quân về vị trí tập kết tại Cao Lãnh, chuẩn bị xuống tàu ra miền Bắc. Riêng bản thân tôi lại có phần bất ngờ vì đâu có dè lại được

dịp trở về quê hương và cũng hy vọng được gặp lại những người thân sau một thời gian dài xa cách trước khi phải đi xa.

Đơn vị chúng tôi và các cán bộ cơ quan Phân Liên Khu trương cao cao cờ đỏ sao vàng hành quân bộ ra đến địa điểm tập trung gần Dầu Tiếng, ngồi chờ trong một vườn cao su. Đây vốn là vùng kiểm soát của đối phương nên dù bị họ tìm mọi cách ngăn cản nhưng đồng bào vẫn tập trung khá đông để “coi mặt” bộ đội Việt Minh giữa thanh thiên bạch nhật. Và người ta cũng thật sự bất ngờ về những con người bằng xương bằng thịt của chúng tôi khi họ được trực tiếp mắt thấy tai nghe so với những gì mà kẻ địch hằng đồn đại.

Khoảng 9 giờ sáng thì các xe do Liên hiệp Công đoàn Sài Gòn thuê từ Sài Gòn lên đón chúng tôi, đường đi thì do ta và Pháp đã thỏa thuận không chạy qua các thị xã thị trấn do Pháp tạm chiếm nên tất cả các xe, mà trên mỗi chiếc đều cắm cờ đỏ sao vàng, phải chạy ngoằn ngoèo đến gần trưa mới đến một địa điểm gần thị trấn Trảng Bàng. Tiếp đó chúng tôi phải đi bộ đến bờ sông Vàm Cỏ rồi dùng thuyền nhỏ qua sông để đi về hướng Đồng Tháp Mười. Khi chúng tôi đang lần lượt xuống xe để sắp xếp đội hình hành quân thì bọn Pháp cũng chặn các xe hàng và xe khách từ Sài Gòn lên, nên khá đông dân Sài Gòn cũng tranh thủ dịp may tràn xuống xem bộ đội Việt Minh hành quân, nghe đâu là đi tập kết.

Tôi cũng không biết bằng cách nào mà không ít gia đình chiến sĩ đã biết được ngày giờ và chặng đường đi bộ ngắn ngủi từ đó ra đến sông Vàm Cỏ, để đến đón tìm gặp con em của mình. Đã có những cuộc hội ngộ vui mừng chảy nước mắt, lại cũng có những nỗi hụt hẫng lặng thầm khi không tìm được người thân. Riêng trường hợp của vợ anh Bường thì thật là đau lòng. Tay bế đứa con, đầu trần giữa nắng trưa, với chiếc nón lá luôn cầm trên tay để quạt mát cho cháu, chị đón đường hỏi hết người này đến người khác và đều được trả lời là không biết, hoặc có lẽ là đang đi ở phía sau. Và tôi cũng thế, tuy biết rõ sự thật trăm phần trăm

nhưng nhìn cảnh chị và con như thế thì không có lòng nào dám nói rõ sự thật, và cũng đành trả lời rằng có lẽ anh đang đi ở phía sau, tôi nói mà ứa nước mắt. Sau này nghe nói lại, thì bên chính trị đã mời chị vào một nhà dân bên đường để chính thức báo tin anh đã hy sinh trong trận đánh trên đường Đầm Be, có lời an ủi chị và trao lại những kỷ vật của anh Bường mà anh em đang giữ.

Thế mới biết cuộc đời của người chiến sĩ là thế, lúc ấy cũng như sau này, họ và gia đình họ có khi nào lường được sự hy sinh sẽ xảy ra khi đã gần kề bên sự bình yên. Nhưng cái sự bình yên đó cũng sẽ không bao giờ đến nếu thiếu những người dám chấp nhận hy sinh ngay trong những giờ phút cuối.

Trước khi đơn vị qua sông Vàm Cỏ, tôi và tay Đạt là cán bộ địa hình, được phân công đi tiền trạm để liên hệ với địa phương, vẽ sơ đồ bố trí đội hình, chuẩn bị khi đơn vị tới nơi là có thể triển khai ngay việc đóng quân. Sở dĩ người ta giao nhiệm vụ này cho tôi vì người ta đã biết Cao Lãnh là quê của tôi. Chúng tôi qua sông bằng một chiếc xuồng con, rồi lên bờ đi dọc theo kinh Dương Văn Dương dưới nắng trưa. Bờ kinh toàn là đất phèn đóng cục, còn chúng tôi thì đi chân đất nên vừa nóng lại vừa rát.

Chúng tôi cố gắng tranh thủ đi nhanh, không dừng lại nấu cơm, vừa đi vừa gặm khúc bánh mì mang theo buổi sáng, đi đến lúc tối mịt mới dừng lại nghỉ đêm. Tôi tìm hai cây tràm có khoảng cách vừa phải để căng võng. nhưng than ôi, muỗi ở đâu mà nhiều thế!. Lính miền Đông thì đâu có mừng, mặc dù võng của tôi có tấm đắp dính liền nhưng chẳng xi nhê gì cả. Nó đốt từ dưới lên, nó chui vào các khe hở cắn vào mặt vào tay... không thể chịu nổi. Tôi đành phải ngồi dậy cầm áo quơ liên tục nhưng cũng không ăn thua. Trong lúc đó thì tay Đạt vì có chiếc võng dù, muỗi không châm từ dưới lên được, có cả tấm đắp cũng bằng vải dù trùm kín mặt, lại trải qua một ngày hành quân mệt nhọc nên ngủ ngon lành, thỉnh thoảng mới thấy cựa quậy một tí. Tôi bèn nghĩ kế, tháo võng lên mắc ở lưng chừng trời, cao hơn mặt

đất gần hai mét, may ra sẽ đỡ hơn?. Nhưng cũng vô ích, vì chiều cao chừng ấy thì có ăn thua gì!

Lúc này trăng đã bắt đầu lên, nhìn xa xa thấy có chiếc ghe nhà ai đang đậu và trên bờ thì có cái mừng rộng căng giữa mấy gốc tràm. Tôi tuột xuống đến gần xem thì thấy có hai vợ chồng đang ngủ say. Đắn đo một hồi, và cũng bị đàn muỗi đói nó thúc dít nên tôi bèn đánh liều, nhẹ nhẹ vén màn lên, chui vào nằm cạnh người chồng, khẩu carbine tắn bên ngoài, rồi vì quá buồn ngủ nên nhắm mắt ngủ luôn. Đang ngon giấc bỗng cảm thấy như có ai đang đập đập vào vai, bừng tỉnh thì thấy trời đã sáng, ngồi bên cạnh tôi là ông chồng, còn bà vợ thì đang bước đi xuống ghe. Tôi hoảng hồn ngồi dậy định xin lỗi, thì trời phật, trước mặt tôi là thằng Xích, bạn học thời lớp Nhất với tôi, mặt tròn vành vạnh, hàm răng hô, không thể sai được, và nó cũng đang trân trân nhìn tôi đầy kinh ngạc, tay vỗ vỗ vào trán, tưởng như cố nhớ ra khuôn mặt nào đây. Tôi mừng quá nói to: “Trời ơi, Xích, tao là thằng Trảo đây mà!”. Nó nhớ lại liền, bèn nắm chặt lấy tay tôi kêu: “Trời ơi, Trảo, sao mày lại ở đây?”. Lúc này thì vợ nó nghe tiếng lạ bèn quày quả quay trở lên. Tôi ngồi tại chỗ nói sơ sơ chuyện đi về Cao Lãnh, nghe đến đây nó chộp luôn: “Thì tao cũng đang đi về Cao Lãnh đây nè, vậy thì mày xuống đi ghe với vợ chồng tao!”. Thiệt



Đồng chí Tấn Đạt, bạn chiến đấu D302, khi về hưu mang quân hàm đại tá.

tình tôi đâu ngờ lại có cuộc gặp mặt kỳ diệu như thế này! Chắc là tại ông Trời ổng thương cái đám lính cực khổ này quá! Lúc này tôi mới chui ra khỏi mũng trở lại gặp tay Đát kể chuyện và kéo nó đến chào vợ chồng thằng Xích để cùng đi.

Xuống ghe tôi nhận phần chèo mũi, cái nghề chèo chống quá quen thuộc với tôi, thằng Xích chèo lái, còn chị vợ thì lo làm cá nấu cơm. Lại là con kênh quen thuộc của Đồng Tháp Mười, chúng tôi người trước người sau ung dung chèo, vừa chèo vừa kể lại cho nhau nghe bao nhiêu chuyện đã qua. Rồi bữa cơm nóng sốt trên chiếc ghe nhỏ chòng chành mà thật là vui, vui vì cuộc gặp gỡ bất ngờ, vui trong cái không khí bình yên không còn tiếng súng. Vì tốc độ ghe chèo chậm hơn đi bộ nên nó đồng ý với tôi là đi thông đêm. Vợ nó bèn đốt con củi rom đặt khoanh tròn trong cái cà ràng để khói bay lên xua bớt muỗi, và chúng tôi cứ túc tắc mà chèo, vừa chèo vừa nói chuyện cho đỡ buồn ngủ. Đến vàm kinh Thầy Bảy Bồng nhìn xuống phía dưới, cách một cây số thôi là nhà chú Ba Sảo và nhà Ông bà già lúc trước nhưng không thể ghé thăm được, cảm thấy thật buồn!.

Khoảng 8 giờ sáng là đến nhà nó ở rạch Cái Mác, chúng tôi cám ơn hai vợ chồng và tiếp tục đi bộ đến Nhị Mỹ, cách đó độ 3-4 cây số. Cái địa hình của xã Nhị Mỹ, nơi đơn vị sắp đến đóng quân thì tôi quá rành bởi đã từng bao nhiêu lần đến khi anh chị Tư Hoa còn giảng đạo ở đây.

Làm xong mọi việc của nhiệm vụ tiền trạm, chiều hôm đó tôi dẫn thằng Đát đến thăm chị Ba Hân là con cậu Tư Lầu, nhà ở gần chợ Cái Dừng. Đến nơi thấy nhà có dựng rạp và rất đông người ngồi, hơi lấy làm lạ. Trời đất, té ra là đám giỗ!. Mấy năm trong vùng kháng chiến, nhất là ở miền Đông gian khổ, cơm còn không đủ ăn mà ở đây làm đám giỗ còn phải che rạp, thiệt là một trời một vực. Đã bất ngờ vì đám giỗ to lại càng kinh ngạc hơn về các món ăn, sao bàn nào bàn ấy đều bốn năm món, mà toàn là những món ngon như cơm tết nhà tôi lúc trước. Nghĩ ra, nếu tôi đang

tham gia kháng chiến ở vùng này thì chuyện này chắc chẳng có gì đáng lấy làm lạ, nhưng vì tôi đang ở miền Đông đói khổ bỗng nhiên rơi cái đập xuống đây nên không thể tưởng tượng nổi.

Còn anh chị Ba cũng hết sức bất ngờ bởi nghe tôi đang kháng chiến ở miền Đông sao lại trở về đây. Tôi phải kể đầu đuôi mọi việc để anh chị rõ. Ngược trở lại về phía tôi, cũng qua cuộc gặp gỡ này mà được biết mọi tin tức của gia đình cũng như các bà con thân thuộc. Rồi cái tin tôi trở về cũng nhanh chóng bay ra chợ Cao Lãnh, sau đó bay tuốt đến tận Di Linh, nơi ông bà già đang sinh sống. Và thằng Đạt cũng chẳng khờ khạo gì mà không cho địa chỉ để nhờ nhặn bà già nó vào gặp mặt. Cũng tất nhiên sau đó tôi và thằng Đạt đều không hề khách sáo khi được mời vào bàn, ngồi ăn một bữa tiệc thật ngon, thật no, ăn như thằng chết đói, ăn một bữa ăn mà tôi nghĩ rằng sẽ không bao giờ quên.

Quả thật, mấy hôm sau thì Ông Già cũng từ Di Linh về tận nơi tôi đang đóng quân để gặp tôi, không cần một ai dẫn đường vì Nhị Mỹ cũng đã quá quen thuộc với ông. Tôi xin phép đơn vị được theo ông về chợ Cao Lãnh nơi ông đang ở nhờ tại nhà người em kế là cô Sáu Hên, và đây cũng là quê chính gốc của tôi. Ông lần lượt dẫn tôi đến thăm những người thân thuộc và tỏ ra rất tự hào về đứa con của mình, bởi lúc đó mọi người đều coi chúng tôi là bên chiến thắng trở về, rồi nhà nào cũng như nhà nấy đều mời chúng tôi lưu lại, chiêu đãi thịnh soạn.

Ông cũng kể lại những việc của gia đình từ ngày tôi rời nhà đi tập trung học Trường Lục quân cho đến những ngày làm ăn sinh sống ở Di Linh hiện nay. Ông rất thích thú kể về nghề thợ bạc nơi vùng cao nguyên, chuyên làm đồ trang sức cho người Thượng, vì khéo tay nghề nên thu hút được nhiều khách, mà người Thượng thì bản tính chất phác nên kiếm được khá nhiều tiền. Ông còn khoe là ở nhà còn có con ngựa để làm vốn (nhưng nghe kể lại thì sau này con ngựa đã bị cộp vật chết). Nghe ông kể chuyện, điều tôi cảm thấy vui, nhất là gia đình đã làm đủ ăn, không còn nợ

nần. Hơn nữa có chị Tư Hoa bên cạnh và chị Hai Thuần ở Đà Lạt cũng không xa lắm, nếu có khó khăn gì chắc cũng được sự giúp đỡ của hai chị. Điều vui thứ hai là thấy sức khỏe của ông vẫn còn tốt, có thể đi bộ trên 5-6 cây số từ chợ Cao Lãnh đến Nhị Mỹ.

Ở chơi độ mươi hôm thì ông chuẩn bị trở về Di Linh để Bà già còn có dịp vào thăm. Thấy tóc tôi ra dài ông bảo sẽ đi mượn tông-đơ về cắt tóc cho tôi vì cắt tóc cũng là nghề của ông, nhưng tôi mắc cỡ không cho cắt. Trước khi ra về ông còn cho tôi bộ đồ ka ki của ông mang theo để mặc. Khi ông ra về tôi cũng không thấy bịn rịn cho lắm bởi tôi cũng đã nhiều lần đi xa cha mẹ, hơn nữa lòng đình ninh sau hai năm sẽ trở về gặp lại. Ra miền Bắc tôi vẫn mặc bộ đồ của ông khá lâu nhưng cũng không còn nhớ mặc đến năm nào, rồi bỏ nó ở đâu, khi phải qua nhiều lần chuyển chỗ ở qua các năm chiến tranh, lúc thì ở trong nước, khi thì ở nước ngoài. Thực ra thì lúc đó tôi cũng không thực sự quý trọng bởi tôi nghĩ chẳng qua đó là bộ đồ của cha mẹ cho, chớ đâu ngờ sẽ không bao giờ còn có ngày gặp lại ông. Bây giờ nhớ lại thấy tiếc bởi nó đã trở thành kỷ vật của người cha quá cố, giá mà tôi còn giữ được bộ đồ đó chắc tôi sẽ để thờ nơi trân trọng nhất. Tôi cũng có phần ân hận về việc không để cho ông cắt tóc bởi tôi đâu thấu hiểu rằng đó cũng chính là cách biểu lộ tình thương của người cha đối với đứa con sắp phải đi xa.

Mấy hôm sau khi ông ra về thì đơn vị lại chuyển ra đóng quân gần chợ Cao Lãnh, và trong thời gian này tôi lại có nhiều dịp tiếp xúc với nhiều người thân quen. Nhiều lần tôi đến thăm bác Ba Vẹn, người bác rất khó tính và thường khinh người với một câu thường trực nơi cửa miệng: “Cái thằng đó mà biết cái gì...” hoặc: “Cái con đó mà biết cái gì...”, bởi ông là một đại điền chủ mà lại tự hào là thâm nho nhất xứ, sáng sáng cứ đi lại trước hàng ba ư ư ngâm thơ chữ nho. Nghe anh Bảy Noãn kể lại thì có một lần ông hơi bị xộ khi khoe tài đấu chữ với ông già vợ sau này của tôi là ông Ca Văn Thịnh, bàn luận tứ thư ngũ kinh gì đó, tới đâu cũng

thấy đối phương ranh vanh vách, hiểu biết cao hơn một cái đầu đàn bái phục sát ván, cho rằng xưa nay chỉ mới gặp có một!.

Qua tiếp xúc thấy cách đối xử của bác với tôi thật khác xưa, tỏ ra vừa thương yêu, vừa quý trọng. Bác thường nói với lối xóm rằng con người tôi đã thay đổi quá nhiều so với lần tôi còn làm việc ở Ngành Khảo huấn Sở Kinh tế Nam bộ, và càng khác hẳn khi tôi còn nhỏ. Bây giờ tôi đã là một chú bộ đội đảng hoàng, chừng chạc, tính tình vui vẻ dễ thương. Tôi chợt nhớ đến thằng Khuyến cháu nội của bác, đứa đã từng tham gia kháng chiến với tôi, lại đang làm sĩ quan trong quân đội Pháp!. Nhớ có một lần đến nhà thấy có một con rắn hổ không lớn lắm đang nằm khoanh tròn trong góc nhà, tôi bèn lấy cây thông hồng bằng sắt đập một phát là nó chết tốt. Chuyện chỉ có thế mà bác hết lời khen là bộ đội anh hùng, diệt được rắn hổ, chẳng khác gì Võ Tòng Đà hổ trong chuyện Thủy Hử.

Trong một lần đến nhận cờ do các chị em phụ nữ may tặng bộ đội, tình cờ tôi gặp lại cô Mười cùng trạc tuổi thuộc nhóm đồng ca nhà thờ Tin Lành khi xưa, tuy không thật xinh nhưng cũng rất dễ nhìn. Nhận ra nhau trong cuộc gặp bất ngờ, bên nào cũng vui, nhắc lại bao nhiêu chuyện cũ. Nhưng cũng rất lạ là trong những lần gặp sau không biết có tình ý gì không mà lần nào cũng thế sao thấy cô hơi bẽn lèn e thẹn, làm tôi cũng hơi suy nghĩ. Qua tiếp xúc chuyện trò tôi biết được là cô chưa có chồng, bỗng tôi chợt có ý nghĩ hay là hỏi cô làm vợ để ở lại với ông bà già trong thời gian tôi đi tập kết, nhưng chắc phải thăm dò trước cái đã!

Tôi thường đến nhà ông bà mục sư chơi và hay gặp cô ở đó. Một hôm tôi đến thì thấy cô đang bế cháu bé bèn rủ cô xuống nhà dưới chơi, tôi đi trước cô cũng liền bế em bé theo sau nên tôi đoán có lẽ là cô cũng đã để ý đến mình rồi đó. Đến nơi vừa ngồi xuống ghế tôi bèn hỏi ngay: “Có chịu đợi không?”. Cô hỏi lại: “Đợi cái gì?”. Tôi thấy coi bộ được bèn tấn luôn: “Đợi hai năm về cưới chớ gì!” Lúc này thì thấy mặt cô hơi ửng đỏ, ngập

ngừng một lúc rồi trả lời: “Để về hỏi mấy anh mới nói được”. Mấy hôm sau gặp lại thì cô trả lời là mấy anh ở nhà đều đồng ý và như vậy là câu chuyện đã được quyết định, bởi cô mồ côi cả cha lẫn mẹ nên mọi việc đều dựa vào ý kiến của các ông anh.

Tôi tìm gặp anh Ba Thanh Nha kể lại mọi chuyện, anh bác ngay: “Mày hứa với nó, liệu trong thời gian hai năm, nếu có đám sĩ quan nào đó đến tấn công thì nó có chịu chờ mày hay không?” Rồi anh chỉ đạo luôn: “Tốt nhất là mày cứ cưới nó rồi chụp hình treo tùm lum trong nhà, lại có cậu má ở bên may ra còn giữ được đến khi mày về”. Tôi nghe có lý, mà lại có người vợ thay tôi ở bên cạnh cha mẹ thì có gì hay bằng, nên viết thư nhờ chị Ba Thanh Nha cầm vô nhà ở rạch Ông Đá trao cho cô. Chuyến này thì đợi đến mấy ngày cô mới ra gặp tôi trả lời là cả nhà đều đồng ý. Tôi bèn nhờ người nhậu Bà già vô làm đám cưới.

Ngày nay nhớ và ghi lại chuyện này chợt thấy tức cười. Tại sao lúc đó mình lại quá đơn giản, hễ muốn cưới là nói cưới, chẳng hề suy nghĩ sẽ tổ chức đám cưới như thế nào, ở đâu, tốn kém bao nhiêu trong lúc chẳng có đồng xu dính túi, rồi sau khi cưới hỏi hai vợ chồng sẽ ăn ở đâu, ngủ ở đâu. Thật là cạn nghĩ hết biết!... Nhưng nghĩ lại cũng có thể đây sẽ là một đám cưới rất đặc biệt, và chắc là rất hiếm hoi, giữa đôi bạn quen nhau từ thuở còn thơ tình cò gặp lại, một người đã trở thành anh bộ đội, cưới xong là phải đi tập kết, còn bên kia là cô dâu mồ côi, cưới xong rồi phải ở lại chờ chồng. Cả hai còn có rất nhiều bà con thân thuộc nơi đây, gặp trường hợp như thế này thì ai mà chẳng mến chẳng thương, chỉ cần mỗi người mừng cho một cái, một đồng, thìбет nhất cũng được một tiệc trà đơn giản. Còn sang trọng hơn nhiều so với anh Ba Thanh Nha và chị Tiết trước đây, đám cưới mà chỉ có một nồi chè đậu xanh liên hoan.

Vì là nguyên tắc trong quân đội nên tôi phải đưa sự việc ra trình bày với Ban chỉ huy Tiểu đoàn. Vừa nói xong thì bị các anh chinh cho một trận nên thân: “Sao mày đại thế, liệu hai

năm mày có chắc về được không mà bắt con người ta phải chờ đợi mày. Mà trong hai năm ấy biết người ta có giữ trọn với mày không trong hoàn cảnh kìm kẹp của địch, nhất là khi biết vợ mày có chồng đi tập kết. Mà mày cũng còn trẻ, sau này ra ngoài có dịp đi đây đi đó học hành, có thể gặp được bao nhiêu người ưng ý, thì tội gì mày phải trói chân trói tay mày ngay từ bây giờ. Thôi, trả lời dứt khoát với người ta là không có cưới hỏi hứa hẹn gì cả!”.

Những điều giải thích thật chí lý cũng đồng thời là vấn đề nguyên tắc của tổ chức nên tôi đành phải “tâm phục khẩu phục”, mà dù có không phục đi nữa thì nguyên tắc là không thể cãi trừ phi cứ cưới rồi trốn ở lại luôn. Hơn nữa thấy rằng giữa tôi và cô ấy cũng chỉ ở mức độ mến thương nhau, chưa phải đã trải qua mối quan hệ yêu đương mặn nồng, chưa hề cầm đến tay nhau chớ chưa nói tới những chuyện gì khác, thì chuyện dứt khoát tình cảm chắc cũng không quá khó khăn.

Tôi bèn nhắn cô ra, cũng đến nơi gặp gỡ và ước hẹn ban đầu để nói rõ mọi sự. Tội nghiệp, khi nghe lời tôi nói cô rung rung nước mắt. Lúc này thì tôi càng thấy thương cô và có phần xiêu lòng. Tôi suy nghĩ và nêu ra một phương án cuối cùng, một phương án mà tôi mới chợt nghĩ ra trong tình thế đó nhưng may thay nó vừa có hậu và cũng còn có chút hy vọng, là mỗi bên cứ tự do, nếu sau hai năm trở về mà hai bên vẫn chưa lập gia đình thì sẽ tổ chức đám cưới, còn nếu một bên đã có vợ hoặc có chồng thì sẽ coi như là những người bạn thân tình.

Qua cả quá trình của sự việc, tôi nhận thấy rằng tuy chúng tôi chưa có gì với nhau nhưng tôi cũng rất thương cô bởi thấy cô thật thà và thực sự thương tôi, bao nhiêu thay đổi hứa hẹn do tôi chủ động đề xuất cô đều chấp nhận, chắc chắn cũng xuất phát từ tình thương tuy mới nảy sinh trong thời gian ngắn. Sau này nghĩ lại thì cách giải quyết của tôi là vẹn cả đôi đường, cho nên dù kết thúc quá sớm nhưng cũng có hậu và tôi cảm thấy không có gì phải ân hận.

Nhận được tin nhắn má tôi bèn tức tốc về Cao Lãnh, có con Mười Nhựt cùng đi, mang theo hai chiếc nhẫn vàng và hai khúc hàng may áo dài màu cẩm thạch để làm quà cưới. Tôi bèn kể lại mọi chuyện, nhất là chuyện người ta không cho làm đám cưới, má trả lời bằng một câu rất đơn giản nhưng đầy từng trải: “Người ta nói như vậy là đúng đó, chớ mày không biết đâu, hễ cưới rồi là dính nhau như sam không gỡ ra được đâu!”. Tôi rất mừng vì má tôi đã dễ dàng chấp nhận chuyện thay đổi, dù cũng thật sự bị bất ngờ sau khi cất công đi từ Di Linh vào đây. Rồi Bà trao lại cho chị Ba Thanh Nha, người con dâu mà bà không có dịp dự đám cưới trước kia tất cả các món quà cưới đã mang theo dự định tặng cô dâu trong đám cưới của tôi.

Rồi má cùng tôi đến gia đình bên kia nói chuyện coi như là để tạ lỗi người ta. Kết quả cũng thật tốt đẹp, bởi hai bên đều là người trong đạo và thấy đó là cách giải quyết có tình có lý. Và từ đó về sau, mỗi khi tôi đến thì trong bà con ai cũng muốn chạy ra gặp, và đều gọi tôi một cách thân mật là “Dượng Mười hựt”. Mà tôi cũng rất thích cách xưng hô như thế bởi nó vẫn hàm chứa cái gì đó thân thương.

Chung quanh vụ việc này lại có một chuyện hơi bất ngờ. Chẳng là cô có hai người em gái chú bác ruột, người chị thì nhỏ hơn tôi độ vài ba tuổi, cô em thì tuổi 16-17, cả hai đều rất đẹp và cũng rất mến tôi. Không biết tình cảm ra sao mà mặc dù tôi đã dứt khoát với cô Mười nhưng hai cô, nhất là cô chị, cũng còn rất thân mật với tôi. Nhớ trong một đêm xem chiếu bóng ngoài trời ở sân trường học, chúng tôi cùng ngồi trên cái bàn học trò, tôi ngồi giữa, mỗi cô ngồi một bên. Không biết vì nghịch ngợm hay vì tình ý gì mà cô chị cứ tháo chiếc nhẫn đeo trong tay, mân mê bàn tay tôi và đem trông vào ngón tay út, rồi lại tháo ra đeo trở lại vào ngón tay của mình, và cứ lặp đi lặp lại nhiều lần như thế. Thú thật là lần đầu tiên gặp người con gái có những cử chỉ gần gũi như vậy, nhất là một cô gái đẹp, lòng tôi bỗng thấy xao

xuyến, cái cảm giác tôi chưa từng có đối với cô Muời. Rồi tôi lại choàng tay qua vai áp sát cô vào người tôi, cô cũng để yên không né tránh. Và cũng chỉ đến thế bởi tôi cũng giữ thể diện khi tôi đã là người định cưới người chị chú bác của cô, và biết rằng dù có cừ chỉ gì sâu sắc hơn nữa thì cũng chẳng đi đến đâu, bởi chuyện giữa tôi với cô Muời đang là nhân tiên.

Cũng có một câu chuyện có dính dáng đến người bà con của cô Muời. Số là trong thời gian đóng quân trong nhà dân trong thời kỳ ấy, một số anh em trong đơn vị chúng tôi đã cố tình rình bắt một vụ lẹo tẹo của một người ở đơn vị khác với một phụ nữ đã có chồng là người bà con gần của cô ấy. Là một người thường lui tới với gia đình, tôi được biết sự việc và có lời khuyên anh em đừng làm chi cho lớn chuyện, chẳng được cái gì, bởi đó là chuyện của người ta, còn mai mốt thì mình cũng sẽ rút đi. Và câu chuyện đến đó coi như êm. Nào ngờ sau ngày giải phóng trở về Cao Lãnh lại được nghe kể cái vụ đó đã đưa đến kết quả là cho ra đời một đứa con gái. Và không rõ người chồng của chị ta có hay biết gì không mà khi sinh ra cho tới lúc lớn lên, cháu bé đã được thân yêu nuôi nấng như người con ruột thịt của cả hai người. Cho đến ngày giải phóng, thì ông già ruột của chị ta mới nói hết sự thật với người chồng, và xin cho phép đưa cháu ngoại được đến tìm nhận người cha ruột đã trở về sau tập kết, hiện đang công tác tại tỉnh nhà. Cái dở của anh chàng này là sau khi ra Bắc cưới vợ, đẻ con, và mang cả gia đình trở về, nhưng vì quá sợ “sư tử Hà Đông”, nên không dám dâng hoàng nhận lại con gái mình để có dịp chăm sóc dưỡng dạy, mà chỉ họa hoằn lén vợ đến gặp mặt, cho mãi đến khi anh ta bị bệnh chết lúc còn khá trẻ. Và điều này đã bị những người hiểu biết sự việc chê trách quá chùng. Còn khi nhắc lại chuyện này với cô Muời thì cô có nói với tôi một câu: “Anh cũng giỏi quá, nếu không thì em cũng đã chịu khổ với anh rồi!”. Nghe đến đây tôi giật mình, đâu ngờ rằng lúc đó thì người ta cũng đã sẵn sàng với mình rồi! Mình có vô tâm quá chăng?

Trong lần má tôi từ Di Linh về để lo đám cưới mà không thành, sau chuyến đến thăm bên gia đình cô “vợ hụt” của tôi thì má tôi, tôi và con Mười Nhụy lại vào Mỹ Quý thăm gia đình chú Ba Sảo, nơi đã từng cư mang chúng tôi khi xưa. Gặp lại nhau, tất cả mọi người bên chú Ba và chúng tôi đều vui mừng hết sức bởi đâu ngờ có ngày gặp lại như thế này. Khi ngồi lại tâm tình, má tôi bèn nói với thím Ba: “Hồi đó tôi định hỏi con Nữ cho thằng Noãn đó chứ!”. Thím Ba bèn vỗ đùi đánh đét, tiếc rẻ: “Chèn đéc ơi, sao bà không nói “chước!”, tôi nghe cũng thật tức cười, bởi đâu nghĩ có chuyện như vậy, vì trước đây anh Bảy Noãn và chị Ba Nữ cùng ở chung một nhà với nhau rất lâu, mà có ai tình ý gì với ai đâu. Sau này khi tôi và anh Bảy Noãn có dịp về thăm Mỹ Quý, gặp lại chị Ba Nữ tôi thường trêu hai người bằng câu nói ngộ nghĩnh của thím Ba: “Chèn đéc ơi, sao Bà không nói chước!” để nhắc lại chuyện xưa, và tất cả mọi người đều cười vui.

Sau khi trở về Cao Lãnh, chúng tôi có đến thăm gia đình người anh thứ tư của má là cậu Tư Lầu. Cậu Tư là một con người hiền lành và hết sức chất phác, rất thương con cháu và theo đạo Cao Đài. Thuở nhỏ, mỗi chủ nhật đi nhà thờ xong tôi thường ghé nhà cậu, không phải để thăm cậu, mà là thăm cây mận đào đầy trái của cậu. Và lần nào cũng như lần nào, mỗi khi tôi trèo lên cây thì cậu đều nói một câu không đổi: “Nè, nè, tao cúng cả cây rồi đó nghe!”. Bởi cậu biết nhà tôi có đạo Tin Lành, không ăn đồ cúng nên nói vậy chứ tôi biết có cúng kiến gì đâu, mà dù có cúng tôi cũng xoi luôn chẳng kiêng cử gì ráo. Cậu cũng có một cách chọc tôi không thay đổi. Cậu hỏi tôi: “Này, này, mày có biết cái thằng đó không?”. Lần đầu tôi không hiểu, hỏi lại: “Là ai vậy?”. Cậu khoái chí vì tôi đã mắc mưu, trả lời: “Là cái thằng Năm Nhường đó!”, nói xong cậu cười ha hả. Hoặc: “Là con Bảy Nhà đó!” khi nói về má tôi. Mấy lần sau thì tôi biết tông, không thèm nghe nữa, mà cứ ung dung trèo lên hái mận. Cậu có người con trai thứ tư tên là Xương, làm việc ở bưu điện Quy Nhơn từ trước Cách mạng tháng Tám, đã chín mươi năm loạn lạc không

có tin tức. Cậu nhờ tôi sau khi ra miền Bắc ráng tìm cho được để báo tin cho cậu. Tôi nghĩ bụng: “Chắc chết cha ở đâu đó rồi, chớ còn đâu nữa mà tìm!”. Nhưng thật không dè là anh vẫn chưa chết, mà lại có vợ có con, và chính anh lại lò dò tìm đến hỏi thăm các anh em trong Đoàn Văn công Nam bộ khi vào biểu diễn trong khu tập kết 300 ngày ở Quy Nhơn, và gặp được anh Ba Thanh Nha, từ đó mà biết được mọi tin tức của gia đình. Nhưng ngược lại, rất tiếc là cho đến ngày giải phóng miền Nam, chúng tôi không thể liên lạc vào Nam được nên chắc cậu mợ cũng mòn mỏi trong hy vọng cho đến chết vẫn chưa được gặp lại con.

Trong lần vào thăm này của má, tôi rất mừng được gặp lại con Muối Nhụy, là đứa mà trong chiến khu tôi thường nhớ và thương nhất trong ba đứa em, bởi tính tình nó hiền hậu, tuy có hơi cộc. Chuyến này theo bà già về, vì thương tôi và cũng biết ở ngoài Bắc trời lạnh, nên nó đem số tiền tích cóp được từ việc đan áo thuê cho người ta ở Di Linh mua sợi đan cho tôi một chiếc áo len màu boóc-đô, mặc rất vừa, tôi rất ưng ý và thấy thương cho đứa em đã biết lo cho anh. Thế nhưng bữa đó bảo nó đi chụp hình nó vùng vằng không chịu đi, tôi đã tức, rồi khi xem mấy đứa nhỏ ở Cao Lãnh tập múa dưới sự hướng dẫn của anh em bộ đội, nó trề miệng dè bieu có vẻ khinh khỉnh, thấy chuống mắt, tôi cho nó một cái tát tai, khóc hu hu. Nhưng rồi tôi cũng tự trách sao lại nỡ xử sự như thế với đứa em gái đã biết thương yêu mình, lo lắng cho mình trước khi ra đi. Và khi biết chuyện, chị Bảy Liên cũng phê phán tôi là “gia đình chủ nghĩa”, tôi tức cười, tưởng như chị đang đấu với các ông cán bộ với nhau vậy.

Trong thời gian đóng quân tại Cao Lãnh, các đơn vị có mặt trong khu vực tập kết, trong đó có tiểu đoàn 302 chúng tôi đã làm được một việc hết sức có ý nghĩa, đó là việc đắp và xây lại phần mộ của cụ Phó Bảng, thân sinh của Bác Hồ. Tôi từng được nghe Ông Già kể về chuyện cụ Phó Bảng đã đến đây làm nghề bốc thuốc cứu người, và cũng từng có thời gian Cụ đã đến tá túc

tại nhà ông Ba Sành là em ruột của ông nội. Rồi kể cả chuyện cô Hai Thanh là chị ruột của bác cũng từng vào Cao Lãnh hoạt động với vỏ bọc là người buôn vải, và thường chửi xéo là bị mấy con chó, ám chỉ tội mật thám, theo sát. Sau khi mãn phần, Cụ được đồng bào xã Hòa An đưa đi an táng tại Miếu Trời Sanh vốn là nơi tôi thường đến bắt đẽ và lén ăn dưa hấu, nhưng lúc nhỏ tôi đâu có biết. Hôm đó mỗi đơn vị cử một số chiến sĩ đến xây lại mộ, dựng hàng rào và chụp lại ảnh nhằm mang ra Bắc kính chuyển đến Bác Hồ để Bác có thể nhìn thấy hình ảnh phần mộ của người cha thân yêu, đồng thời tỏ lòng tri ân của đồng bào miền Nam nói chung, và nhân dân Cao Lãnh nói riêng đối với Bác và Cụ thân sinh của Bác. Riêng bản thân tôi rất tiếc và không nhớ vì lý do gì mà không được góp sức vào việc làm đầy ý nghĩa này.

Việc mộ của cụ Phó Bảng hiện hữu tại Cao Lãnh được các đơn vị bộ đội tập kết trùng tu tôn tạo thì đồng bào tại Thị xã Cao Lãnh ai cũng nghe thấy, và chính kẻ địch cũng biết rất rõ. Thế nhưng điều kỳ diệu là trong suốt mấy mươi năm kể từ ngày bộ đội đi tập kết cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, lúc nào mộ của Cụ cũng luôn được lực lượng cách mạng và nhân Cao Lãnh, hoặc công khai, hoặc bí mật chăm nom cẩn thận và giữ gìn toàn vẹn. Ai có thể phủ nhận tất cả những việc làm đó ngay trong vùng kiểm soát kìm kẹp của kẻ thù chính là điều xuất phát từ lòng kính yêu Bác Hồ, lòng chung thủy và tin tưởng vào Cách mạng của người dân Cao Lãnh?. Chỉ riêng một việc này thôi cũng đủ đoán biết kết quả độ sức giữa lòng dân với các thế lực phản động hung ác.

Một chuyện khác đáng ghi nhớ trong thời gian bộ đội tập kết còn đóng quân tại Cao Lãnh là hàng ngày các chuyến tàu chạy từ Sa Đéc về đều chở đầy thân nhân của các chiến sĩ từ rất nhiều các tỉnh thành, kể cả Sài Gòn, đến thăm và lo toan mọi mặt cần thiết cho con em mình trước cuộc đi xa mà chưa xác định được ngày trở lại. Họ công khai ăn nói và đi lại trước mắt của bọn

Pháp và tay sai, có những gia đình không phải chỉ đến và đi có một lần nhưng không một lần bị theo dõi bắt bớ, và nghĩ lại đó cũng là một điều kỳ lạ khó giải thích. Nhưng cũng có người đến để cố thuyết phục lôi kéo con em trở về nhà, như trường hợp của duợng Tư Hưng là người con rể của Bà Nội, đã đến đưa được hai người con là anh Ba Quang và anh Năm Thân trở về Sài Gòn, và có lẽ đây không phải là trường hợp duy nhất.

Trong những ngày tháng có mặt chúng tôi ở đây, Cao Lãnh luôn rộn ràng tấp nập như những ngày hội, rộn ràng vì các đơn vị bộ đội “Việt Minh” từ các vùng căn cứ giải phóng về “trần ngập lãnh thổ” và từ đó có dịp làm cuộc vận động cách mạng công khai với đồng bào tại một vùng đã từng do quân Pháp kiểm soát, rộn ràng vì sự hội ngộ của biết bao nhiêu gia đình bộ đội đến thăm con em sau bao nhiêu năm xa cách, rộn ràng với các hoạt động văn hóa văn nghệ của bên kháng chiến và của các thanh thiếu niên chào mừng chiến thắng chung của dân tộc qua hiệp định đình chiến, rộn ràng vì các công việc chuẩn bị cho kẻ ở người đi... Dù muốn hay không muốn thì tự nhiên những ngày tập kết không ngờ mà đến ấy đã gieo những hạt giống đỏ trong lớp thanh thiếu niên thời đó, để rồi sau này đã xuất hiện lớp cán bộ trung kiên trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước.

10 giờ sáng ngày 28-10-1954, theo đúng giao kết giữa ta và Pháp, một chiếc trực thăng đã chở đoàn sĩ quan Pháp đến “Nhà việc” chợ Cao Lãnh để tiến hành các thủ tục tiếp quản vùng tập kết sau 100 ngày, do đồng chí Phạm Hùng, đại diện cho phía Việt Nam đứng ra bàn giao. Và bắt đầu từ giờ phút đó các đơn vị bộ đội lần lượt rút dần ra hướng cầu bắc để xuống các tàu quân sự của phía Pháp, đưa tất cả ra Vũng Tàu, rồi từ đó lên tàu vận tải của Liên Xô và Ba Lan vượt biển ra Bắc.

Trong mấy tháng tập kết tại đây, vì tôn trọng chính sách, chúng tôi không hề đem những người đã từng theo giặc trước đây ra hạch tội mặc dù không ít trường hợp chúng tôi đã được

đồng bào giúp phát hiện, cùng lắm cũng chỉ đến khuyên răn sau này nên cải tà quy chánh. Vì vậy khi chúng tôi rút đi đến đâu thì nơi đó lại xuất đầu lộ diện những kẻ lâu nay đã nằm yên chờ đợi, cho nên đồng bào không dám công khai ra đường đưa tiễn chúng tôi mà chỉ đứng trong nhà lưu luyến đưa mắt nhìn, hoặc lên đưa hai ngón tay biểu thị hẹn hai năm trở về. Riêng tôi thuộc trường hợp đặc biệt là được cậu Tư Lầu chạy theo trao tận tay cả một con vịt đã luộc sẵn để mang theo ăn dọc đường. Nhưng cũng có những người bất chấp hiểm nguy đã ra đến tận cầu bắc để chia tay chúng tôi, trong đó có em Hoàng Ôn là em gái chú bác của cô Mười. Cùng đi trên chuyến tàu này có đồng chí Trần Văn Trà, có cả anh Ba Thanh Nha và thằng Hạp, đứa sau này đã trở thành con nuôi của anh.

Cũng cần nói rõ rằng, ngoài số người ra đi tập kết, cũng không ít anh chị đã được bố trí “lặn lại” để làm nòng cốt trong phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, như vợ chồng chị Bảy Liên, như anh Thọ nhân viên cơ yếu của tiểu đoàn 302, hoặc như trường hợp của anh Ba Thanh Nha, được dự lớp huấn luyện “huyện ủy viên tròn”, chuẩn bị ở lại, nhưng sau đó vì có thay đổi nên cùng lên tàu ra đi một lượt với tôi. Rồi có biết bao nhiêu người ở lại hoạt động bí mật như các anh chị đã bị kẻ địch bắt bớ tra tấn tù đầy và sát hại dã man...

Từ ngày bước chân vào bộ đội cho đến khi xuống tàu đi tập kết tính ra tròn bốn năm. Nằm trên chiếc tàu nặng nề rề róng, tôi suy nghĩ mung lung, rồi tự làm cái chuyện tổng kết để xem mình đã đi qua khoảng thời gian ấy như thế nào.

Bốn năm, một quãng thời gian đâu có ngắn, lúc sướng lúc cực, mà cực thì nhiều hơn sướng, có lúc ra chiến đấu và luôn cận kề với cái chết, và cũng từng có lúc đã hoang mang dao động trước khó khăn gian khổ, nhưng cuối cùng thì hôm nay mình vẫn trụ lại được, thế là được rồi, không phải xấu hổ với cha mẹ anh em.

Mình đã luôn sẵn sàng chấp nhận hy sinh, và từng nghĩ rằng



Đắp mộ Cụ Phó Bắg

FAT BIEU Y KIEN

42
của
Ông PHAM-HUNG, Trưởng Đoàn Đại-biểu Q.D.N.D.NB.
trong buổi lễ chuyển-giao Cao-Lãnh-ngày 28/10/54

Thưa Các vị đại-diện BAN KIỂM SOÁT Q.T.
Thưa Toàn-thể đồng-bào, Cán-bộ
và đồng-chi Chiến-sĩ,

Thay mặt Đoàn-dại-biểu Quân-dội Nhân-dân Việt-nam trong BAN
LIEN-HOP DINH-CHIEN NAM-BO, tôi xin thân-ai chào mừng toàn-thể
đồng-bào, cán-bộ và bộ-dội đến dự bữa lễ long trong hôm nay.

Thưa toàn-thể đồng-bào,

Hội-ngi GENEVE đại giai-quyết hoà-bình vấn-dề Việt-Khmer-
và Lào. Do là một sự vui mừng cho nhân-dân Việt-nam, Khmer, Lào,
cho nhân-dân Pháp và nhân-dân yêu-chuông hoà-bình thế-giới. Hoà-
bình được lập lại ở Đông-dương sẽ gop phần cho việc giữ gìn hoà-
bình Đông Nam-A và thế-giới.

O hội-ngi GENEVE, Chanh-fu Pháp đã thừa nhận và cương-
quốc dự hội-ngi đã chứng nhận rằng : Nước Pháp tôn trọng độc-lập,
chủ-quyền Thống-nhất và lãnh-thổ toàn vẹn của nước VN, Khmer, Lào.
Nhân-dân 3 nước sẽ tổng tuyên-cú tư-do để thống-nhất nước nhà. Pháp
sẽ rút quân ra khỏi Đông-dương.

Từ khi bắt đầu thi-hành hiệp-dinh, đồng-bào, cán-bộ và
Quân-dội đã nghiêm-túc chấp-hành mọi mệnh-lệnh của HO-CHU-TICH
và Chanh-fu. Trong thái-độ cung như trong hành-dộng, đồng-bào,
cán-bộ và quân-dội đã thi-hành đúng hiệp-dinh.

Nhân-danh Trưởng-doàn Đại-biểu Quân-dội Nhân-dân Việt-Nam
Nam-bộ, tôi xin thành-thật hoan-nginh đồng-bào, cán-bộ và Quân-
dội.

Hôm nay đồng-bào, Cán-bộ và Quân-dội đến đông đủ để dự lễ
chuyển giao khu vực Đồng-thập-Mười, giao cho Lục-lương Liên-hip
Pháp tạm thời quan-ly đến tổng tuyên-cú tư-do để thống-nhất nước
Việt-nam.

Đề đảm-bao cho đồng-bào được tự-do làm an yên-ôn, sống
trong trật-tỷ và an-ninh, Đại-doàn Quân-dội Nhân-dân Việt-Nam và
Đại-doàn Lục-lương Liên-hip Pháp Nam-bộ đã có ban tuyên-cáo
chung gồm các điểm sau đây :

- a)- Bảo đảm và tôn-trọng tính-mạng và tài-san và
quyền tự-do dân-chu của nhân-dân.

.....

Bài phát biểu của ông Phạm Hùng trong lễ bàn giao Cao Lãnh cho quân đội Pháp

- b)- Quân-đội Liên-hiệp Pháp cam-kết đảm-bao an-toàn đối với những người trước kia-tổng-tác với kháng-chiến bên Chanh-fu Việt-Nam Dân-chu Công-hoà và không được có những hành-động tra thâu hoặc fân-biệt đối xử nào với họ và gia-dinh họ.
- c)- Trong khi chờ đợi sắp xếp bộ máy hành-chanh, nhân-dân ở từng xa, huyện được bầu-cử người đại-diện để fu-trách tạm thời việc hành-chanh cho đến khi bàn giao xong việc hành-chanh ở các nơi đó. Những người đại-diện này và gia-dinh họ sẽ được Quân-đội Liên-hiệp Pháp đảm-bao an-toàn.

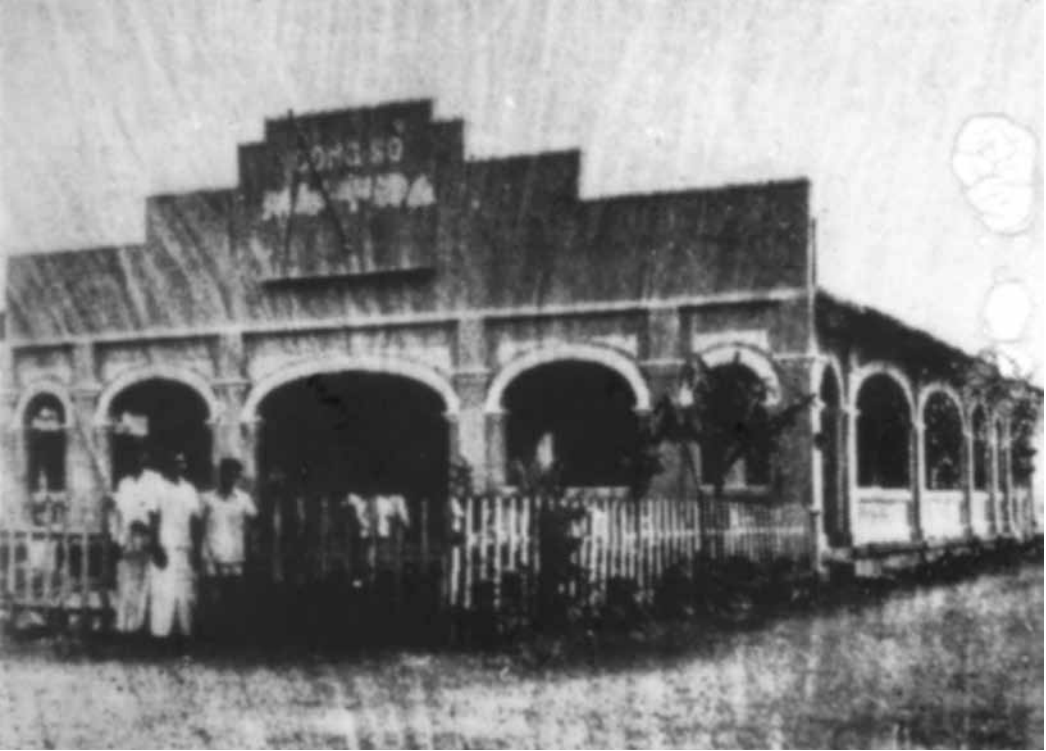
Trong 9 năm Kháng-chiến, đồng-bào, can-bộ và bộ-đội đã tích-cực chiến-tranh để thực-hiện độc-lập thống-nhất thất-sự cho Tổ-quốc, đem lại hoà-bình cho nước Việt-nam. Ngày nay hoà-bình đã tro lại, đồng-bào hãy ra sức giu-gìn và củng-cố hoà-bình, tranh-thu thực-hiện tự-do dân-chu, cải-thiện dân-sinh tiến tới hoàn-thành độc-lập và thống-nhất toàn cõi Việt-Nam. Do là chúng ta thi-hanh dùng dân hiệp-dinh GENEVE.

Nhơn-dịp này, tôi xin kêu gọi toàn-thể đồng-bào, không fân biệt Dang-fai, tôn-giáo, dân-tộc, không fân-biệt người da có công-tác bên này hay bên kia hay ra sức đoàn-kết chặt-che hơn nữa, muôn người như một đánh tan mọi thành-kiến chia - rẽ dân-tộc để bao-vệ Tổ-Quốc, Thống-nhất nước nhà.

Buổi lễ hôm nay có được Ban Kiểm-soat Quốc-tế, Fai-doàn Liên-hiệp Pháp và Fai-doàn Quân-đội Nhân-dân trong Ban Liên-hợp Dinh-Chiến Nam đến dự và chứng kiến, nêu rõ gia-trị quan-trong to tát của hiệp-dinh GENEVE.

Tôi xin chúc toàn-thể đồng-bào thành-công trong cuộc đấu-tranh để giu-gìn, củng-cố hoà-bình, tranh-thu thực-hiện dân-chu, cải-thiện dân-sinh, tiến tới hoàn-thành Thống-nhất và độc-lập toàn-coi nước Việt-Nam.

-----/-----



Nhà Việc Mỹ Trà nơi tổ chức bàn giao



Giã từ đồng bào Cao Lãnh lên tàu đi tập kết

nếu chết thì coi như đủ vốn, còn sống được đến ngày hòa bình là lời, nay đã đến hòa bình thì coi như lời rồi đó.

Còn điều mà mình ít hy vọng được nhìn thấy thì lại đang sờ sờ trước mắt. Mình sắp được ra miền Bắc tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội tươi đẹp, điều mình hằng mơ ước khi từ bước chân vào kháng chiến, rồi bản thân sẽ có dịp học hành để trở thành các chiến sĩ hải quân, những người lính lái xe tăng, những phi công của một quân đội chính quy hiện đại.

Mình đã chịu đựng và vượt qua được mọi gian khổ của chiến trường miền Đông là chiến trường gian khổ nhất Nam bộ. Từ khi lên đây ít có khi nào bụng lại được no dù chỉ là bữa cơm gạo lứt; chưa lần nào đựng đến xà phòng, kem đánh răng; một mảnh vải thô không đầy bốn tấc vuông sử dụng mấy năm trời vừa lau mặt, vừa lau mồ hôi, vừa lau mình mấy sau khi tắm; không có được đôi dép để tránh các gốc cây nhọn, các con mối cào, các con kiến bù nhọt, các con rắn độc; bệnh tật liên miên không dứt, và cũng không bao giờ có một xu trong túi... Đó thực sự là những thử thách nặng nề đối với sức chịu đựng của con người, nhưng đó cũng là nguyện vọng của mình khi được phân công công tác lúc tốt nghiệp Trường Lục quân. Cái được trở lại cho mình là lòng tự tin sẵn sàng đương đầu với mọi khổ cực trong tương lai, bởi nghĩ rằng khó có khổ cực nào hơn.

Mấy năm xa nhà có biết bao nhiêu thời gian sống với đồng bào, luôn được thương yêu, đùm bọc, che chở, ân tình này suốt đời mình sẽ không quên.

Cuối cùng là mình có thể tự hào vì đã đem hết sức lực đóng góp vào chiến thắng chung của dân tộc, một chiến thắng mà trước kia nhiều lúc nghĩ rằng không biết bao giờ nó mới đến...

Ngày 30-10-1954 chúng tôi lên tàu Kilinski của Ba Lan đang đậu chờ ngoài Vũng Tàu để đi bằng đường biển ra miền Bắc, kết thúc giai đoạn tham gia kháng chiến chống Pháp.

Đặt chân lên tàu Bạn bỗng bồi hồi nhớ lại cảnh thật cảm động là khi chiếc tàu của Pháp chở chúng tôi đang chạy trên kinh Chợ Gạo thì có một người đàn ông chèo một chiếc thuyền con ra gần sát bên tàu, đưa hai ngón tay trước mặt, ý muốn nói hẹn hai năm trở về, và nói to: “Tôi thay mặt bà con trên bờ chào các anh chị, chúc các anh chị tập kết mạnh giỏi, ra Bắc học tập tiến bộ hai năm sẽ trở về, bà con trong này hứa sẽ đấu tranh để thực hiện hiệp định Genève”. Ôi, lòng tin sắt đá của đồng bào miền Nam!

RA MIỀN BẮC VÀ ĐI TRUNG QUỐC

Hành trình theo sứ mệnh
con Hồng cháu Lạc

Ngày 29-10-1954, tàu quân sự của Pháp đã chở chúng tôi đi Vũng Tàu, sau đó lại cập mạn chuyển lên tàu Kilinski của Ba Lan.

Đây là loại tàu chở hàng trọng tải 10.000 tấn, được cải tạo để chở người bằng cách bố trí hai dãy giường tầng, chính giữa chừa một lối đi khá rộng. Thủy thủ đoàn cũng toàn người Ba Lan, người nào người nấy lực lưỡng, da dẻ hồng hào, và ăn rất khỏe, khẩu phần ăn lúc nào cũng có nửa con gà quay. Nhưng nhìn cách họ làm việc thật thấy nể, lúc nào cũng cật lực và chẳng ngại dơ bẩn. Nhớ có một lần đường thải phân bị nghẹt, họ treo mình ngoài mạn tàu, ra sức thông thụt, phân tưới đầy đầu, nhưng họ vẫn thản nhiên làm cho đến xong việc. Họ cũng tỏ ra rất thông cảm với cảnh không quen chịu sóng gió của anh chị em chúng tôi và thường có những cách tương trợ thích hợp.

Sở dĩ có hai chiếc tàu Kilinski của Ba Lan và Stravabol của Liên Xô chuyên ra vào Nam Bắc trong suốt thời gian 300 ngày

để giúp đưa tất cả các cán bộ và chiến sĩ thuộc lực lượng kháng chiến miền Nam ra miền Bắc, vì lúc đó cả Ba Lan và Liên Xô đều là hai nước xã hội chủ nghĩa anh em, đã luôn tận tình ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, và đây là một biểu hiện cụ thể.

Hầu hết những người đi tập kết đều chưa từng đi trên tàu biển nên đa số đều bị say sóng, nhẹ thì ngầy ngật choáng váng, nặng thì xây xẩm nôn ói, có người ói tới mật xanh, nằm vùi không dậy nổi, nhất là chị em phụ nữ, trông đến tội. Riêng tôi thì có cách riêng, mỗi khi nằm dưới khoang mà cảm thấy hơi mệt là leo lên boong hứng gió, lúc nào thấy khỏe lại xuống giường nằm nghỉ, cứ làm như thế, nên khi đến nơi vẫn còn khỏe re, chỉ có điều là khi lên bờ thì vẫn cảm thấy dập dềnh như đang ở trên biển. Cũng vì không bị say sóng nên trong mấy ngày đi trên tàu tôi được hưởng rất nhiều món ngon vật lạ của những người cùng đi trên tàu cụ bị mang theo nhưng họ không nhá nổi vì bị sóng gió nó hành tội.

Thế nhưng chuyến đi này đã đưa tôi đến một quyết định là xin giã từ luôn cái mơ ước được làm lính hải quân, bởi nếm cái hương vị đi tàu biển như thế là đã quá đủ rồi!.

Quá chiều ngày 1-11-1954 tàu đến bờ biển Sầm Sơn, nhưng vì là tàu loại lớn không vào sát bờ được, nên các tàu há mồm của Pháp phải đến cập mạn chuyển bộ đội vào đến tận đầu cầu phao làm bằng tre bắc từ bờ ra. Từ xa chúng tôi đã nhìn thấy đồng bào Thanh Hóa cầm cờ đỏ sao vàng đứng hai bên đường vẫy chào bộ đội và cán bộ miền Nam ra tập kết. Mãi tận hôm nay khi viết đến đoạn này mà những hình ảnh cảm động đó vẫn còn in đậm trong tâm trí tôi.

Chúng tôi ở lại trạm đón tiếp để được bồi dưỡng lấy lại sức sau mấy ngày đêm đi tàu vất vả. Hằng ngày chúng tôi đều được ăn uống đầy đủ và toàn là những món ngon, trong lúc đó chúng tôi biết rất rõ là đồng bào Thanh Hóa đang bị đói. Dĩ nhiên chuyện



Đồng bào Thanh Hóa tiếp đón cán bộ và chiến sĩ miền Nam tập kết

bồi dưỡng chiêu đãi là của Chánh phủ, nhưng khi thấy cảnh có người mừng rỡ cắc ca cắc cùm mang về nhà những chỗ ăn dư thừa của các anh em chúng tôi, sao thấy thương quá chừng!

Chúng tôi cũng được xem các đoàn Văn công múa hát biểu diễn, xem chiếu các phim của Liên Xô, tất nhiên không phải là phim câm phải vừa chiếu vừa có cô Bá kéo ác-coóc tấu theo như hồi còn ở trong Nam, và nhiều lúc cùng liên hoan múa xôn đô xôn với các cô gái trẻ của địa phương.

Sau vài ngày nghỉ dưỡng lại sức, chúng tôi rời trạm đón tiếp, bắt đầu hành quân bộ ngang qua thị xã Thanh Hóa về đóng trong các nhà dân ven bờ Bắc đê sông Mã, gần cầu Hàm Rồng.

Đến ở trong nhà dân, sống chung với dân, mới thấy hết được mọi cơ cực đói rét của đồng bào. Khi còn ở miền Đông, chúng tôi đã từng chịu đói, nhưng đói có nghĩa là ăn chưa đủ no chứ lúc nào trong bụng cũng có thứ lương thực nào đó, nếu không phải cơm thì là ngô, không phải ngô thì là khoai củ, còn nói ăn cháo ăn rau khi đói cũng chỉ là theo cách nói theo thói quen. Còn đồng bào ở đây thì sao, may lắm là có cháo loãng nấu với rau má, hoặc củ chuối, và thậm chí có lúc chỉ toàn là rau má hoặc củ chuối, thứ mà lần đầu tiên tôi mới thấy người ta ăn thay cơm, mà có lúc ăn cũng không đủ no. Còn quần áo thì một màu đen hoặc màu nâu, vá chằng vá đụp, và vì không có xà bông để giặt nên đầy rận là rận, có lúc không thể bắt hết bằng tay chỉ đem phơi nắng xong giũ ra rồi dùng ve chai cào nghe rào rào, thú thật nghe mà nổi gai ốc. Và cũng chính mắt tôi nhìn thấy vào một sáng sớm có người nằm chết ở bãi cát ngoài đê vì đói và rét.

Nguyên nhân vì sao ư? Quả thật có nguyên nhân là vì đất hẹp, cần cỗi mà người lại đông, năng suất tính trên đầu người chẳng được là bao, năm đó còn bị mất mùa, nhưng theo tôi nghĩ còn có nguyên nhân quan trọng hơn là trên cái nền thiếu thốn đó họ còn phải ra sức đóng góp đầy đủ cho kháng chiến nuôi quân trong trận chiến thắng Điện Biên Phủ, bởi Thanh Hóa là

một trong số các tỉnh hậu phương của miền Bắc, mà cuộc chiến tranh cũng chỉ mới chấm dứt được vài ba tháng, sức dân chưa kịp hồi phục.

Thế nhưng tinh thần và thái độ của người dân xuất phát từ lòng yêu mến đối với đồng bào miền Nam, và cũng do được chuẩn bị tư tưởng trước nên phải nói là tuyệt vời. Trong suốt thời gian sống trong nhà dân ở Thanh Hóa, chưa lần nào tôi thấy họ chịu nhận phần lương thực do chúng tôi tự động bớt ra từ tiêu chuẩn bữa ăn để san sẻ cho họ vì thấy họ quá thiếu thốn, và cũng phải nói thật là quá đói. Người ta cũng nhường những chỗ rộng rãi khoáng dang cho chúng tôi, còn gia đình họ thì ăn ở trong phần rất chật chội, có khi cả nhà chỉ rút vào trong nhà bếp. Nếu như ngày nay, nhà cửa của ai cũng có chỗ ăn chỗ nằm, nhưng khi có khách đến ở nhờ hoặc thăm viếng năm ba ngày thì lắm lúc cũng cảm thấy bức bối, còn xưa kia mỗi lần chúng tôi đến đóng quân thì cũng mười bữa nửa tháng trở lên, nhưng lúc nào họ cũng tỏ ra vui vẻ niềm nở. Và tôi còn nhớ khi ấy chúng tôi còn rất trẻ, chưa thật sự có ý thức, lại rất mê đánh tú-lơ-khơ, nên có lúc chong đèn chơi đến khuya, trong khi nhà họ không có đủ dầu để thắp sáng, cũng có lúc cái rân trời đất làm ảnh hưởng đến giấc ngủ và sức khỏe nhưng không bao giờ nghe tiếng họ phàn nàn, lắm lúc lại còn mang cho chúng tôi ấm nước chè, nước vối.

Sau này nghĩ lại mới thấy đáng tiếc là lúc đó do trẻ người non dạ nên không ít người trong chúng tôi không nhận thức được một cách đầy đủ sự quý giá trong các nghĩa cử của đồng bào để có cách ứng xử đúng mực hơn, mà chỉ giản đơn cho rằng đó là trách nhiệm của người dân đối với bộ đội, thậm chí có đứa còn coi khinh dân miền Bắc bởi thấy họ nghèo khổ so với người miền Nam.

Chính lúc chúng tôi đang đóng quân ở Thanh Hóa thì đang diễn ra rầm rộ phong trào cải cách ruộng đất. Người ta đang chủ trương cho nông dân đứng lên đấu tố địa chủ để đòi lại quyền

lợi về ruộng đất và yêu cầu họ phải đền các tội ác mà họ đã từng gây ra đối với giai cấp nông dân.

Là bộ đội, chúng tôi từng được giáo dục “thấm nhuần” quan điểm giai cấp là ghét địa chủ theo một ngôn ngữ của Trung Quốc là “quạ ở đâu cũng đen”, và thường được huy động tham gia các cuộc đấu tố làm hậu thuẫn cho nông dân đấu tranh. Trước mỗi lần như vậy chúng tôi được yêu cầu triệt để đứng về phía nông dân, phải thực sự căm thù giai cấp địa chủ. Mà có một lực lượng vũ trang lăm lăm vũ khí trong tay ngồi trước trường đấu thì có lão địa chủ nào, dù có kiên cường hoặc ngoan cố đến mấy lại không run sợ?. Khi đi dự các cuộc đấu tố thì quy định chỉ được mang súng mà không được mang theo đạn, e rằng lúc căm thù trào dâng có khả năng sẽ nổ súng vào địa chủ, dễ xảy ra chết người.

Chuyện đấu tố trong cải cách ruộng đất lúc đó rầm trời ở miền Bắc. Không biết chỗ khác như thế nào chớ ở đây thì thú thật qua bao nhiêu lần đến dự, tôi chả căm thù được tí nào mà lắm khi còn thấy tức cười nữa, nhưng vẫn phải cố làm ra vẻ đồng tình với nông dân để khỏi bị quy chụp là mất lập trường giai cấp.

Địa chủ trong Nam thì ruộng đồng thẳng cánh cò bay, ăn trắng mặc trơn, còn ở đây địa chủ gì mà chỉ có một hai mẫu đất, quần áo rách rưới chẳng khác thằng ăn mày. Mà cảnh diễn ra giữa người đấu và người bị đấu cũng có thể làm cho người đến xem cười bể bụng. “Tên” địa chủ thì quỳ gối, có lúc bị trói, có lúc không, còn các ông bà nông dân thì thi nhau lên đài nhảy tung tung, trỏ ngón tay vào mặt xia xối, tố khổ, mà ráng nghe mãi cũng chẳng thấy có tội nào đáng tội, lắm lúc còn thấy người ta quá “căm thù” nên còn túm lấy tóc người ta mà đánh. Nhưng nghe người ta đấu tố cũng không thể nhịn cười với giọng xú Thanh:

“Tiên sư bố nhà mi, cả nhà mi ức hiếp nhà choa... Mi để cho con tru nhà mi nó đến ăn lọa nhà choa...”. Khi trở về, tôi từng nói riêng với bạn bè: “Ông nội tôi còn không căm thù nổi, thì làm sao có thể bắn với giết mà nói chuyện mang đạn hay không mang đạn!”.

Nhưng dù thế nào đi nữa thì những việc đó cũng không thể xóa nhòa trong tâm trí tôi những cách xử sự ân tình của đồng bào ở những nơi chúng tôi từng đến đóng quân trên đất Thanh Hóa khi chúng tôi vừa chân ướt chân ráo có mặt trên miền Bắc.

Tháng 2-1955, tiểu đoàn được giao nhiệm vụ đi chống di cư ở vùng Bùi Chu, Phát Diệm. Từ Hàm Rồng chúng tôi hành quân ra huyện Nga Sơn, gần Phát Diệm. Đây là vùng Công giáo toàn tòng, từng là vùng khét tiếng chống Việt Minh hồi còn kháng chiến. Sau khi hòa bình lập lại, bọn phản động còn lợi dụng tôn giáo để ra sức tuyên truyền xuyên tạc nào là cộng sản diệt đạo, nào là Chúa đã vào Nam, hồng dọa dẫm và lôi kéo bà con giáo dân di cư vào Nam, mục đích đưa đồng bào vào làm hậu thuẫn cho các thế lực phản động đã theo chân Pháp chạy vào Nam sau ngày đình chiến. Lúc này thì tàu Pháp thường lớn vờn ở vùng biển Ninh Bình, sẵn sàng đón các gia đình Công giáo gánh gồng bồng bế nhau chạy ra biển.

Hồi còn trong Nam, từng nghiên cứu các tài liệu của Phòng Nhì Pháp liên quan đến tôn giáo, và qua thực tiễn bọn Pháp đã từng lợi dụng các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo để xúi giục các giáo dân chống lại Việt Minh, tôi thấy chuyện này không có gì là mới, giỏi hay không là ở chỗ chúng ta có thể dùng lễ phải và thực tiễn để có thể tuyên truyền vận động thuyết phục được họ.

Lúc đầu nhiều nhà dân đã cấm cửa không cho chúng tôi vào tiếp xúc, có lúc bọn phản động còn ném cả lựu đạn vào nơi đóng quân để vừa đe dọa chúng tôi, vừa uy hiếp tinh thần đồng bào. Thế nhưng do lòng kiên trì chịu đựng mọi khó khăn thử thách từ nhiều phía, nên từng bước chúng tôi từ tiếp cận, đến tuyên truyền giải thích, rồi tiến tới hòa đồng được với đồng bào, từng bước làm cho lòng dân được yên, và cuối cùng cơ bản đã chấm dứt được tình hình di cư bất hợp pháp trong đồng bào Công giáo.

Vào khoảng đầu tháng 3-1955, lần đầu tiên các đơn vị bộ đội miền Nam tập kết được tiếp đón đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị

Tổng tư lệnh mà chúng tôi hằng ngưỡng mộ, đến thăm và huấn thị. Trông đại tướng khá bình dị với bộ đồ đại cán, đầu đội nón cối, không quân hàm quân hiệu nhưng toát ra cái “thần” của một vị võ tướng từ cách đi đứng cho tới lời ăn tiếng nói, và trong những lời dặn dò rất ngắn gọn tôi nhớ nhất một ý là nên coi chừng cái máu “anh hùng chủ nghĩa” của lính Nam bộ.

Đầu tháng 5-1955 tôi được lệnh tập trung lên trung đoàn nhận nhiệm vụ mới. Thật bất ngờ khi đến nơi mới biết là mình được chọn đi học, nhưng học gì thì cũng chưa rõ.

Từ Thanh Hóa chúng tôi ngồi trên chiếc xe chở khách hiệu Renault ra Hà Nội, được bố trí ở trong một nhà dân tại phố Khâm Thiên. Hôm sau tôi tranh thủ đi tham quan thành phố, và tôi cố làm sao cũng phải hỏi đường đi đến ba nơi mà tôi từng nghe ca tụng của thủ đô, đó là hồ Hoàn Kiếm, chùa Một cột và Cột cờ. Đến hồ Hoàn Kiếm tôi chẳng thấy đẹp đẽ gì cả, chẳng qua là một cái ao to, nước xanh dờn, lộn cợn rong rêu. Sở dĩ tôi có cái nhìn như vậy vì tôi vốn là dân sống trong vùng sông nước, ao to ao nhỏ, đầm to đầm nhỏ tôi từng thấy rất nhiều, nên cái hồ Hoàn Kiếm có chút xiu thì đâu có ăn thua gì!. Đến chùa Một cột tôi càng thất vọng hơn, bởi xem trong sách giáo khoa thấy nó to lớn, nhưng đến nơi thấy nó chỉ lớn hơn cái chuồng bò câu một tí. Chỉ đến khi leo lên Cột cờ qua các bậc thang bên trong đến các ô cửa bên trên nhìn bốn bên thấy được nhiều cảnh đẹp chung quanh trong nội ô Hà Nội, tôi lại thấy thích hơn nhiều.

Ngày 16-5-1955, lần đầu tiên trong đời tôi được lên tàu hỏa đi từ Hà Nội về Hải Phòng, nơi quân đội Pháp mới rút đi ngày hôm trước, đưa theo một số dân thường di cư vào Nam. Chúng tôi tập trung ngồi trên một bãi cỏ, nơi đây còn vương vãi bao nhiêu rác rưởi hỗn độn, tàn dư của một cuộc chuẩn bị di tản của nhiều người. Buổi chiều, khi trời tắt nắng chúng tôi hành quân bộ về Kiến An, cách thành phố Hải Phòng khoảng 10 km. Từ xa tôi đã nhìn thấy một khu vực rực sáng với nhiều ánh đèn điện nhấp nháy trên cao,

đến nơi mới nhận ra đó là những dãy nhà trên đồi, còn nhiều nhà bên dưới thì vì bị che khuất nên không thấy. Đây vốn là một căn cứ của hải quân Pháp còn nguyên vẹn sau khi họ rút đi, dưới bến thì có cầu tàu, trên bờ thì nhà cửa trên cao dưới thấp khang trang, tiện nghi còn khá đầy đủ có thể vào ở được ngay.

Có lẽ chúng tôi là đoàn đến đầu tiên, và chỉ mấy ngày sau thì hầu như đã đến đông đủ, quân số trên cả ngàn người.

Đây là trường văn hóa đầu tiên của quân đội nhằm dạy văn hóa và ngoại ngữ, chuẩn bị cho việc đưa học sinh ra nước ngoài, mà chủ yếu là qua Trung Quốc để đào tạo quân sự. Trường lấy tên nghi trang là tiểu đoàn 126, hiệu trưởng là đồng chí Lê Quang Hòa, sau này được phong hàm thiếu tướng. Nếu tính từ ngày hòa bình lập lại vào tháng 7-1954 đến lúc đó thì chưa được 10 tháng, và cũng chỉ một ngày sau khi quân Pháp đã hoàn toàn rút khỏi miền Bắc mà đã mở được một trường văn hóa quy mô, chuẩn bị cho việc đưa học sinh quân sự ra các nước Xã hội chủ nghĩa đào tạo nhằm tiến tới xây dựng một quân đội chính quy hiện đại thì quả là tầm nhìn sáng suốt của Bác Hồ, của đại tướng Võ Nguyên Giáp. Và cũng chỉ sau bốn năm thì lớp cán bộ được đào tạo đầu tiên đã tốt nghiệp trở về góp phần vào việc xây dựng quân đội, một số lại trở về miền Nam tham gia chiến đấu chống Mỹ.

Học viên là những người được chọn lọc từ tất cả các đơn vị bộ đội trong cả nước từ Nam chí Bắc, chủ yếu trên ba mặt: thành phần giai cấp, sức khỏe và có sẵn một trình độ văn hóa nhất định. Cấp bậc thì từ cán bộ tiểu đội cho đến cán bộ sư đoàn, trong đó có cả các anh hùng quân đội. Yêu cầu khi kết thúc khóa học là phải đạt trình độ toán, lý lớp 10 theo hệ 10 năm, và có thể trực tiếp nghe giảng bài bằng tiếng Hoa không phải thông qua phiên dịch. Tổng cộng tất cả khoảng 1.500 người được biên chế thành 12 đại đội, tôi thuộc đại đội 10. Tại đây tôi gặp lại một số anh em cùng tốt nghiệp Trường Lục quân như Nguyễn Văn Ba, Lâm Văn Lích, Trần Văn Lại.

Cũng có một chuyện vui về học viên là cán bộ cao cấp mà tôi được nghe chính nhân vật đó kể lại.

Anh Trần Thanh Từ, gốc người Thừa Thiên, cán bộ cấp Sư đoàn được điều đến học ở đây, và theo quy định bảo vệ cán bộ cao cấp thì mỗi khi ra khỏi doanh trại phải có chiến sĩ cận vệ đi theo. Lúc này tuổi anh cũng đã lớn và đang trong quá trình tìm hiểu yêu đương với một cô giáo tại Kiến An tên Đình. Chiều chiều khi cơm nước xong xuôi, anh lại ra chỗ hẹn hò và hai người thường vừa đi vừa tâm tình trên đoạn đường dài dọc theo sông Kiến An. Vì tình hình an ninh trong vùng mới giải phóng còn chưa ổn, và sợ phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra bất trắc, nên hai anh chị đi đến đâu thì cậu cận vệ cứ theo tò tò đến đó nên nắm tay nhau cũng không dám, rồi mỗi khi muốn ôm hôn nhau lúc chia tay, quay đầu nhìn lại thì đã thấy cậu cận vệ đang đứng lù lù ngay phía sau nên cả hai đều mất hết hứng đành nuốt nước bọt mà về. Buổi tối trở về doanh trại nằm ngủ mà cứ tức anh ách, nhưng biết làm sao được, bởi đó là quy định ưu tiên dành riêng cho cán bộ cao cấp kia mà! Nghe kể đến đây tôi chợt nhớ hạng lính lác như chúng tôi lúc đó lại sống hơn nhiều. Cứ mỗi chủ nhật là cả đám nhảy lên đi ké xe chở nước ra Hải Phòng tha hồ mà “hoạt” đến tối mịt mới trở về, miễn còn kịp giờ điễm danh buổi tối...

Việc được chọn đến đây học văn hóa để chuẩn bị đi học quân sự ở nước ngoài sao trùng hợp với lời phỏng định của các anh trong tiểu đoàn từng nói mấy tháng trước khi khuyên tôi nên dứt khoát không tổ chức đám cưới, và đó cũng chính là điều tôi hằng mơ ước trước khi đi tập kết. Mà sao nó lại đến nhanh tới mức không ngờ!

Như vậy là một lần nữa thuận lợi đã đến với tôi sau lần được tuyển đi học Trường Lục quân. Hơn thế nữa, lần này lại được nhà nước nuôi cho ăn học văn hóa đến hết lớp 10, nghĩa là đến kết thúc bậc trung học, và nếu tính như trước kia thì đã tương

đương với bậc tú tài, điều mà tôi chưa bao giờ dám nghĩ tới. Ngoài ra lại còn được học thêm môn sinh ngữ tiếng Hoa. Khi nhận quân trang quân phục mới, sách vở bút mực mới, tiền phụ cấp tiêu vật theo tiêu chuẩn mới, tôi ngồi mà tần ngần tần ngần như vừa tỉnh giấc mơ. Có bao giờ cha mẹ nghèo khó của mình lại có thể lo cho mình một cách chu đáo và đầy đủ như thế này! Tôi chỉ biết thầm cảm ơn Tổ quốc đã cho tôi được hưởng ân huệ này.

Vì cùng chung một chương trình nhưng trình độ của các học viên lại khá chênh lệch nên cách giảng bài và cách đánh giá kết quả học tập cũng có phần chiếu cố theo số đông, hơn nữa trong đó cũng có một số môn tôi đã được học từ trước, nên việc học tập của tôi cũng khá ung dung nhàn nhã. Không bỏ phí thời gian, tôi tập trung công sức vào học Hoa văn, môn học mà tôi thấy khá thích thú.

Nhớ lúc ban đầu, khi thấy các giáo viên xem họa báo tiếng Hoa và đọc được các nội dung minh họa phía dưới, tôi phục quá chừng, và ước sao chỉ cần đạt đến trình độ như thế là thỏa mãn lắm rồi. Thực ra thì các vị này không phải là những người được đào tạo chuyên ngành tiếng Hoa để làm giáo viên ngoại ngữ, mà chỉ là những người từng được học quân sự ở Trung Quốc, do yêu cầu cấp bách nên được bổ túc thêm một thời gian ngắn để kịp về làm giáo viên Hoa văn của trường, vì vậy đa số trình độ cũng chỉ có hạn.

Bản thân tôi từng học tiếng Pháp, đã quen với các quy tắc về văn phạm, về cách phát âm, có phương pháp học tốt, mà lại cố gắng tranh thủ mọi thời gian tự học thêm, nên sau một năm thì trình độ Hoa văn của tôi đã vượt xa nhiều giáo viên, và được đánh giá là giỏi nhất nhì trường. Viết đến đây tôi chợt nhớ đến câu chuyện mà chị Tư Hoa, lớn hơn tôi 11 tuổi, khi từ Mỹ về có kể lại rằng, lúc tôi mới được 8 tháng tuổi thì trong nhà ai nói câu nào, dù khó đến mấy, tôi cũng lặp lại được, đến nỗi Bà nội phải thốt lên rằng: “Thằng đó thành tinh rồi”. Có lẽ chính vì

khả năng đặc biệt đó mà tôi có thể học ngoại ngữ rất nhanh, chữ Pháp trước đây cũng như chữ Hoa sau này.

Trong thời gian theo học có một anh chàng đảng viên, tên Tú, cứ rà rà hỏi về lý lịch của tôi: cha mẹ bao nhiêu tuổi, làm nghề gì, bà con dòng họ ra sao, do đâu mà tôi có điều kiện học văn hóa khá như vậy, v.v...? Và cứ theo hỏi đi hỏi lại nhiều lần, hình như là để đối chiếu xem lời nói của tôi có tiền hậu bất nhất không, và tôi đoán có lẽ là mấy lão nghi ngờ về thành phần dân nghèo thành thị mà tôi từng khai trong lý lịch. Chắc họ thấy con người của tôi, theo cách nhìn của dân xứ Bắc, thì không có tí gì là nghèo khổ cả, bởi tướng tá cao lớn, nước da trắng trẻo, và rất phong độ, lại có phần bảnh trai nữa, thế thì làm sao mà thuộc tầng lớp dân nghèo được. Mà cứ cách một thời gian lại trở lại hỏi, tôi cũng đâm nghi, đến nước bực quá tôi bèn chửi thề: “Đ... anh làm cái chó gì mà cứ theo hỏi mãi thế, có cho theo học thì cho, không thì thôi, chó làm gì dữ vậy?”. Mà cách trả lời của tôi chắc là làm anh ta rất phật lòng, và không biết sau đó lời nói của tôi có được ghi vào sổ bìa đen hay không.

Viết đến đoạn này tôi lại nhớ một chuyện vui. Khi chúng tôi mới bắt đầu yêu nhau, lần đầu tiên tôi đến trình diện ông bà nhạc gia tương lai, mấy hôm sau tôi hỏi bà Hồng là ba má có ý kiến gì không? Bà xâ tôi thuật lại y câu nói của Ông Già: “Ba coi chắc nó là con nhà có tiền!”. Nghe đến đây tôi cười ha hả: “Có tiền gì mà có tiền, nghèo rớt mồng tơi thì có!”. Rồi nghĩ lại chuyện cũ về tay đảng viên tên Tú ở trường khi xưa, chắc người ta có cái lý để nghi ngờ việc kê khai lý lịch thành phần dân nghèo thành thị của tôi, bởi chính ông già vợ là bậc trí thức Nam kỳ chính cống của mình còn nhìn lầm, huống chi là dân bản nông xứ Bắc.

Lại có một chuyện khác. Số là vào mùa đông, trời rét, nên nhà trường có phát cho mỗi anh em là dân miền Nam một tấm tranh để lót làm nệm ngủ cho đỡ lạnh. Hôm đó cả đại đội được tập hợp, và ông chính trị viên người Khu 5 đứng ra tuyên bố đây là “chiếu

cố miền Nam”, nghe hơi ngửa lỗ tai, bởi tôi nghĩ rằng nói chiếu cố miền Nam là nói những chuyện đại sự, chớ đem những chuyện lật vật như thế này mà ghép vào thì làm tầm thường hóa một ý nghĩa lớn lao, nên tôi nói nhỏ với thằng bạn miền Nam bên cạnh: “Cục cút gì mà một tấm tranh cũng nói là chiếu cố miền Nam”. Không biết có ai khác nghe thấy lời nói của tôi hay không.

Tháng 11-1955, miền Bắc gặp phải trận bão số 10 rất to, sức gió đến cấp 12-13. Đây là lần tiên tôi biết thế nào là bão ở miền Bắc. Trong những cơn gió giạt, tôi thấy các tấm tôn lợp trên nhà kho bị gió cuốn bay lên trời lúng liếng như những tờ giấy bay lượn trên không, rồi lâu lắm mới rơi được xuống đất cách đó một quãng xa. Trong lúc đó thì chúng tôi chỉ dám đứng trong nhà mà nhìn bởi đứng ở ngoài thì khi tôn rơi xuống dễ đứt đầu như chơi. Còn cây cối thì gãy đổ khắp nơi, cành lá rơi tả. Khi bão tan, nhìn khắp cả trường là một cảnh tan tác tơi bời.

Tiếp sau đó chúng tôi lại được huy động đi hộ đê ở huyện An Lão. Lại một cảnh tượng tàn phá khác hơn, nước tràn đầy đồng, đầy ruộng, lúa má hoa màu đều bị nhấn chìm, chỉ còn lơ thơ vài ngọn nhô lên khỏi mặt nước. Mà nước ngoài sông lại tiếp tục tràn qua các đoạn đê bị vỡ, uy hiếp vườn tược nhà cửa của dân. Anh em chúng tôi phải trằm mình dưới nước làm lá chắn sống, tạo điều kiện cho người ta mang đất tới đắp hòng chặn luồng nước hung dữ đang hoành hành. Đến đây tôi càng thấm cái danh từ kép “bão lụt”, bởi bão và lụt luôn đi đôi, và chẳng anh nào kém tác hại hơn anh nào.

Gặp bão rồi lại chống lụt, chợt nhớ đến trận bão lụt năm Thìn 1952 ở miền Đông năm xưa. Trời đất quả là khắc nghiệt với con người! Thế nhưng trong trận bão lụt năm 1952 ở miền Đông Nam bộ thì chúng tôi chỉ tự lo cho mình, còn dân thì phải tự lo cho dân. Trong lần này thì đồng bào lại được bộ đội hỗ trợ mọi mặt, giảm đi rất nhiều tác động do bão lụt gây nên.

Mới xa miền Nam hơn một năm, mà sao cảm thấy như đã rất lâu, và cũng đã bắt đầu day dứt với nỗi nhớ quê hương khi thời hạn

hai năm đã gần kề, nhất là khi nghe ở trong Nam kẻ thù đã ra tay khủng bố trả thù ở Ngân Sơn, Chợ Đước. Vì thế mà tình cảm giữa những người miền Nam chúng tôi càng khăng khít hơn, và khi nói đến hai chữ “miền Nam” thì thấy cái gì đó nó gần gũi thân thương.

Nhớ khi đó ở Hải Phòng có khá nhiều trường học sinh miền Nam, như Trường 4, Trường 6, Trường 24... Mà có lẽ hai Trường 4 và 6 là những nơi được sự để mắt dòm ngó của số anh em bộ đội miền Nam chúng tôi, bởi hai Trường này đều là Trường nữ, nhiều cô tuổi cũng đã lú lúa, và bắt đầu chập chững biết yêu. Mà tuổi chúng tôi lúc đó cũng khoảng 20-22, nên vừa khao khát tình cảm quê hương, mà khao khát cả về tình yêu. Cho nên đứa nào khéo chọn và kết thân được với mấy cô nữ lớn lớn ở các trường này thì coi như được cả đôi đường. Không đặt yêu cầu gì cao xa, chỉ cần ngày chủ nhật đến trường nhả ra ngồi ở phòng thường trực để trò chuyện, thì có thể nói từ sáng đến chiều, khỏi cả cơm nước. Còn đứa nào có cô bạn được người thân xin phép ra khỏi trường thì trên cả tuyệt vời. Mà cũng được đến thế là cùng bởi bà Sáu Ngải và các ông bà hiệu trưởng khác luôn giữ chặt chẽ, lại còn bắt mấy đứa con gái phải gọi cánh bộ đội chúng tôi bằng chú, thế mới chết chớ!

Nhưng mấy ông già bà già làm sao mà có thể bịt hết được các lỗ hà lỗ hồng, nên cho dù có bao nhiêu biện pháp cấm đoán nghiêm ngặt đến đâu, chúng nó vẫn có thể thể non hẹn biển với nhau, còn đứa nào có rụt rè cho lắm thì cũng xây dựng mối quan hệ anh em, bạn bè. Mà chỉ đến mức đó thôi cũng đủ làm cho các vị lãnh đạo đau đầu lắm rồi, bởi các ông các bà rất sợ một khi các cháu đã tơ vương vào con đường tình cảm yêu đương thì đâu còn tâm trí nào mà học với hành nữa!. Nghĩ cũng thương và tội nghiệp các vị xuất phát từ tình thương và trách nhiệm nên các vị phải cố gắng giữ gìn để các em các cháu được học hành đến nơi đến chốn, tuyệt đối không để xảy ra “sự cố”. Tội nghiệp là thế, nhưng cũng đâu có tránh khỏi!

Tôi cũng không ngoại lệ, với tình hình đấu tranh thống nhất lúc bấy giờ, lại còn được chọn đi học, thì lượng rằng con đường về Nam chắc còn xa vời. Và cũng đang khát khao tình cảm, mà quanh năm suốt tháng quanh quẩn trong doanh trại trên đất Kiến An xa xôi, nên cũng nhiều lần theo chân đám bạn, lân la đến các trường này mong sao được nghe các giọng nói và tiếp xúc với các cô gái miền Nam. Thế rồi dần dà cũng làm quen với một cô em Khu 5 ở Trường 4, mắt hơi lé nhưng rất có duyên. Thế nhưng có một lần tôi lại gặp một anh chàng cũng là dân Nam bộ đang học chung trường cũng đến thăm, nên tôi bắt đầu ngảng ra, rồi bỏ lơ luôn. Sau này không ngờ tôi lại có dịp gặp cô ở Sài Gòn, chồng đã chết, mà nói chuyện thì toàn là nhà cửa, đất đai và tiền bạc, nghe chán ơi là chán, chẳng còn hứng thú mong gặp lại lần thứ hai...

Gần cuối năm 1956 nhà trường bắt đầu phân chia các đoàn chuẩn bị đến ngày lên đường đi học các ngành chuyên môn quân sự ở Trung Quốc, tôi cũng được gọi tên sớm, nhưng không phải đi học, mà đi làm phiên dịch để hỗ trợ cho anh em khác học tập. Được gọi là phiên dịch nhưng nhiệm vụ của tôi không phải là đứng lên dịch lại toàn bộ bài giảng của các giáo viên Trung Quốc, bởi tất cả học viên cũng đã từng được học tiếng Hoa khi ở trường như tôi, mà chỉ cần giải thích lại những chỗ mà các anh em chưa thật hiểu nếu có yêu cầu. Được chỉ định vào nhiệm vụ đó tôi rất hựt hắng vì sẽ không được đi học những ngành nghề chính quy hiện đại mà tôi hằng mong ước. Tôi cũng hoài nghi không biết có phải lý do chính là ở chỗ tôi đã có phản ứng mạnh khi người ta muốn tìm hiểu về thành phần giai cấp của gia đình tôi hay không. Nhưng dù có một trăm lý do để thắc mắc, để hoài nghi thì chuyện phân công là phải chấp hành, đó là kỷ luật quân sự, không thể nói “On-đơ”^{*} gì cả! Nhưng mặt khác tôi lại nghĩ chưa chắc đã là rủi hoàn toàn, bởi ít nhất tôi cũng còn được đi ra nước

* On-đơ: tức là “một-hai” trong tiếng Pháp.

ngoài, và biết đâu đây lại là một điều kiện thuận lợi hiếm hoi có thể nâng cao tầm hiểu biết về mặt văn hóa xã hội của một nước lớn. Rồi tôi sẽ có nhiều dịp mà không phải ai học tiếng nước ngoài cũng có, là được thường xuyên tiếp xúc với người bản xứ, được coi như là “những quyền tự điển sống”, để trau dồi trình độ của mình. Mà một người thật giỏi tiếng Hoa đâu phải là bỏ đi, nếu không phải nói là khó tìm? Còn về lĩnh vực chuyên môn quân sự, thì với trình độ văn hóa và ngoại ngữ thuộc hạng ưu, khi cùng dự lớp, tôi vẫn có thể tiếp thu đầy đủ mà có khi còn tốt hơn mọi kiến thức mà nhà trường sẽ giảng dạy cho anh em học viên Việt Nam. Và biết đâu cuộc đời của tôi sẽ sang một trang mới?

Tôi và một số anh em khác gần chục người được rút về Tổng cục Chính trị, chuẩn bị đi Trung Quốc, như thế cũng là mừng được một bước.

Lần đầu tiên trong đời tôi được may đo một bộ đồ vía mới kiểu Tôn Trung Sơn bằng dạ, đóng một đôi giày cổ cao bằng da màu nâu, chọn một cái mũ lông thú giả, cấp hộ chiếu công vụ và một số tiền nhân dân tệ dần túi. Như vậy là tôi cảm thấy cuộc đời đã bắt đầu “lên hương”, không còn là anh lính với bộ quần áo “36 đường gian khổ” như trước đây. Sở dĩ có tên gọi là quần áo “36 đường gian khổ”, bởi khác với cán bộ cấp cao được mặc áo bốn túi, cánh lính lác chúng đều mặc áo 2 túi, trên bờ vai còn tấp thêm một mảnh vải dày với những đường may chằng chịt, để vác súng không bị sờn.

Đây cũng là lần đầu tiên tôi được đi ra nước ngoài, một chuyện mà thời đó khiến tôi nghiễm nhiên được coi là có giá, bởi vào những năm 1956-1957, giải phóng được vài ba năm, thì đâu có bao nhiêu người được như tôi!.

Lên tàu tại ga Hà Nội vào buổi trưa, chỉ có cán bộ đại diện Tổng cục Chính trị ra tiễn, chẳng có người thân mà cũng chưa có người yêu. Đến tối thì đến ga Bằng Tường, rồi chuyển sang tàu Trung Quốc.

Bởi lúc đó giữa Việt Nam và Trung Quốc thật là hữu hảo, nên khi bước lên tàu Trung Quốc thì thấy thật sự ấm cúng chẳng khác gì trong nước, công an cửa khẩu ăn mặc đẹp, chào hỏi rất lễ phép và thân thiện khi kiểm tra hộ chiếu, nhân viên phục vụ ân cần giúp đỡ sắp xếp hành lý, chuẩn bị drap giường tươi mát, trên bàn lúc nào cũng có cốc nước trà pha sẵn, trước khi ngủ được nghe một bản dân ca Quảng Đông dịu dịu, dễ đưa hồn người ta vào giấc ngủ say.

Đến sông Trường Giang thì một chiếc phà dài đã chờ sẵn để “tặng bo” cả đoàn tàu qua bên kia sông. Lúc đó đã trên 7 năm sau ngày Trung Quốc giải phóng, nhưng ở hai đầu bến phà thấy còn có rất nhiều xe kéo giống như những chiếc xe do người kéo ở quê tôi năm xưa, và rất nhiều ăn mày lúc nào cũng ngửa tay xin tiền người qua lại. Theo trí nhớ của tôi thì lúc đó Hà Nội không còn xe kéo, và tại ga Hàng Cỏ thì thoáng mới gặp một người ăn mày.

Khi tàu đến Bắc Kinh thì có sĩ quan đại diện của Bộ Tổng Tham mưu Trung Quốc ra đón đưa về nghỉ tại chiêu đãi sở của họ.

Mấy hôm sau, chúng tôi được đưa đi tham quan các điểm nổi tiếng của Bắc Kinh như Thiên An Môn, Cố Cung, Di Hòa Viên. Tôi có nhận xét là mọi cảnh vật đều đồ sộ hơn những gì tôi được thấy ở Hà Nội mà tôi đã từng tìm đến tham quan trước đây, và có nhiều cảnh rất đẹp. Cũng thấy từng nơi họ đều cố công chăm chút công phu, trưng bày bắt mắt nên có rất nhiều khách đến tham quan. Nhưng bên cạnh những cái lạ cái đẹp đó thì có hai thứ làm tôi hơi bất ngờ. Thứ nhất là “cành vàng lá ngọc”, theo hình dung của tôi thì nó phải là cái gì thật sang trọng quý phái, nhưng đến nơi xem hiện vật thì chỉ là một cành cây nhỏ bằng vàng cắm trong một cái chậu con, trên gắn lơ thơ mấy lá bằng ngọc thạch, xem thật hẩm hiu tiều tụy. Thứ hai là giường ngủ của bà Tây thái hậu, xưa kia là bậc nhất vua chúa, chắc phải là vật sang trọng nhất thời đó, nhưng bây giờ nhìn sao nó quá đơn sơ cũ kỹ, được nằm trên giường ấy mà ngủ, chắc chẳng “đã” tí nào. Có đem so sánh

mọi tiện nghi giữa đời xưa và đời nay, mới thấy sự cải thiện quá nhanh trong đời sống vật chất của con người.

Sau đó tôi và ba anh em khác được phái đến làm việc tại Trường Bộ binh Cao cấp Hán Khẩu, tại thành phố Vũ Hán, bên bờ sông Trường Giang, nơi tôi từng nhìn thấy các xe kéo và những người ăn mày ngửa tay xin tiền.

Đập vào mắt tôi khi mới đến là cái khẩu hiệu đồ sộ trước cổng nhà trường: “Quyết tâm giải phóng Đài Loan”. Với khí thế giải phóng lục địa mấy năm trước, người ta dễ nghĩ rằng khả năng giải phóng Đài Loan là trong tầm tay, nên lúc đó khẩu hiệu này được mọi người hoan nghênh, nhưng đến hôm nay đã trên 50 năm mà Đài Loan vẫn còn lơ lửng, không biết bên Trung Quốc có còn sinh loại khẩu hiệu như thế nữa không?

Nhà trường có bố trí hai giáo viên để dạy bổ túc thêm cho chúng tôi về tiếng Hoa, trong đó có một trung úy người Hà Bắc tên Doãn Diệp, nói giọng rất chuẩn như trên đài phát thanh Bắc Kinh. Qua so sánh tôi rất mừng là giọng Quan thoại của mình cũng chẳng có gì kém cạnh. Còn người giáo viên kia thì phát âm đặc giọng Quảng Đông, nghe nhà quê hết sức, tức cái lỗ tai không chịu được. Hỏi ra thì người cán bộ phụ trách của nhà trường cho biết tưởng rằng Việt Nam nằm sát biên giới tỉnh Quảng Đông thì cách phát âm cũng tương tự nên mới chọn một ông dân Quảng Đông về làm giáo viên. Thế có chết người ta không chớ!

Trong một lần lao động xã hội chủ nghĩa ngày chủ nhật, chúng tôi đã tham gia đào đắp đất để xây dựng cầu bắc qua sông Trường Giang. Bất ngờ người ta chụp ảnh dính tôi đang gánh đất, sau đó họ đem về phóng to trưng ở nhà trường, coi như biểu hiện của tình hữu nghị Việt-Trung. Mà thật tình thì lúc đó người ta chân thành quý trọng mối quan hệ này thể hiện trong rất nhiều trường hợp tiếp xúc giữa họ và chúng tôi, không chút giả dối, trong bộ đội cũng thế mà ra ngoài dân cũng thế. Tôi còn nhớ một lần vừa bước chân lên xe buýt thì ông bạn Trung Quốc cùng đi đã

nói với những người đang ngồi trên xe rằng đây là ông bạn quốc tế Việt Nam, tức khắc nhiều người đứng lên nhường chỗ. Cũng có lần tôi đến nhà một sĩ quan của nhà trường gặp hai cha con ông vừa từ trong nhà bước ra, và từ xa cháu bé gọi một tiếng “chú” rồi chạy đến sà vào lòng, làm tôi thấy thật ấm lòng.

Làm việc tại trường được một thời gian thì Tùy viên quân sự Đại sứ quán Việt Nam ở Bắc Kinh điều động tôi lên công tác tại Học viện Pháo binh, chuẩn bị đón một đoàn học viên toàn là cán bộ trung cao cấp từ Việt Nam mới sang. Đến ngày hẹn, tôi cùng đoàn sĩ quan của Học viện từ huyện Tuyên Hóa của tỉnh Hà Bắc đi tàu hỏa lên ga Bắc Kinh để đón đoàn.

Ra đến ga Bắc Kinh tôi thấy có một số cán bộ của Sứ quán Việt Nam đi đón một đoàn cán bộ khác cũng từ Việt Nam sang. Vì lúc đó tôi mặc quân phục Trung Quốc, mà lại nói tiếng Việt với đoàn học viên quân sự mới sang nên nghe các anh bên Sứ quán, cũng là dân Nam bộ, nói riêng với nhau rằng sao hôm nay lại có một thằng “chệt” nói tiếng Việt Nam giỏi thế, mà còn nói giọng Nam bộ nữa chứ!. Tôi tức cười và để chọc thêm một chút chơi, bèn rề lại chỗ các anh, xỏ cho một hơi tiếng Tàu nữa khiến cho các anh càng ngẩn ngơ, rồi mới khai thiết là dân Nam kỳ chính cống. Lúc đó các anh mới bật cười, bởi sao mà tướng tá mặt mũi tôi giống “chệt” quá, mà còn mặc đồ Tàu nữa, thì bố ai mà nhận ra được!. Sau này khi có dịp ghé Sứ quán, gặp nhau các anh thường nhắc lại chuyện vui về “thằng chệt Việt Nam”.

Chúng tôi cùng đoàn cán bộ Việt Nam mới sang cũng được đưa về chiêu đãi sở của Bộ Tổng tham mưu như lần trước. Nhưng lần này thì lại được Tổng tham mưu phó quân đội Trung Quốc chiêu đãi. Thật đúng là tiệc kiêu Tàu, món này ăn chưa hết một nửa thì đã mang ra món khác ê chề thừa mứa.

Cũng có một chuyện đáng nhớ là trong một lần trở lại chiêu đãi sở thì thấy có một số học viên quân sự Cuba đang ở. Nghe nói có cán bộ Việt Nam họ rất thích, tìm đến trò chuyện với



Cùng người bạn thân Trung Quốc đi chơi công viên ở Vũ Hán

chúng tôi, sau đó dẫn tôi về chỗ ở của họ. Điều đầu tiên đập vào mắt tôi là ảnh Hồ Chủ tịch khá to được treo trên tường, nhưng không thấy có ảnh của Mao Trạch Đông, hỏi ra thì họ nói rằng thích Bác Hồ hơn. Đúng là tính cách và tình cảm của dân Cuba đối với Việt Nam, ai đời đi đến nước người ta học tập mà lại treo hình lãnh tụ của một nước khác...

Về đến trường, người ta bố trí chúng tôi ở cùng một dãy nhà với các học viên sĩ quan Trung Quốc, chỉ cách nhau một cái hành lang. Tên nghi trang của lớp chúng tôi, cũng như tại các trường khác, là Ban Hồ Nam, được giải thích Hồ là Hồ Chí Minh, còn Nam là Việt Nam.

Đây là một vùng sát với Nội Mông, dân cư thưa thớt, khí hậu rất khắc nghiệt. Mùa đông có lúc nhiệt độ xuống đến âm 30-40 độ, còn quanh năm thì thường có những trận bão cát từ Nội Mông tràn về. Mỗi lần có bão cát thì trời đất mịt mù không thể nhìn thấy đường đi, chỉ sinh hoạt trong doanh trại. Còn gió cát

là chuyện thường xuyên, nên mỗi khi ra khỏi nhà đều phải mang khẩu trang và đeo kính chống cát kín mít, nhưng vẫn không thể tránh việc cát chui vào mũi vào mắt, mà đặc biệt là vào mắt.

Nhà dân ở đây thấp lè tè mà làm toàn bằng đất, mái cũng đất, tường cũng đất, và bếp nấu ăn cũng bằng đất luôn, bên dưới dùng làm chỗ ngủ chống rét.

Ở vào một nơi có nhiều điều kiện bất lợi về thời tiết khí hậu như thế nên các trang bị cá nhân từ đầu đến chân cũng khá nặng nề: đầu thì đội mũ có lông trùm tai, mắt thì đeo kính chống cát giống như mắt cá thòi lòi, mũi và miệng thì đeo khẩu trang, quần áo thì độn bông hai ba lớp, bên ngoài khoác áo bác-đờ-suy bông dài đến quá gối, chân thì đi bít tất len, giày thì bằng da bên trong có lót lông cừu. Nếu đem cân tất cả chắc cũng trên dưới chục kí.

Yêu cầu của nhà trường là mỗi khi lên xuống lớp với quãng đường gần nửa cây số phải đi đều bước theo hai hàng dọc, trời nắng thì tốc bụi từ dưới chân lên, còn mùa đông đi trên băng tuyết hay bị trượt ngã.

Mùa đông sợ nhất là khi nhiệt độ đã xuống dưới 0 nhưng chưa đến mức âm 5 độ, vì lúc đó hệ thống sưởi nước nóng chung của nhà trường chưa được phép mở. Nhưng dân Việt Nam đâu từng chịu rét cỡ đó, nên đêm đến có bao nhiêu chăn áo đều đem tất tần tật ra đắp, còn phải mang cả hai ba đôi vớ hoặc đặt cái bóng đèn cả trăm watt dưới gầm giường để sưởi ấm. Còn quần áo phơi ngoài cửa sổ, đêm đến quên mang vào thì sáng ra bị đông cứng như cái bánh trắng.

Mỗi sáng sớm dù lạnh hay ấm, có lúc lạnh đến mức âm vài mươi độ, chúng tôi đều ra sân tập thể dục, đá banh, có anh còn học trượt băng. Mà cách tạo ra một sân băng cũng thật đơn giản, chỉ cần be một bờ đất quanh sân rồi dẫn nước vào, qua một đêm là nước đã đông cứng tha hồ mà trượt hết ngày này qua ngày khác cho đến hết mùa đông.

Chúng tôi cũng phải làm quen với đồ ăn Tàu, hầu hết đều là món chiên xào với dầu hạt cải, không có món luộc, mà càng không có món kho, và toàn là thịt, không hề có món cá.

Mùa đông nhà trường thường tổ chức săn dê rừng trên đồng cỏ Nội Mông, và đây là nguồn thực phẩm quan trọng trong cả mùa đông và mùa xuân. Đêm đến, người ta ngồi trên chiếc mô tô 3 bánh, thùng xe bên cạnh có gắn một khẩu trung liên, cứ thế mà rọi đèn chạy trên đồng cỏ, gặp từng đàn dê thì xả súng bắn, đến sáng hôm sau cho xe tải chạy tìm theo đường cũ, nhặt mang về móc ruột, xong chất thành từng đống như những đống củi ngoài trời dọc theo mái hiên. Rồi tuyết rơi sẽ phủ dày một lớp bên trên, hình thành một trạm đông lạnh lộ thiên, và mỗi lần ăn thì chỉ cần moi từ đống tuyết ra đem vài con vào làm sạch và chế biến. Mà thịt của loại dê này lại không hề có mùi hôi như dê nhà, nên rất dễ ăn.

Chúng tôi cũng quen với nếp ở Việt Nam là trồng trọt tăng gia sản xuất. Nhớ có lần chúng tôi trồng cà rốt, cuối mùa thu hoạch được ba bốn tạ, mừng húm. Nhưng đến khi cân bán cho nhà bếp thì giá bán mỗi ký chỉ được 1 xu, tức là công cán mấy tháng trồng trọt chăm sóc chỉ thu được có 3-4 đồng, trong lúc đó thì phụ cấp hằng tháng của mỗi người chúng tôi cũng được 7-8 chục đồng.

Mỗi tuần nhà trường đều phát cho một vé tắm nước nóng. Dân Trung Quốc có thói quen ngâm mình trong bể tắm công cộng, kỳ cọ chán rồi mới lên dội lại bằng vòi sen cho sạch. Còn anh em Việt Nam mình thì không ai dám xuống đó trắm mình, bởi nhìn thấy cái ghét nổi thành váng là đã phát ón.

Còn anh nào muốn sang thì bỏ ra mấy xu, mời một anh “chuyên viên kỳ lưng”, lúc nào cũng ở trường đồng đồng, cái khăn ướt vắt trên vai đi quanh các buồng tắm trong tư thế sẵn sàng, chờ có người gọi là vào dùng khăn kỳ cọ cho bằng hết số ghét bẩn. Còn muốn khoái hơn thì cho thêm một hào rồi nằm dài trên giường

cho họ đâm lưng, xoa bóp. Riêng tôi thì không bao giờ dám, bởi nhìn hình thù các lão thì đã mắc cỡ chết rồi.

Cũng có cái khoái là khi đi cắt tóc, bởi toàn là các cô gái trẻ, mùa đông má đỏ hồng hồng, quay qua quay lại, hết rờ bên này rờ rờ bên kia, còn khi cạo mặt cạo tai thì cạo tới cạo lui hoài, cũng không biết do vô tình hay cố ý mà cứ áp sát bộ ngực mềm mại vào cơ thể trẻ trung của tôi, làm nóng ran cả người!

Tôi cũng rất cảm ơn các cơn gió cát của vùng xa xôi hẻo lánh này, nhờ nó mà tôi có nhiều dịp lên trạm xá khám mắt, để rồi được ôm hôn cô y sĩ, những cái hôn đầu tiên trong đời. Tôi không nhớ ai hôn ai trước bởi điều đó không có gì quan trọng.

Có một lần tôi bị viêm phổi nặng, sốt cao, phải nằm trên trạm xá của trường, bỗng giữa đêm cánh cửa buồng bị kéo ra, tôi mở mắt và trong bóng đêm mờ mờ nhìn thấy một bóng người bước vào rồi khép nhẹ cửa, sau đó đi thẳng đến bên giường tôi. Tôi cứ nghĩ rằng đó là người y sĩ trực, mà đúng thật, nhưng người y sĩ trực đó lại chính là cô gái thân yêu của tôi. Cô đến ngồi bên mép giường, sau đó lại áp ngực vào người và quàng tay ôm cổ tôi. Và chúng tôi ôm nhau như thế thật lâu, trò chuyện thì ít, mà hôn nhau thì thật nhiều. Những giây phút thật ngọt ngào của tình yêu. Nhưng sao mà nó lại quá ngắn ngủi!

Sau khi về phòng trực một lát, cô trở lại ấn vào tay tôi một mẩu giấy, ôm hôn tôi rồi bước vội trở ra. Trong ánh sáng lơ mờ, tôi đọc được dòng chữ: “Hãy khắc sâu vào trái tim những giây phút yêu thương này!”.

Thế nhưng trong quy định không thành văn thời bấy giờ là mọi sự yêu đương như thế đều bị cấm tuyệt. Tôi từng gặp một trường hợp thực tế trên chuyến tàu từ Bắc Kinh về Hà Nội, có một lưu học sinh là con trai của một cán bộ cấp cao của Liên khu 5 bị đuổi về Việt Nam do đã trót yêu một cô gái Trung Quốc, một hình thức kỷ luật mà chúng tôi thường gọi là bị cho đi “toa đen” trên tàu hỏa. Đối với hai đứa chúng tôi cũng thế, dù đã biết đó là

điều không được phép, nhất là trong quân đội, nhưng đâu cưỡng lại được một khi đã gần bên nhau, và trong những giây phút đó thì lòng luôn cảm thấy tràn đầy hạnh phúc nên cũng chẳng màng nghĩ đến hậu quả sẽ đi đến đâu... Nhưng trong vòng rào của nhà trường thì đâu có chỗ nào kín đáo để mà gặp gỡ tâm tình, nên ngoài những lần gần gũi ngắn ngủi nhưng khá hồi hộp trong phòng khám, thì khoảnh khắc riêng tư cũng chỉ may mắn đến với chúng tôi có một lần, và cũng chỉ là một lần duy nhất trong ca trực đêm ấy của cô trong trạm xá.

Rồi một chuyện tôi không bao giờ nghĩ đến lại đến quá sớm. Trong một lần từ trên lớp trở về phòng riêng, mở cửa ra tôi bắt gặp một phong thư nhỏ, bóc ra mới biết đó là những lời từ biệt của cô trước khi lên đường chuyển đến nơi công tác mới, cũng không cho biết đến nơi đâu, ở đơn vị nào. Chỉ duy nhất một câu kết là: “Sẽ mãi mãi giữ trọn tình yêu trong sáng trong lòng”.

Cuộc chia tay bất ngờ làm tôi cảm thấy hụt hẫng trong một thời gian, nhưng đâu dám thổ lộ với ai. Nếu nói thất tình thì không đúng, nhưng luôn cảm thấy có cái gì đó tiếc nuối vẩn vương, rồi cũng nhiều lúc hy vọng cô bất ngờ trở lại... Nhưng điều đó đã không bao giờ xảy ra, kể cả một bức thư cũng không. Mà suy cho cùng thì như vậy cũng tốt, đỡ phải gặp những chuyện rắc rối về sau. Và tôi cũng nhớ mãi tên cô: Trương Tú Cương.

Rồi việc học tập và các sinh hoạt khác ở trường đã từng bước cuốn hút tôi trở về với thực tại, chỉ còn nhớ lại chuyện cũ trong những đêm vắng một mình.

Chương trình học tập có nhiều môn, cả chính trị và quân sự. Chính trị thì có chủ nghĩa Marx-Lenin, các tác phẩm của Mao Trạch Đông, chính trị kinh tế học, quân sự thì có binh khí pháo binh, kỹ thuật xạ kích, chiến thuật tác chiến... Xem đi xem lại thì thấy có môn binh khí là tương đối khoái vì tôi nghĩ nó có thể có ích cho công tác tương lai của tôi, còn các môn chiến thuật chiến lược thì chỉ có các cán bộ chỉ huy cấp tiểu đoàn trở lên

mới cần. Như vậy là tôi đã chọn môn cần tập trung theo dõi là môn binh khí, thời gian còn lại sẽ giành cho việc nâng cao trình độ tiếng Hoa.

Trong môn binh khí, tôi cũng không thật đi sâu nghiên cứu tất cả các loại pháo, mà chỉ tập vào loại pháo 130 ly, bởi trong mắt tôi nó là loại mới, còn loại 105 hay 122 ly thì ở nhà đã có. Cũng không ngờ rằng các kiến thức về binh khí pháo binh lại có dịp giúp tôi trong khi dẫn các đoàn đi kiểm tra sửa chữa vũ khí khí tài của Sư đoàn phòng không 361 ở Hà Nội, các trung đoàn 214, 280 ở Quân khu 4.

Trong thời gian này, mỗi lần lên lớp tôi đều mang theo một quyển sách tiếng Hoa, khi thì quyển chính trị kinh tế học, khi thì một quyển truyện nào đó, và lúc nào cũng có quyển tự điển bên cạnh. Tôi không thật để tâm vào các nội dung không thấy thật bổ ích trong chương trình học tập, bởi tôi không phải làm các bài kiểm tra sát hạch như các học viên khác, mà tôi chỉ tập trung nhiều nhất vào việc học tiếng Hoa. Đối với từng quyển sách, đọc đến chỗ nào có từ mới, chữ mới là tôi đều tra tự điển rồi ghi chú ngoài lề, hôm sau trước khi đọc đến đoạn tiếp theo là tôi lướt qua các điểm đã chú thích hôm trước. Và cứ lặp đi lặp lại như thế nên mỗi quyển sách đọc xong là hầu như tôi đã thuộc lòng các từ ngữ mới, điều đó là hết sức cần thiết, bởi như mọi người đều biết, đối với chữ Hán thì học chữ nào phải nhớ chữ ấy chớ nào có đánh vần được như chữ Latin, mà Trung Quốc thì lại có hàng ngàn hàng vạn chữ riêng lẻ như thế. Nhờ cách học đó mà càng về sau càng ít phải tra cứu tự điển. Cứ thế mà lần lượt từ quyển sách đầu tiên là *Thép đã tôi thế đấy*, đến *Rừng thâm tuyết dày*, *Xuân, Thu, Gia đình* của Ba Kim, rồi đến các tập hợp văn của Quách Mặc Nhược, thứ mà tôi cho là phong phú về từ ngữ và khó đọc nhất của nền văn học Trung Quốc, nhưng rồi tôi cũng đọc, hiểu, và nhớ hết các từ ngữ mới. Đến cuối cùng là tôi học thuộc luôn quyển *Từ điển thành ngữ* là thứ khó nhá nhất,

bởi nó bao hàm các phương ngôn, ngôn ngữ, điển tích trong văn học cổ điển của Trung Quốc. Trong quá trình tự học như thế lại có cái may là có một giảng viên tiếng Hoa do nhà trường bố trí luôn ở bên cạnh, có thể xem là “một quyển tự điển sống” dành riêng cho tôi. Tôi không biết ở các trường đại học văn, các sinh viên nước ngoài có dịp nghiên cứu chữ nghĩa như thế nào chớ tôi nghĩ rằng điều kiện học tập của tôi là tuyệt vời.

Còn việc nói ư, có cả một lô người vừa là người đối thoại, vừa là giảng viên, đó là những sĩ quan Trung Quốc ở khu lưu trú sát bên cạnh. Mỗi khi rảnh rỗi, tôi luôn đến tiếp cận trò chuyện đủ các thứ trên đời, mà họ cũng rất thích tôi, một cậu thanh niên Việt Nam lúc nào cũng liến thoắng với họ, và qua đó họ lại có dịp tìm hiểu về một đất nước còn khá xa lạ với họ. Có một lần khi đến chơi với họ, một anh sĩ quan cũng hơi cắc cớ, hỏi tôi từ trên vũ trụ về trái đất lúc nào? Tôi biết cha này muốn nói xỏ tôi, y tưởng rằng tôi không biết y muốn nói tôi là con chó Lai-ca trên tàu vũ trụ của Liên Xô đã trở về trái đất an toàn. Nhưng tôi cũng đâu có vừa, bèn bước đến gần vừa vỗ vỗ vào lưng anh ta vừa hỏi rằng hôm nay trời mưa hay trời nắng. Bởi theo ngụ ý thì đó là cách để người ta ám chỉ anh là đồ con rùa, rất nhạy với thời tiết. Mà đã gọi ai là đồ con rùa thì đó là một cách chửi rất nặng của người Trung Quốc. Thấy anh chàng sĩ quan kia thua cuộc, cả đám chung quanh đều cười ồ lên, và cũng lấy làm lạ về hiểu biết của tôi về phong tục tập quán của người Hoa, lại cũng không kém phần lạnh lợi trong cách đối đáp.

Kết quả của cả quá trình cần cù học hỏi của tôi ở trường là tôi đã nói tiếng “chết” như “chết”, mà chữ nghĩa còn có khi hơn một số sĩ quan của họ. Dẫn chứng là có một lần tôi nằm chung bệnh viện với một số sĩ quan, khi họ viết báo tường còn yêu cầu tôi giúp sửa hộ. Lại có một lần đi tàu hỏa từ Bắc Kinh về Hà Nội, trên tàu gặp 3 nữ vận động viên Trung Quốc, khi họ hỏi, tôi nói là người Việt Nam, họ không tin, tôi đành móc hộ chiếu ra cho

họ xem. Tôi còn chơi trò đổ chữ với họ và nhiều khi cũng giành phần thắng. Nhưng cũng phải nói lại là chữ Trung Quốc rất khó học, nói thì có thể nói được, nhưng chữ nghĩa thì không phải ai cũng rành.

Sau này, khi đã ở tuổi 70, chữ nghĩa Trung Quốc tôi vẫn chưa quên, và tôi đã từng nhận dịch một tập truyện bằng tiếng Hoa để ông sui gia của tôi in sách xuất bản. Còn khi làm việc với các đối tác người Trung Quốc ở khu chế xuất, vốn liếng tiếng Hoa của tôi cũng đủ để đối ứng với họ mà không bị sơ hở trong quan hệ giao dịch. Có điều tôi rất tiếc là từ khi về nước tôi chỉ sử dụng được một phần vốn tiếng Hoa của mình, e rằng dần dần có thể bị mai một.

Học được một thời gian, nhà trường cũng đã tổ chức cho chúng tôi đi đến thăm một số trường có học viên Việt Nam đang theo học.

Nơi đầu tiên chúng tôi đến là trường huấn luyện tăng, thiết giáp Trường Tân Điểm. Chúng tôi đến xem một cuộc diễn tập đại đội chiến đấu. Đúng là sức đột phá của một đại đội xe tăng mà lần đầu tiên tôi được chứng kiến quả thật ghê gớm. Tôi chợt nhớ đến các trận đánh trước đây của Tiểu đoàn 302 chúng tôi ở chiến trường miền Đông Nam bộ. Trong những trận tấn công đồn bót thuở ấy thì chỉ cần một đại đội xe tăng như thế này cũng đủ nhai gọn các cứ điểm do một hai đại đội của địch chiếm giữ, đâu cần chi phải tốn công đi trinh sát, chui rào vào rờ rẫm đo đạc từng lô cốt, từng lỗ châu mai cho thêm mệt. Và cũng đúng như suy nghĩ trước đây, nếu phải trở về miền Nam chiến đấu, thì chúng tôi sẽ trở về với những lực lượng như thế này, đủ sức ăn thua chớ không còn bị lép vế như trước đây.

Khi tan buổi tập, nắp xe tăng được bật ra, các học viên Việt Nam nhảy xuống, chạy đến mừng rỡ bắt chặt tay chúng tôi. Nhưng hơi ới, nhìn lại thì thấy anh nào anh ấy nước da cháy nắng đen nhẻm, mồ hôi mồ kê tuôn ra như suối. Các anh còn cho biết cứ mỗi lần diễn tập như thế thì mất đi mấy kí lô.

Bấy giờ tôi mới giật mình và trầm nghĩ, chiến sĩ xe tăng quả như tôi đã từng hình dung và mơ ước khi xưa, chân đi giày ủng, đầu đội mũ da bịt tai, lưng lảng trên ngực chiếc tai nghe bộ đàm, đúng là oai thật. Nhưng đâu có ngờ rằng đời lính của họ lại cơ cực và gò bó đến thế. Phải luôn ngồi bít bùng bên trong xe, nóng phải biết, cũng rất dễ làm mỗi cho các loại vũ khí lôm chống tăng thường phục kích ven đường. Làm sao có thể so sánh được với đời lính bộ binh, nhất là lính trinh sát như chúng tôi trước đây, lúc nào cũng ung dung, tự do tự tại trong khoảng trời đất bao la...

Sau đó chúng tôi lại đến tham quan một căn cứ không quân ở Bắc Kinh. Người ta đã cho chúng tôi trèo lên chiếc máy bay ném bom để quan sát. Tôi thấy chỗ ngồi của người lái chính là tương đối thoải mái, có thể thông qua lớp kính chắn nhìn khắp chung quanh. Còn chỗ ngồi của người chuyên ném bom lại tum hùm, vừa đủ xoay trở qua lại, hể nhóm cao lên một tí là đã đụng đầu.

Xét ra thì thấy chiếc máy bay có thể dọc ngang một cách kiêu hãnh trên bầu trời, nhưng người phi công thì cứ phải ngồi yên một chỗ trong suốt chuyến bay, tâm trí lúc nào cũng phải tập trung cao độ, bởi sơ suất một tí là sinh chuyện ngay. Mà nghe nói việc rèn luyện thể lực và kỹ năng bay thì cũng vô cùng gian nan. Cho nên nghe tiếng phi công chiến đấu thì ai cũng ước mơ, nhưng việc rèn luyện để trở thành một phi công giỏi thì phải trải vi trắc vầy. Còn vấn đề xem xét lý lịch bản thân và ba đời dòng họ gia đình cũng là một cửa ải khó qua...

Sau chuyến đi tàu biển từ Nam ra Bắc, rồi hai lần tham quan thực tế vừa qua, chẳng biết tại sao tôi bỗng thấy không còn chút gì vướng vương với những ước mơ khi xưa. Rồi cái mặc cảm khi được phân ngành nghề trước đây cũng tiêu đi đâu mất luôn.

Ngồi bình tâm suy nghĩ, té ra tôi lại gặp may, bởi lẽ môi trường công tác và học tập hiện nay của tôi là ưu việt hiếm có. Tôi hoàn toàn có thể chủ động trong việc nâng cao trình độ theo ý mình,

không chịu bất cứ áp lực nào, nhất là gánh nặng sát hạch thi cử. Tôi còn được sống trong cái tập thể lúc nào cũng thương yêu tôi, và còn có thể nói “được cung” nữa là khác, bởi các anh đều cao hơn tôi cả về cấp bậc lẫn tuổi đời, và cũng ý thức rằng tôi là người đang phục vụ và giúp đỡ các anh. Riêng anh Trần Thanh Từ, là cán bộ cấp sư đoàn, còn thường xuyên theo dõi giúp đỡ để xét kết nạp Đảng đối với một quần chúng trẻ như tôi. Rồi sau này, khi lần lượt được giao đảm trách nhiều công tác ở nhiều lĩnh vực rất khác nhau thì tôi càng thấy quả là mình đã được cái may trời cho. Bởi nếu cứ theo cái nghiệp tàu bay, tàu bò thì chắc sẽ ở chết một chỗ cho đến lúc về hưu, làm sao có được một hành trình phong phú đa dạng trong cuộc đời mà tôi đã trải qua.

Đối với tôi, lần đầu tiên sắp được đi ra nước ngoài thì háo hức, nhưng chỉ qua sáu tháng nửa năm là bắt đầu ngán, mà nếu không vì nhiệm vụ bắt buộc và sự tiến bộ của bản thân thì chắc tôi đã xin về nước sớm. Mặc dù mỗi năm đều được về phép một lần, vẫn sống trong một tập thể nhỏ nhỏ của anh em Việt Nam ở đây, và thỉnh thoảng cũng nhận được vài bức thư của những người thân quen đọc cũng đỡ buồn, thế nhưng ngoại trừ những giờ lên lớp thì ngày cũng như đêm lúc nào tôi cũng canh cánh trông chờ đến ngày được về nước nghỉ phép. Điều tôi khao khát nhất khi về nước là được thoát khỏi cái cuộc sống nhà binh, quanh năm suốt tháng chỉ bó chân trong doanh trại, mọi sinh hoạt đều rầm rập theo giờ giấc, đêm đến 9 giờ là phải lên giường nằm ngủ. Tôi thích được khoác lên mình bộ thường phục, tối tối một mình đi lang thang trên các con đường vắng, thì thoảng ngửi thấy hương hoa dịu dịu từ trong vườn của một nhà ai đó bên đường, hoặc nghe một điệu nhạc uyển chuyển réo rắt của chiếc đàn violon, có khi bất chợt được ngắm nhìn cảnh hạnh phúc của một đôi trai gái khoác vai nhau đi chậm chậm, vừa đi vừa tâm tình..., rồi đến khuya ghé vào ăn một tô phở nóng trước khi trở về nhà ngủ.

Tôi may mắn là có anh Ba Thanh Nha đang sống độc thân trong một cơ quan ở Hà Nội, có thể về ở chung trong những ngày nghỉ phép, không phải sống lang thang rày đây mai đó như một số trường hợp của anh em miền Nam khác. Mà về ở với anh cũng có cái hay, bởi đó cũng là nơi các em cháu Nam bộ thường tới lui trong những ngày nghỉ hoặc những lúc rảnh rỗi, từ đó trở thành cái cầu nối cho tôi làm quen với nhiều đối tượng, nhất là với các cô. Tôi cũng có thể đưa những người bạn của mình đến chơi và cũng được tiếp đón thân tình. Đó là cách sống chung của anh em miền Nam tập kết thời đó.

Như tôi đã dự định từ trước, là trong chuyến về phép này, làm sao tìm được đối tượng hợp ý để tiến tới xây dựng tình cảm lâu dài. Mà người đầu tiên giúp tôi trong chuyện này chính là anh Bảy Noãn.

Anh chở tôi trên chiếc Mô-bi-lét cà tàng đến khu Văn công ở Cầu Giấy để tìm một người mà qua lục soát trong trí nhớ anh thấy có quen biết sơ sơ và cũng có thể chấm được là cô Ngô Thị Hồng, vốn là người từng sống ở miền Tây với anh. Thế nhưng khi đến nơi thì không gặp được vì cô đang đi vắng, mà lại giáp mặt ông thầy dạy nghề cải lương của cô là ông Tám Danh. Chúng tôi đâu có biết rằng ông già nay đang canh các cô học trò còn hơn canh con gái tơ trong nhà, nên anh Bảy Noãn mới mào đầu mấy câu là đã bị “đỡ ngực” ngay, mà tánh của ông già Tám thì đâu có cong queo khách sáo gì, nói dứt khoát là đừng có rờ vào, để cho tụi nó còn học hành. Ông đã nói thế thì ai còn dám rờ, rút lui là tốt nhất.

Sau đó tôi lại gặp cô Bạch Lan học ở trường trung cấp Nông Lâm, nhưng hợp cũng nhanh mà rã cũng nhanh. Cô đã mất cách đây vài năm, tuy tình cảm xưa kia giữa chúng tôi chỉ có thể, nhưng khi đứng trước linh cữu tôi vẫn thấy có cái gì đó khiến mình mũi lòng. Tôi đã viết vào sổ tang: “Em ơi, thế là em đã đi trước anh rồi!”.

Thế là trong lần nghỉ phép đầu tiên chỉ được con số 0 trên bước đường “kiếm vợ”, hy vọng ở các lần sau. Nhưng các lần sau cũng “chưa thật hoàn toàn đạt được kết quả mong muốn” cho đến khi tôi về nước công tác.

Nhưng lại có một chuyện khá bất ngờ xảy ra trong một lần tôi nghỉ phép về ở chung với anh Ba Thanh Nha tại nhà số 84 Nguyễn Du. Trong số các em cháu học sinh miền Nam thường lui tới, có cô V.H.T cũng là dân Cao Lãnh. Chỉ trong một thời gian ngắn quen biết tôi cảm nhận rằng cô đã thầm yêu tôi, mà có lẽ anh Ba Thanh Nha cũng tinh ý thấy điều đó. Lần đó khi cô đến chơi thì Anh có hỏi dò một câu: “Em thấy thằng Tám có được không?”. Cô trả lời: “Anh Ba kỳ quá hà!” nói mà mặt cô lại ửng đỏ. Rồi cô lại nói lảng một câu trớt quớt chẳng ăn nhập gì với câu hỏi trên: “Cây khế này nhiều trái quá anh Ba hén!”. Lúc đó tôi từ trong nhà nhìn ra nghe và thấy hết. Sau đó anh nói riêng với tôi: “Coi bộ con T. nó thương mày rồi đó”. Tôi trả lời là cũng thấy như vậy.

Thế nhưng trong lòng tôi đâu có yêu, mà chỉ thương cô như một cô em gái đồng hương. Và tôi rất sợ nếu cô đặt nhiều hy vọng vào tôi, một khi biết rằng chuyện đó không thành thì chắc cô sẽ thất vọng và có khi rất đau khổ. Cho nên nhân lúc chỉ có hai đứa, tôi quyết định phải nói thật: “Em đừng đặt nhiều hy vọng vào anh, anh chỉ coi em như đứa em gái cùng quê mà thôi!”. Không biết câu nói thật lòng xuất phát từ tình thương của tôi có quá phũ phàng hay không, mà nghe xong cô khóc ròn, khóc thành tiếng. Tôi cũng đăm lúng túng không biết phải làm gì, chỉ có ngồi đực ra đó mà nhìn. Sau này khi gặp lại ở Sài Gòn, có lần tôi cũng nhắc lại chuyện xưa để trêu cô, cô cũng chỉ nói một câu: “Anh kỳ quá hà!”, rồi nói lảng sang chuyện khác, giống như lần nói lảng của cô khi xưa.

Sau khi trở qua Trung Quốc tôi bị đau răng, qua kiểm tra phát hiện cái răng trong cùng bị mọc lệch phải mổ, mà phải đến bệnh

viện Trương Gia Khẩu nằm sát biên giới Mông Cổ mới làm được. Được nghe nói ông bác sĩ ở đây là người từng du học ở Nhật, chuyên môn rất giỏi, nhưng không biết giỏi như thế nào mà ông ta chỉ chích thuốc tê rồi dùng đục chẻ cái răng làm nhiều mảnh để lấy từng mẩu từng mẩu ra. Mà mỗi lần gõ búa vào đục, tuy chỗ đó không cảm thấy đau nhưng nó dội lên tận óc, làm buốt cả đầu. Ca mổ kéo dài trên một tiếng đồng hồ, ông ta thì mồ hôi tuom đầy trán, chảy xuống mặt, còn tôi thì cả người toát mồ hôi hột. Ông ta vừa mổ vừa động viên tôi cố chịu đau, còn tôi thì động viên ngược lại ông là cứ làm, tôi có thể chịu được, kỳ thực là ê đầu ê cổ muốn chết. Đến cái động tác cuối cùng khi ông dùng cái dụng cụ gì đó để nạo sạch các mảnh vụn trong xương hàm, và không biết có phải do thuốc tê đã hết tác dụng hay không mà tôi đau đến xón đái ra quần, nhưng cũng ráng chịu để ông kết thúc công việc, mà không ráng cũng không được. Về giường nằm đến hôm sau soi gương thì thấy mặt mày sưng to như cái thủ lợn, mãi mấy ngày mới xẹp hết. Tuy chỉ nhỏ có một cái răng nhưng vì tôi là khách quốc tế nên trong mấy ngày này tôi được các y bác sĩ tận tình chăm sóc cả ban ngày lẫn ban đêm, khiến tôi chợt nhớ đến cô y sĩ thân yêu của tôi, nhưng nào biết bây giờ cô đang ở đâu...

Trong năm cuối cùng tôi ở Trung Quốc, người ta đã phát động hai phong trào có quy mô toàn quốc.

Thứ nhất là phong trào luyện thép. Người ta tính toán thế nào mà dự định đến năm..., Trung Quốc sẽ vượt Mỹ về sản lượng thép tính theo bình quân đầu người, dựa trên phong trào toàn dân luyện thép. Lúc đó thì khắp đất nước Trung Quốc, xã nào thôn nào cũng có lò luyện thép. Ban đêm đứng trên lầu cao của nhà trường nhìn ra bốn chung quanh, thấy không biết bao nhiêu là những đám lửa đỏ rực của những lò thép đang luyện. Có một lần chúng tôi đi tham quan một hợp tác xã, trên đường về thì trời đã tối, vừa đói lại vừa mệt. Bỗng nghe phía trước có tiếng

trống và phèn la đánh đồn dập, nghĩ bụng sao họ lại quá nhiệt tình với Việt Nam đến thế, trên đường về mà còn kèn trống tiễn đưa. Đến nơi té ra là người dân trong công xã đang cổ vũ thi đua đào đất đắp lò luyện thép, vừa đào vừa hò dô theo kiểu cách của họ để động viên khí thế. Thế nhưng phong trào đó cuối cùng đã thất bại, bởi thép luyện ra từ các lò thủ công như thế thì làm sao đạt được chất lượng để có thể sử dụng trong các công trình xây dựng, do đó đã lãng phí biết bao nhiêu công sức và nguyên nhiên liệu.

Thứ hai là phong trào diệt chim sẻ sẻ, cũng được phát động trên toàn quốc như phong trào luyện thép, bởi người ta tính toán rằng con chim sẻ tuy nhỏ nhưng nếu tính trên toàn quốc thì mỗi năm loài chim này đã ăn hết bao nhiêu là lương thực. Lúc đó người ta thi nhau đứng trên các nóc nhà, hoặc trèo lên các cây cao, dùng cây sào có buộc vải trên đầu, quơ tới quơ lui, vừa quơ vừa reo hò, để lũ chim sẻ không không còn chỗ đáp, phải bay mãi bay mãi trên trời, cuối cùng kiệt sức mà chết. Mà cả nước đều làm như thế cho đến khi nào không còn bóng dáng một con chim sẻ mới thôi. Thế nhưng hậu quả của việc làm này là các loại côn trùng sâu bọ tha hồ sinh sôi nảy nở, làm tổn thất biết bao mùa màng, và phong trào này cũng một số phận thất bại như phong trào toàn dân luyện thép.

Đầu năm 1960, trước Tết âm lịch, là kết thúc thời gian gần bốn năm tôi ở Trung Quốc. Trong ngần ấy thời gian tôi đã biết tận dụng mọi cơ hội mà tôi cho là hiếm có để trau dồi nghề nghiệp, và tôi cũng rất hài lòng với kết quả đạt được. Bên cạnh đó tôi lại có dịp đi đến một nước lớn, trình độ nhiều mặt nổi trội hơn Việt Nam, cũng theo đó mà tầm nhận thức của tôi càng được mở rộng hơn. Và cũng qua từng ấy năm sống chung với người Trung Quốc, tôi được đối xử như những người bạn bè đồng chí thân yêu xuất phát từ tình hữu nghị mà hai Đảng và nhân dân hai nước đã từng thiết lập trong suốt mấy mươi năm qua.

Hiện nay mà nhắc lại mối quan hệ tình cảm Việt Trung như thế thì nhiều người có thể cho rằng điều đó chỉ là bên ngoài. Đối với những gì sâu xa hơn thì tôi không biết, nhưng với những gì mà chính bản thân đã từng kinh qua, và qua suy nghĩ của bản thân, tôi vẫn xác nhận rằng trong những năm tháng ấy thì tình cảm giữa hai Đảng và nhân hai nước thật là chân thành và sâu đậm. Còn trong chuyến trở lại Trung Quốc năm 1965-1966 thì tôi thấy rằng sự thể đã hoàn toàn ngược lại. Điều này tôi sẽ có dịp nói đến trong các phần sau.

TRỞ VỀ VIỆT NAM

Trại miền Nam
trả ơn đồng bào đất Bắc

Đầu năm 1960, tôi được điều động trở về nước công tác tại Cục Quân giới thuộc Bộ Quốc Phòng. Cơ quan nằm trong khuôn viên thành Cột cờ, là nơi trú đóng chung của các cơ quan thuộc Bộ Tổng Tư Lệnh.

Tôi được chỉ định công tác tại Phòng Huấn luyện, và bắt tay ngay vào việc biên dịch một quyển sách về binh khí pháo binh, loại pháo mà tôi từng được học ở trường lúc trước. Với cả hai loại kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ đều khá tốt, tôi đã hoàn thành công việc đầu tiên được giao này khá dễ dàng, qua đó tôi cũng đã cho mọi người thấy trình độ “tay nghề” của mình sau mấy năm “đền sách” ở nước ngoài, và đây cũng là một điều khá quan trọng đối với người mới đến nhận công tác, để người ta “coi giò coi cẳng”. Thấy tôi cũng làm được việc, người ta lại tiếp tục giao cho tôi biên dịch nhiều tài liệu chuyên môn khác, và cũng đều nằm trong khả năng của tôi. Tôi đã giải tỏa được cái tâm lý mà tôi từng âu lo là phải “vật lộn” với nghề nghiệp do trình độ có hạn.

Sau đó một thời gian, tôi lại được điều lên Yên Bái làm việc với các chuyên gia Trung Quốc trong công trình xây dựng nhà máy sửa chữa súng pháo đầu tiên của quân đội là nhà máy Z1. Đây lại là một môi trường công tác mới và cũng là một dịp mở rộng tầm hiểu biết về một ngành nghề mới là ngành sản xuất cơ khí, và kiến thức này cứ từng bước từng bước được làm giàu thêm qua những lần tôi đến làm việc và có dịp quan sát học hỏi tại nhiều nhà máy khác nhau trong Cục Quân giới. Đó lại là vốn liếng có giá trị, giúp ích rất nhiều cho công tác tương lai của tôi, trong đó có nhiệm vụ lãnh đạo một đơn vị sản xuất trong ngành. Đó cũng là chuyện vui bởi không ngờ sau khi đã về hưu, tuổi đã ngoài 70, tôi lại có dịp dùng đến các kiến thức tay trái đó trong việc nghiên cứu và chế tạo một loại máy chế biến gỗ theo yêu cầu sử dụng của con trai, lại còn có thể đem bán ra thị trường kiếm được mấy trăm triệu nữa. Một chuyện mà bạn bè ai nghe thấy cũng tưởng như nói đùa.

Rồi tôi lại được điều đến một trường quân giới ở Hải Phòng, dịch cho một lớp chuyên môn về radar do chuyên gia Trung Quốc phụ trách giảng dạy. Đây là một loại khí tài quân sự mới được trang bị và lúc đó thuộc vào trình độ tối mật của quân đội. Lần này thì tôi được giao nhiệm vụ vừa dịch đồng thời phải vừa học thật sự để nắm được kỹ thuật mới, chớ không thể “phát phơ” như thời ở Trung Quốc. Bởi thế nên sau khóa học kéo dài trên một năm tôi đã tiếp thu được khá hoàn chỉnh những kiến thức về loại khí tài mới này, làm tiền đề cho việc hoán chuyển vị trí công tác của tôi.

Thế nhưng một điều không may đã xảy ra lúc kết thúc khóa học là khi kiểm tra giấy tờ để trả lại cơ quan bảo mật, tôi thấy mất bộ tài liệu thuyết minh về loại khí tài này, mà mãi về sau tôi cũng không kết luận được nó lọt đi đâu. Cũng thật bất ngờ là gần đây nhất, vào ngày 20-7-2013, nghĩa là trên 50 năm sau khi xảy ra sự việc, khi về thăm một người bạn cùng công tác

chung với tôi trước đây, tôi được anh ta cho biết rằng sau đó mấy tháng, khi nạo vét cống rãnh ở trường thì người ta đã thấy được bộ tài liệu đó, có lẽ do tay nào đó ăn cắp với ý định về dùng riêng, nhưng vì thấy việc truy xét quá gắt gao không thể mang ra ngoài được nên vứt xuống đây để phi tang. Vì việc này mà tôi bị quần tôi bởi và nhà trường đã quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, nhưng lại không ra văn bản gửi về cơ quan mới nên không thể ghi vào lý lịch của tôi.

Sau khóa học tôi được điều chuyển sang lĩnh vực chuyên môn về kỹ thuật radar, chấm dứt nghề làm biên-phiên dịch Hoa văn. Kể ra thì tôi cũng cảm thấy tiếc cho công phu học tập trau dồi của mình trong suốt mấy năm qua, nhưng nghĩ lại là được chuyển qua một ngành mới cũng có cái hay của nó, bởi mình sẽ có những tri thức mới, công việc mới. Còn vốn liếng chữ nghĩa đó cũng không mất đi đâu, chỉ là từ một ngành công tác chuyên môn nó có thể trở thành công cụ hỗ trợ cho các bước đường công tác sau này của mình.

Đây là giai đoạn công tác khá ổn định của tôi trong một thời gian dài ở Hà Nội và cũng là thời kỳ mà mọi mặt sinh hoạt của tôi đều theo chế độ sĩ quan, mà lại là sĩ quan làm việc ở văn phòng của một cơ quan cấp cao nên mọi thứ đều thoải mái hơn nhiều so với các sĩ quan ở đơn vị chiến đấu. Và cứ mỗi lần so sánh như thế tôi lại cảm thấy vui, bởi thật không ai ngờ tưởng là số rủi hóa ra lại là may.

Theo quy định, tôi chỉ cần mặc quân phục và có mặt 8 giờ một ngày trong cơ quan, hết giờ làm việc thì có thể mặc bộ thường phục ra ngoài sinh hoạt tự do, điều mà tôi hằng thiết tha mong ước trong suốt những năm còn làm lính, lúc nào cũng bị cấm cố trong doanh trại và phải mặc bộ quân phục với chiếc áo chằng chịt 36 đường gian khổ trên vai. Còn cơm nước ngủ nghỉ thì cũng tùy hoàn cảnh riêng của từng người. Nếu anh thích ăn bếp tập thể thì bếp tập thể cũng sẵn sàng phục vụ anh, mà ăn

uống rất hợp vệ sinh, bởi mỗi ngày đều có bác sĩ kiểm tra kỹ lưỡng và chất lượng bữa ăn cũng được kiểm soát rất tốt, không hề bị cắt xén. Hơn nữa, khi anh đã được đề bạt đến cấp thượng úy thì được phục vụ theo chế độ trung tá, chất lượng bữa ăn ngon hơn, tất nhiên số tiền anh đóng cho nhà bếp cũng phải nhiều hơn. Còn nếu anh muốn ngủ trong khu tập thể thì vẫn có giường riêng giành sẵn cho anh, có thể vào ngủ bất cứ giờ giấc nào anh muốn. Còn anh nào muốn, cũng giống như tôi thường áp dụng thì mỗi khi giận vợ giận con, nửa đêm gà gáy vẫn có thể chui vào ngủ trong khu tập thể cơ quan để “né đạn”, cho đến khi hết “chiến tranh lạnh” rồi trở về cũng không ai cấm cản. Riêng những anh nhà ở xa, mỗi thứ bảy không thể “cắt cơm, bơm xe, nghe thời tiết, liếc đồng hồ” thì cơ quan cũng có sẵn chiêu đãi sở, khi nào cần thì nhấc bà xã lên, tha hồ “tâm sự”.

Nhớ lại những ngày đầu tiên tôi mới về nước thì Đoàn Cải lương Nam bộ đang vào biểu diễn ở Thanh Hóa. Được tin, người bạn gái của tôi đã đi một mạch từ Thanh Hóa về gặp tôi ở nhà anh Ba Thanh Nha tại số 10 Nguyễn Thượng Hiền, và mọi việc cũng bắt đầu từ hôm đó, những giờ phút kỷ niệm không bao giờ quên. Rồi từ đó về sau, khi tôi đang làm việc tại Hà Nội hoặc sau một thời gian tôi đi công tác tại các địa phương khác trở về, thì điểm hẹn gặp gỡ vẫn tại số nhà này, bởi chúng tôi may mắn được anh Ba Thanh Nha tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm vun đắp cho tình yêu của chúng tôi. Rồi cũng giống như mọi cuộc tình khác, có lúc cũng nổi lên những cơn sóng gió, thì những lúc đó, chính anh lại là người tỉnh táo, và bằng những kinh nghiệm già dặn trong cuộc đời, anh đã thật tình khuyên bảo mở lối để chính chúng tôi tự hàn gắn lại nhịp cầu sắp gãy. Suy đi nghĩ lại thì chính tình cảm của anh với hai đứa chúng tôi, một bên là đứa em ruột trong nhà còn bên kia là một cô gái nhỏ mà Anh rất yêu thương và luôn mong muốn cô sẽ trở thành một thành viên của gia đình đã đóng vai trò vừa là ông tơ vừa là bà nguyệt giúp thắt chặt mối lương duyên của chúng tôi, để tiến tới thành vợ thành chồng.

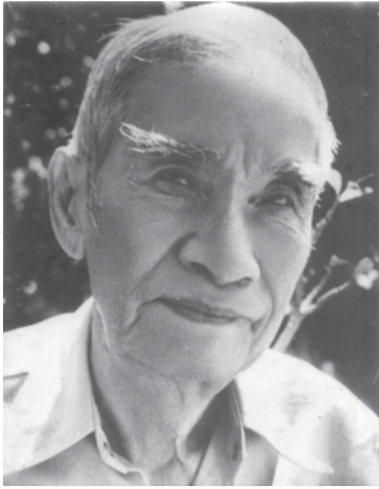


Từ trái sang: Anh Thanh [con nuôi], Ba Ca Văn Thỉnh, Ca Lê Hiến, Má Lê Thị Tài, Ca Lê Hồng, Nguyễn Long Trảo, Ca Lê Thắng.



[Từ phải sang] Anh Ba Thanh Nha, Ca Lê Hồng, Ca Lê Hiến [tức Lê Anh Xuân].

Cha mẹ của người tôi yêu đều là cán bộ miền Nam tập kết với năm người con, trong đó chỉ có mình cô là gái. Trong cách xử sự, thì hai ông bà rất tôn trọng quyền tự do của các con trong việc lựa chọn nghề nghiệp cũng như trong cuộc sống riêng tư. Chắc chắn hai ông bà không phải là không có chút gì lợn cợn bần khoản về nghề diễn viên của cô, nhất là khi thấy cô đã diễn những vai rất “độc”, nhưng hai ông bà không bao giờ ngăn cản bước đi của con. Trong vấn đề tình cảm riêng tư cũng thế, ông bà luôn tôn trọng sự lựa chọn của các con, không bao giờ lấy quyền làm cha làm mẹ để chọn dâu chọn rể hoặc hứa hẹn gán ghép lứa đôi, cho dù điều đó đã từng là mong muốn của một vài người bạn thân quen nhất của ông bà. Cũng vì thế mà từ khi tôi bước chân vào gia đình này không bao giờ gặp phải việc xăm soi xét nét, coi giò coi cẳng như không ít trường hợp thường gặp. Có thể còn một lý do nữa, bởi hai ông bà đều là những trí thức Nam bộ đã từng tham gia kháng chiến, mà tôi cũng là một thanh niên Nam bộ xuất thân từ học sinh ra đi bộ đội nên rất dễ có sự đồng cảm. Ngoài ra còn một sự đảm bảo khác, bởi tôi là em ruột của anh Ba Thanh Nha, người mà cô con gái của ông bà hằng thương mến quý trọng. Cho nên việc hòa nhập cũng khá dễ dàng, và tôi hoàn toàn cảm thấy tự nhiên thoải mái mỗi khi bước chân đến với gia đình này. Cho dù chưa biết chắc cuộc tình sẽ đi đến đâu, nhưng trong cách đối xử, ông bà luôn coi tôi như con cái trong nhà, ân cần chăm sóc chỉ bảo, cho dù không phải lúc nào tôi cũng không có sai sót. Cũng vì thế mà dần dần tình cảm của tôi không phải chỉ có riêng đối với người tôi yêu mà là tình yêu thương thật sự đối với cả nhà nên sau này khi đã thành vợ thành chồng, có một thời gian dài tôi đã cùng về sống chung nhưng vẫn luôn cảm thấy đầm ấm, không hề có sự phân biệt ngăn cách. Thật là may mắn cho chúng tôi từ những ngày tìm hiểu ban đầu cho đến khi thành vợ thành chồng, có con có cái!.



Bố mẹ vợ, ông bà Ca Văn Thỉnh

Ông bà cũng là người có nhiều đóng góp cho cách mạng. Năm 1945 ông đã là thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong tham gia cướp chính quyền ở tỉnh Bến Tre, sau khi quân Pháp tái chiếm, ông bà đã để lại 5 đứa con thơ để cùng bà Nguyễn Thị Định vượt biển ra xin Trung ương chi viện vũ khí, Ông được đại tướng Võ Nguyên Giáp giới thiệu kết nạp Đảng, được Bác Hồ chỉ định làm Quyền Bộ trưởng Giáo dục, sau trở về Nam bộ giữ chức Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, bí thư Kỳ ủy Đảng Dân chủ và sau khi tập kết ra Bắc từng làm Tổng lãnh sự tại Indonesia rồi làm Đại diện nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Campuchia.

Tôi học được ở ông lòng yêu nước, yêu quê hương nông nân, thể hiện rất rõ qua nhiều sự kiện lớn nhỏ trong gia đình.

Năm 1964 đang công tác tại Campuchia khi nghe tin Ca Lê Hiến tức Lê Anh Xuân được về Nam chiến đấu, ông gỡ tờ lịch viết lên mấy câu thơ:

Mừng thay con được tuyển về Nam

Mong ước từ lâu ba phải cam

Chẳng được cùng con về chiến đấu

Hai vai con gánh vác cho kham

.....

Rồi khi nghe tin Lê Anh Xuân hy sinh, ông bình tĩnh nói với người đưa tin: “*Có chiến đấu thì có hy sinh, tôi đã có sự chuẩn bị*”.
Đêm đến lòng thổn thức thương nhớ con ông viết:

Hăm bốn tháng năm con đến nợ nước

Sau năm ngày con được dâng công

Dâng bài thơ “Mùa xuân Sài Gòn”

Dâng bài thơ “Dáng đứng Việt Nam”

Tự hào thay con làm nghĩa vụ

Góp phần xương máu với non sông

Xứng đáng thay thế hệ anh hùng

Thời đại Hồ Chí Minh!

.....

Trở về Sài Gòn sau giải phóng qua sân bay Tân Sơn Nhất, đêm về ông thao thức nhớ con, đứa con đã viết nên một bài thơ bất hủ “*Dáng đứng Việt Nam*” lấy hình tượng người chiến sĩ anh hùng đã ngã xuống tại sân bay Tân Sơn Nhất:

Con ơi!

Ba đã về rồi, ba chục năm xa cách

Tân Sơn Nhất hiện lên “Dáng đứng Việt Nam”

Hiện thân con

Máu xương xây đài chiến công lịch sử

Tiết thân tâm vẫn còn nặng nợ

Chưa kịp nhả tơ mừng khúc khải hoàn ca

Rồi khi đến cánh đồng Phước Hiệp viếng mộ con:

Gởi lòng đến tận mộ con

*Mừng con đối nợ nước non báo đền
Hơn cha tiến bước thanh niên
Góp phần xương máu phước hiền nhà ta!*

.....

Mất đứa con thân yêu thì ai lại không đau lòng thương tiếc nhưng qua những câu thơ trên đây không thấy bóng dáng của sự buồn rầu ủy mị, trái lại ông còn lấy đó để đề cao lòng yêu nước.

Trong đối nhân xử thế ông là người mẫu mực với “tuyên ngôn”:

*Ở đời lo nghĩ trước và sau
Trước hết lo người nghĩ mình sau
Mình vẫn hưởng sau, người hưởng trước
Tự trách mình trước, trách người sau
Trước sau nghĩa vụ vẫn như nhất
Đối xử bạn bè có trước sau
Mình vì mọi người lo nghĩ trước
Mình đòi tập thể để tâm sau
Phân công nặng, mình giành trước
Phần nhẹ sẵn sàng để bạn sau
Chiến đấu hiên ngang mình tiến trước
Thưởng công bạn trước, mình phần sau
Hàng ngày cùng bạn nhìn ưu trước
Phê phán chỉ nêu khuyết điểm sau
Mọi lợi ích chung lo nghĩ trước
Lợi ích riêng mình chỉ nghĩ sau*

Đây không phải những câu thơ làm tùy hứng, bởi qua mấy mươi năm sống chung thấy ông luôn lấy tinh thần đó để ứng xử với mọi người, và chính điều này đã làm tôi hết sức quý mến nề phục ông, và cũng học ở ông cách hành xử cao đẹp đó.

Thế rồi qua hơn 3 năm kể từ ngày mới bắt đầu quen biết đến yêu nhau, cuộc nhân duyên đã đơm hoa kết trái, chúng tôi đã thành vợ thành chồng với một đám cưới khá “hoành tráng” so với thời bấy giờ.

Lúc đó thì ông bà già vợ đang làm Đại diện Thương mại của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Campuchia không về dự được, nên chỉ có cô dưỡng Út Thoại đứng ra đại diện cho đảng gái. Còn bên đảng trai thì có anh Ba Thanh Nha là người đứng ra tổ chức đồng thời là “nhà tài trợ chính”, bởi cô dâu và chú rể đều chẳng có được mấy đồng dính túi. Hơn nữa không phải là một tiệc trà đơn giản như nhiều đám cưới khác mà là một bữa tiệc sang trọng khá tốn kém tại Khách sạn Phú Gia bên bờ hồ Hoàn Kiếm, chuyện hiếm có thời bấy giờ. Riêng cánh bộ đội thì tôi chỉ mời hai người bạn thân nhất đến dự, bởi ngại có nhiều người là dân miền Bắc không thông cảm với tính cách miền Nam, đến dự một bữa tiệc rình rang rồi về đơn vị xì xào bàn tán nghe thêm một lỗ tai. Ngoài chi phí cho tiệc tùng, lại còn dư một số tiền

Tiệc cưới tại khách sạn Phú Gia-Hà Nội.



khá khá, đủ sang một căn hộ tương đối khang trang tại khu nhà số 62 Hàng Bột làm chỗ ở cho đôi vợ chồng mới cưới. Sở dĩ với số lương cán bộ khiêm tốn mà anh Ba Thanh Nha có thể chi một cách hào phóng như vậy, bởi anh vừa nhận được tiền nhuận bút của vở kịch “Tiếng sấm Tây Nguyên” mà anh đã đêm ngày miệt mài sáng tác trước khi lên đường về Nam.

Hôm tổ chức tiệc cưới, lúc đang đứng trước cửa khách sạn đón khách chợt thấy người mới bước vào là anh Soái, vốn quen biết với tôi khi còn là bộ đội ở trong Nam, tôi hơi ngỡ ngợ hỏi anh đi đâu thì anh trả lời: “Tao đến dự đám cưới của con Hồng ở Đoàn Cải lương Nam bộ nó mời, mà nghe nói nó lấy thằng bộ đội nào đây không biết!”. Tôi biết cha này đâu có ngờ rằng chính cái thằng bộ đội ấy đang đứng sò sò trước mặt đây, nên cười thầm trong bụng, nhưng cũng chẳng nói gì ráo mà bảo anh cứ lên lầu tìm xem. Đến lúc vào bàn tiệc, khi hai đứa chúng tôi cùng đứng lên trình diện trước khách mời thì anh chưng hửng, chỉ vào mặt tôi chửi thề: “Đ.m...mày hả?”, tôi nín cười không được.

Nhưng ai có thể ngờ rằng cuộc gặp mặt của anh Ba Thanh Nha với đông đủ bàn bè, người thân trong ngày vui trọng đại của đứa em trai, lại trở thành buổi tiệc từ biệt, vĩnh viễn từ biệt với tất cả mọi người khi anh vác chiếc ba lô nặng trĩu trên tấm thân gầy gò đi vào chiến trường miền Nam theo tiếng gọi của quê hương trong đó có hình bóng của cha mẹ già và người vợ thân yêu, để rồi mãi mãi nằm xuống sau một cơn bạo bệnh trên đất nước bạn Campuchia mà cho đến nay vẫn chưa tìm được hài cốt, và nắm mồ tri ân trong nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cao Lãnh, nơi anh từng bước chân ra đi tham gia cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, cũng chỉ là một ngôi mộ gió!

Khi đọc lại đến đoạn này, tôi mới sực nhớ là là trong lần in đầu tiên của tập Hồi ký, tôi lại không nhắc đến câu chuyện của hàng ngàn, hàng vạn anh em miền Nam tập kết hoạt động trong tất cả các ngành nghề đã xung phong lên đường về Nam chống

Mỹ cứu nước với cuộc sống và chiến đấu màu muôn vẻ, mà tôi chỉ nói thoáng qua về một trường hợp của anh Ba Thanh Nha ở phần trên. Bởi chỉ tính riêng trong gia đình chúng tôi thì ngoài anh Ba Thanh Nha còn có anh Bảy Noãn và em Ca Lê Hiến, tất cả 3 người đều đi xung phong đi B trong những đợt đầu tiên. Trong khuôn khổ của tập sách, tôi sẽ nói kỹ hơn về ba nhân vật kể trên với những tư liệu mà tôi có được trong tay, qua các tập nhật ký, hồi ký, hoặc qua những câu chuyện thật do các bạn bè đồng chí kể lại, bởi ít nhiều đây cũng có thể xem là những ví dụ cụ thể về những câu chuyện hy sinh gian khổ của một lớp người đáng để chúng ta ghi nhớ và trân trọng...

Nhớ lại thì vào năm 1954, khi lên đường tập kết ra miền Bắc theo những điều khoản đã được thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Pháp trong Hiệp định Genève về việc tạm thời phân chia đất nước Việt Nam thành hai Miền, thì ai ai trong chúng tôi cũng đều mang theo hy vọng là sau hai năm sẽ được trở về quê hương sau khi có tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Thế nhưng khi đã quá thời hạn hai năm, rồi đến năm năm... mà con đường thống nhất vẫn còn như xa vời chưa có hạn định, trong lúc đó thì những tin tức đau thương mà anh dũng liên tục từ miền Nam dội ra hằng ngày, hằng giờ, làm cho mỗi người trong anh em chúng tôi đều hết sức nôn nóng, và hầu như mọi người đều mong được gọi đến tên để trở về miền Nam tham gia chiến đấu. Mặc dù ai cũng thừa biết rằng ra đi thì sẽ rời bỏ cuộc sống yên bình ở miền Bắc, sẽ xa rời gia đình, vợ con, bạn bè... sẽ chịu đựng nhiều gian khổ khốc liệt của chiến trường, kể cả việc hy sinh mạng sống. Thế nhưng hầu như tất cả mọi người đều tự nguyện, cho dù hoàn cảnh mỗi người có thể khác nhau. Ví dụ như trong gia đình chúng tôi thì anh Ba Thanh Nha đang sống độc thân ở miền Bắc, chị Ba còn ở lại trong Nam; anh Bảy Noãn thì đang làm công tác giảng dạy ở trường Đại học, vợ con sum vầy; em Hiến thì đã hứa hôn và từ chối việc đi

nghiên cứu sinh ở Liên Xô để được trở về miền Nam tham gia chiến đấu.

Trước tiên tôi xin nói về anh **Ba Thanh Nha**:

Anh thuộc lớp những người tự nguyện ra đi đầu tiên vào cuối năm 1963. Anh là một văn nghệ sĩ sáng tác được nhiều người biết đến qua các tác phẩm sân khấu nổi tiếng một thời ở miền Bắc như:

“Tình riêng nghĩa cả”, “Tiếng sấm Tây Nguyên”, “Khuất

Nguyên”... Anh cũng đồng thời là Phó Tổng thư ký Hội Sân Khấu Việt Nam. Vào Miền Nam, anh được chỉ định làm Bí thư Đảng bộ Tiểu ban Văn nghệ miền Nam thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương Cục, chủ trì ngành sân khấu Cải lương.

Trong những năm tháng công tác và chiến đấu ở miền Nam bắt đầu từ “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh cục bộ”, anh không sợ hy sinh gian khổ, đã lăn lộn với chiến trường cho đến khi hy sinh. Bằng khả năng chuyên môn của mình, anh đã sáng tác được nhiều tác phẩm, để lại cho nền nghệ thuật sân khấu kháng chiến chống Mỹ cứu nước một khối lượng kịch bản quý giá với đặc điểm nổi bật là luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, làm cho chủ trương chính sách của Cách mạng được thấm sâu đến tận quần chúng, khiến cho các tác phẩm của anh luôn gần gũi với nhân dân, được đồng bào rất ưa thích, gây được trong nhân dân lòng tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của chánh nghĩa. Các vở ca kịch của anh từng được Đoàn Văn công Miền, và Văn công các địa phương, cũng như các đoàn nghệ thuật trên miền Bắc dàn dựng biểu diễn. Có vở còn được Đoàn nghệ thuật kiểu



Anh Ba Thanh Nha

bào ta trình diễn ở Paris. Những điều nói trên đây được rút ra từ lời đánh giá đối với anh Ba Thanh Nha của ông Lưu Hữu Phước, nguyên Bộ trưởng Bộ Văn hóa của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Để minh chứng cho điều đánh giá trên đây tôi chỉ xin ghi lại một câu chuyện kể của anh Minh Hòa thuộc Đoàn Văn công tỉnh Đồng Tháp:

“Sau một đêm biểu diễn, một lão nông tri điền vùng Đồng Tháp Mười liền đến gặp Đoàn. Lão nông, mặt tươi hơn hớn, cười “khà khà...” rồi lớn tiếng hỏi lên sân khấu:

- Ai là “Thầy tuồng” của vở hát “Tía, má ơi! Ở lại!” đâu mấy chú, mấy cô trong Đoàn?

Thanh Nha, từ sau tấm phông bước ra sân khấu. Anh cúi đầu chào ông lão, mời ông lão lên sân khấu. Đầu đó xong xuôi, Thanh Nha thưa:

- Thưa bác! Bác muốn tìm cháu?

Lão nông vẫn cười vui:

- Đoàn diễn hay quá xá! Tao muốn gặp thầy tuồng! Chú là thầy tuồng hả?

Biết có khán giả đến sân khấu gặp đoàn, anh Tư Tân - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Long An, phụ trách Tuyên huấn - đang đi công tác vùng Mộc Hóa, mời các cán bộ Tuyên huấn tỉnh có mặt cùng ra chào lão nông.

Lão nông vẫn cười và nói:

-Đấy có Đoàn Văn công R, có thằng Tư Tỉnh ủy – mà y với mấy em của tỉnh nhà, tao nói thiệt với tui bây: “Hôm rày bị bom B.52 “trải thảm, trải đệm” hoài, tao cũng có “ón”, nhứt là bà xã tao thì “phón” quá trời rồi, nên tao tính dắt cả nhà chạy hết vô “Áp chiến lược!”. Nhưng vừa được xem Đoàn R diễn tuồng. “Tía, má ơi! Ở lại! tao cười muốn bể cái bụng và thấy rằng tao và cả nhà tao phải ở lại, như cái

ông nông dân trong tuồng. Bây giờ, tao nhứt định rồi: Tao ở lì lại đây! Dẫu có bị cặp trâu cổ kéo, tao cũng trì lại, một tấc không đi, một li không rời khỏi Đồng Tháp này! Tao phải làm ruộng để nuôi bộ đội mình và nuôi tụi bây chớ! Mình mà chạy vô hết ấp chiến lược, bỏ ruộng bỏ rẫy, là mình chịu thua thằng giặc sao?!

Nói xong câu đó, lão nông bèn moi túi lấy ra chừng nửa bánh thuốc rê vàng chóe, đưa cho Thanh Nha:

-Hổng dám nào, tao còn có nửa bánh thuốc Xiêm mẫn trong vườn nhà ở xã Hòa An đây, tao tặng thầy tuồng để chú nó với anh em hút chơi lấy thảo...

Đội khi lão nông đã ra về rồi, anh Tư Tấn, thay mặt Tỉnh ủy Long An, nói với Đoàn:

-Buổi biểu diễn của Đoàn Văn công R “gặt hái” được nhiều kết quả dữ lắm! Đúng như từ trước tới nay Đảng bộ tỉnh đã khen Đoàn Văn công tỉnh nhà chúng tôi là: “Một đêm biểu diễn của đoàn văn công cách mạng có tác dụng tốt không thua chi cả trăm cán bộ tuyên huấn đi tuyên truyền cả tháng trời!”. Bữa nay, được dự đêm biểu diễn của Đoàn Văn công R, tôi càng thấy rõ: Sân khấu cách mạng đã góp công lớn trong việc kháng chiến chống giặc!...

Và những ngày cuối cùng của anh Ba Thanh Nha; theo lời kể của nhà văn Anh Đức

“Khi cơ quan phải dời sang đất bạn Campuchia lúc Mỹ - ngụy mở cuộc càn lớn phong tỏa lộ 7. Hội Văn nghệ Giải phóng chúng tôi đóng ở một khu rừng già gần trị trấn Đầm Be thuộc tỉnh Kampong Cham. Vào một chiều nọ, anh Ba Thanh Nha bỗng lên cơn sốt. Qua hôm sau, anh càng bị sốt cao hơn. Thấy tình hình không ổn, chúng tôi bàn đưa anh sang quân y viện K.23 đóng gần đó. Ban đầu anh không chịu, còn cười nói không sao. Nhưng thấy hiện tượng sốt nơi anh có cái gì hơi lạ, nhất là đối với một người trước nay hầu như chưa bị sốt như anh, thì theo kinh nghiệm của nhiều anh em là cần phải thận trọng hơn cả đối với người thường hay bị sốt. Sau cùng

chúng tôi quyết định đưa anh đi. Vợ tôi sang nhà anh, lấy ba lô thu xếp đồ đạc cho anh. Đưa anh sang quân y viện, chúng tôi cứ nghĩ rằng chỉ năm, bảy ngày sau là anh được cắt cơn sốt, rồi trở lại cơ quan. Nào ngờ, anh Ba Thanh Nha không bao giờ còn trở về gia đình Hội Văn nghệ Giải phóng chúng tôi nữa. Khi đưa anh sang quân y viện, những ngày đầu bác sĩ đã cắt cơn sốt được cho anh. Một ngày nọ, bên quân y báo cho chúng tôi sang đón anh về. Anh em sửa soạn đi đón anh. Nghe tin, chúng tôi đã lấy làm mừng. Không ngờ ngay hôm đó, anh đột ngột sốt trở lại và lần này là sốt ác tính. Anh đã không qua khỏi. Tính từ ngày anh rời khỏi cơ quan cho đến ngày anh mất chỉ trên mười hôm. Anh Ba Thanh Nha mất, Hội Văn nghệ Giải phóng chịu một tổn thất lớn, ngành sân khấu mất một nghệ sĩ đầu ngành.

Quân y viện K.23 đã chôn cất anh ở một ven rừng cạnh đó. Ít lâu sau, anh Bảy Phong là em ruột anh từ khu Trung Nam bộ lên viếng mộ anh. Sau ngày giải phóng, trong những chuyến đi trở về tìm hài cốt các anh chị đã hy sinh, anh em chúng tôi không thể tìm được hài cốt anh, vì nơi đó là khu vực nằm bên đất Campuchia, dưới sự kiểm soát của Khmer Đỏ. Vả lại cũng giống như một số trường hợp tương tự, các khu mộ ở các khu rừng này đều bị bom B.52 đánh đi đánh lại nhiều lượt, tạo thành vô số những hố bom địa... Anh mất ngày 24 tháng 10 năm 1972 ở tuổi 52.”

Anh Bảy Noãn là người duy nhất trong gia đình tôi còn sống sau khi tình nguyện đi B, nên đoạn dưới đây tôi kể là dựa theo hồi ức của anh:

Khi nghe tin ở miền Nam, địch bắt đầu có các cuộc thăm sát ở nhà tù Phú Lợi, Duy Xuyên, Chợ Đước... anh em chúng tôi đều hết sức nóng ruột, ai cũng mong sao có thể trở về miền Nam cùng với đồng bào tham gia kháng chiến chống Mỹ. Lúc đó anh Bảy đang làm giảng viên ở trường Đại học Kinh tế, đã ba lần anh đến trực tiếp Phòng Tổ chức của Trường để xin đi, thì cả 3

lần đều bị từ chối với lý do là Trường đang thiếu giáo viên. Cuối cùng, anh phải chạy lên Ban Tổ chức Trung ương để gặp anh Sáu Phan Triêm, vốn là thủ trưởng cũ của anh khi còn ở trong Nam để cầu cứu. Theo như anh kể lại thì khi trình bày nguyện vọng anh Phan Triêm chỉ nói ngắn gọn: “Cậu muốn về thì cho cậu về thôi!”. Chỉ một câu nói như thế mà khiến anh mừng như mở



Anh Bảy Noãn

cờ trong bụng. Tuy nhiên vẫn còn lo không biết mấy ông khác ở trên có thay đổi quyết định không? Đến khi Ban Tổ chức Trung ương có thông báo chính thức phải lên tập trung tại Trường cán bộ miền Nam ở tỉnh Phú Thọ thì anh mới thật sự yên tâm. Trường giao nhiệm vụ anh làm trưởng đoàn, kiêm Bí thư Đảng ủy Đoàn K43, với quân số là 96 người, đều là cán bộ có trình độ trung sơ cấp.

Theo anh kể lại thì từ Bắc vào Nam phải đi bộ trèo đèo, leo núi mất 75 ngày với quãng đường dài trên 1200 cây số, ngày đi đêm nghỉ theo từng chặng giao lên trên đường Trường Sơn, bắt đầu từ làng “Ho” của tỉnh Quảng Bình. Chỗ nghỉ thường được chọn bên bờ suối để có nước nấu ăn tắm rửa, đồng thời cũng có thể thả câu giăng lưới bắt cá để cải thiện, bởi trước khi đi, bằng kinh nghiệm sống ở miền Tây Nam bộ thời kháng chiến chống Pháp, cộng với tính tháo vác nên anh đã cạy bị sẵn lưỡi câu, lưới bện để bắt cá, kể cả ná thun để bắn chim dọc đường, vì thế mà nhiều lúc bữa ăn cũng tí có chất đạm tươi sống để cải thiện.

Khi đoàn đi đến cuối khu 6, đứng trên cao nguyên nhìn xuống thấy một cánh đồng rộng mênh mông bằng phẳng, ở giữa có một hòn núi xanh nhô lên là núi Bà Đen, các anh em trong Đoàn đều không kìm được xúc động, la lớn lên: “Tới Nam bộ rồi tụi bây ơi!”. Bản thân anh thấy nghèn nghẹn trong cổ vì mừng quá bèn lục trong ba lô ra lấy một gói thuốc Điện Biên đã được bí mật giấu kỹ trong suốt thời gian đi đường, chia cho những người ghiền thuốc mỗi người nửa điếu hút để ăn mừng! Anh nghĩ bụng: “Nếu có ai bảo trở ra Hà Nội sẽ cho 2 ký vàng anh cũng không đi! Vì đi quá mệt!”.

Sau khi về đến Trung ương cục tình cờ nghe số anh em về trước nói là sẽ bố trí anh ở lại làm cán bộ nghiên cứu cho Ban Kinh Tài R, anh rất lo. Lại một lần nữa phải “chạy chọt”, xin được về quê hương là Khu 8 để, với lý do là nghiên cứu việc khai thác Đồng Tháp Mười, vì anh được đào tạo chuyên ngành khoa nông nghiệp. Cầm được quyết định trong tay là anh vội vàng đi ngay về Khu 8 vì sợ biết đâu “Cấp trên sẽ thay đổi ý kiến”?! Cũng vì sợ như vậy mà không chờ đến chuyến giao liên định kỳ, anh phải quảy ba lô đi bộ thêm hàng trăm cây số nữa mới về tới Khu 8. Về được quê hương là toại nguyện sau gần chục năm sống trên đất Bắc. Nhưng lại có cái cực khổ gian nguy riêng của vùng đồng bằng sông nước mà lắm khi chỉ nhờ có sự may mắn mà thoát chết dưới làn tên mũi đạn của kẻ thù.

Lúc anh về đến nơi thì các cơ quan của Khu 8 đang đóng ở vùng sâu của 2 hai xã Thường Phước và Thường Thới Hậu của huyện Hồng Ngự, giáp ranh với Campuchia. Ở đây, mùa khô thì ở trên mặt đất, mùa nước ngập thì lên ở trên sạp bắc trên các nhánh cây dừa. Nước dâng lên đến đâu thì kê kích sạp cao lên đến đó, nước ngập từ tháng sáu năm trước đến tháng hai năm sau mới khô, nên phải treo tăng và giăng võng trên một tầng cây dừa lớn, lấy một nhánh cây làm chỗ gác chân. Bên dưới có một chiếc xuống cà rèm mang theo dụng cụ nấu nướng, và đủ

các loại cần câu để câu cá thiếu, cá rô, dòng giựt rần mối, chia dầm chuột để cải thiện sinh hoạt. Chịu như thế hơn sáu tháng.

Năm 1970, lúc Mỹ - ngụy mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương, đánh phá ác liệt vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, thì Khu ủy đã quyết định dời các cơ quan của Khu ủy, kể cả các cơ quan quân sự, lên trú đóng tạm trên đất Campuchia, vì ở Khu 8 chỉ có các căn cứ lôm “chó ngồi ló đuôi”. Lúc các cơ quan Khu ủy hành quân đến phía Bắc sông Tiền, thì bị gián điệp chỉ điểm cho máy bay trực thăng đến bắn phá. Các anh trong Thường vụ Khu ủy đều tránh khỏi nhưng không may là 2 người vợ của bí thư và phó bí thư đều trúng đạn hy sinh.

Có lần, anh đi lên bệnh viện R, để khám và điều trị sỏi thận, có 1 đồng chí bảo vệ cùng đi. Khi gần tới chợ “Xóm giữa” thì bất ngờ gặp hai tên lính Khmer mang một khẩu B40 tới hỏi giấy, xem xong nó nhét giấy giới thiệu vào túi áo và bảo: “Phải lên huyện giải quyết”, còn tên kia tới rờ rờ nắn nắn chiếc ba lô. Lâu nay chúng thường bắn giết cán bộ Việt Nam khi thấy có mang súng ngắn, radio, hoặc máy ảnh. May thay lúc đó bỗng có mấy chục anh em bộ đội chủ lực miền Bắc đến. Anh nói nhỏ với anh em: “Tụi này đang bắt tôi, nếu anh em bỏ đi, tụi nó sẽ giết chúng tôi!”. Anh em bộ đội nghe vậy cứ đứng quanh hai tên này, có anh còn rút thuốc thơm “ARA” ra mời chúng hút và yêu cầu thả các anh ra. Hai tên lính Khmer thấy khó bắt nên đành móc túi trả lại cái giấy giới thiệu rồi cho đi. Thật là may, bởi nếu không có anh em bộ đội thì chết là cái chắc, nhất là khi chúng đã quyết dẫn lên huyện, để hoặc là dọc đường, hoặc đến một trạm gác nào đó, sẽ hạ sát rồi cướp đồ đạc như chúng thường làm lâu nay.

Sau khi từ Campuchia trở về Việt Nam, anh thường xuống chiến trường và cũng có cả chục lần suýt chết. Có trận thì bị B52 ném bom rải thảm, có trận thì bị gián điệp chỉ điểm cho máy bay đến ném bom vào cơ quan, có trận chèo xuồng ngay vào chỗ đóng quân của địch may là nhờ có một ông già bơi xuồng ngược

chiều thông báo nên quày xuống trở lại mới không bị sa vào vòng vây của chúng, có trận nhờ trâu cứu khi bị trực thăng phát hiện nên chui vào cây rơm có con trâu đang đứng che khuất, có trận đi xuống bị L19 phát hiện, nên chị giao liên cho tăng tốc độ chạy thẳng vào bờ chui vào một lùm cây trên có nhiều dây tơ hồng che khuất, có trận vì nghe được tiếng súng carbine nổ mà không bơi qua sông để rồi bị rơi vào điểm đổ quân của địch v.v...

Nhưng hết cơn bị cực tới hồi thối lại: 30-4-1975, giải phóng miền Nam. Khi nghe đài Sài Gòn nói: “Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng!”. Mọi người trong cơ quan đều la lớn: “Ta thắng rồi! Ta thắng rồi!”. Thật là mừng, mừng chảy nước mắt!. Riêng bản thân anh, qua bao gian lao nguy hiểm, lúc đó anh mới chắc rằng mình đã sống sót.

Trong thời gian chiến tranh anh từng đảm nhiệm chức phó Văn phòng Khu ủy, rồi sau đó làm phó Ban Kinh tế Kế hoạch Khu. Sau hòa bình anh được điều về làm Phó chủ tịch, rồi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, sau đó được bầu làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách của Quốc hội. Hiện nay anh đã được 87 tuổi và đang sống hạnh phúc với con cháu.



Ca Lê Hiến-Lê Anh Xuân

Ca Lê Hiến - Lê Anh Xuân nổi tiếng qua bài thơ Dáng đứng Việt Nam, nhưng ít người biết về những ngày cuối cùng trước khi hy sinh của người anh hùng này, nên tôi xin kể một số câu chuyện có liên quan.

Cũng như tất cả các anh em miền Nam tập kết ra Bắc, Ca Lê Hiến luôn sống trong tình cảm “ngày Bắc đêm Nam”. Là một nhà thơ có năng khiếu bẩm

sinh, Ca Lê Hiến từng thổ lộ tâm tư tình cảm của mình đối với miền Nam thân yêu qua tập thơ “Tiếng gà gáy”, và được giải Nhì trong một đợt bình chọn các tác phẩm về văn học nghệ thuật.

Đây là những câu thơ Ca Lê Hiến viết để bày tỏ lòng tha thiết muốn trở về miền Nam chiến đấu khi đang làm công tác giảng dạy ở Trường Đại học Tổng hợp ở Hà Nội:

*“Quê hương đang nước sôi lửa bỏng
Lẽ nào ta lại sống bình yên
Ôi ta thêm được tay cầm khẩu súng
Đi giữa đoàn quân cùng với bạn bè
Nằm chờ giặc trên quê hương anh dũng
Ta say nồng mùi lá rụng bờ tre.”*

Để thực hiện được điều mong ước cháy bỏng của mình Ca Lê Hiến đã từ chối việc cử đi làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài và làm đơn đề đạt lên tổ chức cấp trên xin được về miền Nam tham gia chiến đấu:

“Nguyện vọng và quyết tâm của tôi là được về Nam bộ tham gia kháng chiến cùng bà con quê hương trong ấy. Hiện nay chuyên môn của tôi là giảng dạy môn lịch sử thế giới cổ đại ở trường Đại học Tổng hợp, nhưng về miền Nam tôi có thể giảng dạy các môn khoa học xã hội cả Văn, Sử... Ngoài chuyên môn ra tôi có khả năng tham gia công tác báo chí hoặc sáng tác thơ. Ngoài công tác giáo dục tôi rất muốn được tham gia công tác về văn học nghệ thuật ở miền Nam. Tôi có thể đi đến bất cứ nơi nào Đảng cần đến. Nguyện vọng và quyết tâm của tôi là được về miền Nam, về lại quê hương tôi.”

Ca Lê Hiến đi B ngày 22-12-1964 để lại miền Bắc người vợ chưa cưới và gia đình đầy đủ các anh chị em thân yêu. Em đã hy sinh ngày 24-5-1968 trong đợt II chiến dịch Mậu Thân, để lại trong ba lô tập Hồi ký được ghi chép đều đặn từ ngày em ra đi

cho đến lúc hy sinh. Đây là những đoạn tôi chọn lọc trích từ hồi ký của em.

Ngày 5-1-1965:

*“Đoàn quân đi đường dài
Cát trắng gió bụi bay
Ba lô vai nặng trĩu
Chân đau người muốn xỉu
Đường còn xa còn xa
Bàn chân ta đi miết
Cấn rãng không biết mệt
Chân bước lòng vui ca
Mỗi bước càng xa em
Lòng nhớ thương khôn xiết
Mỗi bước lại gần thêm
Quê hương ta thân thiết
Mấy phút nghỉ dừng chân
Đặt ba lô xuống đất
Lấy hăng gô* ra ăn
Muối tiêu và cơm vắt
Gian khổ có hề chi
Bước đi ta cứ đi
Nghe phản lực gầm rú
Ta bước chẳng ngại gì.”*

Con đường hành quân vượt Trường sơn đầy gian khổ, với dáng vóc con người rất thư sinh nhưng Ca Lê Hiến quyết chí đi đến cùng vì miền Nam ruột thịt, đi với tinh thần anh Trỗi như Ca Lê Hiến sau này từng kể lại với chị Quyên.

* Cà mèn quân dụng, thường dùng để nấu ăn (BTV).

Vừa đặt chân đến Nam bộ, Ca Lê Hiến đã hứng chịu một trận bom và càn quét kinh hoàng. Em đã kể lại chuyện này trong bức thư gửi nhà thơ Chế Lan Viên:

“Lần đầu tiên vào Nam bộ, em chịu ngay một trận bom và phải chạy càn suốt 4,5 ngày. Có những giếng bom sâu bằng cái ao con, chính em trông thấy những đàn trực thăng rà sát trên đầu mà lúc ở ngoài ấy em cứ phải tưởng tượng.”

Ngày 10-8-1965, Hiến trở về nơi chôn nhau cắt rốn ở xã Tân Thành Bình:

“Quê hương ta đây ư?

Qua nhà thờ cũ, đổ nát. Vào nhà Bà nội cũ, H. không nhớ ra hướng. Hai cây hồng nhung đã trụi, không còn nữa. Phía sau nhà mà H. tưởng là trước. Sau mới nhận ra con rạch nhỏ trước cửa. Cái sân H. tưởng to lắm bây giờ sao thấy nhỏ. Cỏ rậm. Chỉ còn mấy bông trang. Ông nội, Bà nội đã chết hết rồi. Xoài bị bằm nát quá. Dừa cam xơ xác. Trên bàn thờ Ông Bà đầy vết đạn. Kiếng bể nát. 18 năm rồi, hôm nay H. mới trở lại quê hương, trở lại ngôi nhà hồi tuổi thơ. Hồi đó H. nhỏ quá không nhớ gì hết. Phải chi hồi đó H. lớn để nhớ, để thu nhận, để hiểu thêm quê hương. H. đến lục xem mấy cuốn vở học trò cũ. Cũng những bài toán đố. Những bài lecture tiếng Pháp. Vở của ai? Của đứa em, đứa cháu nào của Hiến đây? Những cuốn vở hồi nhỏ của H. đâu rồi? H. có bỏ đâu? Nhưng rồi lần lượt nó chìm vào đâu hết. Ôi, những kỷ niệm tuổi thơ. Ôi quê nội. Bom đạn của kẻ thù đã đập nát. Đau xót và căm thù. Bây giờ về đến quê hương H. không còn cảm giác gì sợ chết cả. Dù có nằm xuống đây cũng là nơi êm ấm, là nơi chôn nhau cắt rốn. Đi xuống nhà chị Ba. Chị Ba bơi xuống chỗ dừa tới. Hai chị em nhìn nhau chảy nước mắt. Chị Ba của H. tần tảo, vất vả quá. Mười mấy năm mới gặp lại chị. Cục nhọc, chịu đựng gian khổ nhiều quá. Nhà chị Ba nhỏ, bàn ghế sơ sài*

* Bài tập đọc (BTV).

không có gì hết. Chị vất vả quá chị Ba ơi! Sức mạnh nào có thể giúp chị chịu đựng và công tác tốt? Chị là đoàn trưởng phụ nữ xã, chị là một đảng viên.”

DÁNG ĐỨNG VIỆT NAM*

*“Anh ngã xuống trên đường băng Tân Sơn Nhất
Nhưng anh gượng đứng lên tì súng trên xác trực thăng
Và anh chết trong tư thế đang đứng bắn
Máu anh phun theo lửa đạn cầu vồng.
Chợt thấy anh, giặc hốt hoảng xin hàng
Có thằng sụp xuống chân anh tránh đạn
Bởi anh chết rồi, nhưng lòng dũng cảm
Vẫn đứng đàng hoàng nổ súng tiến công.
Anh tên gì hồi anh yêu quý
Anh đứng lặng im như bức tường đồng
Như đôi dép dưới chân anh giẫm lên bao xác Mỹ
Mà vẫn một màu bình dị, sáng trong.
Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ
Anh chẳng để lại gì cho anh trước lúc lên đường
Chỉ để lại dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỷ:
Anh là chiến sĩ Giải phóng quân.
Tên anh đã thành tên đất nước
Ôi anh Giải phóng quân!
Tù dáng đứng của anh giữa đường băng Tân Sơn Nhất
Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân.”*

5-1968

Trong thời gian gần 4 năm về tham gia chiến đấu ở miền Nam, Ca Lê Hiến đã sáng 37 bài thơ được in trong tập thơ “Hoa Dừa”

* Bài thơ cuối cùng của Ca Lê Hiến-Lê Anh Xuân.

dày khoảng 100 trang, một bài “Trường ca Nguyễn Văn Trỗi” với khoảng 1500 câu thơ và tập văn xuôi “Giữ đất” nói về người anh hùng Nguyễn Văn Tu ở Bến Tre. Chính những sáng tác thơ, văn của em đã đưa em vào hàng ngũ những văn nghệ sĩ tên tuổi đương đại, và đất nước cũng đã ghi công em bằng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

Ca Lê Hiến hy sinh ngày 24 tháng 5 năm 1968 trong lần xuống chiến trường tham gia đợt II cuộc Tổng tiến công Mậu Thân, ở tuổi 28. Trong ba lô còn tìm thấy quyển Nhật ký ghi đến ngày cuối cùng:

Ngày 23-5-1968 (thứ năm)

“Sáng ra nghe lính vào. Mồ đánh. Hiến và Thảo tắt HBM” sinh. Chú Tám Nghệ ra dắt đi hầm khác.”

Ngày 24-5-1968 (thứ sáu)

*“Hôm nay là ngày Hiến hy sinh. Khoảng trưa. Hiến không còn nữa. Hiến chết dưới HBM. Lạ thật. Đến tối Thảo và anh em chôn Hiến ở ấp Phước Quảng, xã Phước Lợi, huyện Cần Đức.”***

Còn dưới đây là trích bài viết “Chuyến đi cuối cùng của Lê Anh Xuân” của nhà thơ Viễn Phương để nói lên quyết tâm của Lê Anh Xuân muốn đến tận nơi gian nguy nhất của chiến trường để có được những bài thơ hay.

.....

“Tổng công kích đợt hai sắp đến.

Lúc ấy chúng tôi được tin anh Giang Nam, anh Anh Đức, anh Đình Quang Nhã, anh Lê Anh Xuân đã đến vùng Mồ Vệt (Ba Thu) và định sẽ xuống đường cùng chúng tôi tham gia đợt hai tổng công kích. Nhận thức tất cả những tình hình khó khăn của lúc ấy, dự kiến được những tổn thất, những thiệt hại có thể xảy ra nếu

* Hầm bí mật (BTV).

** Phần này do nhà văn Lê Văn Thảo ghi vào quyển Nhật ký của Ca Lê Hiến.

anh em liều lĩnh lao xuống chiến trường, anh Nguyễn Văn Bổng, lúc ấy chúng tôi gọi là anh Tám Nhân, đã điện về báo với các anh về tình hình ác liệt của chiến trường và đề nghị các anh tạm thời khoan xuống.

Điện đánh đi bữa trước, trưa hôm sau chúng tôi bỗng nhận được bức thư nhỏ của Lê Anh Xuân từ trạm giao liên gửi qua, thư chỉ vắn vụn mấy hàng: “Em và Hồng Tân đã xuống tới, hiện đang ở trạm cuối. Xin các anh cho người qua đón tụi em.”

Các anh bàn bạc: “Kế hoạch xuống đường đã bố trí: Viễn Phương và Lê Văn Thảo sẽ đi sâu vào mũi nhọn. Tình hình hết sức nguy hiểm nên hạn chế người đi tới mức tối thiểu để tránh những tổn thất không cần thiết. Lê Anh Xuân và Hồng Tân phải lập tức trở về R. Khi nào tình thế thuận lợi hơn, các anh sẽ điện cho biết.”

Độ hai giờ sau thì cậu giao liên về tới, cầm theo lá thư của Lê Anh Xuân viết trên mảnh giấy bao thuốc ARA. Thư viết vô cùng tha thiết: “Chúng em đã xuống đến đây rồi, không thể nào trở về không cho được. Xin các anh cho chúng em đi một chuyến ngắn, một chuyến rất ngắn, chỉ vài ngày thôi để biết hơi thở của chiến trường rồi chúng em sẽ trở về căn cứ. Không đi xuống vùng sâu thì không thể nào chúng em có được tác phẩm tốt về cuộc tổng công kích lịch sử này. Chúng em vẫn bám ở trạm này và chờ các anh cho người qua đón.” Tuy hết sức khẩn khoản nhưng cuối cùng các anh cũng phải nhượng bộ trước yêu sách quyết liệt của đôi bạn trẻ. Vùng chúng tôi trú đóng là một vạt dừa nước mong manh nằm giữa bên lộ, bên đồng. Ban đêm pháo bắn liên hồi. Có những hôm chúng cho máy bay quần thảo thả pháo sáng suốt đêm trên vùng chúng tôi trú đóng, làm như chúng muốn phóng một cuộc càn trực thăng vận ngay giữa đêm khuya. Chúng tôi sống những ngày đêm cực kỳ căng thẳng, không nói các đồng chí bảo vệ, giao liên, anh chị em cầm bút chúng tôi cũng không một phút rời vũ khí. Chỉ một mệnh lệnh chuyển ra là chúng tôi có thể xông lên quyết chiến với kẻ thù...

Chiều ấy tất cả đều im lặng. Bỗng một bóng người lách qua cửa bước vào.

- Ủa, ai như Lê Văn Thảo? Sao về sớm vậy? Tiếng ai đó hỏi. Thảo không trả lời mà hỏi lại: Anh Tám đâu rồi? Tôi chỉ ra bệ cửa sau. Lê Văn Thảo đến nói gì nho nhỏ. Chỉ nghe anh Tám Nhân kêu: “Trời ơi!” rồi hai người dắt nhau ra bờ dừa nước. Anh Rum Bảo Việt lật đật chạy theo. Tôi nghĩ ngay đến một việc chẳng lành.

Mười lăm phút sau các anh trở vào. Anh Tám Nhân đến kể tai tôi nói nhỏ:

- Lê Anh Xuân và Hồng Tân đã hy sinh cả rồi! Như nghe tiếng sấm nổ trên trời, tôi thất thần, im lì, đứng sững. Quay quần bên bộ ván dưới bếp, chúng tôi nghe Thảo kể lại câu chuyện đau lòng: “Đến Phước Lợi, một ấp gần sông Vàm Cỏ, vào lúc nửa đêm, đoàn dừng lại nghỉ, định tối hôm sau lại tiếp tục lên đường. Vùng này đồn bót dày đặc như mắc lưới, trực thăng rình chụp suốt ngày nên đường giao liên phải chủ yếu hoạt động về đêm. Tuy đêm rồi phải thức rất khuya, nhưng trời tờ mờ đoàn đã thức dậy lo cơm ăn, cơm vắt và chuẩn bị chống càn. Ở vùng này, từ sau Tổng công kích đợt một đến nay, giấc càn như cơm bữa.

Khoảng bảy giờ rưỡi sáng, có ba phát súng nổ từ xa: báo hiệu giặc ra khỏi bót. Mười lăm phút sau có tin báo giặc sẽ hành quân về hướng ấp này. Tất cả rút ra bờ rạch. Du kích hướng dẫn ra hầm bí mật, những chiếc hầm đào rải rác xa nhau dưới lán dừa nước. Hầm Lê Anh Xuân ở rìa xa nhất. Từ giờ phút này, nếu gặp bất trắc thì từng người phải tự quyết định lấy số phận của mình. Thảo lui cui chuẩn bị cái hầm bí mật của mình. Trước tiên phải gỡ nắp hầm quạt cho tan chuống khí, sau đó phải xoi cho thông mấy cái lỗ hơi rồi chui thủ xuống hầm đầy kín nắp lại xem có ngộp không? Nếu mọi sự đều ổn, bấy giờ mới leo lên xem kỹ nắp hầm và kiểm tra cành lá nguy trang. Mọi việc đều phải được chuẩn bị hết sức chu đáo, vì lúc này một sơ suất nhỏ có thể dẫn đến tai họa khôn lường, vì khi đã

xuống hầm rồi muốn đẩy nắp trời lên đâu phải là đơn giản. Xuống hầm rồi là ở vào thế hết sức bất lợi, ở vào thế hoàn toàn bị động và tách rời hẳn mọi liên hệ với mặt đất. Không nắm được tình hình bên trên mà đẩy nắp chui lên là một việc quá phiêu lưu, liều lĩnh. Thảo đang tần mẩn soi mấy cái lỗ hơi bỗng nghe sột soạt, Thảo nhìn lên qua kẽ lá, một chiếc áo rằn ri thoáng hiện: “Giặc!” Giặc đã vào! Tay lăm lăm vũ khí, chúng bước đi từng tên, từng tên, chậm chạp, nặng nề, im lặng.

Giặc đã vào! Mặt lặng như thần chết, chúng lùng sục, soi mói tìm kiếm.

Thời gian trôi qua... chậm chạp, nặng nề, im lặng...

Bốn giờ chiều... Có lệnh báo an của du kích: anh em hù nhau, lục tục kéo vào xóm.

Mười lăm phút sau, mọi người vào đông đủ. Vẫn chưa thấy Lê Anh Xuân và Hồng Tân. Vô cùng lo lắng. Thảo cùng du kích vội vã chạy ra hầm tìm bạn. Nắp hầm vẫn đóng kín. Khấp chung quanh lớn nhổn dẫu chân thù. Anh em kéo bật nắp hầm lên. Trời ơi! Lê Anh Xuân và Hồng Tân đã chết từ bao giờ!. Mọi người cuối đầu lặng im trong đêm tối. Đâu phải Lê Anh Xuân không biết đi chiến trường là vô cùng nguy hiểm, là có thể hy sinh. Nhưng Xuân cũng biết rất rõ rằng những bài thơ hay, những bông hoa đẹp không thể nở giữa căn nhà ẩm áp thơm ngát phong lan của mình ở giữa khu rừng biên giới, mà phải nở giữa vùng xoáy của cuộc đời, nở giữa chiến trường khói lửa và có khi nở chính trong dòng máu rất nóng của trái tim mình.

Ôi! Có một thời mỗi bản nhạc, mỗi bài thơ, mỗi áng văn đều được làm bằng máu, những dòng máu rất tinh khiết của bạn bè đồng chí chúng ta. Thời ấy đã qua rồi, nhưng chúng ta không được quên máu.”

Xin được nói thêm là cho đến tận hôm nay thì trường hợp hy sinh của Lê Anh Xuân và Hồng Tân vẫn đang còn nhiều dấu hỏi

chưa được giải đáp: “Tại sao lại không cùng tung nấp hầm lên chiến đấu với khẩu K54 trong tay để còn có dịp thoát thân, vì đang bị ngợp thì dù có kiên trì ở lại cũng nhất định sẽ bị chết ngợp? Hay vì quá non nớt trong cách ứng phó với gian nguy bởi đây là lần đầu tiên ra chiến trường? Cũng có giả thiết cho rằng cả 2 thà chịu hy sinh để bảo vệ bí mật cho đồng đội, bởi nghĩ rằng khi tìm được một hầm nhất định chúng sẽ xem tìm các hầm khác ở xung quanh v.v...?”).

Ngày 3 tháng 2 năm 1963 là ngày đáng nhớ của vợ chồng chúng tôi, ngày chúng tôi có đứa con đầu. Cháu sinh ở Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải phòng, nơi cô Út Thoại đang công tác.

Nhớ lại, thì hình như anh chàng này cũng thuộc hạng khá lì, bắt bà già phải ôm bụng đau đớn hơn một ngày một đêm mới chịu chui ra, nặng 3,2 kí lô. Có 2 điều tôi không thật phấn khởi khi anh chàng này chào đời, thứ nhất vì là con trai, bởi tôi thích có con gái đầu lòng hơn, đỡ nghịch ngợm, thứ hai là sao thấy cái trán thì nhỏ mà hai bên má phính ra, e rằng sẽ không phải là đứa thông minh ngon lành. Cái sợ ban đầu là đúng, bởi khi lớn lên thì anh chàng này thuộc hạng nghịch có cỡ, cũng giống như ông già nó khi xưa. Còn cái sợ thứ hai thì hơi sai, bởi đó là khuôn mặt của đứa trẻ mới ra đời, và tự nhiên nó biến đổi dần, cho đến khi được trên 1 tuổi thì ai cũng bảo nó giống tôi như đúc, trắng như cục bột, rất xinh trai, nên tôi đâm ra khoái chí!. Chỉ có điều là đầu tóc nó trọc lóc, nên bác Ba Thanh Nha của nó gọi nó là Cù Khơ (Khrushchev của Liên Xô, có cái đầu trọc lóc).

Sau khi sinh con chúng tôi vẫn ở nhà số 62 Hàng Bột. Thế nhưng gia đình chúng tôi lại có cái đặc biệt bởi chồng là bộ đội mà vợ lại là diễn viên văn công, nên đi xa nhà là việc thường xuyên, nhất là bà xã, lại thường đi biểu diễn vào ban đêm, khi thì ở trong thành phố, khi thì ở các tỉnh xa. Những lúc đó tôi phải ở nhà chăm sóc con, cho nó bú, ru nó ngủ. Việc pha sữa ban đầu còn lọng cọng sau rồi cũng quen. Ngán nhất là cho bú

vào cữ khuya, bởi lúc đó tôi cũng đã buồn ngủ, rồi còn phải chờ nó nhâm nhi hết bình sữa, có lúc vừa bú vừa ngủ nên phải coi chừng, sợ nó sặc. Cũng may là cả hai cha con đều dễ ngủ, nó vừa bú xong thì chẳng mấy chốc tôi cũng lên giường nằm ngáy pho pho. Chỉ cực là anh chàng này rất dễ bị tháo bụng, vài hôm lại bị một lần nên phải thay tả lia lịa. Mà được cái là dễ nuôi, sữa mẹ cũng bú mà sữa bình cũng không chê nên chẳng mấy chốc mà tròn quay. Lại được cái may là ông bà ngoại đang công tác ở Campuchia thường gửi sữa bột loại tốt về cho cháu ngoại, và thỉnh thoảng còn gửi quần áo về cho cháu mặc thêm trong thời kỳ thóc gạo kém, nên có thể nói là về mặt vật chất thì đứa con đầu lòng của chúng tôi ít có ai bằng.

Chúng tôi lại may mắn tìm được người giúp việc rất tốt là bác Tĩnh, quê Đông Quan, tỉnh Thái Bình, chăm sóc cháu rất kỹ, ăn ở vệ sinh sạch sẽ. Nhưng rất tiếc bác lại không có hộ khẩu ở thành phố mà việc quản lý nhân hộ khẩu lúc đó lại rất nghiêm, vả lại mình là gia đình cán bộ nên đành phải cho bác nghỉ việc trở về quê để rồi phải đem con gửi nhờ ở nhà Bùi Tuyết, em của Bùi Đức Ái, đang có người giúp việc. Nhưng vì chỉ có một người mà cùng một lúc phải trông coi hai đứa bé là con của Bùi Tuyết và con chúng tôi, lại vừa phải nấu cơm, nên đâu được chu đáo. Có một lần bà xã đến thăm thấy thằng bé đang đứng trong chiếc xe tập đi được cột vào gốc cây trứng cá, vừa đứng dậm chân vừa khóc, trên thì nắng rọi xuống, còn bà giúp việc thì đang lui cui quạt bếp nấu cơm không ngó ngang gì đến. Chứng kiến cảnh đó mẹ nó ứa nước mắt thiếu điều muốn khóc luôn với thằng bé. Rồi nửa đêm kẻ trộm lại trèo tường vào nhà lột luôn tã chần thằng bé đang đắp mà cả nhà nào hay biết, mãi tới sáng hôm sau mới phát hiện. Để vậy rất tội nghiệp nên chúng tôi đem gửi cho anh chị Tư Xương, nhà ở khu tập thể Bờ sông. Có lần vào buổi trưa giao cho con Cúc trông em, nhưng nó cũng mê ngủ để thằng nhỏ ùn ra cây trét đầy giường. Nhưng được cái là cả gia đình anh



Gia đình nhỏ trước vườn hoa Văn Miếu Quốc Tử Giám-Hà Nội

chị Tư Xương và lối xóm mà đa số là gia đình cán bộ đều thương nên chúng tôi cũng tương đối yên tâm. Nhớ lúc đó đầu nó cạo trọc lóc đi lũng đùng ngoài sân, lối xóm hay trêu là “sư cọ”, anh ta có vẻ không bằng lòng nên cứ “ứ ừ” luôn miệng. Có lần bị viêm V.A, demam sốt cao, anh Tư Xương phải vác chạy vào cấp cứu tại bệnh viện quân y 108. Có lúc bị cho là còi xương lại cũng đưa vào bệnh viện tắm điện, khi cởi quần áo ra thì thấy thẳng bé ú ù thì ai cũng cười.

Khi thằng bé mới được hơn một năm tuổi thì cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đối với miền Bắc bắt đầu, từ đó cuộc sống ngày càng trở nên vất vả hơn. Năm 1965-1966 khi tôi dẫn đoàn thực tập sinh đi Trung Quốc thì hai mẹ con vẫn ở tại nhà số 62 Hàng Bột. Đó là thời kỳ chiến tranh, máy bay Mỹ thường xuyên đánh phá thành phố Hà Nội, vợ tôi ở nhà vừa phải lo việc nước, tức phải làm nhiệm vụ của người diễn viên văn công, lắm lúc phải đi biểu diễn vào ban đêm hoặc đi xa nhà, vừa phải đảm đương việc nuôi con, cho nên cả hai mẹ con đều muôn phần vất vả. Hằng ngày mẹ nó đều đem gỏi tại nhóm giữ trẻ của khu phố, lúc ở nhà thì dù ban ngày hay ban đêm, khi có còi báo động hoặc có máy bay Mỹ đến ném bom thì hai mẹ con phải bồng bế dắt díu nhau chạy trốn dưới hầm trú ẩn bên cạnh vườn hoa Văn miếu Quốc tử Giám, cách nhà gần 200 mét. Trong cảnh chỉ có 2 mẹ con như thế, đã xảy ra 2 việc đáng nhớ đối với thằng bé.

Việc thứ nhất là vào một sáng sớm thằng bé đi theo mẹ đến quầy thực phẩm để mua thức ăn, lúc bước lên thềm chẳng may trượt chân ngã té một đường dài trên mi mất phải đưa đến trạm y tế khâu mấy mũi liền. Mãi cho đến hôm nay, khi nó đã 50 tuổi mà vẫn còn thấy vết sẹo khá dài.

Việc thứ hai cũng xảy ra vào buổi sáng, mẹ nó dắt ra đứng trước nhà rồi đến cửa hàng thực phẩm gần đó mua thức ăn. Khi trở về lại không thấy con bèn chạy bỏ đi tìm khắp các ngõ đường chung quanh, nhưng chẳng thấy bóng dáng nó đâu cả. Hoảng

quá mẹ nó phải đến đồn công an báo tin trẻ lạc. Thế nhưng dù có nhờ đến sự trợ giúp của công an nhưng mẹ nó vẫn không đặt mấy hy vọng, nên trở về nhà ngồi khóc một mình. Rồi cũng không thể an tâm ngồi một chỗ mà chờ nên vẫn cứ dẫn xe đạp đi tìm cầu may. Khi đang trên đường Sinh Từ đi về hướng Cửa Nam gần đến đường tàu hỏa cách nhà chừng nửa cây số, nhìn bên kia đường thì thấy một thằng bé mặc quần cụt áo may-ô đang đi thất tha thất thểu một mình. Nhận ra con, mẹ nó mừng hết sức mà nước mắt cứ chảy ròng ròng vội chạy đến nắm tay và hỏi: “Con đi đâu vậy?”, nó trả lời tỉnh bơ: “Con đi xem tàu hỏa!”. Té ra là do nhiều lần được chở xe đạp đi ngang đường tàu về nhà hẳn ta đã để ý mỗi khi thấy tàu chạy qua nên đã nhớ đúng hướng mà tìm. Thằng bé có trí nhớ khá thật! Nhưng cũng báo hại mẹ nó phải một phen hết hồn hết vía bởi làm sao chịu nổi cái cảnh mất con, và cũng không biết phải ăn làm sao nói làm sao với người chồng đang ở xa?.

Sau khi tôi đã trở về Việt Nam, do hoàn cảnh công tác của hai vợ chồng nên chúng tôi cũng phải tính chuyện gởi con cho nhà trẻ cả ngày mà có khi luôn cả đêm. Khi gởi ở nhà trẻ của Bộ Văn hóa ở Quỳnh Lôi thì có một cô bảo mẫu cũng tên là Tĩnh người mập ú rất thương thằng bé, và nó cũng quăn quýt luôn mồm kêu: “Mẹ Chĩnh, mẹ Chĩnh...”. Việc có được người thương yêu con mình như thế khiến chúng tôi rất yên tâm. Có một buổi sáng tôi đạp xe chở nó đến nhà trẻ, giữa đường nó bị đi lỏng phân dính đầy quần và làm bẩn cả chiếc ghế mây. Tôi cố chạy thật nhanh đến nhờ các cô tắm rửa thay quần áo còn tôi thì phải dùng vòi phun nước rửa sạch chiếc xe bởi sợ rằng khi vào cổng Thành Bộ Tổng mà người chiến sĩ cảnh vệ lại ngửi thấy mùi thúi lúc đang đứng nghiêm đưa tay chào người sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam thì thật là ê mặt.

Khi máy bay Mỹ đánh gãy ở Hà Nội thì chúng tôi định đưa nó đi sơ tán ở Ba Thá thuộc tỉnh Hà Tây. Đây là một xóm thuộc vùng

sâu vùng xa, trời mưa bùn đất nhão nhoẹt, phân heo phân trâu đầy đường, thoát thấy cái cảnh nhóp nhúa như thế đã hơi ớn. Vừa đến nơi, quay qua quay lại thì thằng bé đã sà vào bóp chết một chú gà con và bị bà chủ nhà la cho một trận nên thân. Sợ quá lập tức từ biệt và cả nhà lại dắt díu nhau quay về thành phố.

Khi đoàn cải lương lên sơ tán ở Bắc Ninh thì đến tá túc trong một nhà dân nằm ven lộ 18. Gia đình nông dân này rất mến hai mẹ con, đặc biệt là thằng bé, bởi nó trắng như cục bột mà ú na ú núc ai thấy cũng thương. Sáng sớm khi cả nhà dọn cơm ăn đi làm đồng thì nó cũng rề đến ngồi bên cạnh, rồi người ta cũng xúc một tí cơm cho vào bát, thức ăn gì nó cũng chén ngon lành. Có một lần thấy bà chủ nhà, miệng ăn trầu đỏ choét cắn quả cà bát rồi kê mồm nhả thẳng vào bát của thằng bé thì mẹ nó ghê hết sức nhưng đâu dám can vì sợ méch lòng bởi người ta thương con mình nên mới làm như vậy. Gặp ngày rằm, ba mươi đi chùa về có mang xôi, mang bánh thì cũng không khi nào người ta quên phần của thằng nhỏ.

Có lần mẹ nó dắt đi chơi thì gặp một anh chàng trâu đực đang ăn cỏ bên vệ đường còn bà “mục đồng” thì đang tranh thủ ngồi..., bỗng thấy thằng nhỏ từ đâu tung tung chạy tới khiến bà ta hoảng hồn túm váy đứng dậy chạy đến tóm sợi dây buộc trâu, miệng hét toáng lên: “Con cái nhà ai vậy? Muốn chết hả?...”, Mà đúng như vậy, bởi lơ mơ thì trâu nó chém chết như chơi. Nghe tiếng la, mẹ nó đâm hoảng vội vàng chạy đến kéo tay thằng nhỏ mà tai vẫn còn như nghe tiếng hét dữ dội của bà ta.

Những tháng mẹ nó theo Đoàn Cải lương đi sơ tán tại xã Đại Đồng và xã Trung Kiên thuộc tỉnh Hưng Yên, cách Hà Nội trên 50km cũng phải mang nó theo. Có một đêm mẹ nó chờ xe đạp trên một quãng đường nông thôn gồ ghề bỗng nghe tiếng kêu: “Con té rồi má ơi!”, ngoáy đầu nhìn lại thì thấy anh chàng đang lồm cồm bò dưới đất, may là chỗ đó có nhiều cát, mà nó lại mặc hai ba lớp quần áo dày, nên không đến nỗi u đầu sút trán. Lại

một lần khác, khi hai mẹ con cùng đi trên đường cạnh bờ ao, thấy một bông hoa đẹp má nó vươn người ra hái nhưng sơ ý trượt chân té nhào xuống ao, anh ta sợ quá la cuống lên: “Má ơi, má đừng có chết; má ơi, má đừng có chết...!”. Rồi một lần trên đường đèo từ nơi sơ tán về Hà Nội nó vô ý thọc chân vào bánh xe bị tróc một mảng dài trị mãi mới lành.

Có một lần tôi chở nó ngồi sau xe đạp về nơi sơ tán, nó ngủ gà ngủ gật, sợ té tôi bèn bỏ nó xuống bắt nó chạy một lúc cho tỉnh tỉnh rồi mới cho lên xe chạy tiếp. Nhưng được một đoạn nó lại tiếp tục ngủ, tôi đành bế anh ta lên cho ngồi phía trước tha hồ dựa đầu vào hai cánh tay của tôi mà ngủ.

Năm 1967 lúc nó vừa lên bốn thì má nó lên đường đi Liên Xô. Hôm ra ga Hàng Cỏ đưa tiễn, khi má bước chân lên tàu thì nó khóc thét lên, vừa khóc vừa kêu: “Má đừng có đi!, Má đừng có đi!” làm má nó cũng khóc theo.

Thời gian này máy bay Mỹ thường đến ném bom Hà Nội mà tôi lại phải làm nhiệm vụ người lính thời chiến nên buộc phải gọi nó đi sơ tán. Đầu tiên là theo trường Mầm non của Thành phố sơ tán lên huyện Thuận Thành của tỉnh Hà Bắc, cách thủ đô ngót nghét 50km, đi về mất trên 5 tiếng đồng hồ đạp xe. Phụ trách nhà trường là cô Thục, một giáo viên đẹp người đẹp nết, rất tận tụy với việc nuôi dưỡng các cháu nhỏ. Đến đây mọi việc ăn ở học hành của cháu tôi đều phó thác cho nhà trường, chỉ thỉnh thoảng đến thăm vào các ngày chủ nhật khi điều kiện công tác cho phép. Trong hoàn cảnh chiến tranh, Hà Nội thường xuyên bị máy bay Mỹ ném bom đánh phá thì tôi thật sự an tâm khi được gọi cháu ở đây. Tuy nhiên xa con lúc nào tôi cũng nhớ, nhớ mãi cái hình ảnh con trai đứng ôm gốc cột đình, nước mắt ràn rụa đôi mắt theo khi tôi sắp bước chân ra về.

Con trai chúng tôi ở vào lớp của cô Duyệt, người có nước da ngăm đen, tóc dài, có cái răng lòi xỉ, tuy không đẹp nhưng rất dễ thương. Cô chăm sóc các cháu tận tình, chu đáo và đặc biệt

là rất vệ sinh, một điều rất khó trong hoàn cảnh sơ tán về nông thôn. Ban đêm, các cháu nằm ngủ trên các bộ ván gỗ, một đứa đái dầm thì mấy đứa cùng chịu ướt. Những lúc trời nóng quá, nhìn cái cảnh mấy đứa trẻ mắt nhắm nghiền nhưng tay vẫn cầm cây quạt nan quạt lia quạt lịa, tôi thấy mà xót trong lòng. Tối ngủ cả bốn năm đứa đều đắp chung một cái chăn, những đêm trời rét nếu một đứa lòi chăn đắp một mình thì cả đám còn lại phải nằm co rúc vào nhau cho đỡ rét. Còn những đêm nghe tiếng máy bay, các cô phải đánh thức chúng nó dậy, cho dù còn mắt nhắm mắt mở cũng phải lừa tất cả xuống hầm trú ẩn, khi báo an lại lừa lên, muôn phần vất vả.

Tuy việc chăm sóc của cô mẫu giáo là hết sức kỹ lưỡng chu đáo, nhưng trong điều kiện vệ sinh ở một vùng nông thôn, mà cả mấy trăm con người, vừa người lớn vừa trẻ nhỏ đổ dồn về đây, nước ao cũng thiếu mà nước giếng lại càng thiếu hơn, nên hầu hết các cháu đều bị ghẻ lở và thường xuyên đau mắt. Đặc biệt là da thịt thằng con của tôi rất độc, mỗi lần bị muỗi đốt là y như rằng sẽ mưng mủ thành ghẻ, trị mãi không lành, may nhờ đến phương thuốc đông y gia truyền của ông Sáu Lòi cùng quê Cao Lãnh mới trị tốt.

Ở nhà trẻ có một hình thức kỷ luật mà thằng con trai của tôi rất sợ: đó là bị phạt phải ăn cơm muộn hơn các bạn khác. Đúng là một đòn đánh trúng tâm lý, bởi trẻ con vốn háu đói mà phải đứng nhìn các đứa khác ăn ngon lành trong lúc mình phải chịu nhịn, thì đó quả là một “cực hình”. Có một chuyện vừa buồn cười vừa thú vị là vào mỗi cuối tuần, các cháu tuổi mới lên bốn lên năm, đều có “cuộc họp kiểm điểm cá nhân”, tất cả đều ngồi nghiêm chỉnh trên các chiếc ghế cóc chung quanh cô giáo, phê bình lẫn nhau về các ưu khuyết điểm trong tuần để bầu cháu ngoan.

Trong nhà bếp của trường có một bà cấp dưỡng to béo như đàn ông mà mọi người quen gọi là “Bố Tâm”. Bà từng khoe với tôi rằng đã có cách trị tốt tính nghịch ngợm hiếu động của thằng con tôi bằng cách tìm việc sai nó làm liên tục không ngơi nghỉ

còn đâu thời giờ mà phá với quấy. Mà đúng như vậy, có lần tôi đến thăm, thấy nó bị Bố Tâm sai khiến chạy có cớ! Nó vừa mới làm xong việc gì đó thì lại nghe tiếng Bố Tâm: “Hoàng! Dẹp cho Bố cái bàn này coi!”. Thế là nó nhanh nhẩu chạy đến nâng chiếc bàn con đội lên đầu nghe cái “cụp” rồi chạy đi ngon ơ! Bởi thế về sau này, khi nó đã lớn thì Bố Tâm là hình ảnh nó nhớ đầu tiên khi nhắc đến nhà trường thuở ấy.

Trong thời gian má nó đi học ở Liên Xô, cứ nửa tháng một tháng là tôi đạp xe đạp đến thăm nó một lần, và mỗi lần như thế nó rất thích bởi được “giải phóng” ra đình chơi với tôi hoặc đi ra ngoài xóm xem chỗ này chỗ nọ đến chiều mới vào. Tôi cũng tự tay nấu những món ăn mà nó thích, nhưng lắm lúc nó mê chơi chỉ liếm láp qua loa khiến tôi vừa bực mình vừa tiếc công sức. Đến nay tôi vẫn lưu giữ một số ảnh chụp trong một dịp Tết Trung thu, xem lại thấy thương quá bởi lúc đó mình mẩy nó ốm nhom, cái bụng bình rình.

Có lần xuống thăm nó đến bên tôi nài nỉ: “Ba đừng cho con lên học lớp 5 nghe Ba!”. Tôi lấy làm lạ, bởi nó còn đang ở lớp mẫu giáo cơ mà!. Hỏi tại sao thì nó nói rằng lên lớp 5 sẽ bị ăn bánh bao sống. Sau khi tìm hiểu, té ra là bên lớp 5 ở trường tiểu học nhiều lần hấp bánh bao bị sống, tiếng lành không đồn xa mà tiếng dữ lại đồn xa nên chúng nó nghĩ bụng rằng đã lên lớp 5 thì thế nào cũng bị ăn bánh bao sống. Một cách suy diễn ngộ nghĩnh của trẻ con!.

Một lần khác tôi cho nó về ở chung với tôi trong cơ quan, được vài hôm lúc tôi đang bận làm việc, bỏ nó chơi quanh quẩn một mình, nó bèn đến ôm cổ tôi nài nỉ: “Ba cho con về lớp ở chung với các bạn đi, ở một mình với ba buồn lắm!”. Đúng là tâm lý của con trẻ, làm sao chơi mà không có bạn nên tôi phải tranh thủ sớm đưa nó trở về trường.

Trong thời gian máy bay Mỹ đánh căng ở Hà Nội, cũng là lúc bà ngoại đau tim nặng, ban đêm phải mang mền chiếu ngủ dưới

hầm trú ẩn vì sợ khi có máy bay thân thể già cả bệnh tật chạy không kịp, cho nên tôi không thể để nó tiếp tục ở nhà với ông bà ngoại, sợ thêm rối. Suy đi tính lại chỉ có cách đưa nó lên gởi chỗ anh Tư Xương trong khu tập thể nhà máy M.1 Bộ tư lệnh Thông tin tại Phú Thọ, cách Hà Nội gần trăm cây số. Tôi chở nó trên chiếc xe máy loại “second-hand” mà má nó đã nhờ chú Tạ Thu, em chị Tạ Thị Kiều, tìm mua ở chợ trời tận bên Liên Xô mang về. Lướt đi thì thuận buồm xuôi gió, nhưng chuyến về một mình lại xảy ra sự cố. Lúc đang chạy ngon trớn trên cầu Việt Trì bỗng nhiên xe bị kẹt máy đột ngột đứng khựng giữa cầu, trong lúc đó một chiếc ô tô từ phía sau chạy trờ tới buộc người lái xe phải kéo tay thắng gấp, anh ta nổi nóng nhảy xuống mắng xối xả, hỏi tôi muốn chết hay sao mà ngừng xe kiểu gì kỳ cục vậy? Còn tôi thì cũng thấy lỗi là do mình, nên ra sức kéo rê chiếc xe qua một bên để lấy lối cho chiếc ô tô nổ máy chạy qua. Sau đó tôi phải gò lưng đẩy qua khỏi cầu để kiểm tra hỏng hóc, khi tháo nắp máy ra thì hỡi ôi cái “bô-bin lửa” đã bị chèn vỡ do vít hãm bị long hời nào không biết. Mà bô-bin lửa đã hỏng thì lấy đâu ra điện cho xe nổ máy!. Tìm mọi cách xoay tới xoay lui cả tiếng đồng hồ cũng vô phương, trong lúc đó thì bụng luôn nôm nớp lo sợ máy bay Mỹ đến ném bom bởi đang ngồi ngay dốc cầu, nó mà đến ném vào cầu thì sẽ lãnh đủ. Nhưng rồi “túng quá phải tính” hay thử lấy “bô bin đèn” thay vào xem sao? Nào ngờ sau khi lắp xong chỉnh tới chỉnh lui một hồi thì máy bỗng nhiên nổ, mừng quá chỉ là mừng, vội vàng nhảy lên xe chạy tiếp. Bây giờ nghĩ lại thì đó là một sáng kiến ngoài sách vở, bí quá phải làm bởi nếu không thì cho dù là tay thợ lành nghề cỡ nào cũng đành phải chào thua. Qua được phà Chèm thì trời sập tối, xe chạy không đèn thì đâm đầu xuống ruộng là cái chắc. May quá nhờ một người cỡi xe đạp tốt bụng dòng dây kéo đến nhà cô Xuân Lan ở Thụy Khuê, sau đó tôi đi bộ về nhà, kết thúc một chuyến đưa con đi sơ tán khá vất vả. Sau này nghe con tôi kể lại, thì trong thời gian sơ tán ở Phú Thọ, nó suýt chết đuối vì bị hụt chân dưới một hố sâu ngập đầu

trong một lần xuống tắm ở cái hồ do người ta đào đất làm gạch tạo nên. Lại có một lần nó vác dao đuổi thằng Tuấn là con anh Tư Xương chạy có cờ, vì thằng này làm tài khôn lấy kéo cắt tóc mà khi soi gương thì nó thấy cái đầu nham nhở như bị chó gặm.

Những tháng cuối năm 1972, khi máy bay Mỹ ném bom dồn dập vào Hà Nội, tôi gọi nó đi cùng chị Liễu là vợ anh Ca Lê Thuần đến ở trong nhà dân thuộc vùng nông thôn huyện Thạch Thất, cách nơi sơ tán của cơ quan chúng tôi độ vài chục cây số. Cứ vào tối thứ 6 tôi đội đèn ra bãi dâu ven sông Đáy bắt cóc bỏ vào bao, đến chiều thứ 7 chở xe đạp đến đổ xuống nhốt trong các hầm trú ẩn cá nhân, để hằng ngày nó bắt lên mười, mười lăm con làm thịt ăn dần. Có chuyện vui là trong các chuyến đi qua sông Đáy, khi nghe lũ cóc trong bao kêu cóc... cóc..., các cô gái cùng đi trên đò bèn nói to theo giọng Hà Tây: “Ồ, anh bộ đội này “đéo” cóc bây ơi”, bởi dân Hà Tây thường nói dấu huyền thành dấu sắc, nghe mà nín cười không được.

Nhưng những ngày sơ tán lên Thạch Thất là những ngày khá vất vả của thằng nhỏ. Lục lại bức thơ gửi cho bà xã lúc ấy đang đi học ở Liên Xô, còn tôi thì đang tập trung chuẩn bị đi B, trong đó có một đoạn kể về cảnh sơ tán này:

“Về con, lâu nay anh rất thương cái cảnh con sống rày đây mai đó, hết ở nơi này đến nơi khác, sống xa cả cha lẫn mẹ, thiếu sự chăm sóc hằng ngày, mà hầu hết con phải tự lực, nhất là trong những ngày gần đây. Em có biết không, trong những ngày bom đánh rất căng ở Hà Nội và chung quanh, đêm đêm máy bay B-52 từng lũ bay qua đầu ầm ầm mà con vẫn ở nhà nơi sơ tán có một mình, không ai cả. Có lúc con phải chạy ra hầm trú ẩn ngoài đường một mình, nhưng có lúc lại ngủ say, mặc cho máy bay bay, con vẫn ngủ không hay biết gì cả. Nói thật với em mấy ngày đó ở xa, anh lo hết sức, nhưng không làm sao khác được. Thời gian gần đây, cứ thứ Hai và thứ Ba hằng tuần, chị Liễu về Hà Nội, con ở lại khu sơ tán có một mình, tự com nước nấu ăn, tối một mình ngủ, anh thấy thương con

quá, dù sao con cũng chưa đến 10 tuổi, rồi đêm hôm đau ốm hay có việc gì xảy ra thì sao. Cái cảnh ăn uống của con mấy hôm đó cũng thật tội nghiệp, có bữa lên thấy mỡ hết, muối hết mà nước mắm cũng hết, chỉ còn vài quả trứng vịt. Anh nhìn cảnh đó thật đau lòng! Cái tuổi con còn vô tư, chưa cảm thấy hết những điều đó đâu, sao cũng được, nhưng làm cha khi nghĩ đến sao mà xót ruột. Mấy lúc đó anh mong em về làm sao! Có em, anh an tâm biết mấy!...

Nhưng nếu em về rồi lại cũng phải đi, vì yêu cầu của quê hương trong tình hình mới này, ai cũng phải đem hết sức mình, việc riêng là việc nhỏ, thì có lẽ con lại cũng phải sống xa em nữa. Càng thương con, vì con lại phải sống một mình như các năm em đi xa, lại không có anh ở bên....”.

Nhớ lại có một lần vì quá lo lắng nên nửa đêm tôi đạp xe qua nơi nó sơ tán, lúc đó từng tốp máy bay B.52 vào ném bom Hà Nội, mỗi tốp ba chiếc, đèn xanh đỏ trên từng chiếc đều thấy rõ mồn một, bay ù ù qua đầu. Đến nơi thấy thằng nhỏ vẫn nằm ngủ say trên giường, kêu nó dậy hỏi tại sao không chạy ra hầm thì tội nghiệp, nó bảo rằng buồn ngủ quá!

Trong thời gian sáu bảy năm má nó đi học ở Liên Xô thì ngoài việc chăm lo cuộc sống của con trong hoàn cảnh chiến tranh tôi còn phải bắt đầu giáo dục nhân cách cho con trẻ. Đã từng có một ấn tượng in rất đậm trong tâm trí tôi về việc nuôi dạy con cái. Đó là lúc tôi vừa tập kết ra Bắc, tuổi còn rất trẻ, khi thấy cảnh nhà ông Tám Danh, chỉ có hai cha con ra đây với nhau mà đứa con lại phạm tội, phải đi tù, ông phải sống cô đơn đau khổ, thì tôi tự nhủ rằng sau này có con phải dạy dỗ thật nghiêm khắc, làm gì thì làm cũng quyết không để lâm vào hoàn cảnh tương tự. Tôi cũng rất ấn tượng với một câu chuyện mà tôi đọc được trong sách về một người cha đã bị giằng xé lương tâm như thế nào, nhưng cuối cùng phải đi đến quyết định giết chết đứa con thân yêu của mình, bởi nó đã nuốt lời hứa, chỉ chỗ trốn của một tên tử tù mà cha nó từng cảm cảnh bảo bọc,

để rồi người ta đã bắt được và đem hành quyết hẳn, một việc làm của đứa con mà người cha cho rằng đã không còn một chút nào là phẩm chất con người. Rồi tôi còn chịu ảnh hưởng của cách rèn luyện kỷ luật cứng nhắc của Trường Lục quân, cũng như cách dạy con bằng roi vọt của người cha mà tôi là đứa phải hứng chịu nhiều nhất. Mặt khác tôi cũng đâu có nhiều thời giờ để ngồi tỉ tê giải thích lời hay lẽ thiệt cho đứa con đang còn quá nhỏ nhưng cũng quá nghịch ngợm và lắm lúc thực sự cũng thấy bất lực trước những sai quấy của nó. Bởi thế nên tôi có rất nhiều cách làm không hay trong việc dạy con, việc sử dụng đòn roi là thường thấy, thậm chí có lần quá nóng giận tôi còn nắm hai chân nhúng đầu nó vào lu nước trước mặt bà già vợ khiến mọi người rất bất bình về cách thức dạy con của tôi. Trong trách nhiệm làm cha tôi thấy mình thật sự đã hết sức cố gắng, duy chỉ có việc dạy con là tôi hối hận nhiều nhất. Cũng ghi lại đoạn thơ gởi cho vợ trước lúc tập trung đi B nói về việc nuôi dạy con:

“Thật ra, ra đi anh cũng thấy hài lòng là trong các năm em đi vắng, trong điều kiện cho phép, anh đã làm hết sức anh để chăm sóc cho con, từ việc nhỏ đến cái lớn, và nguồn vui của anh cũng chỉ tìm thấy ở đó, chứ anh không muốn tìm nguồn vui nào khác hơn. Duy chỉ có một điều, mà chắc chắn điều này sẽ day dứt lòng anh mãi, là anh còn hay đánh con. Có bữa bảo viết bài, con mê chơi viết đối, viết sai, anh đánh con, con cuống lên, trả lời càng sai, anh bực tình thấy ân hận vô cùng! Có bao lần ngồi tự kiểm lại, thấy dù con có sai nhưng nào đáng đánh như vậy, vì bên cạnh đó con rất ngoan ở nhiều mặt, chỉ tại anh giận mất khôn. Các hình ảnh này suốt đời anh không bao giờ quên được. Anh biết rằng khi xa con, không được gặp lại, anh càng xót xa ân hận, càng thương con và day dứt trong lòng mình hơn. Từ khi em đi trở qua bên ấy đến nay, anh thấy điều này rõ nhất, nên chỉ dạy bảo mà ít khi trở lại bệnh cũ. Điều này chắc sẽ an ủi anh, người cha đã biết ăn năn.”



Con trai nơi nhà trẻ ở Thuận Thành
- Hà Bắc.



Ngày 26-4-1964, tôi được kết nạp Đảng. Thường thì khi được kết nạp người ta sẽ thấy đó là một ngày trọng đại trong cuộc đời, rồi nghĩ còn phải ra sức phấn đấu để được trở thành đảng viên chính thức. Thế nhưng lúc đó tôi lại cảm thấy được kết nạp Đảng cũng là chuyện bình thường vì cho rằng việc đó tất nhiên sẽ phải đến, không có gì quan trọng khiến tôi phải xúc động và bận tâm. Tôi tự hào vì đã biết thương yêu Tổ quốc này từ thuở thiếu thời, đã dốc thân vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc khi đang còn ở tuổi vị thành niên, đã được thử thách ở một chiến trường đầy gian khổ và có một phẩm chất mà chỉ ít tôi cũng có quyền tự hào. Không kể thời gian từ rất sớm tôi đã tham gia công tác cách mạng, khi thì trong chiến khu, khi thì trong vùng địch hậu, mà chỉ tính từ khi tôi thoát ly gia đình vào bộ đội cho đến khi được xét kết nạp Đảng thì phải mất trên mười ba năm. Hôm nay ngồi viết chuyện này, tôi chợt nghĩ lại nếu không vì tình yêu thật sự với Tổ quốc, với nhân dân, mà chỉ muốn có được cái danh hiệu đảng viên để rồi được điều này điều nọ thì có khi tôi đã ngả lòng.

Đến nay tôi đã 50 tuổi Đảng và trên 80 tuổi đời, kiểm lại thì trong suốt quá trình còn tham gia công tác, cũng như ngày nay sau hai mươi năm về hưu tôi vẫn luôn xác định mình phải là một thành viên có trách nhiệm của Đảng. Tôi không thích, mà có thể nói là rất ghét những ai luôn mồm chửi bới những người lãnh đạo của Đảng, rồi chửi luôn cả Đảng, cái Đảng mà họ từng đưa cao tay thể suốt đời trung thành. Tôi cho rằng chừng nào vì sợ mất danh hiệu đảng viên mà họ chưa dám công khai xin ra khỏi Đảng, lại cứ ngồi đó để chửi Đảng, thì đó đều là những tên cơ hội, và cũng có thể gọi là những kẻ nội xâm. Tôi vẫn nhận thức được rằng cái Đảng này đang còn rất nhiều khuyết tật, vận mệnh của Đảng đang còn là thử thách ở phía trước, nhưng đã là đảng viên chân chính thì phải đem hết sức mình để xây dựng làm cho nó mạnh hơn, trong sạch hơn, tuyệt nhiên không thể khuấy cho nó đục hơn, bôi nhọ cho nó xấu hơn. Mặt khác tôi còn

thấy rằng mình đã góp phần làm xong nhiệm vụ chính trị của thể hệ mình, và nhiệm vụ đó đang được lịch sử trao lại cho thế hệ kế tiếp, họ có trách nhiệm phải gánh vác và họ được lịch sử trao mọi quyền để thực thi nhiệm vụ đó từ cấp trung ương đến cấp cơ sở. Là đảng viên hưu trí, mình có quyền đóng góp ý kiến, nhưng phải chấp nhận quyền quyết định của những người mà mình, hoặc tổ chức đảng đại diện cho mình, bỏ phiếu tín nhiệm, không khi nào nói câu: “Tôi đã bảo rồi nhưng nó không nghe”...

Nhắc lại cuộc chiến chống máy bay Mỹ ném bom miền Bắc.

Trưa ngày 5-8-1964, khi tôi đang gọi điện thoại cho một đơn vị phòng không ở Hải Phòng, bỗng nghe từ đầu máy bên kia vang lên tiếng hô là có lệnh báo động thể rồi ngắt, đến chiều thì có thông báo máy bay Mỹ đã đến ném bom bắn phá Hòn Gai, ta đã bắn rơi được máy bay phản lực và bắt sống được phi công Mỹ. Rồi liên tiếp mấy ngày sau, Mỹ lại tiếp tục ném bom bắn phá nhiều tỉnh dọc theo bờ biển miền Trung. Thế là cuộc chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ đối với miền Bắc đã bắt đầu, mọi hoạt động của tất cả các bộ phận trong cơ quan Cục Quân giới cũng đều chuyển sang giai đoạn có chiến tranh.

Sau các trận ném bom đầu tiên của Mỹ, tôi được lệnh vào nắm tình hình thiệt hại của các radar cảnh giới thuộc các đơn vị phòng không không quân ở Quân khu 4. Tất nhiên tôi phải chuẩn bị tư tưởng cho chuyến đi đường dài từ Hà Nội đến giới tuyến Vĩnh Linh bằng phương tiện chủ yếu là... con ngựa sắt.

Từ Hà Nội, tôi ngồi tàu hỏa đến ga Ninh Bình thì xuống đi bằng xe đạp. Từ bốn giờ sáng đạp tới gần trưa thì đến cầu Hàm Rồng, và thay vì đi tiếp tôi lại đạp xe đến nơi tôi từng đóng quân khi mới từ miền Nam tập kết ra hồi 1954. Đã ngót nghét chục năm, đến nay thì con người và cảnh vật đã có nhiều thay đổi, đời sống khá hơn, có nhiều nhà mới, người dân ăn mặc lành lặn hơn, bất giác tôi nhớ lại cuộc sống cơ cực đói kém của đồng bào năm 1954 mà mừng thắm. Tôi đã đến tận nhà tôi từng đóng quân

một thời gian khá dài thuở ấy, thì được biết ông bà cụ đã qua đời, một số anh chị lớn có chồng có vợ đã ra riêng, chỉ còn lại hai người là cậu N và cô T, cả hai đều đã lớn khôn. Cuộc gặp mặt sau mười năm xa cách thật vui vẻ ấm cúng. Một lần nữa tôi lại được xuống tắm trên dòng sông Mã trong xanh và mát lạnh vào giữa buổi trưa hè. Nhưng cái cô T, khi tôi ở đây thì còn rất bé, nay đã là một thanh nữ đầy đà, thế mà lúc tôi đang trằm mình dưới dòng nước mát thì cô cũng chạy xuống tắm theo, mạnh dạn bơi đến gần, rồi cũng không ngờ lao đến bám vào vai tôi, với chiếc áo bó sát bộ ngực căng tròn đầy sức sống. Thú thật là tôi cũng bất ngờ và có hơi ngượng, nhưng lại thấy lòng tràn đầy yêu thương bởi nó thể hiện sự hồn nhiên tin cậy đối với tôi như khi cô còn là em bé khi xưa.

Không hiểu do có ý hay ngẫu nhiên mà buổi trưa hôm đó tôi được ăn một món thật đậm bạc, nhưng là đặc sản của địa phương mà trước đây cả nhà đều biết tôi rất ưa thích, đó là món canh hến nấu với cải xanh, ăn tới đâu mát ruột tới đó.

Buổi tối, chung quanh ngọn đèn dầu, cả ba chúng tôi đều tranh nhau kể những chuyện đã qua, rồi tôi lại được nằm trên bộ phản mà tôi từng nằm cách đây 10 năm, đánh một giấc ngon lành.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm, già từ hai anh em rồi lên xe đạp vào hướng Nghệ An.

Hôm đó trời nắng gắt và gió ngược thổi mạnh, một vòng đạp xe là một vòng găng sức. Đang mệt và khát khô cả họng bỗng gặp được một quán nước chè xanh bên đường, thú thật lúc đó còn mừng hơn là được vào một nhà ai đó sang trọng, bởi ngay tức khắc đã tránh được cái nắng trưa hè dưới mái che đơn sơ của hàng quán, trong lúc bốn bên gió vẫn thổi lồng lộng, lại còn được nhâm nhi từng ngụm từng ngụm nước chè xanh thấm ngọt cả giọng, tay phe phẩy chiếc quạt nan, những giọt mồ hôi mới đây còn bám đầy lưng bỗng chốc lại khô nhanh dưới làn gió mát. Đến nay đã ngót năm mươi năm mà tôi chưa từng được thưởng

thức lại cái khung cảnh và hương vị của quán chè xanh đơn sơ gặp bất chợt bên đường năm ấy.

Đến phà Ghép gió càng mạnh, dắt xe xuống phà mà bị thổi bật liêu xiêu, phà đang sang sông mà tưởng như đang bị chặn đứng giữa dòng, phải thật là lâu mới cập được bến.

Đi ngang qua Quảng Xương tôi lấy làm lạ là tại sao nơi đây lại có nhiều hàng cọ như ở vùng trung du Phú Thọ, cũng cái nắng gay gắt làm tôi nhớ lại những cây thốt nốt trên đất Miên, thi thoảng gặp vài ông sãi mặc áo vàng che ô vàng đi chậm chậm, nên trời đã nóng lại càng cảm thấy nóng hơn.

Qua Tĩnh Gia, nhìn ra bãi biển thấy lớp lớp những thuyền đánh cá neo đậu, thấy rất nhiều người gánh gồng đi vào bờ, chứng tỏ nơi đây là một bến cá sầm uất.

Khoảng 5 giờ chiều thì đến Hoàng Mai của tỉnh Nghệ An, và dễ dàng tìm được nhà của gia đình cô Mai, nhân viên phòng bảo mật của Cục, bởi trước khi đi đã được cô hướng dẫn tận tận. Cả nhà hết sức mừng rỡ vì nhận được quà của con gái gởi về, và tôi cũng được tiếp đãi khá nồng hậu. Bởi thời kỳ này vùng nông thôn vẫn đang còn khó khăn, nên dù có hết lòng mà bữa cơm vẫn khá đạm bạc, nhưng tôi ăn mà cảm thấy thật ngon, rồi lại được gia đình pha cho một ấm chè nụ với vừa đậm vừa thơm, làm tôi nhớ lại những ấm nước chè nước với đầy nghĩa tình của đồng bào khi tôi còn đang đóng quân trong nhà dân ở Thanh Hóa. Hôm sau tôi lại đạp xe ngang qua thị xã Vinh, một trung tâm của tỉnh mà rất nhiều nhà cửa phố xá còn lợp bằng lá, đã mấy lần bén lửa khi có những cơn gió Lào khô nóng thổi về. Qua khỏi thị xã Vinh là đến nơi trú đóng của Trung đoàn bộ E 290 tại chân núi Quyết, gần phà Bến Thủy nối hai bờ của sông Lam với dòng nước xanh biếc, đúng như tên gọi của nó. Qua báo cáo của đơn vị thì rất mừng là không có đài radar nào bị đánh hỏng. Tôi cũng muốn lên đỉnh núi Quyết để kiểm tra trực tiếp đài radar đang đặt trên ấy, loại radar do Liên Xô chi viện mà tôi từng được

học ở Hải Phòng khi trước, nhưng ngại vì phải trèo lên nhiều bậc núi cao, hơn nữa nhìn lên vẫn thấy nó đang hoạt động, ăng ten vẫn quay đều, chắc là chẳng có hư hỏng gì, nên lại thôi. Nhưng sau khi rời khỏi đơn vị lại giật mình về tính đại khái của mình, bởi nếu cái radar đó mà có gì trục trặc, họ lại phản ánh về cục là nào có thấy mặt mũi tôi đến kiểm tra, thì thật là tai họa. Nhưng cũng may chắc là êm, bởi sau đó chẳng nghe họ phàn nàn gì cả.

Hôm sau tôi lại đạp xe vào đến Hà Tĩnh, kiểm tra đài radar 406 loại do Trung Quốc chi viện. Đây là loại radar có cấu tạo khá đơn giản, có dàn ăng ten dềnh dàng, rất khó nguy trang, nhưng có tầm phát hiện rất xa. Qua kiểm tra thực tế thì chỉ có vài hỏng hóc không đáng kể trên lưới phản xạ của ăng ten. Còn nhớ ở đây có nuôi một con chó khá khôn, quá quen với sinh hoạt của lính, bởi mỗi khi nghe tiếng keng báo động thì nó tức khắc nhảy tót xuống hầm trú ẩn, còn khi báo an thì nó lại thùng thảng đi lên. Tại thị xã Hà Tĩnh tôi được anh em ở đơn vị “chiêu đãi” món cua lột là đặc sản ở đây, khá lạ miệng và rất ngon.

Rời thị xã Hà Tĩnh, tôi lại đạp xe đi tiếp vào Quảng Bình. Đến Kỳ Anh tôi không quên tìm thưởng thức món chả nhái mà mọi người qua lại thường ca ngợi, nhất là cánh lái xe đường dài. Thế nhưng sau khi ăn xong tôi thấy đâu có gì là đặc biệt, thua xa loại nem rán mà tự tay tôi từng làm với nhân bên trong là thịt cóc.

Đọc theo đường đi về hướng Nam vẫn còn nhiều trụ cây số không biết được xây từ lúc nào mà chữ nghĩa chỉ còn thấy lơ mờ, nhưng vẫn còn đọc được là cách Đông Hà... km, cách Huế... km. Cứ mỗi lần đi qua một trụ cây số như thế là mỗi lần trong lòng tôi, một người con của miền Nam đã xa quê hương gần chục năm rồi, lại cảm thấy bồi hồi đến lạ. Bởi các địa danh của miền Nam hiện đang sờ sờ trước mắt như kêu như gọi, mà giá như cái đất nước thân yêu này không bị chia đôi thì chỉ cần thông dong đạp xe năm ba ngày ắt sẽ đến được những nơi ấy rồi từ đó lại tiếp tục đi vào đến tận quê hương. Nhưng hiện giờ thì vô phương, mà cái

ngày có thể làm một cuộc hành trình như thế đang vẫn còn xa, xa lắm, xa chẳng biết đến bao giờ mới tới, và liệu cơ may đó có đến được với mình không?

Rồi tôi phải đạp xe qua đèo Ngang. Thú thật khi chuẩn bị qua đèo thì trong lòng khá hồi hộp và nói thật là có hơi sợ nữa, bởi đây là một điểm xung yếu trên đường giao thông vào Quảng Bình, Vĩnh Linh, pháo ngoài tàu biển của Mỹ có thể bắn tới, mà máy bay cũng có thể đến ném bom bất cứ lúc nào. Có một lần tôi giật thót mình vì khi đang đẩy xe đạp lên dốc, bỗng từ chân núi vọt lên một con ó, vì vốn đã sợ nên hết hồn tưởng là máy bay từ xa lao tới. Thế nhưng khi đến đỉnh đèo thì thấy mấy cô dân công đang đẩy xe cút-kít chở đá vá đường, đầu đội chiếc nón lá rách, vừa đi vừa hát nghêu ngao coi như chẳng có việc gì có thể xảy ra nên tôi cũng hết thấy sợ. Lúc này thì tôi đã định thần rồi chợt nhớ lại bài thơ “Qua đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan. Tuy cảnh và vật không còn lưu lại được tất cả những gì đã nói trong nội dung đẹp tuyệt vời của bài thơ, nhưng bên sườn núi vẫn thấy có “cỏ cây chen đá, lá chen hoa”, và nhìn xuống núi, xa xa phía Kỳ Anh, vẫn ẩn hiện cảnh “lác đác bên sông chợ mấy nhà”, rồi thi thoảng bên tai cũng vọng lại đôi tiếng đa đa gáy trưa. Có thấy được những cảnh vật nên thơ đó khi đi qua đèo Ngang, rồi từ đó nhớ lại toàn bộ những câu chữ đã được chất lọc một cách tinh tế của bài thơ mới cảm nhận được hết cái đẹp trời cho của đèo Ngang và nó càng được tô đẹp hơn bởi cái tài thơ phú cũng là trời cho của Bà Huyện Thanh Quan.

Qua khỏi đèo Ngang tôi lại đạp xe đi tiếp đến Ba Đồn để chuẩn bị qua sông Gianh. Nón lá Ba Đồn nổi tiếng khắp miền Bắc mà ít ai khi đi qua lại không ghé mua đôi ba chiếc về làm quà. Có thể nói nón lá là một đặc sản nơi đây, mang hẳn thương hiệu “Nón lá Ba Đồn”, bởi nón vừa mỏng vừa nhẹ và khi đưa lên nhìn qua ánh mặt trời thì thấy rõ các hoa văn họa tiết bên trong, thứ nón mà không nơi nào trên miền Bắc có thể làm tốt và đẹp bằng, và

nó hoàn toàn có thể so sánh với chiếc nón bài thơ của xứ Huế. Hình như chỉ với mỗi một nghề làm nón thôi, mà nơi đây đã trở thành một thị tứ sung túc, nhà cửa khang trang, kinh doanh sầm uất. Thế nhưng lần thứ hai khi tôi trở lại đây vào năm 1967, nghĩa là chỉ 3 năm sau khi Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc, thì nơi đây đã biến thành bình địa qua những đợt ném bom không ngời nghỉ của máy bay Mỹ, dân tình đi sơ tán bằng hết, chỉ còn lại các căn hầm của những người bám trụ để làm nhiệm vụ đưa đón những chuyến phà qua lại trên Sông Gianh.

Đến bên bờ Sông Gianh với dòng nước trong xanh mông mênh và phẳng lặng, nhìn lên thượng nguồn thấy núi non giăng giăng trùng điệp, tôi chợt nhớ đến thời Trịnh-Nguyễn phân tranh chia đôi đất nước bởi sự tranh giành quyền lực của những người con của cùng một dân tộc. Rồi đến hôm nay, một lần nữa đất nước lại bị chia cắt tại sông Bến Hải, một con sông không rộng bằng sông Gianh, nhưng không biết cái thời gian khắc nghiệt đó sẽ kéo dài bao nhiêu lâu so với thời gian cả trăm năm khi xưa, bởi kẻ đang gây chia cắt là một đế quốc hùng mạnh nhiều tiền lắm của, và sau lưng chúng còn cả một lũ tay sai đầy dã tâm lẫn tham vọng. Đối với tôi, đất nước bị chia cắt thời Trịnh - Nguyễn đã đi vào lịch sử xa xưa, tôi nào có trải qua nỗi đau chung thuở ấy, còn hôm nay tôi là chứng nhân cũng đồng thời là nạn nhân, bởi chính bà con họ hàng và gia đình tôi phải chịu cảnh chia lìa, lại đang sống trong vòng kềm kẹp của kẻ thù, ai còn ai mất, đến bao giờ mới được gặp lại cho thỏa lòng mong ước, và còn có dịp trở về đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha?

Sau khi qua sông Gianh, tôi đạp xe ngang qua làng Cảnh Dương với nhiều ngôi nhà ngói đỏ ẩn sau các rặng dương xanh mát, như nghe ở đâu đây bài “Quảng Bình quê ta ơi” với tiếng hát ngọt ngào của cô Kim Oanh trên đài phát thanh, và nhớ đến đội du kích Cảnh Dương một thời anh dũng chống Pháp.

Tôi lại tiếp tục đạp xe trên một quãng đường dài vắt qua những

đụn cát trắng, lúc nào hơi nóng cũng bốc lên hừng hực, thật thấm thía với câu thơ đầy hình tượng “Chang chang cồn cát nắng trưa Quảng Bình” của Tố Hữu, trước khi đến được thị xã Đồng Hới với chiếc cổng thành vững chắc của Lũy Thầy được xây dựng từ cặp mắt nhìn xa trông rộng của Đào Duy Từ.

Tôi có đến kiểm tra một đài radar khác ở Quảng Bình, nhưng vì quá lâu rồi nên không còn nhớ rõ địa điểm, chỉ nhớ rằng tất cả 3 đài radar cảnh giới ở Quân khu 4 đều an toàn và tiếp tục hoạt động tốt. Thật đáng mừng!.

Đến đây thì tôi có thể trở về, nhưng tôi vẫn đạp xe đến tận thị trấn Hồ Xá của Vĩnh Linh để được sống đôi ngày và quan sát xem cái vùng giới tuyến quân sự tạm thời nó ra làm sao. Tuy nhiên vì lên cơn sốt nên không thể lưu lại dài ngày được. Nhớ là do bị sốt không ăn được cơm nên buổi tối đói bụng bèn mò ra chợ tìm bát cháo húp tạm. Thế nhưng bà hàng cháo lại nêm mắm và bỏ quá nhiều ớt theo cách ăn uống của dân ở đây, nên vừa hớp vào là cay xé miệng, lại vừa tanh phát nôn, nên đành bỏ cả tô và tìm mua một ổ bánh mì gặm tạm mà miệng vẫn đắng chằng.

Lại được biết tại Vĩnh Linh đã thiết lập một cơ sở quân y tiền phương để chữa trị cho các thương binh từ miền Nam chuyển ra, và xây một nghĩa trang để chôn cất các liệt sĩ. Thế có nghĩa là cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam ngày càng quyết liệt, và như vậy là ngày giải phóng miền Nam sẽ từng bước được rút ngắn.

Trong thời gian mấy ngày ngắn ngủi, tôi cũng muốn đi đến cầu Hiền Lương, nơi giới tuyến quân sự tạm thời để có thể tận mắt nhìn về bên kia, là địa đầu của quê hương miền Nam mà tôi luôn đêm nhớ ngày mong, nhưng không được phép, thật tiếc. Rồi không biết khi nào mới có dịp trở lại!

Thế là tôi đã hoàn thành nhiệm vụ công tác qua một chuyến đi xa bốn năm trăm cây số, một người một “ngựa”, từ thủ đô Hà Nội đi dọc các tỉnh miền Trung đến tận giới tuyến quân sự tạm thời, một chuyến đi nhớ đời khi Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc.

Sau khi về đến Hà Nội, tôi lại được lệnh đi đến kho quân khí 560 ở Hạ Hòa thuộc tỉnh Phú Thọ để đôn đốc việc sơ tán các vũ khí tài trong kho. Để đảm bảo bí mật nên chỉ được vận chuyển hàng hóa vào ban đêm. Dưới ánh trăng mờ mờ, hết chuyến này đến chuyến khác, các xe ZIL ba cầu của Liên Xô và xe Giải phóng của Trung Quốc liên tiếp ra vào kho để chở các kiện hàng đến gởi trong các nhà dân và các ngôi đình ở một làng cách kho một quãng đường khá xa. Một lần nữa bộ đội chúng ta lại được nhân dân che chở!. Tôi ngồi trong ca bin xe, một bên là tài xế, một bên là cô dân công lực lưỡng khỏe mạnh, có mùi hương hoa nhài thoang thoảng tỏa ra từ mái tóc dày và hơi quần. Xe chạy trên các đoạn đường đất ngoằn ngoèo lồi lõm xuyên qua các đồi chè xanh bát ngát của miền trung du, lăm lăm lúc xe nghiêng qua nghiêng lại bất ngờ, khiến người con gái ngồi bên cạnh cũng có lúc bất ngờ đổ vào người tôi và cười khúc khích, làm tôi cũng cảm thấy vui lây trong lúc đang tiến hành một công việc hết sức khẩn trương căng thẳng.

Sau đó tôi lại được phái đến kiểm tra đôn đốc việc sơ tán các máy móc thiết bị tại nhà máy Z.1, nhà máy mà tôi từng tham gia xây dựng vào năm 1960 tại một vùng sâu, khá xa thị xã Yên Bái. Trong chuyến công tác này, lần đầu tiên tôi mới biết thế nào là là bom bi của Mỹ, thứ trước đó không lâu đã giết chết anh Khánh là người cùng cơ quan. Vào một buổi sáng lúc có báo động, tôi đang đứng trên miệng hầm trú ẩn, bỗng thấy một chiếc máy bay vừa lướt qua, nhìn lên trời thấy hai mảnh giống hai chiếc xuống con đang bay lúng liếng trên không, tôi lấy làm lạ không biết tại sao nó thả cái thứ gì kỳ lạ vậy, chẳng phải bom nổ mà cũng chẳng giống thùng dầu phụ hoặc bom napan. Thế nhưng lúc đó bỗng nghe tiếng reo réo rào rào trên đầu thì giật mình chợt nghĩ ra đó là tiếng bom bi, bèn nhảy tót xuống hầm. Hú vía! Nếu chậm chân một tí thì có khi lại là một thằng Khánh thứ hai!. Thế nhưng không biết có phải là loại nổ chậm

hay không, mà cứ lâu lâu lại nghe nổ một tiếng bên ngoài hầm, rồi chốc chốc lại nổ thêm một tiếng nữa nên phải đợi khá lâu, cho đến khi dứt hẳn mới dám bước lên khỏi nơi trú ẩn. Bây giờ nhớ lại chuyện này cũng hơi giật mình nhưng lúc đó lại cảm thấy rất bình thường, và cũng giống như bao nhiêu lần gặp nguy hiểm khác, coi như nó đã qua là chấm hết, chẳng có lúc nào ngồi đó để mà nhớ lại.

Vì các máy móc gia công cơ khí của nhà máy đều rất nặng và công kênh không thể chuyển đi xa như khi chuyển các thùng súng đạn ở kho 560 trong lần trước. Người ta phải xẻ các quả đồi chung quanh, tạo thành những chiếc hầm nhỏ, rồi chuyển các máy móc đặt vào đấy, và kéo điện đến để tiếp tục sản xuất, vì chiến trường luôn có yêu cầu gấp về vũ khí. Các hoạt động sơ tán và sản xuất được tiến hành xen kẽ, ngày cũng như đêm. Những lúc này thì hình như các công nhân quốc phòng của chúng ta phải luôn chạy đua với thời gian, cho dù sức lực phải đổ ra là gấp đôi so với trước đây.

Theo tôi được biết thì cũng cùng thời gian đó, cả chục nhà máy khác trong Cục Quân giới cũng đều thực hiện chủ trương sơ tán, và cũng như ở Kho 560 và nhà máy Z-1 mà tôi trực tiếp theo dõi đơn đốc, các nơi khác đều thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Lại cũng có một chuyện vui. Số là trong quá trình dọn dẹp kho tàng trong khi sơ tán, các bịch thuốc phóng hình con bài quá “đắt” bị loại bỏ vương vãi mà không ai buồn nhặt, bởi không biết dùng nó để làm gì. Khi kể chuyện này với anh Sáu Nghĩa, cũng là dân Nam bộ, người chuyên dùng súng bắn đạn ria để đi săn sâm cầm, vịt trời, mà tôi đã nhiều lần được hưởng thành quả, anh mắng tôi là “ngu như con bò”, sao không nhặt mang về cho anh nghiền ra mà xài, bởi mỗi lần sạc đạn anh đều phải tìm thuốc khối cạo ra rồi xay nhuyễn, mà thuốc khối cũng rất khó tìm, và cạo ra thì thật là công phu. Tôi cười xòa bảo với anh rằng, nếu tôi mà biết trước như vậy thì sẽ chớ thứ thuốc súng

đó về cho anh bắn cả đời con, đời cháu, cho đến đời chắt cũng không hết!.

Vào cuối tháng 10-1965 tôi dẫn một đoàn sang Trung Quốc thực tập chuyên ngành sửa chữa radar và đồ điện. Trong đoàn, ngoài số nam công nhân, còn có 5 cô gái ở tuổi 16-17 mới vào nghề là con một số cán bộ cao cấp trong Cục Quân giới và các Cục khác, được bố trí học chuyên môn sửa chữa đồ điện. Và vì vẫn còn quá ít tuổi nên thường bị trêu là đám trẻ con được cho sang Trung Quốc sơ tán.

Đoàn chiến sĩ và cán bộ đi thực tập sửa chữa radar tại Trung Quốc.
người đứng thứ 4 hàng cuối là tác giả.



Trở sang Trung Quốc lần này thì thấy cách xử sự của họ đối với người Việt Nam đã có rất nhiều thay đổi so với chuyến đến Trung Quốc hồi mấy năm trước, mà cũng có thể nói là hoàn toàn khác hẳn. Theo nhận xét riêng của tôi thì căn bản là họ cho rằng Đảng ta đã theo Liên Xô, mà họ thì cho là Liên Xô đang theo chủ nghĩa xét lại. Hơn nữa trong lúc đó thì họ đang rầm rộ tiến hành cuộc cách mạng văn hóa*, mà chúng ta thì lại không có gì chứng tỏ là đồng tình với họ. Như theo ý kiến chỉ đạo của Sứ quán thì việc họ tiến hành cuộc cách mạng văn hóa là chuyện của nước họ, chúng ta không tham gia mà cũng không tỏ thái độ bài bác.

Việc họ muốn chúng tôi không theo quan điểm của Liên Xô cũng đã thể hiện khá rõ. Hai bên đường từ chỗ ở của chúng tôi đến lớp học, họ cắm những tấm biển ghi rõ: Liên Xô là xét lại, muốn chống chủ nghĩa xét lại thì phải chống Liên Xô và những tấm biển khác cũng có nội dung tương tự. Họ cấp cho chúng tôi một chiếc radio, nhưng dặn rằng chỉ được nghe các đài phát thanh Bắc Kinh và Hà Nội, chớ không được bắt đài Mát-xcơ-va.

Còn nhớ lần đồng chí Trần Văn Bành là tùy viên quân sự Việt Nam của Sứ quán Bắc Kinh tới Thượng Hải, có đến thăm xã giao trung tướng X..., người lùn, bụng phệ, là chính ủy quân khu Thượng Hải. Mới chào hỏi qua loa và nói qua nói lại xã giao một chốc thì ông ta nói thẳng: “Xin nhắc các đồng chí Việt Nam rằng Liên Xô giúp các đồng chí là giúp giả, còn sự thật là họ đang bán đứng các đồng chí đó”. Vì tôi cũng đang ngồi dự nên nghe như vậy là sùng trong bụng, bởi thấy sao mà trắng trợn và mất lịch sự đến thế, nhưng đồng chí Trần Văn Bành thì vẫn cười cười tình bơ và từ tốn trả lời: “Xin cảm ơn lời nhắc nhở của các đồng chí và chúng tôi cũng luôn đề cao cảnh giác. Nhưng cũng xin thông báo với các đồng chí rằng trên 1.550 chiếc máy bay Mỹ mà chúng

* Là một phong trào chính trị tại Trung Quốc diễn ra từ 1966 tới 1976, gây tác động tiêu cực lên quốc gia này (BTV).



Bên sông Hoàng Phố - Thượng Hải

tôi đã bắn rơi cho đến ngày hôm nay thì toàn là dùng vũ khí của Liên Xô đó!”. Quả là xứng với nghề ngoại giao và khí phách Việt Nam, thể hiện qua cách đối đáp giữa bên ta là một thượng tá và bên họ là một trung tướng, tôi nghe mà sướng rơn trong lòng, còn thấy vị trung tướng kia mặt mày đỏ ửng, chắc là quê lắm!

Trong phòng câu lạc bộ của chúng tôi, họ mang đến treo một ảnh Mao Trạch Đông rất to, nhưng không treo ảnh Hồ Chủ tịch,

tôi bức xúc hỏi thì họ bảo rằng không tìm mua được. Tôi bèn ra phố mua một ảnh Bác và treo đối diện.

Trong phòng học của chúng tôi, họ kẻ lên tường các câu nói của Lâm Bưu: “Học tập lời nói của Mao Chủ tịch, làm theo lời nói của Mao Chủ tịch”, rồi bảo tôi dịch ra tiếng Việt để kẻ lên tường như vậy. Tôi bảo với họ rằng, lời nói của Lâm Bưu là nói với chiến sĩ Trung Quốc, viết bằng chữ Trung Quốc, tôi không thể dịch ra chữ Việt Nam rồi kẻ lên tường, bởi làm như thế thì nó sẽ trở thành lời dạy cho người Việt Nam chúng tôi. Nếu cần làm thì chúng tôi phải ghi là: “Học tập lời nói của Hồ Chủ tịch, làm theo lời nói của Hồ Chủ tịch”. Thấy không thể ép chúng tôi được, nên họ cũng không nhắc lại nữa.

Nhân ngày lễ quốc khánh 2-9, họ cũng đứng ra tổ chức kỷ niệm. Nhưng trong buổi họp đó hết người này đến người khác lên diễn đàn, nhưng họ toàn tán dương về việc học tập tư tưởng Mao Trạch Đông mà không hề nói về ý nghĩa của ngày quốc khánh Việt Nam chúng ta. Sau đó họ mời tôi lên phát biểu ý kiến. Tôi biết rằng trong khung cảnh đó, họ cũng rất muốn tôi theo họ, phát biểu những lời ca ngợi về tư tưởng Mao Trạch Đông và việc học tập của họ. Nhưng trong thâm tâm, tôi rất bất bình về việc họ lợi dụng cuộc họp ngày quốc khánh của ta để tuyên truyền về những việc họ đang làm một cách trắng trợn như vậy. Tôi cũng lên trước micro phát biểu thật khiêm tốn: “Thưa các đồng chí, khi còn ở trong nước, chúng tôi cũng từng nghe về tư tưởng Mao Trạch Đông, cũng thấy có xuất bản những tác phẩm về tư tưởng Mao Trạch Đông như *Mâu thuẫn luận*, *Thực tiễn luận*. Hôm nay đến Trung Quốc chúng tôi thấy các đồng chí học tập tư tưởng Mao Trạch Đông một cách nhiệt tình và nghiêm túc, thật đáng nể. Học tập tinh thần của các đồng chí, chúng tôi xin hứa rằng sau khi về Việt Nam sẽ học tập và làm theo tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng tôi một cách nhiệt tình và nghiêm túc cũng như các đồng chí vậy”. Sau khi tôi chấm dứt lời phát

biểu thì thấy họ lộ vẻ thất vọng ra mặt, và cũng chắc là rất ảm ức, nhưng biết làm thế nào được, bởi tính tôi là đâu chịu được những điều áp đặt như vậy.

Không biết có phải vì thái độ “cứng đầu” của chúng tôi mà họ cắt bớt chương trình tham quan ở một đơn vị khác theo kế hoạch và cho chúng tôi về nước sớm nửa tháng so với thời gian đã định.

Tôi cũng tức cười là khi kết thúc thời gian thực tập, trước khi chúng tôi lên đường về nước, họ muốn tặng cho mỗi anh em chúng tôi một “quyển sách đỏ”, nội dung là tư tưởng Mao Trạch Đông, nhưng thay vì trao tận tay, họ cứ lảng lảng để trên góc bàn học, ai muốn lấy mang về thì tùy ý. Tôi thấy cũng có một số người cầm về, hơi lấy làm lạ bởi họ đâu biết tiếng Hoa. Té ra là họ lấy về lột bìa bọc bằng ni lông đỏ bên ngoài để làm ví đựng tiền.



Tác giả, thứ 2 từ trái sang và các kỹ sư Trung Quốc.

Nhưng cũng còn một mặt khác trái ngược với cái không khí chung lúc đó, là tinh thần và thái độ của các nhân viên cấp thấp. Như các giáo viên hướng dẫn kỹ thuật lại rất tận tình chỉ bảo chúng tôi, và tỏ thái độ rất thân thiện, nên cho đến nay đã gần năm mươi năm mà tôi vẫn còn nhớ một người đáng quý trong số đó có tên là Bạch Triều Côn. Còn cô sĩ quan chuyên theo dõi các mặt sinh hoạt của các cháu nữ thì lúc nào cũng theo sát chăm sóc giúp đỡ hết sức chu đáo với thái độ thật chân tình. Riêng tôi, khi đến nằm Bệnh viện Không quân số 338 để chữa mấy cái răng bị đau, thì cô điều dưỡng trưởng tên là Từ Mỹ Trân lại thường xuyên gần gũi hỏi han mọi mặt, và trong mỗi bữa ăn cô đều đến ngồi bên cạnh và luôn miệng hỏi xem tôi ăn có ngon miệng không.

Vào giữa khóa học thì cháu Vân nhận được thư gia đình báo là bố đã mất. Thuở đó đâu có điều kiện về nước để chịu tang, cũng không thể gửi điện chia buồn, mà cũng không thể tổ chức lễ truy điệu với đầy đủ nhang khói, tôi chỉ biết tập hợp anh em lại báo tin buồn và mong anh thông cảm cùng an ủi cháu. Riêng tôi cũng rất thương cháu vì cháu là đứa trẻ nhất đoàn, không dễ chịu đựng một đòn nặng nề giáng vào tình cảm ngay trong lúc đang xa nhà, xa mọi người thân, nhưng cũng chẳng biết làm gì hơn!.

Lúc chúng tôi đến Trung Quốc, cũng là lúc mà cuộc cách mạng văn hóa của họ đang là cao trào, nhưng họ không muốn cho chúng tôi đi ra bên ngoài sợ nguy hiểm. Nhưng tôi thì lại muốn xem tận mắt, nên nói với họ là tôi muốn tìm hiểu để học tập nên họ không thể từ chối.

Tôi tận mắt thấy từng đám, từng đám Hồng vệ binh, tuổi khoảng 12-13-14, là đoàn quân chủ lực của cuộc cách mạng văn hóa, đi “liên kết” với nhau, từ huyện này qua huyện khác, tỉnh này qua tỉnh khác, đi lại ăn uống đều không mất tiền, sinh hoạt xô bồ xô bộn, và chúng cũng coi đó là những chuyến du lịch miễn phí, bởi chúng đã có công làm lực lượng chủ lực, hậu thuẫn cho việc đấu

tổ và lật đổ các “thế lực” đang cầm quyền, trong đó những vị lập quốc công thần của Trung Quốc như Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức, Bành Đức Hoài, Diệp Kiếm Anh, Từ Hướng Tiền v.v...



Radar COH9A

Tôi cũng thấy “lực lượng cách mạng”

dòng dây dẫn những người trí thức mà họ gán cho cái tên là trí thức tư sản thân phương Tây đi dọc các đường phố, đầu bắt phải đội loại mũ giấy có chóp cao, vừa đi vừa đánh trống đánh phèn la, hò hét kêu gọi và liên tục hô ả đảo ả đảo...

Tôi cũng từng nghe nói về việc họ dùng chày gỗ dẫn nát những ngón tay của một nghệ sĩ dương cầm, bởi cho đó là loại văn hóa văn nghệ “Tây dương”.

Tôi từng đến xem những bài báo tường chữ to ở trường Đại học Đồng Tế, bài xích ả đảo những giáo sư này giáo sư kia trong trường.

Tôi từng nghe chuyện về việc bắt các trí thức phải về nông thôn tham gia lao động để cải tạo thành phần.

Thế nhưng cũng có điều mà tôi cho là rất lạ là trong nhà máy mà chúng tôi đến thực tập, vốn là một đơn vị của quân đội, thì không thấy xảy ra việc đấu tố như thế.

Về nội dung chuyên môn kỹ thuật thì họ cho chúng tôi thực tập trên loại radar COH-4 là thứ lạc hậu hơn loại radar COH-9A mà các đơn vị pháo cao xạ trong nước đang sử dụng. Nhưng dù sao cũng mang lại kết quả là anh em công nhân đã tiếp thu được những điểm mới trong kỹ thuật sửa radar mà họ đang áp dụng ở đây. Riêng tôi thì cũng hiểu biết được thêm một loại radar,

càng mở rộng tri thức trong quản lý kỹ thuật của mình. Và cũng bất ngờ là các tư liệu do tôi ghi chép được trong quá trình thực tập lại có thể giúp cho cô Cúc, vốn là thư ký đánh máy trong cơ quan Ban quân báo trước đây có thêm những số liệu cơ bản bổ ích trong việc làm đề án tốt nghiệp ở Đại học Bách khoa Hà Nội. Các cháu gái thì sau một năm học tập đều nắm vững kiến thức chuyên môn, và sau khi trở về nhà máy thì làm rất được việc, bởi ở Việt Nam cái nghề này chưa được đào tạo một cách bài bản. Nhưng lại rất tiếc vì nhiều lý do khác nhau nên chỉ làm việc được có hơn một năm thì được cho đi học để thi vào đại học, uống công một năm dạy nghề.

Cũng có vài chuyện vui nho nhỏ.

Vào dịp quốc khánh 2-9, người ta có thuê bếp trưởng của một khách sạn quốc tế đến làm một bữa tiệc chiêu đãi. Khi chiếc xe chở nồi niêu xoong chảo chạy đến, tôi thấy họ mang theo một giẻ com cháy to, như vừa nạy từ trong chảo ra, tôi tức cười nghĩ bụng sao các cha này lại hà tiện đến thế, đi nấu tiệc cho người ta mà còn mang cả com cháy về nhà. Thế nhưng khi vào bàn tiệc thì tôi thấy có một đĩa đựng miếng com cháy cắt tròn chiên phồng, trên rưới nước “sốt” vàng ươm, lại còn có những nộm cải non và tôm rán đặt bên trên, ăn vừa mềm, vừa giòn, vừa ngọt, thật là nhớ đời. Đây là lần đầu tiên tôi được ăn món com cháy chiên phồng ở xứ sở của người Tàu Thượng Hải, mà sau này nhiều lần tôi đã đến ăn ở các quán Tàu tại Việt Nam, và cả trên đất Thái Lan, nhưng đều thua xa.

Thường thì chúng tôi đã chỉ cho cậu Lý là cấp dưỡng người Trung Quốc cách làm một vài lọ dưa ngâm dấm như hành, kiệu, tỏi, cà rốt... đặt sẵn trên bàn ăn. Thế nhưng có một bữa vào ăn thì thấy cái gì lạ lạ, cần nghe xột xột, hỏi ra thì do các thứ kia đã hết nên cậu ta sáng kiến dùng khoai tây để thay thế. Thấy vậy vừa tức cười, lại vừa thương, nên cũng ráng ăn cho cậu ta vừa lòng. Báo hại tối hôm đó sinh bụng và xì hơi bộp bộp liên tục.

Cuối tháng 11-1966 đoàn chúng tôi kết thúc chuyến thực tập trở về Việt Nam. Bởi lẽ về sớm hơn nửa tháng so với dự định như đã viết thư về báo trước, nên bà xã cũng khá bất ngờ, rồi các anh trong Đoàn Cải lương lại còn nói đùa là muốn về đột kích để kiểm tra bà xã.

Sau khi trở về Việt Nam, những kiến thức đã tiếp thu đều được anh em đưa vào áp dụng trong công tác sửa chữa radar ở nhà máy V-119. Nhớ có một lần xuống nhà máy, nghe các đồng chí nhân viên kiểm nghiệm phản nản là nhà máy đã cho xuất xưởng một chiếc radar chưa đạt yêu cầu kỹ thuật “độ nhạy máy thu”, điều mà các anh em công nhân đã được học khi thực tập ở Trung Quốc nhưng không cố làm vì ngại khó. Tôi bèn kiến nghị với giám đốc nhà máy là không được bàn giao máy cho đơn vị chiến đấu, nhưng đồng chí không nghe. Tôi bèn trở về báo cáo sự việc với các đồng chí lãnh đạo thì Cục trưởng và Chính ủy yêu cầu tôi viết giấy đảm bảo, tôi đã không ngần ngại làm theo yêu cầu. Lúc đó đã 10 giờ đêm, lãnh đạo Cục bèn gọi điện yêu cầu giám đốc, phó giám đốc kỹ thuật và trưởng phòng kiểm nghiệm lên giải trình sự việc. Với lý lẽ của tôi, các đồng chí không thể cãi và dù rất ảm ức nhưng cũng phải lập tức cho xe đi kéo trở lại nhà máy để tiếp tục sửa chữa. Kết quả là sau mấy hôm cân chỉnh đã đạt được yêu cầu kỹ thuật có thể cho xuất xưởng. Và cũng từ việc này mà tôi được gán cho một cái tên mới là “ông 72 đề-xi-ben”. Cũng phải nói thêm là trong chiến tranh thì vì an ninh vùng lãnh thổ, vì xương máu của chiến sĩ nên chất lượng sản phẩm của ngành quân giới luôn là yêu cầu tuyệt đối. Tôi còn nhớ một trường hợp điển hình khi nhà máy Z-115 đưa vào miền Nam một đợt đạn cối 60mm sản xuất không đạt chất lượng, sau khi phát hiện Cục đã yêu cầu Nhà máy cho xe truy mấy trăm cây số theo đường dây 559 nhằm thu hồi cho bằng được.

Sau chuyến đi thực tập ở Trung Quốc trở về cũng là lúc giặc Mỹ tăng cường đánh phá các địa phương từ Thanh Hóa trở vào

nhằm ngăn chặn sự chi viện về người và của của nhân dân miền Bắc cho miền Nam, nên tôi lại tiếp tục được phái đi làm nhiệm vụ ở vùng chiến sự Quân khu 4.

Chuyến đầu tiên đi bằng chiếc com-măng-ca do Rumani sản xuất, nhưng vì chất lượng kém hơn so với xe Liên Xô, hay chết máy bất từ, nên chúng tôi thường nói là xe Rumani vừa đi vừa đẩy. Cùng đi có đồng chí Cục phó và vài cán bộ kỹ thuật máy chỉ huy khác. Đi đến Quân khu 4 thì rước đồng chí Tuân là Trưởng Phòng quân giới cùng đi.

Vì lúc này máy bay Mỹ đánh rất ác liệt từ vĩ tuyến 10 trở vào, và đây cũng là lần đi đầu tiên bằng xe hơi, nên mọi người đều cảm thấy khá căng thẳng. Xe không mở đèn pha mà chỉ chạy đèn gầm (chiếc bóng đèn nhỏ xíu đặt dưới gầm xe để tránh bị máy bay phát hiện), ánh sáng mờ mờ chỉ đủ chiếu sáng cách đầu xe khoảng 10-15 thước, xe chạy mò mò rất chậm và ngồi trong xe nhìn xuống đường thì rất mệt mắt. Chạy được một đoạn bỗng thấy phía trước có cây cầu xi măng, anh Tuân là “thổ địa”, lập tức báo rằng đây là cầu Đá Mài, nơi địch thường tới ném bom, nên

Xe Gaz-69, thường được gọi là com-măng-ca [command car].





Về tới Việt Nam

mọi người vội vàng đội mũ sắt và nín thở cho xe chạy qua. Qua cầu êm ru, ai nấy đều thở phào nhẹ nhõm. Chạy được một lúc lại thấy cây cầu xi măng nữa, lần này thì đầu cầu có biển ghi rõ ràng “Cầu Đá Mài”, mọi người mới té ngựa, bởi đây mới đúng thật là cầu Đá Mài, rồi lại một lần nữa căng thẳng vượt qua. Đến chỗ an toàn, tạm dừng lại xả hơi tất cả đều cười ồ và nói với anh Tuấn rằng cái cầu của anh là cầu Đá Mài giả, làm anh có hơi bị quê.

Một buổi chiều chờ gần đến chạng vạng, tôi và một vài anh nữa cùng nhau đi bộ đến kiểm tra một trận địa pháo gần Bình trạm 12, bởi ban ngày địch thường đánh phá nên phải tránh đi vào các giờ cao điểm. Đi được một đoạn thì thấy xác một chiếc máy bay Mỹ bị cao xạ bắn rơi, thân vỡ ra nhiều mảnh, trong đó có một miếng inox khá to. Tôi thèm quá, vì inox là kim loại quý,



Về tới Việt Nam



có thể mang về làm đủ thứ chuyện. Nhưng khá nặng nên vác lên rồi lại bỏ xuống, bỏ xuống rồi lại vác lên và nấn ná khá lâu, cuối cùng quyết định mang giấu trong bụi rậm để khi trở lại thì mang về. Mới đi được trên trăm thước thì nghe tiếng réo, rồi hàng loạt bom nổ, đất đá văng tùm lum. Té ra chỗ đó là bãi bom tọa độ nhưng chúng tôi nào có biết, máy bay cứ bay trên cao rồi đập bom cho rơi xuống mục tiêu là xong không cần biết trúng trật. Hôm sau trở lại thì thấy mấy hố bom kề nhau mà miếng inox cũng văng đâu mất. Thật là may! Nếu chậm một chút là tiêu đời.

Trong mấy ngày đang ở Trại tiền phương trong rừng, để ý thấy có mấy con khỉ thường chuyển trên cây bên bờ suối, nên tôi xách khẩu CKC đi tìm. Lúc ra đi thì cậu Thi, chuyên viên kỹ thuật máy chỉ huy là bạn thân của tôi nói: “Cậu mà bắn được thì cứ để trên lưng tổ mà nướng”. Tôi men theo đường mòn, quan sát hai bên bồng thấy một con cheo đang đi chầm chậm, tôi giương súng ngắm đón đầu nổ một phát, anh chàng cheo chết ngay tại chỗ. Tôi xách về nhà rồi kêu tay Thi ra chứng kiến tài nghệ của tôi, anh ta cười xòa rồi còn nói khích, bảo tôi xem kỹ coi con cheo đó có bị mù hay không. Được con cheo cải thiện, anh em đều vui vẻ.

Trong chuyến về vẫn phải chạy đèn găm theo đường 15-B đến vĩ tuyến 10 ở Thanh Hóa, là lần ranh hạn chế ném bom theo thỏa thuận giữa ta và Mỹ, thì cậu lái xe bắt đầu bật đèn pha chạy hết tốc độ, nhìn phía trước là khoảng trống mênh mông xa tít tắp, khỏe ời là khỏe mà cũng sướng ời là sướng, bỏ lại sau lưng tất cả mọi nhọc nhằn trong suốt thời gian dài phải chạy mò mẫm trong đêm và luôn căng thẳng vì bom đạn. Chỉ có những ai đã từng trải qua những giờ phút gian nan trước đó mới có thể tận hưởng được hết cái hạnh phúc đặc biệt này.

Vào khoảng tháng 10-11 năm 1967 một lần nữa tôi lại đi xe đạp vào Quân Khu 4 để cùng một số công nhân quốc phòng kiểm tra sửa chữa radar và pháo cao xạ ở hai Trung đoàn 214 và



Súng CKC

280. Chuyến này thì vất vả hơn nhiều so với chuyến đi bằng xe đạp lần trước, bởi máy bay Mỹ đã đánh sập tất cả các cầu trên quốc lộ 1 và tăng cường ném bom đánh phá các bến phà. Trên quốc lộ, mỗi cây cầu đều phải hứng chịu không biết bao nhiêu là bom của Mỹ, nhìn chung quanh cầu gần gần xa xa thấy chỉ chít các hố bom, cũ có, mà mới ngày hôm qua hôm kia cũng có. Nhưng điều kỳ diệu là vẫn không cắt đứt được giao thông, bởi không còn cầu thì lính công binh lại chở đá đến đổ hình thành những chiếc cầu ngầm cho các loại xe pháo đi qua, còn xe đạp thì cũng có thể vác vai lội nước qua được. Với cách ứng phó như thế thì các bố Mỹ phải chào thua, ném mãi chỉ tổ phí bom đạn mà chẳng nên cơm nên cháo gì!. Thường thì vào khoảng tháng 10-11 bão và lụt xảy ra liên tiếp ở các tỉnh miền Trung, nên có những đoạn tôi phải vác xe đạp trên vai, trên xe còn có chiếc ba lô to tướng, vừa đi vừa dò đường vì nước ngập đến bụng. Đến cầu Rác, thì thấy đã bị nước lũ cuốn trôi, phải đi trên một chiếc đòn tạm qua sông trên dòng nước chảy xiết.

Dừng chân ở Ba Đồn đợi được chuyến phà qua sông Gianh thì thật là căng thẳng. Nhìn cảnh nhà cửa vườn tược của dân bị bom ném bình địa, cỏ mọc um tùm, một vùng trù phú trước đây đã trở nên hoang vắng không một bóng người, ngồi chờ mà cảm thấy lẻ loi đến ớn lạnh!. Phương tiện qua sông không phải là những chiếc phà tự hành như phà Mỹ Thuận hoặc phà Cần Thơ sau này, mà chỉ là những chiếc ca nô kéo những chiếc trệt nhỏ chở người qua lại. Chỉ đến ban đêm, khi cần vận chuyển ô tô mới có những chiếc phà lớn. Mà cho dù là ban ngày hoặc ban đêm thì

việc máy bay Mỹ đến ném bom rất thường xảy ra, nên mỗi lần qua phà thì ít nhiều cũng là một lần đánh đổ với số mệnh, bởi số bị thương vong tại bến phà này không phải là ít. Thế nhưng nếu như trên đường bộ, đường ta ta cứ đi, thì qua phà Gianh cũng như các khác phà khác như Bến Thủy, Long Đại, Phà Ròn... dù máy bay Mỹ luôn đánh phá ác liệt, nhưng phà ta ta vẫn cứ chạy. Ngày nay, nếu ai đó có dịp đi xe qua một cách yên lành không chút trở ngại trên chiếc cầu sừng sững bắc qua sông Gianh, thì xin hãy để một phút tưởng niệm những người đã không hề tiếc máu xương mình để đảm bảo cho những chuyến phà qua sông Gianh ngày đêm thông suốt không hề gián đoạn trong suốt cả thời gian chiến tranh.

Sau khi qua phà Gianh, tôi không thể tiếp tục đi theo quốc lộ 1 mà phải rẽ lên đường 15-B, đi qua các địa điểm thường bị máy bay Mỹ đánh phá như cua chữ A, đèo Đá Đèo... để đi đến Vinh Linh.

Một cảnh nổi bật tôi nhận thấy ở Vinh Linh cũng như vùng phụ cận là mức độ ác liệt của việc đánh phá của máy bay Mỹ, mà tôi có thể hình tượng rằng đường đã biến thành suối, còn suối thì đã được lấp thành đường. Trên trời thì máy bay Mỹ thường xuyên ném bom đánh phá mà ít khi bị đánh trả, bởi lực lượng cao xạ của ta chỉ có 2 trung đoàn, rất mỏng, chỉ đủ đặt ở một số nơi xung yếu nhằm đảm bảo các huyết mạch giao thông. Trong lần đi này thì ban đêm tôi phải xuống ngủ dưới hầm, bởi máy bay Mỹ có thể đến ném bom bất cứ lúc nào. Và sinh hoạt của nhân dân ở đây cũng thế, đa số phải rút xuống các hầm ngầm, địa đạo.

Có một tối khi tôi đang ngồi trong ca bin radar pháo COH-9A, theo dõi anh em kiểm tra điều chỉnh máy, bỗng có một phát tên lửa Shrike, là loại tên lửa của Mỹ chuyên diệt radar, nổ gần bên cạnh. Anh em trong trạm nghe thấy, hết hồn, tưởng là radar đã bị đánh trúng, nên xách túi cứu thương chạy ra. Cũng may là tên lửa đã bắn không trúng vì anh em trắc thủ không đặt máy ở chế

độ kèm tự động, bởi cú ham cho radar tự động bám theo mục tiêu thì coi như đã xong!. Cũng xin nói rằng với loại tên lửa lợi hại này của Mỹ thì ở cách 30 km, nó có thể bắn trúng một máy radar chỉ to bằng một chiếc xe du lịch 7 chỗ ngồi với độ chính xác tuyệt đối, và nó đã trở thành nỗi khiếp sợ của không ít anh em trắc thủ. Lỡ một quả tên lửa loại đó thì cả chiếc radar sẽ bị phá hủy hoàn toàn, và dàn trắc thủ 3 người bên trong đều không một ai có thể sống sót. Tôi từng chính mắt nhìn thấy những chiếc radar bị trúng tên lửa từ đơn vị kéo về xưởng, bên trong còn vương vấy máu me, nặng mùi cơ thể bị thối rữa của anh em mình. Ngay tại nhà máy sửa chữa radar V-119 ở Hà Nội, cũng có một chiếc radar bị bắn trúng khi anh em đang điều chỉnh máy, và 2 thợ radar mà tôi từng dẫn qua Trung Quốc thực tập hồi năm 1965 là anh Cơ và anh Nam cũng hy sinh tại chỗ. Và theo tôi được biết thì với loại tên lửa này, không quân Mỹ đã tiêu diệt gần 1/5 trên tổng số radar mà lực lượng pháo phòng không của chúng ta đã được trang bị, và tất nhiên kèm theo đó là cũng ngần ấy kíp trắc thủ hy sinh.

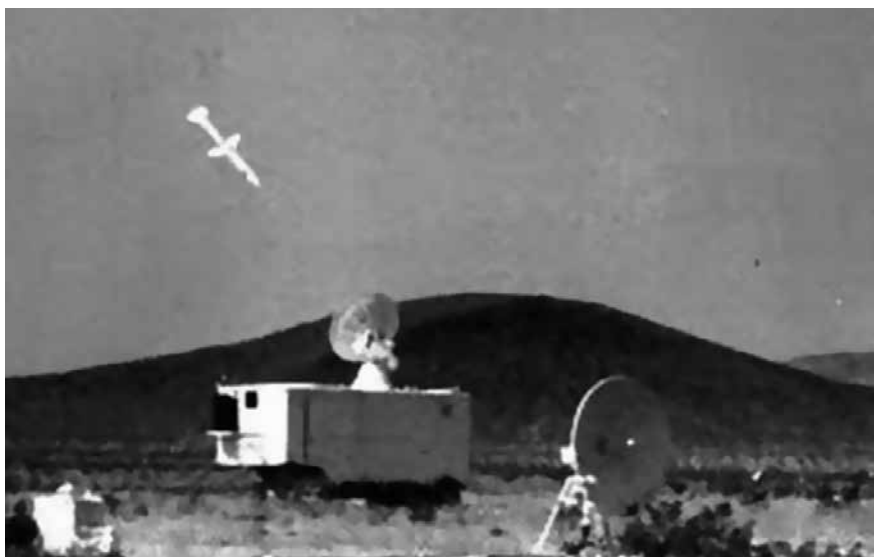
Máy bay F4E phóng tên lửa AGM-45 Shrike



Việc thứ hai là cái chết hết sức bất ngờ của anh Hồng, là kỹ thuật viên trung cấp về động cơ điện. Trong một lần chở các mô tơ của radar và pháo cao xạ về trạm quân giới của Trung đoàn để sửa chữa, anh đứng trên thùng xe, người tựa vào ca bin, chẳng may xe bị chuồi xuống hầm đầu dưới hố bom, các mô tơ để trong thùng xe bị hất dòn ra phía trước, đập vào người làm anh chết ngay tại chỗ. Bời thời ấy bom đạn rất ác liệt, chết chóc rất thường xảy ra nên cái chết của anh cũng làm cho một số anh em công nhân quốc phòng sợ hãi, có anh như anh L, thuộc thợ giỏi, nêu lý do thoái hóa cột sống, xin được trở về hậu phương. Và tôi cũng phải đồng ý cho về, chớ ở chiến trường thì làm sao mà kiểm tra được bệnh tật loại đó.

Việc thứ ba là việc lạ. Có hai anh dân quân địa phương cùng ngủ chung trên một chiếc giường tre, chẳng may bị bom bỏ trúng, mà loại bom phá chớ không phải là bom sát thương, nên đã đào thành một hố sâu, hất chiếc giường ra tận xa. Xem hố bom ai cũng cho rằng tan xác cả hai mạng. Nhưng một điều kỳ

Tên lửa Shrike tiêu diệt một đài radar trong thử nghiệm



lạ là không một ai trong hai anh bị mảnh bom làm xây xát gì cả. Một anh bị bom hất tung rơi xuống trúng vào một thân cây đổ, gãy xương chết. Còn anh kia đang quần chiếc chăn đắp quanh người vì trời quá lạnh, bị bom hất lên rồi rơi xuống chỗ đất tơi xốp, nên vẫn còn sống nhăn, chỉ có cái là ê ẩm cả người. Lý ra gặp hoàn cảnh ấy thì người ta sẽ rất khiếp sợ, nếu không khùng thì cũng điên, nhưng anh chàng này lại tỉnh bơ như không có chuyện gì xảy ra, chỉ có nhăn nhó vì đau. Cuộc sống trong chiến tranh lắm lúc cũng có điều kỳ lạ, và nó cũng rèn cho con người sức thích ứng và chịu đựng khó lường.

Lần thứ ba tôi lại đi vào Khu 4 công tác bằng xe đạp, nhưng chuyến này chỉ đi trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Tôi đi dọc theo con kênh máng dẫn nước tưới đến tận Yên Thành. Gặp phải buổi trưa hè nắng gắt, dựng xe đạp bên bờ kênh, xuống tắm mình dưới nước, mát oi là mát, nên tắm mãi mà không muốn bước lên bờ đi tiếp.

Tôi phải tìm đến nơi Ban Chỉ huy Tiền phương của binh chủng Phòng không Không quân để nắm tình hình các khí tài chiến đấu của đơn vị, và gặp tướng Lê Văn Tri tại một lán nhỏ ẩn trong lùm cây. Bây giờ nghĩ lại cũng lấy làm lạ là tại sao chỉ qua hỏi dò mà có thể đến được những nơi bí mật quan trọng như vậy. Và chắc chắn quân Mỹ cũng đâu thể ngờ được là lại có một “doanh trại” của quân đội nhân dân Việt Nam đã ẩn mình một cách kín đáo như thế.

Gặp tướng Lê Văn Tri, tôi chợt nhớ đến những “giai thoại” về tướng Phùng Thế Tài mà tôi được nghe kể lại. Đó là một hôm ông Tài nhận được mệnh lệnh của Cục Tác chiến do tướng Lê Văn Tri ký. Thấy ký tên là Lê Văn Tri, ông Tài buột miệng nói: “Cái thằng Tri ấy mà, chớ Cục Tác chiến gì mà tác chiến!” bởi trước kia ông Tri từng là cấp phó của ông Tài. Một lần khác, khi ông làm tư lệnh của Lực lượng Phòng không - Không quân, theo quy định mỗi sáng thứ hai toàn cơ quan phải tập hợp làm lễ chào cờ, có một số sĩ quan chưa được huấn luyện thuần thục động tác cơ

bản nên khi đưa tay lên chào phải dò tới dò lui một lúc mới đặt được tay trên vành mũ. Thấy chướng mắt, ông phán: “Động tác gì mà nằm nằm ca nằm cằm như xẩm sờ n... (ông quen phát âm “lờ” thành “nờ”). Một lần khác nữa, khi có một số sĩ quan đơn vị chê rằng các khẩu pháo cao xạ đều bị rộng nòng, bắn không trúng máy bay Mỹ, ông nổi cáu bảo: “Anh nào bảo bắn không trúng, cứ đứng ra cách 20 mét tôi bắn thử xem có trúng thùng bụng không nào!”. Có ai lại dám cãi lý với thủ trưởng?

Khi còn ở Học viện Pháo binh Tuyên Hóa ở Trung Quốc, tôi có nghe ông kể lại rằng ông là người dân tộc, trước kia đã từng làm cận vệ phục vụ Bác Hồ. Trong một lần đi công tác qua một con suối, vì sợ Bác trượt chân ngã nên ông yêu cầu để ông công, nhưng Bác không nghe. Chẳng may khi mò mẫm qua suối, Bác bị trượt chân ngã thật. Ông nóng ruột mắng lại Bác Hồ: “Cái lão già này bướng, bảo công không cho công, để trượt ngã đó thấy chưa?”. Tội nghiệp, lúc đó Bác lại nhận khuyết điểm vì đã không nghe lời ông.

Sau khi rời Yên Thành, tôi lại đạp xe vào Đô Lương để kiểm tra tình hình của trạm sửa chữa radar quân khu. Dọc đường tôi phải đạp xe qua Trường Bồn trên đường 18, nơi thường xuyên bị máy bay Mỹ đánh phá, nên cố gắng tranh thủ chạy qua thật nhanh, nhưng vì đất đã bị bom đánh tơi lên nhiều đoạn, chạy không được nên phải xuống dắt xe, mà đi trong hồi hộp, vì hai bên toàn là đồi, con đường lọt thỏm chính giữa, nó đến đánh thì hết đường chạy. Đây là một cửa ải ác liệt của bom đạn, nên hôm nay nơi đây người ta đã xây dựng khu tưởng niệm Trường Bồn để ghi công những người đã anh dũng phục vụ và hy sinh tại một đoạn đường ngắn ngủi này.

Vào đến trạm tôi rất vui được gặp các anh em miền Nam như anh Phúc, anh Paul, anh Nhã và cũng rất mừng là trạm sửa chữa của các anh hoạt động rất tốt, lại nuôi rất nhiều gà, làm thịt đãi tôi ăn thoải mái. Nói là Khu 4 rất ác liệt, nhưng khi đến đây tôi lại thấy một khung cảnh thật yên bình hiếm có.

Sẵn dịp tôi có đến thăm gia đình bố mẹ cháu Tân vốn là con nuôi anh Ba Thanh Nha ở Hà Nội, hai vợ chồng đều làm việc ở ngành bưu điện. Trong chiến tranh mà nhận được tin tức của con nên gia đình hết sức mừng rỡ, lại làm thịt gà chiêu đãi tôi mấy bữa liền. Cháu Tân có một đứa em trai khoảng 4 tuổi, rất sợ người khác nhìn thấy “chim”, nên tắm mà vẫn mặc quần, không một người ngoài nào có thể sờ được. Thế nhưng lúc đó tôi có mang theo chiếc đài bán dẫn để nghe tin tức và ca nhạc, và vì lần đầu tiên mới thấy nên cậu ta rất mê và cứ mon men đến gần muốn được sờ xem. Tôi nắm chỗ yếu của cậu ta, nên yêu cầu phải tuột quần ra cho tôi sờ chim thì mới được cho mang đài vào vai. Ban đầu cậu ta con mắc cỡ lưỡng lự, nhưng vì thích quá nhịn không được đành làm theo, khiến cả nhà cười ồ lên vui vẻ. Ngày nay chắc cậu bé đó đã trên 50 tuổi rồi, không biết có còn để ai sờ chim nữa không?

Sau những chuyến đi kiểm tra khí tài ở binh chủng Phòng không - Không quân, tôi bị ám ảnh mãi về việc nhiều radar pháo bị tên lửa Shrike bắn trúng, nhiều chiến sĩ bị hy sinh, dẫn đến tình trạng không ít anh em sụt giảm tinh thần chiến đấu. Phải chỉ có cách gì đánh được nó mà mình không bị tổn thương thì hay biết mấy, và chuyện này cứ đeo đẳng mãi trong ý nghĩ của tôi. Bỗng tôi chợt nhớ rằng trên mỗi chiếc radar pháo đều có một chiếc “máy hỏi”, loại thiết bị nhằm phân biệt máy bay địch ta trên không, mà cấu tạo của nó cũng tương tự như một chiếc radar, ăng ten của nó cũng gắn đồng trục với ăng ten của radar pháo, tuy công suất phát của nó nhỏ, nhưng được cái là nó thuộc hệ bước sóng đề-xi-mét, nếu ta biết cải biến một vài bộ phận và sử dụng nó phối hợp với loại radar pháo, tức ta có thể vô hiệu hóa được tên lửa Shrike, bởi loại tên lửa này được thiết kế dùng bước sóng xăng-ti-mét để tự điều khiển.

Đem phương án mà tôi dày công suy nghĩ trình bày với Cục trưởng Phạm Như Vưu và Chính ủy Trần Đăng Thạch thì được

chấp thuận ngay vì tính thực tiễn của nó, và được phép tổ chức một bộ phận triển khai gồm tôi và hai kỹ sư khác. Tôi được phân công làm chủ nhiệm đề án, một đề án mà theo tôi nhớ là được xếp vào hạng tối mật. Trong quá trình triển khai, được Bộ Quốc phòng cho máy bay bay thử để kiểm tra tính năng kỹ thuật, và kết quả xác định là đã đạt được yêu cầu.

Nhưng khi còn đang trong quá trình xúc tiến chương trình thì tôi lại được điều về làm quản đốc phân xưởng sửa chữa radar của nhà máy V-119, và Cục đã giao việc tiếp tục triển khai đề án cho một kỹ sư vừa tốt nghiệp ở Liên Xô. Sau đó nghe đâu là đã cải tiến trên 2 chiếc radar đưa vào thử nghiệm ở chiến trường Lào, nhưng vì địa hình rừng núi phức tạp nên hiệu quả cũng chưa được như ý. Tuy nhiên về mặt nguyên lý thì khi đến xem, đồng chí Trần Đại Nghĩa cho rằng phương hướng cải tiến như thế là có sức thuyết phục. Và trong báo cáo tổng kết nhân lễ kỷ niệm 30 năm xây dựng ngành quân giới cũng có đoạn đề cập đến chương trình cải tiến radar chống tên lửa Shrike này bên cạnh sáng kiến phá bom từ trường Mỹ.

Khoảng giữa năm 1968, tôi được điều về làm quản đốc Phân xưởng sửa chữa radar của nhà máy V-119. Lý do được biết là để góp phần củng cố lại phân xưởng này vốn là đơn vị chủ lực của nhà máy đang còn khá xộc xệch, thường bị các đồng chí lãnh đạo bên Phòng không - Không quân phân nàn về chất lượng cũng như thời hạn giao trả máy cho đơn vị, gây khó khăn cho việc đưa ra phục vụ chiến đấu.

Đây là một nhiệm vụ khá mới và tất nhiên là khó đối với tôi, bởi từ một cán bộ kỹ thuật bỗng nhiên tôi lại trở thành một cán bộ quản lý, phải điều hành hoạt động của một đơn vị sản xuất có nhiều ngành chuyên môn như: kỹ thuật sửa chữa radar, gia công cơ khí, mạ kim loại, nghề mộc..., với quân số trên 120 người gồm sĩ quan, cán bộ và công nhân viên quốc phòng trong đó cũng có không ít anh chàng đã tự xem mình là “anh cả đỏ” trong

ngành, không ngại “coi giò coi cẳng” và sẵn sàng “thử cựa” đối với người chỉ huy mới đến phụ trách. Còn với tôi, phải chăng đây là một sự tình cờ ngẫu nhiên để xem anh sẽ thi thố tài năng như thế nào khi anh trở thành người lãnh đạo trực tiếp của một đơn vị mà có lúc anh đã từng có ý kiến này ý kiến nọ đối với người ta? Nhưng cũng rất lạ là tôi chẳng thấy khó khăn ngăn ngại gì cả, cứ thế mà xông vào làm.

Do đã có thời gian theo dõi tình hình của nhà máy, nên khi về nhận công tác tôi không phải bỏ nhiều công sức để tìm hiểu và nắm bắt tình hình cụ thể, mà vẫn có thể “bắt mạch” khá nhanh những khâu cần tăng cường hoặc củng cố. Đó là hệ thống nhà xưởng chưa phù hợp với yêu cầu sửa chữa điện tử, trang thiết bị chung cho phân xưởng cũng như cho từng cá nhân công nhân còn thiếu, tác phong công nghiệp và ý thức giữ gìn vệ sinh công nghiệp chưa thật tốt, công tác kế hoạch và chuẩn bị sản xuất còn luộm thuộm, chưa thực hiện tốt việc phối hợp với các phân xưởng bạn nên thường ảnh hưởng đến tiến độ cho ra máy của phân xưởng và đặc biệt là công tác động viên khuyến khích cũng như việc xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật chung đối với anh em cũng chưa được đặt lên đúng tầm.

Điều rất thuận lợi cho tôi là được đồng chí giám đốc Nguyễn Văn Vi, là anh hùng lao động trong ngành quân giới, đã thấy hướng chấn chỉnh củng cố do tôi đề ra là “đúng người đúng bệnh” nên đã nhiệt tình ủng hộ về mặt tinh thần và cung cấp tối đa về vật chất, với duy nhất một điều kiện là không được trễ nải trong kế hoạch sửa chữa máy cho các đơn vị chiến đấu.

Tôi nhớ lại là không đến sáu tháng thì tình hình của phân xưởng đã thay đổi rất nhiều. Chứng minh cụ thể là từ trung tu chúng tôi đã tiến tới đại tu, là cấp độ sửa chữa cao nhất đối với vũ khí khí tài trong quân đội. Các vị lãnh đạo của nhà máy, của cục và tổng cục đều tỏ ra hài lòng, rồi mạnh dạn mời các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, và một vài đoàn đại biểu

quân sự nước ngoài đến để “khoe hàng”. Và tất cả đều cho rằng trong điều kiện chiến tranh mà tổ chức được một cơ sở sản xuất như thế là khá tốt. Từ đó về sau cũng ít bị binh chủng Phòng không - Không quân, là đơn vị mà nhà máy phải đảm nhiệm công tác sửa chữa toàn bộ các radar và máy chỉ huy phân nân đến tai Bộ Tổng.* Và người ta cũng có nhận xét khá tốt đối với riêng tôi về công tác quản lý, bởi thế mà tôi đã được chỉ định làm lớp trưởng lớp tập huấn các quân đốc của tất cả các nhà máy thuộc Cục Quân giới, trong đó có những vị rất là “cụu trào”.

Vừa qua, trong dịp trở ra Hà Nội, tôi có cơ hội gặp lại các anh em trong phân xưởng cũ sau hơn 40 năm xa cách, rất nhiều anh em khi nghe tin tôi ra, mặc dù đang ở xa, cũng đến gặp mặt khá đông đủ, mừng vui khôn xiết, mang lại một không khí ấm áp của tình đồng đội. Nhiều anh em bộc bạch rằng rất tự hào là thuê ấy phân xưởng đã “ăn nên làm ra”, nở mặt nở mày trong nhà máy, cũng như đỡ xấu mặt đối với quân chủng Phòng không - Không quân mà chúng tôi là “con nợ” triền miên. Sự đánh giá đó là điều khích lệ mà tôi chưa hề nghĩ tới. Tôi chợt nhớ lại như in những ngày tháng làm việc căng thẳng và hào hứng của cả tập thể anh em trong phân xưởng. Tôi cũng nhớ lại cuộc sống cơ cực của anh em lúc đó, ngủ nghỉ dưới những mái nhà lợp bằng giấy dầu nóng như lửa đốt, ăn cơm đựng trong những chiếc máng gỗ, với những chiếc muôi, những chiếc thìa nhôm bị đục lỗ vì sợ mất cắp, ăn những chiếc bánh bao làm bằng bột mì hấp nửa sống nửa chín... Và tôi cũng thành thật nói lại rằng yếu tố thành công của đơn vị lúc đó chính là lòng nhiệt tình công tác, làm việc bất chấp ngày đêm, không ngại gian khó hiểm nguy của của tất cả anh chị em, trong đó có những đồng chí đã bị tên lửa Mỹ bắn hy sinh ngay khi đang làm nhiệm vụ điều chỉnh radar mà phân xưởng

* Sau này nhà máy V-119 đã được phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

đang tiến hành sửa chữa, một điều mà tôi không bao giờ quên, dĩ nhiên trong đó cũng có phần đóng góp của tôi với cương vị là người phụ trách chung.

Cuộc gặp gỡ này cũng khiến tôi nhớ lại một số chuyện cũ.

Trong phân xưởng có một anh tên Điều, là thợ điều chỉnh tổng hợp radar cảnh giới, có một lần báo với tôi rằng mẹ bị ốm nặng sắp chết, xin về phép, tôi cho nghỉ mấy ngày, trở lên báo cáo mẹ đã đỡ. Lần thứ hai cũng thế, về rồi lại lên, cũng báo rằng bà mẹ đã đỡ, cho đến lần thứ ba, do có yêu cầu phải cho máy xuất xưởng gấp nên tôi không cho về. Nhưng không may lần đó bà mẹ ốm và qua đời thật, nên sau khi về thọ tang trở lên gặp tôi, anh ta chửi tôi như tát nước, bảo rằng mỗi hạn này đến chết cũng không quên. Nhưng tôi cũng đành im lặng chịu, đâu có cách nào giải thích cho anh ta thông được!

Có anh Giáp là thợ chuyên thay dầu mỡ các bánh xe của radar, tuy nhiệm vụ rất đơn giản, nhưng anh ta cứ làm tà tà, thích la cà nơi này nơi khác, do đó mà máy móc đã chữa xong, nhưng phần việc của anh còn dang dở, thì làm sao có thể giao máy cho đơn vị để đưa ra chiến đấu. Một hôm, anh ta làm nhiệm vụ ngay trước văn phòng phân xưởng, sẵn dịp tôi bấm giờ, thì thấy rằng thời gian hoàn thành công việc chỉ bằng phân nửa định mức. Tôi bèn gọi anh ta đến giao ước rằng tôi sẽ khoán, anh làm xong công việc trước thời hạn thì sẽ được nghỉ phép tương đương với khoảng thời gian vượt định mức, nhưng tôi lại nói thêm, với điều kiện là định mức khoán chỉ bằng 80% so với trước đây. Tôi biết rằng anh ta sẽ rất khoái chí, nhưng vẫn làm ra tuồng ậm ừ suy nghĩ tính toán hồi lâu rồi mới nhận. Thế là cái khâu tuy đơn giản nhưng đã gây rất nhiều trở ngại trước đây đã được giải quyết. Tôi cũng áp dụng cách khoán này đối với anh Nhiễm là thợ mộc, tôi thấy anh làm luôn tay để tranh thủ được nhiều thời gian về nhà chơi với vợ con, vừa làm vừa thở. Từ thực tế này tôi thấy rằng nếu khéo

có cách khuyến khích phù hợp thì sẽ động viên được tinh thần anh em khiến nhiều khâu trong sản xuất vốn rất trì trệ lại đạt được hiệu quả rõ rệt.

Có một lần, sau khi “chạy kế hoạch” cuối năm tôi về nhà bố mẹ vợ ở 26 Lý Thường Kiệt, nằm lăn ra giường ngủ say, ngáy khò khò. Lúc đó có khách đến nhà, nhưng thuở ấy nhà cửa chật chội nên bàn tiếp khách lại đặt gần sát giường ngủ của tôi, chỉ ngăn cách bằng một tấm ri đồ nên tôi ngáy cỡ nào chủ khách đều nghe rõ. Sau này nghe bà mẹ vợ kể lại thì có lẽ ông cụ cũng cảm thấy ngượng, nên sau khi khách ra về ông bèn phàn nàn với bà sao mà chỉ mới có 6 giờ tối mà tôi đã ngủ say và ngáy dữ tợn như vậy. Nhưng ông bà có biết đâu rằng đã ròng rã 6-7 đêm rồi tôi đều thức cùng anh em công nhân, để vừa theo dõi, vừa động viên tinh thần anh em, có những anh như anh Trường, anh Việt là những công nhân điều chỉnh máy rất giỏi, khi đang ngon giấc cũng bị tôi gọi bật dậy làm nhiệm vụ, và mỗi ngày đêm chúng tôi chỉ chợp mắt được một vài tiếng là cùng.

Khoảng tháng 9-1969, năm Bác Hồ mất, mưa to liên tục và nước dâng lên cũng khá cao, tôi cho kéo mấy chục chiếc radar để dọc theo đường Láng, và phân công anh em luân phiên canh giữ. Lúc này tôi cũng giao cho cậu Trường trông nom cháu Hoàng đang về ở chung với tôi trong phân xưởng, cho chơi chung với cháu Long cùng trạc tuổi, là em của Trường, hai đứa cùng ăn ngủ trên một chiếc radar COH-9. Trong những ngày Bác Hồ mất, từng đoàn người lũ lượt đến quảng trường Ba Đình để tỏ lòng thương tiếc Bác, và tôi cũng cùng đi trong đoàn người ấy, đặt cháu Hoàng, lúc đó mới 6 tuổi ngồi trên xe đạp và đẩy đi ngang qua quảng trường. Trong thời gian này có mấy hiện tượng khá đặc biệt mà người ta cho là tai họa, đó là trời mưa rất to và kéo dài, nước sông Hồng dâng cao hơn so với tất cả mọi năm, còn dịch sốt xuất huyết thì phát triển tràn lan, rất nhiều người mắc phải.

Cũng không lâu từ khi tôi về công tác ở phân xưởng radar, thì tôi bắt đầu có mối quan hệ giao hảo với gia đình cậu Trường, là chiến sĩ trong đơn vị, và mối quan hệ đó ngày càng gắn bó hơn. Nhớ có một tối tôi đến nhà cậu, thấy đứa em gái trạc 12-13 tuổi đang nấu chè. Ở chơi được một lúc thì tôi cáo từ ra về, nhưng lúc đó thấy cháu Hòa là đứa lo nấu chè buồn ra mặt, trách tại sao tôi không ở lại ăn bởi cháu biết trước là tối hôm đó tôi sẽ ra nhà chơi nên nấu chè là để đãi tôi. Thấy cháu thật lòng nên tôi ở lại và thấy cháu mừng ra mặt. Cũng bắt đầu từ đó tôi thương cháu nhất nhà, và khi mối quan hệ giữa tôi và gia đình ngày càng khăng khít hơn, thì ông bố bảo tôi nhận cháu làm con nuôi. Đó cũng chẳng qua là một câu nói lúc thân tình, chẳng ước hẹn gì, nhưng dần dà, và mãi cho đến bây giờ, đã trải qua mấy chục năm, mà cách đối xử theo mối quan hệ như thế vẫn không thay đổi, mặc dù cháu đã có chồng có con, có cháu, cho đến lúc hưu trí nghỉ việc nhà nước cũng vẫn thế.

Nhớ lại trong thời gian cháu đi sơ tán ở một vùng sông nước trong nông thôn rất xa Hà Nội, có bận đến thăm thấy thương quá tôi cao hứng đặt mấy câu thơ:

*“Lều cỏ bên hồ lộng gió trưa
Thị thành há được cảnh nên thơ
Kim vân Kiều truyện ngâm đôi khúc
Oanh vàng khê gọi ngõ trong mơ”.*

Rồi khi nghe cháu kể cái cảnh cả lũ con gái tranh nhau tắm ở cái nhà tắm trống hươu trống hoác cạnh bờ sông, tôi lại đặt mấy câu thơ tếu:

*Lều trống tênh toàng cạnh mép sông
Thị ta đến tắm ối ơi đông
Kim châm vào mặt bà địch sợ
Oanh liệt còn hơn lũ các ông!*

Bốn chữ đầu câu là tên họ của cháu “*Lều Thị Kim Oanh*”. Các câu thơ tuy vụng nhưng có ý nghĩa nên cho đến hôm nay cháu vẫn còn nhớ thuộc lòng.

Phải nói rằng mối quan hệ giữa tôi và gia đình cậu Trường không chỉ bó hẹp đối với cậu và cháu Hòa, mà từ hai ông bà cho đến tất cả các con trong nhà, mọi người đều coi tôi như người trong gia đình. Trong thời gian vợ tôi đi học ở Liên Xô, lắm khi tôi cũng đã đến “ăn dầm nằm dề” ở nhà đó. Và tôi không bao giờ quên hình ảnh thân thương của bà mẹ cậu Trường, một con người rất tốt bụng, chân tình và hiếu khách. Mãi đến nay, đã gần 50 năm mà mối quan hệ như thế vẫn không thay đổi. Chứng minh cho điều đó là mấy tháng trước đây, sau gần 40 năm xa miền Bắc, khi tôi trở ra Hà Nội thì hầu hết các anh chị em trong gia đình đều có đến thăm tôi.

Tôi đã sống ở miền Bắc trên hai mươi năm, không chỉ có mối quan hệ với một gia đình cậu Trường mà tôi còn có dịp tiếp xúc với bao gia đình khác từ khi mới bước chân ra miền Bắc, đã thấy



Dự đám cưới cháu Vương, em cậu Trường ở Hà Nội.



Gia đình cậu Trường ở Hà Nội.

rõ tình thương của họ đối với tôi, một cán bộ miền Nam tập kết, điều đó đã để lại ấn tượng tốt đẹp đối với dân miền Bắc, mặc dù tôi không bị “rau muống quăn chân”. Cũng qua đó mà tôi không hề có sự kỳ thị Bắc Nam. Tôi quan niệm rằng đâu cũng thế, miền nào cũng thế, đều có nhiều người tốt.

Năm 1971 có lệnh điều tôi đi B. Kể ra thì điều này cũng khá bất ngờ khiến tôi hơi bối rối trong việc chăm lo cho con trai, bởi ông bà ngoại đều già cả, bà ngoại thì bị đau tim nặng, còn bà xã thì vẫn đang học ở Liên Xô còn lâu mới về. Thấy vậy đồng chí Vũ Văn Vận bảo cứ để cháu ở nhà trẻ Thiên Thai cách Hà Nội khoảng 50 cây số, hằng tháng anh sẽ đến thăm và đóng tiền học phí cho cháu. Còn cô Kim Anh ở đoàn Văn công Khu 5 thì nhận mang về cơ quan nuôi đến ngày mẹ cháu tốt nghiệp trở về thì giao lại. Lòng nhiệt tình giúp đỡ của bạn bè thời xưa là thế, đáng để được biết ơn.

Theo chế độ thì trước khi đi B cán bộ sẽ được nghỉ phép 15 ngày, người ta hỏi tôi muốn nghỉ phép trước rồi bàn giao công

tác hay bàn giao công tác trước rồi nghỉ phép sau, tôi bèn trả lời rằng trước hết phải nghỉ phép cái đã cho chắc ăn, e rằng bàn giao xong rồi bị mấy ông bắt đi bắt tù thành ra “xôi hỏng bỏng không”. Được nghỉ phép, tôi bèn chở cháu Hoàng xuống chơi với Cô Út ở Hải Phòng, sẵn dịp đèo xe đạp ra Đồ Sơn chơi, sáng đi tối về. Hai bố con cũng đã chụp tấm ảnh kỷ niệm mà tôi con lưu giữ đến ngày nay.



Chuẩn bị xa con đi chiến trường.

Sau khi trả phép, tôi đến văn phòng Cục chào từ biệt đồng chí Cục trưởng Phạm Như Vưu. Đồng chí bị bất ngờ và hỏi tôi đi đâu mà từ biệt, tôi trả lời là được phân công đi B. Đồng chí hỏi ai phân công đi mà đi, tôi trả lời đó là quyết định của bên chính trị. Đồng chí bực mình bảo rằng bộ hết người rồi sao mà điều một quản đốc giỏi đi B. Đồng chí bèn kéo cánh cửa ăn thông qua Phòng Chính trị và bảo rằng những việc như thế phải xin ý kiến của đồng chí chó đâu thể tự tiện làm như vậy. Rồi đồng chí quay qua nói với tôi là cứ trở về nhà máy chó không đi đâu hết. Như vậy là tôi đã trật một chuyến đi B. Thế nhưng bên Chính trị đã ra quyết định đôn đồng chí Nguyễn Chí Phúc, nguyên là cấp phó của tôi lên làm quản đốc.

Cũng trong thời kỳ này, Tổng cục yêu cầu các cục phải thành lập Ban An toàn Lao động và Vệ sinh Công nghiệp, vì thế mà tôi lại được chuyển sang làm Trưởng ban Ban An toàn Lao động và Vệ sinh Công nghiệp của Cục Quân giới. Gọi là Ban nhưng chỉ có 4 người gồm tôi, một bác sĩ, một kỹ sư và một cán bộ trung

cấp kỹ thuật. Lại là một lĩnh vực công tác mới, bởi mấy mươi nhà máy trong Cục rất đa dạng về ngành nghề: gia công cơ khí, sửa chữa súng pháo, sản xuất đạn dược, vật liệu nổ, hóa chất,... mỗi ngành đều có một quy phạm an toàn khác nhau, buộc tôi phải học hỏi tìm hiểu từng thứ một. Tuy nhiên vì tôi đã kinh qua mấy năm làm công tác quản lý sản xuất ở nhà máy nên không hẳn là hoàn toàn bỡ ngỡ. Với nhiệm vụ này tôi phải thường xuyên đi khắp các nhà máy trong Cục để kiểm tra việc thực hiện chế độ an toàn trong sản xuất.

Trong thời chiến tranh chống Mỹ người ta thường nghe nói về những vũ khí khí tài do các nước Xã hội chủ nghĩa mà chủ yếu là Liên Xô và Trung Quốc viện trợ, nhưng ít có người nói về ngành công nghiệp quốc phòng của chúng ta đã làm được những gì để đáp ứng yêu cầu chiến đấu của cả hai miền Nam - Bắc, bởi đó là điều cơ mật.

Thuở ấy Cục Quân giới là một đơn vị được trang bị rất mạnh, rất đồng bộ về máy móc thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và sửa chữa vũ khí khí tài cho quân đội. Đó là nhà máy V-111 chuyên sản xuất các loại súng trường và tiểu liên, nhà máy X-25, X-26 chuyên sản xuất súng chống tăng B-40, B-41, nhà máy Z-117 chuyên sản xuất các sản phẩm cơ khí rời vừa phục vụ cho quốc phòng vừa phục vụ dân sinh, nhà máy Z-123 chuyên sản xuất và sửa chữa các loại khí tài quang học, nhà máy Z-127 chuyên đúc các loại phôi, nhà máy Z-133 chuyên sửa chữa các loại pháo lớn, nhà máy V-119 chuyên sửa chữa các loại radar, máy chỉ huy v.v... Tất nhiên từng nhà máy đều có những yêu cầu về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp khác nhau nhưng tôi đặc biệt quan tâm đến các nhà máy dễ xảy ra cháy nổ như nhà máy Z-121 chuyên sản xuất hạt nổ - nụ xòe, nhà máy Z-131 chuyên sản xuất lựu đạn và đạn B-40, B-41, nhà máy Z-115 chuyên sản xuất đạn cối 60, nhà máy Z-2 chuyên sản xuất các loại đạn nhỏ... Cũng đã xảy ra một số vụ mất an toàn

ng nghiêm trọng, chủ yếu là do anh em công nhân không tuân thủ các quy phạm an toàn dẫn đến những cái chết vô lý mà tôi còn nhớ như: một công nhân bị điện giết chết ở đường dây trên cao do không ngắt điện khi thao tác trên đường dây, một công nhân bị nổ chết khi hàn một bình xăng ô tô do không súc rửa sạch trước bằng các dung môi hòa tan, một công nhân nghề mộc bị thanh gỗ đánh ngược vào bụng do không mang yếm da khi thao tác cưa máy, một thợ phay bị tay đánh chết khi chuyển sang chế độ tự động. Vừa qua, vào tháng 10-2013, tại nhà máy Z-121 đã xảy ra vụ cháy tại phân xưởng sản xuất pháo hoa, làm thiệt mạng trên 20 công nhân. Xét ra thì đây là vụ vi phạm an toàn đặc biệt nghiêm trọng, thật đáng tiếc, nhưng xét cho cùng thì nhà máy này đã giữ an toàn cháy nổ được 40-50 năm rồi chớ đâu có ít, và có lẽ đây là lần đầu tiên sau trên 60 năm thành lập, ngành công nghiệp quốc phòng mới xảy ra một vụ mất an toàn nghiêm trọng như vậy.

Trong thời gian này cơ quan cục sơ tán lên xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, bên bờ sông Đáy. Ban An toàn của tôi trú tại nhà anh Miện, gia đình có 3 con nhưng toàn là gái, rất mong được đứa con trai nối dõi tông đường. Tại đây tôi đã chứng kiến một việc có thật về tập quán lâu đời ở nông thôn là khi chị sắp sinh, anh nhốt sẵn con gà trống thiến chuẩn bị ăn mừng sinh con trai, nhưng khi chị lại sinh đứa con gái thì tức tối thả gà ra. Bởi lúc đó nào có việc siêu âm đầu mà biết trước là trai hay gái. Và sau này nghe kể lại thì cứ thế mà đẻ sòn sòn ra tất cả là 6 đứa con gái, mãi đến lần thứ 7 mới tòi ra được thằng con trai nên mừng hết lớn, tổ chức ăn mừng rất to.

Trong thời gian sơ tán tại Cát Quế, tôi bắt đầu tập lái mô tô 3 bánh, thứ mô tô đa dụng có một thùng to bên cạnh, ngoài chở người còn có thể mang về đủ các loại thức ăn như chuối, mít, khoai lang, khoai mì, gà, vịt và kể cả... chó!. Có một lần đang chạy trong đường làng chợt nhìn ra phía trước thì đã thấy cái ao

chắn trước mặt, tôi cố bẻ tay lái để đi vòng qua, nhưng chưa kịp tránh thì cả xe và người đều chạy ụp xuống ao, máy cũng chết luôn. Tôi vội trèo lên bờ, quần áo ướt sũng, chạy về gọi anh em trong cơ quan ra cột dây thừng kéo lên, lau sạch nước nôi bùn đất rồi đập thử máy. May mắn máy vẫn nổ, nên tôi cứ quần áo ướt như thế mà leo lên chạy tiếp, bởi cái ngữ mới tập lái xe thì nó mê vô cùng! Khi đã vững tay lái tôi thường lái xe đi công tác xa và lắm lúc cũng giở trò chơi ác, nếu ngồi trong thùng bên cạnh là một vị nào đó mà tôi không ưa, thì khi gặp các bãi phân trâu trên đường tôi không hề quan tâm lái tránh cứ chạy xe cán đại, phân phứa văng tứ tung lên mặt mũi quần áo, mặc cho các vị cứ ngồi đó chửi bới tung trời đất.

Dân ở đất Cát Quế này nuôi rất nhiều chó và cũng rất nghiện món thịt chó. Riêng tay Miện là chủ nhà tôi đang ở thì nghề làm thịt chó quả thật là cao siêu, từ khi bắt con chó cho đến khi làm xong, ra thịt chưa tới nửa tiếng đồng hồ. Nhớ có lần tết Trung thu đi ngang ghé nhà thăm thì anh gọi cho thằng cháu Hoàng của tôi một bát xôi và một miếng thịt chó luộc.

Cũng tại đây tôi đã phát hiện một kho thực phẩm vô tận tại bãi bồi ngoài đê sông Đáy, đó là thịt cóc. Có lần tôi đã bắt đầy một bao tải, phải hai người khiêng mới về được đến nhà, và cánh lính Nam Bộ chúng tôi tha hồ làm thịt nấu cháo, làm chả rán, làm thịt cóc chà bông. Phải nói rằng thứ thịt cóc này mà đem xay nhuyễn làm nhân chả rán thì không gì ngon bằng. Nhưng dân ở đây thấy cóc thì rất sợ, nên cánh lính Nam Bộ chúng tôi giao ước với nhau rằng không được “vận động” chuyện ăn thịt cóc cho dân địa phương, e rằng bị cạn nguồn thực phẩm quý giá chưa bị phát hiện này. Quả thật cho đến ngày chúng tôi rút đi thì dân nơi đây cũng chưa dám ăn thịt cóc.

Một buổi chiều tôi định về Hà Nội thăm nhà, nhưng không biết vì lẽ gì mà cứ nấn ná hồi lâu. Cuối cùng cũng quyết lên xe đạp về thành phố, nhưng vừa ra khỏi nhà được một đoạn thì

nghe có tiếng còi báo động máy bay địch, kể đến là một loạt bom nổ ở làng Thìa cách trước mặt không xa, cũng trên đường về Hà Nội, làm chết một số dân thường. Tôi chợt thấy mình cũng chưa đến đổi tới số, nếu không nấn ná trước khi đi thì không biết chừng đã dính bom. Và sau này khi đạp xe qua lại làng Thìa, nhìn mấy ngôi mộ của những đồng bào bị chết hôm ấy được chôn ở ven đường thì cũng có chút rờn rợn, nhưng lại nghĩ chết cũng đâu có dễ!

Nhìn lại thì từ năm 1964 đến 1972, biết bao nhiêu lần máy bay Mỹ vào ném bom đánh phá Hà Nội, với tất cả các loại tối tân mà quân đội Mỹ từng có trong tay, từ F-105, F-4, F-4H, F-111 cánh cụp cánh xòe, và cuối cùng phải dùng đến con át chủ bài là B-52, thì Mỹ đã đạt được thắng lợi gì, kết quả đến đâu? Nếu từ bên ngoài nhìn vào thì người ta lo rằng chắc là Hà Nội sẽ tan tành xì quách hết!

Trong ngắn ấy năm, trừ một năm đi thực tập ở Trung Quốc, kỳ dư tôi đều sống và làm việc ở Hà Nội, nên tôi nhớ rõ hết. Điểm lại thì nặng nhất là phố Khâm Thiên, bệnh viện Bạch Mai, cầu Long Biên, đài phát thanh Mễ Trì, nhưng đó lại những nơi mà đa số người ta đã đi sơ tán. Các cơ sở công nghiệp lớn như nhà máy cơ khí Trung quy mô, cơ khí Trần Hưng Đạo, dệt 8-3, khu Cao - Xà - Lá*, nhà máy xe đạp Thống Nhất, nhà máy bia Hà Nội vẫn trở trơ. Còn các cơ quan đầu não thì sao? Chả nghe nơi nào bị thiệt hại, ngay như đối thủ chính của Lầu Năm Góc là cơ quan tối cao của quân đội - Bộ Quốc Phòng - Tổng Tư Lệnh và các đơn vị trực thuộc, trong đó có Cục Quân giới của chúng tôi, đều trú đóng trong thành Cột cờ giữa thủ đô Hà Nội cũng chẳng hề suy suyển. Còn những con người của bộ máy đầu não đó đều được sơ tán ra vùng ngoại thành, mọi công việc điều hành chiến tranh vẫn chạy đều, tất nhiên là có khó khăn chút ít so với lúc ở trong thành.

* Bao gồm nhà máy cao su, xà phòng và thuốc lá (BTV).

Tùng là lính chiến nên đa số chúng tôi coi việc nó đánh phá thủ đô Hà Nội cũng chẳng có gì đáng sợ, bởi Hà Nội là tọa độ lửa, thẳng giặc lái nào vào đây mà không run, lo né tránh chống đỡ còn chưa xong thì lấy đầu can đảm mà ngắm nghía để liệng bom cho trúng. Còn nếu so sánh với Vinh Linh, Quảng Bình thì mấy quả bom mỗ côi của đám khu trục con con, giỏi lắm cũng chỉ vó được vài ba đứa tối số là cùng! Chỉ sợ là sợ cho dân, cho những người chưa sơ tán khỏi Hà Nội, tuy rằng số người đó cũng chẳng còn là bao nhiêu. Tôi thật sự nghi ngờ con số thương vong 3-4 vạn người trong 12 ngày đêm Điện Biên Phủ trên không mà có ai đó từng tổng kết, không biết họ đếm ở đâu ra mà nhiều xác chết như thế? Bởi nếu đúng như vậy thì chắc là cả Hà Nội đã khóc mù hết cả mắt rồi, đâu còn ai thấy đường để đọc con số kinh hoàng đó? Nói ra có thể có người bảo là nói phét, chứ lắm lúc tôi cũng mong có báo động để được xem cảnh bắn máy bay Mỹ trên bầu trời Hà Nội. Nhớ lúc cơ quan chúng tôi sơ tán lên đóng tại trường Đại học Sư phạm ở Cầu Giấy, mỗi khi có còi hụ thì chúng tôi chạy ra đứng trong một hầm trú ẩn lộ thiên, đứa nào có mũ sắt thì đội, đứa không có thì lấy cặp đựng tài liệu che lên đầu, không phải để tránh bom đạn của Mỹ mà chủ yếu là tránh những mảnh đạn pháo cao xạ của lực lượng phòng không nổ rơi trúng đầu, dễ chết như chơi. Mà đứa nào cũng như đứa nào, đều ngửa đầu nhìn lên trời theo dõi đám máy bay Mỹ xuất hiện. Máy bay bay đến đâu thì góc trời ở đó nở hoa, cả chùm hoa lửa của hàng chục hàng trăm viên đạn pháo cứ bao trùm chiếc máy bay, chùm này tan thì chùm khác lại xuất hiện, cứ kéo dài như thế cho đến khi chiếc máy bay bay khỏi bầu trời, hoặc bị trúng đạn mà lao đầu xuống đất. Nhưng lắm lúc cũng tiếc hùi hụi khi nhìn thấy chiếc máy bay Mỹ vẫn chui ra mạnh khỏe từ chùm đạn pháo chưa tan hết khói. Còn xem cuộc đấu trí giữa tên lửa phòng không và máy bay Mỹ thì thật là ngoạn mục. Chiếc máy bay đang bay, bỗng

từ dưới đất phụt lên một và có khi đến hai ba luồng lửa sáng, nhìn lên chúng tôi thấy rõ chúng liên tục thay đổi hướng bay để tránh đòn, còn phía sau là tên lửa của chúng ta lại uốn lượn chặn trước, bám sau, nên không trúng đầu thì cũng gây đuôi, khó lòng chạy thoát. Và chính những lúc thấy chiếc máy bay bị trúng đạn nổ tan trên không, hoặc trở thành một quả cầu lửa quay lộn mấy vòng rồi rơi vụt xuống đất kéo theo một vệt lửa dài, thì đó là những lúc hả hê nhất, bao nhiêu người đều reo hò hoan hô ầm ĩ.

Đôi lúc cũng được mục kích các trận không chiến, thấy những chiếc máy bay của ta và địch vun vút quần ngang thảo đạo, tên lửa phóng tới tấp như cảnh các tiên ông đấu phép trong phim Tàu. Nhưng đứng xem mà khá hồi hộp vì thường là địch nhiều ta ít, nên thường bị chúng ỉ đông ăn hiếp, nhìn thấy mà phát tức. Có một lần thấy một máy bay bị tên lửa phụt trúng bốc cháy đâm đầu xuống đất, mọi người mừng quá reo hò hoan nghênh. Nhưng đến chiều lại nghe tin đó chính là máy bay của ta bị bắn rơi xuống gần Mai Dịch nên cụt hứng và buồn quá chừng.

Mà tôi thích nhất là xem cảnh bắn máy bay ban đêm. Lúc này thì cả bầu trời Hà Nội rực lửa, hàng ngàn hàng vạn viên đạn các cỡ tới tấp bắn lên, xiên ngang xẻ dọc đủ màu đủ sắc, tên lửa có, cao xạ có, trung đại liên có, súng trường của tự vệ trên các nóc nhà cao có, mà cả tiểu liên AK ăn có ăn ké theo cũng có... Nhìn cảnh đó tôi nghĩ thầm trong bụng cho dù thằng Mỹ có gan lì đến mấy thì dái cũng phải teo, bởi đang bị bủa vây trong thiên la địa võng, lưới lửa đỏ trời, ăn đạn dễ như chơi!

Nhắc đến chuyện máy bay Mỹ đánh phá miền Bắc thì nhớ đến nhận định thiên tài của Bác Hồ là đế quốc Mỹ chỉ chịu thua chúng ta khi chúng phải thua trên bầu trời Hà Nội. Lúc đó có phải ai cũng tin đâu, kể cả các bộ óc trí tuệ nhất của Lầu Năm Góc. Nhưng rồi cuộc chiến cũng đã kết thúc đúng như dự báo. Trong canh bạc “được ăn cả, ngã về không” cuối cùng bằng pháo

đài bay B-52 để nắn gân chúng ta, thì ăn đâu chẳng thấy mà chỉ thấy toàn thua là thua, đành ngậm đắng nuốt cay đặt bút ký vào Hiệp định Paris về Việt Nam.

Còn quyết tâm của Bác khi đỉnh đặc tuyên bố: “Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!” cũng thật là linh ứng, Hà Nội hôm nay đã đàng hoàng hơn, to đẹp hơn gấp bao nhiêu lần. Tôi từng sống ở Hà Nội trên hai mươi năm mà hôm nay trở lại thấy hoàn toàn khác lạ, so với năm xưa là cả một trời một vực, đi mà lạc đường lạc sá lung tung như đứa nhà quê mới ra tỉnh!

Giữa năm 1972, chị Bảy Liên ra miền Bắc dưỡng bệnh, khi đến nhà có cho biết là cha tôi đã qua đời năm 1964 ở tuổi 66, an táng tại Sài Gòn. Nghe tin này tôi rất buồn và nghĩ rằng trong giờ phút lâm chung chắc ông rất mong nhớ ba anh em chúng tôi, đứa còn ở ngoài Bắc, đứa thì mới về chiến đấu trong Nam, những đứa con mà ông hằng tự hào và tin yêu. Nhưng cũng lạ là lúc mới nghe sao không cảm thấy thật đau, nghĩ không phải là tôi bất hiếu mà có lẽ vì xa cách nhau quá lâu, và tôi cũng không tận mắt chứng kiến giờ phút lâm chung của người cha. Nhưng đêm đến thì hầu như những kỷ niệm bao nhiêu năm về người cha đều lần lượt hiện về trong tâm trí, có những kỷ niệm rất xa mà cũng có những kỷ niệm rất gần như mới ngày hôm qua trước khi đi tập kết. Tôi nhớ trận mưa bão trên một chiếc thuyền con ở Cà Mau, tôi nhớ chuyến đi đến Năm Căn gặp người má nhỏ và đứa em gái đáng thương, tôi nhớ những ngày sống chết trong cái phòng giam của bọn Hòa Hảo ở đình Thành Lợi, tôi nhớ cái đáng hơi khòm trong chuyến đi từ Nhị Mỹ về Cao Lãnh, tôi nhớ bộ quần áo ka ki ông cho, cái giọng thân thương khi bảo cắt tóc cho tôi khi sắp từ biệt, mà đâu ngờ đó cũng là lần cuối cùng hai

cha con gặp nhau..., những cái nhớ khiến nước mắt tôi tràn ra thấm đẫm trên chiếc gối giữa canh khuya.

Rồi tôi gặp cô Năm Huệ ra dưỡng bệnh và tham quan miền Bắc. Biết cô là người bám trụ tại địa phương, tôi hỏi dò cô là có thường vô rạch Ông Đá không, cô bèn hỏi lại tôi là có quen ai trong đó mà hỏi, tôi bèn trả lời: “Là cô Mười, người mà tôi định cưới chớ ai!”. Cô bèn nói với tôi: “Mắc dịch cho ông, người ta còn đang chờ ông trong đó ông ạ!”. Tôi giật mình không dè có chuyện như thế. Nhưng đã mười tám năm xa cách không có tin tức gì của nhau, mà bây giờ tôi đã có vợ có con, còn làm gì được nữa. Lại cũng đâu phải đôi ba năm như đã ước hẹn trước đây, mà tôi đoán là cô đã trông chờ từng năm một, từ một năm, hai năm, ba năm, rồi từng năm hy vọng trông mong, cho đến suốt mười tám năm dài đằng đẳng mà người ta vẫn nặng lòng kiên nhẫn chờ đợi, điều này làm cho lòng tôi bỗng tràn ngập yêu thương tội nghiệp, một thứ tình cảm khó nói sau đó đã đeo đẳng tôi khá lâu...

Cuối năm 1972, khi cuộc đàm phán về Hiệp định Paris sắp đến giai đoạn kết thúc, nhiều anh em bộ đội miền Nam được triệu tập chuẩn bị thành lập các phái đoàn Liên hiệp quân sự hai bên, bốn bên, với chức năng theo dõi việc thi hành Hiệp định. Đây là lần đầu tiên từ sau ngày tập kết ra Bắc năm 1954, các cán bộ quân đội quê miền Nam, những con người luôn cháy bỏng với tình yêu quê hương, mới có dịp tụ hội đông đủ như vậy, lại là trong những ngày dự kiến sắp kết thúc chiến tranh nên không khí thật là hồ hởi phấn khởi. Hằng ngày chúng tôi đều được tập trung để nghe cán bộ bên Bộ Ngoại giao báo cáo diễn tiến của hội nghị, xong lại về ngồi tụ họp uống trà, hút thuốc lá rồi đoán già đoán non về tình hình sắp tới, và ai cũng có thể làm chiến lược gia được hết.

Đang sinh hoạt trong không khí phấn chấn như thế, bỗng có cán bộ tổ chức đến thông báo với tôi rằng đã có quyết định rút tôi về Cục Tình báo, chuẩn bị huấn luyện để phái tôi vào Sài Gòn

hoạt động bí mật. Tôi đoán có thể có hai lý do khiến người ta quyết định như thế: một là trước kia tôi đã từng làm việc trong ngành quân báo, hai là trước đây tôi đã từng sống và đi học tại thành phố Sài Gòn, chắc dễ có cách tiếp cận địa bàn. Cho nên trước yêu cầu của tình hình mới thì việc giao công tác đó cho tôi cũng là việc rất phải lẽ. Riêng tôi thì đã nói thẳng với họ là nếu hỏi ý kiến thì tôi sẽ bảo với ngằn này tuổi đầu đầu còn có mộng phiêu lưu mạo hiểm nên không thích trở lại làm công tác tình báo, nhưng nếu đó là quyết định của tổ chức thì tôi sẽ nghiêm chỉnh chấp hành. Thuở đó việc giao và nhận nhiệm vụ, dù có gian nguy đến mấy thì nó cũng diễn ra một cách nhẹ nhàng và đơn giản như vậy.

Bỗng trong một đêm, khi theo dõi buổi phát thanh “Nhắn tin về Nam” dành cho các tù binh ngục gởi tin tức về cho thân nhân trong Nam, tôi nghe được tiếng nói của một tù binh như sau: “Tôi là Chung Tử Bữu, nhắn tin về cho mẹ là bà Nguyễn Thị Hoa, ở nhà số 10 Đạm Trang, Di Linh, Lâm Đồng...”. Tôi giật mình tại sao có ba điểm trùng hợp là: người nhắn tin mang họ Chung, có mẹ tên Hoa, lại ở tại Di Linh, có thể là con của chị Tư Hoa chăng? Mà theo tôi nhớ thì chị Tư chỉ có thằng con trai tên là Luận, chớ đâu có đứa nào tên Bữu. Nhưng tôi vẫn hết sức nghi ngờ một sự trùng hợp lạ lùng như thế. Hôm sau tôi đến gặp các đồng chí bên Dịch vận, báo đến trại tù binh hỏi xem tên Chung Tử Bữu đó có phải có người cha tên là Chung Khâm Lộc (tức là anh Tư Lộc, chồng chị Tư Hoa) không, nếu đúng như vậy thì nó là cháu ruột của tôi đó. Hai hôm sau họ báo trở lại cho tôi biết chính cha nó tên Chung Khâm Lộc, và như thế đúng là con chị Tư Hoa rồi. Tôi đề nghị họ sắp xếp cho tôi đến gặp, họ đồng ý và hẹn hai ngày sau sẽ bố trí xe chở tôi đến trại tù binh để thăm nó. Thế nhưng kế hoạch đó bị hủy, bởi người ta nói với tôi rằng sau khi hiệp định được ký kết nó sẽ được trả về dưới dạng trao đổi tù binh, và ngại rằng khi tôi vào hoạt động bí mật trong Sài Gòn nếu đụng mặt nó thì sẽ lộ hết.

Rồi một ngày họ có một người đến đơn vị tìm gặp tôi, hỏi ra thì được biết đó là người bên Cục Tình báo thuộc Bộ Tổng tham mưu đến tiếp nhận tôi. Bắt đầu từ đó tôi không còn thuộc biên chế của đơn vị cũ nữa, nhưng cũng không đến làm việc tại cơ quan Cục Tình báo, chỉ khi nào có việc cần liên hệ thì họ đến thẳng nhà tôi ở 62 Hàng Bột qua một người duy nhất. Theo nguyên tắc hoạt động bí mật, họ yêu cầu tôi phải mang tên họ mới. Tôi nói với họ là tôi vẫn lấy họ Nguyễn, và tên mới là Hồng Lê, tức là đảo ngược tên Lê Hồng của vợ tôi. Họ thấy cách lấy tên đó cũng có lý nên đồng ý. Họ bố trí một căn phòng riêng biệt trong khu tập thể Nam Đồng để tiến hành việc huấn luyện các phương thức hoạt động bí mật, và lúc nào thì cũng chỉ có một thầy một trò. Môn học đầu tiên là tập nghe tín hiệu mật mã bằng chiếc radio bán dẫn, mục đích là để sau này tiếp nhận các mệnh lệnh phát đi từ trung tâm chỉ huy tình báo qua một tần số nhất định trên radio. Tuy cách này có nhược điểm là chỉ liên lạc được một chiều nhưng có thể đảm bảo hoàn toàn bí mật, bởi kẻ địch không thể dò biết ai là người trực tiếp tiếp nhận mệnh lệnh đó. Qua hơn một tháng huấn luyện thì khả năng nghe tín hiệu mật mã của tôi đã khá thuần thục, một kết quả vượt mong đợi. Xen kẽ là những bài học về viết thư bằng mực hóa học và các phương thức tổ chức tình báo đơn tuyến.

Đang học ngon trớn bỗng có đại diện của Cục Tình báo đến bảo tôi viết quyết tâm thư. Tôi thật sự bất ngờ và lạ lùng về chuyện này và cũng cảm thấy tự ái vì cho rằng người ta chưa thật tin cán bộ, nên đã nhắc lại với họ: với tuổi này tôi đâu còn thích phiêu lưu mạo hiểm nữa, và nếu bảo tôi chọn nghề thì tôi sẽ để nghề tình báo ở hàng cuối cùng. Nhưng vì tổ chức phân công nên tôi đã sẵn sàng chấp nhận, và các đồng chí cũng đã thấy rằng tôi học tập rất chuyên cần, và điều chứng minh là kết quả học tập của tôi rất tốt. Nhược bằng các đồng chí không tin tưởng lòng trung thành của tôi thì thôi vậy, chớ tôi sẽ không viết quyết tâm thư. Họ rất bất ngờ với lời lẽ khá “ngang” của tôi,

và giải thích rằng đó là quy định đối với người được phái vào hoạt động trong lòng địch, để thể hiện lòng quyết tâm, nhưng tôi vẫn không nghe, và họ cũng chẳng có cách thuyết phục nào khác hơn.

Có một chuyện khá bất ngờ là trong khi tôi đang đeo bộ tai nghe để nghe tín hiệu mật mã thì ở dãy nhà đối diện, anh Sơn là bạn tôi cũng đang được huấn luyện như tôi lại nhìn thấy tôi đang học tập nên đã kể chuyện lại với tôi, và coi như vô tình tôi đã bị lộ, nhưng cũng không sao vì hai đứa cũng cùng chung ngành mà.

Ngày 21-4-1973, tôi ra ga Hàng Cỏ đón vợ từ Liên Xô về. Hôm đó không biết vợ tôi đã thông tin như thế nào mà anh Hai An cũng cùng ra đón, anh đã nhìn thấy vợ tôi trước nên đã chạy buơn tới cửa toa tàu để đón, thành ra tôi trở thành người đến sau. Thời tiết hôm ấy rét nhưng tôi lại mặc quần áo không đủ ấm nên đêm hôm đó tôi bị đau bụng và đi ngoài liên tục. Sáng hôm sau tôi đi tiểu thì thấy nước tiểu đỏ màu máu, tôi bèn đến quân y viện 354 để xét nghiệm thì người ta phát hiện là tôi bị viêm cầu thận cấp, phải vào nằm viện điều trị. Buồn cười là khi vợ tôi vào thăm, hỏi tên Long Trảo thì người ta bảo là không có ai mang tên đó đang nằm viện, té ra là khi đó tôi đã mang tên mới là Hồng Lê nên không tìm ra cũng phải. Tôi nằm viện điều trị trong khoảng thời gian là một tháng hai mươi ngày, ngoại trừ vợ tôi và đứa con trai thì trong gia đình không một ai vào thăm. Cũng có một vài lần anh Hai An đến tìm vợ tôi khi cô đang thăm tôi ở bệnh viện nên cũng gặp và thăm tôi luôn.

Sau khi tìm hiểu, tôi được biết đây là một loại bệnh khá nguy hiểm, nếu chữa trị không dứt nó sẽ chuyển sang viêm thận mãn tính rồi dẫn đến suy thận như trường hợp của cô y tá Đặng thì vô phương cứu chữa. Vì vậy sau khi nằm viện ra, nhờ bác sĩ Hương giới thiệu đến ông lang Thắng ở bến Lương Yên có bài thuốc gia truyền chữa bệnh thận nên tôi đã theo ông lấy thuốc uống cả

năm trời, và cũng trong năm ấy tôi ăn lạt hoàn toàn, không hề có một tí muối nêm trong thức ăn. Đây quả là một khổ sai trong ăn uống nhưng nhịn mãi rồi cũng quen. Bởi người ta nói bệnh thận sau khi trị Tây y qua đợt cấp thì phải tiếp tục uống thuốc Đông y mới có thể trị dứt, nên sau đó tôi còn tiếp tục lấy thuốc của ông lang Kiều và bà lang Chùa Trắng. Phải nói rằng trong năm đó tôi bị khủng hoảng tư tưởng do lo lắng về bệnh tật. Và nó còn đeo đẳng trong tôi suốt một thời gian dài... Âu cũng là một kinh nghiệm để mình tự xử lý khi bệnh tật, không nên lúc nào cũng nghĩ là bệnh tật sẽ trở nên tồi tệ hơn rồi đâm ra bi quan, bệnh càng khó chữa.

Sau khi tôi ra viện một thời gian và đang chữa trị tiếp bằng Đông y, nhân cơ hội đó anh Phạm Như Vưu là người đã một lần giữ tôi ở lại làm việc tại Cục Quân giới lại một lần nữa đề nghị với bên Tỉnh báo rút tôi trở về với lập luận là “nó bệnh nát như thế thì còn đi hoạt động gì được nữa!”. Không biết có phải cách viện dẫn lý do như thế có lý, hay họ lại nghĩ tôi là người thiếu quyết tâm, không chịu viết quyết tâm thư nên họ đồng ý trả tôi về Cục Quân giới? Nhưng cho dù vì lý do nào thì cũng không có gì quan trọng đối với tôi, bởi làm việc ở đâu cũng được, trở về cơ quan cũ càng tốt hơn, quen người quen việc. Mặt khác, như tôi đã từng nói với người ta trước đây khi được phân công nhiệm vụ là do ý thức phục tùng tổ chức mà tôi nhận chớ tôi không mê làm cái nghề tình báo hoạt động trong lòng địch, lúc nào cũng căng thẳng vì phải tự giấu mình, cuộc sống úp úp mở mở, bị địch bắt thì phải chịu tra tấn cực hình đau đớn thể xác, thà chết gọn bằng một phát đạn như khi ra trận trước kia còn hơn.

Những ngày tháng đầu 1975, sau chiến thắng Buôn Mê Thuột, tình hình chiến trường biến đổi nhanh chóng, tin tức chiến thắng dồn dập bay về. Một không khí hoàn toàn hồ hởi phấn khởi và tin tưởng vào ngày chiến thắng đang đến gần đã bao trùm các cơ quan chung quanh Bộ Tổng. Tất cả anh em trong

cơ quan, mỗi người đều cố tìm cho mình một tấm bản đồ để hằng ngày theo dõi chiến thắng trên chiến trường theo thông báo của Bộ Tổng rồi tô màu các địa phương vừa mới được giải phóng. Mỗi ngày nhìn thêm một tỉnh mới được giải phóng mà càng thấy nôn trong lòng. Bỗng dưng tôi nhớ lại mấy ngày Tết lúc tôi đến thăm nhà ông Vưu, khi bà hỏi tôi tại sao không sinh thêm một đứa con nữa, tôi trả lời là đợi về Nam sẽ sinh thì ông phán một câu xanh dờn: “Có mà đến kiếp sau!”. Cỡ như ông là một cán bộ cao cấp, thường hội họp với các cơ quan Bộ Tổng mà còn không biết trước là tình hình nó có thể diễn biến nhanh như vậy, huống chi là chúng tôi.

Rồi sau đó tôi được chỉ định vào đoàn cán bộ đi B để tham gia chiến dịch giải phóng miền Nam...

TRỞ VỀ MIỀN NAM

Lá rụng về cội

Ngày 24-4-1975 đoàn cán bộ chúng tôi toàn là dân miền Nam, gồm người của các nhà máy trong Cục Quân giới và các cơ quan thuộc Tổng cục Kỹ thuật, bước lên xe tại đường Hoàng Diệu, trang bị đúng theo tiêu chuẩn đi B, cũng súng ngắn, vông dù, lương khô, quần áo simili Trung Quốc..., tất cả các giấy tờ tùy thân đều để lại miền Bắc, lên đường tham gia chiến dịch giải phóng miền Nam.

Hôm xuất phát thì vợ tôi và gia đình một số đồng chí khác đến tận nơi tiễn đưa, chớ không còn giữ bí mật như những chuyến đi B trước đây, và những người ra đi đều nghĩ rằng sẽ bước vào trận chiến đấu quyết định của chiến dịch, và biết đâu cũng có người sẽ hy sinh trong trận ra quân cuối cùng này, nhưng cũng không một ai tỏ ra băn khoăn lo lắng mà tất cả còn hết sức hồ hởi phấn khởi bởi nghĩ rằng ngày chiến thắng đã đến gần, và đây có lẽ là tâm lý chung của mọi người lính mỗi khi hành quân ra trận. Chúng tôi được chở trên những chiếc xe vận tải Zil-157 loại 3 cầu của Liên Xô và xe Giải phóng của Trung Quốc, những chiếc xe của một chuyến đi lịch sử, biết rằng với cái đà này thì chẳng bao lâu nữa sẽ được tham gia vào trận quyết chiến để

giải phóng đất nước. Trên xe có hai người là Nguyễn Hai và Lê Minh Vũ là dân mê rượu, vì quá phấn chấn nên đã mang theo một bình toong rượu trắng, chốc chốc lại đổ ra nắp bình toong nhâm nhi với mỗi là món thịt hộp chà bông trong tiêu chuẩn lương khô đi đường. Riêng tôi thì bị chứng đau lưng, phải mang theo một chiếc gối đệm để đỡ đau khi xe bị dằn xóc dọc đường.

Chuyến này thì đoàn xe ung dung chạy dưới bầu trời yên bình vào giới tuyến, đoạn đường mà trước đây tôi từng phải gò lưng đạp xe và lắm lúc cũng phải vác nó trên vai, lội nước đến bụng, dưới sự uy hiếp thường xuyên của máy bay và pháo từ hạm tàu Mỹ, đoạn đường mà trước đây mỗi lần một thân một mình đạp xe qua từng trụ cây số chỉ về hướng Nam là mỗi lần lòng tôi se lại vì nỗi nhớ thương da diết đối với miền Nam. Trên đường đi, qua từng cây cầu dọc Quốc lộ 1 vào giới tuyến vẫn còn nhìn thấy chi chít những hố bom loang lổ trên một diện tích hàng mấy chục héc ta chung quanh. Lúc này thì không chỉ riêng có

Xe ZIL-157



một đoàn xe của chúng tôi, mà còn rất nhiều đoàn xe khác ùn ùn đi chiến dịch, quả là những ngày hội của chiến trường. Nhưng cũng vì thế mà gặp một số khó khăn trong việc tìm chỗ ăn nghỉ dọc đường.

Từ Hà Nội chạy hai ngày thì đến Quảng Trị. Vào buổi sáng của ngày hành quân thứ ba, trong tâm trạng vừa phấn khởi vừa xúc động, chúng tôi đã vượt qua cây cầu Hiền Lương còn mang trên mình hai màu sơn khác biệt đánh dấu một thời kỳ chia cắt đất nước. Một cây cầu không dài lắm, bắc qua con sông Bến Hải cũng không rộng lắm, nhưng trước đây tưởng chừng như nó dài vô tận, biết bao giờ mới vượt qua được. Vì trên đường hành quân không cho phép chú thực sự tôi rất muốn được dừng lại giữa cầu, để rồi bước xuống đứng hồi lâu trên cái giới tuyến vô hình mà cả hai bên bờ Nam Bắc đều oán hận ấy, để từ cái quá khứ đau thương của trên hai mươi năm chia cắt mà hưởng hết cái cảm giác hạnh phúc trào dâng khi cái giới tuyến ấy đã bị xóa bỏ. Thế là trên hai mươi năm xa rời chiến trường xưa thì hôm nay chúng tôi, những chiến sĩ con em của miền Nam lại vinh dự được đặt chân lên mảnh đất quê hương để đi vào trận chiến cuối cùng của dân tộc.

Vào khoảng gần trưa thì chúng tôi đã đến chợ Đông Hà đông đúc xe cộ qua lại. Tất cả chúng tôi đều thích thú và bất giác thốt lên tiếng “ồ!” khi lần đầu tiên nhìn thấy những cô gái mặc quần áo màu mè sặc sỡ, cười những chiếc xe Honda đủ loại, thứ xe mà chúng tôi thường nghe nói đến và rất hâm mộ nhưng chưa một lần được thấy. Đoàn xe tiếp tục chạy đến chiều thì tới thành phố Huế, nơi đây tôi cảm nhận một không khí thật yên bình, nhiều cô gái mặc đồ bộ ra đứng trước cửa nhà nhìn từng đoàn xe lướt qua, không một chút gì tỏ ra e sợ, tuồng như thành phố này đã được giải phóng thật là lâu rồi, không phải chỉ mới ngày một ngày hai trước đây trong cảnh hỗn loạn khi quân Việt Nam cộng hòa rút chạy. Đến nơi, chúng tôi được bố trí ăn ở và

ngủ đêm trong các nhà kho của sân bay Phú Bài, không khí rất nóng bức.

Sáng hôm sau chúng tôi tiếp tục đi về hướng nam. Đến đèo Hải Vân xe bò chậm chạp bởi dốc thì dài cả chục cây số, qua nhiều khúc quanh co mà tài xế lại chưa quen. Đến đỉnh đèo thì đoàn xe dừng lại nghỉ xả hơi, đồng thời để cho xe nguội máy. Anh Xê, con rể của ông Phan Trọng Tuệ, có lẽ cũng được bố vợ truyền cho cái máu mê chụp ảnh nên có mang theo máy và chụp cho chúng tôi một số ảnh trên đèo làm kỷ niệm cho chuyến đi lịch sử. Thế nhưng khi rời xe nhìn xuống dưới suối ven đèo, tôi lấy làm lạ là vẫn còn thấy một vài xác người mặc quần áo lính Việt Nam cộng hòa không biết chết lúc nào mà vẫn chưa chôn, phải chăng đây là số lần trốn trong rừng chịu đói chịu khát hết nổi mới mò ra tìm nước uống rồi chết luôn dưới đó?

Đến trưa thì tới Đà Nẵng, dừng lại ăn trưa. Có chuyện buồn cười là quy định khi hành quân thì không được trao đổi mua bán, ngoại trừ thực phẩm, nhưng ông già đại úy B. lại đánh lẹ đi mua mấy chiếc đồng hồ đeo tay bằng tiền Củ Hồ. Mãi một thời gian sau khi đến Sài Gòn, ông mới thú nhận là mình bị hố, mua nhầm đồ dỏm nên ai cũng buồn cười cho ông già “đạo đức nửa mùa” vì khi đi đường ông thường nhắc nhở anh em phải tuân thủ quy định.

Đến Quảng Nam chúng tôi có ghé thăm gia đình anh Ni, một cán bộ cùng đi trong đoàn. Mấy chục năm xa cách, phải qua hỏi han nhiều người mới tìm được nhà, mà cái gọi là nhà thực tế chỉ là cái chòi, một cái chòi theo đúng nghĩa của nó. Tuy được gặp lại những người thân thì vô cùng mừng rỡ, nhưng cũng rất xót xa cảnh người còn người mất, mất vì tuổi già cũng có, mà mất vì bom đạn của chiến tranh thì nhiều hơn. Mà ở cái huyện Điện Bàn này, nơi bị chiến tranh chà đi xát lại nhiều nhất trong tỉnh Quảng Nam, và cũng có thể là của cả miền Nam, thì có rất nhiều gia đình cũng cùng hoàn cảnh tương tự, một túp lều không hơn

không kém, nhưng cũng phải dựng đi dựng lại nhiều lần, và không một gia đình nào không bị mất mát do bom đạn, giết chóc, có gia đình còn tan cửa nát nhà. Đến hôm nay ngồi viết lại đoạn này, tôi không thể quên những điều tai nghe mắt thấy đau lòng ấy dù chỉ một lần ghé qua, và nghĩ rằng dù trong hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn như hiện nay mà nhà nước vẫn bỏ ra mấy trăm tỷ đồng để xây tượng đài “Mẹ Việt Nam anh hùng” tại đất Quảng Nam, tượng trưng cho tất cả các Bà Mẹ Anh Hùng trong cả nước, cũng thật là điều đáng làm.

10 giờ trưa ngày 30-4-1975, khi xe chúng tôi dừng tại thành phố Quy Nhơn thì nghe trên đài phát tin chính quyền cách mạng kêu gọi thanh niên thành phố Sài Gòn tập hợp làm nhiệm vụ tiếp quản, tôi chưa thật tin bởi nghĩ rằng phải chẳng đến giờ phút chót thì bọn địch muốn đánh lừa, tập hợp thanh niên để chúng tàn sát? Dù còn bán tín bán nghi nhưng ai cũng háo hức nên ngồi trên xe mà bàn tán râm ran, cho đến trưa thì nghe tin chính thức Sài Gòn được giải phóng. Cũng rất lạ là tuy không nghĩ rằng có thể thắng nhanh như vậy, được tin thì vui mừng vô kể, nhưng có lẽ vì lúc bước chân lên xe ở Hà Nội, trước những chiến thắng dồn dập của miền Nam thì hình như đã nhìn thấy thắng lợi đang gần kề, nên niềm vui không đến mức vỡ òa để có thể ôm nhau hò hét nhảy múa như cảnh mừng chiến thắng ở Hà Nội mà chúng tôi được xem chiếu trên truyền hình.

Nghe tin chiến thắng, buộc chúng tôi phải tranh thủ thời gian, do đó cậu Ban lái xe phải chạy với tốc độ nhanh hơn trước. Trên đường đi cũng gặp nhiều đoàn xe, pháo mà tôi có cảm giác như họ cũng cố tăng tốc độ để sớm có mặt tại Sài Gòn ngay trong những ngày mới giải phóng.

Lý ra theo kế hoạch thì sau khi đi khỏi Quy Nhơn đến ngã ba Ninh Hòa, chúng tôi sẽ rẽ phải để đi lên TP. Buôn Ma Thuột đã được giải phóng, rồi đi tiếp theo đường 14 đến điểm tập kết ở Đồng Xoài. Nhưng vì nghe tin Sài Gòn đã giải phóng nên chúng

tôi không theo kế hoạch cũ mà cứ chạy thẳng vào Nha Trang. Nghe nói hình như có một số xe vẫn theo kế hoạch định trước chạy về Đồng Xoài, nhưng vào đến nơi thì gặp phải bao nhiêu là xe ùn ùn đổ về thành phố nên bị kẹt lại, mãi đến mấy ngày sau mới về đến Sài Gòn.

Chạy đến tối thì đến Nha Trang, được bố trí nghỉ tại một công sở của chế độ cũ. Có lẽ đây là lần trú quân ngon lành nhất, bởi qua mấy ngày đi đường quần áo người ngòm bẩn thỉu mà nay được tắm giặt bằng nước máy nên thích ơ là thích. Sáng sớm thức dậy chuẩn bị đi tiếp thì đã nghe tiếng dép kéo lê xào xạc của đồng bào đi dự lễ chào mừng ngày chiến thắng và lễ kỷ niệm 1-5.

Đến trưa chúng tôi dừng lại nghỉ ở Phan Rang dưới cái khí hậu thật nóng bức của buổi trưa hè vùng cát ven biển. Phía sau nhà tôi ở có vườn măng cầu xiêm trĩu quả, có trái đã chín, da láng bóng. Nhớ lại mùi vị vừa chua vừa ngọt của nó mà mấy chục năm qua không được thưởng thức, tôi quá thèm nên hỏi mua một trái bằng tiền Cụ Hồ do tôi mang theo nhưng ông chủ nhà có lẽ là không thích chúng tôi cho lắm nên nhất định không bán, tôi đành nhịn thêm chút biết làm sao bây giờ.

Trên đường từ Phan Thiết về Đồng Nai có mấy cây cầu bị quân Việt Nam cộng hòa đánh sập khi rút chạy, may là còn mùa nắng nên xe chúng tôi vẫn có thể chạy dưới lòng sông, lòng suối vượt qua, không cần phải dùng tới kéo mắc dù trên mỗi xe ZIL đều có trang bị. Dọc đường vẫn còn thấy xác một số xe tăng địch bị bắn cháy.

Tối hôm đó chúng tôi dừng chân tại thị xã Xuân Lộc, ngủ luôn trên xe. Nửa đêm tôi bị đánh thức bởi tiếng động của nhiều bước chân người, ban đầu tôi nghĩ chắc là dân đi dự mít tinh mừng chiến thắng. Nhưng khi ngồi dậy quan sát thì giật mình thấy đó là các tốp lính Việt Nam cộng hòa, người cời trần, không súng không ống, lũ lượt đi qua hết tốp này đến tốp khác, nhưng không thấy bóng dáng bộ đội áp giải nên đoán có lẽ đây là số

quân địch tan rã tại chỗ. Trong đầu chợt nghĩ, chắc chắn là chúng nó đã mất hết tinh thần, bởi nếu có gan đến tấn công vào đoàn xe thì chắc chắn là tụi tôi cũng sẽ tiêu đời hết, bởi chúng tôi chỉ có mấy mươi người mà trang bị toàn là súng lục thì đánh đấm với ai!.

Sáng sớm chúng tôi tiếp tục chạy thẳng về hướng Sài Gòn, lúc này đã nhìn thấy giày dép quần áo và cả súng ống của quân Việt Nam cộng hòa vút bừa bãi trên đường và một số xe tăng bị bắn cháy. Khi xe chạy trên xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa, tôi chợt nghĩ: “Trời đất! Xa lộ với mặt đường lúc vòng lên lúc vòng xuống thế này thì máy bay nào có thể hạ cánh cất cánh, còn nhà đậu máy bay, kho tàng đặt ở chỗ nào, v.v... mà tay chuyên gia quân sự nào đó lại kết luận đây là sân bay B-52 trá hình, để cho đài Hà Nội cứ chửi ra rả suốt ngày suốt tháng. Sau này khi về công tác tại Sài Gòn tôi còn nghe anh Hai Thanh bí thư huyện Thủ Đức, vốn là cán bộ tại chỗ kể rằng khi quân Mỹ xây con lươn chính giữa đường xa lộ thì bên “Việt Cộng” ta lại kết luận và phổ biến với mọi người là chúng muốn ngăn không cho du kích từ phía Bắc tràn về. Thế mà cũng nói được, lại cũng có người tin!.

Khi xe chạy qua cầu Sài Gòn còn thấy mấy thùng phuy cát, có lẽ nhằm chặn bước tiến của quân giải phóng, nằm chắn một phần mặt cầu, bên cạnh còn một xác lính Việt Nam cộng hòa mình đầy vết đạn. Qua cầu Thị Nghè vẫn còn thấy xác chiếc xe tăng bị bắn cháy.

Đoàn chúng tôi tìm đến trú đóng tại trường Cao đẳng Quốc phòng Việt Nam cộng hòa ở số 2 đường Thống Nhất, nay là đường Lê Duẩn, ở đó tôi còn nhìn thấy hình của một vài tướng lĩnh như Lữ Lan, Phạm Văn Phú...được treo trên tường. Còn bên trong nhà thì đầy rẫy những cuộn băng video, có lẽ là các tư liệu quân sự, bị đơn vị bộ đội trú đóng trước đây nghịch ngợm đem xổ ra treo lòng thông đầy sảnh trước.

Như vậy là tôi đã thực sự về đến thành phố Sài Gòn. Nếu tính

từ Tây Ninh, nơi mà trước khi tập kết ra miền Bắc đêm đêm tôi thường hướng về, thương nhớ cha mẹ già đang mỗi mắt chờ mong, chỉ cách Sài Gòn có 100 cây số thôi, cũng phải mất 21 năm trời mới về tới. Còn nếu tính từ khi tôi rời khỏi nơi đây để tham gia cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc thì đã phải mất tới 25 năm! Cả một thời gian dài đầy phong ba bão táp với bao nhiêu biến động khó lường! Niềm hy vọng được trở về cái đất Sài Gòn này suốt mấy mươi năm dài đằng đẳng cứ níu kéo trong tim tôi, có lúc tôi cảm thấy có một niềm tin thật mãnh liệt, nhưng lắm lúc lại thấy rất mong manh xa vời, bởi qua bao gian truân nguy hiểm thì làm sao có thể tin chắc rằng mình còn có thể sống để nhìn thấy ngày giải phóng, tuy không khi nào mất niềm tin rằng ngày đó nhất định sẽ đến trên cái đất nước thân yêu này. Bây giờ thì tôi đã về đây thật rồi, Sài Gòn vừa quen vừa lạ đang sờ sờ trước mắt, mà có lúc vẫn sợ rằng đây lại là một giấc mơ như bao lần từng mơ thấy. Sài Gòn thân yêu của tôi đã được giải phóng! Tôi đang đứng đây thật rồi, tôi sẽ được gặp lại những người thân yêu nhất, hạnh phúc biết bao nhiêu! Nhưng than ôi, niềm vui này lại quá ngắn ngủi!.

Số là sáng hôm đó khi ra đứng trước cổng, thấy một cậu thanh niên vừa đeo một anh bộ đội đi dạo chơi trong thành phố trở về. Tôi gọi cậu ta lại và bảo muốn nhờ cậu giúp cho một việc là tìm hỏi tin tức gia đình tôi tại địa chỉ X... Cậu ta trả lời gọn ghơ: “Xong ngay!” rồi lên xe chạy đi. Đến trưa cậu ta quay trở lại tìm tôi nói đã tìm được nhà và đã báo tin cho gia đình, còn nói thêm rằng má tôi đã qua đời, vừa mới chôn cất hôm qua. Nghe đến đó tôi bủn rủn cả tay chân, nhưng vẫn còn bán tín bán nghi. Đến chiều thì đưa em kể tôi là Chín Giáp cưỡi chiếc xe Suzuki cà tàng chạy đến nơi đóng quân tìm tôi và báo hết mọi chuyện. Lúc này tôi mới tin là má tôi đã qua đời thật, chợt thấy ruột quặn đau như bị ai cắt, bao nhiêu niềm vui và hy vọng phút chốc tan hết. Thế là con đường đã đi được 25 năm rồi, ước chi tôi có thể về sớm năm ngày, chỉ năm ngày cuối cùng của 25 năm thì chắc

chấn sẽ được gặp lại má tôi sau mấy mươi năm xa cách và thời khắc hai mẹ con gặp lại nhau sẽ là những phút giây mừng vui vô hạn. Nhưng... thế là hết. Niềm hy vọng và mong chờ suốt mấy mươi năm đã kết thúc như thế đấy. Nhưng biết làm thế nào được, chiến tranh vốn thật tàn nhẫn kia mà! Rồi tôi lại phải tự an ủi mình bằng một lý lẽ gượng ép, là nếu gặp được bà già nhưng sau đó bà lại qua đời thì chắc tôi sẽ còn đau đớn gấp bội, thôi thì thế này cũng còn dễ chịu đựng hơn, và tôi lại cố hướng suy nghĩ đến việc sắp được gặp lại anh chị em để làm niềm vui.

Sau đó tôi xin phép đơn vị cho về nhà chị Tư Hoa để thăm các anh chị em đang còn ở lại Sài Gòn. Về tới nhà tôi cúi đầu trước di ảnh của má tôi và cài mẩu vải đen trên ngực để chịu tang. Lúc này được biết có nhiều người trong gia đình cuộc sống đang gặp khó khăn trong thời loạn lạc tôi lấy số tiền Cụ Hồ mang từ miền Bắc về trợ giúp mỗi người một ít để chi tiêu qua ngày.

Tôi còn được nghe mọi người kể lại là cả gia đình chị Hai Thuần, trừ thằng Tuyên còn kẹt ở Vũng Tàu không về kịp, còn tất cả đều được thằng Khiêm là phi công trong Không lực Việt Nam cộng hòa cướp một chiếc máy bay vận tải C.130, đáp xuống sân bay Long Thành bốc cả nhà bay sang Singapore xin tị nạn. Không biết có phải do sự bảo lãnh của hệ thống giáo hội Tin Lành hay không mà sau đó cả nhà đều được di tản sang Mỹ. Nói thêm là sau này thằng Khiêm trúng tuyển lái máy bay cho hãng hàng không US Airways của Mỹ cho đến khi phát hiện bị ung thư và thay cả lá gan, mọi chi phí do hãng này đài thọ và sau đó cho nghỉ lái và được hưởng lương hưu suốt đời.

Hôm sau trở lại đơn vị thì nghe nói rằng tay Th., là cán bộ cùng đi trong đoàn, đã phê phán vắng mặt tôi là chưa gì mà đã xin về thăm gia đình, tôi nghe mà sùng hết sức. Cho nên lúc tay ấy gọi hỏi tôi chuyện bà già mất ra sao, tôi nói thẳng với tay ấy rằng: “Anh đừng có mà đạo đức giả, anh không có tư cách để hỏi tôi vấn đề đó.”

Những ngày này đi đến đâu cũng còn thấy bao nhiêu là quần áo, giày dép, và có cả súng ống đạn dược của quân Việt Nam cộng hòa vứt la liệt trên các đường phố, các ngõ hẻm, các miệng cống, mà cũng không ai màng gắp nhặt, bởi đó là những vật chết người thì đem về để mà mang họa hay sao?. Và khi chúng tôi đến bến Bạch Đằng, vào trong sân bay Tân Sơn Nhất thì thấy hàng loạt xe Honda dựng sắp lớp, hoặc ngã nghiêng lỏng chổng, những chiếc xe du lịch đậu lộn xộn, chúng tôi đã có những cuộc đi tản hắp tấp hỗn độn diễn ra tại những nơi này. Tuy chúng tôi cũng rất mê xe Honda nhưng cũng không ai có ý nghĩ mang về làm của riêng, còn ô tô thì khỏi phải nói, kể cả dân thành phố cũng không ai rớ đến. Tôi chỉ thấy những tốp người đến khuôn vác, hôi của tại các cơ sở làm việc của chế độ cũ đang bỏ ngõ nhưng không bị ai ngăn cản, kể cả các chiến sĩ của lực lượng tiếp quản mặc dù nó diễn ra sờ sờ trước mắt họ.

Còn dân thành phố thì cũng đã hoàn hồn và lũ lượt đổ xô vào khu trung tâm để coi mặt quân giải phóng, không khí hồ hởi phấn khởi lộ rõ trên nét mặt của từng người. Ai có thể tưởng tượng được sẽ có một sự tiếp xúc thân mật, cởi mở của những người dân thành phố đối với lực lượng quân đội mà mấy hôm trước đây họ còn gọi là “đối phương”, những người dân mà từ trước đến giờ chỉ có sống trong lòng của cái xã hội do chế độ cũ kiểm soát, và trong đó phỏng có bao nhiêu người lại có cảm tình với “Việt cộng” và “Bắc Việt”? Chưa kể việc bọn xấu còn hù dọa về một cuộc “tắm máu”, về việc rút móng tay móng chân phụ nữ, về việc chỉ được mặc các quần áo màu đen v.v... những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc đã từng gây nổi hoang mang lo sợ trong đại bộ phận những người dân đô thị. Không phải người ta chỉ tỏ rõ thái độ thiện chí, mà có nhiều người còn hăng hái tham gia giữ gìn an ninh trật tự trên đường phố, trong khu dân cư, dưới sự hướng dẫn của lực lượng giải phóng. Hôm nay nhớ lại chuyện này tôi chợt nghĩ, nếu không có những sai lầm trong lãnh đạo kinh tế và xã hội trong một thời gian dài sau giải

phóng, chắc chắn chúng ta sẽ khỏi đau lòng khi phải nhìn thấy cảnh một số không nhỏ đồng bào đang hồ hởi phấn khởi trên đây lại bất chấp hiểm nguy vượt qua biển cả bằng bất cứ phương tiện nào có được, rồi bỏ quê hương bất chấp mọi điều cấm cản để chạy ra nước ngoài sinh sống. Và không ít người đã phải bỏ xác ngoài biển khơi!.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp tôi đã từng một lần được chứng kiến lòng yêu nước của hàng ngàn hàng vạn đồng bào vùng tạm chiếm Sài Gòn khi họ cùng nhau ngang nhiên đi dự đám tang Trần Văn Ôn trước mắt kẻ thù xâm lược trong phong trào học sinh sinh viên Sài Gòn năm 1950, và hôm nay lại một lần nữa được chứng kiến lòng yêu nước đó cũng tại Sài Gòn này, thể hiện bằng sự nồng nhiệt đón chào quân Giải phóng vào tiếp quản thành phố. Trong cuộc đời của mình, 3 lần tôi được vinh dự làm người chiến thắng: một lần về tiếp quản Cao Lãnh, một lần giải phóng miền Bắc, và cuối cùng là lần giải phóng miền Nam.

Còn về phía quân Việt Nam cộng hòa, thì ý chí chiến đấu đã sụp đổ hoàn toàn. Chắc chắn là còn rất nhiều sĩ quan và binh lính của chế độ cũ vẫn đang còn ở lại trên đất Sài Gòn này, nhưng ban ngày cũng như ban đêm không hề nghe tiếng súng kháng cự của bất cứ đám tàn quân nào quấy phá trong thành phố mới giải phóng. Tôi chợt nghĩ, nếu cục diện là ngược lại thì kẻ địch sẽ khó được yên bởi những cuộc phản kích của ta, cũng giống như khi quân Pháp tái chiếm Sài Gòn vào tháng 9 năm 1945.

Tạm ổn định chỗ ăn ở, chúng tôi lại bắt đầu đi tìm các cơ sở kỹ thuật của chế độ cũ để tiếp quản. Có hai cơ sở có thể vào tiếp quản ngay là Lục quân công xưởng ở Gò Vấp và nhà máy sửa chữa các xe máy công trình ở đường Lê Văn Duyệt, nay là đường Cách mạng tháng Tám. Còn cơ sở sửa chữa radar thì đi tìm khắp mọi nơi nhưng không thấy, xuống nhà máy Ba Son cũng không có, còn đến chỗ mà người ta thường gọi là đài radar Phú Lâm

hoặc trạm radar Vũng Tàu thì thực ra đó chỉ là các trạm vô tuyến viễn thông. Cuối cùng phải lên tiếp quản Căn cứ 60 Truyền tin tại Gò Vấp, chuyên sửa chữa các loại máy thông tin và cung cấp các cơ phận rời của các loại máy truyền tin.

Trong căn cứ 60 Truyền tin này có một khu nhà dành riêng cho bộ phận được gọi là tác chiến điện tử, là nơi tuyệt đối bí mật, người không nhiệm vụ không được phép ra vào. Họ còn hù dọa là nơi đó có chất phóng xạ nguyên tử nên các nhân viên trong căn cứ đều khiếp sợ không dám tiếp cận. Không biết thực chất như thế nào chớ khi vào xem thì tôi còn thấy một số hiện vật “cây nhiệt đới”, là các thiết bị thu phát của hàng rào điện tử McNamara. Tôi nghĩ phải chăng đây là cơ sở tiếp nhận thông tin phát ra từ các “cây nhiệt đới” được khoanh vùng tần số của hàng rào điện tử bố trí dọc giới tuyến nhằm phát hiện và xác định khu vực mà quân đội miền Bắc đang xâm nhập vào miền Nam để chỉ điểm cho các lực lượng pháo binh và không quân đến oanh kích đánh phá? Có lẽ vì tính chất đặc biệt của nó nên khi đồng chí Võ Nguyên Giáp đến thăm đơn vị thì các đồng chí bên Bộ tư lệnh Thông tin cũng đưa đến thị sát cơ sở này.

Ngày 6-5-1975 tất các công nhân viên chức của căn cứ đều có mặt và chúng tôi tuyên bố bắt đầu khôi phục lại hoạt động. Đến ngày 10-5-1975, có quyết định của Tổng cục Kỹ thuật thành lập nhà máy Z-755 trực thuộc Tổng cục và tôi được chỉ định làm trưởng phòng vật tư. Đây chẳng qua là chia việc cho nhau mà làm trong số các anh em đi tiếp quản chớ đâu phải căn cứ vào khả năng chuyên môn của từng người mà quyết định, bởi tôi nào có am hiểu sâu về lĩnh vực này. Nhưng tôi cũng biết bắt tay vào việc làm cần thiết đầu tiên là sắp xếp kiểm kê lại một khối lượng to lớn linh phụ kiện và vật tư với trên 26.000 chủng loại, trị giá theo sổ sách lúc bấy giờ là trên 6 triệu USD, đã bị các đơn vị bộ đội chiếm đóng lục soát làm tung tóe khắp mọi nơi. Kế đến là khôi phục lại nề nếp theo dõi

cấp phát vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất thường xuyên hoặc đột xuất của đơn vị.

Đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với những con người của chế độ cũ và phụ trách trên 100 người trong phần việc của mình. Không ít người trong số họ nói với tôi rằng các anh là người chiến thắng, nhưng tôi thì không hề có quan niệm đó, bởi tôi nghĩ rằng chiến thắng là chiến thắng đối với cả Mỹ và chế độ Việt Nam cộng hòa, còn đối với họ tôi cũng chỉ cho đó là những công nhân viên chức quốc phòng mặc áo lính, cũng giống như những công nhân viên chức quốc phòng mà tôi từng phụ trách trước đây, họ đâu có trực tiếp cầm súng bắn giết ai, cũng chẳng qua do hoàn cảnh lịch sử mà họ bị bắt buộc phải ở chiến tuyến bên kia, thế thôi. Và đó cũng là một trong những thiệt thòi của người dân miền Nam từ sự phân chia Nam Bắc qua Hiệp định Genève năm 1954, bởi lúc đó nếu sự phân chia là ngược lại thì những anh em này cũng sẽ giống như anh em công nhân quốc phòng ở miền Bắc của tôi trước đây mà thôi. Tôi cũng đã nói với họ rằng tôi chỉ là người đi trước, có nhiều hiểu biết hơn và sẽ có trách nhiệm dìu dắt họ đi trên con đường mới. Một điều lạ là tôi rất yêu mến họ, cũng như tôi từng yêu mến anh em trong phân xưởng của tôi trước đây, tưởng như họ không phải là người đã từng ở bên phía thù địch vậy. Nguyên nhân ư? Cũng có thể là do cách suy nghĩ nói trên, mà cũng có thể là do trong số em cháu của tôi cũng có những người đã từng ở phía bên kia, và trong gia đình tôi cũng không ai bị bọn Mỹ và chế độ Việt Nam cộng hòa sát hại nên không có mối hận thù xương máu riêng tư, và chẳng nếu nói căm thù thì cũng chỉ cảm nhận bằng lý trí về mối thù chung của dân tộc mà thôi. Nhưng về phía họ thì có lẽ họ không nghĩ như tôi nghĩ, và trong lòng vẫn chưa hẳn là đã tin lời tôi nói nên mọi người vẫn có vẻ sợ sệt, mọi việc tôi phân công đều làm răm rắp, không những trong công việc chuyên môn nghiệp vụ mà kể cả những việc mà họ chưa từng phải làm

như các cô thư ký đang mặc áo dài móng tay sơn đỏ mà phải ra sân nhổ cỏ, rồi phải quần vạt áo dài quanh lưng để đẩy xe dọn dẹp vệ sinh, quét nhà quét cửa v.v...

Sau khi tôi chuyển ngành, có lúc trở lại đơn vị gặp họ, họ mới vui vẻ kể rằng trong thời gian đầu mỗi khi tôi đi qua rồi thì họ “xé giấy tẹt tẹt”, hỏi tại sao thì họ bảo do run mà viết sai hết. Họ còn bảo rằng giám đốc nhà máy họ không sợ nhưng rất sợ tôi, bởi có cái “uy” thế nào ấy, mà cứ lù lù đi tới đi lui, tôi nghe mà buồn cười chết được. Và tôi cũng biết chắc rằng vì cách đối xử của tôi đối với họ hoàn toàn khác với các cấp chỉ huy trước đây của họ nên đã từng bước xóa được khoảng cách, tạo được sự yêu thương nên họ mới có sự thổ lộ thoải mái và chân tình như thế. Họ còn quý mến tôi do tôi biết quan tâm đến đời sống vật chất của họ vốn đang rất khó khăn, như trong hoàn cảnh cấm chợ ngăn sông, không cho phép để một cân gạo được đưa ra ngoài ranh giới tỉnh, huyện, tôi đã dùng xe quân sự đi Đồng Tháp liên hệ mua gạo về cung cấp thêm cho họ, hoặc cho phép họ đem số nhu yếu phẩm được cấp hằng tháng ra chợ bán, một điều đang bị cấm, và tôi chịu trách nhiệm về việc làm này, bởi ai có phê phán thì tôi cãi lại, nói rằng đây là chế độ họ được hưởng chứ đâu phải do xin xỏ mà có, và như thế là tôi dẫn đầu dẹp bỏ cái quy định bất hợp lý này. Chưa nói đến cái khôi hài của tiêu chuẩn: đàn ông cũng được cấp kim chỉ, còn phụ nữ thì cũng được cấp thuốc lá!

Rồi tôi còn đề xuất với nhà máy lập một trạm cơ khí chuyên sửa chữa máy cày, máy kéo tại xã Mỹ Quý huyện Cao Lãnh lấy tiền mua lương thực, thực phẩm về cải thiện đời sống anh em. Việc đưa máy móc, thiết bị, vật tư từ Sài Gòn đến xã Mỹ Quý ở Đồng Tháp Mười, nơi chưa có đường giao thông bộ quả là một kỳ công. Tôi cho chở tất cả các thiết bị, vật tư và một chiếc thuyền máy “ô bo” trên xe “lô bồi”, cùng một chiếc xe cần cẩu đi theo, chạy đến Cầu Xéo thuộc huyện Cái Bè thì cho dừng xe ở đầu cầu

rồi dùng cần cẩu móc thuyền máy thả xuống sông, sau đó lại cẩu các thiết bị cơ khí như máy tiện, máy hàn... thả xuống khoang thuyền và cho nổ máy chạy dọc theo kênh về đến Mỹ Quý. Đến đầu người dân cũng bị đánh động vì tiếng nổ rân trời của chiếc “ô bo”, nên chạy tủa ra bờ kênh xem chuyện lạ. Rồi chợ Mỹ Quý cũng phồn vinh hẳn lên kể từ ngày có xưởng cơ khí của bộ đội về nơi thâm sơn cùng cốc này để sửa chữa máy cày máy kéo cho dân. Cũng có chuyện vui, lần đầu tiên các cô thư ký gốc Sài Gòn hoa lệ của tôi đã đến tận nơi thôn dã này làm việc và tập ăn được các món đồng quê như thịt chuột, mắm đồng, bông điên điển, rau muống đồng, rau mác v.v...

Lại có một chuyện khác mà tôi còn nhớ là có một lần tôi phát hiện một can xăng 20 lít được giấu trong nhà xí. Tôi suy nghĩ và đoán chắc chỉ có hai anh tên M. và tên L. mới có điều kiện làm được việc đó. Tôi bèn gọi cả hai anh ấy đến, nói rõ suy đoán của tôi và hỏi thẳng có phải chính hai anh làm việc này không, và nói thêm rằng nếu tôi mà phục bắt thì đừng có hòng mà thoát. Các anh đều thành thật khai nhận, nói lý do là gia đình quá túng thiếu, muốn lấy xăng đem ra ngoài bán để có được ít tiền chi tiêu. Tôi bảo đừng bao giờ làm điều sai trái như thế, yêu cầu phải mang can xăng trả lại kho, rồi móc túi lấy phiếu cung cấp xăng của cá nhân tôi đưa cho các anh, bảo cứ ra cây xăng mà mua chớ đừng có làm như vậy. Có lẽ cách xử sự đó của tôi đã để lại ấn tượng tốt trong lòng các anh, nên sau khi các anh đã về hưu, lúc tôi có yêu cầu người đến làm việc trong xưởng của con trai tôi, thì một trong hai anh rất sẵn sàng đến giúp và làm việc rất tận tụy.

Về phía bà con, thì sau khi vào thành phố tôi đã gặp lại chú Chín Nam, người mà tôi rất có nhiều tình cảm và không bao giờ quên trong suốt mấy mươi năm sau chuyến cùng thi rớt vào trường Trung học Mỹ Tho năm 1944, nghĩa là trên ba mươi năm xa cách. Chú ở một mình trong ngôi biệt thự, vợ con đều di tản sang Mỹ trong những ngày sắp giải phóng. Gặp nhau quá đổi là

mừng, bởi chúng tôi vừa có quan hệ chú cháu, vừa cùng trang lứa, vừa có những kỷ niệm sâu sắc khi xưa, lại trong cái không khí Sài Gòn mới giải phóng, mà cũng không ngờ rằng tôi lại là một sĩ quan quân đội cách mạng. Chú bảo tôi về ở chung, tôi bằng lòng ngay bởi nghĩ rằng sự có mặt của tôi vừa làm cho chú vui vì được sống chung với người bạn cũ trong khi vợ con đã đi xa, mà cũng khiến chú vững lòng vì sự có mặt của một sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam trong nhà, điều mà trong những ngày tháng mới giải phóng không phải người dân thành phố nào muốn cũng có được. Tôi xúc động vì chú là người đầu tiên chở tôi đến nghĩa trang tìm mộ má tôi, dọc đường còn mua hoa đến đặt trên mộ, điều mà tôi chưa hề nghĩ tới và cũng chưa làm bao giờ. Cũng nhờ chú tôi mới biết đường đến thăm mộ, về sau tôi tự đến và mỗi lần đến là một lần tôi bị xúc động.

Đây là những vần thơ bày tỏ nỗi lòng thương tiếc cha mẹ thân yêu:

*“Giẫm đấm cỏ hoang vào nghĩa địa
Sè sè nắm mộ lạnh đơn côi
Chợt cảm thấy lòng buồn thấm thía
Con đã về đây má đâu rồi.*

*Con đã xa má mấy mươi năm
Sống trên đất Bắc thật xa xăm
Không bao giờ quên hình ảnh má
Cực nhọc lắm than sống lặng thẳm.*

*Má đã đi rồi xa các con
Đứa thì ngoài Bắc đứa trong Nam
Một bàn tay má nuôi khôn lớn
Chữ hiếu chúng con báo chẳng tròn.*

*Đến thăm mộ Mẹ lại nhớ Cha
Một đời phiêu bạt khắp gần xa*

Chỉ mong cuộc sống được no ấm
Cho vợ cho con cho mẹ già.

Gánh nặng gia đình Cha gắng lo
Tiếc thay chẳng được phước trời cho
Cả đời lận lội thân cò cốc
Tay trắng ra đi tay trắng về.

Nhưng tấm lòng Cha thật bao la
Thương yêu con cái mãi đến già
Có những đứa con đi xa lắm
Mỏi mắt chờ mong vẫn ráng chờ.

Riêng đối với tôi Cha rất thương
Được Người dẫn dắt khắp nẻo đường
Bao lần khờ dại Cha chẳng trách
Lại quá khen tôi biết nhún nhường.

Cha tôi lại có mối tình riêng
Tôi có “Dì Hai” lại có em
Thuở nhỏ bệnh mẹ tôi căm ghét
Lớn lên hiểu đời mới biết thương.

Xót cảnh Mẹ Cha nghèo quá nghèo
Tháng ngày luống chịu cảnh gieo neo
Suốt đời trả mãi chưa hết nợ
Nhắm mắt xuôi tay nào thoát eo.

Cha Mẹ đều tin Đức Chúa trời
Cuộc sống đời này chỉ tạm thôi
Thiên Đàng rộng cửa đang chờ đón
Linh hồn được cứu sống đời đời”.

Tôi cũng có dịp đến thăm các anh chị em của chú, những người mà thuở nhỏ tôi hằng quý mến, những người con của một gia đình vừa có địa vị trong xã hội vừa có nền nếp, lại tốt bụng với bà con. Đáp trả lại, tôi cũng nhận được sự thương yêu và quý trọng của mọi người, bởi từ một đứa trẻ con nhà nghèo và cũng từng nổi tiếng là phá làng phá xóm, nay đã trở thành một sĩ quan của quân đội cách mạng. Trong gia đình này tôi rất mến cô dưỡng Sáu Lộ, nhà ở trong cư xá Ngân hàng huyện Nhà Bè. Tuy ở xa nhưng tôi thường đến thăm vì cô dưỡng và hai em Loan, Liêm đều rất vui tính, đối xử rất chân tình. Những lần tôi đến thăm, cô dưỡng có dịp được tôi giải đáp những vấn đề còn băn khoăn chung quanh các chính sách của cách mạng đối với những người của chế độ cũ, bởi dưỡng vốn là nhân viên ngân hàng, còn chồng em Loan lại là một bác sĩ quân y đang đi học tập cải tạo.

Khi dưỡng Hai qua đời, tôi giúp mua mấy bao xi măng trong thời đang khan hiếm để xây mộ. Sau đó tôi lại được cô Hai tặng cho một bộ ấm chén, chắc là để cảm ơn, và đây cũng một cách trả lễ mà khi còn ở miền Bắc tôi chưa được biết đến.

Tuy nhiên vào năm 1980, khi tôi từ Đồng Tháp trở lên sau ba năm xa cách thì rất tiếc là phần lớn các cô chú kể cả chú Chín Nam đã vượt biên ra sống ở nước ngoài, một mặt bởi cuộc sống gặp nhiều khó khăn so với mức sống khi xưa, mặt khác có lẽ họ không chấp nhận sống dưới chế độ này. Rồi càng buồn hơn là không biết vì lý do gì mà vào cuối năm 2011 khi hai vợ chồng tôi đến thăm gia đình chú nhân chuyến đi Mỹ mừng sinh nhật chị Hai 95 tuổi thì chú tỏ ra lạnh nhạt đến mức không thể ngờ, và còn mĩa mai là “đại gia” thừa tiền đi du lịch. Tôi suy nghĩ mãi phải chăng lý do chính là việc chúng tôi đã trở thành chủ sở hữu ngôi nhà xưa kia của chú đã bị nhà nước tịch thu khi vượt biên rồi bán hóa giá cho gia đình chúng tôi?. Nếu chính là vì lý do đó thì vô phương hòa giải!.

Ngoài gia đình các cô chú là con của ông bà Bảy, còn có gia đình của cháu Hạnh, là cháu nội của bác Ba Vẹn, từng sống chung một nhà với tôi từ thuở nhỏ nên cũng hết sức vui mừng khi gặp lại tôi, mặc dù có người chồng là sĩ quan và người anh ruột là một đại tá Việt Nam cộng hòa. Tôi gọi bằng cháu theo vai vế chứ thực ra tôi chỉ lớn hơn có một tuổi. Tuy nhiên tôi lại có cảm giác như mình lớn hơn cháu rất nhiều, có lẽ vì cháu có thân hình nhỏ nhắn, còn tôi thì cao to, lại có cái già dặn của người lính. Cháu là giáo viên dạy môn văn ở một trường trung học bên quận 4, chồng là sĩ quan chế độ cũ đang đi học tập cải tạo. Cháu là một con người rất tốt bụng, đã hỗ trợ rất nhiều cho cha con tôi trong thời gian chúng tôi mới về Sài Gòn. Khi chồng của cháu được mãn hạn học tập cải tạo, tôi lại nhờ xe Zeep của đơn vị đưa về sống tại xã Tịnh Thới vốn là quê hương của cháu. Rồi vợ tôi cũng nhờ có mối quan hệ quen biết mà xin cho cháu được chuyển từ Quận 4 về dạy trong một trường trung học ở Quận 1, gần gia đình. Hai việc này khiến các cháu thực sự cảm kích, bởi cho rằng chúng tôi không những không có sự kỳ thị mà còn chịu giúp đỡ người thân vốn là người của chế độ cũ. Buồn cười là sau khi vượt biên sang Mỹ, cháu Hạnh còn gửi thư về hỏi rằng việc cháu vượt biên như thế có ảnh hưởng gì đến vợ tôi hay không, một câu hỏi buồn cười nhưng cũng thật đáng thương!.

Tôi cũng tìm đến nhà thăm cậu Út, tức bác sĩ Nguyễn Sanh Châu, một người vốn rất khó tính, người mà năm xưa đã từng có câu nói làm tôi hết sức tự ái và xách gói ra đi không một tiếng chào. Tuy không quên chuyện cũ, nhưng tôi vẫn đến thăm cậu, bởi thấy cậu vẫn là người yêu quê hương đất nước nên mới không đi di tản, mặc dù cậu rất có điều kiện, và tất cả các con cháu của cậu đều đang sống ở nước ngoài. Tôi cũng rất mến mộ Út vốn là con người hiền hậu và tốt bụng, mặc dù xuất thân từ một gia đình giàu có vào bậc nhất nhì Cao Lãnh, nhưng mẹ lại rất thương yêu các anh chị em và con cháu nghèo khó bên

nhà chồng. Sau 35 năm xa cách, hôm nay tôi đã khôn lớn, đã đi theo cách mạng, vị thế xã hội đã khác và lại là người đầu tiên trong những anh chị em đã tham gia cách mạng bên họ ngoại đến thăm cậu ngay sau khi Sài Gòn mới giải phóng nên đã được cậu mợ rất quý mến. Cậu đã bước tới ôm chặt hồi lâu khi tôi vừa bước chân vào nhà, điều mà trước đây có lẽ không bao giờ có với bất cứ người nào trong bà con. Tất nhiên từ đó về sau thì cách đối xử của cậu với tôi cũng hoàn toàn khác xưa. Cậu mợ sống thêm mấy năm ở Sài Gòn, sau đó vì già yếu mà cuộc sống lúc bấy giờ quá khó khăn, nên được các con bảo lãnh qua sinh sống bên Pháp và cả hai đều qua đời ở tuổi trên 90. Chỉ tội nghiệp là đến tuổi già thì cậu mợ đều được đưa vào sống ở trại dưỡng lão, mợ thì bị lú lẫn, cậu bảo gì mợ cũng trả lời bằng một tiếng “không”, nên làm gì thì cậu đều phải năn nỉ.

Nhìn lại thì trong những ngày mới giải phóng về Sài Gòn tôi đã được khá nhiều người trong dòng họ cũng như những người từng quen biết với gia đình tôi khi xưa tỏ vẻ quý trọng. Tôi chợt ngộ ra rằng, từ một đứa con nhà nghèo, cha mẹ thuộc tầng lớp dưới, không có tài sản gì đáng giá hoặc một danh vọng gì trong xã hội, còn bản thân tôi nếu so với lớp cùng trang lứa thì cũng chẳng hơn ai, vậy mà hôm nay lại được người ta khen ngợi và nhìn mình với cặp mắt ngưỡng mộ, tôi cảm thấy mình đã chọn đúng con đường đi của cuộc đời. Tuy không nói ra, nhưng trong lòng tôi cũng cảm thấy thực sự vinh dự và tự hào. Và có lẽ đây cũng là cảm nhận chung của những anh em nhà nghèo từng đi theo con đường cách mạng như tôi.

Trong những ngày mới về tôi hết sức bất ngờ vì đã được gặp lại cô Mười là người trước đây đã đồng ý cưới tôi làm chồng, nhưng do thời thế mà cuộc hôn nhân đã không thành. Đáng thương và cũng đáng quý vì dù không có bất cứ lời hẹn ước nào khi chia tay nhưng cô vẫn giữ trọn tình yêu đối với tôi và kiên trì chờ đợi suốt mấy mươi năm. Việc này tôi đã được biết từ

mấy năm trước, hôm nay gặp lại mà biết cô vẫn ở như thế nên thấy thương cô vô cùng, nhưng tôi đã có vợ có con, sự tình đâu thể đổi thay! Và hình như cô cũng biết tôi đã có gia đình nên trong thái độ cũng tỏ ra khá giữ gìn, cũng không bên nào nhắc lại chuyện xưa. Sau đó ít lâu nghe tin trong một lần dự mít tinh chào mừng chiến thắng cô bị bọn Hòa Hảo ném lựu đạn bị thương thủng ruột nằm ở bệnh viện Cao Lãnh, tôi có xuống tận nơi thăm. Tôi thật thà hỏi là có cần tiền không, với ý định là muốn giúp đỡ khi hoạn nạn nhưng cô bảo là không cần. Sau này nghe cô có trách rằng muốn cho thì cho, sao lại hỏi thế làm gì, tôi mới nhận thấy sao mình lại thiếu tế nhị như vậy, vì như thế rất có thể làm cho người ta cảm thấy bị xúc phạm, và cũng dễ làm cho người ta hiểu rằng mình khách sáo chớ không thật lòng. Lại cũng có một chuyện khá bất ngờ là cũng trong chuyến về Cao Lãnh lần đó có một người bà con, hình như là bà Dì của cô, biết chuyện nên bảo tôi cứ cưới cô làm vợ hai đi. Tôi hiểu rõ đó là lời nói rất thật lòng và rất nghiêm chỉnh bởi thấy cô đã ở vậy chờ đợi lâu dài mà ngày nay gặp lại thì tôi đã có gia đình riêng mất rồi, một lời gợi ý hoàn toàn xuất phát từ tình thương đối với cả hai đứa. Thế nhưng điều đó đâu có thể được, một là vì tôi phải có trách nhiệm với gia đình riêng của tôi, hai nữa là với danh phận cán bộ cách mạng thì làm sao tôi có thể làm như vậy được. Sau này trong ba năm công tác ở Đồng Tháp rất nhiều lần tôi về làm việc ở Cao Lãnh, nhưng tôi đều “né” không gặp cô, mặc dầu nghe người thân kể lại là cô đã nhiều lần thăm dò hỏi han tin tức về tôi. Sở dĩ tôi xử sự như thế vì mấy lý do. Trước tiên là tôi hiện đang công tác xa gia đình, nếu có sự đồn đại gì đó thì trước hết tôi sẽ bị mang tiếng, mà vợ con cũng có thể nghĩ một thành hai, hai thành ba, hạnh phúc gia đình sẽ bị ảnh hưởng. Thứ đến là tôi thấy ở tuổi đó cô còn có thể lập gia đình, nếu tôi không dứt khoát thì chắc là cô cũng sẽ không dứt khoát với tôi, sẽ không bao giờ xây dựng một gia đình mới cho mình. Còn bản

thân tôi, tôi cũng dè chừng, biết đâu tôi sẽ không giữ được mình khi thường xuyên tiếp xúc, và điều đó thật tai hại khó lường.

Bảng đi một thời gian dài trên ba mươi năm, trong lần cô Năm Huệ lên Sài Gòn thăm chị Bảy Liên bị bệnh nặng, tôi có hỏi chơi chơi là có biết cô ấy lúc này như thế nào không, thì cô Năm cho biết là cô ấy vẫn ở vậy một mình, không chồng không con. Và khi có người hỏi lý do thì cô bảo chỉ thương có một người, nhưng không thành thì không thể thương ai khác, hỏi người ấy là ai thì cô quyết không nói. Cô Năm lại trách tôi, có biết người ta đang sống một mình, tiền bạc túng thiếu, lại thường xuyên bệnh tật không mà sao không hỏi thăm giúp đỡ gì cả?. Cô còn chê tôi dỏ hơn ông Mười Nhỏ là người anh chú bác với cô, cũng hoàn cảnh tương tự nhưng người ta xử lý rất tốt, Tết nhất hai bên vẫn đến thăm viếng nhau. Lại một lần nữa buộc tôi phải suy nghĩ. Tôi bèn đem sự việc nói rõ với hai con, tham khảo ý kiến chúng nó về ý định tôi đến thăm viếng giúp đỡ thì chúng đều thấy như vậy là được, miễn là cô ấy vui lòng chấp nhận. Và con gái Bạch Dương đã tự mình đi đến tận nơi gặp gỡ hỏi han thì thấy sự thể đúng là như vậy. Thấy tình cảnh đó con gái rất thông cảm nên trước khi ra về có gọi lại một ít tiền để hỗ trợ phần nào các khó khăn của cô. Và con gái cũng khuyến khích tôi đi thăm bởi thấy hoàn cảnh hiện tại của cô rất tội nghiệp. Nói thì dễ, nhưng đối với tôi thì phải suy nghĩ có cách xử lý phù hợp. Sau đó tôi đã quyết định về thăm lại cô, và cô cũng cảm thấy hết sức bất ngờ, bởi chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ có cuộc hội ngộ này. Điều đầu tiên tôi cảm nhận là qua thái độ và cách nói năng thì cô vẫn còn thương tôi như xưa, đầy tình cảm và không e dè khách sáo. Và trong đêm đó tôi cũng không ngần ngại ở lại nhà cô bởi vì chúng tôi là những người đã từng hứa hôn với nhau khi xưa, chỉ vì do hoàn cảnh mà không cùng sống chung với nhau được mà thôi. Và sau này tôi cũng thỉnh thoảng đến thăm cô khi có dịp, và tôi biết rằng cô cũng rất mong có nhiều dịp như thế...

Chẳng mấy ngày sau khi về Thành phố tôi đã tìm đến số nhà 13 Cité Nguyễn Văn Dưỡng mong gặp lại gia đình đã từng cho tôi ở trọ thời còn đi học để có lời cảm ơn và xin lỗi về chuyện cũ, nhưng rất tiếc là cả nhà đã rời khỏi nơi đó không biết từ bao giờ, tôi đến hỏi những gia đình chung quanh cũng không ai biết bởi thời gian đã quá lâu mà xã hội thì đã có bao nhiêu đổi thay! Tôi ra về mà lòng dạ bồi hồi luyến tiếc.

Mấy tháng sau, khi công việc đã ổn định, trong dịp xuống Cần Thơ tôi cũng muốn tìm lại người bạn gái đầu tiên thuở học trò là cô Lê Thanh Liễu. Tôi đã cố nhớ đường đi và tìm đến ngôi nhà của cha mẹ cô khi xưa, nhà thì còn đó, nhưng chủ cũ thì không còn. Tôi lại được người hàng xóm cho biết là gia đình vẫn còn một người con ở số nhà X... trong Tham Tướng là vùng ngoại ô của thành phố Cần Thơ. Lúc đó đã 7-8 giờ tối, trời lại mưa lâm râm, nhưng tôi không còn nhiều thời gian ở Cần Thơ, và cũng nóng lòng muốn gặp lại người bạn cũ nên cứ chạy Honda đi tìm trong đêm. Đến nơi hỏi thì đúng là nhà cần tìm, nhưng người chủ không phải là cô mà là người chị độc thân tên là Lại. Chị cho biết cô Liễu hiện đang ở Sài Gòn, là chủ cây xăng ở góc đường Trần Hưng Đạo - Nguyễn Biểu. Tuy chưa tìm thấy người nhưng tôi rất mừng là đã có manh mối chắc chắn. Mấy hôm sau về Sài Gòn tôi ngồi xe Zeep đi tìm, đến nơi tôi chạy thẳng vào cây xăng thì thấy cô đang đứng thu tiền và nhận ra ngay. Tôi mừng quá nhảy xuống đi thẳng đến bên cô và mặc dù đã biết đúng là cô rồi nhưng tôi vẫn hỏi: “Cô có phải là cô Liễu không?”. Thấy tôi mặc quân phục và đi xe Zeep nhà binh cô sợ quá miệng nói liên hồi: “Tôi là nhân viên nhà nước mà! Tôi là nhân viên nhà nước...”. Thấy cảnh đó tôi thương quá nên nói nhẹ nhàng: “Anh là Trảo đây mà!”. Lúc đó cô kịp nhận ra tôi tuy đã mấy mươi năm xa cách, và có lẽ cũng hết sức bất ngờ nên ngơ ngàng nhìn tôi trân trân và hỏi lại: “Anh Trảo đó hả?” nói mà ánh mắt lộ rõ niềm vui. Sau đó cô bảo đưa con trai dẫn tôi về nhà ở đường Trần

Hưng Đạo rồi trở về nhà tiếp chuyện với tôi. Đến nhà, giữa tôi và cô cứ hỏi và đáp bao nhiêu chuyện đã qua, trong đó cô cũng có lời trách nhẹ là tại sao tôi ra đi mà không nói gì với cô hết!”. Lúc vào đến nhà tôi đã thấy người chồng đang bê đĩa com xúc ăn bằng thìa và trong suốt thời gian từ khi tôi mới đặt chân đến cho đến khi tôi cất bước ra đi vẫn một thái độ lạnh lùng không muốn bắt chuyện, mặc dù cô Liễu đã giới thiệu là bạn học cũ. Khi ra về, cô còn bảo tôi lúc nào rảnh rồi thì đến dẫn cô vào bệnh viện Thống Nhất thăm người bác ruột là bác Lê Văn Huấn, một trí thức kháng chiến. Tôi hứa, nhưng sau đó nhớ lại thái độ lạnh nhạt của người chồng nên tôi đành thất hứa và từ đó về sau không một lần gặp lại.

Cũng trong những ngày mới giải phóng tôi lại về Cao Lãnh là nơi chôn nhau cắt rốn của mình, tuy biết rằng những người thân yêu ruột thịt nhất cũng không còn được mấy người. Tôi may mắn được gặp lại chú thím Ba Sảo, những người đã từng cứu mang gia đình tôi trong những ngày tháng tản cư khó khăn nhất. Nhưng rất buồn là chú đã bị tai biến mạch máu não, suốt ngày chỉ nằm trên vông, gặp tôi chỉ cười cười mà không nói năng được gì. Tôi không biết chú có còn nhớ những lời dặn dò đối với tôi khi xưa hay không, những lời ân cần khuyên nhủ của chú, một đảng viên cộng sản đối với một đứa cháu trước khi đi xa làm nhiệm vụ. Nhưng tôi thì không bao giờ quên những lời dặn dò đó, cũng như không bao giờ quên những lời khuyên răn của những bậc cha chú, những lời chỉ dạy đã góp phần giúp tôi nên vóc nên người để có thể không hổ thẹn khi trở về thăm và đứng trước mặt chú. Còn thím Ba thì răng rụng hết trơn, cái miệng móm xòm, ăn trầu phải dùng ống ngoáy. Trong mấy đứa con của chú thím có thằng Năm Tấn và thằng Bảy Trục đã hy sinh, còn lại đều đã lớn khôn, có vợ có chồng. Phải nói thật là gặp lại gia đình chú thím Ba tôi mừng hết sức bởi đây là một gia đình mà chúng tôi coi thân như ruột thịt, và trong mấy người

con của chú thím cũng không có ai tham gia chế độ cũ. Cả nhà chú đều kiên trì bám trụ trên mảnh đất xưa, mảnh đất đã có biết bao kỷ niệm với gia đình chúng tôi cũng như đối với riêng tôi, mảnh đất đã bao nhiêu lần giành qua giặt lại giữa ta và địch. Trở về Cao Lãnh và được trở về Mỹ Quý là điều tôi hằng mong ước khi tôi bước chân ra đi mấy mươi năm trước. Lại là một Mỹ Quý được giải phóng và hòa bình, một Mỹ Quý vẫn giữ được nhiều nét của cuộc sống thôn dã đáng yêu như xưa.

Tôi cũng vui mừng gặp lại anh Năm Hào là rể của bác Ba Vẹn, người đã từng chọn những con cá rô mề thật mập để tôi nướng ăn cho “sướng”, gặp thằng Tư Lộc con chú Ba Sảo, thằng Năm Ty con chú Tư Chiểu, thằng Trứ con chú Bảy Mầu là những bạn cùng trang lứa khi xưa. Nhìn lại mấy đứa nó tôi mới thấy rõ đã có sự khác biệt, tuy nó vẫn là những nông dân cần cù chất phác, quanh quẩn trong mảnh đất nhà, sống với vợ con, còn tôi thì đã có nhiều trải nghiệm và trở nên già dặn hơn, có nhiều hiểu biết hơn về nhiều mặt xã hội kinh qua nhiều môi trường hoạt động khác nhau kể từ ngày thoát ly gia đình.

Rồi tôi lại trở ra thị xã Cao Lãnh, nơi tôi sinh ra và lớn lên, và cũng là nơi có nhiều kỷ niệm trong thời gian tôi trở lại nơi đây trước ngày lên đường tập kết ra miền Bắc. Thế nhưng mọi việc đều thay đổi khác hẳn, kể cả tên tỉnh cũng đổi thành Kiến Phong, rất khác lạ. Theo nhận xét của tôi từ khi trở về miền Nam thì ở Sài Gòn cũng thế, mà ở Cao Lãnh này cũng thế, cả xã hội đã có sự xáo trộn ghê gớm, sự chia rẽ dân tộc đã hiện hữu trong từng gia đình, đa số đều có người ở bên này và cũng có người ở phía bên kia, rất khác so với thời chống Pháp trước đây. Ví dụ như gia đình chú Năm Phục, chú có con ruột là anh Tư Nha là bộ đội từ miền Bắc tập kết về, nhưng lại có đứa con kế tên Phải là lính hải quân và hai người rể là đại úy và thiếu tá trong quân đội Việt Nam cộng hòa. Và ngay trong gia đình tôi cũng thế, có ba anh em đi theo cách mạng, còn một đứa em và một lô

một lốc những đứa cháu lại ở phía bên kia. Rồi cũng có sự cách biệt khi đoàn tụ gia đình sau ngày giải phóng, có nhà thì sum họp vui vầy vì được gặp lại nhau, nhưng cũng có nhà thì người từ hai phía lại không thêm nhìn mặt nhau và khi nói chuyện thì đốp chát với nhau từng câu một.

Tôi đã đến thăm và ngủ đêm tại nhà chú Năm Phục là tín đồ Tin Lành. Vì gia đình tôi từng là “đạo hữu” với chú thím khi xưa, nên khi gặp lại thì chú thím hết sức mừng rỡ và quý mến tôi, kể cả hai đứa con gái và chồng chúng cũng thế. Rồi ngài đại úy Việt Nam cộng hòa là chồng của Út Chín, lại trở tài làm món chuột nướng chao để đãi viên đại úy cộng sản. Ở trong cái gia đình “xôi đậu” này, hình như trong những ngày đầu thì không có sự hiện diện của không khí “địch ta” làm cho tôi thật cảm thấy thoải mái khi tiếp xúc. Thế nhưng sau này, khi hai chàng rể bị bắt đi học tập cải tạo trong thời gian khá lâu mà chưa được cho về thì hai đứa con gái lại thù cộng sản hết biết. Chúng đâu biết rằng việc quản lý giáo dục các sĩ quan của chế độ cũ là cực kỳ khó khăn, vừa phải đảm bảo an ninh quốc gia, vừa làm công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rất nhiều yêu cầu khác nữa, chưa nói đến việc tác động của các thế lực thù địch, nên không thể ngày một ngày hai mà có thể trở về đoàn tụ gia đình. Mà một công việc khó khăn phức tạp như thế thì khó được trọn vẹn nên việc gây phản cảm đối với không ít gia đình sĩ quan chế độ cũ là điều dễ hiểu.

Phía gia đình tôi thì bà nội, bác Ba, cha mẹ và những người lớp cô dì chú bác hầu hết đã qua đời, chỉ còn lại một vài người thuộc lớp con cô con cậu, nên tôi thật sự cảm nhận sự thiếu vắng. Và ở cái chợ Cao Lãnh nhỏ bé này, sự trở về của tôi cũng nhanh chóng được nhiều người trong bà con biết đến, bởi số ra đi kháng chiến mà sớm có dịp trở lại như tôi không phải là nhiều. Rồi cũng giống như khi ở Sài Gòn, cái tư cách cán bộ quân đội cách mạng đã khiến tôi đi đến đâu cũng được người ta

quý mến. Vì vậy tuy không phải chuyển về Cao Lãnh lần này là để “bái tổ vinh quy”, nhưng cũng làm cho tôi có phần cảm thấy nở mày nở mặt với bà con hàng xóm. Nhưng trong số các con các cháu gần xa của tôi cũng có khá nhiều người dính đến chế độ cũ, và sự có mặt của tôi cũng không thể giúp ích gì để tháo gỡ cho chúng như điều mà cha mẹ chúng hằng mong muốn nên nhiều khi cũng bị hờn trách. Mà những chuyện khó xử như thế này không chỉ có trong những ngày đầu tiên mới giải phóng mà mãi về sau này có khi cũng còn gặp phải.

Mỗi lần nhắc đến chuyển về Cao Lãnh đầu tiên, thì tôi lại nhớ lại câu chuyện vui là việc một người thân tên là Ba Đẩu đã xúi tôi đi hù dọa một đứa cháu rể có dính líu với chế độ cũ, một việc làm rất phù hợp với tính nghịch ngợm của tôi. Khi anh dắt tôi đến nhà, thấy nó và một lũ con lóc nhóc đang ngồi quanh bàn ăn cơm anh bèn nói to: “Thưa ông, chính nó đó!”. Thấy tôi mặc quần áo bộ đội, mang súng ngắn, mà bị “chỉ điểm” như thế nên nó đã chột dạ. Tôi bèn mở miệng dẫn giọng bằng một câu: “Mày là thằng thiếu úy cảnh sát Hai đó hả?”. Nghe đến đó nó sợ hết hồn, mặt xanh như tàu lá, còn mấy đứa con cũng phát hoảng chạy tuốt vào trong buồng. Nó lắp bắp nói: “Dạ, dạ tôi chỉ là cảnh sát giao thông thôi mà!”. Tôi lại bồi thêm một câu: “Mày là cảnh sát ác ôn chớ cảnh sát giao thông cái gì, mà lại còn có vợ bé vợ mọn, bỏ vợ bỏ con nữa!”. Nghe tôi nói trúng bók nó dợm bỏ giò chạy, tôi chồm tới tóm chặt cánh tay khiến nó càng hoảng hơn, run dữ. Lúc này tôi mới cười nói: “Tao là cậu Tám của vợ mày đây” và buông tay nó ra. Còn anh Ba Đẩu cũng khoái chí cười ha hả nên nó cũng kịp hoàn hồn nói: “Cậu làm con đứng tim, chút nữa là đá ra quần!”. Tôi nghe mà cười quá chừng. Còn anh Ba Đẩu lại nói thêm: “Bây giờ thì sướng chưa, thiếu úy Việt Nam cộng hòa lại có cậu vợ là cách mạng rồi còn gì nữa?”. Hai ba chục năm sau gặp lại nó, nhắc đến chuyện này hai cậu cháu cùng cười ngất.

Tôi cũng gặp lại tên Nam là trung đội trưởng quân Hòa Hảo, kẻ đã từng đánh ông già tôi trọng thương khi xưa. Đúng là trời xui đất khiến, thiện ác đão đầu, nhưng cũng phúc cho ba đời nó vì tôi biết tôn trọng chính sách, nếu không thì ít nhất cũng u đầu què cẳng!

Tôi cũng đến thăm chị Tám Châm là con của bác Ba Vện, từ Sài Gòn về cất nhà tại Cái Tôm trên đất cũ của bác Ba. Nói đến gia đình bác Ba Vện thì thấy cả một câu chuyện về vật đổi sao dời. Bác vốn giàu có là thế, ruộng đất cò bay thẳng cánh, tiếng tăm cả Cao Lãnh ai mà không biết, nhưng đến nay thì không còn gì hết. Lúc tôi trở về Cao Lãnh thì gia đình bác chỉ còn chị Tám Châm là con gái duy nhất, nhưng vì bị chồng bỏ bê gia đình, rồi chị còn bị ám ảnh về phần ruộng đất đã bị vượt khỏi tầm tay v.v... nên người càng già càng trở nên lú lẫn, quên trước quên sau, mãi cho đến khi qua đời cũng vẫn thế. Còn đứa cháu nội là đại tá Khuyến thì đi di tản rồi cũng bệnh chết ở Mỹ, hiện nay chỉ còn duy nhất đứa cháu nội gái tên Hạnh cũng đang ở bên Mỹ. Cho nên hôm nay về Cao Lãnh mà hỏi đến gia đình bác Ba Vện thì ít ai còn nhớ. Những lúc từ Mỹ về nước gặp lại chúng tôi, chị Tư Hoa thường so sánh gia đình chúng tôi với gia đình bác Ba Vện, cho rằng gia đình chúng tôi tuy lúc trước không có gì có thể so sánh được với gia đình bác Ba nhưng cuối cùng lại có phước hơn. Nguyên do tại đâu? Chị cho rằng do gia đình chúng tôi theo đạo Tin Lành nên được phước Chúa ban cho. Còn tôi thì hiểu rằng đó là quy luật phát triển của lịch sử, bởi có nhiều địa chủ ở Cao Lãnh như ông hai Hiến, ông Hội đồng Chín... ruộng đất còn nhiều hơn gấp bội, nhưng đều không để lại một ảnh hưởng gì trong xã hội. Còn gia đình chúng tôi thuộc tầng lớp nghèo, có ba anh em từng chịu đựng gian khổ đi theo cách mạng nên được xã hội đánh giá và đãi ngộ xứng đáng bởi có thành tích đóng góp trong giải phóng đất nước cũng như trách nhiệm phục vụ nhân dân sau này.

Tháng 7-1975 tôi lên Di Linh thăm chị Tư Hoa, nhà nằm trong xã Tân Lập, xa đường cái, trời mưa vừa rét mà đất cũng nhão nhoẹt, đi dính giày không chịu được. Chị sở hữu một trường tiểu học và một mảnh đất ngoài mặt tiền quốc lộ 20, trên đất có trồng cà phê và một gian nhà gỗ, tất cả đều bị bộ đội ta chiếm giữ với lý do là nhà vắng chủ bởi vì trước ngày giải phóng thì cả gia đình chị đều chạy vào Sài Gòn. Tôi đến gặp các đồng chí bộ đội vốn là lực lượng quân sự địa phương, bảo đó là nhà của chị ruột tôi, xin cho nhận lại. Có lẽ họ thấy tôi là bộ đội chính quy, mang quân hàm quân hiệu, trang bị súng ngắn, có giấy đi đường do bộ đội cấp, mà chị cũng không phải là chức sắc gì của chế độ cũ nên họ đồng ý trả lại nhà và đất ở, còn trường học thì không. Cũng nhờ chuyến đi đó mà chị có thể bán mảnh đất và nhà được mấy cây vàng, lấy vốn làm ăn khi cả gia đình chuyển về Sài Gòn. Lại còn một việc khác tôi cũng phải giúp khi chị về đến Sài Gòn là nhờ các đồng chí công an phường cho phép cả gia đình được nhập hộ khẩu, bởi tuy có nhà nhưng chị lại không có tờ khai gia đình ở thành phố. Tôi lại còn làm một việc hơi “liều” là thay chị đứng tên mua một căn nhà ở Tân Quy Đông để chị và các con được ra sống ở vùng ngoại ô, xa trung tâm thành phố.

Nhớ lại là vào khoảng đầu năm 1976 tôi có làm đơn bảo lãnh cho đứa em ruột là Chín Giáp và đứa cháu ruột tên Tuyên đều là sĩ quan Việt Nam cộng hòa đang học tập cải tạo. Có người chỉ trích tôi, nhưng tôi phản bác lại, cho rằng chẳng lẽ sĩ quan quân đội thì không có tình cảm và trách nhiệm với anh em trong gia đình hay sao, cho dù đó là sĩ quan của phía bên kia. Hơn nữa đây là một chủ trương của nhà nước, không dính dáng gì đến trách nhiệm phục vụ trong quân đội của tôi. Tôi còn nghĩ bụng nếu vì việc này mà người ta không còn tin tưởng tôi do “có liên quan”, quá nặng tình cảm gia đình, thì tôi sẽ ra ngoài tìm việc làm, không có gì phải đắn đo suy nghĩ. Ngày biết tin đứa em trai được ra trại, tôi ngồi xe Zeep của đơn vị lên tận trại cải tạo Cà Tum

ở Tây Ninh đón về mặc cho những lời xì xào của không ít người chung quanh về quan điểm “địch ta”. Có chuyện trục trặc nhưng kết thúc có hậu là khi tôi đến trại thì trời đã nhá nhem tối, họ lại chưa làm xong thủ tục, nhưng có lẽ vì cái quân hàm đại úy và chiếc xe Zeep mang biển số quân sự mà họ chiếu cố giải quyết ngay trong đêm và sáng sớm hôm sau đã có thể chở nó ra về. Nhớ hoài cái cảnh nó vào quán phở ở thị xã Tây Ninh ăn một lúc hai tô liền và bảo rằng chưa bao giờ ăn phở lại ngon như vậy! Sau đó trong chuyến di chuyển máy móc về đặt trạm sửa chữa máy cày tại Mỹ Quý tôi cũng cho nó thắp từng về tìm cơ hội làm ăn sinh sống. Rồi viên đại úy giáo viên Anh văn ấy của Trường sinh ngữ quân đội Việt Nam cộng hòa lại có cái nghề mới là lược hột vịt lộn, pha nước chanh giải khát đem ra bán cho thầy thợ và các khách hàng đến chữa máy, rồi sau đó đã trở lại nghề giáo viên sinh ngữ tại trường học Mỹ Quý. Nhưng sau này có người kể lại với tôi rằng mấy đứa con của nó có ý oán trách tôi là tại sao lại đưa cả gia đình chúng nó về ở nơi đồng quê cực khổ như vậy, tôi nghe mà buồn hết sức, bởi lúc đó nếu ở lại Sài Gòn thì cha con chúng nó có thể làm gì được ra tiền để mà sống?. Đúng là lòng người khó chiều!

Có một lần tôi đi trên chiếc xe tải GMC đến Cam Ranh để chở cát trắng về sử dụng cho máy phun cát của nhà máy. Thay vì đi theo Quốc lộ 1 thì tôi lại rẽ sang Quốc lộ 20, lên nhà chị Tư Hoa ở Di Linh chở một số đồ đạc do chị tặng, rồi đổ đèo Ngoạn Mục xuống Phan Rang. Xe đang chạy ngon trớn, đến lưng chừng đèo bỗng bị mất thắng, may mắn là cậu Trung tài xế kịp thời dùng thắng tay để hãm dần tốc độ và cứ tiếp tục từ từ đổ đèo bằng cần số và thắng tay. Xuống hết đèo dừng lại kiểm tra thì thấy đã vỡ một cúp pen thắng, dầu chảy giọt giọt theo đường. Hú hồn, bởi khi cho xe đổ đèo mà vỡ cúp pen thắng thì đúng là ông trời ổng còn thương nên mới không đâm đầu xuống vực.

Lại một chuyện không may nữa xảy ra khi đi trên chiếc xe

GMC ấy ra miền Bắc xin vật tư. Khi xe chạy gần đến Đông Hà, gặp một đoạn đường đang sửa chữa, một bên đổ đá lổn nhổn, bỗng có một cô gái chạy xe đạp hướng ngược lại, khi chạy đến ngang hông xe bỗng lật nghiêng té xuống đường vỡ đầu, máu chảy tuôn tuôn. Tài xế Trung lập tức dừng xe, nhảy xuống lấy băng cá nhân ra băng bó, nhưng vẫn không cầm được máu nên phải cho xe chở cô đến bệnh viện. Lúc đó công an đến lập biên bản, nhưng thấy lỗi không thuộc về chúng tôi nên đã miễn “trách nhiệm hình sự”. Trong chuyến về, con Diệp là vợ thằng Bữu nhờ chở hầu như là cả gia tài của nó về Sài Gòn. Trong đêm ngủ tại Di Linh, không biết có ai mật báo thế nào mà sáng ra có đám bộ đội địa phương lạ đến yêu cầu kiểm tra, bắt phải giở tất cả đồ đạc xuống, nhưng không phát hiện được gì họ mới chịu thôi. Sau khi họ khám xét xong, tình cờ giở tập album ra xem thì thấy ảnh thằng Bữu với bộ áo mũ sĩ quan không quân Việt Nam cộng hòa, tôi hết hồn, bởi nếu lúc kiểm tra mà họ nhìn thấy thì chắc là rắc rối lớn.

Một lần khác tôi đi công tác ra Hà Nội bằng xe con. Chuyến đi này cũng giống như một chuyến du lịch Nam Bắc bằng đường bộ, có dịp thành thơi để phát hiện những cảnh đẹp của đất nước suốt từ Nam ra Bắc. Chúng tôi muốn ăn ở đâu thì tổ chức nấu nướng tại chỗ với những loại hải sản tươi ngon nhất, còn mua cua biển ộp trong bẹ chuối giữ cho nó sống để ăn dần dọc đường. Gặp bãi biển nào đẹp thì dừng xe nhảy xuống tắm đến thỏa thích. Đến Hà Nội, nghe nói có số sĩ quan Việt Nam cộng hòa đang học tập cải tạo ở Yên Bái, tôi chạy xe đến nơi định thăm thằng Bữu là con chị Tư Hoa, phi công Việt Nam cộng hòa bị bắn rơi trong trận Đường 9 Nam Lào năm 1971, nhưng không tìm được. Chuyến trở về đến Quảng Bình thì gặp mưa to, vượt qua con suối cạn xe lại chết máy giữa chừng nhưng vì trời tối không chữa được đành ngồi co ro suốt đêm trên xe, không tài nào chợp mắt.

Trong một chuyến ra Hà Nội công tác khác, tôi lại cất công đi tìm thăm thằng Bữu một lần nữa. Đây là một chuyến đi khá

gian nan. 8 giờ tối tôi đưa xe đạp lên tàu hỏa đi đến 5 giờ sáng là đến Yên Bái, rồi bắt đầu đạp xe qua một vùng đồi núi không biết bao nhiêu cây số, đến giữa trưa lại phải đạp qua một cái đèo cao ngất. Đến đỉnh đèo vừa nóng lại vừa khát, tôi bụm tay hứng nước từ một khe nhỏ trong núi chảy ra, uống thật đã khát. Nhưng khi xuống đến chân đèo thì tôi bắt đầu bị đau bụng, có lẽ do uống nguồn nước bị nhiễm khuẩn. Tôi vẫn cố đạp đến 2-3 giờ chiều thì đến trại cải tạo. Bây giờ nghĩ lại tôi không thể hiểu bằng cách nào tôi có thể từ Yên Bái mà chỉ qua hỏi thăm đường đi lại có thể tìm đến trại giam của nó ở tận bên Sơn La với hành trình gần cả một ngày đường đèo núi? Tôi bèn trình giấy đi đường của đơn vị và xin được phép gặp thẳng Bữu, nhưng đề nghị với trại là đừng cho biết tôi là cậu ruột, mà nói là một phóng viên của báo Quân đội Nhân dân đến tìm hiểu về một tù binh có gia đình tham gia cách mạng. Sở dĩ tôi làm như vậy để nghe tiếng nói thật của nó đối với người bên ngoài rồi sau đó đối với người trong gia đình là như thế nào. Tôi cũng sẽ nói rõ với nó sự thật nhằm lẫn của du kích địa phương khi ném lựu đạn vào chiếc xe Zeep chở gia đình nó khiến cho một số thành viên trong gia đình bị thương để giải tỏa phần nào những thù oán của nó đối với cách mạng, điều đã khiến nó trở thành một phần tử ngoan cố cứng đầu đối với các quản giáo. Nó được phép ra nhà tiếp khách gặp tôi, nói chuyện rất lâu mà nó không hề nhận biết bởi khi tôi thoát ly gia đình thì nó chỉ được 3-4 tuổi. Mãi đến khi gần hết giờ cho phép tiếp xúc tôi mới nói thật thân phận của mình, nó hết sức mừng khi gặp được người cậu ruột mà nó từng nghe gia đình cho biết là đang ở miền Bắc. Sau đó nó cũng bộc bạch hơn về những ý nghĩ riêng tư, từ đó tôi có cơ sở để khuyên nhủ nó cố gắng cải tạo tốt. Thấy bộ râu xồm xoàm tôi tặng nó một bộ dao cạo râu hiệu Gillette chiến lợi phẩm mà tôi sử dụng trên chục năm, một vật dụng cũng rất quý giá đối với một tù binh đang bị giam giữ. Lần thứ hai ra Hà Nội tôi lại đi thăm nó ở trại Ba Sao nằm trong địa phận Phú Lý. Từ Hà Nội

tôi đi xe Honda đến cổng trại trên một quả đồi. Thời kỳ này thì các tù binh đã được chuyển giao cho ngành Công an quản lý, việc tiếp xúc với tù binh là không được phép nên tôi đành trở về Hà Nội sau một chuyến đi vô ích. Sau này khi được ra trại nó về sống ở TP. Hồ Chí Minh một thời gian thì xuất cảnh qua Mỹ theo diện H.O. Năm 2011 trong chuyến qua Mỹ tôi có đến gặp nó ở Texas sau hai giờ bay, đã tốt nghiệp tiến sĩ thần học và vẫn tỏ thái độ căm thù cộng sản thấu xương về gần 13 năm bị cầm tù. Tôi rất buồn là tại sao với tri thức của một tiến sĩ mà nó lại quên rằng cả ba người cậu ruột của nó, những người mà bà Mẹ đáng kính của nó hằng mến phục, những người đã từng thương yêu đùm bọc vợ con nó trong thời gian nó bị giam cầm, và cũng đã hết sức tận tình với nó khi đang còn bị giam cũng như sau khi ra trại cũng đều là cộng sản? Chẳng lẽ hàng ngàn hàng vạn người cộng sản đang lãnh đạo cái đất nước Việt Nam này chỉ có được 3 người cộng sản là tốt lành như thế sao? Lòng hận thù rất dễ làm cho người ta mất sáng suốt.

Ở nhà máy Z-755 được hai năm, tôi bắt đầu chán cái không khí làm việc trong quân đội thời bình, sáng tối cứ quanh quẩn mỗi một việc là cấp phát vật tư. Nhân một chuyến ra Hà Nội tôi lên Tổng Cục gặp các đồng chí lãnh đạo xin được chuyển ngành ra ngoài công tác. Cậu Tiểu là trợ lý cán bộ, và cả ông Thạch là chính ủy cũng khuyên tôi ở lại nhưng tôi nằn nì mãi với lý do là muốn trở về giúp ích cho quê hương nên cuối cùng rồi cũng được chấp thuận.

Sở dĩ tôi xin ra khỏi quân đội vì tôi nhập ngũ chỉ cốt để đánh giặc cứu nước, làm “traí thời loạn”, nay giặc đã đánh xong, đất nước đã được giải phóng, đã được hưởng “độc lập, tự do, hạnh phúc” mà cứ ở mãi trong quân đội thì quanh đi quẩn lại cũng vẫn một nghề “lính thời bình” thật chán chết, xin ra ngoài thì trời đất rộng thênh thang tha hồ mà hoạt động bay nhảy. Nhớ lại khi tôi đang công tác tại IMEXCO, trong một lần gặp tôi,

đồng chí Trung tướng Nguyễn Văn Tiên có nói một câu: “Cậu là người thức thời”. Câu nói này có nghĩa ông nhìn nhận việc tôi sớm xin chuyển ngành ra khỏi quân đội là hợp thời. Và chính những công việc tôi từng đảm nhận sau khi rời khỏi quân đội chứng tỏ đánh giá của ông không sai.

Ngày 10-10-1977 tôi nhận quyết định chuyển ngành, kết thúc cuộc đời binh nghiệp tròn trịa 27 năm, rời quân ngũ với biết bao cảm xúc hoài niệm!. Hai mươi bảy năm làm lính, có lúc trên trận tiền, có lúc ở hậu phương nhưng lúc nào tôi cũng là người lính chiến đấu, luôn sẵn sàng chấp nhận gian khổ hy sinh. Tôi có thể tự hào vì đã dành cả tuổi thanh xuân tươi đẹp cho quân đội để rồi có thể an nhiên rời khỏi quân đội đến một chân trời mới.

Tôi xin về làm việc tại tỉnh Đồng Tháp và được bố trí về Sở Công nghiệp chuẩn bị bổ sung vào ban lãnh đạo của Sở tương ứng với mức lương trong quân đội của tôi. Sở dĩ tôi xin chuyển về làm việc tại Đồng Tháp bởi hai lý do. Thứ nhất là vì tôi rất muốn chuyển ngành, mà nếu muốn ra công tác tại một cơ quan ở Sài Gòn để được gần gia đình thì phải có một cơ quan nhà nước đồng ý tiếp nhận, mà ở Sài Gòn thì tôi không quen biết với ai ở bất kỳ cơ quan nhà nước nào. Còn Đồng Tháp là quê hương, người ta lại nắm rất rõ lai lịch của gia đình tôi. Hơn nữa lúc đó anh Bảy Noãn lại là phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nên có tiếng nói của anh thì việc xin được tiếp nhận cũng khá dễ dàng. Mà được về Đồng Tháp cũng là mong muốn từng ôm ấp lâu nay của tôi được về phục vụ quê hương. Thứ đến là tôi nghe nói tỉnh Đồng Tháp có ý định thành lập trường trung cấp nghệ thuật, lúc đó tôi sẽ xin cho bà xã về phụ trách trường này, gia đình sẽ được sum họp.

Khi mới về công tác ở Đồng Tháp, tôi thường nghe bà con nông dân nói rằng ngại nhất là vào hợp tác xã, ruộng đất góp chung, đến giờ đánh kèng đồng loạt ra đồng, thà cứ để mạnh ai nấy làm, cuối mùa nhà nước bắt đóng thuế bao nhiêu cũng được.

Thế nhưng sau này bị “vận động” vào tập đoàn thì cũng na ná như vào hợp tác xã, cũng gom hết ruộng đất, cũng làm chung, rồi cuối mùa ăn chia chủ yếu theo ngày công lao động. Kết quả là Đồng Tháp Mười ruộng đất cò bay thẳng cánh mà vẫn thiếu gạo ăn phải độn củ mì, bo bo. Rồi cách thực hiện chính sách cũng làm cho người ta bất mãn. Có người nói rằng: “Thấy ký gạo thì bắt ký gạo, thấy con heo thì bắt con heo, còn thấy cây cầu hư sờ sờ trước mắt thì không ai bắt”. Có bà còn cay nghiệt hơn: “Hồi còn kháng chiến thì tao nuôi nấng che giấu tụi nó, còn bây giờ giặc mà có trở lại thì tụi nó có chui xuống lỗ nè tao cũng nấu nước sôi đổ cho nó trôi lên”. Dân khổ mà cán bộ nhà nước cũng khổ. Như anh Mười Nhẹ, đường đường một chủ tịch tỉnh mà phải hút thuốc bằng giấy lịch, bữa cơm cũng chỉ có mấy con cá húng hình, tôi phải qua bên Thương nghiệp xin từng ký đường để bồi dưỡng. Quả là xã hội đang bế tắc chưa thấy có lối ra!

Về đây thì cuộc sống vật chất khác xa cuộc sống tại Sài Gòn. Ở Sài Gòn, tôi sống trong một vi la rộng rãi, phòng ốc đàng hoàng, đầy đủ tiện nghi. Khi mới về Đồng Tháp thì sống trong khu tập thể, chỉ với một chiếc giường cá nhân, trên trải chiếu, thông thống với 9-10 cái giường khác, không một chiếc màn che. Có một lần đang ngủ trưa thì chú Chín Nam bất ngờ từ Sài Gòn xuống vào thẳng nơi tôi đang nằm, thấy cách tôi ăn ở như thế thì rất ngạc nhiên: “Tuồng ông xuống đây ngon lành lắm đấy chứ, ai dè lại ăn ở như thế này!”. Khi tôi đến công tác ở văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bố trí cho một phòng nhỏ, kê một chiếc giường và đặt một cái bàn, làm phòng ngủ kiêm phòng làm việc. Có một lần chị Tư Hoa đến thăm, nhìn vào bữa ăn của tôi chị cũng hơi ôi với mấy con cá con kho mặn của bếp tập thể. Còn chuyện rượu chè bia bọt cà phê hủ tiếu thì chẳng bao giờ.

Lúc này cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam đang thời ác liệt. Theo yêu cầu của tỉnh đội, tôi đến tham gia sản xuất lựu đạn gài để bảo vệ đường biên, một việc làm không khó, bởi tôi vốn là

dân quân giới từng am hiểu kỹ thuật sản xuất lựu đạn. Tôi góp sức làm kim hòa và phần vỏ. Làm vỏ bằng sắt khá phức tạp mà năng suất lại kém, tôi bèn nảy ý lên Sài Gòn đặt đúc vỏ nhựa, mang về nhồi thuốc nổ và những mảnh kim loại, vừa giản đơn, vừa chịu được nước. Còn anh em bên quân giới tỉnh đội lại có sáng kiến lấy hạt nổ của đạn Colt-12 làm nụ xù, thuốc nổ TNT thì mua từ các quả bom không nổ của Mỹ. Như vậy là vật liệu và kỹ thuật sản xuất lựu đạn đã được giải quyết ngay tại chỗ, không phải cầu viện tới ngành quân giới cấp trên.

Trong việc làm lựu đạn lại có một chuyện nhớ đời. Số là để kiểm tra độ an toàn khi va chạm, tôi cho đào một cái hố như hố cá nhân, bỏ năm quả lựu đạn xuống dưới rồi giật dây cho nổ một quả để thử nghiệm. Nhưng điều mà tôi không hề lường trước là khi một quả vừa nổ thì sức ép không khí đã hất tung các quả khác lên khỏi hố. Hú vía! Bởi nếu thiếu an toàn chỉ cần một quả bị kích nổ thì coi như toi mạng là cái chắc!

Lại một chuyện khác cũng hết hồn. Khi dùng một cái máng sắt để thử nghiệm phóng đạn đại bác 130 ly, dự định cho rơi ở cự ly gần, nhưng do tính toán sai góc tà và quá liều thuốc phóng nên quả pháo đã bay vọt qua khóm nhà dân, và tiếng xé không khí đã khiến mọi người hoảng sợ la ó rân trời bởi người ta vẫn còn bị ám ảnh với tiếng hú đỏ của thời chiến tranh.

Việc sản xuất lựu đạn kể trên đã góp phần hiệu quả cho việc bảo vệ đường biên nên khi đồng chí Trung tướng Nguyễn Văn Tiên đến kiểm tra thì có lời khen và thưởng cho xưởng quân giới tỉnh đội một chiếc máy tiện.

Thời kỳ này ngành sản xuất công nghiệp ở Đồng Tháp còn èo uột, chỉ vắn vắn có xí nghiệp bột Bích Chi, xí nghiệp bánh phồng tôm Sa Giang và các lò đường mía thủ công ở các huyện, không có một xí nghiệp sản xuất cơ khí, kể cả việc thành lập xưởng cơ khí quốc doanh của tỉnh cũng rất ị ạch, mà một trong những nguyên nhân chủ yếu lại cũng giống như nhiều trường hợp xây

dụng công trình hiện nay là gặp khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng, chỉ có một đám mía nhỏ trước cửa nhà máy mà bà chủ đất cứ thưa lên thưa xuống, giải quyết mãi không xong.

Tôi làm việc tại Sở Công nghiệp được khoảng nửa năm thì được điều về làm Trưởng phòng Tổng hợp của Ủy ban nhân dân tỉnh. Có lẽ đây là dịp để tôi có thể sử dụng tương đối toàn diện những hiểu biết của mình. Điều thuận lợi nhất cho tôi là các đồng chí trong thường trực Ủy ban, nhất là đồng chí chủ tịch Nguyễn Xuân Trường, tức Mười Nhẹ, rất đề cao vai trò của Phòng Tổng hợp, xem đó là Ban tham mưu đáng tin cậy của UB với một nguyên tắc là tất cả những vấn đề mà các ban, ngành, sở trong tỉnh trình Ủy ban nhân dân giải quyết đều phải có ý kiến của Phòng Tổng hợp. Điều đó không có nghĩa là Phòng Tổng hợp có thẩm quyền cao hơn các Sở mà chỉ là có quyền tham mưu cho Ủy ban nhân dân trong từng vấn đề cụ thể, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân cân nhắc quyết định. Sở dĩ Phòng Tổng hợp có thể làm tròn chức trách bởi trong phòng có đủ những chuyên viên có năng lực là những kỹ sư, phó tiến sĩ am hiểu từng lãnh vực chuyên môn của tỉnh. Mặt khác, chúng tôi làm việc trên tinh thần phục vụ vô điều kiện, giải quyết kịp thời các đề nghị của bên dưới, không bao giờ “ngâm”, bắt người ta phải chờ đợi để làm nhờ việc. Do đó mà Phòng Tổng hợp đã nhận được sự tin cậy từ hai phía: bên dưới là các ban, ngành, sở và cấp trên là Ủy ban nhân dân tỉnh.

Từ công việc đơn điệu là cấp phát vật tư trong một nhà máy, chuyển sang một vị trí công tác đa dạng về công việc và khẩn trương về thời gian nên cảm thấy thích thú hơn. Bận rộn nhất là thời gian chuẩn bị cuộc họp định kỳ hằng tháng, hằng quý của Ủy ban nhân dân, của Hội đồng Nhân dân tỉnh, cả bộ máy chuyên viên và nhân viên đánh máy in ấn đều làm việc hết công suất, có khi thâu đêm suốt sáng để kịp cho hội nghị. Bây giờ ngồi bên bàn vi tính để viết hồi ký, nhớ lại khi xưa công tác viết

lách, in ấn báo cáo nó cực biết nhường nào. Viết bản thảo thì gạch lên gạch xuống, xóa đi xóa lại, đánh máy xong lại phải cắt dán tùm lum giống như cái áo vá. Sau đó lại phải đánh máy trên giấy sáp rồi mới in roneo ra hàng trăm bản đủ phục vụ hội nghị. Còn bây giờ ư, tất cả đều được giải quyết trên một chiếc máy vi tính, máy in và máy photocopy, muốn bao nhiêu bản cũng có, không cần một tờ giấy nháp, tay chân sạch trơn.

Anh Mười Nhẹ cũng rất thích tôi viết diễn văn trong các buổi lễ, các báo cáo trong các cuộc họp. Trước khi bắt tay vào viết tôi thường hỏi anh cần đề cập đến những vấn đề gì, mục đích cần nhắm tới, thế là tôi hoàn toàn có thể yên chí mà triển khai, không bao giờ bị lạc đề. Có nhiều lúc tôi hỏi anh cần viết bao nhiêu trang thì anh thường bảo là ông viết bao nhiêu thì tôi đọc bấy nhiêu, điều này tôi rất thích bởi không bao giờ bị gò bó khó diễn đạt hết ý tứ. Dĩ nhiên để có được sự tin cậy thì bản thân tôi cũng phải cố gắng làm giàu về kiến thức và trau dồi cách hành văn. Cũng nhờ quá trình làm việc ở Đồng Tháp mà sau này khi về làm việc ở Văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, việc viết lách tổng hợp làm báo cáo chuyên đề hoặc định kỳ cho cấp ủy chưa lần nào bị “phá sản”.

Tôi cũng đã nhiều lần tháp tùng để phục vụ chủ tịch tỉnh trong các chuyến đi công tác xuống huyện, xuống xã, và những chuyến đi như thế đã giúp tôi nắm bắt thực tế ở cơ sở, từ đó tổng hợp đúc kết tình hình phục vụ công tác chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Có một chuyến công tác rất thú vị khiến tôi nhớ mãi, đó là chuyến đi sâu vào vùng rốn Đồng Tháp Mười điều tra thực địa, phục vụ cho công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Từ Sa Đéc, cả đoàn đi tắc ráng vào tận các vùng sâu. Vì lúc ấy là mùa nước nổi nên thuyền có thể chạy vào những nơi sâu nhất của Đồng Tháp Mười, đi qua những cánh đồng sen hoa nở đỏ rực, những lung hoa súng lá nổi bập bềnh trên mặt nước, xen kẽ đủ

loại bông hoa nho nhỏ nhiều màu nhiều sắc trông rất vui mắt. Chống xuống đi vào những lung hoa súng thì nghe tiếng khua lộp cộp dưới lườn vì liên tục cán lên đám ốc bươu, ốc lác đang bám bên dưới các lá súng. Nhưng cũng không ai thiết vớt lên luộc ăn bởi cá tôm thì vô số, sá gì các loại “bần hàn” ấy, nhưng cũng không ai ngờ rằng ngày nay chúng lại trở thành những món ăn đặc sản đắt giá. Chiều hôm ấy nhìn ra sau nhà thấy một chú gà nước đang đi trên đám rong, tôi xách khẩu thể thao bắn một phát chết tốt, đem vào vật lòng nướng ăn dòn tan ngon lành.

Trong chuyến thị sát này được ăn một số đặc sản như rắn bông súng hầm đậu phộng, cá chạch lấu nướng ăn kèm củ hủ dừa và đặc biệt là món tôm càng nướng. Nhân đây cũng xin truyền đạt với mọi người một kinh nghiệm “xương máu” là khi bước vào mâm chó có a thần phù “quất” món tôm càng, lại còn xoi cả đầu thì mồm miệng sẽ ngán trân, mang thêm bao nhiêu món ngon vật lạ khác cũng chỉ có ngồi đó mà nhìn, tiếc thế nào cũng là quá muộn!

Chuyến đi này của đồng chí chủ tịch chính là để thực hiện ước muốn hằng ôm ấp bấy lâu mà ông thường nói cho mọi người nghe, đó là phải khai thác hết khả năng sản xuất lúa gạo của Đồng Tháp Mười, nhưng đồng thời phải bảo tồn cho bằng được vùng sinh thái đa dạng, điều mà ông rất thích thú. Bên cạnh một Đồng Tháp Mười giàu lúa gạo phải xây dựng cho bằng được một Đồng Tháp Mười thu nhỏ với hệ sinh thái đa dạng, những cây con đa dạng, những vùng đất đa dạng, còn giữ được các lung, bung, trấp mà bên trên là hoa sen hoa súng, bên dưới là nơi sinh sôi nảy nở của các loại tôm, cua, rùa rắn... và ông đã lấy đó làm cơ sở cho việc quy hoạch vùng sâu Đồng Tháp Mười. Đến nay thì ước muốn của ông đã thành hiện thực, toàn bộ diện tích đất đã được khai thác với những cánh đồng lúa hai vụ ba vụ, với những vùng sinh thái đã trở thành những khu bảo tồn thiên nhiên như Gáo Giồng, Tràm Chim, trong đó khu Tràm Chim được công nhận là khu sinh quyển thế giới với loài chim đặc biệt quý hiếm

là hạc đầu đỏ. Và cũng thật bất ngờ đối với tôi là vào năm rồi, khi vào tham quan khu Tràm Chim tôi lại được biết rằng theo đường thủy đi vào Tràm Chim có một con kinh đào lấy tên là Kinh Mười Nhẹ, ghi nhớ công lao đóng góp của ông cho quê hương Tháp Mười. Cũng xin nói thêm tên là Mười Nhẹ nhưng ông lại không nhẹ tí nào mà rất to lớn dềnh dàng nặng ký. Cái tên “Nhẹ” cũng nhằm nghi trang đánh lừa kẻ địch trong thời kỳ chiến tranh, bởi muốn tìm ông mà chỉ nhắm vào những người nhẹ ký thì vô phương tìm. Cũng giống câu chuyện vui về ông Tư Ốm ở Ban Kinh tài Khu 8, khi có anh giao liên nghe được phân công phò tá ông đi đường thì mừng hết lớn, nào dè khi gặp mặt thì hời ôi, ông “Ốm” gì mà nặng trên trăm ký!

Năm 1978 các tỉnh miền Trung Nam bộ đều bị trận lụt lớn hiếm thấy. Chợ Cao Lãnh nước ngập quá lưng quần, tắc ráng chạy thoải mái trên các đường phố. Cơ quan văn phòng Huyện ủy cũng bị ngập, đến nơi thấy bí thư Hồng Nhân ngồi chồm hổm trên cái ghế đầu ngập trong nước giống y như khi dòm nhà. Vào vùng sâu thấy nước trắng đồng, nhà cửa ngập đến mái, chó cũng trèo lên nóc nhà mà ngồi. Đến nhà hộ sinh Mỹ An thấy mấy mẹ con của vợ thằng Bữu ngồi chồm hổm trên chiếc giường kê cao trên một chiếc giường khác. Chạy tắc ráng về tới nhà Tư Lộc trên bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp thấy nước ngập lé đế sà nhà, tắc ráng có thể chạy vào tận cửa.

Năm ấy các tỉnh Trung Nam bộ mất mùa nặng, cán bộ và nhân dân đều thiếu đói phải ăn độn củ mì hoặc bo bo. Lúc đó ông Võ Văn Kiệt triệu tập chủ tịch và bí thư các tỉnh về họp ở Cà Mau, tỉnh năm đó trúng mùa. Trong cuộc họp, trước mặt ông Bảy Máu là Bộ trưởng Bộ Lương thực ông tuyên bố: “Trước tình hình thiếu đói của các tỉnh miền Trung, tôi đồng ý để các đồng chí tự điều hòa lương thực với nhau, và tôi chịu trách nhiệm trước Trung ương về việc này”. Được dự cuộc họp hôm ấy tôi thật bất ngờ thấy một đồng chí vì quyền lợi của nhân dân, dám làm và

dám chịu trách nhiệm trước một việc “động trời”, bởi lúc ấy quản lý lương thực rất nghiêm, chưa có lệnh của Trung ương thì không được để một hạt lúa ra khỏi tỉnh. Được biết lúc đó ông vẫn còn là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, tôi nghĩ bụng nếu ông này ham ngoi lên chức ủy viên chính thức thì đổ có dám làm như thế, nên rất miễn phục ông. Và sau này khi tôi về làm việc dưới quyền của ông tại TP. Hồ Chí Minh, một lần nữa tôi lại thấy ông luôn quan tâm đến đời sống và sản xuất của nhân dân các tỉnh của Đồng Tháp Mười khi ông lại triệu tập chủ tịch và bí thư các tỉnh lên bàn việc quy hoạch và khai thác vùng đất phì nhiêu rộng lớn này.

Sau ngày đất nước Campuchia vừa được giải phóng khỏi nạn diệt chủng, tôi được cử đi trong đoàn của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp lên thăm tỉnh Preyvang kết nghĩa. Khi tàu đang chạy trên sông Mê Kông khỏi biên giới Việt Nam độ vài chục cây số thì bị mắc cạn, xịch tới xịch lui một chỗ. Đây là trường hợp rất nguy hiểm bởi tàu nằm khá gần bờ, nếu bị bọn tàn quân Pol Pot phát hiện tặng cho một vài quả B-40 là coi tiêu trọn gói. Lúc này thì anh Tám Đô, phó giám đốc Sở Giao thông Vận tải là người phụ trách chuyến đi cũng quỳnh cả lên, vội vàng cùng một số anh em nữa nhảy ào xuống đẩy một lúc lâu mới ra khỏi chỗ mắc cạn.

Trong chuyến đi này thì điều đập vào mắt tôi trước tiên là sự tàn ác của Khmer Đỏ. Tại địa phận giáp giới với Việt Nam, trên một bãi đất rộng, thấy có rất nhiều chỗ đất bị lôm xống, mỗi chỗ như thế là một hố chôn người tập thể chỉ được phủ qua quít một lớp đất nên mưa xuống đất bị lún lộ rõ không sót một hố nào. Khi lên đến đất bạn tình cờ giờ một nắp cống thoát nước mưa bên cạnh nhà thì nhìn thấy có mấy cái sọ người.

Tôi đã phát hiện sự có mặt của cổ vấn Trung Quốc khi đến một khu nhà. Tại đó còn sót lại một số vật dụng, quần áo và một cây đàn Piano nhãn hiệu Trung Quốc, có lẽ vì nặng quá không chuyển đi kịp. Tôi tự đặt câu hỏi là họ đến đây để làm gì?

Tôi cũng nhìn thấy sức sống của cả một dân tộc. Chúng tôi lên Preyveng đúng vào những ngày Tết Chol Chnam Thmay, sự tàn sát giết chóc của bè lũ Khmer Đỏ là thế, nhưng vẫn nghe tiếng trống được làm bằng những chiếc thùng phuy đánh từng từng khắp nơi, có khi đánh suốt cả đêm. Họ quây quần vừa đánh trống vừa say sưa múa những điệu cổ truyền nói về những nhân vật truyền thuyết, tưởng chừng họ chưa hề trải qua những ngày tháng đầy ải giết chóc chỉ mới kết thúc ngày một ngày hai trước đây.

Tôi cũng phần nào đánh giá được mức độ sung túc của đất nước họ. Nơi đây tuy xa Biển Hồ vốn là vựa thủy sản khổng lồ của Campuchia, nhưng tôm cá thì khỏi phải nói. Anh em người địa phương chỉ dùng một miếng chài rách và chỉ cần đi không đến một tiếng đồng hồ thì tôm cá đã đầy khoang. Còn trên những cánh đồng sâu người ta chỉ dùng một dụng cụ như cái cù ngoéo quất liên tục xuống nước cũng bắt được khối cá. Chỉ có điều là họ không trồng trọt rau rác gì cả nên ăn cơm chỉ độc với món cá tôm thì ngán vô cùng.

Tỉnh Đồng Tháp là nơi có rất nhiều loại chim, cu, cò, cưung... những loài mà tôi đã mê săn bắt từ hồi còn bé. Khi còn ở miền Bắc chim chóc ít hơn nhưng tôi từng mê khẩu súng hơi mà tìm không ra, trở về Đồng Tháp thì càng ham muốn hơn bởi lúc nào cũng bị lũ chim chóc khiêu khích. Tôi nghĩ hay là tìm cách làm một khẩu súng hơi xem sao? Có thể ăn cắp mẫu khẩu Haenel Đức của anh Bảy Noãn nhưng bí ở chỗ không cách nào làm được cái nòng. Một hôm về Vĩnh Long gặp Hai Đăng là anh chồng con Mười Nhựt cho biết ở Mỹ ngoài loại súng cỡ 4,5mm còn có loại bắn đạn 5,56 mm, càng mạnh đạn hơn. Tôi chực nhớ súng M-16 của Mỹ cũng cùng cỡ đạn sao không lấy đó mà làm. Thế là tôi cày cục gần nửa năm trời theo cách người ta làm súng ở Cục Quân giới, sau đó còn đem lên Lục quân Công xưởng nhờ hun đen nên hoàn toàn giống một khẩu súng ngoại, mà uy lực còn mạnh hơn nhiều. Tôi đánh dấu VN-1 để xác định đây là

khẩu súng hơi đầu tiên sản xuất ở Việt Nam. Tôi rất khoái chí khi thấy không ai tin rằng đây là hàng “made in Việt Nam” và cứ một mực cho rằng đó là súng ngoại nhập. Với khẩu súng hơi này, có một đêm tôi cùng anh bạn đã góp phần “tàn sát” 238 con cu ngói trong một vườn xoài ở huyện Vũng Liêm, mang về đổ ra một đồng giữa nhà, nhổ lông mệt nghỉ. Đó là một “chiến tích” hiếm có, nhưng thuở đó chưa có cái vụ bảo vệ môi trường môi sinh nên chẳng bị ai rầy rà!

Chung quanh thị xã Sa Đéc đến huyện Châu Thành, huyện Lấp Vò của tỉnh Đồng Tháp, hầu như tôi thuộc lòng các nơi chim sẻ về tập trung ngủ ban đêm, tôi thường bắn cả chục, cả trăm con về giao cho các anh em khác làm thịt rô ti ăn với bánh mì. Buồn cười là anh bạn tôi tên là Ba Bích cứ than tại sao nhìn lên cây bắn một lúc thì mỏi cổ chịu không nổi, còn tôi thì cứ tỉnh queo! Tôi bèn nói với anh ta rằng tuổi già, mắt mũi lem nhem, lại đi bắn vào ban đêm nên chuyện đó là tất nhiên. Còn tôi thì chỉ cần giữa rừng khe ngấm ra một tí là ngấm khỏe re, bắn suốt đêm cũng chẳng nhăm nhò gì. Anh bèn học theo cách tôi mà làm, từ đó không còn than vãn gì nữa.

Vào một buổi sáng chủ nhật tay Sáu Quang, trưởng Ban Bảo vệ sức khỏe đến mượn khẩu súng hơi đi bắn chim. Giữa trưa khi đang ngủ thì chuông điện thoại reo, có người ở đầu dây bên kia tự xưng là Tám Bé, tức là ông bí thư tỉnh ủy, hỏi có phải tôi là Tám Trảo không, rồi bảo mang toàn bộ hồ sơ vụ T.H. cho ông xem. Đang còn sập sừng, tôi nghe đúng như giọng nói của tay Sáu Quang, nên trả lời: “Tám Bé mẹ gì! Bắn được mấy con, muốn nhậu thì đem qua đây làm thịt nhậu”. Đầu dây bên kia lại nói tiếp: “Tôi là Tám Bé đây mà, đồng chí không nghe rõ sao?”. Tôi thầm nghĩ sao tay này lại tọc mạch ở đâu mà biết được câu chuyện ấy để đánh lừa mình nhỉ, bèn xẵng giọng: “Đ.m. thôi đi nghe! Tám Bé mẹ gì mà cứ lải nhải mãi, để cho người ta ngủ!”. Nói xong cắt điện thoại nằm xuống định ngủ tiếp. Chợt nghĩ,

chẳng lẽ thằng cha Sáu Quang mà lại biết được chuyện thâm cung bí sử đó? Rủi là bí thư thật thì sao? Tôi bèn ngồi dậy hỏi tổng đài thì được trả lời đó là bí thư tỉnh ủy. Tôi nghĩ bụng: “Chết cha rồi! Phải nói sao với ông đây?”. Tôi đành gọi lại nói rõ mọi tình tiết, thì may quá chỉ nghe phán một câu: “Hình như đồng chí đang say rượu thì phải?”. Mừng quá, tôi bảo liên lạc giao toàn bộ hồ sơ, và trong lần họp Tỉnh ủy sau đó tôi bết bết không dám chạm mặt.

Một hôm từ Sa Đéc tôi chạy xe Honda xuống Vĩnh Long thăm mấy mẹ con con Mười Nhựt, khi bước chân vào nhà thì thấy vắng tanh, đồ đạc dọn đi đâu mất hết, nhà trống hoác trống hoơ. Sang nhà Hai Đăng là anh chồng con Nhựt ở liền vách hỏi, anh ta nói quanh nói quẩn một hồi rồi nói thật là cả nhà đã đi vượt biên. Được tin này tôi buồn hết sức, té ra đứa em mà lâu nay mình thương yêu và thường xuyên chăm sóc lại bỏ trốn ra khỏi đất nước, bởi thời bấy giờ đây là một tội rất nặng. Sau này được biết chuyến thuyền vượt biên lần đó thì ngoài gia đình con Nhựt còn có gia đình của chị Tư Hoa và gia đình chú Sử, đều là bà con với nhau cả. Đặc biệt trong chuyến này họ còn móc nối được cho thằng Văn là chồng con Nhựt vốn là thiếu úy cảnh sát Việt Nam cộng hòa đang bị giam giữ cải tạo ở Bưng Xẩm trốn ra cùng đi. Nhưng khi tàu ra đến Bến Tre thì bị bộ đội Biên phòng phát hiện và bắt nhốt cả đám. Riêng thằng Văn là tội phạm trốn trại, nếu bị bắt trở lại thì chắc là tù một xương, nên đã thừa lúc chộn rộn tuột xuống nước bơi vào bờ trốn luôn. Thế nhưng họ chỉ bị giam giữ độ hai tháng thì tất cả đều được thả cho về nhà, riêng thằng Văn thì phải tiếp tục lẩn trốn. Một thời gian sau tôi gặp nó tại nhà chị Tư Hoa, qua hỏi han được biết nó phải trốn tránh hết nơi này đến nơi khác. Thấy thế thật tội nghiệp tôi bèn khuyên nó nên ra trình diện với chánh quyền, bởi nếu không thì sớm muộn rồi cũng bị bắt hoặc cũng tìm cách vượt biên nữa. Tôi bèn bàn với anh Bảy Noãn là nên nói chuyện này với bên công

an tình vốn là chỗ thân quen để nhờ sự giúp đỡ. Thế nhưng anh lại ngại nên tôi bảo cứ để việc này tôi lo. Tôi bèn đến gặp và trình bày mọi việc với giám đốc công an tỉnh Võ Thái Hòa, với lập luận hoặc là cho nó ra đầu thú để còn có thể theo sát quản lý nó bởi nó cũng là con em trong gia đình chứ không ai xa lạ, hoặc là để cho nó trốn chui trốn nhủi rồi làm bậy hoặc là lại vượt biên nữa. Và tôi còn nói rằng chỉ với điều kiện họ chấp nhận cho nó ra đầu thú và quản thúc tại gia thì tôi mới dẫn nó đến trình diện. Các anh bên công an cũng thấy cách đặt vấn đề của tôi là có lý nên đồng ý. Mấy hôm sau tôi bèn dẫn nó đến gặp và sự việc lại được giải quyết một cách hết sức đơn giản nhẹ nhàng, do đó mà nó cũng được trở về sống với gia đình, thoát khỏi cái cảnh trốn chui trốn nhủi. Buồn cười là khi ra về sau khi đã giải quyết xong sự việc, nó nói với tôi rằng: “Lúc mới gặp họ thì nó rất sợ, coi như mình đang mắc bệnh ung thư mà người ta giải quyết coi như bệnh ghê ngứa”. Và bản thân tôi cũng không ngờ rằng một việc vốn rất phức tạp như thế lại có thể được giải quyết một cách chóng vánh như vậy. Rồi việc đăng ký hộ khẩu cho cả gia đình nó cũng là một chuyện rắc rối. Ban đầu tôi đến nói chuyện và đặt vấn đề với người bạn thân của tôi là anh Ba Bích, đang công tác tại thị xã Sa Đéc. Nghe lai lịch là một thiếu úy cảnh sát Việt Nam cộng hòa trốn trại anh ta hoảng hồn xua tay lia lịa từ chối. Tôi bèn kể rõ đầu đuôi câu chuyện và trấn an rằng đã có sự đồng ý của giám đốc Công an Tỉnh thì anh mới dám nhận. Còn đến lượt công an Thị xã Sa Đéc đòi hộ khẩu gốc ở Vĩnh Long thì đào đâu ra mà có? Một lần nữa lại phải nhờ đến giám đốc Công an Tỉnh.

Nghe kể lại chuyện này có người hỏi tôi bộ không sợ liên lụy gì đến bản thân hay sao mà dám làm như vậy. Tôi trả lời rằng sự việc vốn là như thế, em mình thì nó đã là em mình, ai cũng biết chứ có phải giấu giếm gì đâu, mà đó lại là một cách giải quyết đúng với chính sách khoan hồng để mở rộng con đường

ngay thẳng cho người ta đi. Và tôi cũng không bao giờ sợ phải làm những việc như vậy bởi quan điểm của tôi là rất rõ ràng. Tôi quan niệm rằng những chuyện của gia đình cũng là một phần cuộc sống của bản thân, nó phải được trân trọng ngang bằng với những việc khác, miễn là nó không trái với lương tâm của mình, với tư cách vừa là một người trong gia đình, vừa là một cán bộ, một đảng viên, và tôi không bao giờ sợ cái danh từ “có liên quan”. Sau này tôi lại phải cho cả nhà nó tá túc mấy năm trời trong nhà tôi nằm trong khu tập thể của Thành ủy, an toàn vô song cho một đứa em rể có lai lịch như thế bởi có ai mà rờ đến khu vực này?

Năm 1978 thằng con trai của tôi lại muốn xung phong đi bộ đội đánh Pôn Pốt nhưng tôi không cho vì chưa đủ tuổi. Tôi rất nhớ chuyện thua kém và mặc cảm về trình độ văn hóa khi tôi vào làm việc ở Ngành Khảo huấn khi xưa, không muốn con mình lại gặp phải cảnh tương tự trong cuộc đời nên bảo cứ chờ đến 18 tuổi sẽ quyết định. Nhưng sau khi tốt nghiệp phổ thông, nó xin thi vào trường Đại học Mỹ thuật thì tôi đồng ý ngay bởi hai lý do. Một là thấy nó có năng khiếu, đã nhận được giải thưởng trong một cuộc triển lãm mỹ thuật của Thành phố, do bắt chước mẹ nó là nhà điêu khắc Phan Gia Hương đục đục đẽo đẽo trên khúc gỗ thành tác phẩm. Thứ nữa vì mỹ thuật là cái ngành mà mỗi người được chủ động và tự chịu trách nhiệm hoàn toàn với tác phẩm của mình, không ai làm sếp ai được, không phải như tôi từng chịu những thằng dốt chỉ huy, tức anh ách mà không thể cãi. Và tôi cũng nói nửa đùa nửa thật với nhiều người rằng cái nghề này không sợ chết đói, cùng lắm là ra đường mua bột nặn mấy con tò he bán cho đám con nít thì cũng kiếm được cơm!.

Tháng 5-1979 sinh cháu gái đặt tên Bạch Dương, cái tên mà tôi và vợ đã có nhiều bàn cãi nhưng cuối cùng tôi đành nghe theo, vì nó nhắc nhớ những hoài niệm của cô một thời học ở

Liên Xô. Sanh được mấy hôm cô xuống Đồng Tháp nghỉ dưỡng, ở ngay trong phòng làm việc có đặt một chiếc giường kiêm làm phòng ngủ của tôi. Cảnh ăn ở thế này khá bất tiện so với điều kiện của gia đình tôi tại Sài Gòn, vì mỗi khi ra vào đều phải đi qua các bàn làm việc của anh em chuyên viên, nhưng đâu có cách nào khác! Thuở ấy lương thực thực phẩm còn cung cấp theo tem phiếu nên rất khan hiếm, tôi phải ra chợ mua cá linh, mua thịt bò về kho hầm, và sáng sáng còn xách súng ra hàng cây trứng cá sau cơ quan bắn năm ba con chim chào mào về rô ti. Mấy lần cháu bé bị táo bón, phải tìm cọng rau trai hoặc gọt nhọn mảnh xà phòng để thông cho trơn. Còn mẹ thì bị viêm bầu sữa lại không thể uống kháng sinh nên phải chữa mẹo bằng cách bó 9 đọt ớt hiểm vào cổ tay, thế mà cũng có kết quả. Khi cháu bé được đầy tháng thì hai vợ chồng cùng đi nhờ xe của anh Ba Lê Hiếu là Phó chủ tịch tỉnh đưa cháu bé về Sài Gòn. Cũng rất thương và cảm ơn anh Ba là trong suốt ngày đi đường luôn ân cần quan tâm đến gia đình chúng tôi.

Hiện nay hai con chúng tôi đều đã có vợ có chồng, nghề nghiệp tạm ổn, nhưng không có đứa nào làm việc cho nhà nước, và cũng chưa có đứa nào là đảng viên. Bản thân tôi cũng rất mong chúng nó vào Đảng, nhưng theo lời chúng nói là không muốn đứng vào tổ chức vì ngại bị ràng buộc, ở ngoài Đảng cũng có thể làm một người tốt. Dù không đạt được điều mong muốn nhưng tôi vẫn tôn trọng lẽ sống của các con bởi nhận thấy chúng đều là những công dân chân chính làm ăn lương thiện, như thế là đã góp phần vào việc xây dựng đất nước, cũng tức là góp phần vào sự nghiệp chung của Đảng. Trước kia tôi đã đứng vào hàng ngũ của Đảng khi đang đối diện với họa mất nước, cả dân tộc đều cùng một ý chí chống ngoại xâm, yêu nước là tối thượng, lợi ích chung là kim chỉ nam cho mọi hành động, vinh quang của con người là được đứng vào đội ngũ Đảng tiên phong sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc, đó là triết lý của thời đại. Nay đất nước đã độc lập và



Gia đình nhỏ

đang bước vào nền kinh tế thị trường thì xuất phát điểm đã thay đổi, từ lợi ích riêng mà có được lợi ích chung, dân có giàu thì nước mới mạnh. Đó là lẽ sống thường tình đang được xã hội chấp nhận. Nhưng vẫn còn một lẽ sống cao đẹp hơn, đó là luôn làm đầu tàu và sẵn sàng hy sinh lợi ích riêng kể cả sinh mạng khi đất nước có yêu cầu, đó là lẽ sống của những người cộng sản, và tất nhiên tôi cũng mong muốn các con tôi tự giác đứng vào hàng ngũ đó....

Làm việc tại tỉnh Đồng Tháp gần ba năm thì tôi có ý định xin trở về công tác ở Sài Gòn bởi mấy lý do sau đây. Thứ nhất là việc sum họp vợ chồng ở Đồng Tháp coi như khó thành, bởi vợ tôi đã là hiệu trưởng của trường, không thể xin chuyển về tỉnh được, mà có về cũng không có đất dụng võ với nghề đạo diễn của cô. Thứ hai là tôi làm việc dưới trướng của anh Bảy Noãn, lắm lúc có vấn đề va chạm khi tiếp xúc với các ngành trong tỉnh cũng không thể nói đến rốt ráo theo cách nói thẳng thừng và lắm lúc cũng nóng nảy theo tính tình của mình, bởi ngại mọi người cho rằng tôi dựa hơi ông anh đang làm phó chủ tịch, nên nhiều lúc cũng bị ức chế và bị chạm lòng tự trọng. Khi đem chuyện đó tâm tình với anh Năm Hải là Trưởng ban Nội chính, anh bảo rằng nếu ngại thì anh sẽ nói hộ với các đồng chí lãnh đạo tỉnh. Tôi bảo chưa cần, khi nào tôi đã suy nghĩ chín chắn thì tự tôi sẽ đi nói với với các anh ấy. Một hôm gặp anh Mười Nhẹ tôi hỏi dò là nếu tôi muốn xin chuyển công tác về Sài Gòn thì anh thấy có được không. Không dè anh lại trả lời: “Đảng này đã thấy cái cảnh khó của ông rồi và cũng đang tính cho ông đây”. Rồi anh lại hỏi thêm: “Vậy chớ ông có tìm được mối nào ở Sài Gòn chưa?”. Tôi bèn trả lời rằng chưa, và nói rằng chỉ khi nào các anh đồng ý thì tôi mới đi tìm, bởi tính tôi không thích cách làm việc đã rồi, đi tìm chỗ lót ổ trước rồi mới nói với các cấp lãnh đạo sau.

Thế là việc tôi xin chuyển công tác về Sài Gòn đã được các anh ở tỉnh bật đèn xanh. Và trong đợt theo dự lớp học về quản lý

kinh tế ở Sài Gòn do chuyên gia Liên Xô giảng, tình cờ tôi ngồi cạnh anh Sáu Thơ là chuyên viên của Văn phòng Trung ương Đảng đặc trách theo dõi TP. Hồ Chí Minh, anh hứa sẽ nói chuyện với các đồng chí ở Văn phòng Thành ủy. Đến tháng 6-1980 tôi đã được chấp nhận và về làm chuyên viên ở Văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.

Tôi công tác tại văn phòng Thành ủy lần thứ nhất từ năm 1980 đến năm 1982, với nhiệm vụ là chuyên viên tổng hợp và lần thứ hai từ 1985 đến 1989 với chức vụ là Phó văn phòng phụ trách điều hành công việc của cấp ủy.

Ấn tượng sâu sắc đầu tiên của tôi khi mới về Văn phòng Thành ủy là hoạt động của anh Sáu Dân, tên thường gọi của Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt, trong những chuyến đi “tháo gỡ” cho các công ty, xí nghiệp đang phải tuân thủ những quy định về quản lý kinh tế của Trung ương, những quy định của nền sản xuất theo cơ chế bao cấp thời chiến tranh ở miền Bắc, những quy định đang trói tay trói chân mọi hoạt động kinh tế của miền Nam sau giải phóng, những quy định mà bằng một giác quan tự nhiên tôi đã nghĩ thầm trong bụng “thế này là chết”, bởi thấy hai miền Nam Bắc khác nhau rất xa về mọi mặt. Gọi là “tháo gỡ”, tức là loại bỏ những quy định không còn phù hợp, mà tháo gỡ cũng là việc “động trời”, bởi nó đụng đến quyền sinh quyền sát của các ban, bộ Trung ương. Điều này một lần nữa làm cho tôi thấy rõ anh là người dám làm những việc hữu ích cho đất nước và sẵn sàng chịu trách nhiệm đối với những việc làm của mình.

Trong quá trình tiến hành “tháo gỡ”, trước rất nhiều điều tiếng đã nghe, trong một cuộc họp của Thành ủy trên hội trường An Phú, anh đứng lên nói rõ: “Tôi đang làm bí thư, nếu thấy việc cần làm mà sợ không dám làm thì tốt nhất tôi nên từ chức bí thư đi!. Còn nếu tôi làm sai thì chính là do hiểu biết của tôi chưa tới, và tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc ấy”. Đúng là một con người dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm. Đó là điều

khiến tôi nể phục anh nhất. Một lần khác khi Anh đến nhà anh Bảy Noãn ăn bữa thịt chó do cậu Thành VINASUN tổ chức, tôi có hỏi anh một câu: “Anh có thể nói cho em út nghe anh có bí quyết gì mà trong cuộc đời anh có thể làm được những việc “bự” như thế”. Tôi hỏi anh một cách tự nhiên thoải mái bởi tôi từng làm việc dưới quyền của anh và đã coi anh như người anh của mình. Anh nhìn tôi chỉ một tích tắc rồi nói gọn gọn: “Không sợ mất ghế”. Câu trả lời này không làm tôi ngạc nhiên bởi từ lâu tôi đã có cảm nhận đó, chỉ có điều là chưa nghe anh nói thẳng ra mà thôi. Đúng là vì không sợ mất ghế nên cuộc đời anh đã làm được những việc thật “bự”, những việc “động trời” từ thời kháng chiến chống Mỹ cũng như trong thời xây dựng bình sau này, những việc rất xương xẩu từng bị nhiều người phê phán và chống đối quyết liệt.

Thuở ấy có nhiều nhân vật chớp bu ở Hà Nội từng tuyên bố rằng vừa bước xuống sân bay Tân Sơn Nhất đã ngửi thấy mùi tư bản chủ nghĩa, mùi xết lại. Trong cuộc họp Bộ Chính trị tại hội trường T-78 bàn về “Công tác của TP. Hồ Chí Minh”, với sự có mặt của các vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước như Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười,... rất nhiều vị bộ trưởng... đã đứng lên thẳng thừng lên án những “tội lỗi” của thành phố mà người gây ra là anh Sáu Dân, thậm chí có ông bực còn dùng những lời lẽ nặng nề nhất để chỉ trích. Tôi nhớ bữa đó chỉ duy nhất ông Đỗ Mười khi đứng lên phê phán thì có nói được một câu: “Ở đây trước hết cũng có trách nhiệm của Trung ương”. Sau này ông Nguyễn Văn Linh có phát biểu trong một cuộc họp của Thành ủy: “Tôi phải cúi gằm mặt xuống mà nghe người ta phê phán”. Nhưng dù có phê phán gì thì phê phán, lý luận của Marx về “Quan hệ sản xuất phải phù hợp với lực lượng sản xuất” là không thể thay đổi. Quan hệ sản xuất lỗi thời thể hiện bằng những quy định quản lý kinh tế đang gò bó nền sản xuất cuối cùng cũng bị những tư tưởng tiến bộ trong Đại hội VI của Đảng phủ định và thay thế bằng một nghị quyết “Đổi Mới”.

Đại hội VI, được mang danh là Đại hội đổi mới, và ông Linh được bầu làm Tổng Bí thư nên rất nhiều người cho rằng công lao đổi mới là của ông Linh. Nhưng không ai có thể bỏ qua công khai sơn phá thạch của ông Kiệt, bởi nếu không có những đột phá “tháo gỡ” cơ chế bao cấp, mà đó cũng chính là đổi mới, và đưa đầu chịu báng của Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt từ đầu năm 1980 thì lấy đâu ra thực tiễn để đúc kết thành lý luận đổi mới? Còn có ai đó cho rằng mình là người đã đứng ra tổ chức được một nhóm trí thức tại chỗ làm tham mưu cho ông Kiệt để ra chính sách đổi mới thì tôi cũng cho rằng không đúng, bởi tôi biết đó là sản phẩm tư duy của chính ông, một người thông minh và nhạy bén, lại là một người cầu thị, luôn biết cách tham khảo ý kiến của nhiều người trong giới trí thức, có khi là một nhóm và cũng có khi chỉ là của một cá nhân. Riêng bản thân tôi thì tuy làm việc gần ông nhưng không có kế gì để mà hiến, chỉ được cái là hưởng ân huệ từ công lao tháo gỡ, đổi mới của ông, nó đã từng bước giúp thoát khỏi cái cảnh “thịt nửa cân, đường nửa ký”, thoát khỏi cái cảnh quanh năm suốt tháng lúc nào cũng phải ngửi mùi phân gà, phân lợn.

Sau khi ông Sáu Dân được điều về Trung ương thì ông Nguyễn Văn Linh về thay chức bí thư. Ông rất nghiêm khắc với mọi người và có lẽ những hoạt động trong thời kháng chiến chống Mỹ đã khiến ông có được cái uy trong thời làm bí thư ở đây.

Một bí thư khác mà tôi thích là anh Võ Trần Chí, một con người rất chân thật, không cầu kỳ, nhưng rất sắc bén, lại quá hiền.

Sáng kiến xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình thương tình nghĩa nay đã trở thành một chủ trương lớn đầy tính nhân văn của cả nước Việt Nam, chưa chắc ai cũng biết xuất xứ. Chính từ thực tiễn của huyện Củ Chi khi Võ Văn Cương còn làm bí thư, Anh là người đầu tiên đúc kết và đề xuất với Thường vụ cho làm thử sau đó mới áp dụng đại trà trong thành phố. Và rồi tiếng lành đồn xa, đã từng bước lan ra trở thành một phong trào đầy ân nghĩa của nhiều địa phương khác trong cả nước.

Làm việc gần anh Võ Trần Chí một thời gian, tôi có cảm nhận Anh là một con người sắc sảo nên có một hôm tôi nói với anh Bảy Dự là phó bí thư thường trực Thành ủy: “Anh Hai Chí có nhiều ý kiến hay quá phải không anh Bảy?”. Anh bèn trả lời với tôi: “Mày không biết đâu, hồi làm bí thư tỉnh Long An thời kháng chiến, thằng đó nó bén lắm đó!”. Anh cũng cùng quê ở Long An, từng làm việc chung với anh Hai Chí và lớn tuổi hơn nên mới có cách nói năng xưng hô như vậy.

Anh Hai Chí là một người liêm khiết. Sau giờ làm việc về nhà là anh mặc quần đùi, nhảy vào quét dọn chuồng gà, cho gà ăn. Nhớ có một lần khi đồng chí Phạm Văn Đồng sắp đến nhà thăm thì anh em ở Văn phòng Thành ủy thông cảm mang dầu sả đến xịt khắp nơi cho đỡ hôi. Thường thì Tết đến người ta hay biếu món này món nọ, thì năm nào cũng như năm nào, vào chiều mồng ba tết Anh đều kêu tất cả anh em trong Văn phòng đến, có gì đều mang ra ăn cho bằng hết. Còn khi bên Ban Tài chính quản trị đề xuất sửa chữa nhà thì anh yêu cầu liệt kê từng mục một để anh xem xét, những việc không thật cần thiết thì không làm đỡ tốn kém tiền của nhà nước. Còn có việc này việc kia chưa được anh giải quyết rốt ráo, tôi nghĩ cũng chỉ là do anh quá tin và thương người.

Có một lần đi họp Trung ương về, nghe tin hành lang là anh được điều ra Trung ương công tác, tôi lân la gọi chuyện rồi hỏi: “Nghe nói anh sắp được điều ra Trung ương công tác phải không anh Hai?”. Anh trả lời tình bơ: “Ở ngoài đó đâu có thiếu người giặt quần!”. Tôi nghe trả lời mà cười muốn bể cái bụng.

Một lần khác tôi nói với anh: “Thành phố mình làm ăn khó quá phải không anh Hai, hễ hở ra một tí là bị bắt giò, hở ra một tí là bị bắt giò!”. Anh cười khà khà trả lời tôi: “Mà ông có thấy không, coi vậy mà cứ chạy vuột hoài!”. Chuyện nói vui mà thật.

Có một vấn đề mà tôi đoán chắc anh có nhiều lần trở nên đã yêu cầu tôi viết một bài với nội dung: “Tại sao Đảng là Đảng của

giai cấp công nhân lại chấp nhận để giai cấp tư sản có quyền bóc lột giai cấp công nhân?”. Tôi cũng thấy tâm đắc, viết một bài khá dài, nhưng anh xem thấy chưa ưng ý mà cũng không thấy anh nhắc lại nữa.

Vào khoảng những năm 1986-1987 ở thành phố nổi cộm hai vụ án kinh tế: vụ Triệu Bình Thiệt có dính dáng đến Tổng giám đốc Tổng công ty nhựa Lê Minh Tâm và vụ Trần Tỷ có dính dáng đến nguyên Giám đốc Công ty nông sản xuất khẩu Nguyễn Đắc Phú. Cả hai can phạm bên ngoài đều bị bỏ tù, còn hai giám đốc công ty được Thành ủy xem xét hướng xử lý kỷ luật.

Đưa vụ Lê Minh Tâm ra xét lại đúng vào thời gian Đại hội Đảng VI, đa số ủy viên Thường vụ đều ra Hà Nội họp nên trưởng Ban Kiểm tra Thành ủy Lê Công Trung đã đưa vụ Lê Minh Tâm ra bàn trong trong cuộc giao ban giữa các ban ngành. Đã 2 - 3 lần họp, các tội danh do tòa án đề xuất đều bị bác, và mỗi lần bị bác thì lần sau họ lại ghép vào một tội danh mới. Ngồi dự họp, tôi thấy thật vô lý, bởi đối với đảng viên mà muốn quy tội nào thì quy, đưa ra mức án nào thì đưa, tôi bèn tuyên bố rằng là người chịu trách nhiệm chuẩn bị các quyết định cho Thường vụ, tôi sẽ không bao giờ đưa nội dung này ra bàn khi chưa có mặt đầy đủ các ủy viên Thường vụ. Khi Bí thư Võ Trần Chí về, tôi báo cáo lại vụ việc và nói rằng tại sao khi xem xét kỷ luật đảng viên có chức vụ là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc lại không gọi người ta đến để tường trình, chỉ nghe duy nhất bên các ngành chức năng thì làm sao có thể khách quan được. Đồng chí Bí thư chấp nhận và từ đó về sau đã trở thành nếp.

Trong hai trường hợp nói trên thì Lê Minh Tâm tự thú là vì “ham vui” có nhận quà cáp đắt tiền của Triệu Bình Thiệt, còn Nguyễn Đắc Phú thì hoàn toàn vô tư. Chính cách xử trí đối với Nguyễn Đắc Phú thì mãi đến hôm nay, dù Phú đã chết nhưng tôi vẫn cảm thấy tâm tư, bởi theo đánh giá của tôi thì do Phú thấy bế tắc trong cung cách làm ăn theo kiểu cũ nên phải “phá rào”

để làm được việc, không chút riêng tư. Tôi nói không chút riêng tư vì khi khởi tố vụ việc, đích thân giám đốc Công an Thành phố là anh Sáu Ngọc đã đến chứng kiến việc khám nhà thì một đồng bạc cũng không thấy, rồi Phú còn phải mượn tiền của ông gác cổng để đóng tiền học cho con. Tuy sau đó theo kiến nghị của tôi, Ban Thường vụ có họp xét lại và thay đổi quyết định, thế nhưng lúc đó bên tòa án đã xử án treo, nên mặc nhiên là Phú phải bị khai trừ ra khỏi Đảng. Sau này khi Lê Hồng Liêm về làm chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, tôi có đề xuất nên xem xét lại việc này, nhưng anh này nói rằng vụ này đã cách mấy chục năm, xét lại phức tạp lắm nên cũng đành thôi. Nghĩ cũng tội cho Đắc Phú, vì lo cho việc chung mà bị oan sai, chức tước bị mất hết mà còn bị gia đình bên vợ coi khinh vì hiểu nhầm Phú là một con người nhảm nhí. Con đường đi theo cách mạng của Phú cũng thật là trớ trêu!

Tôi làm việc ở văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh qua ba đời bí thư: Võ Văn Kiệt, Nguyễn Văn Linh, Võ Trần Chí nên có nhiều hiểu biết về tư cách đạo đức của từng người. Tuy mỗi người đều có một tính cách riêng, nhưng điều mà tôi nhận thấy chung nhất là tinh thần tận tụy với nhiệm vụ và tính liêm khiết trong phẩm chất. Lúc ấy tôi cũng từng nghe lời ong tiếng ve về người này người kia, nhưng từ những điều mà tôi có thể kiểm chứng qua tiếp xúc hằng ngày với mỗi người thì thấy rằng những chuyện như vậy đều là thêu dệt. Cho nên nói gì thì nói tôi vẫn luôn tin tưởng phẩm chất tốt đẹp của các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng mà tôi từng có dịp làm việc cùng.

Còn đối với các đồng chí lãnh đạo hiện nay thì sao, trong lúc có bao nhiêu lời đánh giá không tốt không chỉ đối với một vài người, mà hầu như là đối với toàn bộ bộ máy lãnh đạo hiện hành, có những chuyện cụ thể nói ra y như là người ta đã nắm bắt toàn bộ sự việc. Chuyện tiêu cực tham nhũng của một số không ít cán bộ nhà nước, kể cả cấp cao, là điều không ai phủ

nhận, nhưng tôi tin rằng việc đó tùy thuộc vào từng con người cụ thể, không thể vơ đũa cả nắm. Và tôi cũng rất có kinh nghiệm đối với những lời đồn đại gièm pha hoặc do ác ý hoặc muốn tỏ ra mình hiểu biết hơn người.

Có những lần nghe người này người kia nói về “tội lỗi” của vị này vị kia trong bộ máy lãnh đạo của Đảng, tôi hỏi lại anh có chắc là điều anh biết là đúng không, nguồn tin ở đâu, anh có cơ sở để kiểm chứng không, thì tất cả đều chỉ nói được một câu chung nhất là nghe nói lại. Tôi thường nói với họ rằng cô như anh thì làm gì mà biết được những việc “thâm cung bí sử” mà nói như ta đây là biết hết. Thật đáng buồn cho những ai tự cho mình là người am hiểu tất cả mọi việc trên cái thế gian này!

Không phải tôi không có băn khoăn về những chuyện đó, nhưng tôi vẫn tin ở những con người được các tổ chức Đảng từ cơ sở trở lên chọn lọc, và với tình hình dân chủ trong Đảng cũng như trong xã hội hiện nay thì không thể có chuyện phe này phái nọ như lắm người thường nói. Nghị quyết 4 về chấn chỉnh công tác xây dựng Đảng càng củng cố lòng tin của tôi, bởi biết rằng nếu đa số là xấu thì khó lòng mà Tổng bí thư có thể đề xuất và thông qua một nghị quyết mang tính tích cực như thế, chưa nói đến chuyện những con người đề xuất ra nó rất có thể bị hạ bệ ngay trong lúc nó đang còn trong trứng nước.

Riêng bản thân tôi cũng thấy được đạo đức chí công vô tư của các đồng chí rất đáng làm cái gương mà cố gắng noi theo, và tất nhiên không phải chỉ có một mình tôi thấy điều đó. Thế nhưng tôi khá bất ngờ khi có một lần tôi trở lại Văn phòng thì nghe có người phát biểu một câu: “Cái vị trí đó của ông nếu như bây giờ là nhiều người thèm lắm đó!”. Trời đất! Và cũng như bao nhiêu lần khác tôi đã hỏi lại: “Có đúng như vậy không cha? Hay là cha đang đeo kính đen mà nhìn đời?”. Tôi chưa tin chắc rằng câu nói của người đó đã là trung thực, và tôi cũng mong là như thế.

Khi tôi làm việc ở Văn phòng Thành ủy thì còn thời bao cấp,

đời sống thật cơ cực, nên ai cũng cố gắng làm thêm cái gì đó để cải thiện bữa ăn, tôi cũng không ngoại lệ và bắt đầu từ việc nuôi heo. Tôi làm một cái chuồng sắt để cạnh nhà, mỗi ngày sau giờ làm việc thì thay quần đùi nhảy vào cho heo ăn, tắm táp và quét rửa dọn chuồng trại cho sạch sẽ, nếu không thì khó có thể chịu nổi mùi hôi thúi bay thốc vào nhà. Nhưng cũng phải nhờ sự giúp đỡ của các đơn vị sản xuất kinh doanh, ví dụ như heo con thì mua ở trại heo giống, cám thì mua ở Công ty lương thực của chị Ba Thi, bã rượu thì mua ở công ty rượu bia... giá cả mọi thứ đều rẻ hơn so với thị trường, nên có lãi nhiều hơn người khác. Sau đó lại chăn nuôi gà, cũng với phương thức tương tự.

Khi nền kinh tế có khá hơn, các công ty làm ăn có kết quả tốt hơn, thì đi mua đầu tôm, lòng lợn, đầu gà chân gà ở các công ty chế biến hàng xuất khẩu Cầu Tre, Đông lạnh I... trực thuộc IMEXCO về phân phối cho nhau.



Đội tennis của Văn phòng Thành ủy, người thứ tư hàng sau từ phải sang là ông Võ Văn Kiệt, người thứ sáu là tác giả.

Và thích nhất là những lần toàn Ban chấp hành họp đều được ăn tươi cải thiện, ngon hơn nữa là những lần đi theo anh Sáu Dân xuống các tỉnh được họ chiêu đãi lu bù. Còn trong các buổi họp có cho ăn trái cây thì tôi lấy phần của mình bỏ túi mang về cho đứa con gái nhỏ của tôi.

Cũng trong thời gian làm việc ở Thành ủy, từ mối quan hệ công tác dẫn đến một tình bạn vong niên với Trần Văn Tạo, nhỏ hơn tôi 10 tuổi, tình cảm đó đã trải qua mấy mươi năm không hề phai nhạt và chúng tôi đã xem nhau như anh em một nhà. Cô vợ là Chín Mai năm nào Tết nhất cũng mang quà biếu, kể cả khi Tư Tạo đã “lên chức” Phó giám đốc Công an Thành phố, rồi ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy. Ngược lại thì tôi chẳng có biếu xén gì cả, có lẽ ý thức mình là vai anh, nên con gái tôi thường nói đùa là chỉ có quan đút lót cho lính chó chẳng khi nào thấy lính lo gì cho quan cả.

Có lẽ cái số tôi ít được ngồi yên một chỗ nên trong một lần dự cuộc họp của Thành ủy, anh Tám Hồ, lúc đó đã nhận chức Chánh văn phòng, đến vỗ vai hỏi tôi: “Này, lúc này Tổng công ty xuất nhập khẩu thành phố đang khó quá, ông có dám về bên đó không?”. Quả là thời gian qua, trong nhiều cuộc họp của Thường vụ có nêu vấn đề củng cố IMEXCO bởi cũng có chuyện này chuyện nọ, có lúc nghe tôi cũng hơi nóng mũi nên khi nghe anh Tám Hồ hỏi thế tôi trả lời ngay: “Đâu có ngán”. Bởi anh rất hiểu tôi qua hơn một năm cùng công tác nên đã đề xuất với Thường vụ điều tôi về làm phó Tổng giám đốc của IMEXCO do anh Lữ Minh Châu làm Tổng giám đốc. Tôi phụ trách công tác tổ chức nhân sự và công tác huy động hàng hóa xuất khẩu, cả hai lĩnh vực đều hoàn toàn mới đối với tôi.

Trong những năm 1982-1985, IMEXCO không những là “anh cả đò” trong ngành xuất nhập khẩu, mà là một đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân được coi trọng vào bậc nhất nhì của thành phố, trụ sở đặt ở số 8 Nguyễn Huệ, cũng là tòa nhà 13 tầng cao

nhất thành phố thời bấy giờ. Nó là đơn vị duy nhất tạo ra nguồn ngoại tệ cho Ủy ban nhân dân thành phố, đáp ứng việc nhập khẩu các loại vật tư thiết bị phục vụ cho yêu cầu sản xuất của các xí nghiệp và thuốc men cho y tế của thành phố trong thời kỳ còn cấm vận.

Thuở ấy nguồn hàng xuất khẩu để thu ngoại tệ của IMEXCO chủ yếu là các mặt hàng nông, lâm, hải sản, mà thành phố đâu phải là một địa phương chuyên sản xuất nông nghiệp và đánh bắt cá tôm, nên hầu hết phải dựa vào sản vật của các tỉnh thành bạn. Mà muốn thu hút được một lượng hàng hóa xuất khẩu đủ cho kế hoạch kinh doanh của IMEXCO cũng không hề đơn giản chút nào trong thời kỳ còn cấm chợ ngăn sông. Bên cạnh đó còn có các đơn vị làm công tác xuất nhập khẩu của các ngành Trung ương cùng đóng trên địa bàn như Seaprodex của Bộ Thủy sản, Naforimex của Bộ Lâm nghiệp, Vegetexco và Généralimex của Bộ Thương nghiệp v.v... nên cuộc cạnh tranh để đạt chỉ tiêu doanh số của từng đơn vị cũng không hề kém phần gay gắt. Điều này buộc tôi là người được phân công phụ trách mảng huy động hàng xuất phải có sự nỗ lực cao độ và những biện pháp vừa quyết liệt vừa linh hoạt để hoàn thành cho bằng được chỉ tiêu xuất khẩu của IMEXCO trong tình trạng mặt ít ruỗi nhiễu. Cũng rất thuận lợi cho tôi là lúc ấy các đơn vị trực thuộc của IMEXCO như Xí nghiệp Đông lạnh I, Xí nghiệp Cầu Tre, Xí nghiệp Lông vũ và các công ty cung ứng hàng xuất khẩu các quận huyện hoạt động rất mạnh và rất có hiệu quả, và từng là đối thủ đáng gờm của các công ty xuất nhập khẩu khác trên địa bàn thành phố. Và theo tôi nhớ thì cũng do đó mà IMEXCO đã trở thành một đơn vị xuất nhập khẩu mạnh vào bậc nhất nhì so với các công ty xuất nhập khẩu có mặt trong thành phố thời bấy giờ.

Nhớ lại cung cách quản lý của nhà nước thời bấy giờ mới thật là vô lối, nhưng các ngành có quyền ban hành chính sách thì có ai mà tự giác từ bỏ quyền sinh quyền sát của mình?

Ngày nay ai có thể hình dung được khi ấy những người mang khô mực, tôm khô từ các tỉnh miền Trung vào thành phố bán toàn là những người chân voi bụng chửa? Bởi lúc ấy người ta bó những con khô mực vào đùi, vào bụng, rồi mặc bộ quần áo rộng thùng thình bên ngoài để qua mặt những trạm kiểm soát dọc đường, cho nên thấy bụng ai cũng bự và chân ai cũng to. Khi đến các trạm thu mua của thành phố, họ cởi lớp quần áo ngoài, xỏ hết hàng hóa giấu bên trong ra, xong trang điểm sơ qua mặt mũi là đã trở lại thành những kiều nữ, lắm cô cũng có khuôn mặt trái xoan, lưng ong thật đấy đẹp ra phết!.

Ngày nay có ai nghĩ rằng từng có lúc một số ngành chức năng của Thành phố Hồ Chí Minh lại luôn rình rập chung quanh, thậm chí có lúc còn bố trí lặn xuống các cầu tàu các xí nghiệp chế biến thủy sản của Seaprodex đóng trên địa bàn để bắt bó ngăn chặn không cho thương lái các tỉnh mang nguyên liệu về bán cho họ vì cho rằng như thế là vi phạm các quy định về quản lý thị trường.

Ngày nay ai có thể nghĩ rằng ở tận Huế, Đà Nẵng, người ta phải đưa từng con tôm, con mực vượt qua một quãng đường dài cả ngàn cây số đến TP. Hồ Chí Minh đăng chế biến rồi xuất khẩu qua các công ty xuất nhập khẩu của thành phố, bởi ở các địa phương ấy chưa có cơ sở chế biến, chưa được phép thành lập những công ty xuất nhập khẩu địa phương, và cũng không có các mối lái ở nước ngoài trong thời còn bị cấm vận.

Ngày nay có ai nghĩ rằng anh có tiền mặt nhưng khi đi mua hàng hóa ở các tỉnh thì cấm không được mang theo, mà chỉ được mang đến nộp cho ngân hàng tại TP. Hồ Chí Minh rồi nhận chi phiếu chuyển khoản, khi đến ngân hàng sở tại họ muốn phát ra bao nhiêu tiền mặt thì phát, có thì phát, không có thì thôi, chẳng ai có quyền đòi hỏi, mà chẳng lẽ anh đến trả “séc” cho nông dân để mua hàng hóa mà họ chịu bán? Trước cái quy định quái dị từng bó tay bó chân đó, tôi chủ trương “phá rào” cho các

xí nghiệp trực thuộc IMEXCO được mang tiền mặt đến các tỉnh thành khác thu mua nguyên liệu về sản xuất chế biến, tôi chịu trách nhiệm về chủ trương, còn việc đảm bảo tiền bạc không mất mát dọc đường là trách nhiệm của họ. Tôi thường nghĩ đối với cấp dưới vi phạm như thế có thể là chuyện tày đình, còn đối người ở cấp trên như tôi thì đó chỉ là một phần nhỏ trong bao nhiêu công việc làm của tôi, chẳng ai chỉ vì một việc đó mà cất cổ mình đâu mà sợ, quá lắm chỉ phê bình sơ sơ là cùng.

Cũng vì trách nhiệm được phân công tạo nguồn hàng xuất khẩu cho IMEXCO nên tôi phải thường xuyên cùng các đơn vị chân rết đi đến những tỉnh thành bạn, nơi có nguồn hàng để tổ chức thu mua, hợp tác trao đổi, mà những chuyến đi công tác ấy, một người một xe chẳng khác gì những chuyến đi du lịch đường dài. Lúc ấy tuổi còn trẻ, dù có ngồi xe liên tục hết ngày này sang ngày khác, hết tỉnh này sang tỉnh khác cũng chẳng ăn thua, lại có dịp nhìn ngắm cảnh vật dọc đường, có khi còn tranh thủ đến các danh lam thắng cảnh, các khu di tích để thưởng ngoạn. Trên xe có mang theo nồi niêu chén bát, gặp chỗ nào có tôm cá tươi thì mua lên nấu nướng, đi có mang theo súng ống, dọc đường gặp chim thì bắn, đến vùng rừng núi thì tổ chức đi săn ban đêm, đêm khuya về thì bật ghế nằm ngủ luôn trên xe, đến nơi còn được các đối tác cơm nước chiêu đãi.

Nhớ có một lần đi đến Tam Quan bỗng thấy mấy bà gánh cá từ bãi biển lên, gánh nào gánh nấy đều là cá nục tươi xanh thấy mà mê, tôi bèn mua mấy kí lô, sẵn có nồi đem luộc luôn, rồi khi đến Bồng Sơn ghé vào một quán cơm, kêu mấy đĩa rau ghém, vài chén tương ta, một đĩa bánh ướt, ăn cặp với cá tươi mới luộc sao mà nó ngon ơi là ngon, ngon tới bây giờ nhắc lại còn thèm.

Có lần đi với Tô Mạnh Thắng là Giám đốc công ty xuất nhập khẩu Phú Nhuận ra Huế, dọc đường thì hầu như gặp con chim cu nào tôi đều bắn rơi con đó, được mọi người trên xe khen là bắn còn giỏi hơn Các Lơ trong phim. Đến nơi đếm được hơn chục

con, vật lòng rô ti nhậu với bia say muốn chết. Hôm sau đến Huế còn được dẫn vào xem các lăng tẩm của triều đình, rồi ra phá Tam Giang xem các nò tôm lại được chiêu đãi món tôm luộc ề hề. Trong chuyến về chúng tôi rời Huế vào chập tối, định bụng sẽ nghỉ đêm tại Đà Nẵng. Khi xe vừa chạy đến đỉnh đèo Hải Vân, nhìn xuống Đà Nẵng thì chao ơi, tôi bị giật mình vì một cảnh tượng rực rỡ đang hiện ra trước mắt, muôn ngàn ánh điện nhấp nháy như muôn ngàn vì sao sáng rực rỡ chiếu rọi cả một vùng trời biển bao la, đẹp ơi là đẹp!. Sau này mỗi khi có dịp đi công tác ra Huế trở về, tôi thường chọn thời điểm thích hợp đến đỉnh đèo Hải Vân để lại được chiêm ngưỡng vẻ đẹp kỳ ảo ban đêm của Đà Nẵng từ đỉnh đèo Hải Vân nhìn xuống.

Những thú vui trong các chuyến đi công tác như thế nếu kể ra thì còn rất nhiều... Nay đã già, ngồi nhớ lại vẫn cảm thấy thích thú cho một thời xông xáo làm ăn, làm được bao nhiêu việc mà vẫn tung tung nhón nhơ như không, bởi có lẽ tôi cũng thích và chịu ảnh hưởng phong thái của ông Kiệt, làm ra làm chơi ra chơi. Thời nay trong khi lao động mưu sinh và nhịp sống lúc nào cũng khẩn trương căng thẳng, thì đổ ai không thích có được những ngày tháng làm việc “tài tử” như thế.

Cũng trong thời gian tôi làm việc ở IMEXCO thì vào khoảng 1984-1985 vợ tôi lại đi tu nghiệp một lần nữa tại Liên Xô, thời gian khoảng trên dưới một năm. Lúc này thì con gái Bạch Dương đã được 4-5 tuổi, còn gửi ở nhà trẻ Tuổi Thơ 12, Quận 3. Có những lúc tôi phải chở nó đến cơ quan nhờ mấy cô nhân viên phòng Hành chính trông nom, cho ăn uống. Nhớ lại các buổi tối tôi thường chở nó bằng xe đạp đi chơi chợ Sài Gòn. Nó thích nhất bong bóng cao su và trứng vịt lộn.

Tôi có đứa em bạn dì ruột tên Bảy Phán, vừa “chết hụt” trong vụ Trần Ty, lại được bố trí dưới quyền làm việc trực tiếp của tôi. Làm thì cũng được việc, nhưng có cái bệnh là ghiền rượu, thỉnh thoảng trong giờ làm việc ghiền quá, đến òn ỉ với tôi xin cho ra

ngoài làm vài ngum, tôi thương tình nên cũng gật đầu. Nhưng cậu ta lại là “trợ lý đắc lực” với vai trò là người “đỡ đần” cho tôi trong những buổi chiêu đãi nhậu nhẹt, chuyện xảy ra rất thường trong các chuyến đi làm ăn thời bấy giờ, bởi tôi không bao giờ uống nhiều rượu, cho dù có ai đó nói khích là người mặc “juýp”, mặc quần lãnh. Sau này cậu ta cũng chết vì rượu khi chạy xe đụng vào cột điện lúc đang chén choáng hơi men. Về chuyện nhậu nhẹt thì có một lần tôi thấy thật xấu hổ. Hôm đó tôi dẫn một số cán bộ trong đó có một chuyên viên của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh xuống làm việc với Công ty xuất nhập khẩu Đồng Tháp. Sau khi làm việc xong đến tiệc chiêu đãi, chủ khách đều chén choáng hơi men sinh ra cãi vả rồi chửi nhau tại trận, chửi thật to tiếng, nhục không chịu được. Tôi nghiệm rằng trên đời này không ai uống rượu mà nên người, nên lúc nào tôi cũng tự giữ mình và luôn khuyên dạy con cái nên tránh.

Trong khi tôi còn đang làm việc tại IMEXCO, thì vào một buổi chiều, trong khi cả gia đình tôi đang ngồi bệt dưới sàn nhà ăn cơm thì anh Chín Đào, trưởng Ban tổ chức Thành ủy đến, không biết nhằm mục đích gì, thấy cảnh như vậy anh cười khì khì nói năm ba câu chuyện rồi ra về. Một thời gian sau, tôi nhận được quyết định điều về đảm nhiệm chức vụ Phó Văn phòng Thành ủy, một vị trí công tác quan trọng hơn. Sau này nghĩ lại tôi đoán có lẽ anh muốn đến tận nhà kiểm tra đột xuất xem tôi sống có sang trọng không, nghĩa là tôi có liêm khiết không, bởi nhiều người cho rằng vị trí công tác của tôi lúc đó ở IMEXCO thật là béo bở. Riêng tôi thì không hề có cái cảm nhận đó bởi tôi đâu có kiếm chác gì ở cái vị trí đó, cũng như ở vị trí Phó Văn phòng Thành ủy sau này.

Tôi trở lại làm việc ở Văn phòng Thành ủy cho đến năm 1988 thì lại chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng và phát triển Khu chế xuất của Thành phố, mang theo ước muốn làm được một công trình cụ thể gì đó trước khi về hưu.

Khoảng đầu năm 1987, tức là một năm sau đổi mới, thành phố bắt đầu nghiên cứu các mô hình phát triển kinh tế của nước ngoài, trong đó có mô hình khu chế xuất mà một trong những nước là Đài Loan đã bắt tay xây dựng từ những thập niên 60, rất có kết quả. Xét thấy đây mà một hướng thu hút đầu tư mới nên con người vốn rất nhạy bén với cái mới là anh Võ Trần Chí đã quyết định xúc tiến việc xây dựng các khu chế xuất tại TP. Hồ Chí Minh, mà cũng là những khu chế xuất đầu tiên trong cả nước.

Việc đầu tiên là xác định địa điểm. Dích thân Anh đã tổ chức một chuyến khảo sát bằng đường sông từ cầu Đồng Nai đến cầu Sài Gòn mà tôi được tháp tùng, đi đến quyết định lấy khoảng 60 ha của Thủ Thiêm để thành lập KCX-I và khoảng 650 ha Thạnh Mỹ Lợi để thành lập KCX-II. Bổ nhiệm ông Võ Thành Công nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh làm giám đốc KCX-I, và ông Nguyễn Đức Hòa, một trí thức ngoài Đảng làm giám đốc KCX-II. Ban Thường vụ Thành ủy cũng chỉ định tôi làm Phó giám đốc KCX-II, tất nhiên với nhiệm vụ là làm nòng cốt về mặt Đảng ở đây. Tuy nhiên sau đó xét thấy Thủ Thiêm là vị trí đắc địa cho tương lai phát triển của thành phố, và cũng không nên thành lập 2 KCX cùng một lúc nên đã xóa KCX-I, thành lập một đơn vị thống nhất là KCX-Sài Gòn với tên gọi tắt là SEPZONE và sáp nhập 2 bộ máy lại làm một do Nguyễn Đức Hòa làm giám đốc.

Có hai cái khó: Một là khu Thạnh Mỹ Lợi có diện tích rất lớn, trên 650 ha, nhưng lại là một vùng đất thấp rất dễ bị ngập nước, các điều kiện hạ tầng trong nội khu và từ bên ngoài dẫn vào đều là con số không, điện cũng không, mà nước cũng không, con đường tiếp cận duy nhất là liên tỉnh lộ 25 lại rất hẹp... Muốn xây dựng được một cơ sở hạ tầng đồng bộ thì phải có một số vốn đến mấy chục triệu đô la. Hai là nói thành lập KCX nhưng chưa có một văn bản luật nào của Nhà nước chế định quyền lợi và nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài vào tham gia xây dựng.



Chuyến đi “ké” xí nghiệp Cầu Tre qua Đài Loan tìm tài liệu về Khu chế xuất (bên trái là tác giả, kế đến là các anh Ba Thái và Tiêu Đức ở xí nghiệp Cầu Tre.)

Trước tiên là chúng tôi phải xây dựng luật lệ về KCX để trình chính phủ ban hành, nhưng trong tay lại chưa có bất cứ tài liệu hướng dẫn nào. Tôi suy nghĩ chắc phen này phải “vào hang bắt cọp”, nghĩa là phải qua tận Đài Loan để tìm hiểu học hỏi. Nhưng đi một chuyến như thế phải tốn phí mà tình hình tiền bạc của công ty lại eo hẹp, nên tôi phải đi ké với đoàn của Xí nghiệp Cầu Tre vốn là công ty trực thuộc IMEXCO. Đi nước ngoài mà trong túi không có một đồng ngoại tệ, nên phải nhờ người em trai đang định cư ở Úc gửi về 1.000 USD dẫn túi.

Qua Đài Loan tôi phải đến Đài Trung, nhưng một thân một mình lại không được ai giới thiệu nên không tự tiếp cận được với KCX. Bất chợt tôi lại nhớ đến một tiến sĩ người Đài Loan đã từng qua Việt Nam và có đến tiếp xúc với công ty chúng tôi, vị tiến sĩ Đài Loan tốt bụng này đã cho tôi đến trú tạm và ngủ trong phòng, còn ông ta thì mang chăn gối ra ngoài ngủ trên sa lông phòng khách. Ông còn đích thân vào liên hệ KCX Đài Trung phò

tô các tài liệu KCX về trao tận tay tôi và nói rằng đây là món quà trả lễ vì đã được tôi ân cần tiếp đãi ở Sài Gòn, thật là một sự giúp đỡ quý báu ngoài mong đợi và cũng đúng là ở hiền gặp lành. Về nước tôi chỉ đạo các luật sư trong công ty soạn thảo “Quy chế khu chế xuất”, thông qua Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chờ mãi không thấy phúc đáp, tôi bèn ra Hà Nội đi thẳng đến nhà ông Võ Văn Kiệt ở đường Phan Đình Phùng. Gặp tôi ông hỏi đi đâu vậy, tôi trả lời là ra xin chữ ký của anh, ông hỏi chữ ký gì mà xin, tôi trả lời là chữ ký về “Quy chế khu chế xuất”, ông hỏi nó đang ở đâu, tôi trả lời là nó đang ở tại bộ phận chuyên viên của Văn phòng Chính phủ. Ông lại hỏi tôi khi nào về, tôi trả lời là khi nào Anh ký xong thì tôi về, ông bèn nói: Được rồi, ngày mai tôi sẽ vào xem”. Quả thật là hôm sau ông vào Văn phòng xem hồ sơ và ký duyệt nghị định số 322 của Chính phủ về việc ban hành quy chế KCX kèm theo bản Quy chế do chính chúng tôi soạn thảo. Khi ra đến sân bay tôi gặp Phan Chánh Dưỡng cùng về một chuyến, ông ta hỏi tôi đi đâu, tôi bèn kể lại câu chuyện xin chữ ký của ông Kiệt, về đến thành phố ông ta bèn nhanh tay đề nghị được chuyển Khu Công nghiệp Tân Thuận thành Khu chế xuất để được hưởng nhiều chế độ ưu đãi hơn. Về chuyện này thì Nguyễn Văn Huấn lúc đó là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh có phát biểu một câu “cốc mò cò ăn”, ý muốn nói là tôi lo làm quy chế khu chế xuất, để cho Phan Chánh Dưỡng hưởng lợi. Riêng tôi nghĩ thì Thành phố có cùng một lúc 2 khu chế xuất cũng là việc tốt, nhất là khi Khu Tân Thuận đã tìm được nhà đầu tư Đài Loan chịu hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng.

Đã có quy chế, đã có địa điểm, vấn đề còn lại là phải tìm nguồn vốn, ước tính khoảng 3 triệu USD để xây dựng cơ sở hạ tầng. Vào thời kỳ đó tìm được 3 triệu USD đâu có dễ, may mắn có anh Đăng Sơn là Phó giám đốc Sở Xây dựng lôi về được một công ty nước

ngoài là CITEC chịu hợp tác với chúng tôi xây dựng Khu chế xuất Linh Trung, với diện tích 60 ha, một địa điểm mà hai cán bộ của đơn vị chúng tôi là cô Thu và anh Hùng đã bỏ công sức chạy “lục soát” khắp nơi trên địa bàn thành phố trong một thời gian dài mới tìm được.

Là người chịu trách nhiệm soạn thảo hợp đồng liên doanh, nhưng tôi hoàn toàn chưa có kinh nghiệm, phải nhờ bộ phận theo dõi đầu tư nước ngoài của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh mượn văn bản hợp đồng liên doanh với Đài Loan xây dựng Khu Công nghiệp Tân Thuận để làm mẫu. Tôi thấy rằng với tỷ lệ góp vốn Đài Loan 7, Việt Nam 3, thì quyền quyết định hoàn toàn thuộc phía nước ngoài, nên tôi đề xuất chí ít cũng là tỷ lệ 50/50, nghĩ rằng với tỷ lệ đó nhất định bên Việt Nam sẽ có ưu thế hơn vì nó nằm trên đất nước ta. Hợp đồng đã được Chính phủ phê duyệt đúng vào ngày “thứ sáu-13” dương lịch, nên không ít người cho đó là ngày “xui”.

Khi bắt tay vào triển khai lại có trục trặc trong vấn đề góp vốn khiến liên doanh đã từng đứng bên bờ vực đổ vỡ. Đấu tranh mãi họ mới góp đủ, từ đó mới có điều kiện triển khai các công trình xây dựng trong khu chế xuất. Tuy khi mới được thành lập thì công ty liên doanh gặp nhiều trục trặc trở ngại, nhưng sau mấy năm hoạt động đã mang lại hiệu quả rõ rệt, phát triển thêm khu Linh Trung-II và Linh Trung III.

Riêng bản thân tôi thì sau khi công ty liên doanh hoạt động được một thời gian, thấy trong nội bộ có nhiều việc mà tôi không thích nên đã làm đơn lên Thường vụ Thành ủy xin về hưu, xin lần đầu không được, lần thứ hai tôi gửi kèm theo đơn lần trước. Tôi về hưu ở tuổi 62, cũng đã đạt được ước muốn làm được một công trình cụ thể trước khi về hưu... Và tôi cũng đã về hưu sống thanh thản theo cách người ta thường nói là như một anh nông dân cày xong thửa ruộng, áo vắt vai ra về, ăn một bữa cơm đạm bạc rồi lên giường ngủ ngáy khò khò, không chút ưu tư. Điều

này tôi hoàn toàn không phải nói cho văn hoa bởi sự thật là đã có hai lần Phó bí thư Thành ủy Võ Văn Cương bảo tôi viết cho đồng chí một bài nói rõ tại sao mà thấy tôi về hưu và sống thanh thản nhẹ nhàng như thế. Tôi đã trả lời rằng viết thì không viết, nhưng hỏi thì tôi nói. Mà lý lẽ của nó cũng chính là những điều tôi viết ra trong tập hồi ký này.

VĨ THANH

Gia cảnh cha mẹ tôi khi xưa có thể gói gọn bằng 4 câu trong bài thơ tôi viết gửi hương hồn cha mẹ:

*“Xót cảnh Mẹ Cha nghèo quá nghèo
Tháng ngày luống chịu cảnh gieo neo
Suốt đời trả mãi chưa hết nợ
Nhắm mắt xuôi tay nào thoát eo”.*

Thế nhưng hai ông bà đã hết sức cố gắng nuôi dạy chúng tôi, chỉ mong chúng tôi được nên vóc nên người, và những công sức ấy cuối cùng cũng đã đơm hoa trở quả.

Hai chị gái là những mục sư Tin Lành có uy tín trong đạo, trong đó chị Hai từng đi giảng đạo ở nhiều quốc gia trên thế giới, anh Ba là một nghệ sĩ sáng tác nổi tiếng từng giữ chức Phó Tổng thư ký Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, anh Năm từng là giáo viên kỹ thuật Trường Đại học Bách khoa Sài Gòn, anh Bảy từng là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách của Quốc hội, em thứ chín từng là giáo viên Anh văn trường Sinh ngữ Quân đội Sài Gòn.

Nguyên nhân các anh chị em chúng tôi đều khá thành công trong cuộc đời thì yếu tố quyết định đầu tiên là công lao của cha mẹ, kể đó mới nói đến ý chí phấn đấu bền bỉ của anh chị em chúng tôi với ước muốn được trở thành những con người có ích cho xã hội, trong đó tôi và anh Bảy Noãn lại có điều kiện thuận lợi là được Đảng ưu ái cho đi ăn học. Cũng không thể không nói đến cái phúc đức ăn ở hiền ở lành, cái gien thông minh di truyền của cha mẹ và cái tính cách



Từ trái sang: em thứ 10, anh Bảy Noãn, chị Hai Thuần, Ca Lê Hồng, tác giả.

thích khôi hài nghịch ngợm của tất cả anh chị em chúng tôi khiến cuộc sống lúc nào cũng tươi vui lạc quan yêu đời.

Về sức khỏe và tuổi thọ, trừ hai người mất khi còn nhỏ và một người anh đã hy sinh thì người nhỏ nhất hiện nay tuổi đã trên 70, người qua đời sớm nhất là anh Năm mất ở tuổi 75, thọ nhất là chị Hai qua đời ở tuổi 98, kể đến là chị Tư nay ở tuổi 95 vẫn có thể một mình qua lại từ Mỹ về Việt Nam, Malaysia, Indonesia nhiều lần trong một năm.

Nếu đem so sánh cuộc sống và vị trí xã hội hiện tại của anh chị em chúng tôi với cuộc đời của cha mẹ khi xưa thì thấy cả một trời một vực, nhưng “con hơn cha là nhà có phúc”, chắc nơi tuổi vàng cha mẹ chúng tôi đều rất thỏa lòng.

Tôi luôn ghi nhớ công lao trời biển của cha mẹ, đặc biệt là mẹ, người đã suốt đời chịu thương chịu khó vì chồng vì con, nhớ ơn Tổ quốc thân yêu đã giáo dục đào tạo tôi nên vóc nên người.

NGUYỄN LONG TRẢO

MỤC LỤC

Đôi lời muốn nói	5
Lời giới thiệu	7
 THANH XUÂN	 17
Từ Đồng Tháp Mười đến thành phố mang tên Bác	
 VÀO ĐỜI	 113
Lòng yêu nước vương tơ với quê hương Đồng Tháp	
 RA MIỀN BẮC VÀ ĐI TRUNG QUỐC.....	 213
Hành trình theo sứ mệnh con Hồng cháu Lạc	
 TRỞ VỀ VIỆT NAM	 247
Trai miền Nam trả ơn đồng bào đất Bắc	
 TRỞ VỀ MIỀN NAM.....	 341
Lá rụng về cội	
 Vĩ thanh	 409

KHI TỔ QUỐC GỌI TÊN MÌNH

NGUYỄN LONG TRẢO

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm bản thảo: NGUYỄN PHAN NAM AN

Biên tập và sửa bản in: HÀ AN HUY

Bìa: BÙI NAM

Trình bày: ĐỖ VĂN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanhhanoi@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Khổ:...cm x...cm, số:.../CXB/.../Tre

Quyết định xuất bản số.../QĐ-Tre, ngày... tháng... năm...

In... cuốn, tại Công ty...

Địa chỉ:...

In xong và nộp lưu chiểu tháng... năm...